NGUYỄN MẠNH BẢO

DỊCH KINH TÂN-KHẢO

QUYỂN II

Thượng-Kinh

(Từ quẻ Kiền đến quẻ Đồng-Nhân)

周易上經

CHÂU-DỊCH THƯỢNG-KINH

CỔ-KIM ẤN-QUÁN — SAIGON

MẬU-TUẤT 1958

Bản số hóa: Nguyễn Phú Hoàng

LỜI NÓI ĐẦU CỦA NGƯỜI SỐ HÓA

Quyển sách *Dịch-Kinh Tân-Khảo* của cụ Nguyễn Mạnh Bảo (Nhà xuất bản Cổ Kim Ấn Quán, Sài Gòn, Mậu-Tuất 1958) là một trong những công trình nghiên cứu đồ sộ nhất về Kinh Dịch viết bằng tiếng Việt trong thế kỷ XX.

Tiếp nối Quyển I (*Hà-Đồ và Lạc-Thư*), bản số hóa **Quyển II (*Thượng-Kinh*: từ quẻ Kiền đến quẻ Đồng-Nhân)** được thực hiện từ bản scan 626 trang (bao gồm phần *Dịch-Học Nội-Kinh Tựa* đánh số La Mã *i–xii* và phần chính văn từ trang 555 đến trang 1166), với mục đích lưu giữ và phục vụ nghiên cứu cá nhân. Toàn bộ quy trình gồm 4 bước:

1. **OCR** bằng Tesseract để trích xuất văn bản thô giữ cấu trúc dòng;
2. **Hiệu đính AI** đọc ảnh gốc kết hợp bản nháp OCR, sửa lỗi nhận diện;
3. **Vẽ TikZ & Cắt hình** tái tạo sắc nét các đồ hình Quẻ, Hào, Bát-quái phân-cung, Hộ-quái và cắt hình minh họa từ scan gốc;
4. **Biên dịch LaTeX** (XeLaTeX, khổ A5) để xuất bản PDF typeset.

Nguyên tắc vàng trong suốt quá trình là **"chép đúng nguyên xi"** những gì mắt nhìn thấy trên trang in 1958, kể cả những lỗi in rõ ràng của tác giả hay nhà xuất bản thời đó. Đúng sai về mặt học thuật là

việc của tác giả và thời đại 1958; người số hóa không can thiệp sửa đổi nội dung.

Về mặt kỹ thuật, sách được typeset bằng XeLaTeX với font Times New Roman cho phần chữ Việt và Noto Serif TC cho chữ Hán. Các tiêu đề Quẻ chữ Hán sắc đỏ, khung Thượng/Hạ quái, và toàn bộ 64 quẻ được vẽ bằng TikZ vector nên rõ nét ở mọi độ phân giải.

Nguyễn Phú Hoàng
Tháng 11 năm 2026

BẢNG ĐỐI CHIẾU CHÍNH TẢ CŨ VÀ NAY

Sách in năm 1958 tuân theo quy ước chính tả và phong cách trình bày của văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX. Dưới đây là một số điểm khác biệt đáng chú ý so với tiếng Việt hiện đại, giúp bạn đọc dễ dàng theo dõi nguyên bản.

1. Cách viết hợp danh từ Hán–Việt

Sách dùng **dấu gạch nối** giữa các tiết trong hợp danh của từ Hán–Việt, đồng thời **viết hoa mỗi tiết**. Đây là quy ước phổ biến trong văn bản học thuật xưa, nhằm phân định rõ ràng từng morpheme.

Cách viết 1958	Cách viết hiện nay
Dịch-Kinh	Dịch kinh
Vũ-trụ	Vũ trụ
Nguyên-tử	Nguyên tử
bát-quái	bát quái
Hà-Đồ	Hà Đồ
Lạc-Thư	Lạc Thư
Tiên-thiên	tiên thiên
Hậu-thiên	hậu thiên
Phục-Hi	Phục Hi
Văn-Vương	Văn Vương
Chu-Tử (Chu-Hi)	Chu Tử (Chu Hi)
Khổng-Tử	Khổng Tử
Tống-Nho	Tống Nho

2. Danh xưng các bộ phận sách

Cách viết 1958	Cách viết hiện nay
Tiết 1, Tiết 2…	Chương 1, Chương 2…
Phàm-lệ	Lời giải thích chung
Thi-vân	Thơ rằng / Thi Kinh rằng
Tự-tự	Lời tựa
Phát-đoạn	Lời mở đầu

3. Một số từ ngữ đặc thù

Cách viết 1958	Cách viết hiện nay	Diễn giải
Quẻ Biến	Quẻ biến	quẻ chiếm được qua biến hào
Quẻ không dịch	Quẻ không dịch	quẻ gốc khi bói
Quẻ phản dịch	Quẻ phản dịch	quẻ đảo ngược
Quan-niệm	Quan niệm	
Quan-Phái (Lạc-Phái, v.v.)	Quan phái (Lạc phái, v.v.)	

4. Về lỗi in nguyên bản

Một số lỗi chính tả hoặc lỗi in rõ ràng của bản in 1958 được **giữ nguyên** trong bản số hóa này, vì nguyên tắc "chép đúng nguyên xi". Bạn đọc có thể tự phân biệt qua ngữ cảnh. Ví dụ: "dáng" (đáng lẽ "giáng"), "thề" (đáng lẽ "thể"), hoặc một số chỗ dấu thanh sai vị trí do lỗi typographic.

5. Chữ Hán và chữ Nôm

Các đoạn trích dẫn kinh điển Hán văn được giữ nguyên chữ Hán phồn thể, kèm phiên âm Hán–Việt và dịch nghĩa. Một số chữ Hán hiếm (biến thể) dùng font dự phòng Microsoft JhengHei khi Noto Serif TC thiếu glyph.

Mục lục

Lời nói đầu người số hóa i

Bảng đối chiếu chính tả cũ ↔ nay iii

DỊCH 2

DỊCH-KINH TÂN-KHẢO 3

THƯỢNG KINH 4

DỊCH-HỌC NỘI-KINH TỰA 5
Xem các hào. Lệ-chung : 10
Ngôi thứ trong 6 hào. 10
Thế nào là được ngôi giữa hay là đạo Trung, Chính ? . . 11
Thế nào gọi là hưởng-ứng nhau ? 11
Thế nào gọi là Hộ-quái ? 11

THƯỢNG KINH 13
Châu-Dịch Thượng-Kinh 14

乾 KIỀN - 1 16
TÓM-TẮT 86
Kiền quái Tổng Luận. 86

坤 KHÔN - 2 89
Khôn Quái Tổng-Luận. 130

屯 THỦY LÔI CHUÂN - 3 132
Chuân quái Tổng-luận 152

蒙 SƠN THỦY MÔNG - 4 **153**
Mông Quái Tổng-Luận 176

需 THỦY THIÊN NHU - 5 **178**
Nhu Quái Tổng-Luận 197

訟 THIÊN THỦY TỤNG - 6 **198**
TỤNG QUÁI TỔNG-LUẬN 218

師 ĐỊA - THỦY SƯ - 7 **221**
TÓM-TẮT 250
SƯ QUÁI TỔNG-LUẬN 251

比 THỦY - ĐỊA TỶ - 8 **255**
Tỷ quái tổng-luận 275

小畜 PHONG - THIÊN TIỂU - SÚC - 9 **278**
Tiểu-súc quái tổng-luận 297

履 THIÊN - TRẠCH LÝ - 10 **299**
LÝ QUÁI TỔNG-LUẬN 317

泰 ĐỊA - THIÊN THÁI - 11 **319**
THÁI QUÁI TỔNG-LUẬN 342

否 THIÊN - ĐỊA BĨ - 12 **344**
BĨ QUÁI TỔNG-LUẬN 362

同人 THIÊN - HỎA ĐỒNG - NHÂN - 13 **364**
ĐỒNG-NHÂN QUÁI TỔNG-LUẬN 388
MỤC - LỤC 391
BẢNG ĐÍNH-CHÍNH 393

NGUYỄN-MẠNH-BẢO

DỊCH

易

ĐÔNG-PHƯƠNG TRIẾT-LÝ
QUYỂN II
QUYỂN II

DỊCH-KINH TÂN-KHẢO

上經

THƯỢNG KINH

MẬU-TUẤT 1958

DỊCH-HỌC NỘI-KINH TỰA

Quyển thứ nhất tôi đã giải rõ bằng hình vẽ và các lý-thuyết huyền và thực-học về Vũ-trụ-quan để so-sánh với quan-điểm của Hà-Đồ Lạc-Thư.

Hà Lạc là hai cái chìa-khóa thần-diệu để mở cửa tòa Lâu-đài huy-hoàng tối-cổ của Đạo Dịch, nhưng trước khi vào đến nội-kinh tôi xin đề-đạt ra đây những cách cần-thiết để các bạn có thể bước vào ngưỡng cửa Đạo Dịch không bỡ ngỡ.

Đọc xong quyển nhất các bạn ắt đã có một ý-thức rõ-rệt là Dịch-học tức là Âm-Dương-học hay là cái Học song-tiến âm dương (theo chữ pháp gọi là Principe de Parité hay de Dualité).

Nhân dịp nhắc lại cho rõ để các bạn đừng nhầm cái luật Song-tiến hiện-tại của các nhà Bác-học Âu-tây vì cái nguyên-tắc ấy đã bị đổ một cách thảm-thương sau sự phát-minh một nguyên-tắc mới của hai nhà Bác-học Trung-hoa. Vậy xin ngưng ở đây để nói cho rõ sự sai-lầm của các nhà Bác-học

đã từng được giải thưởng Nobel, đã từng được thế-giới tôn-sùng và đã từng sai lạc một cách thảm-thương.

Có báo nói đến tên hai nhà Bác-học là Tsong và Lee có báo lại nói là Yang và Lee. Vậy tôi xin đính-chính lại cho thật đúng cả họ và tên.

Theo báo Time ra ngày 28 tháng giêng 1957 nói là giáo-sư Tsung-Dao-Lee ở Columbia và Chen-Ning-Yang ở Princeton mới được giải-thưởng Nobel về sự phát-minh ở nhà máy thí-nghiệm nguyên-tử tại Columbia và ở National Bureau of standards bên Huê-Kỳ cho là khi nguyên-tử bị phóng-xạ, bắn ra **không đều** nhau. Như thế thì

cái thuyết song-tiến từ trước đến nay ắt sẽ bị bỏ rơi. Thuyết song-tiến của các nhà Bác-học Âu-tây là : The law of parity says that there should be no difference between 1 and 2 that can be detected by measurements along the direction x...y.
[Sơ đồ trục đứng: X ↑ — 1 — ↓ ... ↑ — 2 — ↓ Y]

Luật song-tiến là khi nguyên-tử bị phóng-xạ thì giữa hai khối 1 và 2 phải bắn ra đều nhau mà người ta có thể đo được theo đường x y.

Nghĩa là : khi nguyên-tử bị phóng-xạ theo luật trên, thì nó phải bắn ra trên dưới đều nhau theo đường x.y. Nhưng hiện-tại các nhà Bác-học nói trên đã thí-nghiệm thấy rằng : khi nguyên - tử bị phóng-xạ thì phân ra **không đều** nhau. Nhà nữ Bác-học Wu (Trung-hoa) cũng cho biết theo thí-nghiệm của Bà : Những âm-điện-tử (électrons) bắn ra không đều nhau theo 2 chiều. « The electrons were not shooting off equally in both directions » và lại cho rằng : Như thế ắt hại cho nguyên - tắc song-tiến và nêu cho ta một cảm-tưởng trong phạm-vi phản lại cái luật song-tiến. « This looked bad for parity and spirits rose high in the antiparity camp ».

Mà nếu bỏ luật song-tiến chung thì đời sẽ bế-tắc, Vũ-trụ sẽ tiêu-diệt.

Theo những tài-liệu trên ta có thể thấy rõ đạo-luật song-tiến bên Âu-Mỹ đã xây lên một nguyên-tắc thể-chất, thấy hình mới lập «Pháp». Và theo Triết-lý Á-đông thì «cái gì hữu-hình ắt hữu-hoại». Vậy những nguyên-tắc căn-bản của các Bác-học hiện kim đều xây trên những nền-tảng hình-thức, trông thấy sờ thấy (thấy rồi, nghiên-cứu rồi mới lập ra luật này, nguyên-tắc kia có nghĩa là đặt cày trước trâu). Vì lẽ ấy nay bỏ luật này mai đổi luật khác. Hôm qua một vị Bác-học mới được phần-thưởng

quốc-tế Nobel được đưa lên đài vinh-quang mà nay lại phế-bỏ đi. Như thế thì ra làm sao?

Ôi! bi-ổi thay! nay sửa sai, mai đổi mới, âu cũng chỉ là Dịch-lý thôi vậy.

Hóa cho nên con Người đã xây đắp một nền Văn-minh hay một

Lý-tưởng lên một nền-tảng vật-chất ắt phải tan-vỡ. Không như bao thuyết-lý cao-siêu của Á-đông mà muôn vạn năm cũng không thay-đổi. Như lý-thuyết Song-tiến âm-dương (Principe de Parité yin et yang) đặt trên nền-tảng âm-dương song-tiến theo Tạo-hóa thì nghìn đời chỉ di-dịch biến-hóa theo thiên hình vạn trạng mà cái Nguyên-lý bao giờ cũng bất-di bất-dịch. Vì lẽ ấy các Bác-học Âu-tây đã tìm kiếm những nguyên-lý ấy từ ở trên ngọn cây mà đi xuống rễ, không như bên Á-đông thì trái ngược lại xét gốc thì thấy cành thấy ngọn, nghìn vạn thứ không sai thác một mảy-may.

Rốt cuộc cái Văn-minh thể-chất đến tuyệt-đối lại trở về với cái Dịch-lý của Á-đông; hiện nay sự cân-đối âm-dương về siêu-linh thì dương 3, âm 2 đã được các nhà Bác-học thí-nghiệm thành phương-trình-thức, như mới đây nhà Bác-học Đức được giải-thưởng Nobel 1952 Werner Karl Heisenberg, dựa vào thuyết của hai nhà Bác-học

Trung-hoa Chen và Tsung mà lập ra nhiều phương-trình-thức về nguyên-tử-lực. Sau 48 giờ khi ông giải-thuyết ở công-trường nhà máy thí-nghiệm nguyên-tử gần Genève trước 50 nhà Thông-thái thì ở bên Mạc-tư-khoa cha sinh ra bom nguyên-tử Nga là Piotr Kapioza tuyên-bố rằng: « Ses arguments sont d'une portée incalculable ». Những lý-lẽ của ông có một sức mạnh phi-thường không đo lường được. (theo báo Match ra ngày 15/3/1958).

Nó sẽ phi-thường ngoài sức tưởng-tượng của con người.

Đến đây loài người sẽ quay cả về Dịch-lý, tuy trong nguyên-tắc song-tiến âm-dương di-dịch biến-đổi, nhưng trong nó vẫn có một năng-lực phi-thường mà con Người không thể đo-lường được. Khoa-học nguyên-tử nếu đi đến chỗ phân và giữ được cái Đơn-tử trong cảnh-giới của Thái-cực thì con Người trở thành Hóa-công mà chỉ huy cả các đấng Tạo-hóa vậy.

Theo Phương-trình-thức của Newton thì: « Le Force est le produit de la Masse et de l'accélération » $F = m \times \gamma$.

Năng-lực là phân-khối m nhân với γ gia-tốc-độ.

Nhưng nếu m: phân-khối là những dương đơn-

tử trong-sáng vô-hình thì lấy đâu ra phân-khối, vì dương càng mạnh càng là khí thanh bốc lên trên, nó có thể là vô-hình, vô-lượng vô-cùng-tận, theo P.T.T. của Newton: thì cái gia-tốc-độ của nó cũng là vô-cùng-tận: (1) $\gamma = \frac{F}{m} = \frac{F}{\infty} = \infty$. Nhưng trong hai lực khác nhau một về thể-chất là trọng-trọc thì lắng xuống dưới mà dương thanh thì bốc lên trên.

Nếu lấy theo về thể-chất thì P.T.T. của Newton là: $F = m\gamma \longrightarrow$.

Nếu tính về dương-đơn-tử thì đi ngược lại hay là: $F = m\gamma \longleftarrow$.

Theo P.T.T. (1) thì thành
$\gamma = \frac{F}{m} = \frac{F}{\infty} = \infty \longleftarrow$

Cái gia-tốc-độ vô-cùng-tận.
$F = \gamma\infty = \infty \longleftarrow$

Thì cái năng-lực bốc lên cũng mạnh vô-cùng-tận vậy. Cái khinh-thanh của dương-đơn-tử là vật siêu-linh nếu khoa-học nguyên-tử phân-tán ra được thì có năng-lực mạnh vô-cùng. Dương-đơn-tử đối với Âm-đơn-tử theo $\frac{3}{2}$ đó là cái năng-lực mạnh tương-đối bất-di bất-dịch, nhưng tùy từng nguyên-tử trong mỗi cảnh-giới, như ở hạ-giới thì năng-lực kém với năng-lực

nguyên-tử ở trung-giới hay ở thượng-giới. Mỗi giới có một hệ-thống riêng và một sự hóa-hợp riêng; mà tôi gọi là K nếu nói về thể-chất của cảnh-giới:
$1^o/$ Trên cùng tức là Thái-cực, là cõi nguyên-tử toàn-năng chưa phân-chia.
$2^o/$ Cõi Lưỡng-nghi thì đã phân-chia, vậy sự tương-đối âm-dương đã có là $\frac{3}{2}K$
$3^o/$ Cõi Tứ-tượng là $\frac{3}{2}K^2$
$4^o/$ Cõi 8 quái là $\frac{3}{2}K^4$
$5^o/$ Cõi 16 — là $\frac{3}{2}K^8$
$6^o/$ Cõi 32 — là $\frac{3}{2}K^{16}$
$7^o/$ Cõi 64 — là $\frac{3}{2}K^{32}$

Không những có sự tương-đối âm-dương là $\frac{3}{2}$ mà các nhà Bác-học thế-giới đang đổ sô vào lý-thuyết cho là mới nhưng nó đã cũ rích từ 6000 năm nay, nhưng nó còn nhiều sự khác nhau về Dương và Âm-đơn-tử ở từng cõi một.

Về chi-tiết thuyết nguyên-tử-năng còn nhiều cái bí-hiểm tôi sẽ trình-bày thành một luận-án cho Thế-giới Nguyên-tử ngày nay. Xin các bạn thân-mến hãy nán chờ ít lâu nữa.

Cũng như các quẻ trong Dịch đó là cái Hóa-

lý-học về âm-dương nguyên-tử biến-dịch, di-dịch trong 64 quẻ khác nhau, có quẻ không biến, có quẻ biến tức như quẻ Kiền, Khôn, Khảm, Ly v.v..., nếu bạn xoay thế nào nó cũng giữ thể nguyên-vẹn của nó. Có quẻ biến như ䷊ Địa-Thiên là quẻ Thái, xoay đi một vòng lộn ngược lên là ䷋ Thiên-Địa là quẻ Bĩ (đã giải ở quyển I).

Nhưng xin các bạn học Dịch muốn mau nhận-định và hiểu rõ tôi xin tóm-tắt cách xem từng quẻ từng hào phải theo dưới đây.

Cần phải nhớ thuộc lòng:
1- ☰ **Kiền** vi **Thiên** (Trời).
6- ☵ **Khảm** vi **Thủy** (Nước).
7- ☶ **Cấn** vi **Sơn** (Núi).
4- ☳ **Chấn** vi **Lôi** (Sấm).
5- ☴ **Tốn** vi **Phong** (Gió).
3- ☲ **Ly** vi **Hỏa** (Lửa).
8- ☷ **Khôn** vi **Địa** (Đất).
2- ☱ **Đoài** vi **Trạch** (Trầm).

Mỗi khi gọi một quẻ kép (tức là quẻ có 2 quẻ đơn như trên) thì người ta gọi là:
䷊ Địa (Khôn) Thiên (Kiền) : Thái
hay ䷂ Lôi (Chấn) Địa (Khôn) : Dự
vân vân.

Còn số trước chữ Hán từng quẻ ở trong Thượng và Hạ-Kinh là số

thứ-tự.

Ví-dụ quẻ  Khôn : 8 } Địa-Thiên
Kiền : 1 } Thái : 81

Số 8 của Khôn, số 1 của Kiền là theo số Tiên-thiên Bát-quái. Như quẻ Thái trên đây có Khôn ở trên có số 8, Kiền ở dưới có số 1, hợp 2 số lại là 81 tức là quẻ Thái số 81 cốt để xem vị-trí trong hình vuông 64 quẻ.

Những quẻ khác cũng an số theo như thế để dễ nhận-định.

Xem các hào. Lệ-chung :

Mỗi quẻ có 2 quẻ đơn tức là quẻ có 3 vạch (nét), hay là mỗi quẻ có 6 vạch.
6 — hào đầu có dương gọi là Sơ-cửu.
5 — hào đầu có âm gọi là Sơ-lục.
4 — hào 2 dương là Cửu-nhị.
3 — hào 2 âm là Lục-nhị.
Lục-nhị : ▬ ▬ 2 ▬▬ Cửu-nhị | hào 3 dương là Cửu-tam.
Sơ-lục : ▬ ▬ 1 ▬▬ Sơ-cửu | hào 3 âm là Lục-tam.
hào 4 dương là Cửu-tứ.
hào 4 âm là Lục-tứ.
hào 5 dương là Cửu-ngũ.
hào 5 âm là Lục-ngũ.
hào 6 dương là Thượng-cửu.
hào 6 âm là Thượng-lục.

Ngôi thứ trong 6 hào.

hào 6 là ngôi âm cùng-cực
hào 5 là ngôi dương (ngôi giữa quẻ trên)

hào 4 là ngôi âm
hào 3 là ngôi dương
hào 2 là ngôi âm (ngôi giữa quẻ dưới).
hào 1 là ngôi dương.

Thế nào là được ngôi giữa hay là đạo Trung, Chính ?

Ví-dụ như hào 2 có hào âm gọi là Trung-chính
như hào 5 có hào dương cũng gọi là Trung-chính.
hào 2 có hào dương gọi là Trung mà không chính
hào 5 có hào âm gọi là Trung mà không chính.

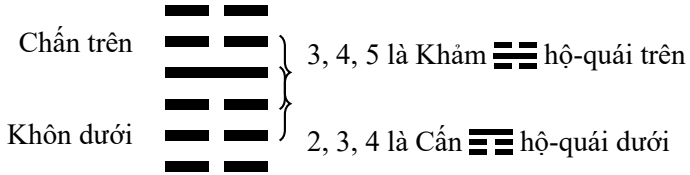
Hào dương ở ngôi dương gọi là Chính như hào dương ở ngôi đầu, 3 và 5.

Hào âm ở ngôi âm gọi là Chính như hào âm ở ngôi 2, 4, 6 ngược lại gọi là không chính-đính, như hào sơ-lục tức là hào âm ở ngôi 1 (dương) hay hào Cửu-tứ là hào dương ở ngôi 4 (âm).

Thế nào gọi là hưởng-ứng nhau ?

Như hào 1 (sơ-đầu) quẻ dưới thì có hào 4 tức là hào sơ-đầu quẻ trên hưởng-ứng với nhau
như hào 2 với hào 5
như hào 3 với hào 6 (thượng-hào).

Thế nào gọi là Hộ-quái ?



Hộ-quái tức là hai hào ở giữa quẻ trao-đổi hộ-trợ nhau như hào 3, 4, 5 là ☳ là quẻ Khảm hộ-quái trên. Hào 2, 3, 4 là ☶ là quẻ

Cấn, hộ-quái dưới. Tức là trong quẻ Lôi (Chấn) Địa (Khôn) : Dự có 2 quẻ Hộ-quái là ☳ Khảm, ☶ Cấn.

Chú-ý : Sự hưởng-ứng âm-dương hào cũng đúng theo luật về Điện-khí Vật-lý-học hiện-tại [1].

Trên đây là những nguyên-tắc cần-thiết phải thuộc lòng thì xem vào Nội-kinh rất chóng hiểu. Xin Độc-giả lưu-ý.

Phụ-lục: NGUYỄN-MẠNH-BẢO

[1] *2 luồng-điện đồng tên thì đẩy nhau 2 luồng-điện khác tên thì hút nhau.*

THƯỢNG KINH

Nói đến Dịch là nói gồm tất cả, gồm tất cả các Tôn-giáo, tất cả các Chính-Trị, tất cả các Văn-minh, tất cả các Khoa-học, thực-học hay huyền-học, gồm hết cả cái mà ta gọi là Vũ-Trụ theo Thiên-thể và cả Thần-linh. Đạo Dịch là Đạo duy-nhất vậy.

Đó là một Khoa Thần-bí Triết-lý-học bực nhất rộng-rãi bao la thâm-trầm vô-cùng-tận đã có từ 6000 năm nay ở Á-Đông.

Từ xưa tới nay ai ai cũng nói : Đối với Ngũ Kinh của đức Khổng-Phu-Tử, Dịch là kinh mênh-mông, thâm-thúy khó hiểu nhất. Thật vậy chính tôi đã được hấp-thụ văn-hóa Âu-tây lại thêm được phần Nho học, lắm khi tôi đã gặp phải những chỗ khó-khăn rối reng không sao tả siết, không những về chân-bản của Kinh-Dịch đã khó hiểu lắm rồi, còn sau nầy trong khoảng 6000 năm vật đổi sao dời, biến-thiên cải-hóa, thứ nhất ở bên Trung-Quốc bị ngọn lửa Tần bao nhiêu sách vở quí-báu thời xưa đều theo làn khói vô-tình mà tiêu-tan đi hết, nhiều chỗ còn không chắc là thực-bản, sợ có sự thêm thắt sau này của các bậc Tống Nho.

Nhưng sự thật có một lẽ phải không hai cho nên tôi tuy tài sơ trí thiển hâm-mộ Dịch-lý từ hồi niên-thiếu, đã từng khảo-cứu các sách Âu-mỹ về các khoa về Huyền-Bí, Thiên-văn, Thần-học, Toán-lý-học và nhờ ở sự khắc-kỷ phản-bản hồi-nguyên, linh-khiếu tôi đã có thể so-sánh, cân-nhắc từng lời từng chữ trong Kinh từ ngót hai mươi năm và viết ra đây để cố-hiểu cái nghĩa thâm-thúy của Dịch lý.

Làm như vậy thật là đánh trống qua cửa nhà Sấm, múa dìu qua cửa Lỗ-Ban, nhưng cái thực tâm của tôi đâu có dám dạy đời nhưng cái ý-nguyện của tôi là muốn hiểu Dịch một cách nhuần-thấm rõ-ràng.

Và trong thời-kỳ khảo-sát, lấy các đoạn sách, điển-văn ăn-nhập với ý-nghĩa của Dịch-lý để nêu ra một ánh-sáng cho những Tượng-từ, Thoán-từ hay Hào-từ, những công-phu đó không phải một sáng một chiều mà làm được, sự góp nhặt của tôi là do ở chỗ ham muốn để cùng các Bạn đồng hưởng một món ăn tinh-thần thấm-thía trong khi chúng ta chung sống giữa Văn-minh cơ-giới-hóa tối-tân hầu để đưa chúng ta lên được chỗ tuyệt-đối của Thượng-Trí trong khi cái Hạ-trí của con Người đã làm cho Nhục dục của ta được thỏa-mãn.

Con Người lúc nào cũng cần có hai phần tinh-thần và vật-chất tương-đối nhau. Cái Hạ-trí đã cho

ta một con đường Văn-minh cơ-giới-hóa tuyệt-đối thì ta cần có một Thượng-trí vạch cho ta một con đường Đại-quang-Minh vô-biên vô-giới. Như vậy Thế-hệ mới Hòa-bình, không có sự chênh-lệch của tinh-thần và vật-chất đó là một luật-định thiêng-liêng để cho Nhân-loại đi đến chỗ Thanh-Bình hạnh-phúc.

Vì lẽ ấy tôi đã từng cặm-cụi khó-nhọc để san-định Kinh này vì thấy rằng : Đức Khổng-Phu-Tử một bậc chí Tôn, chí Thánh, bậc Vạn-thế sư-biểu lúc mất còn nói : «Cho ta sống ít năm nữa để học Dịch thì khả dĩ không có lỗi lớn vậy» cho nên tôi cương-quyết cố-gắng đến thành công, dốc một lòng theo đuổi để tìm Đạo-lý, thì đây : Kinh-Dịch ! là Đạo ! là Đạo ở trong tâm ta, ở trước mắt ta, ở sau lưng ta, nó chạy cho ta đuổi, đứng cho ta nắm, nó ở tất cả chung-quanh ta.

Nhưng cái Lý của Đạo ở đâu ?

Cái Lý ở trong cái Đạo, mà Đạo ở ngay ta mà sao chưa biết cái Lý ấy ? Nếu ta không hiểu cái Lý ấy thì sao trông thấy Đạo.

Cái Lý ấy là ở Dịch-lý của Hóa-công. Cho nên muốn hiểu lý ấy cần phải học Dịch vậy.

Châu-Dịch Thượng-Kinh

Bản-nghĩa của Chu-Hi (bắt đầu từ đây xin viết tắt là B.N.C.H) Châu là tên triều-đại. Dịch là tên Kinh những Quẻ trong kinh Dịch là do đức Phục-Hi vạch ra (trên tôi đã giải).

Dịch nghĩa là giao-dịch, biến-dịch, thay-đổi luôn luôn nên gọi là Dịch.

Những Tượng-từ, Hào-từ là do Văn-Vương và Châu-Công làm ra, để giải-thích các Tượng các Hào cho dễ hiểu, vì lẽ ấy mới lấy tên là Châu-Dịch (do đời nhà Châu làm, Văn-Vương lập ra nhà Châu và Châu-Công là con thứ Văn-Vương). Vì lời giải nhiều, Kinh dầy lớn nên mới chia ra làm hai Kinh Thượng Hạ.

Những Tượng trong Kinh như bản-vẽ phát-khởi từ Vua Khục-Hi.

Tượng và Hào-Từ của Văn-Vương và Châu-Công, lại gồm có mười Thiên-Truyện của đức Khổng-Tử làm ra, tất cả là 12 Thiên.

Sau đến đời Trung-cổ Chư-Nho làm loạn mất thứ-tự và ý-nghĩa của Kinh đến đời nhà Tống có họ Thiệu mới bắt đầu san-định và đính-chỉnh lại những sự sai-lầm mất-mác để cho thật hợp với Cổ-văn.

Sau họ Lã lại sửa lại là Hai Kinh, Thượng-kinh và Hạ-kinh với 10 Thiên-Truyện. Như vậy mới trở lại theo bản cũ của Họ Khổng.

Bản-nghĩa những Quẻ đây là cái gốc vạch Quẻ của Phục-Hi, có cái nghĩa giao-dịch biến-dịch.

Giao-dịch là dương giao với âm, âm giao với dương như Trời-Đất định vị, Núi Trầm thông khí. Biến-dịch là dương biến ra âm, âm biến ra dương- Lão-dương biến làm Thiếu-âm, Lão-âm biến làm Thiếu-dương Nên gọi là Dịch [1].

Lời Từ là Văn-Vương và Châu-Công làm ra, nên gọi là Châu-Hệ.

Họ Hồ nói rằng : Xét Họ Thiệu lấy Đạo gọi là Trúc-giản (thẻ tre), bao thẻ lớn mà nặng, lấy Kinh làm 2 Thiên, Kinh phân Thượng Hạ tóm-thâu đến chí-lý. Thượng Hạ-kinh tuy có 30 quẻ và 34 quẻ không bằng nhau, là vì lấy phản và đối-quẻ mà tính thì mỗi một Kinh có 18 quẻ. Thượng-kinh phản và đối-quẻ có 52 dương-hào, 56 âm-hào.

Hạ-kinh phản và đối-quẻ có 56 dương-hào, 52 âm-hào.

Thượng-kinh lấy 4 chính quẻ làm chủ, đầu là Kiền Khôn mà cuối là Khảm Ly, là những quẻ hợp với 4 phương trong Tiên-Thiên-Đồ. Hạ-kinh lấy 2 biến-quẻ làm chủ (Chấn biến làm Tốn, Cấn biến làm Đoài) đầu là quẻ Hàm Hằng, cuối là Ký, Vị-tế, quẻ hợp với tứ-duy trong Tiên-Thiên-Đồ mà sự giao của quẻ Khảm Ly hay không giao cũng có thể thấy. Bản-đồ Tiên-thiên của Phục-Hi chỉ sự lớn lao đầy-đủ ở thứ-tự các Đồ vẽ; cái đầu đuôi các Quẻ của Văn-Vương có ba Đồ vẽ vậy.

Nên vì cái cớ số thẻ tre trọng-đại mà chia làm 2 Kinh vậy.

乾 KIỀN - 1

Kiền trên ☰
Kiền dưới ☰

KIỀN 1 1

Quẻ Kiền có ba vạch ☰ dương của Phục-Hi để tượng-trưng quẻ toàn là thể dương. Một vạch ⚊ đã là thể dương lại thêm 3 vạch ☰ để biểu-hiệu cái dương thuần-chất.

Nếu cứ lấy theo nguyên-tắc một âm là vạch ⚋ triết và một dương là vạch đơn ⚊ để tượng hình Lưỡng-nghi, như vậy chỉ cho ta một ý-nghĩa
bao-quát, còn như muốn tượng-trưng cả muôn triệu sự vật ở không-trung, ở trên mặt Đất, một thể quá giản-dị như vậy không thể nào có thể tượng-hình tất cả được. Hóa cho nên vua Phục-Hi đã dùng cho mỗi quẻ 3 vạch lập thành Bát-quái để tượng-hình cái Dịch-lý hay sự biến-chuyển của cả Vũ-Trụ.

---

[1] *Chữ Dịch 易 trên có chữ Nhật là mặt Trời, dưới có chữ Nguyệt là mặt Trăng, ý nói có sự giao-hòa âm-dương mà biến-dịch.*

Sự tế-nhị và phức-tạp của muôn sự vật trong Trời Đất không thể thu-gồm trong 8 Quẻ được nên các bậc Hiền Thánh đã lập ra 64 quẻ để diễn-tả sự tượng-trưng rõ ràng (trên tôi đã giải vì lý do gì lại lấy số 64 quẻ).

Xét xem theo thời-đại Văn-minh Nguyên-Tử mà tôi đã giải ở trên thì ta sẽ thấy Bát-quái tượng-trưng rõ ràng một tiểu-thiên-địa (microcosme) nếu ta nói đến những vật nhỏ bé vô-cùng-tận và lại là một tượng-hình cho cả một Đại-Thiên-địa (macrocosme) nếu ta nói đến những vật to lớn vô-biên vô-giới vậy ; 8 Quẻ ta có thể gọi là 8 cái toàn Nguyên, 8 Tạo-công thần-linh của Thái-cực đã phân chia ra để đi tạo muôn sự vật vô hay hữu-hình. Trong khi làm công-việc tạo-thành đó, phải có sự trà-sát do đó nảy sinh ra những sự hòa-hợp nhau, tương-đối, tương-xung, tương-khắc nhau. Tức như khoa Hóa-học hiện-tại, lấy một Nguyên-chất của một thể hòa
lẫn với những chất khác thì có sự Biến chất mà thành chất khác.

Ví như nếu ta lấy quẻ Kiền ☰ làm căn-bản hòa-hợp với 8 quẻ khác thì ta có những quẻ như sau :
8 quẻ



quẻ căn-bản



Theo 8 quẻ trên này do quẻ Kiền làm quẻ căn-bản cho nên biến thành 8 quẻ khác nhau, mỗi một quẻ có một thể, dụng, tượng, hình khác nhau. Nếu ta cứ lấy cả 8 quẻ căn-bản biến-dịch đi như trên thì số quẻ lên là 64 quẻ và cứ biến như thế mãi ta sẽ có hằng-hà sa-số quẻ để tượng-hình hằng-hà sa-số sự vật trong Vũ-Trụ, Thời-gian, Không-gian sự vật sẽ rút hết cả vào troug 8 quẻ căn-bản trên thì Bát-quái tức là một hình-đồ thu-hút hết cả Vũ-Trụ vào trong.

Với những lúc định-tâm cho hiểu rõ ta thấy Thánh-nhân đời xưa đã tự-hào : « Nếu hiểu được cái lý thăng-dáng, tiêu-tưởng, suy-vượng của
Âm-Dương thì cả Vũ-Trụ này nằm ở trong lòng bàn tay vậy ».

Một khi không-gian và thời-gian đã nằm ở trong tay thì cái Đời này, cái Vũ-Trụ này thu gọn như một cuốn phim trong lòng bàn tay theo Thời từ từ chiếu ra cho thấy sự thật hư. Cũng vì lẽ đó Dịch-lý đã là một định-luật của thời-gian và không-gian để hiểu biết sự Đời và Vũ-Trụ, nên mới có sự áp-dụng Dịch-lý vào những khoa Bói-Toán để xét cát, hung, dinh-hư, tiêu-tưởng thịnh-suy để biết đường sáng mà theo và xa tránh những chỗ lỗi lầm tà quấy. Hóa cho nên nhiều người không hiểu thấu Dịch-lý mà cho là Kinh để học Bói-toán dị-đoan, Trên tôi đã giải đó chỉ là một môn nhỏ hẹp để áp-dụng Dịch-lý thôi nhưng Dịch-lý là tất cả các Luật-định của không-gian, thời-gian, của cả muôn sự vật trong Vũ-trụ này vậy.

Ôi ! Cái Văn-minh mà ta mệnh-danh là Văn-minh nguyên-tử của Âu-Mỹ tối-tân phải chăng mới chỉ là một nền Văn-minh ấu-trĩ bên cạnh cái Dịch-lý thiêng-liêng vô-cùng vô-tận của các Tiền-nhân ta đã để lại.

Tại sao ta có những Văn-minh huy-hoàng như vậy mà ta không trau-dồi để quyết tiến lên một trình-độ cao hơn, mà có sao ta lại để cho cả một
kho Triết-học này tàn-tạ đi mà để tìm kiếm những cái gì không có căn-nguyên, không có sự bền vững chắc-chắn, không có gì gọi là toàn-thiện toàn-mỹ, ta chỉ thích đi tìm kiếm những cái ảo-tưởng, có hình có sắc, mà cái gì hữu-hình tất hữu-hoại vậy.

Tiết 1. 乾 元 亨 利 貞 。

D.A. **Kiền Nguyên Hanh Lợi Trinh.**

D.N. **Quẻ Kiền, nguyên-lớn, hanh thông lợi nên chính-đính bền-bỉ.**

(Trên đây là Thoán-Từ của Văn-Vương, đoán cát hung một quẻ).

B.N.C.H. Sáu nét Dương của quẻ Kiền là đức Phục-Hi vạch ra thành quẻ.

Một là lẻ là số của hào-dương.

Kiền là kiện (tráng-kiện mạnh-mẽ là tính của thể-dương).

Ba vạch trên gọi là Ngoại-quái (quẻ ở ngoài).

— — dưới — — Nội-quái (quẻ ở trong).

Theo kinh-văn chữ Kiền có sáu vạch, tên của quẻ. Đức Phục-Hi ngẩng lên thì ngắm Thiên-văn, cúi xuống thì xét thấy âm-dương chẵn lẻ, vì cớ đó mới vạch một lẻ để tượng dương và một chẵn để tượng âm.

Một âm một dương tượng-hình muôn vật. Muôn vật sinh ra có một âm một dương tức là hai biến thành ba để thành Bát-quái.

Tính cương-kiện mạnh-mẽ của dương hiện thành hình thì lớn lao bao-trùm tất cả, đó là tượng Trời vì lẽ ấy mới đặt tên quẻ là Kiền.

Ba nét để dùng làm thành quẻ. Theo cơ Trời để thành Bát-quái.

Lại thêm 3 vạch nữa luân-chuyển biến-đổi đi mãi để thành 64 quẻ.

Quẻ Kiền có 6 vạch đều là lẻ cả, trên dưới đều là Kiền kiện tức là được thể Dương thuần-nhất cho nên tượng là Trời đều không di-dịch.

Nguyên-Hanh Lợi-Trinh. Là lời của Văn-Vương lưu lại để đoán sự Cát Hung của quẻ gọi là Thoán-Từ.

Nguyên là nguyên-vẹn to lớn. **Hanh** là hanh-thông. **Lợi** là nên. **Trinh** là chính-đáng bền-bỉ.

Văn-Vương lấy cái Đạo của Kiền làm cái Đại-thông để đến chỗ chính-đáng.

Cho nên bói được quẻ này mà 6 hào đều không động thì sự chiếm quẻ được Đại-thông mà tất có lợi tại nơi chính-đáng bền-bỉ ắt sau có sự chung-kết vậy. Văn-Vương sở dĩ làm ra Dịch để dạy người Bói-Toán mà có thể để khai-hóa muôn vật, làm nên mọi việc. Quẻ khác cũng cứ theo thế mà xem.

Truyện. (Bắt đầu từ đây trở đi chỉ viết chữ Truyện nghĩa là Truyện

của Trình-Di).

Kiền. Là tính-tình của Trời, Kiền mạnh, có 4 đức : Nguyên-Hanh-Lợi-Trinh. Nguyên là cái bắt đầu của Vạn-vật. Hanh là sự lớn lên của Vạn-vật. Lợi là sự toại-lòng của vạn-vật. Trinh là sự thành của vạn-vật. Duy chỉ có ở quẻ Kiền Khôn có 4 đức, ở các quẻ khác thì tùy sự mà biến vậy.

Họ Lý nói rằng : Sánh với sự sinh của một âm, ở thời-gian là Ngọ (tháng 5) ở tiết là Hạ-chí, là âm-khí bắt đầu, nên bắt đầu lạnh để phản lại cái nóng, với sự sinh của một dương ở thời-gian là Tý (tháng 11) ở tiết là Đông-chí là lúc dương-khí bắt đầu nên bắt đầu nóng để phản lại cái lạnh. Bởi vì một khí âm có trước dưới đất, đun-đẩy xuất ra dương-khí để phát-hiện ra ngoài nên là nóng. Một khí dương có trước dưới đất, đun-đẩy xuất ra âm-khí mà phát hiện ra ngoài nên là lạnh. Đây là cái khí âm-dương từ dưới bốc lên, phân làm 6 từng mà trong quẻ là 6 nét tượng nó, không phải cái ý riêng của Thánh-nhân vậy.

LỜI BÀN : Thành-Vụ. Trong kinh nói chữ Thành-Vụ theo ý tôi thì mỗi một vật có giống riêng tính-tình riêng, nghĩa-vụ, công-việc riêng-biệt mà Trời Đất đã phú cho nó, như người đi, chim bay, gió thổi tuyết rơi v.v.... Mỗi một thứ một nhiệm-vụ riêng, loại nào đi loại ấy theo Tạo-hóa đã bày vậy.

— Sáu chấm chồng lên nhau gọi là quẻ Kiền, quẻ đầu tiên của 64 quẻ. Quẻ Kiền là quẻ thuần-dương nếu ta vạch theo 6 chấm ấy thì thành một vạch thẳng ⋮| hình một cái gậy hay con số 1, là con số đầu các số, tượng Dương, tượng cho giống đực.

Kiền là khởi-đầu, khởi-nguyên của vạn-vật. Nếu ta phân-tách một phân-tử thì ta có những nguyên-tử trong đó có một điện-hạch làm căn Nguyên (trên tôi đã giải có cả hình vẽ). Điện-hạch (noyau de l'atôme) đây tức là thể Kiền nguyên-vẹn, nguyên-thủy, nguyên-bản của muôn sự vật.

Nguyên đây là cái chất đầu tiên, thoạt vi thủy của dương mới phát

sinh ra. Những cái nguyên đó tỏa ra, phóng ra khắp mọi nơi để làm thành vạn-vật Vũ-Trụ, và một khi nó lại trở về nguyên-bản hợp về với cõi Đại Nhất (grand un). Đại-Nhất là Nguyên vậy.

Chữ Nguyên đây bao-hàm hai ý-nghĩa, một nghĩa hẹp nhỏ trong vòng Tiểu-thiên-địa và một
nghĩa huy-hoàng hết sức lớn lao trong vòng Đại-thiên-địa.

Hanh nghĩa là thông vậy. Những Nguyên-tử ở cái Đại-Nhất phát-huy ra, phóng-tỏa ra khắp mọi nơi, lưu-loát hành-động do bởi một năng-lực linh-diệu vô-hình của Tạo-hóa mà trong Định-Kinh gọi là cái Fohat, không chỗ nào là không có, từ trên hành-tinh, đến các định-tinh trong Vũ-Trụ, từ chỗ rộng rãi bao la vô-cùng-tận đến chỗ bé nhỏ hình như không-tưởng đều có cái **Sinh-khí** ấy lưu-loát nhuần-thắm hết cả, cái tinh-thần huyền-diệu đó gọi là Hanh, có hanh thì mới thông-suốt được.

Chỗ nào cũng đi được đến nơi mang cho muôn vật cái Sinh-linh-khí của Trời, hóa cho nên nói là **lợi**, đi đến đâu lợi cho sự sinh-hóa đến đấy, sinh sinh hóa hóa ra mãi thì cái lợi ắt gấp bội. Cái nguyên-vẹn của các nguyên-tử khi lưu-hành tương-hợp với những cái khác để thành sự vật, biến-đổi thiên-hình vạn-trạng cho nên mới nói Lợi.

Trinh. Tạo-Công đã nhận-định rõ ràng những luật-pháp thiêng-liêng cho từng loài từng giống loài nào ra loại ấy, mỗi một vật đều có định-luật riêng biệt cho loại, giống của nó. Như loài chim có cánh bay, loài hươu chạy, loài cá bơi giống nào ra vật ấy. Không có sự sáo-trộn giao-hợp vật nọ qua vật
kia nên cái Trinh của vật là một luật-định phải giữ cho chính-đáng thì giống nòi mới được bền-bỉ.

Trinh là một luật thiêng-liêng mà Hóa-công đã ấn-định cho một loài phải theo sự chính-đính để tồn-tại có trật-tự của muôn loài để đi đến chỗ toàn-thiện toàn-mỹ. Mới trông qua cảnh-vật ta thấy như quá phức-tạp hỗn-độn, nhưng xét cho kỹ thì loại nào ra loại ấy, xếp đặt đâu ra đấy không có thể có một oai-quyền nào có thể xếp-đặt có

trật-tự như vậy. Cho nên cái **Trinh** của muôn vật đó là qui-nữu của các loại để đi đến chỗ bền-bỉ tuyệt-đối của từng loại một.

Trên đây là nói bốn đức-tính vô-lượng vô-biên của thể quẻ Kiền vậy.

Nếu ta nói về khí-hóa trong phạm-vi Thiên-văn-học cho dễ hiểu thì ta có thể ví Kiền như một **lửa ngọn** trong lửa ngọn toàn là khí sáng tượng cho những hào Dương.

Cổ-nhân nói : Kiền vi nhật, kiền là mặt Trời ta có thể ví Kiền với cái sao to sáng của ông Emile Belot. Theo Thiên-văn học Âu-tây, định-tinh là một khối khí rất loãng, cháy đỏ và nhiệt-độ rất cao. Như mặt Trời chỉ nóng chừng 6500 độ mà lớp khí cháy đỏ (chomosphère) dày đến 10.000 cây số và lửa ngọn
(protubérance) có khi lên cao gần bằng bán-kính mặt Trời. Trên các định-tinh to sáng nhiệt-độ lên đến 20.000 độ, lớp khí cháy đỏ rất dày nên ta có cảm-giác định-tinh là một biển lửa một khối toàn dương-khí sáng rực-rỡ.

Cổ-nhân xếp đặt tám quẻ, theo 2 cách : Tiên-thiên và Hậu-thiên Bát-quái để biểu-trương cái trước sau của Tạo-hóa (trên tôi đã giải). Tiên-thiên hình-dung nguồn-gốc ban đầu và những thời cái Sao sáng phải trải qua để thành Sao tối, kể từ Kiền đến Khảm. Theo Cổ-nhân hai khối khí đen và khí sáng hấp-dẫn trộn-lẫn nhau mà tạo nên Trời Đất.

Các nhà Thiên-văn-học Âu-tây nhận thấy trong giải Ngân-hà (voie lactée) thỉnh-thoảng hiện ra sự cực-kỳ to sáng và cho đó là do một cái Sao sáng va vào một cái Sao đen tối như đám mây đen. Những sao ấy gọi là Novae. Novae lâu ngày cũng nguội dần thành cái Sao đen tối. Nay ta thử đem so-sánh Tiên-thiên Bát-quái với các Novae

và những quẻ với các thời-đại cái Sao ấy phải trải qua để thành Sao tối.

Kiền là toàn khí dương tức là một thứ khí nhẹ nóng sáng có động-lực, di-chuyển làm thành phong khí trước nhất. Ta có thể ví Kiền là lửa
ngọn trên định-tinh hay là ví với cái Sao rất sáng của ông Emile Belot. Trong sách Hoàng-cực Kinh-thế của ông Thiệu-khang-Tiết có câu: Thái-Dương vi Nhật đồ Tiên-thiên dĩ Kiền vi Nhật, Kiền chi vị tại chính-Nam.

— Thái-Dương là mặt Trời, bản-đồ Tiên-thiên lấy Kiền làm mặt Trời, vị của Kiền ở chính hướng Nam.

Đồ Hậu-thiên Bát-quái hình-dung các hiện-tượng xẩy ra trên quả Đất. Mỗi hiện-tượng là một quẻ ví như mưa là Khảm, gió là Tốn v.v... Những hiện-tượng ấy gây nên bởi sự hòa-hợp biến-hóa của hai thứ khí nóng và khí lạnh. Xem như Khôn là nước đá vì nhiệt-khí chẩy ra mà Khảm tan ra hơi, Đoài bay lên làm gió (Tốn), Kiền là đống lửa có ngọn lên cao vì có khí lạnh nguội thành than hồng (Ly) tiêu-tan ra hơi nóng (Chấn) rồi sau chỉ còn để lại mớ tro lạnh (Cấn).

Vậy sắp theo thứ-tự biến-hóa ta thấy : Khôn đổi ra Khảm, Khảm đổi ra Đoài, Đoài đổi ra Tốn, Kiền đổi ra Ly, Ly đổi ra Chấn, Chấn đổi ra Cấn (coi bản-đồ và lời giải về Tiên Hậu-thiên Bát-quái ở quyển trên).

Tiết 2. 初九: 潛龍勿用。

D.A. Sơ cửu: Tiềm long vật dụng.

D.N. Hào sơ cửu: Rồng lặn chớ dùng.

B.N.C.H. Hào sơ-cửu là tên hào dương ở dưới quẻ. Phàm những vạch trong quẻ thì lấy từ dưới tính lên trên, nên gọi là hào dưới nhất là Sơ. Dương số 9 là Lão-dương, số 7 là Thiểu-dương Lão-dương

thì biến mà Thiểu-dương thì chưa biến được vì cớ đó gọi hào Dương là Cửu (9) như đây hào dương đầu gọi là Sơ-cửu.

Tiềm long vật dụng. Là lời của Châu-Công để lại, để đoán Cát Hung của một hào gọi là Hào-từ.

Tiềm nghĩa là ẩn, trốn. Long là vật thuộc thể dương. Cái dương sơ-thủy ở dưới còn yếu-ớt chưa có thể lấy để dùng được.

Cái tượng ấy là : Con Rồng lặn. Sự chiêm ấy là chớ dùng.

Phàm quẻ Kiền mà gặp được hào này biến thì xem tượng ấy mà ngẫm lời chiêm. Các hào khác cũng theo thế mà suy.

LỜI-BÀN. Long là một vật rất thiêng-liêng, là linh-vật, là vật đầu của Tứ linh : Long Ly Qui Phượng.

Trên quyển I tôi đã giải cái nghĩa linh-thiêng của con Rồng qua các phái Bí-truyền.

Hào-từ đây có nghĩa là Rồng lặn ở dưới nước tức là Rồng được ở đúng chỗ của nó nhưng lại nói chớ dùng vì Rồng còn lặn ở dưới. Là vì cái Dương còn non ẩn-náu ở trong chưa phát-triển lên được thì chưa có thể dùng được, nếu cứ ép để dùng khi còn non-nớt ắt có sự trái-lý mà nguy vậy. Đây có chữ Tiềm tuy có nghĩa ẩn-tàng vì Rồng ở vào hào sơ, nhưng vẫn có hy-vọng dần dần hưng lên vậy.

Tiết 3. 九二: 見龍在田利見大人。

D.A. Cửu-nhị: Hiện Long tại Điền lợi kiến Đại-nhân.

D.N. Hào cửu-nhị: Rồng hiện ở Ruộng, lợi thấy người Lớn.

B.N.C.H. Nhị là nói từ dưới lên trên, là hào thứ hai về sau các quẻ khác cũng xem như vậy.

Hào cửu-nhị thì được cương-kiện (cứng-mạnh) trung-chính trong sự chính-đáng. Dời nơi ẩn-náu

khỏi chỗ lặn trầm phản vật, vật lợi ở chỗ hiện ra. Vì cớ đó tượng là hiện long tại điền : Rồng hiện trên ruộng, sự chiêm ấy là : lợi kiến Đại-nhân lợi thấy người Lớn.

Hào cửu-nhị tuy chưa đắc-vị mà cái Đức của người Lớn đã rõ-rệt vậy, người thường không đủ Đức để đương nổi, lúc xem được hào này biến chỉ là lợi thấy người Lớn mà thôi. Cũng chỉ nói là người Lớn ở ngôi dưới. Cái đó là lấy hào và lời chiêm làm chủ khách với nhau tự làm một lệ. Nếu có cái đức «Rồng hiện» thì là lợi sự thấy người Lớn ở trên hào «Cửu-ngũ vậy».

Thượng-cửu ——
Cửu - ngũ ——
Cửu - tứ ——
Cửu - tam ——
Cửu - nhị ——
Sơ - cửu ——

(Hào cửu-nhị là giữa nội-quái. Hào cửu-ngũ là giữa ngoại-quái, hai hào tương-đối và tương-điều-hòa nhau.)

LỜI-BÀN. Hiện Long tại Điền. Hào thứ nhì mà được hào dương gọi là hào Cửu-nhị (cửu chỉ hào dương, nhị ngôi thứ của hào).

Trong một quẻ có 6 hào. 3 hào trên gọi là ngoại-quái (quẻ ngoài) 3 hào dưới gọi là nội-quái (quẻ trong) Hào Cửu-Nhị là hào ở giữa nội-quái.

Lời Tượng nói rằng : «Rồng hiện ở Ruộng». Hào Sơ-cửu ở trên nói là lúc Rồng còn đang lặn đến hào Cửu-nhị thì Rồng hiện ở Ruộng. Ruộng là nơi trồng lúa để nuôi Thiên-hạ. Thánh-nhân muốn tượng-hình là «Con Rồng» là cái Đức của Đạo Trời đã hiển-hiện lên trên ruộng; lên chỗ mà Thiên-hạ hằng trông đợi và hy-vọng để nuôi thân. Thóc lúa là ngọc-thực để nuôi Thân-xác thì Đức-độ là để bồi-đắp Tinh-thần.

Đây có nghĩa là cái đức của Trời mới xuất-hiện lên cho Thiên-hạ thấy và hằng mong-đợi. Thấy cái Đức quí-báu cho tâm-hồn cũng như thấy hạt thóc quí-báu cho thân-xác.

Nhưng thấy cái Đức đó thì ra làm sao? Làm thế nào để được cái Đức đó nhuần-thắm cho tâm-hồn mình ?

Rằng : «Lợi kiến Đại-nhân». Nghĩa là thấy được người Lớn thì lợi ; người Lớn đây không phải là người có vóc-vác thân-xác to lớn đâu, người Lớn đây có nghĩa là người có Đức lớn, là người Quân-tử, cũng không phải là bọn quan-quyền hầu-bá, chức lớn quyền cao. Đây nói cái lợi cho Thiên-hạ, nếu thấy người Lớn có Đức-độ cao dày, giáo-hóa cho mọi người. Hào Cửu-Nhị là thời-kỳ mới chớm nổi, Thiên-hạ còn ở trong thời-kỳ phôi-thai, còn ở lúc «Nhân chi sơ, tính bản Thiện» khi mới sơ-sanh, còn là thiện cho nên : «gần mực thì đen gần đèn thì dạng» hay «ở bầu thì tròn ở ống thì dài» vì thế Thánh-nhân mới nói là thấy Đại-nhân thì lợi cho cái tuổi sơ-sinh dễ thấm-nhuần được Đạo-đức, nếu gặp Tiểu-nhân ắt là bất lợi.

Nghĩa trong Dịch xâu-xa vô-tận. Học-giả nên xét cho kỹ mới rõ được Nguyên-lý vậy.

Tiết 4. 九三：君子終日乾乾夕惕若厲无咎。

D.A. Cửu-Tam: Quân-tử chung nhật kiền kiền tịch dịch nhược lệ vô cữu.

D.N. Hào Cửu-tam : Người Quân-tử suốt ngày chăm chăm chú chú, chiều hôm hằng lo-lắng sợ-hãi, nếu gắng-gỏi thì không lỗi.

B.N.C H. Cửu là dương, hào ba là ngôi thứ cũng dương. Dương nhiều mà không ở giữa, ở hào trên của quẻ dưới. Nhưng cái tính cái thể nó cứng-mạnh. Sự chiếm có cái tượng là hay có sự chăm chăm, kinh-sợ gắng-gỏi. Chữ Quân-tử chỉ người chiếm quẻ mà nói. Hay lo sợ như vậy thì tuy ở chỗ nguy-hiểm cũng không có lỗi.

LỜI-BÀN. Hào Cửu-tam hào dương ở chỗ dương và lại ở trên quẻ dưới. Thật là ngụ cái ý rõ ràng là cứng-mạnh tột-cực nhưng hãy còn

ở hàng dưới. Dịch có nói : Dương cực sinh âm, âm cực sinh dương. Ở chỗ này tuy dương cực nhưng còn ở hàng dưới nếu có sự biến-đổi thì có sự nguy-hiểm ở trong cũng như một thanh-niên hăng-hái hãy còn nhỏ tuổi chưa ra đời mà cứ lấy cái trí cương-cường dũng-mãnh của mình mà hành-động ắt không khỏi gặp những sự nguy-hiểm. Cho nên lời chiếm còn nói là : Người Quân tử suốt ngày chăm chăm chú chú, chiều hôm hằng lo sợ gắng-gỏi thì không lỗi.

Phàm người Quân-tử là người đã hiểu Đạo-lý, nhất cử nhất động cũng theo Đạo-lý. Lúc nào cũng gắng-gỏi chăm-chú vào công-việc của mình mà Trời đã phú cho, từ sáng tới chiều, lo-lắng tính-toán làm sao đến được chỗ toàn-thiện toàn-mỹ cho đúng với Đạo-lý của mình thì dù ở nơi nghèo-nàn, ti-tiện hay nguy-hiểm đến đâu cũng không có lỗi. Người Quân-tử ở nơi ô-uế, chung đụng với kẻ phàm-phu tục-tử nhưng lúc nào cũng chăm chăm vào Đạo, suốt ngày gắng-gỏi thì không có lỗi.

Lời chiếm nói như vậy là muốn cho rõ cái thể của hào Cửu-tam, địa-vị tuy còn nhỏ thấp nhưng có
cái tính cường-mạnh, e có sự hành-động lỗi-lầm trái với Đạo chăng. Vì lẽ ấy nói người Quân-tử suốt ngày chăm chăm chú chú vào Đạo-lý. Vì còn ở nơi thấp kém nên cái Đức chưa vững cái tâm chưa định nên ở vào chỗ nguy-hiểm giữa nơi phù-hoa đô-hội, bao cảnh vật-dục làm sao-xuyến nhân-tâm có thể làm cho con người mê-muội và sa-ngã. Hóa cho nên Thánh-nhân mới nói để dạy đời. Đến như bậc Quân-tử mà còn phải chăm chăm vào Đạo-lý cả ngày đêm lúc nào cũng lo lo sợ sợ để tĩnh tâm theo Đạo, gắng-gỏi luôn luôn mới nói là không lỗi.

Ý Thánh-nhân rất rõ là muốn khuyên Thiên-hạ trong khi còn non-nớt chớ nên huy-động làm càn mà tội đến thân.

Tiết 5. 九四：或耀在淵无咎。

D.A. Cửu-tứ: Hoặc dược tại uyên vô cữu.

D.N. Hào Cửu-tứ: Hoặc nhảy trong vực, khống lỗi.

B.N.C.H. Chữ Hoặc là lời nghi-ngờ chưa định. Chữ Dược là nhảy, không bám vào đâu mà dời
được đất, khác hẳn là chưa bay thôi.

Chữ Vực là trên trống dưới rỗng đen tối không đo lường được.

Rồng ở đó là nơi thấp hơn ruộng, hoặc nhảy mà cất lên thì hướng lên Trời.

Cửu là hào dương. Tư là thứ-tự của hào là vị ở dưới quẻ trên, là chỗ thay-đổi từ quẻ dưới lên quẻ trên, là lúc tiến thoái chưa định cho nên tượng như vậy.

Sự chiếm luôn luôn là tùy-thời mà tiến-thoái thì không lỗi vậy.

LỜI-BÀN. Hào Cửu-tứ. Cửu là hào dương. Tứ là ngôi âm. Nên lấy Long tượng dương và cái Vực tượng ngôi âm.

Hào thứ tư là hào dưới của quẻ trên như vậy mới lấy tượng như trên.

Trong Tượng có chữ Hoặc, hoặc tức là còn nghi-ngờ chưa định được, tức là tuy đã thoát được lên quẻ trên nhưng hãy còn ở ngôi dưới cho nên sự định-đoạt chưa minh-bạch còn có chỗ nghi-hoặc ; Rồng ở trong vực hoặc nhảy lên nhảy xuống tùy theo thời vậy.

Trên đây Thánh-nhân dùng chữ Dược nghĩa là nhảy, Rồng trước khi bay lên phải nhảy lên trên
đất mới bay. Nhưng trong cái thời còn là ở ngôi dưới quẻ trên nên mới có tượng Rồng nhảy trong vực. Vực tuy là thấp hơn ruộng, nhưng vực là nơi Rồng ở là nơi tượng chưng có nước vì nước lúc nào cũng chảy xuống chỗ thấp đây chỉ cái thời của Rồng phải nhảy trong vực để bay lên cao.

Tuy vậy còn só sự nghi-hoặc ở trong là vì đây là thời của hào Cửu-Tứ, là chỗ mới vượt qua quẻ dưới mà lên quẻ trên cho nên còn có sự nghi-ngờ.

Xét như vậy Tượng-từ, Thoán-từ, Hào-từ giải-nghĩa rất tính-vi cái thời của từng quẻ từng hào theo ngôi thứ của nó. Cho nên Học-giả phải lưu tâm một cách rất tỉ-mỉ hầu mong đến được chỗ hiểu-biết Dịch-lý một cách tế-nhị vậy.

Tiết 6. 九五：飛龍在天，利見大人。

D.A. Cửu-ngũ: Phi-long tại Thiên, lợi kiến Đại-nhân.

D.N. Hào Cửu-ngũ: Rồng bay trên Trời, lợi thấy người Lớn.

B.N.C.H. Hào Cửu-ngũ thì cứng-mạnh và ở chính giữa (quẻ trên) là hào để vị Tôn-quí cao cả ở
ví như lấy cái Đức của Thánh-nhân ở ngôi vị của Thánh-nhân, Cho nên tượng như thế. Mà theo phép chiếm đoán thì cũng như hào Cửu-nhị nhưng khác hẳn ở chỗ thấy người Lớn ở trên thôi. Nếu như có cái ngôi ấy thì là lợi thấy người Lớn ở hào Cửu-nhị tại quẻ dưới.

LỜI-BÀN. Hào Cửu-ngũ là hào dương ở ngôi dương cao quí nhất cho nên tượng Rồng bay trên Trời tức như «Long vân gặp hội» tung-hoành bốn cõi không gì ngăn-cản được. Đây Thánh-nhân muốn tượng-hình cái Đạo-đức thiêng-liêng như con Rồng bay trên Trời, rộng-rãi bao-la không gì ngăn-cản được. Nhưng nếu Rồng cứ bay bổng trên Trời, hay cái Đạo-đức cứ mạnh tiến ở trên thì không có ích-lợi cho ai cả.

Ý Thánh-nhân muốn nói : với cái Đạo-đức mạnh-mẽ đúng thời của nó rồi thì cần phải gặp một vị Đại-nhân Quân-tử để giáo-hóa cho nhân-quần xã-hội, hầu cho khắp Thiên-hạ nhuần-thấm cái Đạo-đức của Trời Đất.

Nên phải thấy Đại-nhân để duy-trì Đạo-đức ban-bố trong Thiên-hạ. Lời chiếm đây cũng giống như lời chiếm ở hào Cửu-nhị.

«Hiện Long tại Điền, lợi kiến Đại-nhân»

Theo hai lời chiêm tuy giống nhau nhưng ý
khác. Ở hào Cửu-nhị ý nói lúc Rồng mới hiện chưa đủ sức nên gặp Đại-nhân chỉ dẫn cho thì có lợi. Còn ở trên hào Cửu-ngũ thì Rồng đã mạnh lại ở ngôi cao quí sợ biến tính không nhìn xuống kẻ dưới, nên cũng nói là thấy Đại-nhân thì có lợi để cho người Đại-nhân Quân-tử kiềm-chế được những sự kiêu-hãnh vì ngôi-vị và giáo-hóa được cho cả Thiên-hạ thì mới lợi.

Học Dịch cần phải nhận-định một cách rõ ràng như vậy mới có lợi vậy.

Tiết 7. 上九。亢龍有悔。

D.A. Thượng-cửu : Kháng Long hửu hồi.

D.N. Hào Thượng-cửu : Rồng bay quá có sự ăn-năn

B.N.C.H. Thượng là tên của hào ở trên nhất Kháng là thái quá, là quá cái gì ở trên mà thường không có ý xuống. Khi dương tột-cực ở trên mà động tất có sự ăn-năn, cho nên có tượng và chiêm như vậy.

LỜI-BÀN. Như hào Cửu-ngũ là dương ở dương vị là Rồng ở nơi tôn-quí, là đúng chỗ của nó đúng thời của nó, không quá, không thiếu như vậy còn cần phải gặp vị Đại-nhân Quân-tử, nữa là hào Thượng-cửu. Là hào dương lên tột-cùng, dương lên thái quá ở trong chỗ âm-u. Dương cực thì âm sinh cho nên tượng nói Rồng bay cao quá ắt có sự biến-đổi ắt có sự hối-hận ăn-năn. Cũng như các bậc Cao-minh Đạo-đức một khi đã chứng quả rồi chỉ lo tu-tâm luyện-tánh cho cao lên mãi, không còn nhìn đến thế-tục, giáo-hóa chúng-sinh, ắt sau sẽ hối-hận ăn-năn là lo cho Đạo mình quá mà bỏ cả chúng-sinh trong bể-khổ. Cũng vì ý ấy đức Phật Di-Đà khi đã chứng-quả Niết-Bàn Ngài bèn phát thệ rằng : « khi nào chúng-sinh còn khổ-ải ta quyết không chứng-quả Niết-Bàn » .

Lành thay ! một lòng hỉ-xả Đạo-đức vô-lượng vô-biên, một tâm từ-bi bác-ái vô-biên vô-giới sáng tỏ câu Kinh này vậy.

Tiết 8 用九：見羣龍无首吉

D. A. Dụng cửu: Kiến quần long vô thủ cát.

D. N. Dùng số 9 : Thấy đàn Rồng không đầu tốt.

B. N. C. H. Dụng-cửu. Phàm nói về phép Bói được Hào Dương đều dùng số (cửu) 9 không dùng số 7 (thất). Đó là cái thông-lệ của 192 hào Dương trong các quẻ, lấy hào này toàn là Dương mà ở đầu cho nên phát ra ở đấy mà Thánh-nhân nhân thể lấy lời lưu lại, nếu bói gặp quẻ này mà 6 hào đều biến-động tức cứ theo đó mà đoán. Tượng 6 Dương đều biến, cứng mà hay mềm đó là Đạo tốt. Cho nên mới tượng là «đàn Rồng không đầu» mà sự chiếm như thế thì được tốt vậy.

Truyện Xuân-thu nói rằng : Cái Khôn của Kiền nói là thấy đàn Rồng không đầu tốt, bói thì dùng toàn Quái-từ của Khôn. Nết trinh-bền của con ngựa cái (tượng của quẻ Khôn) trước mê sau được, ở phương Tây-bắc mất bạn.

LỜI-BÀN. Tại sao dùng 9 và 6. Ở trong bản-nghĩa của Chu-hi có nói dùng số 9 là vì Lão-Dương mà không dùng 7 là Thiếu dương. Dùng số 6 là vì Lão-Âm mà không dùng số 8 là Thiếu-âm.

Muốn hiểu rõ ràng ta giở bản-đồ hình Lạc-thư ra coi thì thấy :
Thái-dương cư nhất (1) mà liên cửu (9).
Thái-âm cư tứ (4) mà liên lục (6).
Thiểu-dương cư tam (3) mà liên thất (7).
Thiểu-âm cư nhị (2) mà liên bát (8).

Ta thấy ở trên Thái-dương ở cung 1 mà liên-hợp số 9 và Thái-âm ở số 4 mà liên-hợp với số 6 còn số 7 là số của Thiểu-dương và số 8 là số của Thiểu-âm.

Thánh-nhân dùng số 9 cho Dương mà số 6 cho Âm là có nhiều ý-nghĩa. Đó là những con số có sự cân-đối điều-hòa với nhau. Nếu cộng hai số với nhau 9 + 6 = 15 là được số 15 và giở bản-đồ hình

Lạc-thư ra coi ta sẽ thấy : theo chiều nào cũng được nhưng kể cả số ở chính giữa, ta cộng các chấm ở bản-đồ thì ta được :

9 + 5 + 1 = 15 4 + 5 + 6 = 15.

3 + 5 + 7 = 15 8 + 5 + 2 = 15.

9 và 6 là hai con số gồm lại thành số 15 là số thăng-bằng để giữ lấy sự quân-bình điều-hòa của Vũ-trụ. Nếu ta lấy Kiền tượng hình ba chấm ☰ Khôn tượng hình bằng 6 chấm ☷ nếu ta lấy Âm-dương cấu-hợp tức là ䷀ Kiền và Khôn ta cũng được 9 nét tức là Thiên ☰ Địa ☷ định vị.

Trời Đất định ngôi thứ cộng là 9 nét.

Thủy ☵ Hỏa ☲ không bắn nhau cộng là 9 nét.

Sấm ☳ Gió ☴ sát nhau cộng là 9 nét.

Núi ☶ Trầm ☱ thông khí cộng là 9 nét.

Thái-dương dùng số 9.

Thái-âm dùng số 6.

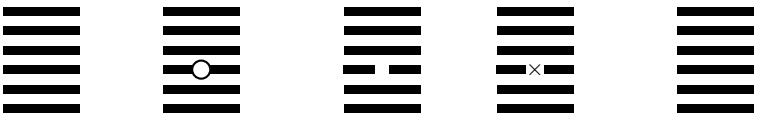
Thánh-nhân dùng hai số đó để mô-tả các hào.

Hào thuộc Dương thì nói cửu (số 9).

Hào thuộc Âm thì nói lục (số 6). Vì vậy dùng hai số trong khi đọc hay viết để mô-tả cái tính-cách của hào mà thôi. Vì trong Dịch-lý một cái gì để tượng-hình hay mô-tả là cổ ý-nghĩa để điều-hòa với nhau theo luật-lý của Tạo-hóa.

Hào xem có hào động, hào tĩnh đó là phép xem bói.

Hào tĩnh là hào không biến-động theo nguyên-chất của hào-từ mà đoán còn hào động là hào biến. Hào biến là thế nào? Hào biến là hào có dương thái-quá thì hóa ra âm, có âm thái-qúa thì hóa ra dương, hào biến cổ hai cách biến ví dụ:



Quái (1) là quẻ Kiền an-tĩnh không có biến.

Quái (2) là quẻ Kiền nhưng hào thứ ba hay hào cửu-tam động «Trùng». Nghĩa là cái dương vì cửu là số 9 biểu-hiệu hào dương thái-quá mà biến thì gọi là động «trùng».

Vậy quẻ Kiền hào cửu-tam động (hào cửu-tam hóa ra sang quẻ bên là hào lục-tam thành quẻ Đoài ở dưới). Vậy thì quẻ Kiền biến thành quẻ Lý.

Quẻ Lý là quẻ ở trên có Kiền dưới có Đoài.

(3) Hào lục tam động thì gọi là động Triết.

Số lục biểu-hiệu là hào Âm. Ở đây Âm thái-quá thì biến thành Dương. Vậy lục-tam biến sang quẻ bên thành cửu-tam.

Quẻ Lý biến thành quẻ Kiền. Lấy ví-dụ biến-hóa của quẻ trên thì ta nhận thấy cửu và lục chỉ là những tiếng gọi để phân-biệt hào dương hay âm thôi.

Cái nghĩa của quẻ biến, theo sách Bốc-phệ chính-tông và Huỳnh-Kim-Sách nói rằng : Hào động Trùng là hào biến chỉ chuyện đã qua, hào động Triết là hào biến chỉ chuyện sắp tới; xem Thoán và Hào-từ quẻ
mình chiêm làm gốc và xem Thoán và Hào-từ quẻ biến làm kết-quả sự đã qua hay sự sắp tới. Hóa cho nên trên đây trong Xuân-thu Truyện cũng nói như vậy. Nếu 6 hào của quẻ Kiền đều biến cả thì được 6 hào âm tức là quẻ Khôn ở quẻ Kiền mà ra. Vậy cái nhân là quẻ Kiền còn cái quả là quẻ Khôn.

Vậy phải xem quẻ biến để biết kết-quả của Quẻ. Vì vậy mới nói bói được quẻ ấy thì dùng Quái-từ của Khôn.

Vì cớ đó : dùng 9 thấy Rồng không đầu tốt là vậy. Dương là Rồng thái-quá thì biến ra âm. Rồng thái-quá thì mất đầu, cả đàn 6 con đều mất đầu là đều biến cả thì thành 6 âm, thành quẻ Khôn, lấy quái-từ của quẻ Khôn là tốt.

Kiền là thuần dương cứng-mạnh hết sức, cái sự cứng-mạnh thái-quá

thì sẽ thành bạo-ngược ngông-cuồng, sẽ hại đến đức, đến thân, vì vậy nó biến ra Khôn thuần âm là mềm-mại thuận tùng để chế-biến cái gốc quá cứng-mạnh đi nên nói là tốt.

Tiết 9. 彖曰：大哉乾元萬物資始乃統天。

D. A. Thoán viết : Đại tai! Kiền Nguyên, vạn-vật tư thủy nãi thống Thiên.

D. N. Lời Thoán nói rằng : Lớn thay! cái đức nguyên-vẹn của Kiền, vạn-vật nhờ đó mà bắt đầu bèn gồm cả Trời,

B. N. C. H. Thoán là lời của Văn-vương lưu lại. Truyện là lời của Khổng-tử dùng để thích nghĩa kinh Dịch. Sau phàm nói đến Truyện đều có nghĩa như trên đây.

Ở đây Truyện lấy đạo Trời làm rõ nghĩa quẻ Kiền lại chia Nguyên Hanh Lợi Trinh làm bốn đức-tính để phát cái sáng của nó ra, bắt đầu tiết nầy thích nghĩa chữ «Nguyên», Đại tai! (lớn thay !) là lời than.

Nguyên là to lớn vậy.

Kiền Nguyên là khởi đầu lớn lao trong đạo Trời cho nên vạn-vật sinh ra đều nhờ nó làm khởi đầu, lại là đầu bốn đức-tính mà thông-suốt cả đầu các cái Đức của Trời cho nên nói thống Thiên là tóm gồm cả Trời vậy.

LỜI-BÀN. Đã giải cái đức Nguyên ở trên.

Cái Nguyên-vẹn của Nguyên-tử căn-bản sự sinh-tồn của muôn vật và một khi những Nguyên-tử đó trở về với cái Đại-Nhất cũng như lúc chỉ có cái Đại-Nhất mà ta gọi giản-dị là Trời. Chưa có sự khởi-thủy căn-nguyên của Vũ-trụ của muôn vật.

Nói đến cái đức-tính Nguyên của Trời thì to lớn cực-kỳ vô-cùng vô-tận.

Cái Nguyên là đầu bốn đức-tính của Trời : Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh. Cái Nguyên to lớn thông-suốt cả từ đầu tới cuối cái đức-tính của Trời.

Một khi một vật gì sống hay chết mà thành ung-thối phân chia ra thành những phần khởi vi-thủy, thành những Nguyên-tử nhỏ tí ti trở về theo cái «Đại-nhất» để chờ đến khi cái sinh - linh - khí cho một mãnh-lực mới mẻ để có thể hiện-hành một cuộc sinh-tồn mới mẽ. Đó là cái công cuộc khởi-thủy để sinh muôn vật. Sinh sinh hóa hóa, rồi lại tự về Đại-nhất. Nguyên-tử là bất-diệt vì nó là một tiểu-thiên-địa gồm cả Vũ-trụ ở trong tượng-hình cả cái Đại-thiên-Địa, cái Đại-nhất, (theo Einstein). Như vậy cái công-việc của cái đức-tính nguyên-vẹn của Trời là công-việc Trời. Vậy nó tóm-thâu tất cả, nó là (Đại-nhất) Nó là Trời. Vì vậy tuy Thoán-từ nói : to lắm thay cái đức Nguyên của Kiền mà vạn-vật nhờ đó bắt đầu sinh ra.

Tiết 10. 雲行雨施品物流形。

D. A. Vân hành vũ thí phẩm vật lưu hình.

D. N. Mây chạy mưa rơi, phẩm vật lưu hình.

B. N. C. H. Đây giải thích đức Hanh của Kiền.

LỜI-BÀN: Trong Vật-lý-học Âu-Tây có câu (La Différence de potentiel produit la courant). Hai cực điện khác nhau nên sinh ra hai luồng - điện. Những làn điện-khí khác loại nhau thì hấp-dẫn nhau «les pôles de noms contraires s'attirent» sự va - chạm sinh lửa cháy như chớp và hai làn-điện cùng loại nhau thì đẩy nhau (les pôles de même noms se poussent) như vậy cõi Vô-cực đã là một bầu điện-khí ắt có sự va-chạm hấp-dẫn nhau hay đun-đẩy nhau. Trong khi đó cái Tĩnh muôn kiếp của cõi Vô-cực bắt đầu động mà sinh ra một ánh lửa thần-linh đầu tiên. Trong lúc động đó những Nguyên - tử của các nguyên-nhân dần dần thành tượng bởi cái mà trong kinh Dzyan gọi là Fohat, con «Hỏa-xà» của Vũ-trụ tức là cái điện-khí của Vũ-trụ. Đó là điện-khí thần-linh sơ-thủy làm cõi sinh-tồn bằng cái điện-lực và phân-tách cái màn đầu tiên hay là cái thể-chất, trước khởi-nguyên ra thành Nguyên-tử. Nhưng Nguyên-tử là căn-nguyên của muôn loài và tất cả tình-cảm.

Fohat là nguyên động-lực thần-diệu đệ nhất và
chỉ riêng trong Bí-Triết-lý (cái đời Sinh-tồn hòa trong cái thể-chất sơ khai) cái nguyên-thể nó hợp thành muôn vật và cái tâm-ý quyết - định hình-thể. Như vậy thì thấy rõ muôn vật đều theo mệnh-lệnh riêng từng loài một, theo cái quyết-định của nguyên-động-tử. Nó đã xếp đặt từng loài theo từng hình đã quyết-định. Như trên Trời có mây bay có mưa rơi, cũng như dưới đất có chim bay, thú chạy v. v...

Sự lưu-chuyển các hình thể của muôn loài đã quyết-định riêng loại nào theo loại đó, có một thứ-tự đặc-biệt mà ta tưởng là tự-nhiên. Như loài chim có mỏ có lông, chim bay cá lặn, lại còn định cả cái thời-gian chuyển hình nầy qua hình khác như gà ấp 21 ngày thành gà con, người chửa trong 9 tháng 10 ngày thì đẻ, hay trâu chửa 12 tháng thì đẻ v. v...

Câu Thoán trên gồm tất cả cái ý-nghĩa Hanh-thông của quẻ Kiền.

Trên thì tả sự Hanh-thông trên Trời, dưới thì tả sự Hanh-thông dưới Đất.

Một khi đã Hanh-thông cả trên Trời dưới Đất thì sự Hanh-thông rộng lớn biết chừng nào.

Tiết 11. 大明終始六位時成時乘六龍以御天

D. A. Đại-minh chung-thủy, lục vị thời thành, thời thừa lục Long dĩ ngự Thiên.

D. N. Sáng tỏ rõ-rệt đầu đuôi, sáu ngôi gặp lúc nên là lúc cỡi sáu con Rồng để ngự trên Trời.

B. N. C. H. Đầu (thủy) tức là Nguyên, đuôi (chung) gọi là Trinh, không có đuôi thì không có đầu, không Trinh thì không có gì làm Nguyên vậy. Đây nói Thánh-nhân tỏ ra thật rõ-ràng cái đầu đuôi của đạo Kiền, thì thấy sáu ngôi trong quẻ, đều theo Thời mà thành. Cưỡi sáu hào dương đó để thi-hành đạo Trời, ấy là cái Nguyên Hanh của Thánh-nhân vậy.

LỜI-BÀN — Đầu là Nguyên, đuôi là Trinh. Ở đời này muôn vật sinh ra đều phải theo cái luật-định « đầu và đuôi » cả, cái gì có đầu phải có đuôi. Có đuôi phải có đầu, không bao giờ có căn-nguyên gì lại không có cái đuôi chấm dứt. Đó là 2 cái đức-tính đối nhau của quẻ Kiền vậy. Trong khoảng từ Nguyên đến Trinh, tức là từ Đầu đến Đuôi, muôn vật đều chịu cái luật-định của 2 đức-tính của Kiền là Hanh và Lợi.

Cái vòng luân-hồi vô-cùng-tận của muôn vật trong cõi sinh-tồn này, vật gì cũng bắt đầu sinh ra, lớn lên, làm thành thêm ra, và sau chết rồi những cái nguyên-tử đã phối-hợp nó lại tan-rã ra và lại trở lại nguyên-thủy, rồi lại sinh, hóa lại, thành rồi chết, cứ như thế trong vòng Luân-hồi của cõi Sa-Bà này, hết kiếp này qua kiếp khác. (Ở

trên tôi đã bàn tới cái nghĩa của bốn cái Đức quẻ Kiền). Thấu được cái nghĩa đầu đuôi, thì rõ cái hành-vi của Trời vậy.

Theo như Sáu Ngôi của quẻ Kiền cho ta hiểu rằng :

Hào sơ cửu : Một khi cái nguyên-tử khởi-đầu có chìm-đắm, ẩn-náu ở trong cái âm-hộ thì lúc-đó vật mới ở trong cái thời-kỳ phôi-thai, chưa hiểu biết nhiệm-vụ nó ở đâu, là Nguyên, cái Nguyên-đầu hãy còn ẩn-náu, trong sự yên-tĩnh thì cái Nguyên chưa dùng được vậy.

Hào cửu-nhị : Cái Nguyên-đầu của Kiền ở hào-hai, hào dương ở vị âm, hào giữa quẻ dưới có ý nghĩa nói cái nguyên-đầu hay cái bào-thai đã lên trên mặt đất cùng với Thiên-hạ. Vậy thì cái bào-thai đó còn yếu nhưng lợi ở chỗ thấy người Lớn. Thấy người Lớn để nuôi cái bào-thai đó cho lớn lên bằng một cách chính-đính.

Hào cửu-tam. Một khi cái Nguyên đó đã lớn dần bằng sự giáo-dục dắt-dẫn của người Lớn, mà người Lớn cả ngày từ sáng tới tối chăm chăm lo sợ, cố-gắng luôn luôn để cho nó đi theo đường chính thì không có lỗi vậy. Chỗ này Thánh-nhân muốn mô-tả hào-dương ở ngôi chính và là hào đầu của quẻ dưới. Đây thì dương cũng chưa thái-quá, nhưng dương đây cũng đã mạnh, mạnh-mẽ theo bậc dưới. Hóa cho nên lúc nào cũng phải chăm-chú mới đi được con đường chính, mới không có lỗi.

— Hào cửu tứ : Đến đây cái dương khí trước mới là nguyên-đầu của một Bào-Thai giờ đã mạnh được ở cái vị trên quẻ dưới, mà lại là dưới quẻ trên, thì lúc đó là lúc tùy thời mà tiến-thoái, lúc này là lúc « học khôn » của con người phải biết luật-lệ mà tiến-thoái theo những hoàn-cảnh của đời đối với một kẻ mới lớn lên.

— Hào cửu-ngũ. : Lên đến đây thì cái sức của Rồng vừa tới lúc mạnh-mẽ tột-điểm, cái đẹp-đẽ trên ngôi quý-báu ví như Rồng gặp mây, cá gặp nước, tha hồ vẫy-vùng bốn bể. Nhưng Thánh-nhân lại khuyên rằng : Lợi thấy người Lớn, để truyền-bá cái Đức hay, hay để làm dịu bớt sự thái-quá, cũng như đời người lúc được phồn-thịnh mạnh-mẽ, quyền-cao tước-trọng nhất, thôi tha hồ mà thi-hành nguyện-

vọng. Nhưng nên thấy người Lớn để người-ta dìu-dắt đến con đường chính-đại quang-minh.

Hào thượng-cửu: Khi mà cái gì thái-quá cũng có sự ăn-năn, khi người ta có quyền quý lớn trong tay mà làm quá cái hạn-định oanh-liệt của mình tất phải tù-tội hay suy-diệt.

Từ hào sơ-cửu đến hào Thượng-cửu Thánh-nhân tỏ rõ một trạng-thái của Nguyên-tử tiến theo bốn cái Đức chính của quẻ Kiền.
Đức Nguyên ở hào sơ-cửu.
Đức Hanh từ hào cửu-nhị đến hào cửu-tam.
Đức Lợi từ hào cửu-tứ đến hào cửu-ngũ.
Đức Trinh từ hào thượng-cửu đến trên hào đó.

Trong đó gồm một đời của Nguyên-tử, các trạng-thái từ đầu đến cuối tỏ ra một cách rõ-ràng, và một khi nó đã qua sự thành nên ở ngôi 6 cưỡi sáu con Rồng mà ngự trên Trời vậy.

Trong cuốn Doctrines secrètes của bà Blavatsky có đoạn nói rằng :

« Chaque Atome a Sept plans d'être ou d'existence et chaque plan est gouverné par ses Lois spéciales d'évolution et d'absorption ».

Mỗi một Nguyên-tử có 7 cõi sinh-tồn và mỗi cõi có những luật riêng của sự tiến-hóa và sự hấp-dẫn cai-quản.

Như vậy trong Dịch nói có sáu thời tức là sáu cõi, còn cõi thứ 7 là cõi Trời, vì hết sáu cõi nó cỡi sáu con Rồng lên ngự trên Trời.

Ngự trên trời. Là hợp-nhất với cái Đại-nhất rồi để đi làm công việc biến thể.

Tiết 12 乾道變化各正性命保合太和乃利貞

D. A. Kiền Đạo biến-hóa các chính Tính-mệnh, bảo hợp thái-hòa nãi Lợi Trinh.

D. N. Đạo Kiền biến-hóa, các vật đều được định Tính-mệnh (Vật nào mệnh đó) giữ hợp được khí Thái-hòa mới được lợi-ích trinh-bền.

B.N.C.H. Biến là Hóa dần dần, Hóa là sự thành của Biến. Cái mà vật hấp-thụ là Tính, cái mà Trời phú cho là Mệnh. Thái-hòa là khí âm-dương hội-hợp dung-hòa với nhau. « Các chính » là được từ khi mới sinh.

« Bảo-hợp » là giữ được toàn-vẹn sau khi đã sinh. Đây nói sự biến-hóa của Kiền Đạo, không có
chỗ không lợi, mà trong muôn vật, vật nào được đúng Tính-mệnh ấy để tự bảo-toàn.

Đó là thích-nghĩa hai chữ « Lợi Trinh » vậy.

LỜI BÀN — Đã giảng nghĩa Lợi Trinh xin coi ở trên Kiền, Nguyên, Hanh Lợi, Trinh,

Mỗi một nguyên-tử trong Đại-nhất xuất ra đều hành-động theo cái luật-định của nguyên-động-tử. Mỗi thứ nguyên-tử theo một đạo-luật riêng đã định. Nguyên-tử của người sẽ thành người, cho rằng nhỏ tí ti, khi con người ta mới là một chấm nhỏ, trong tinh-khí của người ta, sau khi trong bụng mẹ nó thành một bào-thai, phải dung-hòa cái khí thái-hòa ở trong cái nguyện-tử sơ-khai đó, gồm có đủ nguyên-tử khác, cái làm xương, làm da, làm thịt, làm óc, làm phổi v.v. Một khi đã thành thai bắt đầu bởi một nguyên-tử nhỏ không thể tưởng-tượng được. Đó là mỗi một vật có một Tính-mệnh riêng, Rồi với thời-gian nó thành hình, các nguyên-tử đều làm việc để phát-triển lên và thành ra người, rồi lại sinh con đẻ cái theo nòi nào giống ấy, theo một con đường chính-đính; ta thấy một nguyên-tử nhỏ bé lại thành bao nhiêu người về sau đó là cái Đức Lợi của Kiền. Và những con cháu cứ nối theo sinh hóa mãi đó là sự chính-đáng mà bền-bỉ của Đạo Kiền. Đó là đức Trinh vậy.

Tiết 13. 首出庶物萬國咸甯

D. A. Thủ xuất thứ vật Vạn-Quốc hàm ninh.

D. N. xuất Đầu mọi vật Vạn-quốc đều yên.

Ngự-án : Nguyên Hanh Lợi Trinh là chiêm-từ chỉ dụng ý, có sự cả

lớn ở trong đó, nên sau sự hanh-thông, cả lớn có ở đó vậy, để có thể lấy sự cố-thủ, nên Khổng-Tử lấy Tứ-Đức làm ra thật rõ là cốt để phát cái ý của Văn-Vương ra không phải khác Văn-Vương vậy.

Chu-tử nói rằng: Nguyên Hanh Lợi Trinh, lấy ví-dụ các thứ có thể thấy được, như cái mầm mạ của hạt thóc là Nguyên, lúc mạ đã mọc lên là Hanh, lúc là « lúa con gái » có đòng đòng là Lợi thành bông lúa là Trinh.

Lại nói rằng : chỗ sinh ra lá cây Mai là Nguyên khai hoa là Hanh, kết-quả là Lợi, thành chín là Trinh

Họ Hồ nói rằng : Bản trên của Văn-Vương thuyết về Bốc-Phệ Phu-tử theo nghĩa-lý trên mà giải, chủ lấy một nghĩa-lý, cũng thường không suy về Bốc-Phệ hay sao ?

Họ Khưu nói rằng : Nguyên-thủ là tượng Vua, Thánh-nhân ở đó mà ra, có chỗ đầy đủ trong
Thiên-hạ rồi sau cùng tất cả Vạn-quốc hòa-đều đến chỗ hàm-ninh [1] vậy.

Chu-tử nói rằng : Thánh-nhân tuy ở dưới cũng có 4 Đức : Nguyên Hanh Lợi Trinh bất tất ở trên cũng vẫn như thế, như Khổng-Tử xuất-chúng bạt-quần một mình tiến lên, ví như cái đầu xuất lên trên mọi vật, làm sách, lập ngôn để cho Hậu-thế, như vậy là cái nghĩa Vạn-quốc hàm ninh.

B.N.C.H. Thánh-nhân ở trên cao hết mọi vật cũng như sự biến-hóa của đạo Kiền, khắp trong Vạn-quốc, nước nào được nơi trốn nước ấy mà yên-ổn, cũng như muôn vật, vật nào được chính Tính-mệnh vật ấy, mà giữ hợp cái khí Thái-hòa vậy.

Đây là cái đức Lợi-Trinh của Thánh-nhân cũng vẫn thường lấy cái ý thống-nhất mà luận.

Nguyên là vật mới sinh ra, Hanh là vật tốt tươi, Lợi thì hướng về cái quả, Trinh là cái quả đã thành. Quả mà đã thành thì cái dễ cuống của nó rơi rụng có thể trồng cho mọc lại vậy. Đây là ví 4 cái Đức như cái vòng tròn mà không có đầu cuối. Tuy-nhiên trong khoảng

4 cái Đức ấy có khi sinh ra mà lưu-hành không có gián-đoạn, đó là cái đức Nguyên. Sở dĩ để bao-hàm cái Đức mà gồm cả Đạo Trời. Nay lấy Thánh-nhân mà nói, thì cái ý của đức Khổng-Tử cho rằng : Quẻ này là quẻ chiếm của bậc Thánh-nhân được cái ý của Trời mà thi-hành đạo Trời để đem đến sự Thái-Bình.

LỜI BÀN. Nếu trên Thế-giới này có một vị Thánh-nhân trên đầu mọi vật; được cái ý-của Trời, mà thi-hành đạo Kiền, để giữ lấy sự Thái-Bình cho Nhân-loại thì khi nào có những trận-giặc khủng-khiếp như bây giờ, chỉ vì lòng người ta tham lợi quá và chỉ vì người ta tôn-sùng cái Văn-minh sơ-khai vật-chất này mà người ta đã cho là thần là thánh, chỉ vì 2 cái đức-tính ấy mà nó đưa loài người vào cuộc thê-thảm, quỉ-khóc thần-sầu. Ôi !-Văn-minh ! Ôi ! Thánh-thần thay ?

Chu-Hi nói trong khoảng 4 cái Đức ấy có khí sinh ra mà lưu-hành không có gián-đoạn. Ta thấy rất đúng với sự khảo-nghiệm của các nhà Bác-học Âu-Tây nói cõi Vô-cực là điện-khí mà trong Kinh Dzan gọi là Fohat, con « Hỏa-Xà » để giảng cái vòng tròn không có đầu cuối của 4 cái Đức trong thi-tiết VI — tiết 4 D.S — cái luật thống-trị sự sinh và tử của tất cả cái gì ở trong Vũ-trụ, từ mặt Trời cho đến con đom đóm bay trên cỏ, có một sự làm việc không ngừng đến chỗ tuyệt-diệu của cõi sinh-tồn mới-mẻ. Nhưng cái thể-chất và năng-lực cũng như nhau, theo cái vòng của tứ-đức, tức là cái vòng luân-hồi của nhà Phật. Chết có phải là hết đâu ? Một vật chết nhưng nó vẫn còn sống, những cái vụn-vặt rữa nát của cái xác tan-rã ra còn có sự sống hoạt-động và tiêu-diệt trong cái xác, mà trước kia nó hợp-thành, hiện-tại không còn sống còn hồn. Câu trên cho ta biết những Nguyên-tử trở về với Trời để lại qua những cuộc sinh-tồn mới mẻ khác cứ như một cái vòng tròn chơn-chuốt không có đầu có cuối vậy.

---

[1] *Hàm đề tập ninh : có sự hòa-đều, yên-ổn tất cả.*

Tiết 14. 象曰天行健君子以自强不息

T.A Tượng viết: Thiên hành Kiện Quân-tử dĩ tự cường bất tức.

D.N. Lời tượng nói rằng: Trời đi mạnh người Quân-tử theo đó tự cường không nghỉ.

C.T. Tượng-truyện của Phu-tử giải Tượng một quẻ gọi là Đại-Tượng.

Họ Hồ nói rằng : Trời có ngày có đêm đi hơn 90 vạn lý. Người một hô một hấp làm một tức, trong thời-gian một tức thì Trời đi được 80 lý. Họ Du nói rằng : thật là thành-thực không nghỉ Trời hành kiện vậy. Như sự hành-động của
Văn-Vương là gom về một mối. Chưa thường không nghỉ mà chẳng nghỉ. Đó là đức Tự-cường của người Quân-tử, như Nhan-tử không trái đức Nhân trong ba tháng, là thể vậy.

Họ Hồ nói rằng : Phu-tử làm Đại-tượng cho 64 quẻ, đều viết một chữ Dĩ 以 Dĩ nghĩa là chỗ lấy cái thể-chất của Dịch mà dùng, dạy Học-giả muôn đời cách dùng Dịch vậy.

B.N.C.H. Tượng đây là lời của Phu-tử buộc vào hai Tượng hình trên, dưới của quẻ và sáu hào của hai Tượng. Trời là hình-tượng của quẻ Kiền. Phàm những quẻ trùng nhau đều lấy nghĩa là trùng, trừ một quẻ này không thể vì Trời chỉ có một mà thôi. Chỉ nói là Trời đi thì thấy ngày nay một vòng ngày mai lại một vòng giống như hình-tượng trùng-phục, phi cái sức thật mạnh không thể như thế được. Quân-tử theo phép đó, không để nhân-dục hại cái cứng-mạnh, cái Đức của Trời thì phải tự-cường không nghỉ vậy.

LỜI-BÀN : Đạo người Quân-tử là đạo Trời, quẻ Kiền là hình-tượng của Trời, mỗi ngày một vần-xoay. ngày nầy qua ngày khác, đó là công-việc của mặt Trời tươi-sáng nuôi sống muôn-vật, phi cái sức mạnh đó thì không thể có như thế được. Vậy người Quân-tử lấy đạo Kiền làm gốc thì lúc nào cũng như
Trời tự-cường, tự cho mình là mạnh không nghỉ vậy. Theo đạo luật-định thống-trị muôn loài lúc nào cũng có sự làm việc không ngừng

đến chỗ tuyệt-diệu của mỗi một sinh vật mới mẻ. Cho đến cái gì ta gọi là chết, nhưng nó vẫn làm việc như thường.

Tiết 15. 象曰：潛龍勿用，陽在下也。

D A. Tượng viết : Tiềm Long vật dụng, Dương tại hạ dã.

D.N. Lời tượng nói rằng : Rồng lặn chớ dùng, Dương ở dưới vậy.

C.T. Tượng-Truyện của Phu-tử, giải Tượng một hào gọi là Tiểu-tượng.

Truyện : Hào Cửu là dương số thịnh, nên gọi là dương-hào cái lý vô-hình nên lấy giả-tượng để làm rõ nghĩa. Rồng là con vật linh biến-hóa bất-trắc, nên lấy để tượng sự biến-hóa của đạo Kiền. Hào Sơ-cửu là hào dưới của quẻ. Thánh-nhân trắc-vi như con Rồng còn ẩn-náu (Long dáng ở tiết Thu-phân) nên an-dưỡng đợi Thời.

Trình-Tử nói rằng : Quẻ Kiền, 6 hào ví như những lúc muốn gặp Thánh-nhân, còn ở dưới như
ông Thuấn, có thể thấy ở lúc còn trong thời hàn-vi trác-lậu thì nên ẩn-tránh, vào thời câu cá nên hiện ra, thời có tiếng tăm tiến lên thì nên kiền, kiền (gắng-gỏi), ở vào thời trong rừng lớn thì nên nhảy lên.

Hoặc hỏi họ Trình lấy 4 hào trong Dịch : Sơ, Nhị, Tam, Tứ, để nói về vua Thuấn chăng ? Chu-tử nói rằng : — Đạo này là lấy ý suy nghĩa của tượng hào không phải cốt để chỉ ai. Cái gốc của Dịch nhân trong Chiêm-từ Bốc-phệ có cái lý ấy, như bói được Hào này nên xem Tượng này, mà ngắm lời Chiêm của nó. Chiêm được quẻ Kiền ấy ở trong đã có cái ý thấy Vua Thuấn ngay bên đó chỉ là thích cái hư-thuyết.

Họ Thẩm nói rằng : Dịch là Quân-tử mưu không là Tiểu-nhân mưu. Quẻ Kiền nói : Rồng ẩn không dùng, muốn nói người Quân-tử không tiến. Quẻ Khôn nói : Bước chân vào Sương Tuyết trinh-bền là phòng đạo Tiểu-nhân lớn lên.

B N.C.H. Dương là hào Cửu, Hạ là lặn xuống dưới.

LỜI-BÀN : Cái Thánh-đức, hay cái đạo Trời còn ẩn-núp thì chưa thi-hành và phát-triển được. Nhưng ở trong hào dương, dương ở dưới ngụ cái ý còn non-nớt, tuy dương là một cái gì quí-báu và có cái ý tiến lên dần dần vậy.

Tiết 16. 象曰：見龍在田，德施普也。

D.A. Tượng viết : Hiện Long tại điền Đức thí phổ dã.

D.N. Lời Tượng nói rằng : Rồng hiện ở ruộng Đức lan rộng vậy.

Truyện. Thánh-nhân coi đó, ví như cái Thời còn làm ruộng và đánh cá của Vua Thuấn.

LỜI-BÀN: Là cái Đức đã hiện lên trong Thiên-hạ. Đức là một ánh-sáng của thần-linh vậy, cái ánh-sáng sẽ được lan-rộng, vì cái tâm-tính cần có Đức cũng như xác-thịt cần cơm gạo, cơm gạo rất cần thiết cho xác-thịt cũng như Đạo-đức rất cần-thiết cho tinh-thần vậy.

Tiết 17. 象曰：終日乾乾反復道也。

D.A. Tượng viết : Chung nhật kiền kiền, phản phục Đạo dã.

D.A. Lời tượng nói rằng : Suốt ngày chăm chăm chú chú, trở đi trở lại với Đạo vậy.

Truyện. Hào Ba là ngôi của người (hào-sơ, nhị là Đất, hào ngũ thượng là Trời, hào ba, bốn là người). Ở ngôi trên quẻ dưới, hết ngày (hào Ba tượng là cái trót của quẻ dưới) không lười-nhác mà luôn luôn lo-sợ. (Tính thể cứng-mạnh nên có tượng luôn luôn lo sợ lỗi lầm) thì tuy ở chỗ nguy-hiểm (trọng cương không giữa, ở trên quẻ dưới đó là chỗ nguy) mà không lỗi.

Họ Mã nói rằng : Kiền Khôn là cái Đức của Thánh-Hiền. Nhưng quẻ Kiền không chuyên nói về Thánh-nhân, từ hào 2, 5 ngoài chữ Đại-nhân chỉ nói Quân-tử, khiến Thiên-hạ đều có thể không cứ là Thánh-nhân cũng có thể đến được.

Lại nói rằng : Dịch là làm cho Thiên-hạ nên lập làm lời răn-giới, sở dĩ để lập-giáo vậy.

B.N.C.H. «Phản-phục» là gì? Là ý tiễn-biệt nhiều lần suốt ngày chăm chăm chú chú với Đạo-lý trở đi trở lại luôn luôn với Đạo, sợ Đạo-lý thoát qua đi nơi khác vì đây hào Cửu-tam sắp bỏ quẻ dưới mà lên quẻ trên, cho nên có cái ý tiễn-biệt nhiều lần.

Tiết 18. 象曰：或耀在淵進无咎也。

D.N. Tượng viết : Hoặc dược tại uyên tiến vô cữu dã.

D.N. Lời tượng nói rằng : Hoặc nhảy trong vực, tiến lên không lỗi vậy.

B.N.C.H. Có thể tiến mà bất-tất phải tiến.

Truyện. Chữ «Hoặc» là nghi-từ nghĩa là không phải thế vậy. Nhảy hay không nhảy, duy kịp thời để tựu lại chỗ yên vậy. (Vực là chỗ Rồng ở yên, nhảy thì hướng lên trên Trời, muốn tiến thì phải nhảy lên, thoái là ở trong vực, xuất ra như vậy thì không có lỗi). Sự động-tác của Thánh-nhân không gì không đúng Thời vậy.

Hoặc hỏi họ Hồ nghĩa lời-từ hào Cửu-tứ làm ra lớn lao vì ông sợ không đủ cái nghĩa của quẻ.

Trình-tử nói rằng : Hào Cửu-tứ gần Vua, là Thái-tử cũng không hại. Chỉ không cần câu-nhất, nếu chấp-nhất một việc thì 384 hào chỉ làm được 384 việc rồi hết.

Họ Trần nói rằng : Sự di-dịch của Đạo Dịch là biến-dịch không câu-nệ cái gì vậy. Thánh-nhân tức làm theo cái Dụng của Thánh-nhân, phàm-nhân tức làm theo cái Dụng của phàm-nhân.

LỜI-BÀN : Chu-Hi nói : có thể tiến mà bất-tất phải tiến nghĩa ra sao ?

Là vì đạo Trời tức là đạo Kiền gồm có 4 Đức-tính thiêng-liêng và rõ-rệt có thể tiến được lên cõi tuyệt - đối quang - minh. Nhưng phải có cái gì làm phương-tiện cho sự tiến-hóa vậy. Thì đây, thân ta đây là một vật để thi-hành cái Đạo. Chung quanh ta nào động, thực, khoáng-vật của Tạo-hóa đầy dẫy tài-liệu có thể thi-hành được Đạo-lý của Trời, vậy bất-tất phải tiến đi đâu để tìm Đạo-lý. Tiến cũng có thể được là để cho những người mới ở dưới lên trên, không tiến cũng được là để cho người ở gần ngôi-báu, gần cái Đức tột-cực của Thánh-hiền (hào Cửu-ngũ). Câu đó đã tỏ ra nghi-ngờ ở trong hào Cửu-tứ và đủ mô-tả cái vị-thứ của hào Cửu-tứ vậy.

Tiết 19. 象曰：飛龍在天大人造也。

D.A. Tượng viết : Phi Long tại Thiên Đại-nhân tạo dã.

D.N. Lời Tượng nói rằng : Rồng bay trên Trời người Lớn làm việc vậy.

Truyện : Thánh-nhân đã được ngôi Trời (cứng-mạnh trung-chính mà cư tôn-vị). Thiên-hạ vẫn lợi thấy Vua Đại-đức vậy.

Chu-Tử nói rằng : Nếu đã có cái Đức của hào Cửu-Nhị, chiếm được hào Cửu-nhị là lợi thấy hào Cửu-ngũ, ngôi của đấng Đại-đức. Đã là Vua Đại-đức (cửu-ngũ) mà có cái Đức của hào Cửu-ngũ. Chiếm được hào Cửu-ngũ. là lợi thấy hào Cửu-nhị là người Đại-đức lấy Hào và lời Chiếm cùng là Chủ Khách.

Thái-Tổ hỏi Vương-chiêu-Tổ rằng : Rồng bay trên Trời lợi thấy Đại-nhân thì người thường ai có thể chiếm được quẻ này ?

Chiêu-Tổ tâu rằng : Nếu chúng Thần chiếm được thì Bệ-Hạ là «Rồng bay trên Trời» Thần-đẳng lợi thấy Bệ-Hạ vậy. Thuyết này thật hay, như vậy thì trong có 384 hào mà vạn sự vạn vật trong Thiên-hạ không gì không thể tóm-thâu được.

B.N.C.H. *Tạo* nghĩa là làm vậy.

LỜI-BÀN. Chữ *tạo* có nghĩa là làm, ngụ cái ý tự mình lấy bản-năng của mình mà dựng nên một cái gì.

Cái công-việc tạo-tác của các bậc Thánh-nhân thì ví như con Rồng bay trên Trời, nghĩa là được cả 4 cái Đức Nguyên Hanh Lợi Trinh vậy.

Tiết 20. 象曰：亢龍有悔盈不可久也。

D.A. Tượng viết : Kháng Long hữu hồi doanh bất khả cửu dã.

D.N. Lời tượng nói rằng : Rồng mà thái quá có ăn-năn, sự đầy-đủ không có thể lâu vậy.

Truyện : Hào Thượng-cửu đến chỗ cùng-cực thái quá (kháng nghĩa là quá trên mà có ý không hay tới) nên có hối-hận (dương cực âm sinh). Duy có Thánh-nhân biết tiến-thoái tồn -vong thì không đến nỗi hối-hận.

Họ Quách nói rằng : Nghiêu già Thuấn nổi ngôi. Thuấn cũng lấy mệnh Trời khiến Võ. Y Doãn phục chính bỏ phép thừa. Châu-Công là con trở lại làm sáng-tỏ phép-tắc, giữa Vua Tôi đều có Đạo ấy. Cực thì biến, biến thì thông, đó là cái Đạo không hận.

Trình-Tử nói rằng : Dịch lấy Đạo Nghĩa phối-hợp với Họa Phúc, nên là sách của Thánh-nhân ; nhà Âm-dương-học ít nói đến họa-phúc mà không hợp với Đạo Nghĩa cho nên làm ra kỹ-thuật. Như không bắt được chim muông gọi là Cát, được đạo Chính mà chết gọi là Hung, nên Vương-trọng-Yêm nói rằng : Kinh-Phòng, Quách-Phác xưa thường làm loạn người ta vậy.

LỜI-BÀN : Ở đời cái gì cũng vậy già néo đứt giây, quá cái năng-lực của nó thì phải biến-đổi.

Thái quá thì phải biến-đổi, có biến-đổi thì phải có ăn năn. Lẽ thường-tình của đời vậy mà cái sự gì thái-quá thì bất-cập không bao giờ lâu

bền được. Già néo đứt giây, bất-cập là những ngôn-từ mô-tả sự thái-quá, trong đó ngụ ý ăn-năn và ngắn-ngủi.

Tiết 21. 象曰：用九天德不可為首也。

D.A. Tượng viết: Dụng Cửu, Thiên-Đức bất khả vi thủ dã.

D.N. Lời tượng nói rằng : Dụng Cửu, Đức Trời không có thể làm đầu được.

B.N.C.H. Nói dương cứng không thể làm đầu vật được cho nên 6 hào đều biến cứng mà năng mềm thì tốt. Trời hành ở dưới Tiên-nho gọi là: Đại-Tượng. Rồng lặn ở dưới Tiên-nho gọi là Tiểu-tượng, sau cũng theo như thế.

Truyện. Dụng Cửu nói phàm bói được hào dương đều dùng 9 không dùng 7, bởi vì các quẻ có 192 hào dương làm thông-lệ. Thánh-nhân nhân lấy lời Từ buộc vào, khiến gặp quẻ này mà 6 hào đều biến tức lấy lời chiêm này.

Ngự-án : Đàn Rồng tuy hiện lên mà không hiện đầu, là dương gốc ở âm nên nói vậy.

Họ Lã nói rằng : Kiền là đầu của Vạn-vật không phải cái tâm ở đầu Vạn-vật vậy.

Lão-Tử nói rằng: Sau thân của nó mà là trước thân, hình tích tuy không làm đầu mà Tâm thực làm đầu vậy. Xem trên đây có thể hiểu sự biện-bạch công tư của Lão Dịch.

LỜI-BÀN : Hào Dụng Cửu nói cái Đức của Đạo Kiền mà thái-quá thì không có thể làm đầu được. Nếu cái Đức thái-quá thì cái đức của Kiền ở hào đó không theo cái luật của Trời, vì nó thái-quá. Thái-quá tức là đầy quá thì phải đổ, phải suy-sụp. Sự cứng quá độ thì cần phải có mềm để có thể giữ được cái khí thái-hòa của Trời Đất. Vì vậy 6 Hào quẻ Kiền biến thành quẻ Khôn thì tốt, ý Thánh-nhân muốn cho hiểu rõ sự tương-liên tương-đối, tương-hợp của Trời Đất, của âm

dương. Phàm cái gì hữu-hình ắt hữu hoại, có thủy phải có chung, có thịnh phải có suy, dinh hư, tiêu-trưởng cũng đều do cái lý trên cả. Hóa cho nên biết được chỗ đến của sự vật, biết dung-hòa được ắt muôn việc đều thành nên Tượng vậy.

Tiết 22. 文言曰：元者善之長也。亨者嘉之會也。利者義之和也。貞者事之幹也。

D.A. Văn-ngôn viết: Nguyên giả thiện chi trưởng dã. Hanh giả gia chi hội dã. Lợi giả nghĩa chi hòa dã. Trinh giả sự chi cán dã.

D.N. Văn-ngôn nói rằng : Nguyên là sự trưởng thành của điều Thiện. Hanh là sự tụ-họp sự vui-đẹp tốt-tươi. Lợi là sự hòa-hợp của điều Nghĩa. Trinh là gốc của mọi việc.

C.T. Văn-ngôn-truyện của Phu-Tử thêm ý của Thoán-Truyện ở dưới.

Truyện : Là Thoán-Tượng của quẻ ấy mà thôi, chỉ có 2 quẻ Kiền Khôn thêm thuyết Văn-Ngôn để phát-minh cái nghĩa của quẻ, còn các quẻ khác cũng lấy lệ ấy mà suy,

B.N.C.H. Thiên này nói lại ý của Thoán-truyện Tượng-truyện cho thật hết cái ý-nghĩa hãy còn chứa ở hai quẻ Kiền Khôn, thuyết-lý của các quẻ khác nên theo ý-nghĩa đó mà suy.

Nguyên. Là khởi đầu của sinh-vật, là Đức của Trời Đất không có gì ở trước nó, cho nên
ở mùa là mùa Xuân, ở người là đức Nhân, là đầu các điều Thiện.

Hanh. Là sự thông-suốt của sinh-vật. Vật đến đó không có cái gì là không tốt-đẹp cho nên ở bốn mùa là mùa Hạ, ở người là Lễ là sự tụ-họp của các sự tốt đẹp.

Lợi. Là sự toại-lòng của sinh-vật. Vật nào được cái sở-nghi của vật ấy, không hại lẫn nhau, cho nên ở bốn mùa là mùa Thu, ở người là Nghĩa mà được sự hòa-hợp của từng lớp, từng phân.

Trinh. Là sự thành-đạt của sinh-vật, thực-lý đầy-đủ theo các nơi đều đủ, cho nên ở mùa là mùa Đông, ở người là Trí mà là gốc của việc. Cán là thân của loài cây mà cành lá đều y ở đó mà dụng mọc.

LỜI-BÀN : Trên đây là thiên Văn-Ngôn nói thêm để cho thật hiểu hai quẻ Kiền và Khôn. Tả rõ ràng bốn cái Đức Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh. Theo sự vật vô-hình và hữu-hình để cắt cái nghĩa thật rõ rệt. Lấy tính-tình, tình-cảm người, lấy về 4 mùa trong năm để cho Thiên-hạ thấu-triệt cái ý-nghĩa thâm-trầm của Đạo Kiền vậy.

Tiết 23. 君子體仁足以長人嘉會足以合禮，利物足以和義，貞固足以幹事。

D.A. Quân-tử thể nhân túc dĩ trưởng nhân gia hội túc dĩ hợp Lễ lợi vật, túc dĩ hòa nghĩa, Trinh cố túc dĩ cán sự.

D.N. Người Quân-tử thể theo điều Nhân đủ để đứng đầu người ta, tốt ở chỗ hội họp, đủ để hợp Lễ làm lợi cho vật, đủ để hòa-hợp điều nghĩa, chính-đính bền-bỉ đủ để là gốc mọi việc.

B.N.C.H. Lấy điều Nhân làm thể, thì không một vật nào không ở chỗ thương yêu nhau cho nên để đứng đầu người ta (Trưởng-nhân), tốt ở chỗ hội-họp đó thì không có chỗ nào không hợp Lễ để cho các vật đều được cái lợi của nó thì nghĩa không có chỗ nào không hòa, chính-đính bền-bỉ là biết cái chính đáng mà giữ cho bền như nói «biết mà không bỏ vậy» cho nên đủ để thông-suốt mọi việc.

Đó là 4 cái Đức-tính của người mà Thánh-nhân nêu ra để hợp với 4 cái Đức. của Đạo Kiền vậy.

Nhân có cái lý như Nguyên, là đầu bao-trùm hết các điều Đạo-Đức.

Lễ có cái lý như Hanh, điều tốt chỗ nào cũng chủ được Hanh-thông.

Nghĩa có cái lý như Lợi phân chia hòa-hợp vật nào lợi ấy thì đâu cũng lợi đâu cũng hòa.

Trí có cái lý như Trinh, cố-gắng, chính-bền luôn thì cái gì cũng thông-suốt được.

Tiết 24. 君子行此四德者，故曰：乾元亨利貞。

D.A. Quân-tử hành-thử tứ Đức giả, cố viết : Kiền, Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh.

D.N. Người Quân-tử thực-hành bốn đức-tính ấy nên nói rằng : Nguyên Hanh Lợi Trinh của Đạo Kiền.

Chu-tử nói rằng : Lợi vật đủ để hòa Nghĩa, câu này thật là khó hiểu. Lão-Tử luận nghĩa của nó là: Sát hại thảm-thương là làm Nghĩa, ắt lấy Lợi hòa nó. Như Vũ-Vương phạt Trụ là nghĩa ấy vậy. Nếu làm Nghĩa ấy mà không được lòng Thiên-Hạ, tất phải tán tài phát thóc mà sau có thể hòa với cái Nghĩa ấy. Nếu như thuyết trên đây thì Nghĩa ở ngoài cái Lợi, phân chia ra làm hai đoạn vậy.

Thấy Nghĩa đến mà làm Nghĩa, chỉ ở chỗ nên chăng, cái sơ đầu ấy rất là khó khăn hình như không hòa với nhau. (Nghĩa thì tự-nhiên, hòa thì không thể, Nghĩa ở ngoài phân-biệt luận thảo cái Hòa), Nhưng hay làm Nghĩa thì cái gì cũng được chỗ nên chăng mà hòa vậy, đó là cái lớn-lao ở chỗ ấy vậy.

B.N.C.H. Phi sự mạnh-mẽ của người Quân-tử thì không thể thực-hành 4 cái Đức-tính ấy được, cho nên nói Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh của Đạo Kiền. Tiết thứ nhất này nói thêm cái ý của Thoán-truyện lời lẽ không khác những câu Mục-Khương nói trong truyện Xuân-thu.

Đời xưa, vẫn nghi-ngờ có mấy câu đó. Mục-Khương nhắc lại mà Đức Phu-tử cũng lấy vào đây cho nên chương dưới muốn tách-biệt lấy hai chữ «Tử viết» để nêu cho rõ lời của Khổng-Tử, đó là người chép Truyện muốn tỏ rõ cái chương này là lời người Xưa vậy.

LỜI-BÀN. Người Quân-tử biểu-trương của Đạo-lý, là lãnh-tụ Đạo Kiền, chỉ-huy Tứ-đức, thực-hiện cái lý của Đạo-Đức đó là cái nhiệm-vụ thiêng-liêng của người Quân-tử. Người Quân-tử đây là bậc chí

Tôn, chí Thánh, thấy suốt Đạo Trời, duy chỉ có người Quân-tử mới có cái sức thật mạnh để thực-hành nổi 4 Đức đó, trong 4 Đức Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh bao-hàm tất cả Ức-thuyết, tất cả Tôn-chỉ đẹp-đẽ trên Thế-hệ, nào là thuyết Kiêm-Ái của Mặc-tử, nào là thuyết Nhân-loại Bác-ái của Đức Như-Lai, nào là thuyết Nghĩa-hiệp của Võ-sĩ Đạo, nào là sự Thái-bình hòa-hợp của Nhân-loại, nào là luân-hồi của Đạo Vô-vi. Bao nhiêu Lâu-đài đẹp-đẽ nguy-nga tráng-lệ của các Tôn-giáo từ Đông-Á qua Tây-Âu đã xây-dựng trên cái nền móng của 4 Đức-tính đó. Mà những Đức-tính đó, Đạo-lý đó, Á-Đông ta đã phát-minh ra từ ngót 6ooo năm nay.

Thật là một sự-nghiệp, một di-thuyết tối cao cả rất cổ-kính rất cao-siêu mà huyền-bí vậy.

Tiết 25. 初九曰：潛龍勿用何謂也？子曰：龍德而隱者也，不易乎世，不成乎名，遯世无悶，不見是而无悶，樂則行之，憂則違之。確乎其不可拔。潛龍也。

D.A. Sơ cửu viết : Tiềm Long vật dụng
hà vị dã ?

Tử viết : Long Đức nhi ẩn giả dã, bất dịch hồ thế, bất - thành hồ danh, độn thế vô muộn, bất hiện thị nhi vô muộn. Lạc tắc hành chi, ưu tắc viễn chi, xác hồ kỳ bất khả bạt. Tiềm Long dã.

D.N. Hào Sơ-Cửu nói rằng : Rồng lặn chớ dùng là nghĩa làm sao ?

Đức Phu-tử đáp rằng : Đó là cái Đức của Rồng còn ẩn-núp, không đổi theo đời, không thành tên tuổi, lánh đời không buồn, không hiện ra là không buồn. Vui thì làm, buồn thì tránh xa, vững-chắc không thể nhổ lên được. Đó là Rồng lặn vậy.

B.N.C.H. Long-đức : Đức con Rồng là của Thánh-nhân, ở dưới cho nên nói là ẩn-núp.

Dịch nghĩa là «đổi rời», thay đổi cái gì của mình vẫn thu giữ.

Đại-để những lời Văn-ngôn trong sáu hào quẻ Kiền đều lấy chỗ mà Thánh-nhân giải rõ cái ý-nghĩa đó chỉ có chỗ kín chỗ hở mà không có chỗ nông chỗ xâu vậy.

Chu-tử nói rằng : Buồn Vui đi ngược nhau, đó là từng lúc (Thời) mà thôi. Theo Học-giả thì
không cần hành theo nó, Thánh-nhân thì yên-tĩnh mà hành theo nó.

Họ Hồ nói rằng : Vui là thi-hành cái buồn trái lại, tức gọi là dủng sự xả bỏ cái gì không cùng với mình, thi-hành yên-ổn kín đáo ở chỗ gặp.

LỜI-BÀN : Từ đây trở xuống là lời của Khổng-Tử trả lời để thuyết-minh rõ-rệt từng hào một.

Đã gọi là một cái Đức thì nó có tính-cách bất di bất dịch, lay không nổi chuyển không dời, to lớn bao-hàm tất cả. Cũng như các bậc Minh-quân, các nhà Cái-thế một khi chưa gặp thời phải ẩn-núp với nguyện-vọng bất di bất dịch, không bao giờ theo hoàn-cảnh mà thay-đổi ẩn-núp trong bóng tối để tự ẩn mình. Bất cứ trong hoàn-cảnh nào, nguy-hiểm đau-thương thê-thảm không buồn. Bao giờ cũng sống trên những sử sự và quan chiêm của đời, bảo phải cũng không vui bảo quấy cũng không buồn, vui thì làm buồn thì tránh. Bao giờ cũng giữ lấy cái Đức bền-vững chắc-chắn ai lay không đổ ai nhổ không lên. Đó là cái Trí của người Quân-tử cũng như con Rồng lặn vậy.

Sử sự của người Quân-tử trong lúc còn ẩn-núp như vậy thì thấy cái Đức-tính của người Quân-tử mạnh là bao nhiêu. Sống theo luật-định của Trời thì bao giờ buồn được, hay một khi đã hiểu công-
việc mà Trời đã phú cho từng vật (trên đã nói) sự vui của người Quân-tử cũng như sự buồn nó chỉ là một ảo-ảnh lướt qua cốt để cho trí-óc thấu-triệt rõ-ràng cái ảnh-hưởng của Trời đối với muôn vật hay của vật đối với Trời thôi vậy.

Tiết 26. 九二曰：見龍在田利見大人，何謂也？子曰：龍德

而正中者也。庸言而信。庸行而謹。閑邪存其誠。善世而不伐。德博而化。易曰：見龍在田利見大人君德也。

D.A. Cửu-nhị viết : Hiện Long tại điền lợi kiến Đại-nhân, hà vị dã ?

Tử viết : Long Đức nhi chính trung giả dã, dung ngôn nhi tín, dung-hạnh nhi cẩn, nhàn tà tồn kỳ thành, thiện thế nhi bất phạt, đức bác nhi hóa. Dịch viết : Hiện Long tại điền lợi kiến Đại-nhân Quân đức dã.

D.N. Hào cửu-nhị nói : Rồng hiện ở ruộng lợi thấy người lớn là nghĩa làm sao ?

Thầy nói : Đó là Đức Rồng trung chính nói thường mà có sự tin, nết thường mà cẩn-thận, ngăn điều tà giữ điều thành-thực, làm hay cho đời mà không khoe công, Đức rộng mà hóa được người. Kinh Dịch nói rằng : Rồng hiện ở Ruộng lợi thấy người Lớn đó là Đức của Vua.

B.N.C.H Chính giữa là lúc không lặn mà chưa nhẩy, câu nói thường có sự tín ở trong, một nết thường cũng có sự cẩn-thận ở trong, đó mới thật là thịnh Đức. Ngăn điều tà giữ điều chính, có cái ý dù không chán-nản cũng phải giữ-gìn ; nói Đức ông Vua là để thích rõ nghĩa hào Cửu-nhị là Tượng người Lớn vậy.

Họ Lý nói rằng : Hào Cửu-nhị quẻ Kiền nói : Thành. Hào lục-nhị quẻ Khôn nói : Kính. Hai chữ Thành Kính bắt đầu từ tâm, nét của họ Bao-Hi (Kiền nét thực thì Thành, Khôn nét hư thì sinh Kính).

Họ Phùng nói rằng : Dịch là Tổ-tông của Lý-học mà 2 quẻ Kiền Khôn lại là Tổ Tông của Dịch-học. Tử-tư, Mạnh-Tử nói : Thành là Đạo Trời.
Tiên-nho gọi Thành - Kính là nguyên - thủy của Thánh-Học đều xuất ra ở đây.

Họ Lý nói rằng : Thiên-lý và Nhân-dục không thể được cả hai nếu ngăn-giữ được một phần Nhân-dục thì còn được một phần Thiên-lý.

Truyện: Thánh-nhân chưa đắc-vị thì tiến đức tu nghiệp mà thôi. Học-Tập, Vấn-Biện là tiến Đức. Ăn ở khoan-dung, thi-hành Nhân-Đức là

tu-nghiệp. Quân-Đức đã thành thì tiến để thi-hành. Tiến lên ở ngôi này là Thuấn Võ; tiến lên để thi-hành Đạo này là Y Doãn vậy.

Bản-nghĩa cho là do bởi hào Tứ để thành cái Đức của Đại-Nhân.

Họ Từ nói rằng : Lý tan đi mất tại giữa sự vật. Nếu không năng học thì không thể tụ-hội các lý mà có cái Lý ấy ở mình. Học mà không hỏi cũng không thể phân-biệt các lý mà biết chọn-lựa so-sánh. Học để tụ hội lại, Hỏi là để phân-biệt, tất có cái ý u-dương khoan-tục, tự theo cái huyền-diệu của Đạo Trung (giữa), nhưng bậc Nhân-giả là có toàn Đức trong tâm, Đức đến chỗ Nhân là cùng vận với Trời. Đó là cái Công cùng-cực của sự Học Hỏi, là cái thành Đức của người Quân-tử.

LỜI-BÀN: Ở đây có ý nói cái Đức ở
giữa bàn-dân Thiên-hạ, đã gọi là Đức tức là một món ăn quý của tâm-hồn ai mà không thèm muốn. Vậy người Quân-tử người thực-hành cái Đức bất cứ ở vào hoàn-cảnh nào, bất cứ ở một nơi nào cũng cần nêu cái Đức để Thiên-hạ theo. Người theo cái Đức, thờ cái Đức cũng như dân trong nước thờ Vua. Vậy Đức là Đế-Vương của dân-tính dân-tâm.

Như vậy người Quân-tử biểu-trương cho Đức, Đế-Vương của dân-tính phải luôn luôn lúc nào cũng làm sáng cái Đức để cho Thiên-hạ noi theo. Một lời nói tuy là thường cũng phải có sự tin, một cử-chỉ thường nhỏ-nhen cũng phải cẩn-thận. Như vậy thì bao giờ cũng gạt bỏ được điều tà-quấy mà giữ lấy điều chính-đáng thành-thực. Làm điều hay cho Thiên-hạ mà không khoe công vì chính người Quân-tử bao giờ cũng thản-nhiên như Trời Đất.

Như vậy cái Đức rộng biết chừng nào mà giáo-hóa cho Thiên-hạ. Đó thật rõ cái Đức của một vị Đế-Vương về dân-tính dân-tâm vậy.

Tiết 27. 九三曰：君子終日乾乾，夕惕若厲无咎。何謂也？

子曰：君子進德修業。忠信所以進德也。修辭立其誠所以居業也。知至至之可與幾也。知終終之可與存義也。是故居上位而不驕。在下位而不憂。故乾乾因其時而惕雖危无咎矣。

D. A. Cửu-Tam viết : Quân-tử chung nhật kiền kiền tịch dịch nhược lệ vô-cữu, hà vị dã ?

Tử viết : Quân-tử tiến Đức tu Nghiệp, trung-tín sở dĩ tiến Đức dã, tu Từ lập kỳ Thành sở dĩ cư Nghiệp dã, Tri chí chí chi khả dữ cơ dã, Tri chung chung chi khả dữ tồn Nghĩa dã. Thị cố cư thượng vị nhi bất kiêu, tại hạ vị nhi bất ưu. Cố Kiền Kiền nhân kỳ thời nhi dịch tuy nguy vô-cữu hỹ.

D. N. Hào cửu - tam nói rằng : Người Quân-tử suốt ngày chăm chăm chiều hôm hằng kinh-sợ gắng-gỏi không lỗi là nghĩa làm sao ?

Thầy nói : Người Quân - tử tiến Đức sửa Nghiệp, trung-tín là đề tiến Đức, sửa lời nói lập điều Thành sở dĩ là ở cái Nghiệp mình, biết chỗ đến thì làm cho đến nơi đến chốn là có thể đến chỗ cơ-vi, biết đến chỗ cùng làm cho đến cùng thế là có thể giữ trọn Nghĩa vậy.

Hóa cho nên ở ngôi trên không kiêu ở ngôi dưới không buồn, nên chăm chăm chú chú nhân lúc ấy có sự kinh-sợ tuy nguy-hiểm mà không có lỗi.

B.N.CH. Trung-tín là chủ ở trong lòng không có một điều nghĩ nào không thành-thực. Sửa lời nói là sự hiện ra ở việc làm, không một lời nói nào không thực. Tuy có lòng trung-tín mà không sửa lời nói lập điều thành-thực thì không để trong lòng được. Biết đến cùng làm được đến cùng, là sự làm của tín Đức.

Biết đến chỗ cùng giữ đến cùng là việc về sự cư-nghiệp, sở dĩ suốt ngày chăm chú, tối còn lo sợ là vì cớ đó. Có thể ở trên, có thể ở dưới không kiêu, chẳng buồn sở dĩ không lỗi vậy.

Chu-tử nói rằng : Trung-tín là Tâm, Tu-nghiệp là Việc. Nhưng uẩn-súc cái Tâm sở dĩ làm hiện ra ở Nghiệp, Tu sửa Việc sở dĩ là dưỡng cái Tâm. Đây

là cái học của Thánh-nhân sở dĩ làm hai cách để tiến ở trong và ngoài mà không nói là hai việc vậy.

Trung-tín Tiến-Đức là cái công-phu của Kiền mạnh, bởi thể cứng-mạnh như «hoạt long» vậy, Tinh-thần là khí nồng-nàn tự không thể ví được. Thẳng trong, vuông ngoài đó là cái công-phu của Khôn thuận, bởi thế vẫn giữ lại y-văn án-bản hay bỏ đi, là việc của Học-giả.

Kiền là Đạo của Thánh-nhân, Đạo-lý tự-nhiên nhi-nhiên.

Khôn là Đạo của người Hiền, Đạo-lý tiện đâu dùng đấy.

LỜI-BÀN. Đức Trung-tín là ở trong Tâm, là thời kỳ vô-hình, lời nói là một phương-pháp làm tỏ rõ cái Tâm. Trong Đức trung-tín ta thấy có ba trạng-thái, mỗi trạng-thái theo một thể khác nhau.
1- Thể vô-hình : Ý chưa nói ra còn ở trong tâm.
2- Thể trung-gian ở giữa vô và hữu-hình : Là phương-pháp liên-lạc cái ý với sự thực-hành,
3- Thể hữu-hình : Sự thực-hành.

Vậy Trung-tín chỉ cần lời nói. Phương-pháp nói ra bằng tiếng tả cái ý ở trong tâm, và sự thực-hành theo đúng lời nói đó để làm hiển-hiện cái ý
vô-hình thành một thực-trạng hữu-hình đó là Trung-tín. Vậy lời nói là môi-giới hai trạng-thái, lời nói thật là cần-thiết.

Trong chú-thích quyển D.S. chi tiết IV. Tiết 4 có đoạn nói : « Khi mà linh-hồn chúng ta đặt ra hay tạo ra một ý-tưởng, cái dấu biểu-trương cái ý-tưởng đó tự khắc vào cái linh-khí nhận lấy, cái linh-khí đó ta có thể nói là cái gương soi các hành-động của sinh-vật. Cái dấu tả sự-vật, sự-vật là cái Đức (kín hay bí-mật) của dấu. Nói một tiếng là khởi lên ý-tưởng và làm cho nó thực-hiện cái năng-lực linh-thiêng của lời nói, của người ta là sự khởi đầu cho các hành-động trong cõi huyền-bí. Một Đạo âm-thanh tức là nguyên-hình một đạo binh thần-ngôn và là theo một nghĩa khác, là sự tổng-hợp của Tạo-hóa».

Một ý-tưởng, một cảm-động, một sự vui, sự buồn, sự giận v.v...,

những cái người ta gọi là tính-tình vô-hình huyền-bí đều là hữu-hình in ở trong cái Linh-khí của con người mà đối với Huệ-nhỡn thì như sự vật đối với con mắt ta. Những trạng-thái vô-hình mà hữu-hình, nhờ có Khoa-học hiện-kim có thể mô-tả ra rõ ràng như trong quyển «L' Homme visible et invisible» Người vô và hữu-hình của ông C.W. Leadbeater.

Những nguyên-liệu trên theo ý - nghĩa trong Kinh-Dịch rất hợp lý. Người Quân-tử lấy cái Đức làm trọng, có một bổn-phận thiêng - liêng tiến cái Đức, càng ngày càng lên cao, cao bằng Trời.

Tu cái Nghiệp. Nghiệp đây đâu có phải là cơ-nghiệp ruộng nhà. Nghiệp đây là cái nhân quả báo ứng làm phương-tiện thiêng-liêng hay gọi là linh-hồn của khoa-học huyền-bí. Theo Ấn-Độ cái Nghiệp là Karma.

Muốn tiến cái Đức cần phải trung-tín, một nguyên-liệu để nâng cái Đức lên cao, phương-pháp để thi-hành Đức trung-tín là lời nói, vậy phải sửa lời nói để lập sự thành-thực. Từ lời nói cho đến đạo Thành là để cho mình sống ở trong cái đời thực của mình, của cái Ta thành-thực, vô-hình theo đời hữu-hình. Để cho ta sống với cái Nghiệp của ta, cái nhân quả cái Karma của ta vậy. Biết chỗ cùng-cực làm cho đến cùng-cực, người đó có thể cùng với cái cơ-vi của Thiên-lý.

Chữ Trí chung là biết đến cùng-cực cùng-tột cũng như chữ Pháp là vô-biên vô-lượng (Infiniment grand), chữ cơ là nhỏ, sự gì mới điểm ra, mới sơ-khởi.

Cơ-vi là việc mới khởi đầu, rất nhỏ chữ Pháp là nhỏ bé tuyệt-đối (Infiniment petit).

Ở trên cõi Thể cái gì có đầu thì phải có đuôi
có sống phải có chết, có to phải có nhỏ, có đực phải có cái, có âm phải có dương, đó là luật của Đạo Trời Đất. Vậy một khi ta biết cái gì đến cùng-cực thì tất-nhiên cái cơ-vi của Tạo-hóa cũng rõ-rệt vậy.

Ở đây Đức Khổng muốn nêu cho Ta hiểu về thuyết Đại-thiên-địa tức là cái cùng-cực lớn-lao của Vũ-trụ và cái thuyết Tiểu-thiên-địa,

là cái cùng-cực nhỏ của Vũ-trụ mà ta gọi là nguyên-tử (xem nghĩa ở trên). Nếu ta biết cái hành-vi và sự thực-hành của Vũ-trụ thì cái hành-vi và sự thực-hành của Nguyên-tử ta sẽ rõ hay ngược lại.

Biết đến cùng, giữ đến cùng người ấy có thể giữ được cái Nghĩa vậy.

Như ra ngoài mặt trận, biết cái chết mà vẫn vui vẻ đi, người lính đó giữ được cái Nghĩa, cái lẽ phải làm dân một nước, hóa cho nên người Quân-tử lúc nào cũng chăm chăm tiến cái Đức, không vì ngôi thứ mà kiêu, mà buồn, lúc nào cũng cố-gắng luôn luôn thì bao giờ có lỗi được.

Tiết 28. 九四曰：或躍在淵无咎何謂也？

子曰：上下无常非為邪也，進退无恆，非離羣也。君子進德修業欲及時也。故无咎。

D. A. Cửu-tứ viết: Hoặc dược tại uyên, vô cứu hà vị dã?

Tử viết: Thượng hạ vô thường phi vi tà dã, tiến thoái vô hằng phi ly quần dã. Quân-tử tiến đức tu nghiệp dục cập thời dã. Cố vô cữu.

D. N. Hào cửu-tứ nói: Hoặc nhảy trong vực không lỗi là nghĩa làm sao?

Thầy nói: Lên xuống không chừng không phải sự tà-bậy. Tiến lui không chừng không phải rời bỏ chúng bạn. Người Quân-tử tiến đức tu-nghiệp muốn cho kịp thời nên không lỗi.

B. N. C. H. Nội-quái nói về Đạo-đức Học-vấn, ngoại-quái nói về Thời-thế Địa-vị. Tiến-đức tu-nghiệp ở hào cửu-tam đủ rồi, đây chỉ muốn cho kịp Thời mà tiến.

Họ Hồ nói rằng: Hào ba, bốn đều lấy sự tiến-
đức tu-nghiệp mà nói. Trùng cương không giữa đều là thời nguy-hiểm, nghi-ngờ. Từ xưa Thánh-hiền ở đấy là chỉ có sự tiến-đức tu-nghiệp mà thôi. Hào cửu-tứ trọng cương mà không giữa, trên không

đến Trời, dưới không đến Ruộng, giữa không ở Người nên có sự nghi-hoặc (tùy thời mà chưa định). Hoặc là nghi-ngờ vậy nên không lỗi.

LỜI BÀN : Hào cửu-tam đã giảng ở trên là có ý nghĩa nghi-ngờ vì có chữ hoặc. Hào cửu-tam và hào cửu-tứ hai hào tỏ rõ cái ý-nghĩa thực-hành cái Đức và tượng - trưng cái cảnh đời hữu-hình trong đó có sự nghi-ngờ. Sự tiến không có chừng có đổi, sự lên sự xuống tùy thời. Đức Phu - tử dùng 4 chữ tiến thoái, trên và dưới đủ tả rõ khắp Trời Đất theo lý-thuyết không-gian. 4 chữ đó bao-hàm cả không-gian, trong đó muôn vật làm việc mỗi loài theo hành-vi riêng của nó. Có lúc tiến có lúc lui, có lúc lên có lúc xuống, đầy cả cõi Vô-cực nghi-ngờ thay ! tiến là phải ư ! lui là phải ư ! lên ư ! xuống ư ! ta phải tùy lúc mà thi-hành theo Đạo-lý theo cho chính-đính thì không có lỗi, ta hay muôn vật một cử-động cỏn con, đâu có phải tự ta mà thi-hành được. Từ cái ngôn-ngữ, cử-chỉ, cho đến sự may mắn từ nhỏ tới lớn đều là phải chiều theo con « Rắn lửa » Fohat nguyên-đơn-tử. Như vậy Thánh - nhân nói :
hoặc tiến hoặc lui không lỗi, nhưng tiến lui lên xuống cũng theo hành-vi trong Đạo-lý là: tiến lui không thường mà trong đó vẫn giữ không làm điều tà-bậy.

Lên xuống không chừng mà trong đó không phải là bỏ chúng bạn. Người Quân-tử lúc nào cũng chăm chăm giữ Đạo để tiến-đức tu-nghiệp. Phải làm việc lên xuống tiến lui như vậy mà bao giờ cũng giữ được điều phải, bao giờ cũng cùng bạn, chỉ là muốn cho kịp thời thôi vậy, như thế thì sao có lỗi lầm được.

Tiết 29. 九五曰：飛龍在天利見大人，何謂也？

子曰：同聲相應同氣相求，水流濕火就燥。雲從龍風從虎，聖人作而萬物覩，本乎天者親上，本乎地者親下則各從其類也。

D. A. Cửu-ngũ viết: Phi long tại Thiên, lợi kiến Đại-nhân, hà vị dã?

Tử viết: Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, thủy lưu thấp, hỏa tựu táo, vân tòng long, phong tòng hổ, Thánh-nhân tác nhi vạn-vật đồ, bản hồ Thiên giả thân thượng, bản hồ Địa giả thân hạ, tắc các tòng kỳ loại dã.

D. N. Hào cửu-ngũ nói rằng: Rồng bay trên Trời lợi thấy người Lớn là nghĩa làm sao ?

Thầy nói: Cùng tiếng ứng nhau, cùng khí cầu nhau, nước chảy chỗ thấp (ướt), lửa cháy chỗ khô (ráo), mây theo Rồng, gió theo Hổ — Thánh-nhân dấy lên, muôn vật đều thấy. Cái gì gốc ở Trời thì gần ở trên, cái gì gốc ở Đất thì gần với dưới, đó là vật nào thì theo loại ấy.

B. N. C. H. Tác là nổi lên.

Vật tức là người. Đồ là thấy, thích cái ý «thấy lợi».

Gốc ở Trời là giống động-vật.

Gốc ở Đất là giống thực-vật, vật nào theo loại ấy. Thánh-nhân là đầu loài người cho nên Thánh-nhân nổi lên trên thì người người đều trông thấy.

Truyện: Người và Thánh-nhân cùng một loài
vậy. Hào ngũ lấy cái đức của Rồng bay lên ngôi tôn-quí, làm người không ai không ngẩng về.

Trình-tử nói rằng : Long là vật thuộc dương. Đi lại thì có khí nóng bốc lên tự xuất ra. Hổ là vật thuộc âm đi thì gió tự sinh.

Chu-tử nói rằng : Chỗ lo của Thiên-hạ là không có Vua, không lo không có Bầy-tôi. Có như Vua ấy, ắt có như Thần ấy, nếu đó thật là Long, Hổ ắt sinh gió đến mây vậy.

Họ Ngô nói rằng : Hạc hát mà con hòa, con đực hát mà con cái ứng, một con gà gáy mà các gà đều gáy đó là «Đồng thanh tương ứng» vậy.

Mặt Trời là cái tinh-túy của Lửa mà lấy lửa ở mặt Trời, mặt Trăng

là cái tinh-túy của Nước mà lấy nước ở mặt Trăng. Từ-thạch (đá nam-châm) là mẹ sắt, mà có thể lấy để làm trâm, đó là «Đồng khí tương cầu» vậy. Khí nóng ở dưới đất nên nước chảy theo nó. Táo nóng là kiền vật, nên Lửa tự nhiên tựu với nó. Rồng hưng lên thì đến Mây tức là «Mây theo Rồng», Hổ kêu thì gió sinh, tức là «gió theo Hổ». Phàm đây đều là đồng-loại tương-cảm nhau mà Thánh-nhân là người ở trên nên Vạn-vật đều nhìn lên, lấy tiếng, khí, thủy, hỏa, gió, mây, 6 thứ làm ví-dụ mà lấy sự thân-thiết của Động và Thực-vật, trên thân dưới. Nói «Lợi thấy» hay «thấy Thánh-nhân» cũng thế.

Lợi thấy Đại-nhân. Đại-nhân là người cùng với Trời Đất hợp đức ấy, cùng Nhật Nguyệt hợp cái sáng ấy, cùng bốn mùa hợp cái thứ-tự ấy, Trời còn không trái huống-hồ ở người ru! huống-hồ ở quỉ-thần ru!

Người và Trời Đất, quỉ-thần gốc không hai lý. Đại-nhân không tây riêng, lấy Đạo làm thể, lại có thể nói Anh, Tôi, sau trước hay sao? Tiên-thiên không trái nghĩa là cái chỗ làm của ý, Điểm và Đạo là sự ước hợp nhau. Hậu-thiên là vâng theo Trời, nghĩa là biết cái lý như vậy, vâng theo mà thi-hành.

(Tiên Hậu-Thiên hợp ở Đạo mà thôi).

Họ Vương nói rằng : Thời chưa đến, ta biết trước ư ! Trời làm ra nó, mà Trời tự không hay trái ư ! Thời của ta đã đến, ta biết về sau ư ! Trời theo nó mà ta cũng không hay trái Trời ư !

Đại-nhân tức Trời, Trời tức Đại nhân vậy.

Họ Hồ nói rằng : Cái Đức của Đại-nhân là cái công cùng-cực của sự học-tập vấn-biện.

LỜI BÀN : Hào nầy đức Phu-tử muốn nói cái nghĩa loại nào cùng với loại ấy. Cũng như trong Đời hạng Sĩ quen việc học, cùng nhóm họp với sĩ,
hạng Nông quen việc nông, tụ họp nói chuyện nông, hạng Thương nói chuyện thương, không ai phân chia nhưng những ý-tưởng thích-hợp tự kéo những kẻ cùng ý-tưởng với nhau vì họ hiểu nhau hơn.

Như tiếng gà gáy của buổi rạng-động, một con gáy thì các con khác

gáy đều hưởng-ứng cùng nhau. Thầy muốn tả ở đây sự phân-biệt khác loại tự-nhiên của các loại trong Trời Đất đã đặt ra loại nào loại ấy. Như nước thì chảy xuống chỗ thấp, như lửa cháy trên chỗ khô, cái gì gốc ở Trời thì ở gần Trời (trên) cái gì gốc ở Đất thì gần Đất (dưới).

Và cho ta thật hiểu cái nghĩa nhân-quả của nhà Phật vì rằng : người không bao giờ đẻ ra chó, chó không bao giờ đẻ ra mèo, một khi không có sự cấu-hợp. Gieo một hạt thóc không bao giờ lên cây bưởi, gieo hạt đậu không bao giờ thành hạt thóc. Vậy cái nhân tốt và ở trên thì cái quả sau cũng tốt và ở trên. Cái nhân xấu và ở dưới thì cái quả sau cũng xấu và ở dưới. Cái đó là sự thật hiển-nhiên vậy. Đâu có phải như Chu-Hi đã nói cái gì gốc ở Trời là động-vật, cái gì gốc ở Đất là thực-vật, chỗ nầy ông Chu-Hi nhầm lắm, như vậy thì sai hết sức với cái ý phân-loại của đức Phu-tử. Sao lại nói gốc ở Trời là động-vật được ? Động-vật cũng như thực-vật cũng như khoáng-vật, cũng như quả Đất ta ở
đây đều theo một gốc ở cõi Vô-cực cả và cũng bị tạo ra bởi cùng một tay Tạo-hóa. Sao Chu-Hi lại phân-biệt như vậy ?

Sự giống nhau của súc-vật và thân-xác của người, của thực-vật và giống bò-sát thằn-lằn, con mối, hòn đá và càng ngày càng tả rõ ràng cho ta hiểu những sự cấu thành chất và hóa chất của muôn loài đều giống hệt nhau. Hóa-học đời nay cho ta biết rằng : trong cái thể-chất cấu thành con bò và người ta không có gì khác nhau cả, trong đạo huyền-bí còn nói rõ ràng hơn nữa. Đạo nói rằng: «không những sự cấu-tạo về hóa-học giống nhau mà thôi, nhưng những thể cực nhỏ vô-hình hợp-thành những Nguyên-tử, những chất ở núi và bông cúc, người và con kiến con voi cái cây cho nó bóng dợp cũng in như nhau, mỗi một phần nhỏ mà ta gọi là hữu cơ-thể (organique) hay vô cơ-thể (inorgaque) là một đời sống, mỗi một Nguyên-tử và một phần-tử trong cõi Vũ-trụ, vừa ban ra sự Sinh và Tử cho những hình vì nó đã tạo ra bằng cách cấu-tạo hợp-thành những Vũ-trụ và những môi-giới không bền-bỉ phôi-phai sẵn sàng để nhận linh-hồn trong vòng luân-

hồi, kẻ vì nó mà tiêu-diệt và đổi hình-thể luôn luôn không ngừng và trục-xuất những linh-hồn đó ra ngoài những nơi tạm trú của nó».

Cái gốc của muôn vật, từ người đến vật, từ mặt Trăng mặt Trời đến các Tinh-tú đều là một gốc cả. Sao lại nói gốc ở Trời ? gốc ở Đất ?

Theo như thuyết Chu-Hi đây thì nhầm lắm vậy.

Phu-tử nói đây để chỉ riêng những loại ở trên thì gần trên, loại ở dưới là gần dưới là muốn đặt để phân-biệt hạng nào ra hạng ấy. Nhân nào quả ấy, và để tỏ rõ cái ý ở trên. Cùng tiếng ứng nhau, cùng khí cầu nhau mây theo Rồng, gió theo Hổ vậy.

Nói theo thuyết trên có người hỏi, nếu cùng gốc như vậy thì sao không thành người cả, sao không thành vật cả, lại sinh ra người, đá gỗ ?

Thưa rằng : Thuyết nầy đã giảng ở trên xin theo thuyết Vô-cực và Đời là điện-khí thì rõ, và muốn hiểu rõ nữa xin thưa rằng, những công-việc của Vũ-trụ trên Trái-đất nầy thì theo một tính-chất gấp năm một. Trong Nguyên-tử của loài khoáng-vật, cái tính-chất ấy buộc vào những căn-nguyên ở dưới những thần-linh của cõi Đất (thần-linh gấp sáu một) trong cái phần-tử nhỏ của thực-vật buộc với cái căn-nguyên thứ nhì, cái đời các súc-vật buộc vào những căn-nguyên trước và căn-nguyên thứ ba, thứ tư, ở người thì cái nhân phải thụ cái quả của năm căn-nguyên (căn-nguyên thứ 5 là trí-tuệ) không có trí-tuệ thì

người sinh ra không hơn gì vật nghĩa là đẻ ra là ngu-độn.

Theo năm căn-nguyên nói trên đây muốn cho rõ theo hình-thể thì nói là ngũ-hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Theo thể-chất hữu-hình mà nói, 5 chất đó còn tượng-trưng 5 hành thiêng-liêng trên cõi trên, và trên cõi trên nữa.

Ở hào Cửu-ngũ, cái Đức ở trên ngôi tôn-quí, cái quí trên ngôi quí, sự mạnh trên ngôi mạnh, thì cái quí cái mạnh đó tự sức mà nổi lên, đời đều trông thấy. Như ông Thánh nổi lên cũng như ánh-sáng mặt Trời trên cõi Thế, ai ai cũng thấy cả.

Mây theo Rồng : Rồng là con vật quí, linh-thiêng nhất hay ở trên Trời có mây phụ-tá. Vì vậy nói tới Rồng là có mây như nói đến Quân (Vua) thì có Thần (Bầy-tôi) vậy.

Vậy nói mây theo Rồng cũng như Bầy-tôi theo Vua, vợ theo chồng, âm theo dương vậy.

Gió theo Hổ : Hổ là thú mạnh-mẽ, dữ-tợn nhất ở trên rừng, gọi là chúa sơn-lâm, vua trên rừng tượng-trưng sự mạnh-mẽ khi chạy đến đâu thì có gió đến đấy, đó là gió theo hổ vậy. Hai câu trên tả rõ cái ý cùng khí tìm nhau.

Nước chảy chỗ thấp. Lửa cháy chỗ khô.

Hai câu nầy tả rõ cái ý cùng tiếng ứng nhau. Theo thực-trạng thì nước không chảy lên chỗ cao ráo mà lửa không bao giờ cháy ở chỗ có nước ướt vậy.

Tiết 30. 上九曰：亢龍有悔何謂也？

子曰：貴而无位。高而无民。賢人在下位而无輔是以動而有悔也。

D. A. Thượng cửu viết: Kháng Long hữu hồi hà vị dã?

Tử viết: quí nhi vô vị. Cao nhi vô dân. Hiền nhân tại hạ vị nhi vô phụ thị dĩ động nhi hữu hồi dã.

D. N. Hào thượng cửu nói rằng : Rồng ở chỗ cùng-cực có sự ăn-năn là nghĩa làm sao ?

Phủ-tử nói rằng : Quí mà không ngôi, Cao mà không dân, người Hiền ở ngôi thấp kém mà không người phụ-giúp, cho nên hành-động thì có sự ăn-năn.

B. N. C. H. Người Hiền ở ngôi dưới chỉ từ hào cửu-ngũ trở xuống.

Không giúp lấy hào thượng-cửu quá cao trí mãn không ai đến giúp-đỡ. Đây là tiết thứ hai nói lại cái ý-tưởng của Tượng-truyện.

Đây lại trở lại nói đức Nguyên. Biết tiến mà không biết thoái, biết còn mà không biết mất, biết được mà không biết thua, cái đó duy chỉ có Thánh-nhân biết thôi ư!

Biết tiến thoái, tồn-vong, mà không mất sự chính-đính của nó, cái đó duy chỉ có Thánh-nhân biết thôi ư!

Chu-tử nói rằng : Trong Văn-ngôn, 6 hào đều nói cái đức của Thánh-nhân, chỉ ở ngôi chỗ không giống nhau, hào cửu-tam cư ở trên quẻ dưới ngôi đã cao, chỉ sợ sệt mà tiến Đức tu Nghiệp, chỉ là địa-vị của Y, Châu. Hào cửu-tứ ngôi trái lại, thời nầy đều không phải do mình tiến thoái mà chỉ theo Thiên-thời thôi vậy.

Lấy Thánh-nhân mà nói thì có Vua Thuấn sau đến Văn-vương được hai phần ba Thiên-hạ, Thang Vũ trong thời còn leo cây, chăn trâu, xem về sau ở trong Đại-vận, không một thời nào không có sự cát hung, hối lẫn, một hơi thở cũng không quên thêm sự dừng
lại, Thánh-nhân chỉ tùy nhiệm-vụ của mình đem Đạo-lý để an ngôi vậy.

Đại-để trong Dịch Quái, Hào, Từ chỉ là làm ra cái Tượng của quẻ, hào, biết Lời-chiêm cát-hung, không phải chỉ cốt lấy sự tu-tập Thánh-hiền trên địa-vị mình để thuyết Đạo-lý. Cho nên 6 hào quẻ Kiền, từ Vua cho đến dân, từ Thánh-nhân cho đến người ngu hoặc

bói được quẻ ấy thì cái nghĩa đều có chỗ lấy, chỉ là cái đức thuần dương, đến chỗ cứng-mạnh. Nếu lấy cái nghĩa ở từng loại người mà suy, là cái tượng Thánh-nhân, mà 6 ngôi cao thấp lại tựa như sự tiến thoái của Thánh-nhân. Nên trong Văn-ngôn nhân đó lấy : Lặn, hiện, nhảy, bay làm văn-từ tự-nhiên để ghi cái ngôi thứ của Thánh-nhân mỗi nơi để tỏ rõ cái nghĩa riêng của nó.

LỜI-BÀN : Quí chỉ Rồng là quí, quí mà không ở ngôi quí thì cái quí không được quyền nên không được đắc-lực.

Cao là ngôi cao, hào cửu-ngũ ngôi Vua, hào thượng-cửu là ngôi cao hơn ngôi Vua, mà không có dân, trong một nước chỉ có Vua mới có dân. Cao hơn ngôi Vua như các bậc Thái-thượng-hoàng, Cao-hoàng, Hoàng-thúc v. v... đều là ở ngôi cao hơn Vua là cha là chú Vua nhưng không có dân vậy.

Vật nào ở ngôi nấy loài nào giống đó thì mới mạnh bền được. Trên đây cũng như «no cho ăn», «đói cho mặc» vậy, sai lạc cái cần-thiết ở nơi không đúng chỗ.

Ở hào thượng-cửu là hào quá cao, thái-quá, không có người Hiền lên được tới nơi mà giúp-đỡ, như vậy nếu động thì có ăn-năn.

Hào nầy để dạy cho đời, phàm làm việc quá sức mình cũng có ăn-năn, chiêm bói gặp được quẻ nầy, phải lựa cho khéo chớ có động thì khỏi ăn-năn. Cái gì ở đời cũng vậy «già néo đứt giây» muốn tránh khỏi những sự ăn-năn thì phải biết thời tùy cơ ứng biến, tùy lúc mà hành-động.

Tiết 31. 潛龍勿用下也見龍在田時舍也。

D. A. Tiềm Long vật dụng hạ dã. Hiện Long tại điền thời xả dã.

D. N. Rồng lặn chớ dùng ở dưới vậy, Rồng hiện ở Ruộng, lúc nghỉ vậy.

B. N. C. H. Chưa đến lúc dùng vậy.

Ở trên đức Phu-tử lấy đức-tính con người để
trả lời cho sáu hào của Kiền. Bắt đầu ở đây Thầy muốn lấy thời-thể của người để giảng cho rõ thêm cái nghĩa quẻ Kiền.

Hai hào trên nói lúc người ta còn ẩn-náu, non nớt, và mới lộ ra lúc đó hãy còn là lúc nên nghi-ngờ.

Tiết 32. 終日乾乾行事也，或躍在淵自試也。

D. A. Chung nhật kiền kiền hành sự dã, hoặc dược tại uyên tự thí dã.

D. N. Suốt ngày chăm chăm làm việc, hoặc nhảy trong vực tự thử mình vậy.

B. N. C. H. Chưa vội kịp, có việc làm hãy tạm thử xem có thể được không.

LỜI-BÀN : Hào thứ ba là lúc làm việc chăm chú để tiến Đức tu Nghiệp. Theo về thể hữu-hình, nói về sự-nghiệp con người ta lúc nầy là lúc chăm chú học hỏi để sắp vào đời. Quãng nầy là quãng tuổi người độ 30 có thể lập được sự-nghiệp rồi. Theo Phu-tử nói trong Tứ-thư, Học-nhi thượng-luận :

«Tử viết: ngô thập hữu ngũ nhi trí vu học,
«tam thập nhi lập. Tứ thập nhi bất hoặc. Ngũ thập nhi tri Thiên-mệnh. Lục thập nhi nhĩ thuận. Thất thập nhi tòng tâm sở dục, bất du củ.

«Thầy nói rằng : ta lên 15 tuổi thì trí đã ở chỗ học-hành, 30 thì lập, 40 thì không nghi-hoặc, 50 thì biết mệnh Trời, 60 thì tai thuận, 70 thì theo sự muốn của tâm trí, không ra ngoài qui-củ».

Lúc tuổi 30 hăng-hái tuổi sắp vào đời nhưng phải chăm chăm làm việc cho sự-nghiệp thì mới không lỗi vậy.

Hào thứ tư nói lúc nầy là phải tự thử mình cũng như nhảy trong vực, là lúc Rồng mới lên quẻ trên như người ta mới ra đời tự mình làm

cho mình, thì nhiều chuyện khó-khăn câu-thúc. Lúc đó là lúc phải tự mình ra để thí-nghiệm chuyện đời vậy.

Tiết 33. 飛龍在天上治也。

D. A. Phi Long tại Thiên thượng trị dã.

D. N. Rồng bay trên Trời, việc chính-trị của bậc trên vậy.

B. N. C. H. Ở ngôi trên để trị kẻ dưới.

LỜI-BÀN : Hào nầy là người quyền quí ở
nơi quyền quí. Vậy người tài ở nơi có quyền mà thi-hành chính-trị để cai-trị Thiên-hạ.

Lúc nầy người ta ví như ở quãng 50 tuổi, theo Phu-tử là tuổi biết Thiên-mệnh. Người ta đến tuổi nầy là lúc cùng-tột của đời mình, cái Mệnh mà Trời ban cho từng người lúc nầy mới sáng tỏ.

Tiết 34. 亢龍有悔窮之災也。乾元用九天下治也。

D. A. Kháng Long hữu hồi cùng chi tai dã. Kiền Nguyên dụng cửu. Thiên hạ trị dã.

D. N. Rồng thái-quá có sự ăn-năn đó là cái tai-nạn của sự cùng-cực vậy.

Cái đức Nguyên của quẻ Kiền dùng số cửu (9) thì Thiên-hạ thịnh-trị vậy.

B. N. C. H. Ý nói Kiền Nguyên dùng chín, không giống như các quẻ khác. Đạo của Vua cứng mà năng mềm, Thiên-hạ không đâu không bình trị.

Đây là tiết thứ ba, nhắc lại ý trước lần nữa.

LỜI-BÀN : Hào thứ sáu là như lúc con người ta vào khoảng 60 tuổi, theo Phu-tử thì «Lục thập
nhĩ thuận» 60 tuổi thì tai thuận chuyện vui chuyện buồn điều hay điều dở, cũng đã trải qua hầu hết. Cái tai đã quen nghe chuyện đau, buồn, vui, khổ của đời, đắng cay ngọt bùi đều nếm đủ. Yên vui tuổi già đừng làm điều thái-quá thì không ăn-năn.

Dụng-cửu. Ở đây Thiên-hạ được thịnh-trị. Kiền là đạo Trời đạo Quân-Vương, Kiền mà cứng mạnh quá thì có ăn-năn, trái với luật Trời. Sự cứng mạnh thái-quá thì sự mềm-mỏng phải đến phù giúp. Có cứng-mạnh có mềm-mỏng thì đạo Kiền lúc nào cũng giữ được khí Thái-hòa, đạo Vua có thưởng phạt, có khen chê thì Thiên-hạ chỗ nào cũng được an-hưởng Thái-bình thịnh-trị.

Tiết 34 bis. 潛龍勿用陽氣潛藏見龍在田天下文明。

D. A. Tiềm Long vật dụng, dương khí tiềm tàng, hiện long tại Điền Thiên-hạ văn-minh.

D. N. Rồng lặn chớ dùng, khí dương ẩn-núp. Rồng hiện trên Ruộng Thiên-hạ văn-minh.

B. N. C. H. Tuy không ở tại vị nhưng Thiên-hạ
đã được hóa-trị. Hóa : dậy-dỗ sửa đổi. Trị : bình trị.

Bắt đầu từ đây Thánh-nhân muốn cho ta hiểu cái lý của Đạo, từ lúc sơ khai cho đến lúc cùng-tột.

Lúc mới đầu, Đạo còn ẩn-núp rồi dần dần tỏ sáng cho cả bàn dân Thiên-hạ. Lúc đó Thiên-hạ đã thấy cái Đạo tự thẩm-nhuần cái văn-vẻ sáng-sủa vì vậy gọi là cái Văn-minh của Thiên-hạ.

Tiết 35. 終日乾乾與時偕行。

D. A. Chung nhật kiền kiền dữ thời giai hành.

D. N. Suốt ngày chăm chăm chú chú, cùng vui với thời-gian.

B. N. C. H. Thời nên như thế.

LỜI-BÀN : Sự chăm-chú suốt ngày, như vậy là cùng đi với thời-gian. Làm việc luôn như Trời làm việc theo thời-gian. Chung quanh ta cũng như trong tấm thân ta lúc nào muôn vật cũng làm việc theo thời-gian.

Mỗi vật một bổn-phận riêng chăm-chú làm việc theo thời-gian. Cũng như Đạo-lý đi cùng với thời-
gian là làm công-việc theo Trời vậy.

Chăm chăm chú chú hành Đạo, vui cùng thời-gian suốt ngày không chán đó là đức kiên-nhẫn của người Quân-tử khi hãy còn ở chỗ non-nớt thấp kém vậy.

Tiết 36. 或耀在淵乾道乃革。

D.A. Hoặc dược tại uyên Kiền đạo nãi cách.

D.N. Hoặc nhảy trong vực Đạo Kiền mới đổi.

B.N.C.H. Bỏ ngôi dưới mà lên ngôi trên là lúc biến-đổi.

LỜI-BÀN : Lúc lên lúc xuống, lúc tiến lúc lui là những hành-vi trong công-việc làm, lúc nào theo cử-chỉ ấy. Có làm việc thì có thay-đổi vậy.

Trong cái thời còn thiểu-niên chưa đủ kinh-nghiệm con người nghi-ngờ nên trong chỗ nguy-hiểm cũng phải giữ cho vững tâm-trí để vượt khỏi những chỗ khó-khăn trọng đời cốt để rèn-luyện tâm-trí người để tiến đến chỗ Đại-quang-minh, cho nên trong sự biến-đổi đó như đạo Kiền đổi vậy.

Tiết 37. 飛龍在天乃位乎天德。

D.A. Phi Long tại Thiên nãi vị hồ Thiên-đức.

D.N. Rồng bay trên Trời là ngôi của đức Trời.

B.N.C.H. Đức Trời tức là ngôi Trời. Bởi vì chỉ có Đức ấy mới nên ở ngôi đó, cho nên mới lấy đó mà đặt tên.

LỜI-BÀN : Cái Đức của Trời ở ngôi Trời. Cái đức của Đạo-lý đã đến trình-độ tuyệt diệu. Đây muốn nói để tả cái gì thật là mạnh-mẽ, thật là quí-báu, thật là tôn-sùng, ở người thì đối với người, ở vật thì đối với vật, ở Đạo-lý đối với Đạo-lý.

Tiết 38. 亢龍有悔與時偕極乾元用九乃見天則。

D.A. Kháng Long hữu hối dữ thời giai cực Kiền Nguyên dụng cửu nãi kiến Thiên tắc.

D.N. Rồng thái-quá có ăn-năn, cùng với thời đến cùng-cực, cái đức Nguyên của quẻ Kiền dùng chín (cửu) ắt thấy phép Trời.

B.N.C.H. Cứng mà năng mềm, đó là phép của Trời.

Đây là tiết thứ tư lại nhắc ý trước.

LỜI-BÀN : Lúc thái-quá thì có sự cùng-cực, theo Đạo-lý cũng vậy. Đạo-lý mà thái-quá thì không theo cái đức của Trời. Cái đức của Trời thẩm-nhuần trong Đạo, có cứng có mềm, có âm có dương, có khí Thái-hòa đó là phép-tắc của Trời vậy. Biết dung-hòa Đạo-lý, hiểu được phép của Trời đó là đắc Đạo.

Ta nghiệm đây cùng một Hào-từ, mà gồm bao nhiêu ý-kiến. Thật đáng cái nghĩa Dịch lắm thay !

Tiết 39. 乾元者，始而亨者也。

D.A. Kiền nguyên giả, thủy nhi hanh-giả dã.

D.N. Đức Nguyên của Kiền có sự hanh-thông từ lúc đầu vậy.

B.N.C.H. Đầu thì tất hanh-thông, lý thể như vậy.

LỜI-BÀN : Đây có ý nhắc lại cho thật hiểu nghĩa cái đức Nguyên của quẻ Kiền. Nói Kiền
Nguyên là nguyên-đầu, là cái nguyên-tử đầu-tiên của muôn loài. Nguyên-tử thì phải hanh thông để gây nên Tạo-hóa. Đó là cái lý lẽ cố-nhiên vậy.

Tiết 40. 利貞者性情也。

D.A. Lợi trinh giả tính tình dã.

D.N. Hai đức Lợi Trinh (của quẻ Kiền) là tính tình vậy.

B.N.C.H. Thu-liễm, qui-tàng mới thấy cái thực của tính-tình.

LỜI-BÀN. Bắt đầu từ tiết 39 Thánh-nhân lại nói lại để tả rõ cái ý sơ khai từ nguyên-tử mới bắt đầu thì cái điện-lực nguyên đơn-tử nó làm cho nguyên-tử huy-động, trong khi huy-động thì luôn luôn được hanh-thông. Trong khi được hanh-thông, trong khoảng thời-gian mà mỗi một nguyên-tử chịu ảnh-hưởng thì nó thu-liễm và qui-tàng được những sự lợi, như nguyên-tử về thực-vật, cái cây mọc lớn dần dần, có hoa, có quả, đó là Lợi; cái Lợi cứ theo chính-đính thì được bền-bỉ đó là Trinh. giữa 2 trạng-thái Lợi và Trinh thì lúc đó mới thu-liễm qui-tàng những tính-tình của mỗi một nguyên tử một, ví
như cái cây thì nào là nguyên-tử làm dễ làm thân, làm lá, làm hoa, quả v.v ..

Trong khi có cái Lợi và Trinh đó thì cái tính-tình từng loại nguyên-tử một mới có sự hiện-thực, như thân cây có tính cao và tròn, như lá cây (tùy từng cây ví dụ cây Đào) . thì lá nhỏ dài và xanh, như hoa màu đào 5 cánh trong thời-kỳ nở hơn 3 ngày thì cánh hoa rụng và thành quả, quả lớn dần dần trước xanh, sau chín đỏ có hạt cứng ở

trong, ăn ngọt đó là có sự qui tàng và thu liễm được cái lợi ăn quả Đào thì người ta mới thấy sự thực của tính-tình cây Đào. Trên đây tả lại cho thật rõ 4 Đức của Đạo Kiền Nguyên Hanh Lợi Trinh vậy.

Nhờ sự kinh-nghiệm người ta biết rằng cây Đào có tính hay mọc ở xứ vừa nóng vừa lạnh, cái tính của nó là 3 năm mới có thể có quả mà khi đã có quả thì năm nào cũng có quả, tính hoa theo gió Đông nở (Đào lý Đông phong) tới mùa Hạ có quả. Sau ngày 5 tháng 5 thì quả sẽ bị xâu. Đó là những tính-tình của cây Đào vậy.

Tiết 41. 乾始能以美。利利天下不言所利大矣哉。

D.A. Kiền thủy năng dĩ mỹ. Lợi Lợi Thiên hạ bất ngôn sở lợi đại hỹ tai !

D.N. Cái khởi - thủy của quẻ Kiền thường là tốt đẹp. Làm lợi cho Thiên-hạ lợi, không bao giờ nói đến chỗ lợi to lắm thay !

B.N.C.H. Thủy là đầu là Nguyên mà Hanh vậy. Làm lợi cho Thiên-hạ là Lợi, không nói cái Lợi đã là Trinh. Hoặc có người nói rằng : «Khôn Lợi ở cái nết con ngựa Cái» đó là nói cái đã Lợi.

LỜI-BÀN. Kiền lúc khởi đầu đã hay lẩy cái tốt cái lợi để làm lợi cho Thiên-hạ, Vậy đâu là chẳng trông thấy sự lợi của Kiền. Lúc khởi-thủy Kiền đã làm lợi, lúc Thiên-hạ đã được hưởng cái lợi mà thành ra Thiên-hạ ngày nay, thì những cái lợi đã qua, cái tốt ngày nay đâu có kể, còn cái đẹp cái lợi hiện-tại và vị-Lai tới nữa. Ôi ! Như vậy thì cái đẹp cái lợi to lớn biết chừng nào.

Tiết 42. 大哉乾乎，剛健中正純粹精也。

D.A. Đại tai Kiền hồ, cương-kiện trung-chính thuần-túy tinh dã.

D.N. Lớn thay đạo Kiền! vừa cứng mạnh, vừa trung-chính, vừa thuần-túy và vừa tinh-vi vậy.

B N.C.H. Cứng là nói về thể-chất, Kiện là tráng-kiện mạnh-mẽ, là nói kiêm cả sự công dụng. Trung là nói lúc làm, lúc đi, không thái-quá, không bất-cập. Chính là nói cái ngôi của nó không thiên-lệch. Bốn điều đó là Đức của Kiền. Thuần là không lẫn-lộn về âm dương. Túy là không lẫn-lộn với điều tà, ác, vì sự «thật là cùng tột» của tính thuần-túy. Hoặc có người nghi rằng: Kiền chỉ cứng không mềm không thể nói được là trung-chính. Không phải như thế. Trong khoảng Trời Đất, gốc chỉ có một khí lưu-hành, duy chỉ có động tĩnh khác nhau mà thôi.

Nói về toàn-thể của sự lưu-hành ấy thì chỉ gọi là Kiền, mà không cái gì không bao-bọc lấy sự động tĩnh ấy chia ra sau này mới có phân-biệt cứng mềm của âm dương.

LỜI-BÀN. Trên đây Chu-Hi nói: gốc chỉ có **một khí lưu-hành.** Theo các nhà Bác-học hiện kim đã nghiên-cứu và nói là cõi vô-cực là một cõi toàn điện-khí, vì cái gốc của muôn vật là nguyên-tử mà chính nguyên-tử cũng là điện-khí (có giảng ở trên). Cái khí đó theo Ấn-Độ gọi là con Hỏa-xà hay là
Fohat, nguyên đơn-tử, mà Kiền là cái linh-khí bao-trùm hết muôn loài và cả Vũ-Trụ. Như vậy thì nó cứng-mạnh thay, trung-chính thay. Nó bạo-trùm muôn vật, muôn vật sống được, sinh trưởng được, là nhờ ở cái Đức-tính thuần-túy của nó. Nếu nó không có Đức-tính đó thì vật đều là «Đực và Cái» cả tức là lại-cái vừa đực vừa cái không có sự phân chia rõ-ràng thì đến cả cái Vũ-Trụ này rồi cũng tiêu-diệt. Đức-tính Thuần để nói về thể-chất còn Túy để nói tâm-hồn. Nếu không có Đức-tính Túy đó thì điều-thiện và ác lẫn-lộn với nhau, không biết đường phải mà theo, đường trái mà tránh. Kiền có cái tính Thuần và Túy nghĩa là cái gì trong-trẻo «Thật là Thuần Túy».

Như vậy ngoài cái Đức-tính cứng-mạnh trung-chính lại còn tinh-túy «thật là Thuần-Túy» thì Kiền thật là hoàn-toàn để bao-gồm cả muôn vật.

Tiết 43. 六爻發揮旁通情也。

D.A. Lục hào phát-huy bàng thông tình dã.

D.N. Sáu hào phát - huy mông - mênh thông-suốt cái tình vậy.

B.N.C.H. Quảng-Dán nói là động, Vương-tiêu
nói là tán (tan ra), cũng có nghĩa là sáng tia ra.

Chữ «Bàng thông» (mông-mênh thông-suốt) cũng như chữ «Khúc tận» (mông-mênh tận-cùng).

LỜI-BÀN : Sáu hào phát ra sự động, ném những ánh-sáng ra cho muôn vật để lựa hết cái tình nghĩa vậy.

Sáu hào của quẻ Kiền tượng-trưng : Nào là sự hành-động của nguyên-tử, nào tâm-tính của người của vật, nào là thời-thể v.v... gồm tất cả thể-chất và tinh-thần. Vì vậy một khi 6 hào phát-huy ra để cho muôn loại lựa hết cái tính-tình, tinh nghĩa vậy.

Tiết 44. 時乘六龍以御天也，雲行雨施天下平也

D.A. Thời thừa lục Long dĩ ngự Thiên dã, vân-hành vũ-thí Thiên-hạ bình dã.

D.N. Lúc cưỡi sáu con Rồng ngự ở trên Trời mây bay mưa tưới, Thiên-hạ Thái-bình vậy.

Truyện : Ở trong thời của 6 hào, lấy làm Thiên-Vận là cái công-dụng của Trời làm ra. Nên thấy vân-hành vũ-thí âm dương mỏng-manh giao nhau là cái Đạo Hòa-bình trong Thiên-hạ vậy.

Họ Trương nói rằng : Thoán nói : Vân-hành Vũ-thí (mây bay mưa tưới) mà phẩm-vật lưu-hình kể tiếp nhau thì mây mưa là Kiền. Đây nói : Vân-hành Vũ-thí kể nhau mà Thiên-hạ hòa-bình là cái Công của Thánh-nhân, Kiền là Vân Vũ là cái Đức của Thánh-nhân như thể vậy.

Họ Hồ nói rằng : Thoán nói : Nguyên Hanh Lợi Trinh thuộc Kiền mà Văn-Ngôn lấy thuộc về Quân-tử, cái Đức của Kiền, vẫn ở nơi Quân-tử thân hành Đạo Trung. Thoán-truyện nói : Vân-hành Vũ-thí thuộc Kiền, mà Văn-ngôn lấy thuộc về Thánh-nhân, là cái Công của Kiền vẫn ở tại Thánh-nhân phát-dụng từ trong ra vậy.

B.N.C.H. Đây nói Thánh-nhân lúc cỡi 6 con Rồng lên ngự trên Trời thì mây bay mưa tưới ở trên Trời mà Thiên-hạ thái-bình vậy.

Đây là tiết thứ năm lại nhắc lại ý của chương đầu.

LỜI-BÀN : Theo trong chú giải, của Thi-vân III Tiết 5 của kinh Dzyan có nói rằng :

«Cái căn dễ ở lại, cái Ánh-sáng cũng vậy những cái sáng-sủa cũng thế và tuy vậy cái Oeaohoo (theo trong chú-giải) (hay là âm-dương) bao giờ cũng là Một».

Trong chú-giải người ta dịch ocaohoo bằng Bố cái âm-dương của thần hay là số 6 trong số 1 hay là cái căn thất thất (gốc 7x7) mà muôn vật thành tựu.

Đây cũng nói cho hay 6 trong 1 cũng như đây Thánh-nhân lấy 6 con Rồng tượng-trưng 6 cái thiêng-thiêng bay lên trên trời hợp thành một đề làm căn-nguyên cho muôn vật.

Khi 6 con Rồng lên trên Trời, nghĩa là có sự động thì có sự rung động lan chuyền ra nhờ những cái cánh mau lẹ khắp cả Vũ - trụ và cái phôi-thai tuy ở trên cõi âm u. Đây có ý nghĩa là 6 hào phát-huy vậy.

Trong khí động đó thì mây cũng theo dịp mà chuyền hành, mây bay là cớ đó, mây bay gặp khí lạnh thì thành mưa hóa mưa tưới. Có nước tưới muôn vật mát-mẻ, tươi tốt và sinh nở. Vậy gọi là Thiên-hạ thái-bình.

Trong các luận-thuyết Vũ-trụ khởi-thủy «nước là cần-yếu nhất» nó là cái căn-bản và nguồn-gốc sự sống vật-chất.

Vì cớ đó mà Thánh-nhân nói đến mưa tưới thì Thiên-hạ thái-bình

vậy.

Tiết 45. 君子以成德爲行曰：可見之行也。潛之爲言也。隱而未見。行而未成。是以君子弗用也。

D.A. Quân-tử dĩ thành đức vi hạnh viết : khả kiến chi hạnh dã, tiềm chi vi ngôn dã, ẩn nhi vị hiện, hành nhi vị thành thị dĩ quân-tử phất dụng dã.

D.N. Người Quân-tử lấy cái Đức đã thành làm cái nết nói rằng : có thể thấy được cái nết ; chữ «tiềm» là lặn là nói có nghĩa là «ẩn» náu mà chưa hiện ra ; nết mà chưa thành cho nên người Quân-tử không dùng.

B.N.C.H. Thành Đức là cái Đức đã thành, Hào sơ cửu cố nhiên đã thành Đức, chỉ vì cái nết của nó chưa có thể hiện được thôi.

LỜI-BÀN : Đức là thể-tượng. Nết là hình-tượng. Một khi cái Đức còn ẩn-núp thì nết chưa thành.

Ví-dụ như nói : người kia chăm học, chăm học là một đức-tính, là một thể-tượng : chăm học,
nhưng ngồi cầm sách đọc luôn là cái nết của tính chăm học, ta thấy cái nết cầm sách đọc luôn đó thì bảo là chăm học. Vậy nết là cái thể thấy được. Cái Đức còn ẩn-núp chưa lộ ra thì cái nết chưa thành cho nên người Quân-tử không dùng.

Tiết 46. 君子學以聚之，問以辨之，寬以居之，仁以行之。易曰：見龍在田利見大人。君德也。

D.A. Quân-tử học dĩ tụ chi, vấn dĩ biện chi khoan dĩ cư chi, nhân dĩ hành chi. Dịch viết : Hiện Long tại Điền lợi kiến Đại-nhân. Quân đức dã.

D.N. Người Quân-tử lấy sự học để tụ-tập được những sở học, lấy sự học hỏi để biện-bác cho minh-mẫn, lấy sự khoan-hồng để ăn ở, lấy nhân-từ để thi-hành Đạo-đức.

Dịch nói rằng : Rồng hiện trên Ruộng, lợi thấy người Lớn, đó là Đức của bậc Quân-vương vậy.

B.N.C.H. Vì là do bốn điều (Học, vấn, khoan, nhơn) mới thành cái Đức của Người Lớn, nói lại lần nữa là Đức của Quân-vương để cho thật rõ-ràng hào cửu-nhị là người Lớn đó.

LỜI-BÀN : Đây là nói hào cửu-nhị, Dịch nói rằng : «Rồng hiện trên Ruộng, lợi thấy người Lớn». Đây đức Phu-tử lại nói cái đức-tính của người Quân-tử và lại chính là cái Đức của nhà Vua để trị dân. Bốn đức đó là : Học, hỏi, khoan, nhơn. Làm người thì phải học, học để diệt-trừ con ma ngu-muội mà nhà Phật cho là một con ma phá-hoại nhất của loài người. Học là cốt để tụ-tập những nguyên-liệu làm sáng khải tinh-thần và để đưa con người trên con đường Lý-trí đại-quang-minh. Vấn là hỏi, hỏi cũng là học nhưng một cách học đơn-giản lấy lời để phát-huy tinh-thần, giải-thích những sự tối-tăm bằng sự biện-luận, do đó mới nẩy ra ánh-sáng, mới đi được đến lẽ phải,

Sự Biết là nhờ sự học-hỏi mà Biết là sống. Ta thường nói : «Khôn cũng chết, dại cũng chết, Biết thì sống».

Người đã hiểu biết thấu-đáo mọi sự vật ắt không có sự câu-nệ, chấp-nê, thoát được lên trên thói-tục vì lẽ ấy có lòng khoan-dung đại lượng đối với mọi người. Do đó lòng quảng-đại phát-sinh mà
đức Nhân được tồn-tại. Đó là cái Đại-đức của các bậc Đế-vương. Xưa kia vua Nghiêu có Đức lớn như Trời, sau lại tìm ông Thuấn cũng có Đại-đức mà nhường ngôi báu trị-vì Thiên-hạ. Đời vua Kiệt tàn-bạo vô đạo ắt bị Thành-thang có Đại-đức thay thế. Đời Trụ-vương nhà Ân cũng tàn-bạo vô nhân sau cũng bị vua Văn-Vương có Đức nổi lên thu gồm Thiên-hạ. Rút kinh-nghiệm trong lịch-sử đó là cái Đức của các bậc Quân-vương để trị-vì Thiên-hạ vậy.

Tiết 47. 九三。重剛而不中上不在天，下不在田。故乾乾因其時而惕，雖危无咎矣。

D.A. Cửu-tam. Trùng cương nhi bất trung, thượng bất tại Thiên, hạ bất tại Điền. Cố kiền kiền nhân kỳ thời nhi dịch, tuy nguy vô cữu hỹ.

D.N. Hào cửu-tam : Hai lần cứng mà không giữa, trên không tới Trời, dưới không ở Ruộng, cho nên chăm chăm nhân lúc đó mà lo-lắng, tuy nguy nhưng không lỗi vậy.

B.N.C.H. Trùng cương là hai lần cứng là hào dương ở ngôi dương.

LỜI-BÀN: Hào dương ở ngôi thứ ba là ngôi lẻ, gọi là ngôi dương, hai dương đây ý nói hai lần cứng. Hào ba trên hào hai, tượng ruộng đất. Ở trên quẻ dưới nói là không được ở giữa và chưa lên được quẻ trên nên nói trên không tới Trời, dưới không tới Đất, lơ-lửng chưa hẳn về đâu. Cũng như nhà Đạo-đức đang lúc hoang-mang, chuyện Đạo chưa tường, chuyện Đời chưa tỏ, trí óc mung-lung. Lúc đó là lúc lo-lắng, phải chăm-chú suốt ngày cố-gắng thì mới qua khỏi nanh vuốt con ma nhục-dục, dốt-nát quyến rũ. Sự nguy-cơ là vậy đó. Nhưng lo-lắng cố-gắng thì không có lỗi.

Tiết 48. 九四：重剛而不中上不在天，下不在田，中不在人故惑之，惑之者疑之也。故无咎。

D.A. Cửu-Tứ. Trùng cương nhi bất trung, thượng bất tại Thiên, hạ bất tại Điền, trung bất tại Nhân, cố hoặc chi, hoặc chi giả nghi chi dã, cố vô cữu.

D.N. Hào cửu tứ : Hai lần cứng mà không ở giữa, trên không tới Trời, dưới không tới Ruộng, giữa không tới Người cho nên mới là Hoặc. Hoặc là nghi - ngờ vậy, nên không lỗi.

LỜI-BÀN : Dương ở hào tứ là dương ở ngôi âm. Lại ở vào đầu quẻ Kiền trên nên nói là trùng dương. Hào dưới hào Ngũ, trên hào Tam và Nhị, nên mới nói là không tới Trời (cửu-ngũ tượng Trời), dưới không tới Ruộng (cửu-nhị tượng ruộng), giữa không tới Người (cửu tam tượng người).

Trời đất người (Thiên-địa-nhân) gọi là Tam-tài tượng-hình cho Tạo-hóa.

Tam-tài của Tạo-hóa là :
1- Tạo-hóa hữu-hình.
2- Tạo-hóa vô-hình tự-tại, phát-động nguyên hình cho Tạo-hóa hữu-hình.
3- Hai thể trên là Thần - linh của các động-lực độc-nhất vô-cùng, bất-diệt.

Hai thể trên biến-đổi luôn luôn, cái thể thứ ba ở trên nhất bất-di bất-dịch.

Cũng như người ta có ba thể hợp thành : xác hồn và vía (xem quyển : Phân-tách và cấu-tạo linh-hồn người của Bác-sĩ Lancelin).

Nói ở đây là sự vật không ở vào đâu, lơ-lửng ở nơi nào ? không hiểu. Không ở Trời ! Không ở Đất ! Không ở Người ! Nó ở trong trạng-thái là nghi ngờ huyền-hoặc, bông-lông không nhất-định.

Kinh Dzyan ở Thi-tiết VI Tiết 6, nói rằng : Mặt Trời ở chính giữa làm cái Sinh-động-lực đem tụ-tập hạt bụi nguyên-thủy thành những hòn tròn, để buộc nó huy-động trên những đường thu-liễm-tuyến (đường tập thu lại) và về sau cùng bắt cái nọ gần cái kia rồi hợp với nhau. .

Những bào thai các cõi đời vung vãi ra trong không gian có thứ-tự và phương-pháp, những bào-thai đó thường va choảng nhau luôn trước khi hợp với nhau. Rồi nó thành những vật bông-lông (như các Sao chổi).

— Theo Chu-Hi thì lúc này là lúc chưa định sự vật còn hoang-mang, nghi-hoặc bông-lông. Vậy tiến hay lui, lên hay xuống phải tùy Thời

thì mới không lỗi.

Tiết 49. 夫大人者與天地合其德，與日月合其明，與四時合其序，與鬼神合其吉

凶。先天而天弗違，後天而奉天時，天且弗違而況於人乎況於鬼神乎。

D. A. Phù Đại-nhân giả, dữ Thiên-Địa hợp kỳ Đức, dữ Nhật Nguyệt hợp kỳ minh, dữ Tứ-thời hợp kỳ tự, dữ Quỉ Thần hợp kỳ cát hung.

Tiên-Thiên nhi thiên phất vi, Hậu-Thiên nhi phụng Thiên-thời. Thiên thả phất vi nhi huống ư Nhân hồ. huống ư Quỉ Thần hồ!

Đ.N Ôi! Người Lớn ấy là người hợp Đức cùng Trời-Đất, hợp sự sáng soi cùng với mặt Trời, mặt Trăng, hợp thứ-tự với bốn mùa, hợp cát hung với Quỉ Thần. Ở trước Trời mà Trời không trái, ở sau Trời mà vâng theo thời Trời. Trời còn không trái huống chi người, huống chi Quỉ-Thần!

B.N. C.H. Chữ người Lớn đây tức là thích nghĩa chữ «Người Lớn» trong câu Lợi thấy người Lớn ở hào tứ. Có Đức ấy mà ở ngôi ấy thì mới đương nổi.

Người và Trời-Đất Quỉ-Thần gốc không hai lẽ,
chỉ khác hẳn ở sự che-lắp về sự riêng tây của bản-ngã (cái ta thành-hình) cho nên mắc ở hình thể mà không thể thấy nhau.

Người Lớn không lấy tây riêng mà lấy Đạo làm thể, tịnh không còn nói cái này cái kia, cái sau, cái trước. «Trước Trời mà Trời không trái» nói là cái gì do ý làm ra, hợp với Đạo bằng cách im-lặng. «Sau Trời mà phụng Mệnh Trời» nói là biết lẽ như thế, vâng Mệnh mà thi-hành.

Hồi-Hột bảo Quách-Tử-Nghi rằng: người Bói đương bói thấy một người Lớn mà về. Sự chiêm-đoán đó ví với trường-hợp này. Tuy

Tử-Nghi chưa bằng cái biện-luận của đức Phu-Tử nhưng đã đến chỗ «chí công» chỗ chung cho mọi mọi người một cách chính-đáng mà không nghĩ đến bản-ngã, cũng có thể gọi là người Lớn đương thời vậy.

LỜI BÀN: Đây đức Phu-Tử nói cái Đức lớn lao của Thánh-Nhân, Thánh-nhân là người có cái Đức hợp với Trời Đất, cái Trí sáng-suốt hợp với mặt Trời mặt Trăng, có cái thứ-tự hợp với bốn mùa, biết cái cát hung hợp với Quỉ Thần Như vậy thì tỏ ra cái gốc của người ta với Trời Đất, Quỉ-Thần Một.

Nói đây là bốn trạng-thái của linh-hồn người
ta. Trên Tiết 43, đã nói người ta có 3 thể? Xác, Hồn, Vía, cái Vía là Thần-Linh, một phần-tử trong cái Đại-nhất, vô cùng-tận cái Hồn in theo với xác cũng còn phải trong vòng mai-mốt.

Chỉ vì cái xác, cái bản-ngã mà người đời lầm cho đó là cái Ta thật. Chính cái xác hữu-hình, khả diệt khả di này làm cho ta sống trong cõi u-ám tối-tăm, Bản - ngã là trong vòng hình thể. Ở đời biết bản-ngã mà biết cái chí công, trung-chính thì cũng đã ví là các bậc Thánh-Hiền như Quách-Tử-Nghi vậy. Cái xác ta đầy những cái ô trọc theo đạo Phật trước khi đức Phật-tổ giáo-hóa cho các Đệ-Tử dẫn các Tỳ-Khưu vào chốn tha-ma đầy xác chết ngổn-ngang đen thối làm mồi cho lũ quạ. Đức - Phật nói với các Đệ-Tử rằng: «Kìa các Con coi đó, cái xác quí-hóa của các Con sẽ cũng như vậy».

Muốn diệt được căn-bản nhục-dục, con ma ghê gớm của loài người. Đức Phật đã dạy cho các Đệ-Tử một bài học rõ-ràng đầy triết-lý.

Ở đây Tiên-Thiên : có nghĩa là lúc trước khi người ta thành người mà cho cái vòng Trời xanh kia là Trời vậy. Cái «Chân bản ngã» kia trước khi lên cõi đất này nghĩa là lúc cái thần-linh của ta còn trong vòng Đại-nhất thì Trời cũng không trái được.

Vì cái Thần-Linh bao giờ cũng đi theo cái «Đại-luật» của Trời không trái cái Đại-luật, mà thuận với Trời thì bao giờ bị Trời trái.

Hậu-Thiên có nghĩa là lúc ở cõi thể này, khi người ở trên quả Đất

này nhìn lên vòm hư-không xanh thẳm gọi là Trời. Đó là sau Trời mà vâng Mệnh của Trời. Không trái Trời khi nào Trời có trái, các bậc Thánh-nhân còn vậy người lại dám trái sao? Quỉ-Thần lại trái sao? Ta thấy trên nói cái nhân của Thánh-nhân mà đức Phu-Tử đã nói ở trên, cái nhân đã to lớn hợp với Trời thì cái quả cũng to lớn vô-cùng tận vậy.

Tiết 50. 亢之為言也。知進而不知退，知存而不知亡。知得而不知喪。其唯聖人乎。知進退存亡。而不失其正者。其唯聖人乎。

D.A. Kháng chi vi ngôn dã. Tri tiến nhi bất tri thoái tri tồn nhi-bất tri vong, tri đắc nhi bất tri táng. Kỳ duy Thánh-nhân hồ?
Tri tiến thoái tồn vong nhi bất thất kỳ chính, Kỳ duy Thánh-nhân hồ?

D.N. Kháng là nói về hạng người, biết tiến mà không biết lui, biết còn mà không biết mất, biết được mà không biết tan. Cái đó duy chỉ có Thánh-nhân vậy ra? Biết tiến lui, còn mất mà không mất sự chính-đính. Cái đó duy chỉ có Thảnh-nhân vậy ra?

B.N.C.H. Vì sở-dĩ động thì có ăn-năn vậy. Biết rõ lý như thế nào mà lấy Đạo sử nó thì không đến nỗi ăn-năn, vẫn là không kể cái tư riêng để tránh hại.

Nói hai lần «duy chỉ có Thánh-nhân vậy ru?» Dùng như vậy để đặt câu hỏi mà tự ứng tất cả vậy.

Đây là tiết thứ 6 lại nói lại ý của tiết thứ hai thứ ba và thứ tư.

Lời Bàn: Ở đây lại nói nghĩa chữ Thái quá, người mà chỉ biết tiến không biết lui, chỉ biết còn không biết mất chỉ biết được không biết thua, người đó sẽ lăn vào cảnh nguy-nan và hối-hận. Phàm chuyện gì ở đời xảy ra đâu có phải chỉ đi đến chỗ tốt đẹp cả, chuyện gì việc gì lúc tốt, lúc xấu theo nhiều nguyên-nhân mà thay đổi, nào là thời-

gian, nào là tập-quán từng xứ một, nào là khí-hậu, nào là thời-tiết, nào là cảnh-vật v. v...

Cũng một công-việc người này làm được ở nơi này, và cũng có người làm hỏng ở nơi đó. Như vậy việc làm phải biết cách mà theo thời-vận, phải có cái trí minh-mẫn của các bậc Thánh-nhân, để biết tiến biết lui, biết còn biết mất, một cách chánh, đáng. Phải lựa thời mà theo như câu: «Thế Chiến-quốc thế Xuân-thu gặp thời thế, thế thời phải thế» của cụ Nguyễn-Công-Trứ. Nhưng phải ở trong vòng chánh đáng. Đó chỉ duy các bậc Thánh-nhân mới có thể làm được thôi vậy.

TÓM-TẮT

Quẻ Kiền: Kiền Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh.
Sơ cửu: Rồng lặn chớ dùng.
Cửu 2: Rồng hiện ở Ruộng lợi thấy người Lớn.
— 3 — Người Quân-tử suốt ngày chăm chăm, tối lo lắng hằng cố-gắng không lỗi.
— 4 — Hoặc nhảy trong vực không lỗi.
— 5 — Rồng bay trên Trời, lợi thấy người Lớn.
— 6 — Rồng Thái quá có ăn-năn.

Kiền quái Tổng Luận.

Một quẻ có 6 hào trên dưới hợp lại thành 2 quẻ trong ngoài. Mỗi một quẻ đều theo thời-gian mà tiến-triển, tượng chưng một kỳ-hạn nhất-định theo luật tương-đối với từng sự vật, nhỏ thì tính giờ, ngày, tháng, năm lớn thì tính thế, kỷ, vận, hội, nguyên. Theo Thái-Ất

thống-tông thì mỗi một quẻ là biểu-trương cho một vận, mỗi một quẻ thì có số năm tiêu-biểu cho thời-gian tương-đối với Trái Đất ta ở, khác nhau theo số hào Âm, và Dương nhiều hay ít. Một hào dương thì tính 36 năm, một hào Âm thì tính 24 năm Như trong quẻ Kiền tính theo luật của Thái-Ất trên thì có 6 hào dương tức 36 năm x 6 = 216 năm, đối với vận hội nguyên còn đối với các sự vật nhỏ bé hơn thì sự tương-đối thời-gian ấy cũng thu nhỏ lại theo một qui-mô tương-đối vậy.

Dịch-học tức là cái học của Thánh-nhân, học đến cùng kỳ-lý thu được cả không-gian và thời-gian trong tay.

Hóa cho nên cái căn-nguyên của Dịch-Học có sự tương-đối và tương điều-hòa chặt-chẽ với thời-gian. Như trong quẻ Kiền trên đây. Xét xem Tượng, Thoán thì thấy : Kiền, Nguyên, Hanh, Lợi Trinh
mà xem từng hào một ta thấy Thánh-nhân lấy Tượng cho 5 hào là con Rồng và hào cửu Tam là người Quân-tử.

Trên tôi đã giải vì sao lại lấy con Rồng và người Quân-tử làm Tượng trong quẻ Kiền.

Xem cho kỹ Hào-từ thì ta sẽ rõ sự luân-chuyển của con Rồng theo từng thời-kỳ của nó.

Mới đầu ở Sơ-hào là Rồng lặn chớ dùng đến hào Cửu-nhị thì Rồng hiện ở Ruộng, lợi thấy người Lớn.

Hào Cửu-tứ: Hoặc nhảy trong vực không lỗi. Hào Cửu-ngũ: Rồng bay trên Trời,lợi thấy người Lớn.

Hào Thượng Cửu: Rồng thái quá có ăn-năn, và hào Cửu tam là người Quân-tử suốt ngày chăm chăm tối lo lắng hằng cố gắng không lỗi. Nếu ta lấy một ví-dụ những sự vật cứng-mạnh trên đời này và sự sinh lớn lên theo thời-gian mà hiểu thì gần như trong một ngày lúc ánh-sáng mặt Trời mới mọc lên trong lúc Bình-Minh còn đang tranh tối tranh sáng, sự u tối mới lui và ánh-sáng mặt Trời dần dần tiến lên, từ giờ Sửu Dần.

Sau đến giờ Mão ánh - sáng đã rải - rác khắp mọi nơi, đến giờ Thìn

giờ Tỵ là lúc Thái-Dương ở nơi Đan-Trì vượt lên đến giờ Ngọ là Nhật lệ
trung Thiên. như Rồng bay trên Trời, khí nóng đến tột-cực rồi dần dần Hoàng-Hôn và cái màn Âm đen-tối của ban đêm bao-phủ sức sáng của mặt Nhật. Nên là lúc Rồng Thái quá có ăn-năn.

Nói về luyện tinh hóa khí, khí hóa Thần thì cũng đúng như sự tiến-triển của quẻ Kiền. Khi cái Linh-Dương hay con Hỏa-Xà ở Vỹ-Lư nhập được vào U-Môn rồi thì Âm-Dương theo đường trong xương sống mà tiến dần lên, thì tinh phân thành khí, khí hóa ra Thần.

Như ngày thì lấy giờ làm căn-bản, như luyện Đạo thì cũng phải theo thời-gian tùy cái Đức của nhà Đạo-Sĩ mà lên theo sự tiến-triển của quẻ Kiền.

Như vậy hiểu-thấu được Dịch-lý hiểu được đạo luật thời-gian cũng như không-gian mà áp-dụng vào muôn sự vật trong đời, từ côn-trùng cho đến cái Đại Vũ-Trụ bao la, đều phải tuân theo một định-luật ấy cả. Hóa cho nên người học Dịch đâu phải câu-nệ học để bói-toán như các nhà Hiền-Triết cổ xưa, nhưng nay học Dịch là để tham-bác tất cả cái Biết (La vraie Connaissance) của Thánh-nhân hầu đưa nhân-loại đến chỗ Chí-Thiện của cái chân độc-nhất vô-nhị.

Dịch-học tức là Tượng-học. mà Tượng-học
thì thâm-xâu bao-la vô-biên vô-giới. Nói đến cái nhỏ bé như Nguyên tử tưởng như không-tưởng cũng như cái to lớn vô-biên vô-giới như cái Đại Vũ-Trụ bao quanh ta, như cái màn Trời xanh thẳm kia hàng tỷ, hàng triệu Vũ-Trụ khác nhau, hàng tỷ hàng triệu Tinh-tú khác nhau, nhưng chung qui cũng không ra khỏi những định-luật căn-bản của Dịch-lý.

Dịch-Học gồm cả cái luật Không-gian và Thời-gian vậy.

Nói qua Thoán, Tượng, Hào-từ của một quẻ Kiền ta thấy sự áp-dụng vô-cùng cho muôn sự vật, từ việc nhỏ cho đến việc lớn, từ thân mình cho đến cả Nhân-loại, từ Gia-đình cho đến Quốc-gia Thiên-hạ, đâu đâu cũng có thể áp-dụng được hết, cho nên học Dịch thì phải thoát

lên trên sự câu-nệ của thế thường. Các Bạn hỏi cái thời-gian đâu phải là một căn-bản nhất-định của một hành-tinh này đối với hành-tinh kia. Phải có sự dị đồng ắt những nguyên-tắc của Dịch-học sai chăng ?

— Cái thời-gian nó phải khác nhau nhưng cái Lý của Dịch bao giờ cũng có Một. Ví như sự tiến-
triển của một quẻ Kiền trong 6 trạng-thái khác nhau từ lúc sơ khởi đến lúc chung tàn thì cái thời-gian từng trạng-thái phải khác nhau nhưng chung cuộc thì giống nhau nhưng tương-đối với từng loại của từng sự vật. Như một năm trên Trái-đất có 365 ngày mì một ngày trên Phạm Thiên có 4,230.000 năm trên Trái-Đất thì sao ?

Vậy học Dịch phải cần giữ một tôn-chỉ cho vững, nắm được cái Đạo hay cái Chân-lý cho chắc thì muôn triệu sự vật cũng không thoát ra khỏi vòng Dịch-lý được vậy.

坤 KHÔN - 2

Khôn trên ☷
Khôn dưới ☷

KHÔN 8 8

Tiết 1. 坤元亨利牝馬之貞。君子有攸往。先迷後得。主利西南得朋東北喪朋。安貞吉。

D. A. Khôn Nguyên Hanh Lợi tẫn mã chi Trinh. Quân-tử hữu du vãng. Tiên mê hậu đắc, chủ lợi Tây-nam đắc bằng, Đông-bắc táng bằng an Trinh Cát.

D. N. Quẻ Khôn. Nguyên-đầu Hanh-thông Lợi về đức Trinh của con ngựa cái. Người Quân - tử có sự đi trước mê sau được, chủ lợi hướng Tây-nam được bạn, hướng Đông-bắc mất bạn. Yên-tĩnh có đức Trinh, Tốt.

B. N. C. H. Nét ▬ ▬ là chẵn, số của khí âm, Khôn nghĩa là thuận tức là tính của khí âm. Trong lời chú giải Khôn là tên quẻ sáu vạch. Sự thành hình của khí âm không gì lớn hơn Đất.

Quẻ nầy 3 vạch đều chẵn cho nên đặt tên là Khôn để tượng-hình Đất. Chồng lên lần nữa lại được
quẻ Khôn thì âm được thuần-túy, thuận đến cùng-tột cho nên cái tên và cái tượng của nó đều không đổi. Ngựa cái có tính thuận (chịu nghe theo) mà đi khoẻ. Dương trước âm sau, dương chủ về Nghĩa, âm chủ về Lợi. Tây-nam là phương âm. Tây-bắc là phương dương. «An» là sự làm của đức thuận. «Trinh» là đức đầu của sự mạnh-mẽ. Gặp được quẻ nầy thì sự đoán là đại Hanh-thông mà có Lợi. Lấy đức mạnh mà thuận làm chính, nếu có đi đâu thì trước mê sau được mà chủ về sự Lợi. đi theo hướng Tây-nam thì được bạn, đi theo hướng Đông-bắc thì mất bạn. Đại để thường được an-tĩnh ở đường chính thì tốt.

Họ Hồ nói rằng : Ngẫm chữ an Trinh cát là sự tận-tâm của Văn-Vương ở đó. Xem đến sự răn-giới về sự phản-phúc thì phải cẩn-thủ đó là phận của «bầy-tôi» khiến ở ngôi Khôn là kẻ giữ một lần mà chính-bền vậy.

LỜI-BÀN: Theo Tiên-thiên bát-quái so cái Novae thì Khôn toàn là khí âm, tức là một thứ khí đen tối, có trọng-lực. Ta có thể ví khối ấy với đám mây đen, hay là cái hành-tinh, vệ-tinh lạnh giá.

Theo Thiệu - khang - Tiết trong quyển Hoàng-cực kinh-thế nói : Thái âm vi Nguyệt.

Khôn là một khối toàn khí đen tối, lạnh và nặng
nên chỉ có 3 · hào âm hay là ☷ (ba nét chắp).

Ta có thể ví Khôn với đám mây đen hay là cái sao đen tối của ông Emile Belot.

Theo Thiên-văn-học Âu-Tây, mặt Trăng không có ánh-sáng và chịu ánh-sáng của mặt Trời.

Mặt Trăng rất lạnh hàn-thử-biểu xuống 267 dưới 0 độ, nên mặt Trăng

bao bọc một lớp băng rất dầy.

Lớp băng ấy như cái gương phản chiếu ánh-sáng mặt Trời xuống quả Đất làm cho đêm trăng sáng dịu.

Sở dĩ gương Trăng sáng tỏ là vì khí nóng không rọi ra được và làm cho lớp băng tan ra hơi nước, nên trên mặt Trăng không có bầu không - khí Cổ nhân cũng gọi mặt Trăng là Quảng-Hàn là Thủy-tinh.

Khôn thuộc thủy (Tiên-thiên). Thủy đây có - lẽ là nước đá vậy. Trong thời kỳ nầy, vệ-tinh có một lớp vỏ dầy, làm cho ta có cảm-giác là toàn khí lạnh, nên Khôn chỉ có 3 hào âm, cũng như Kiền chỉ có 3 hào dương.

Theo Đồ Tiên-thiên thì Tốn ở Tây-nam, Hậu-Thiên thì Khôn ở Tây - nam, thế là Tốn đổi ra Khôn, gió thoát ra đất, trong không-gian có Phong mới thành ra Thổ, phong-khí đem xuống quả đất vô số bụi ánh-sáng về sau nguội dần thành vật-chất.

Những bụi ấy tuy nhỏ nhưng chứa mãi lâu ngày cũng thành đất. Nói về ngũ-hành Tốn thuộc mộc, mộc thành thổ, như thế nghĩa là gió gieo mầm sống xuống quả Đất, sinh-vật hấp-thụ ánh-sáng mà nở nang sinh-sản, khi chết đi cũng thành đất, thành đá. Hiện nay ta thấy trong vỏ quả Đất có từng lớp than đá rất dày, nhiều mỏ dầu rất rộng và xâu. Đó là các loài cầm thảo, vì nạn động-đất (chấn) chôn vùi xuống xâu rồi vì sức ép và khí nóng làm cho khô ráo, mà kết-thành loài kim thạch.

Theo y-lý cổ-nhân nói màng mỡ trong người thuộc về quẻ Khôn, thì những mỏ than biển dầu trong quả Đất cũng thuộc về quẻ Khôn.

Vạch — là lẻ tượng dương. Vạch — — là chẵn tượng âm.

Dưới vạch — là dương sao không tượng Kiền ?

— Vạch — — là âm sao không tượng Khôn ?

— Sao lại phải lấy những lần 3 vạch chồng lên nhau ?

Thưa rằng : Nếu chỉ có âm không và dương không thì sự tượng-trưng

đó đã là đầy đủ lắm rồi ! Nếu chỉ có Trời là Kiền, Khôn là Đất, hay dương là
Kiền, âm là Khôn thì vạch lẻ và vạch chẵn như vậy đã là đủ rồi. Nhưng trong Trời Đất, còn muôn loài khác nhau, vậy lấy tượng-hình căn-nguyên còn 6 quẻ nữa, vì vậy phải lấy 2 lần vạch mới phân-biệt được số âm, số dương phân-phát cho mỗi quẻ, và thứ nhất sự phân-phát đó không đều nhau. Vì lẽ nhiều ít chênh-lệch nên sinh ra sự giao-động, biến-hóa luôn luôn.

Học-thuyết Âu-Tây cũng nói: Vạn-vật cấu-tạo không theo một chiều, vì nếu như theo một chiều thì cảnh vật sẽ im-lìm ngưng-trệ, tức là cảnh bình-thản vậy. Có chỗ cao, chỗ thấp mới có nước chảy, có chỗ nóng, chỗ lạnh mới thành nước, trên Trời khí nóng, khí lạnh gặp nhau mới uyển-chuyển thành gió, hai luồng-điện khác nhau mới thành sấm thành sét.

— Ba vạch là để tả rõ mực âm dương nhiều ít trong 8 quẻ và rộng ra nếu thêm vào mỗi quẻ chính (trong 8 quẻ) 8 quẻ nữa thành ra 64 quẻ, thì mỗi quẻ có 6 vạch để tỏ rõ hơn cái mực âm dương (đã giảng ở trên) xin nói thêm đây một tài-liệu của Leibnitz một nhà Đại Bác - học ở Đức, để giải rõ vì sao lại lấy thêm vào quẻ chính 8 quẻ nữa vì thuyết đơn-tử của Leibnitz mỗi «một đơn-tử là một Vũ-trụ ở trong nó và đẻ ra nó».

— Quẻ Khôn cũng có 4 Đức : Nguyên Hanh
Lợi Trinh nhưng cái Trinh đây là cái nết Trinh của con ngựa cái.

Sao Thánh-nhân lại lấy tượng-hình đức Trinh của con ngựa cái ?

Thưa rằng : Khôn là quẻ thuần âm quẻ đối với Kiền thuần dương.

Kiền thì tượng Trời, Khôn tượng Đất, lấy con ngựa cái tượng Khôn là con ngựa cái thuộc về âm là một lẽ. Lẽ thứ hai là con ngựa cái vận-tải trên lưng nó, tuy nặng mà vẫn nghe lời, thuận mà đi thật khoẻ, tượng-trưng quả Đất ta ở, nó lặng-lẽ thuận yên mà mang ta, tải vật mà đi rất khoẻ không ngừng.

Lẽ thứ ba : Ngựa cái sẽ đẻ và sinh-sản nẩy-nở ra nữa nghĩa là tượng

trên quả Đất còn sinh-sản nẩy-nở ra nhiều nữa.

Lẽ thứ tư : Ngựa phần nhiều hiền lành ngoan ngoãn.

Ta tóm lại 4 Đức tính của con ngựa cái :
1.- Nó là giống cái. 2.- Nó mang tải mà đi khoẻ. 3.- Nó sinh-nở. 4.- Nó có tính thuận-theo.

— Bốn Đức-tính của Trái đất :
1.- Thuộc âm vì Trời thuộc dương.
2.- Nó mang tải và đi khoẻ.
3.- Nó sinh-sản nẩy-nở.
4.- Nó yên-lặng thuận theo người.

Vì 4 Đức tính đó mà con ngựa cái được hân-hạnh làm tượng-hình cho quả Đất, tượng-hình cái Trinh của Khôn vậy.

Trước mê sau được. Nếu có sự đi ấy thì cái âm thấy có động. Một khi âm thấy dương thì cũng ví như cái thấy đực, thì cái âm mới đầu mê-man mà nhường cho cái dương tinh-túy. Trời đã sinh ra cái âm lúc đó để im lặng mê-man, sau sẽ được cái sinh-khí của dương mà sinh lợi. Như vậy gọi là sau được chủ Lợi.

Qua hướng Tây-nam được bạn, theo phương hướng của Hậu-thiên bát-quái ta nhận rằng hướng Tây-nam chỉ vào quẻ Khôn. Đây là quẻ Khôn, Khôn , mà đi về hướng Khôn lại được Khôn, như nhau là bạn vậy. Phu-tử nói trên quẻ Kiền : cùng tiếng ứng nhau, cùng khí cầu nhau.

Qua hướng Đông-bắc mất bạn, theo phương-hướng như trên, hướng Đông-bắc là quẻ Cấn. Quẻ Cấn là quẻ xung với Khôn. Quẻ Cấn là Dương Thổ, Khôn cũng là Âm Thổ. Đồng chất với nhau nhưng khác tính, vậy ví như bạn nhưng xung nhau thì mất bạn.

Cái nghĩa qua Đông-bắc mất bạn là thế vậy.

Âm là an-tĩnh. Trinh là đức chính-đính bền-bỉ của Khôn, của đàn-bà.

Vậy an-tĩnh một cách chín-chắn, bền-bỉ thì tốt. Được hai đức - tính đó là Đức của Khôn, hợp với lẽ Trời Đất thì tốt.

Tiết 2. 彖曰。至哉坤元，萬物資生乃順承天。

D. A. Thoán viết : Chí tai Khôn Nguyên, vạn-vật tứ sinh nãi thuận thừa Thiên.

D. N. Lời thoán nói rằng : Cùng-cực thay cái đức Nguyên của quẻ Khôn, vạn-vật nhờ nó mà sanh ra bèn thuận theo Trời..

B. N. C. H. Đây lấy cái Địa-đạo để tỏ nghĩa quẻ Khôn, mà đầu tiên nói về đức Nguyên, «Chí» là cực là cùng-tột như nghĩa chữ «Đại» là «to lớn» nhưng nghĩa nó chậm chậm hơn. «Thủy» là khởi đầu của khí (hơi). «Sinh» là khởi đầu của phần hình. «Thuận theo Trời» là thi-hành cái Đạo của Đất.

LỜI-BÀN: Kiền với Khôn như chồng với vợ, như bóng với hình, Khôn thụ cái nguyên-khí của Kiền để sinh-hóa ra muôn vật, vì vậy nói vạn-vật ở đó mà sinh ra.

Trong gầm Trời Đất không ai nghe nói giống đực có chửa và đẻ bao giờ. Tuy vạn-vật nhỏ như con trùng, con kiến, to như con voi con hổ, con cái thụ cái nguyên sinh-khí của đực mà thụ thai và sinh-nở. Nếu không theo đạo Trời thì đàn-ông sẽ có chửa, con đực có mang. Rồi đẻ sao ? Đó là cái Đạo-luật của Tạo-hóa to lớn lắm thay ! Ta cứ trông và thi-hành Đạo của Đất thì sẽ thuận theo đạo Trời.

Đó là cái Đạo ở trước mắt ta vậy.

Trên Thoán-từ Thánh-nhân dùng chữ Chí và chữ Tứ-sinh, 3 chữ đó đủ tả được cái thể âm của Khôn.

Chí là cùng tột, nhưng ngụ ý chậm-chạp, dần dần ở trong không có sự mạnh-mẽ, tức-tốc như chữ Đại đó là cái tính thuần-túy, im-lặng, yên-tịnh của Khôn.

«Tứ sinh» nhờ đó mà sinh ra chỉ có âm (cái) mới sinh ra muôn vật.

Cái Nguyên của Khôn thật là tột-cùng sánh với cái Nguyên to lớn của Kiền như trai tài gái sắc vậy.

Tiết 3. 坤厚載物。德合无疆含弘光大。品物咸亨。

D. A. Khôn hậu tải vật. Đức hợp vô cương. Hàm hoằng quang đại. Phẩm vật hàm hanh.

D. N. Khôn (Đất) dầy trở muôn vật. Hợp cái Đức vô-cương. Nhẫn-nhục, rộng-rãi sáng-sủa vô-cùng. Phẩm vật đều hanh-thông.

B. N. C. H. Đây nói về đức Hanh. «Đức hợp không bờ bến» là nói phối-hợp với cái Đức quẻ Kiền.

LỜI-BÀN: Đất dầy để chở vật đó là một hình-thể tả cái tính-chất của Khôn phải dầy mới mang được muôn vật, cái Đức to lớn không bờ không bến.

Hàm, Hoằng, Quang, Đại bốn đức-tính đó để đi đến cái đức thuận của Khôn ví như người đàn-bà lúc về nhà chồng có 4 Đức đó :

Hàm : là nhẫn nhục, chịu đựng được những cái đau-đớn cay-đắng.

Hoằng : là rộng-rãi, bao-bọc cho anh em, cha mẹ.

Quang : Sáng-sủa về lúc tu-đức sửa-nghiệp.

Đại : Làm sự nghiệp to lớn.

Nếu được ngần đó đức-tính thì phẩm vật đều lưu-loát hanh-thông.

Quẻ Khôn cũng như Trái-đất theo hình thể vật-
chất thì thật dầy, mang trở muôn loài, muôn vật như vậy cái Đức đã to lớn cùng-tột rồi và lại để hợp với cái Đức to lớn của Kiền. Quả Đất cũng có bốn đức ở trên như :

Hàm : Quả Đất nhẫn-nại, chịu đựng các thứ biến-thiên của các loài, đào, đục, đẽo, v. v...

Hoằng : Rộng-rãi bao-la để cho muôn vật có nơi để chân, có nơi chú.

Quang : Sáng-suốt mọi nơi, ở ruộng thì mọc thóc, ở biển nước mặn, ở rừng có cây, dưới nước có cá v. v..

Đại : To lớn các sự-nghiệp của muôn loài, to lớn biết bao thật là mênh-mông vô-cùng vô-tận.

Như vậy thì làm gì mà phẩm vật không được hanh-thông.

Tiết 4. 牝馬地類。行地无疆柔順利貞。君子攸行

D. A. Tẫn mã địa loại, hành địa vô cương, nhu thuận lợi trinh. Quân-tử du hành.

D. N. Ngựa cái thuộc loại của Đất, đi trên Đất không bờ, mềm thuận lợi trinh.

Người Quân-tử làm theo Đức ấy.

B.N.C.H. Đây nói về Lợi Trinh. «Ngựa» tượng của Kiền mà là loại của đất.

«Đi trên Đất không bờ» thì phải thuận và mạnh, Mềm, thuận, lợi, trinh là Đức của Khôn.

«Quân-tử du hành» nghĩa là cái chỗ làm của người Quân-tử ví như cái Đức của Khôn. Chỗ làm như thế thì lời chiêm như trên.

LỜI-BÀN: Trên đã nói tính của con ngựa cái, hình-tượng cái nết Trinh của Khôn. Đi trên Đất không bờ, ngụ ý đi mãi mãi vô-cùng vô-tận. Con ngựa mang đồ không mạnh đi sao cho nổi ? Vậy ngựa phải mạnh-mẽ. Như thế thì Khôn cũng có Đức tính mạnh-mẽ của dương sao ?

Thưa rằng : Cái mạnh của Khôn chỉ có cái sức khỏe mang trở và để đi cái sức mạnh đó không tự nó thi-hành, nó chỉ biết vâng-lời mà theo dương.

Khôn theo Kiền như bóng với hình thì Khôn cũng phải mạnh như Kiền để theo. Kiền. Chỉ khác là cái mạnh của Kiền là cái mạnh cứng để thi-hành, còn cái mạnh của Khôn là cái mạnh mềm để phụng mệnh.

Đó là phân-biệt hai cái mạnh của Âm và Dương.

Theo Đạo của Đất, của Khôn thì cũng có
bốn Đức tính :

a) Mềm - mại, b) Thuận - theo, c) Lợi, d) Trinh-bền nhưng cái nết Trinh của con ngựa cái, theo cõi Đất thì đó là Đạo của đất mà người Quân-tử lấy đó mà theo thì cũng hiểu Đạo Trời vậy.

Tiết 5. 先迷失道，後順得常 (a)。西南得朋 (b) 乃與類行東北喪朋乃終有慶 (c)。

D. A. Tiên mê thất Đạo, hậu thuận đắc thường. Tây-nam đắc bằng nãi dữ loại hành. Đông-bắc táng bằng nãi chung hữu khánh.

D. N. Trước mê mất Đạo, (a) sau thuận được thường (b) Tây-nam được bạn (c) bèn đi với đồng loại. Đông–bắc mất bạn nhưng sau được sự vui-vẻ.

B.N.CH. Dương lớn âm nhỏ dương được kiêm âm âm không được kiêm dương cho nên Đức của Khôn thường kém Đức của Kiền một nửa.

Đông-bắc tuy mất bạn nhưng trở lại về Tây-nam thì cuối cùng sẽ được vui-vẻ phúc-lành.

LỜI-BÀN : a) Dương thực âm hư : dương thực mà hư, Âm hư mà thực.

Ở bên An-độ toàn thờ con bò cái và con bò đực mỗi con có đặc-cách là con cái có năng-lực sinh-nở sản-xuất, con đực có bản-năng phát sinh-lực cho Tạo-hóa.

Trong chú-giải Kinh Dzan còn nói rằng : «Khi người con trai lìa khỏi người mẹ nó sẽ thành Cha và trong cõi «Sinh-tồn» cái chấm độc-nhất sau thành một đường vạch, cái Âm-hộ Trinh-khiết của Vũ-trụ (số không o hình trái trứng) và người mẹ trong trắng sinh ra cái hình nó nhào chộn với muôn hình».

Dương lớn hơn Âm tại sao vậy ? — Vì tất cả có 64 quẻ mà mỗi quẻ có 6 hào vậy tất cả sẽ có là : 64x6 384 hào nghĩa là phân đôi thì có : 192 hào âm và 192 hào dương. Ta biết rằng Lão-dương là số 36 Lão-âm là số 24.
Nhân mỗi số với 192 thì :
36x192 : 6912 Dương
24x192 : 4608 Âm
11520. Số này gồm cả vạn-vật vậy.

So-sánh 2 con số trên thì ta thấy Dương lớn hơn Âm là 6912—4608 : 2304.
Nghĩa là dương 3 thì âm 2. Đó là để giải nghĩa của Chu-Hi.

b) Âm trước thực sau hư vì vậy lúc mới đầu mê muội mất đường sau lại được như thường.

c) Đã giảng ở trên, được bạn thì cùng đi với bạn.

d) Đã giảng ở trên, mất bạn ắt phải trở về, còn lẩy bạn đâu mà cùng với nên lại trở về hướng cũ sau được phúc-lành vì Khôn lại ở ngôi Khôn vậy.

Tiết 6. 安貞之吉應地无疆.

D.A. An trinh chi cát ứng Địa vô cương.

D.N. Cái tốt của Đức yên-tĩnh và trinh-bền ứng với cái Đức không bờ bến của Đất.

B.N.C.H. Âm mà lại Trinh, đó là Đức của Đất.

LỜI-BÀN : «Đức hợp vô cương» «Hành Đạo vô-cương» «Ứng Địa vô-cương».

Chữ vô-cương dùng vào 3 chỗ. Cương là đất giáp cõi, bờ. vô-cương là không bờ cõi.

«Đức hợp vô-cương» Cái Đức hợp với chỗ không bờ cõi, là cái Đức to lớn biết sức; nơi nào cũng hợp được, chỗ nào cũng có được.

«Hành Địa vô-cương» đi trên đất không bờ cõi, đi trên đất rộng mông-mênh bát-ngát, ngụ-ý nết thuận theo bền-bỉ, chính-đính và mạnh-mẽ của con ngựa cái.

«Ứng Địa vô-cương» ứng với đất không bờ cõi, để tả cái to lớn của Khôn, của cái Đạo Khôn đối với Đạo Kiền vậy.

a) Đức an-tĩnh và Trinh-bền là 2 cái Đức-tính của Âm, -dương động, âm tĩnh. Dương thì tự động âm thì thụ động, Vậy âm mà Tĩnh giữ được chính-đính, sự tốt của 2 Đức-tính ấy ứng nhau với sự to-tát không cùng của Đạo Đắt, đạo Khôn.

Hóa cho nên xem tính-cách của Khôn thì chỉ có thể yên-tĩnh mà vâng-lời, thụ cái động của Kiền mà học theo các hành-động của Kiền, vì vậy nói nếu Khôn tự-động trước thì mê-muội rồi sau mới thuận được như thường.

Tiết 7. 象曰：地勢坤君子以厚德載物。

D.A. Tượng viết : Địa thế Khôn Quân-tử dĩ hậu Đức tải vật.

D.N. Lời tượng nói rằng : Cái địa-thế quẻ Khôn, người Quân-tử lấy cái Đức hậu-trọng đó để mang trở muôn vật.

Truyện : Đất dầy mà thế thuận có sự nghiêng-đổ nên nói là Địa-thế. Người Quân-tử xem tượng Khôn dày-bền để làm cái Đức xâu dày mà dùng tài các vật.

B.N.C.H. Đất là hình-tượng của Khôn, cũng chỉ có một mà thôi, cho nên không nói chữ «Trùng» mà nói «thế của nó thuận» thì thấy sự cao thấp nhân nhau không cùng thật thuận cực dầy, không có cái gì không trở được.

LỜI-BÀN : Thế Đất là Khôn nói về địa-thế của quả Đất để hình-tượng quẻ Khôn. Có 2 Đức-tính là thuận và dày. Đất là Âm, mặt Trời là Dương. Đất là một hành-tinh chạy quanh mặt Trời là định-tinh. Đất thu ánh-sáng của mặt Trời để sanh muôn vật thế là Thuận.

Vậy xin trích-lục ra đây vài nguyên-tắc mà các nhà địa chất-học đã nghiên-cứu tìm tòi.

Xem lịch-sử quả Đất, lớp vỏ gồm có nhiều giẫy núi khác nhau vì không mọc lên một lần, có thứ núi già, có thứ núi non mỗi tầng lá một thời-kỳ quả Đất co rút lại tức là một quẻ Cấn.
Có ba tầng :

a) Thạch-tầng lúc đầu. Nước mưa (Khảm ở Tiên-thiên) làm tắt cái Sao. Lớp bày-nhày ở ngoài đông-đặc lại thành đá cuội. Trong đá cuội không có di-tích các loài cầm thảo. Ấy là lớp đá đầu tiên

làm cho các sao sáng thành Hành-tinh như những giãy núi Ecosse Islande, Alpes scandinaves, Spitzberg v.v..

Lúc bấy-giờ nội tâm quả Đất nóng cháy nước ở Hành-tinh bốc thành hơi (Quẻ Đoài ở Hậu-thiên) rồi lại mưa xuống (Khảm) làm cho vô quả Đất nguội thêm. Khí nóng (Chấn) làm nứt nẻ lớp vỏ và chất bày-nhày của nội tâm phun ra do Hỏa-diệm-Sơn (Ly) đông-đặc lại làm cho lớp vỏ thêm dầy. Gió (Tốn) ở không-thiên lại mát mẻ nên khí-hậu ở trên mặt Đất đã đến trình-độ dung được loài sinh-vật bấy giờ khí Trời Đất ẩm-thấp nên cây-cối rất nhiều mà cao. Đó là thời-gian của loài Thực-vật.

Thạch-tầng hồi thứ nhất. Nhưng ruột quả đất vì giải khí nóng ra ngoài nên hao mòn và tóp nhỏ. Lớp vỏ cứng thì quá rộng nên co rút lại như trái cam khô làm thành từng giẫy núi.

Ấy là lớp thạch-tầng hồi thứ nhất hay là quẻ Cấn ở Hậu-thiên, gồm có những giãy núi cổ như Massif - central, Vosges, Forêt noire.

Trong những lớp đất núi về thời-đại này ta thấy di-tích các thứ rêu rong, cây đuôi-chồn, ít loài ngao hến và những lớp than đá (do loài thực-vật kết-thành).

Sau thời biến-động ấy lại đến một thời yên-tĩnh hơi nước sinh ra mưa gió mòn rũa ra sỏi sạn, trôi theo nước, đọng dưới sông biển, làm thành những lớp đất, trong những lớp đất này ta thấy cốt các thứ cá xưa, loài ngao hình soáy ốc, loài bò-sát và các thứ chim to. Đó là thời-gian của loài động-vật và là thời Thạch-tầng hồi thứ hai.

Thạch-tầng hồi thứ ba. Khí nóng ở nội tâm quả Đất cứ giải ra luôn, khối bày-nhày mỗi ngày một hao mòn và tóp nhỏ lại, lớp vỏ lại quá rộng nên co rút, gây thành những quả núi cao nhất Hoàn-cầu như : Alpes, Pyrénées, Jura, Karpathes, Balkans, Hymalaya. Trong những lớp núi này, người ta tìm thấy các loài có vú rất to lớn và di-tích các loài cầm thảo hiện thấy trên quả Đất.

Sau quẻ Cấn thứ hai này, mưa tuyết làm cho đất núi nát rũa ra, thấp dần, sạn cát đóng lại thành đất phù-sa. Trong những lớp đất này

người ta còn tìm thấy cốt xưa các loài có vú lớn như con Mammouth và di-tích hài-cốt của người thượng-cổ. Những lớp đất này gọi là đệ tứ địa-tầng hay là kỳ-gian của loài Người.

Tám quẻ trong Hậu-Thiên bát-quái chỉ các thời-đại của cái hành-tinh, những thời-đại ấy lâu hằng triệu năm, làm thành một vòng Bát-quái, xem các thứ núi. ta có thể phỏng-đoán rằng, quả Đất đã trải qua hai lần quẻ Cấn tức là 2 vòng Bát-quái rồi.

Chúng ta không thể ức-đoán số vòng Hậu-thiên bát-quái, quả Đất còn phải trải qua để thành Vệ-tinh hay Định-tinh.

Hiện nay, ta ở vào quẻ gì ?

Nhân-loại sẽ tiêu-diệt vì nóng hay vì lạnh ?

Khoa-học Âu-tây chưa giải quyết được. Chúng ta hãy mong các bực Cao-minh thâm-hiểu Kinh-Dịch bàn giải.

Các tài-liệu trên đây cho ta hiểu rằng quả Đất là một hành-tinh, và Đất rất dầy vậy. Đức thuận của Đất là theo mạnh, là thụ sức động, như thụ ánh-sáng mặt Trời, đó là Thuận, nước chảy ở cao xuống thấp, mực nước biển thấp hơn đất liền. Sông ngòi trong cõi Đất liền đều chảy ra biển cả. Như vậy là xuôi, là thuận.

Đục, khoét đất, Đất không cản trở, đó là thuận cái Đức của người Quân-tử dầy bền cũng ví như Đất để trở muôn vật. Người Quân-tử được đạo Đất biết đạo Trời, vì chính cái Đạo-lý uyên-thâm là

ở trên cõi Đất ta ở này chỗ nào cũng có lý của Đạo, từ nơi cao chỗ thấp, chỗ hẹp, chỗ rộng đâu đâu cũng là Đạo cả chỉ vì con người quá bị nhưng vật-dục che lấp Lương-Tri đi cho nên không thấy được Đạo vậy.

Tiết 8. 初六：履霜堅冰至.

D.A. Sơ lục : Lý sương kiên băng chí.

D.N. Hào Sơ-lục : Dẫm trên sương nước đóng đến thành băng.

B.N.C.H. « Lục » là tên đặt cho hào Âm- Số của âm 6 là Lão-âm mà 8 là Thiếu-âm. Cho nên gọi Lão-âm là lục vậy. Sương là khí âm kết lại. Âm thịnh thì nước đông lại thành băng. Hào này khí âm sinh ra ở dưới.

Lúc đầu thật nhỏ mà cái thế đó rất thịnh cho nên hình tượng như người bước trên Sương thì biết Băng rắn sắp đến. Âm Dương là gốc của Tạo-hóa, có thứ nọ không thể không có thứ kia, mà sự tiêu đi và nhớn lên vẫn như thường, không phải là cái người ta thêm lên hoặc bớt đi. Nhưng dương chủ sinh, âm chủ sát, thì loại đó có ngay gian khác nhau, cho nên Thánh-nhân làm kinh Dịch ở cái có
thứ nọ không thể không có thứ kia, đã lấy những chữ « Kiện » (mạnh) « Thuận » « Nhơn » « Nghĩa » đề nói cho rõ ràng. Mà không thiên về bên nào, đến sự luyến-tiếc của sự tiêu-diệt, hay trường-cửu, đến sự phân-biệt điều ngay gian. Không bao giờ là không chú ý đến sự nâng Dương, nén Âm, đó là sở dĩ giúp sự hóa-dục, xen với Trời Đất, cái ý rất xâu xa. Hào này không nói đến sự chiêm-đoán của nó, là vì cái tính cẩn-thận từng tý một đã tỏ rõ ở trong hình tượng.

LỜI-BÀN : Khôn là một khối khí đen tối lạnh và nặng có thể ví với cái sao đen tối của ông Emile Belot.

Khôn là một quẻ toàn âm, toàn là khí âm, Khí âm thì lạnh. Theo thời-tiết về mùa có nhiều sương, thì sáng sớm mai khí đen bao-bọc mặt đất, có khí lạnh đọng lại trên mặt lá thành những giọt sương, đó là cái hơi vì khí lạnh ban đêm làm ra thành sương.

Lúc thoạt vi thủy, một hành-tinh như quả Đất, bao-bọc những khí lạnh đó, gặp lạnh nữa thành Sương, gặp lạnh nữa thì thành Băng.

Hào âm mới ở ngôi thứ nhất, khí âm mới sơ khai ở dưới thì thành Sương. Người ta dẫm lên
trên sương, phải biết băng rắn tới, băng rắn sẽ tới vì hào âm sẽ lên ngôi thứ 2 (là ngôi âm) thì sức lạnh càng thêm như vậy Thánh-nhân mới tượng là băng rắn tới.

Dẫm lên sương mà biết băng rắn tới, là người biết đạo Trời Đất rồi vậy ! Người đã am-hiểu luật của Tạo-hóa, hơi lạnh thành sương, sương gặp lạnh thành băng. Một luật của vật-lý-học.

Âm dương là nguồn-gốc của Tạo-hóa, muôn vật sinh ra nơi đó, ở trên nói Kiền là dương là Đạo của người Quân-tử, Khôn là quẻ đối với quẻ Kiền, Khôn là âm, là đạo đối với đạo người Quân-tử tức là Đạo của kẻ Tiểu-nhân.

Sao lại còn nói « nãi thuận thừa Thiên » « bèn thuận theo Trời » và « Quân-tử du vãng » « người Quân-tử ấy làm » ?

Thưa rằng : Đạo Kiền đạo Trời là đạo người Quân-tử. Đạo Khôn, đạo Đất là đạo của kẻ Tiểu-nhân. Đạo Kiền Khôn là đạo Trời Đất là đạo của người Quân-tử và kẻ Tiểu-nhân. Hóa cho nên đạo Trời Đất là gồm tất cả.

Khôn là vạn-vật nhờ nó sinh ra bèn thuận theo Trời sao Chu-Hi lại nói :
Dương chủ Sinh — Âm chủ Sát ?

— Cái chỗ làm của người Quân-Tử ví như cái đức của Khôn, người Quân-tử lấy Khôn làm nơi thu-liễm cái Đạo, và thi-hành Đạo, lấy chuyện đời so-sánh với các luật của Tạo-hóa.

Lấy sự vật làm nguyên-liệu để hiểu đạo Khôn biết được đức-tính của Khôn, hiểu được cái đạo của kẻ Tiểu-nhân, thì trái lại đạo Trời ở ngay trước mặt ta vậy. Vì vậy Thánh-nhân trong Hệ-từ, Thoán, Hào-từ dùng những chữ xác-đáng về đức-tính cao siêu và thiêng-liêng để vạch rõ hai con đường Đạo-lý âm và dương.

Để trả lời câu hỏi trên, ta thấy hai ý-tưởng mâu-thuẫn nhau quá.

Ta có thể nói được là :

Sinh thuộc Dương, Sát thuộc Âm, sáng thuộc Dương tối thuộc Âm. Nếu nói âm chủ sát thì sao còn sinh ra muôn loài làm chi.

Tiết 9. 象曰。履霜堅冰。陰始凝也。馴至其道。至堅冰也

D. Â. Tượng viết : Lý sương kiên băng âm thủy ngưng dã, tuẫn chí kỳ Đạo, chí kiên băng dã.

D. N. Lời tượng nói rằng : Dẫm lên sương băng dắn, khí âm mới động vậy, đi đến cái Đạo ấy là đến chỗ băng cứng dắn vậy

Truyện : Hào âm gọi là Lục, cái thịnh của âm vậy. Âm mới sinh ra ở dưới còn thật là nhỏ. Thánh-nhân ở chỗ mới sinh của âm mà sắp lớn lên đề làm nhời răn-giới. Cái đầu khí âm ngưng lại thành sương. Bước vào sương là đương biết cái âm đang thịnh dần đề đến « kiên băng » (nước đá cứng), do đó Tiểu-nhân mới chỉ là nhỏ bé hết sức không thể làm cho lớn lên được. Lớn lên thì đến chỗ thịnh vậy.

Chu-tử nói rằng : Thánh-nhân làm Dịch thường lấy Dương là Quân-tử đề dẫn-giúp phù-trì chỉ sợ không được thịnh. Âm làm Tiểu-nhân đề bày ra sự bợ-đỡ, chiều về nơi lừa đảo chỉ sợ nó không suy kém.

Ngự án : Hào này gọi là « Phúc Sương kiên băng » suy đến cái nguyên-thủy của nó như sự làm nguy-hiểm còn nhỏ của vua Nghiêu Thuấn.

Sách Đại-học Trung-Dung răn-giới cẩn-thận khi một mình, và sách Xuân-Thu răn phải đề-phòng danh-phận, chỉ dậy cách ở trong ngoài (Tiến lui)..

B. N. C. H. Xét sách Ngụy - Trí chép « Sơ lục lý Sương » nay nên theo vậy.

Tuẫn nghĩa là thuận theo dần dần.

LỜI-BÀN. Theo thiểu ý tôi thêm hai chữ « Kiên Băng » là phải lắm vì :

— Một là nếu không có chữ « Kiên Băng » thì ở trên cũng không có « Sơ lục : lý sương kiên băng chí » chữ kiên băng là băng rắn nghĩa là cái kết-quả của giọt nước gặp lạnh hóa ra một thể khác. Từ chất lỏng đến thể cứng-rắn, ngụ-ý đề cho ta hiểu phép Trời đối với vật-chất, đề cho ta hiểu cái mềm cũng có thể hóa ra cái cứng. Hay

là đạo của kẻ Tiểu-nhân hóa thành đạo người Quân-tử. Như vậy hai chữ rất cần-thiết cho câu tượng này.

Nói « Âm thủy ngưng dã » câu đề giải nghĩa chữ Sương, nghĩa là khí âm mới đọng là Sương. Dần dần gặp lạnh thịnh thành băng như kẻ Tiểu-nhân dần dần có thể cải hóa thành người Quân-tử vậy.

Tiết 10. 六二：直方大。不習无不利。

D.A. Lục-nhị : Trực phương đại, bất tập vô bất lợi.

D.N. Hào lục-nhị : Thẳng-thắn, vuông vắn, to lớn, không phải tập không gì không lợi.

B.N.C.H. Mềm thuận, Trinh-bền là cái đức thẳng-thắn của Khôn. Cái hình đặt ra đã có nhất định, vuông-vắn tức là hình của Khôn, Đức hợp với chỗ không bờ tức là Đức to lớn của Khôn, Hào lục-nhị mềm thuận mà chính giữa, lại được cái thuần-túy của đạo Khôn, cho nên cái đức-độ, trong thẳng-thắn, ngoài vuông-vắn mà lại thịnh lớn, không cần học-tập mà không có gì không lợi, người chiếm quẻ có được những Đức ấy thì nhờ chiêm-đoán sẽ như thế.

LỜI-BÀN. Đây là hào nhị là ngôi âm, âm ở ngôi âm, hào nhị tượng ruộng đất, ở đây Khôn được âm ở ngôi âm, đất trên đất (Khôn thuộc thổ : đất) và Khôn là tượng đất, ở ngôi này cái Đức của Khôn được thịnh vô-cùng vì lại ở quẻ dưới, trái với Kiền dương cùng-tột ở ngôi Cửu-Ngũ, Vua ở ngôi Vua, Khôn ở giữa quẻ dưới gọi là trung-chính vậy.

Thẳng vuông lớn. Xưa kia người ta lấy hình tròn đề tượng Trời, hình vuông tượng Đất (tròn
hình quả bóng tròn) vuông (vuông khối). Hiện-thời các nhà Địa - chất học đã nhất quyết quả Đất ta ở là tròn vì nhiều lẽ xin kể sơ một hai lẽ :

1° Khi ta ở bờ kiền trông ra ngoài khơi, xa xa có cái tầu đi lại ta thấy trước hết ống khói từng trên boong, dần dần mới trông cả cái tầu vì quả Đất tròn.

2° Hình quả Đất tròn ở trên mặt Trăng mà mặt Trời rọi ánh-sáng vào quả Đất in bóng quả Đất lên mặt Trăng.

3° Ông Magellan năm 1665 một thủy-thủ Pháp đã đi vòng-quanh Thế-giới.

Bây giờ nói quả Đất tròn thì không còn ai chối cãi nữa và hai đầu Bắc-cực, Nam-cực thì dẹp.

Cách đây 6.000 năm biết đâu quả Đất vuông khối mà quay mãi, vật đổi sao dời quả Đất thành tròn dần dần. Còn 2 cực dẹp vẫn giữ nguyên hình dẹp có lẽ 2 cực là 2 trốt không quay, thành còn giữ được hình cũ chăng. Với thời-gian sự thay đổi ở đất liền cũng không phải là ít ta cứ xem địa-dư các nước và nước ta thì biết. Có chỗ trước là biển bây giờ thành đất liền có chỗ trước là núi bây giờ thành biển. Vậy cái thuyết đất vuông có thể có được.

Lại vì lẽ nữa : lúc khai Thiên lập Địa, cái thể-chất của Vủt-rụ vung-vãi mọi nơi và hợp thành các
nguyên-tố có hình như : « Chấm, đường tuyến, tam giác, vuông, khối và sau rốt thành quả tròn », nhưng tại sao và vì cớ gì ?

Chú-giải (Kinh Dzan) trả lời rằng : « vì đó là luật thứ nhất của Tạo-hóa, và vì Tạo-hóa làm tất cả muôn loài theo hình kỷ-hà trong tất cã các hành động của nó . . . »

Như vậy với thời:gian Trái-đất vuông khối soay mãi có thể thành tròn vậy.

Và một lý-thuyết nữa là khi xưa chưa có máy bay, chưa có tầu thủy lớn đề đi vòng quanh quả đất thì người ta chỉ thấy bốn bề bát-ngát theo tầm con mắt người. Vậy muốn tượng trưng Thánh-nhân lấy 4 phía thẳng-thắn thành vuông chạy dài và ngang không bờ bến vô-cùng tận đề tượng-trưng cho Đất.

« Cái hình đầu tiên của khoa Tượng học (Symbolisme) là một cái dĩa tròn O. Hình thứ nhì là một cái đĩa tròn với một cái chấm ở giữa ⊙ là một tượng-trưng tối cổ chỉ sự phân-biệt đầu tiên của những sự phát-động theo định-kỳ của Tạo-hóa vô-cùng-tận, vô tình-dục, vô giới-hạn, hay là cái không-gian tiềm-tàng ở trong cái không-gian vô-hình.

Đến trạng-thái thứ 3 cái chấm thành cái vạch,
đó là tượng - trưng của Tạo - hóa chi Mẫu (mẹ của Tạo-hóa) thiêng-liêng và tinh-khiết, trong cõi Phật là vô-cùng-tận và nó bao-trùm tất cả, cái Tạo-hóa là thuộc âm và thụ-động và cái nguyên-thủy thiêng-liêng cho nó sinh-nở thì bị dấu kín.

Đó là âm tượng-trưng bằng một vạch thẳng thắn ở giữa đĩa tròn vậy, có lẽ Thánh-nhân ở đây cũng hình-dung âm bằng cái đức-tính thẳng-thắn cũng như một vạch thẳng vậy. Theo các giống cái trên quả Đất, những giống cái thuộc về âm, cũng đều có hình dung một vạch thẳng Đó là 3 cái Đức của Khôn thẳng, vuông và lớn.

Không phải tập : Nghĩa là người ta thường nói Trời sinh ra thế, không có nước nào, loại nào, vật nào về sự cấu-tạo âm dương mà cần phải tập. Giời sinh ra ! không phải tập mà không chỗ nào không lợi, thiệt vậy sự cấu-hợp của muôn loài thì không có loại nào là không sinh-nở.

Với Đạo ấy, từ thực-vật cho đến côn-trùng, con kiến đến người không loài nào là không lợi vậy.

Tiết 11. 象曰。六二之動直以方也。不習无不利。地道光也。

D.A. Tượng viết : Lục nhị chi động, trực dĩ phương dã, bất tập vô bất lợi, Địa đạo quang dã.

D N. Lời tượng nói rằng : Sự động của hào lục-nhị, thẳng đề làm hình vuông vậy, không tập mà không gì không lợi. Đạo «Đất» sáng tỏ vậy.

LỜI-BÀN : Hào lục-nhị đã giảng ở trên, nhưng đây nói sự động của Hào-nhị thì lấy cái thẳng-thắn để làm ra vuông-vắn, theo kỷ-hà-học thì muốn làm một hình vnông phải có bốn đường thẳng thật đều hai đường một giáp nhau lại thành qui thước thợ. Đó là sự động để lấy các đường thẳng làm cái vuông.

Trong từ cái ô vuông nhỏ tí ti đến những diện-tích lớn lao, không có gì không lợi, không cần tập cũng biết, cái Đạo của Đất sáng tỏ. Chỗ nào cũng có lợi ta thường nói « thước đất thước vàng » Nếu là nơi không trồng cây cỏ để nuôi sống sinh-linh thì là nơi mang trở ta vậy.

Tiết 12. 六三：含章可貞。或從王事。无成有終。

D. A. Lục Tam : Hàm chương khả Trinh, hoặc tòng Vương sự vô thành hữu chung.

D. N. Che đậy sự tốt-đẹp có thể trinh-bền, hoặc theo việc Quân-vương, trước không thành sau có kết-quả.

B.N.C.H. Số 6 thuộc về âm, ngôi 3 thuộc về dương, ở trong ngậm cái văn-vẻ tốt-đẹp có thể giữ gìn bằng cách trinh,bền. Nhưng nó ở trên quẻ dưới không ngậm ẩn tới cùng, cho nên hoặc có lúc ra mà làm việc của người trên thì mới đầu không thành mà sau tốt có trót, lại có tượng này cho nên răn người chiếm quả có cái Đức này, thì được như nhời chiếm này vậy.

LỜI BÀN : Giữ kín được cái tốt - đẹp của mình không lộ ra cho đời biết, thì không có sự thèm-muốn, ghen ghét, dèm-pha, làm hại hay lấy mất những cái tốt-đẹp của mình, thì cái sự tốt-đẹp của mình mới có thể chính-đính và bền-bỉ được.

Đây là hào Âm ở ngôi Dương, và lại là ngôi trên quẻ dưới, Âm có cái đức tính bao dương.

Dương tượng-trưng sự tốt-đẹp như vậy Thánh-nhân mới nói là « che đậy cái văn-vẻ tốt-đẹp ».

Thánh-nhân lại nói : hoặc theo phù Vua, trước không thành, sau lại

được tốt-lành.

Đây có 2 lúc khác nhau :

1°) Nếu là Tĩnh thì phải im hơi kín tiếng không phô bày cái tốt-đẹp ra thì có thể giữ được trinh-bền, ta có thể nói là lúc con gái ở nhà chưa đi lấy chồng.

2°) Động thì phải theo người trên mà làm việc phụ giúp người trên, như con gái đi lấy chồng, theo chồng và giúp đỡ chồng, hay là Bầy-tôi giúp Vua.

Lúc đầu thì chưa thành nhưng sau rốt thì đàn-bà có con, bầy-tôi có công.

Đó là đức-tính của đạo Khôn.

Tiết 13. 象曰：含章可貞以時發也。或從王事。知光大也。

D.A. Tượng viết : hàm chương khả Trinh, dĩ thời phát dã. Hoặc tòng Vương sự, Trí quang đại dã.

D.N. Lời Tượng nói rằng : che đậy sự tốt-đẹp có thể trinh-bền, để tùy thời phát ra, hoặc theo công-việc của Quân-vương thì cái Trí sáng tỏ lớn lao vậy.

Truyện. Hào Ba ở trên quẻ dưới được ngôi là đạo Bày-tôi, đương ngậm bao cái đẹp - đẽ rực-rỡ, (hào âm ở ngôi dương) có thể giữ đạo Thường mà được chính, hoặc theo việc ở trên, không cảm sự thành công chỉ phụng-sự để giữ cái trót, cái quả, giữ cảnh-giới (không a-dua) để đến trót công-việc đó là Đạo Bày-tôi vậy.

LỜI BÀN. Đây lại nói cho rõ cái nghĩa hào Tam theo thời mà phát ra cái văn-vẻ tốt-đẹp ẩn-núp ở trong theo cái đức trinh-bền, như con gái thì theo lúc lấy chồng mà phát ra, Bày-tôi thì đợi gặp Minh-Chúa mà phò-tá.

Theo phò Vua giúp nước thì mang cả tinh-thần và những điều văn-hoa tốt-đẹp để cho nước thịnh dân trù như vậy thì cái trí sáng tỏ ra to lớn khắp mọi nơi

Hào này ví như Khương-tử-Nha khi chưa gặp Văn-Vương, ngồi câu cá bằng lưỡi câu thẳng, sau
gặp được Minh-quân đức lớn, lúc đó Khương - tử mang hết tài-ba lỗi-lạc ra để diệt Trụ hưng Châu.

Tiết 14. 六四：括囊无咎无譽。

D.A. Lục-tứ : Quát nang vô cữu vô dự.

D.N. Hào lục-tứ : Buộc miệng túi không lỗi không khen.

Truyện. Hào Tứ ở gần hào Năm, là chỗ nguy-hiểm nghi-ngờ, nếu cái Trí nó bị che-lấp đi như buộc miệng túi mà không lộ ra thì có thể không lỗi.

Chu-tử nói rằng : Trùng âm không ở giữa nên có tượng là buộc túi.

B.N.C.H. Buộc túi là thắt chặt miệng túi mà không ra, « Dự » (khen) để gọi tiếng quá sự thực. Cẩn-thận, kín-đáo như thế, thì không có lỗi mà cũng không có khen cho nên lời tượng về sự chiêm-đoán như trên đây gồm có hoặc là sự phải cẩn-thận kín-đáo, hoặc là lúc nên ẩn-núp.

LỜI-BÀN. Hào âm ở ngôi âm, hào lục-tứ, ngôi dưới quẻ trên, chung quanh ở đây âm thịnh ngụ-ý là lành ít dữ nhiều. Vậy thì tốt hơn, im hơi
lặng tiếng, thắt túi buộc bị, kẻo môi hở răng lạnh, ở đời nhiều kẻ dèm-pha, ố năng thắng kỷ, mà làm hại mình. Như vậy là người đã am-hiểu chuyện đời thì không có lỗi. Im-lặng không đua mạnh khoe tài, ganh khôn dành ngoan thì không có lỗi đã là may lắm, không có điều chê-trách cũng như không có tiếng khen-ngợi vậy.

Tiết 15. (a 象曰：括囊无咎慎不害也。

b) 六五：黃裳元吉。

D.A. Tượng viết : khoát nang vô cữu, thận bất hại dả.

Lục-ngũ : Hoàng thường nguyên cát.

D. N. a) Lời tượng nói rằng : Buộc miệng túi không lỗi, cẩn-thận không hại.

b) Hào lục ngũ : Xiêm vàng nguyên tốt.

B.N.C.H. Màu vàng là màu ở chính-giữa, xiêm là đồ trang-sức che ở phía dưới người.

Hào lục-ngũ lấy hào âm ở ngôi tôn-quý, cái đức trung-thuận đầy ở trong mà hiện ra ngoài cho nên cái tượng đó như thế, mà sự chiêm - đoán

đó là tốt-lành của người Đại-thiện. Người chiêm quẻ, đức được như thế thời sự chiêm-đoán cũng được như thế vậy.

Truyện Xuân-thu chép : Nam-Khoái sắp làm phản bói được hào này lấy làm rất tốt.

Tử-Phục Huệ-Bá nói rằng : Về việc trung-tín thì có thể được nếu không thế tất là hại. Ngoài mạnh trong hòa là Trung lấy sự cùng nhau để giữ nết trinh-bền là tín vậy, cho nên nói rằng : « Xiêm vàng nguyên tốt ». Vàng là màu ở giữa, Xiêm là đồ trang-sức ở dưới. Nguyên là đầu các điều thiện, ở giữa mà không trung-chính không được màu vàng đó, ở dưới không cung-kính không được đồ trang-sức ấy, việc làm không thiện không được chỗ cao xa đó. Ôi ! kinh Dịch không thể xem sự hiểm-nghèo.

Ba điều đó mà có điều thiếu thì bói dù có đúng cũng chưa thể tin. Sau Khoái quả nhiên thất-bại.

Đây có thể thấy cái phép bói đời xưa vậy

LỜI - BÀN. a - Theo hào lục-tứ Thánh-nhân lại thêm câu phải cẩn-thận thì không có hại để thêm nghĩa chắc-chắn, để tránh sự lầm-lỗi. Không có lỗi thì không có tiếng khen, tuy vậy cũng phải cẩn-thận mới không có hại, vì ở hào này Âm

thịnh, sợ cái khí thịnh có thể làm hại được, một khi hở cơ hay hớ-hênh vậy.

Vì sự phá-hoại nhiễm chuyện xấu xa. Những điều tàn-ác, tà-bậy bởi nhục - dục xâm chiếm con người nhanh hơn những sự thấm-nhuần của tín-đức và phúc-thiện chính-đính.

b - Hào lục-ngũ : Khôn là quẻ thuộc thổ, theo ngũ-hành màu vàng là màu ở giữa là vì theo Hà-đồ ở chính giữa có số 5, số 5 tượng thổ theo ngũ-hành là màu vàng do đó màu vàng ở chính giữa.

Thường là cái xiêm, cái quần, có nghĩa là quần đi với áo, áo trên xiêm dưới như Dương và Âm. Âm phù Dương cũng như cái quần ở dưới cái áo để che cho người.

Xiêm vàng. Màu vàng là màu ở giữa là màu của Vua màu tôn-quý theo Á-Đông.

Xiêm màu vàng đây là Âm ở ngôi tôn-quý, ngôi Vua vì ở đây là hào lục-ngũ ngôi thứ 5 là ngôi Vua. Vì vậy Thánh-nhân mới tượng là Xiêm vàng ví như Hoàng-Hậu phù Vua mà làm lợi cho nước. Hay các bậc Công Khanh phù Vua dựng nước. Bày-tôi nguyên-vẹn trung-chính thì tốt, như vậy thì theo đúng với Đạo Khôn, đạo Bày-tôi.

Tiết 16. 象曰：黃裳元吉文在中矣。

D.A. Tượng viết : Hoàng thường nguyên cát, văn tại trung hỹ.

D.N. Lời Tượng nói rằng : Xiêm vàng nguyên tốt, văn-vẻ ở trong vậy.

B.N.C.H Tức là văn-vẻ ở trong mà hiện ra ngoài.

Truyện : Khôn chỉ là Đạo Bày-tôi, hào Ngũ thực là ngôi Vua, nên có lời răn như vậy. Màu vàng là màu ở giữa. Xiêm là mặc ở dưới,

giữ đạo Trung mà ở dưới thì nguyên cát. Âm là đạo Bày-tôi, đạo Bày-tôi ở ngôi Tôn-quí là ngươi Nghệ-Mãng có thể ví ở đây.

Đàn-bà ở ngôi tôn-quí là con gái họ Oa họ Vũ vậy. Sự biến phi-thường, không thể nói được.

Họ Lý nói rằng : Hào Cửu-Ngũ quẻ Kiền là Vua Nghiêu Thuấn. Hào Lục ngũ quẻ Khôn là bọn Bày-tôi : Cao, Quì. Tắc, Khế. Lục-ngũ quẻ Khôn ứng với Cửu-ngũ quẻ Kiền là Kiền Khôn cùng ứng nhau là sự gặp nhau mà hợp của Nghiêu Thuấn với Cao Quì.

Sự nghiệp của Kiền là hai cái Đại-điển của Nghiêu Thuấn.

Sự nghiệp của Khôn là Võ, Cao-Dao, Ích-Tắc là ba cái mẫu-mực. Hợp với Điển - lễ mẫu-mực mà xem rồi sau cái sự-nghiệp của Nghiêu Thuấn Cao, Quì có thể rõ. Hợp với 2 quẻ Kiền Khôn mà xem về sau sự phối-ứng của Vua Tôi có thể rõ.

Sáu hào quẻ Kiền đều là việc của Vua.

Sáu hào quẻ Khôn đều là đạo Bày-tôi.

Tiên-Nho gọi hào Ngũ là ngôi Vua, để âm ở đấy là Tân-Nghệ, Vũ-Hậu chẳng hạn, lũ giặc cái này chỉ cho ta cái lý trên đây lớn lắm vậy.

Họ Hồ nói rằng : Ở ngôi này là người có cái tâm ấy, như kẻ bày-tôi lớn mặc Xiêm vàng ở dưới, có thể như thế.

Xem cho kỹ Trình-Truyện thì giữ cho chính-đính không hại mình, nhời răn ấy rất có ích. (Nghệ, Mãng, Oa, Vũ).

Họ Phùng nói rằng : Trăm quan họp lại dưới quyền Tể-Tướng thay Vua làm việc nước, chỉ nên trung-thành, thống-nhất ý-trí như cái Xiêm vàng chẳng hạn.

LỜI-BÀN : Ở đây là cái Âm bao cái Dương ở ngôi tôn-quý cũng như cái xiêm vàng nguyên-vẹn bao-hàm ở trong cái văn-vẻ tốt-đẹp.

Cái văn-vẻ ở trong của người dưới phù-tá và trung-chính, thuận theo thì tốt, không bao giờ có sự thái-quá. Chờ gặp thời thì hiện ra ngoài

cho nên là tốt vậy.

Tiết 17. 上六：龍戰於野其血玄黃。

D.A. Thượng lục : Long chiến ư dã, kỳ huyết huyền hoàng.

D.N. Rồng đánh nhau ở đồng, máu nó huyền hoàng.

B. N. C. H. Khí âm-thịnh cùng cực đến nỗi tranh nhau với đương. Cả hai cùng nhau đều bị thương, tượng nó như vậy. Người chiếm như thế thì sự hung ấy có thể biết được.

LỜI-BÀN. Hào thứ 5 nói Bày-tôi phù Vua là Âm phù Dương. Âm phù Dương mà âm càng ngày càng thịnh, thịnh đến cùng-tột, khi âm lên đến hào thứ 6 thì âm ở ngôi âm lại là ngôi đầu cùng quẻ trên, thì âm mạnh hết sức, khi âm thái-quá thì phải động mà có biến-đổi, biến-đổi thì Khôn âm mất cái nết thuần-túy, mềm trinh. Nếu đã đổi thành cứng-mạnh cùng với Dương Long cũng cứng - mạnh thì phải sô-sát đánh nhau.

Vì vậy Thánh-nhân tượng nó đánh nhau, mà lại đánh nhau ở Ruộng là nghĩa làm sao ?

Ruộng là Khôn, Khôn thuộc thổ tượng Ruộng. Vì đến hào thượng-lục, khí âm thái-quá biến ra cứng-mạnh, đánh nhau với Long Dương trên Khôn nghĩa là trên ruộng vậy.

Máu nó Huyền Hoàng ; Hoàng là vàng màu của Đất, của Khôn, huyền là màu vàng đen, mà hơi đo đỏ. Đó là 2 màu khác nhau ; diễn-tả 2 nguyên-nhân khác nhau. Màu vàng là màu của Khôn, và huyền là màu của Dương của Long là vì theo thiên-văn học trong đời của một ngôi Sao có nhiều màu khác nhau theo những biến-đổi của nó.

Vậy xin trích ra đây những màu hình-dung một đời bình thường của một ngôi sao, bắt đầu cái sao là một khối khí lờ mờ sáng tỏ và to là vì dẫn-lực (gravitation) ép các nguyên-tử vào trung-tâm nhiệt-độ

lên cao dần dần cái sao đổi ra màu vàng, trắng, xanh rồi lại hạ thấp dần dần, cái sao lại đổi ra màu trắng, vàng, đỏ, đen.

1°) Bầu không-khí loảng rất to và lờ mờ sáng như sao: Mira Cotis và Antarès.

2°) Xanh là nhiệt-độ cực-điểm ví như sao Algol.

3°) Màu trắng (sao xanh) như sao Sirius.

Theo trên đây thì xanh cực hóa trắng, trắng cực hóa vàng, vàng cực hóa da-cam, (màu da-cam chộn màu đỏ và đen thành màu huyền).

Vàng cực hóa ra huyền, như âm cực hóa ra dương vì ta biểu-trương màu vàng là của Khôn, màu huyền là của Kiền.

Màu nó Huyền và Hoàng là có cả máu của Dương và Âm.

Như vậy câu đó ngụ-ý là hai kẻ cùng thua và bị thương cả vì hai kẻ đều bị chảy máu trong khi hỗn chiến.

Tiết Tiết 18. a) 象曰：龍戰於野其道窮也。

b) 用六利永貞。

D.A. Tượng viết : Long chiến ư dã kỳ Đạo cùng dã.

— Dụng lục, lợi vĩnh Trinh.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời tượng nói rằng : Đánh nhau với Rồng ở đồng Đạo ấy cùng vậy.

— Hào Dụng Lục : lợi lâu-bền chính-đính.

B.N.C.H. « Dụng-Lục » Phàm nói được hào Âm thì điều dùng 6 mà không dụng 8 đó là một thông-lệ. Quẻ này là thuần âm mà ở đầu cho nên

hằng tỏ ở đây, gặp quẻ này mà sáu hào đều biến-động thì sự chiêm-đoán như nhời này. Vì âm mềm mà không thể giữ bền biến thành dương thể, có thể vĩnh-viễn, chính-đính, cho nên răn người chiếm quẻ bằng chữ Lợi, Vĩnh Trinh, tức như Lợi Trinh của quẻ Kiền, Từ quẻ Khôn mà biến đi cho nên không đủ về đức Nguyên Hanh.

LỜI-BÀN. Đây Thánh-nhân lại bó thêm câu : Đạo ấy cùng vậy. Muốn nói cái dương thái-quá hóa âm, âm thái-quá hóa dương, cái Đạo luân-chuyển như vậy là vô-cùng.

Sáu hào quẻ Khôn biến cả để thành quẻ Kiền, cái nhân là quẻ Khôn, cái quả là quẻ Kiền.

Cái gốc là âm, mềm thái-quá biến thành dương cứng giữ được khí thái-hòa, vì vậy mới có lợi, sinh-sản vô-cùng đó là vĩnh-viễn, nòi giống bền-bỉ ấy là trinh-bền.

Khôn âm, âm thái-quá, có sự hại ở trong nên nói cái đức nguyên-vẹn không đủ.

Nguyên không đủ theo sự hanh-thông cũng không được lưu-loát vậy.

Vì vậy Thánh-nhân chỉ nói Lợi, Vĩnh, Trinh.

Tiết Tiết 19. 象曰：用六永貞以大終也。

D.A. Tượng viết : Dụng lục vĩnh trinh, dĩ đại chung dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời tượng nói rằng : Dụng lục vĩnh-viễn chính-đính để về sau to lớn vậy.

B.N.C.H. Đầu là âm, sau là dương cho nên nói là sau trót to lớn.

Họ Hồ nói rằng : Kiền biến ra Khôn, cứng mà năng mềm, Khôn biến ra Kiền tuy mềm mà cứng. Thiện biến-hóa khí-chất là nên như thế. Dương trước ở âm mà cái cùng-cực của Dương không là đầu. Âm bé nhỏ ở trong dương, mà cái cùng-cực của âm để thành cái trót cả lớn, giỏi vỗ về bác thế là biến nên như vậy.

LỜI-BÀN. Trên đã giảng âm nhỏ dương lớn. Dương lớn hơn âm một nửa tức là nếu âm 2 phần thì dương 3 phần.

Nếu một âm động biến thành một dương nghĩa là 2 biến thành 3.

6 lần biến thì 12 biến thành 18.

Số 18 lớn hơn phân nửa 12 vì vậy âm biến ra dương thì rốt cnộc to lớn.

Tiết Tiết 20. 文言曰：坤至柔而動也。剛至靜而德方。後得主而有常。含萬物而化光坤道其順乎。承天而時行

D.A. Văn-ngôn viết : Khôn chí nhu nhi động dã. Cương chí tĩnh nhi đức phương, hậu đắc chủ nhi hữu thường. Hàm vạn-vật nhi hóa, quang Khôn đạo kỳ Thuận hồ. Thừa Thiên nhi thời hành.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Văn-ngôn nói rằng : Đạo Khôn đến chỗ rất mềm-mại mà động, cứng-rắn đến chỗ rất tĩnh mà Đức được vuông-vắn, sau chủ lợi mà có thường che trùm muôn vật mà hóa sáng tỏ. Cái Đức thuận của Đạo Khôn vậy ru ? Theo Trời mà thi-hành đúng thời.

B.N.C.H. Chữ «Cương phương» thích cái nghĩa nết «Trinh» của con ngựa cái, Phương là nói sinh-vật có thường, Trình-truyện nói rằng : dưới chữ « Chủ » nên có lợi.

Câu «Đạo Khôn thuận vậy ru » ? lại nói rõ cái nghĩa làm việc thuận theo Trời.

Từ đây trở xuống nhắc lại cái ý của Thoán-truyện, lời Văn-ngôn để nói cho thật rõ cái ý của Thoán-từ.

LỜI-BÀN : Cái Đức của Khôn rộng lớn bao-la. Đạo Khôn thực tĩnh mà cái Đức vuông Thánh-nhân lấy hình-thể vuông để tượng Khôn cũng như lấy hình tròn để tượng Kiền, ta thường nói : «Ba vuông sánh với bảy tròn là nghĩa làm sao» ?

Ba vuông : nói về Khôn Âm, tượng đàn-bà.

Bảy tròn : nói về Dương, Kiền tượng đàn-ông.

Nói «Ba vuông» là vì Âm nhỏ hơn Dương.

Cái nghĩa cũng như trai tài gái sắc vậy.

Về sau Khôn chủ lợi thế là thường, vì ta lấy cái đời này mà xem thì cái lợi của giống cái rõ-ràng trong muôn loại, loại nào cũng nhờ ở giống cái mà sinh nở, tuy-nhiên cái sự cần - thiết về nguyên-khí vẫn ở loài đực.

Hóa cho nên Dương là Đực trước thực sau hư mà nên, Cái thì trước hư sau thực thì cái lợi sinh nở thấy rõ-ràng vậy.

Chữ Lợi ở đây thật cần mới lột hết cái nghĩa của Đạo Khôn.

Theo chú-thích ở trên thì cái cõi âm-u là mẹ đẻ ra ánh-sáng. «Ngậm» ngụ-ý bao-hàm hết cả, trong đó
có cái nghĩa tối-tăm âm-u là đẻ ra mẹ ánh - sáng và làm nảy ra tia-sáng.

Đạo Khôn có cái Đức - tính thuận theo và vâng lời theo Đạo Kiền, theo Trời, như vợ theo chồng, như bóng với hình vậy.

Tiết 21. 積善之家必有餘慶。積不善之家必有餘殃。臣弑其君。子弑其父。非一朝一夕之故其所由來者漸矣。由辨之不早辨也。易曰：履霜堅冰至蓋言順也。

D.A. Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương. Thần thí kỳ Quân, tử thí kỳ phụ, phi nhất chiều nhất tịch chi cố kỳ sở do lai giả, tiệm hỹ. Do biện chi bất tảo biện dã. Dịch viết : Lý sương kiên băng chí cái ngôn thuận dã.

D.N. Nhà làm điều lành tất được phúc thừa, nhà làm điều ác tất bị vạ dư. Tôi
giết Vua, Con giết Cha không phải một sáng một chiều mà làm được, cái đó do sự ác tiềm tàng dần dần đến vậy ; bởi kẻ phân-biệt không phân-biệt sớm vậy. Dịch nói rằng : Dẫm lên sương băng dần đến, đó gọi là Đức Thuận vậy.

Truyện. Việc trong Thiên-hạ chưa có cái gì không do sự tích-tụ mà thành. Nhà tích thiện thì phúc-khánh đến con cháu, tích sự bất thiện thì tai-ương lưu đến đời sau.

B.N.C.H. : Theo chữ Cổ, hai chữ «順» với «慎» đều thông dụng như nhau xét ra ở đây chữ 順 (Thuận) nên đổi ra làm chữ 慎 (Thận) ý nói nên phân-biệt từ lúc còn nhỏ.

LỜI-BÀN : Ở đây nói về nhân-quả, muốn ăn một quả thì phải lấy nhân, hột trồng cây, phải vun bón chăm chú, ngày này sang ngày khác lúc lớn mới cho ta quả, trồng cam thì được ăn cam, trồng bồ-hòn thì được quả bồ-hòn.

Nhân quả ngọt thì cho ta quả ngọt, nhân quả đắng thì cho ta quả đắng.

Trồng cây ăn quả ngày tích cũng nhiều, công tích cũng lắm, cũng như làm điều lành, điều dữ.

Tích điều lành thì sau được phúc nhiều.

Tích điều ác thì sau bị lắm tai-ương.

Không bao giờ ta thấy nhân quả cam trồng lên ta lại được ăn quả

bồ-hòn, cũng như trái lại ta trồng hột bồ-hòn có khi nào được ăn quả cam ở cây ấy không ? Vậy cũng như điều thiện, điều ác, nhân nào thì quả ấy.

Không bao giờ trồng một cây từ sáng tới tối mà được ăn quả, phải lâu, phải tốn công-phu chăm nom đến thời-kỳ đúng ngày ăn quả thì ta sẽ được hưởng.

Cũng như kẻ hung-bạo giết người, Tôi giết Vua, con giết cha, đâu có phải một sáng một chiều mà giết được.

Đó là những kẻ đã có một cái nhân thù-oán ghen-tị, tham-lam, tranh-cướp tức tối do một nguyên-nhân gieo đã lâu dần dần đến ngày thành quả, gặp dịp là thi-hành để được cái quả hung-ác ấy. Theo Thánh-nhân nói đây là vì kẻ thủ-phạm không phân - biệt từ sớm, đó là một lý - do. Nhưng trước khi làm như vậy kẻ hung-ác đã tính-toán từ lâu, phân-biệt điều hay lẽ trái từ lúc nó mới giao cái mầm hung dữ trong tâm, như vậy là nó đã phân-biệt từ sớm, từ trước khi hành-động tội ác. Chỉ vì nó đã gieo một cái nhân trong tâm-trí của nó mà ngày ngày vun sới bằng cái nhục-dục
mờ-ám, bạo-tàn che lấp cái trí-tuệ con người. Ngày một ngày hai cây lớn phải có quả thì nó được hưởng cái quả của nó, đã gieo trong lòng vậy. Nó vẫn biết giết Vua là bất trung, giết Cha là bất hiếu, trung hiếu chỉ đối với người có lòng nhân nhưng còn cái dục-vọng chưa đè nén được.

Dịch nói rằng : Dẫm lên sương băng dẫn đến như vậy thì Thuận (chữ Thuận đúng hơn) vì là theo đường Thuận của tạo-hóa thì rõ-ràng là : khí lạnh khí âm, gặp lạnh thì thành Sương, Sương gặp lạnh thì đóng thành băng. Đó là thuận vậy, có bao giờ Sương gặp lửa lại đóng thành băng được.

Như vậy Thánh-nhân muốn cho ta hiểu cái Đức Thuận của Tạo-hóa, muốn cho trí-tuệ ta sáng-suốt cũng như Đạo Khôn, Đạo Kiền để phân-biệt.

Cái gì đã qua, cái gì hiện-tại, cái gì sắp tới để cho ta biết cái nhân

rồi cái quả. Đó là cái luật-định thiêng-liêng của Tạo-hóa gồm ở Đức Thuận.

Như thế thì chữ Thuận dùng ở đây đúng hơn chữ Thận của Chu-tử.

Tiết 22. 直其正也。方其義也。君子敬以直內。義以方外。敬義立而德不孤。直方大不習无不利。則不疑其所行也。

D.A. Trực kỳ chính dã, phương kỳ nghĩa dã. Quân-tử kính dĩ trực nội, nghĩa dĩ phương ngoại, kính nghĩa lập nhi Đức bất cô. Trực phương đại bất tập vô bất lợi, tắc bất nghi kỳ sở hành dã.

D.N. Làm thẳng-thắn sự chính-đính ấy, làm vuông-vắn điều nghĩa ấy vậy. Người Quân-tử kính-cẩn để lấy sự thẳng-thắn bên trong, làm điều nghĩa để lấy sự vuông-vắn bên ngoài. Tôn-kính và làm điều-nghĩa đã lập thì cái Đức không đứng một mình. Sự ngay thẳng và vuông-vắn to lớn không phải tập thì không gì không lợi, thì không nghi-ngờ điều mình làm vậy.

Truyện. Thẳng là nói sự Kính. Vuông là nói điều Nghĩa. Người Quân-tử lấy sự Kính, làm chủ để làm thẳng-thắn bên trong, giữ-gìn điều Nghĩa cho vuông-vắn bên ngoài. Sự Kính lập được thì bên trong thẳng-thắn, điều Nghĩa thì hiện ra bên ngoài vuông-vắn, không phải là nó ở
ngoài vậy, Kính Nghĩa lập thì Đức thịnh, không hẹn nó lớn mà nó tự lớn, đó là cái Đức không đứng một mình, không dùng gì mà không chu-đáo, không chỗ nào làm là không có lợi còn ngờ gì nữa.

Trình-Tử nói rằng : Hào **Cửu-Tam** quẻ Kiền nói cái học của Thánh-nhân. Hào **Lục-nhị** quẻ Khôn cũng nói cái học của Thánh-nhân, đó là cái nghĩa cả đến vậy. Nếu Kính mà trong thẳng-thắn, làm Nghĩa mà ngoài vuông-vắn thì duy chỉ có Thánh-nhân thì không ai vượt qua được, hóa cho nên không khác Đạo vậy.

Họ Hồ nói rằng : Hào Cửu-Tam (1) quẻ Kiền là đức Minh sáng, thành-thực cùng tiến là việc của Thánh-nhân. Hào Lục-nhị (2) của Khôn là đức Kính và Nghĩa đều lập là việc của Học-giả.

Họ Lý nói rằng : Chữ trong Văn-ngôn mỗi chữ có ngôi-vị của nó, không phải cẩu-thả vậy đâu. Hào Cửu-Tam quẻ Kiền nói : Thành, hào Lục-nhị quẻ Khôn nói : Kính. Thành-Kính là sự phân-biệt của Kiền Khôn. Sự Học thành bại của Tiên-nho bắt-đầu từ đây.

Hào cửu-nhị quẻ Kiền nói : Nhân, hào lục-nhị quẻ Khôn nói : Nghĩa. Nhân là dương, Nghĩa là âm, là sự phân-biệt của âm dương. Tiên-nho luận cái dụng của Nhân-Nghĩa đều lấy ở đây.

B.N.C.H. Đây là lấy sự Học mà nói, «Kính» là nói về «bản-thể», «Nghĩa» là nói về sự phép-tắc. «Kính» tức là giữ-gìn cái «bản-thể». Bốn chữ «Trực, Nội, Phương, Ngoại» **Trình-truyện** đã nói đủ ý. «Cô» là nói về sự lớn lao. Còn nghi-ngờ cho nên mới tập mà về sau có lợi, không ngờ thì cần gì phải tập.

LỜI-BÀN : Kính và Nghĩa là 2 đức-tính của người Quân-tử. Kính là một đức-tính đối với khí-thể, thì ở bên trong. Nghĩa đối với hình-thể thì hiện ra ngoài. Kính Nghĩa là đối với bản-thể của mình một cách chính-đáng và trung-tín với cái tâm-trí của mình, vì vậy sự ngay-thẳng là một phương-tiện để đi đến đức Kính hoàn-toàn. Kính đây cũng có nghĩa như nghị-lực của người để tự tu sửa linh-hồn mình vậy. Phàm người ta ở đời chỉ thấy cái xấu của người ở trước mắt mà cái xấu của mình ở ngay sau lưng thì không thấy, vì thế phải có sự ngay-thẳng
để phân-biệt sự phải, sự quấy sự lành sự ác đối với chính mình, không bao giờ thiên-lệch, tự châm-chế cho mình, như vậy cái đức Kính mới hoàn-toàn.

---

[1] *Hào Cửu-tam quẻ Kiền : Người Quân-tử suốt ngày chăm chăm chú chú, chiều hôm hằng lo lắng sợ hãi, nếu gắng-gỏi thì không lỗi.*

[2] *Hào Lục-nhị quẻ Khôn : Thẳng-thắn vuông-vắn to lớn, không phải tập, không gì không lợi.*

Còn Nghĩa là đức-tính giữ được điều thẳng bên trong mà có thể làm cho điều thẳng đó phát-huy ra ngoài một cách vuông-vắn, nghĩa là làm hiển-hiện được ra ngoài những điều hay mà mình đã định.

Kính là để nói bên trong, mà Nghĩa để nói bên ngoài, Kính như cái gương in hình Nghĩa ở trong, kính-cẩn sự ngay-thẳng để lập đức Thành-kính ở trong, thì Nghĩa ở ngoài được vuông-vắn.

Chữ vuông đây có cái nghĩa như chữ vuông ta thường chúc người đàn-bà đẻ là «mẹ tròn con vuông» Vuông đây có ý-nghĩa là đầy đủ, mạnh-khỏe như người mẹ sinh xong mạnh-khỏe, người con cũng được đầy-đủ chân tay mặt mũi và khỏe-mạnh. Đã lập được Kính ở trong Nghĩa ở ngoài, thì cái Đức tự nó thành to-lớn lên.

Kính là theo ý-tưởng ở trong, Nghĩa là thi-hành theo cái ý-tưởng ở trong làm cho cái ý-tưởng
đó được hiển-hiện ra ngoài, Kính với Nghĩa như bóng với hình.

Kính là tự tu sửa cái nghiệp của mình để đến chân Đạo-lý, Nghĩa là làm hiển-hiện cái nghiệp của mình cho Đời theo.

Vì vậy Kính-cẩn thẳng-thắn mà Nghĩa cần vuông-vắn, ý-tưởng ngay-thẳng, cử-chỉ đoan-trang quy-củ (vuông-vắn) thì lo gì cái Đức không lớn, cần gì phải tập, gì mà không lợi, còn nghi-ngờ gì điều mình làm vậy.

Tôi đã nói về ảnh-hưởng ý-tưởng và cử-chỉ của người ta ở trên xin nói thêm đây. Người ta thường nói có «Quỷ-thần hai vai» theo trong kinh Dzan thi-tiết IV tiết 6 có nói về Quỷ-thần hai vai của ta xin trích ra đây làm tài-liệu «ở trong Kinh gọi là Lipika hay là người giữ sổ-sách».

«Những Thần đó buộc vào với cái Nghiệp của người vì nó giữ sổ-sách và tài-liệu in ở trên bảng vô-hình (đối với ta) trong ánh-sáng thiêng-liêng, trong quyển sổ chép đúng mỗi một cử-chỉ mỗi một ý-tưởng của người, những sự đã qua, hiện-tại hay sắp đến trong các Vũ-trụ hiện-tượng.

Những Thần Lipika không phải là những Thần ràng buộc đến lúc

chết của người nhưng buộc vào đời sống vô-cùng-tận.

Những thần Lipika ràng buộc với đời từng người một và từ lúc đứa trẻ mới lọt lòng, mà cái đời của nó đã vạch ra ở trên «Cái ánh-sáng thiêng-liêng»...

Như vậy Thánh-nhân cảm thấy rõ cái luật vô-hình mà khuyên răn dậy bảo ta phải cẩn-thận từ ý-tưởng cho đến cử-chỉ nhỏ mọn vì nó đều bị biên chép ghi nhớ một cách tường-tận như một cuốn phim chớp bóng vậy.

Ôi ! huyền-bí thay Đạo Trời-Đất và linh-diệu thay Dịch-lý của các bậc Thánh-nhân ! ! !

Tiết 23. 陰雖有美含之。以從王事弗敢成也。地道也妻道也臣道也。地道无成而代有終也。天地變化草木蕃。天地閉賢人隱。易曰：括囊无咎无譽蓋言謹也。

D A. Âm tuy hữu mỹ hàm chi, dĩ tòng Vương sự phất cảm thành dã, Địa đạo dã Thê đạo dã, Thần đạo dã Địa-đạo vô thành nhi đại hữu chung dã. Thiên-địa biến-hóa thảo mộc phồn. Thiên-địa bế, Hiền-nhân ẩn. Dịch viết: Quát nang vô cứu vô dự cái ngôn cẩn dã.

D.N. Tuy âm có sự tốt-đẹp bao-trùm để theo làm việc Vua, không quyết thành nên vậy. Đó là Đạo Đất, đạo Vợ, đạo Bày-tôi. Đạo Đất không thành mà đời có kết-quả. Trời-Đất biến-hóa cây cỏ tốt tươi. Trời-đất bế-tàng người Hiền ẩn-náu. Dịch nói rằng :
Buộc miệng túi không lỗi, không khen. Đó là nói sự cẩn-thận vậy.

Truyện : Hào tứ ở trên gần Vua mà không có cái nghĩa tương-đắc nên là tượng cách-tuyệt, Trời-Đất giao-cảm thì có biến-hóa. Vạn-vật thảo mộc phồn-thịnh. Vua tôi hợp nhau mà Đạo hanh-thông ; Hào-Tứ là thời nhàn-cách nên buộc miệng túi ẩn-tàng vậy.

LỜI-BÀN. Trong một quyển Thánh-Kinh tôn-nghiêm của Hoàn-cầu có nói là «Trời đã tạc ra người giống hình Trời» trong quyển người

vô và hữu-hình của C. W. Leadbeater. Ngạn-ngữ La-tinh có nói : «Dân-ý tức là Thiên-ý» hay ta cũng có câu «Dân thích cái gì thì Trời thích cái ấy «Dân thị tức Thiên thị» (Dân nghe thấy tức là Trời nghe thấy).

Vậy thì người là biểu-tượng của Trời, của Tạo-hóa, như theo Trời-Đất thì người ta cũng có kẻ lành, người dữ, kẻ xấu người tốt, người làm Vua, kẻ làm Tôi, người làm chồng kẻ làm vợ, Vua phải ra Vua, tôi phải ra tôi, chồng phải ra chồng, vợ phải ra vợ, như mới có sự cân-đối của Trời Đất. Thánh-nhân làm ra Dịch để dạy đời cái lý của Trời-Đất và theo cái lý đó mà tu-đức sửa nghiệp vậy.

Ở đây Thánh-nhân nói cái âm, tuy có sự đẹp-tốt nhưng phải dẫn nó đi, bao nó lại, để mà phò Vua, không nhận sự thành-công. Đó là một nhời răn cho kẻ bày-tôi phụng-sự cho một Minh-chúa. Theo như vậy thì mới không khỏi tai-hại đến mình, ví như Hoài-ân-Hầu Hàn-tín đối với Vua Hán-cao-Tổ phù Vua từ thuở hàn-vi đến lúc dựng thành nghiệp Đế rồi bị Lã-Hậu giết cũng vì ỏ năng thắng kỷ, không như Trương-Lương xong nghiệp dựng Đế xin về đi ngao-du với Xích-Tòng-Tử, cho nên tránh được tai-nạn.

Đời Chiến-quốc dưới triều Vua Việt Câu-tiễn có Phạm-Lãi cũng như Trương-Lương khi phù Việt dựng nước rồi trả thù cho Việt diệt Ngô, sau xin hồi quan về đất Đào mà vui-thú đoàn-viên sau mới tránh khỏi sự tai-họa. Hóa cho nên Phu-Tử răn rằng : Đạo làm Tôi chớ nên nhận công, như thế mới theo đúng đạo Khôn, Đạo kẻ làm Tôi, Đạo người làm vợ. Không nhận công thì sau sẽ có kết-cuộc, như Trương-Lương Phạm-Lãi mới được hưởng phúc-lành Trời vẫn dành cho.

Như vậy là sau có kết quả.

Cho nên Thánh-nhân nói: lúc Trời Đất đóng lại người Hiền nên ẩn-náu, dùng chữ người Hiền là tại sao ?

Vì người Hiền là người tài-giỏi đã mang tài năng ra phò Vua giúp nước như họ Trương họ Phạm, có tài thì phải có sự ghen-tị, súc-xiểm nghi-kỵ, tai-vạ đi liền.

«Chữ Tài liền với chữ Tai một vần».

Phải nói người Hiền, là vì chỉ có người Hiền mới hiểu đạo Trời-Đất, mới btết thời-vận bế-tắc của Trời, mà ẩn-dật một nơi để lánh tai-vạ và xa tiếng khen-ngợi.

Người cũng như thảo mộc, cây cỏ cũng theo thời Trời mà lên xuống, cho nên nói Trời-Đất biến-hóa cây cỏ tốt tươi, vì Trời-Đất có động thì muôn vật mới hóa sanh, nếu Trời-Đất cứ im-lìm thì Thế-giới sẽ là một cõi chết vậy. Ví-dụ bây giờ quả Đất không soay quanh mặt Trời, thì ta đâu có đêm có ngày, thì sẽ có nơi bị thiêu-đốt, có nơi bị âm-u mãi mãi, khí Trời-Đất bí-tắc, muôn vật cũng bí-tắc và tan-dã.

Kinh-Dịch nói: «Buộc tiú không lỗi không khen». Đó là lời răn, lúc nào cũng nên cẩn-thận, từ ngôn-ngữ, cử-chỉ cho hợp với Đạo Trời-Đất.

Tiết Tiết 24. 君子黃中通理，正位居體。美在其中而暢於四支。發於事業。美之至矣。

D.A. Quân - Tử hoàng trung thông - lý chính vị cư thể. mỹ tại kỳ trung nhi sướng ư tứ chi, phát ư sự nghiệp, mỹ chi chí hỹ.

Dịch-nghĩa: D.N. Người Quân-tử ở giữa màu vàng thông-lý, chính ngôi ở thể. Sự đẹp-đẽ ở giữa ấy mà ra khắp bốn ngánh, phát ra trong sự-nghiệp, đó là cái thật đẹp-đẽ vậy.

B. N. C. H. «Vàng giữa» là nói cái Đức ở giữa tại Trung đó là thích cái nghĩa chữ Hoàng, màu vàng.

«Chính ngôi ở thể» nghĩa là tuy ở ngôi Tôn-quí mà vẫn ở thể dưới, đó là thích cái nghĩa của chữ «thường» là cái xiêm, câu «cái tốt-đẹp ở tại-giữa ấy» lại thích cái nghĩa chữ «Hoàng trung» màu vàng ở giữa ấy.

Câu «ra khắp bốn ngành» lại thích chữ «Cư thể».

LỜI-BÀN: Hoàng Trung: màu vàng ở giữa, màu vàng là màu của đất, của Khôn, và nói ở đây là chỉ ở Hào-Âm ngôi giữa của quẻ trên, vì vậy mới gọi là màu vàng ở giữa. Ở ngôi này thì người Quân-tử thông-suốt được cái lý-lẽ, thể âm ở ngôi dương, thể ở hào năm là cái thể được trung-chính vì thân không phải Vương-thân đây là âm Khôn nói là thể được trung-chính. Cái thể con người như là tài-năng trí-tuệ, tâm-hồn được chính-vị để phù-giúp người thân được trung-chính, thể mà được trung-chính như trí-tuệ, được nơi khai mở thì gì mà chẳng biết, lý gì mà không thông vì vậy mới nói là «thông-lý».

Trí-tuệ được ở nơi trung-chính tức là cái tốt-đẹp ở giữa vì thông-lý đó là cái đẹp-đẽ của Trời-Đất mà phóng ra bốn chung-quanh sự hiểu-biết như ánh-sáng của mặt Trời mặt Trăng, ở giữa mà phóng ra

4 hướng. Như thể thì sự nghiệp gì mà không hưng-phát, đẹp-tốt nào ví cho bằng được. Đó là cái cực-kỳ tốt-đẹp vậy

---

Tiết Tiết 25. 陰疑於陽必戰爲其嫌於无陽也。故稱龍焉猶未離其類也故稱血焉夫玄黃者天地之雜也。天玄而地黃。

D.A. Âm nghi ư dương tất chiến vi kỳ hiềm ư vớ *dương dã. Cố sưng long yên, do vị ly kỳ loại dã, cố xưng huyết yên. Phù huyền hoàng giả Thiên-địa chi tạp dã, Thiên huyền nhi Địa hoàng.*

Dịch-nghĩa: D.N Âm nghi-ngờ dương tất đánh nhau là vì sự ghen-ghét ở chỗ không dương cho nên xưng là Rồng bởi vì nó chưa lìa loài của nó, cho nên gọi là Huyết. Ôi! màu huyền màu hoàng ấy là sự hỗn-độn của Trời-Đất, Trời huyền Đất hoàng.

B.N.C.H. Chữ (*vớ*) nghĩa là ngay, đều với nhau mà không lớn nhỏ sai nhau. Quẻ Khôn tuy không có dương, nhưng dương vẫn chưa từng chưa có, tượng Khí là Dương, tượng Huyết là Âm. Màu huyền màu hoàng là hai màu chính của
Trời-Đất ; câu -ấy muốn nói Âm-Dương đều bị thương, từ đây trở lên là nhắc lại cái ý của Tượng-truyện.

LỜI-BÀN. *Âm nghi Dương*: Nghi nghĩa là ngờ vậy, ngờ-vực thì có ngụ-ý hiềm-thù, có hiềm-thù ắt phải sô-sát đánh nhau, cái đó là lý tất nhiên của Trời Đất, Âm nhỏ hơn Dương, Âm bao-giờ cũng thuận theo, trừ phi ở hào này, hào thượng-lục, Âm thịnh thái-quá thì Âm mạnh. Âm thái-quá to át cả Dương, Dương đây mới sơ sinh vì âm cực,

Bao nhiêu chuyện bày-tôi phò Vua còn nhỏ,quyền-chính nắm trong tay to lớn rồi dần dần phế Vua, diết Vua để cướp Ngôi, mà tự xưng mình làm Vua vậy.

Ở hào thượng-lục Âm thái-quá cũng chưa động vì vậy mới nói là nó chưa lìa loài của nó, cho nên gọi nó là «máu», vì máu cũng là Âm, mà khí là Dương, (theo y-học Á-Đông) vì vậy nói Máu nó màu huyền, màu vàng ý nói Âm-Dương đều bị thương cả, có máu chảy ra và ngụ-ý là Âm vẫn chưa lìa khỏi ngôi Âm của nó vì có tượng hình máu.

Màu vàng, màu huyền là sự hỗn - độn của Trời Đất, không những đối với thể-chất sơ khai, còn
đối với tất cả vật-chất lưu-động ở trên cõi hiện-tượng này nữa; một Đạo-luật căn-bản, mà Tạo-hóa làm ra cái hình theo kỷ-hà và sau những yếu-tố phức tạp (éléments composés) tương - quan, cái Đạo-luật mà trong đó không có sự ngẫu - nhiên, hay là Đạo - luật chính của khoa Huyền - bí là không khi nào có nghỉ-ngơi, hay yên-tĩnh trong Tạo-hóa, cái gì mà hình như có nghỉ-ngơi chỉ là một cuộc thay-đổi hình này ra hình khác, và sự thay-đổi thì thể chất cũng thi-hành ngay với sự thay-đổi hình-dung.

Vì vậy lúc nào trong Tạo-hóa cũng có sự thay đổi biến-hóa luôn luôn, không phút nào ngưng đứng.

Cho nên Thánh-nhân nói đến sự hỗn-độn của Trời-Đất là do sự thay-đổi, biến-dịch tranh-đấu của Âm-Dương vậy.

Khôn Quái Tổng-Luận.

Trên quẻ Kiền tượng Dương - đạo hay đạo Trời tiếp liền có đạo Âm hay đạo Đất.

Lời Tượng quẻ Khôn cũng nói đến 4 Đức như Kiền: Nguyên Hanh, Lợi về nết Trinh của con Ngựa-Cái.

Tượng lấy con Ngựa-Cái để tỏ rõ cái đức thể và tài của Khôn, mà Kiền thì lấy tượng là Con Rồng.

Tuy lấy Tượng là con Ngựa-Cái, nhưng trong sáu hào đều không nói đến Tượng ấy, lại nói ở sơ lục : Rẫm lên Sương, băng dắn đến ; hào lục-nhị nói: thẳng vuông to không tập không chỗ nào không lợi.

Hào lục Tam : Bao-trùm sự tốt-đẹp, có thể trinh-bền, hoặc theo việc Vua không quyết có sự thành,sau có kết-cuộc.

Hào lục-tứ: Buộc túi không lỗi, không khen.

Hào lục ngũ: Xiêm vàng nguyên tốt.

Hào thượng lục : Rồng đánh nhau ở đồng máu nó huyền hoàng, nghĩa các hào trên đã giải. Nhưng đối với hào-từ quẻ Kiền, Thánh-nhân dùng tượng Rồng trong cả 6 Hào mô-tả từng thời-kỳ của Tượng. Nhưng đối với quẻ Khôn thì ta thấy mỗi Hào một ý khác, ý-nghĩa không liên-tục nhau như quẻ Kiền, vì quẻ Khôn là thuần Âm thì khúc-triết, không liền cho nên lời Kinh cũng theo đức của quẻ mà giải. Mỗi thời một cảnh để giải cái Âm từ nhỏ lần lần lớn lên theo thời-gian và ngôi vị.

Trong khi Đạo Khôn còn non ở trong nội-quái thì sự việc chưa có thể lộ ra được, phải thận-trọng như ta dẫm lên sương mà thấy băng dắn đến. Lúc nào cũng thẳng-thắn vuông-vắn mà theo thời thì ắt có lợi, sự tốt-đẹp bị bao-trùm, mà trinh-bền, hoặc theo việc Vua không có sự thành-tựu sau có kết cuộc. Ví như lúc chiều tà, mặt Trời đã lặn màn tối lần lần bao-phủ hết muôn vật, tuy trong lúc tối-tăm ta phải giữ bên trong cho ngay mà thi-hành ra ngoài cho vuông-vắn, đến lúc giờ Tuất, giờ Hợi, thì Âm-khí bao-trùm tất cả cái đẹp-đẽ của Tạo-Hóa.

Đến canh ba thì như buộc túi không lỗi không khen, là lúc nghỉ-ngơi thân-xác để lấy sức lại.

Canh tư thì như: Xiêm vàng nguyên tốt, là lúc cái vi dương của mặt Nhật đã bắt đầu sinh, cái Âm tối đã bắt đầu dẹp đi thì nên nguyên-vẹn thì tốt.

Đến canh năm lúc bình-minh, thì sáng tối chen nhau, như Rồng đánh nhau ở đồng máu nó huyền-hoàng vậy. Từ cổ đến Kim cái Tượng

«Hoàng Thường nguyên cát» lúc nào cũng vẫn giữ cái nghĩa, rõ-rệt của nó.

Cái cảnh «Được chim bẻ ná, được cá bỏ nơm» không đời nào không có. Xa thì lấy Trương-lương, Hàn-tín làm gương-mẫu, gần thì lấy Ngũ-Tử-Tư và Phạm-Lãi làm mực-thước. Trong thời Khôn u-tối cái sáng của người trung-lương không thể lộ ra được, nên «buộc túi lại thì không lỗi, không khen», như đời Vũ-Hậu nhà Hán, Trương-Lương đại Công-Thần hưng Đại-Nghiệp cho nhà Hán, phải bỏ ngôi vị, công-danh phú-quí mà đi, cũng như Phạm-Lãi đời Việt Câu-tiễn vậy. Mưu-lược ai bằng Trương-Lương, khôn-ngoan ai bằng Phạm-Lãi, nhưng không thể đi quá cái thông-lệ, cái luật-định của Thiên-lý. Cho nên hai người vẫn được treo gương Thiên-cổ, được liệt vào hạng thông-suốt cơ Trời.

Biết đạo Khôn để rõ đạo Kiền, biết cái vi-diệu của Cơ Trời để tồn-tại cái tiết-tháo, cái nhân-nghĩa, để minh-danh vu-thế, để kẻ hậu-học làm gương sáng mà theo. Thật là đã quán-thông cái học nội Thánh ngoại Vương, cái Phụ Tề chi học của các đấng Thánh-Nhân đời trước. Học cho đến cái biết của Thánh-nhân, biết để xu cát tỵ hung, để cứu Thế độ Dân, như thế là cái Quán-thế chi học vậy.

屯 THỦY LÔI CHUÂN - 3

Khảm trên ☵
Chấn dưới ☳

CHUÂN 6/4

Tiết 1. 屯元亨利貞。勿用有攸往。利建侯。

D.A. Chuân Nguyên Hanh Lợi Trinh, vật dụng hữu du vãng, lợi kiến Hầu.

D.N. Quẻ Chuân, Nguyên - đầu Hanh-thông, Lợi Trinh-bền, chớ dùng có sự đi ấy, lợi về sự lập Chư-Hầu.

Truyện : Sự chuân-chuyên trong Thiên-hạ bắt đầu chỉ có một năng-lực thường muốn vượt qua ắt phải có nhiều của-cải rộng lớn phụ-trợ, nên lợi lập Hầu.

Họ Hồ nói rằng : Trong Dịch nói : Lợi lập Hầu có hai chỗ : Quẻ Dự, lập Hầu ở quẻ Chấn trên, quẻ Chuân lập Hầu ở quẻ Chấn dưới Quẻ Chấn là Trai trưởng chấn kinh trăm dặm đều có tượng Chư-Hầu.

B.N.C.H. Hai quẻ Chấn Khảm đều gọi là quẻ ba vạch. Quẻ Chấn có một hào dương ở dưới hai hào âm, cho nên cái đức của nó là động, tượng là Sấm. Quẻ Khảm có một hào dương hãm ở giữa hai hào âm cho nên cái đức của nó là hãm là hiểm-nghèo, tượng nó là mây là mưa là nước. Quẻ Chuân là quẻ có 6 vạch, nghĩa là khó vậy, tức là cái ý
chưa thông-đạt của muôn vật mới bắt đầu sinh ra cho nên chữ « Chuân » giống như chữ « Thảo » là cỏ mềm xuyên dưới đất, mới mọc mà chưa thẳng. Quẻ này lấy quẻ Chấn gặp quẻ Khảm. Kiền Khôn mới giao với nhau mà gặp chỗ hiểm-hãm cho nên đặt tên là Chuân, Chấn động ở dưới Khảm hiểm tại trên, như thế còn động được không ? Trong chỗ hiểm mà còn động được tuy là có thể hanh-thông, mà ở chỗ hiểm thì nên giữ đường chính-đính, chưa có thể vội tiến, cho nên bói được quẻ này, sự chiêm-đoán là được đại hanh-thông, mà có lợi ở nơi chính đính chứ chưa có thể vội tiến tuy có nơi đi, lại là hào « Sơ-cửu » dương ở dưới âm mà là chủ sự làm thành quẻ, đó là cái tượng người Hiền có đức nhún-nhường được lòng Dân mà có thể làm Vua vậy. Cho nên nếu bói lập Vua, gặp quẻ này thì tốt.

LỜI-BÀN. Quẻ Chuân hợp bởi 2 quẻ đơn quẻ Khảm ở trên và quẻ Chấn ở dưới. Khảm có nghĩa là hãm, ☵ 2 vạch âm ở trên và dưới giữa có hào dương. Dương bị 2 âm hãm-bách. Vì vậy có nghĩa là hãm và tượng-hình mây mưa và nước. Theo Khoa-học Âu-tây cũng nói rằng : Nếu ta để một loại diêm « muối : sels en chimie » vào một

trình-độ rất lạnh, nó đông-đặc lại và thải ra một mớ khí
nóng bằng với số khí nóng mà nó đã hấp-thụ khi nó tan ra trong nước. Khí nóng ấy tích-tụ ở nội tâm lâu ngày làm cho nhiệt-độ lên cao, lớp băng bao-phủ ở ngoài chảy ra nước nên Khôn ☷ đổi thành Khảm, nghĩa là trong âm có dương ☵ xem quẻ Khôn ở trên ta thấy Khôn là một khối toàn khí đen lạnh nặng và trong hào sơ-lục Thánh-nhân cũng tượng Khôn là Băng « Sơ lục : Lý sương kiên băng chí ». Vậy cái nghĩa Khôn đổi ra Khảm là ý ấy vậy.

Theo Hóa-học có nói « un grand nombre de sels se dissoluent avec absorption de chaleur, pour ceux là, la cristallisation sera un phénomène exothermique », « một số rất nhiều « muối » khi tan thì hấp-thụ nhiệt-độ, vì vậy khi đông lại thì nó có hiện-tượng có tính-cách phóng nhiệt-độ » .

Cho nên khi Khôn bị khí nóng, chảy ra lần lần, trong sự tan-dã đó nó hấp-thụ nhiệt-độ vào trong thì cái khí âm ở trong thành nóng đổi ra khí dương, trong nóng mà ngoài lạnh cho nên Thánh-nhân lấy quẻ Khảm tượng trạng-thái đó.

Quẻ Chấn. Khói lửa cháy lâu cũng mòn dần, rồi ở trên bao-phủ một lớp tro tàn, cho nên vết liền ở trên quẻ Ly ☲ đổi thành nét chắp ☳ tức là quẻ Chấn. Trong đồ Hậu-thiên Ly ví như Hỏa-diệm-sơn. Những khối bầy-nhầy nóng cháy do Hỏa-diệm-sơn
phun ra gặp khí hàn ở không-thiên nguội lại và đông đặc làm cho lớp ngoài lạnh thêm dày nên nét liền ở trên quẻ Ly đổi thành nét chắp. (dương biến ra âm, nóng hóa ra lạnh).

Bây giờ khí nóng trong ruột Quả-đất và lớp vỏ dày không thoát ra được dễ-dàng nên một phần lớn tích-tụ lại trong làm chuyển-động lớp vỏ, gây nên động-đất. Lớp vỏ dầy ở trên là hai nét chắp, ở dưới khí nóng là nét liền. Vậy cho nên Chấn có nghĩa là chuyển-động. Thánh-nhân tượng-hình quẻ Chấn như một trái nổ tung-tóe lên Trời có tiếng động bắn ra ghê-gớm.

Trong các luận-thuyết về Vũ-trụ khởi-thủy thì nước là cần-yếu nhất,

nó là căn-bản và là nguồn-gốc của sự sống vật-chất, là một chất bí-mật và linh-thiêng hơn là các nhà Khoa-học hiện-tại hiểu cho nước chỉ là sự trộn khinh-khí và dưỡng-khí.

Theo **Thi-tiết III tiết 3** D. S. trong cõi âm-u nảy ra một « ánh-sáng » cái ánh-sáng bật ra một tia-sáng trong « nước » (cõi hỗn-độn) trong nơi âm-u của người Mẹ, cái *tia-sáng qua thật mau cái trứng trong sạch*, nó làm rung-động cái « trứng bất-diệt » nó làm bật ra một « bào-thai » hữu hạn đông-đặc lại thành cái trứng của cõi Đời.

Tiết trên nói về sự khởi-thủy của cõi Đời của ta và cũng theo tượng quẻ Chuân.

Trên đã nói cái nghĩa của quẻ Khảm và Chấn. Trong quẻ Chuân thì Khảm ở trên và quẻ Chấn ở dưới Khôn là cõi âm-u, trong cõi âm-u nẩy ra một ánh-sáng tức là trong Khôn có một dương thì thành ☵ Khảm. Khảm là tượng « nước » tượng cõi hỗn-độn của Vũ-trụ.

Cái tia-sáng qua thật mau cái trứng trong-sạch. Khôn là âm, âm thì tượng là cái O (như cái trứng) có dương ở giữa hai âm, tức là quẻ Khảm... lúc cái tia-sáng qua là động, nó làm rung-động lên tức là Chấn động ở dưới như vậy nó làm bật ra một bào-thai hữu-hình, hữu-hạn tức là cõi Đời hiện-tại.

Quẻ Chuân có nghĩa là gian-chuân, khó-khăn, như lúc cái cỏ mới mọc, yếu-ớt khó-khăn chưa đứng thẳng lên được, vì ở dưới gốc nó thì động để cho thân mọc lên, thân mới mọc còn non-nớt lên trên có mây có nước thì nguy-hiểm, đứng một mình khó vững. Cho nên trong quẻ Thánh-nhân nói là lập Chư-Hầu thì lợi, Chư-Hầu là các nước nhỏ hợp lại triều Vua và giúp Vua. Như vậy Vua mới mạnh được.

Quẻ Khảm ở trên dương bị 2 âm hãm, quẻ Chấn ở dưới, dương còn ở dưới quá lại bị âm đè, là hào dưới quẻ dưới vì vậy mới tượng là lúc mới đầu sơ khai, như cái cỏ mới mọc, ví như
trong cõi âm-u một tia-sáng của nguyên-khí dương bắn vào giữa, có sự rung-chuyển mà cái dương còn bị cõi âm-u giam hãm ở trong,

đè nén ở dưới rồi dần dần bào-thai của muôn vật mới sinh. Người bói được quẻ này thì tuy là được Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh, vì tuy còn là bào-thai, nhưng cái bào-thai đó được nguyên-vẹn, sẽ được hanh-thông lợi chính-bền. Tuy vậy lúc này là lúc rất hiểm-nghèo vì nó còn quá non-nớt, Thánh-nhân khuyên là chớ dùng có chỗ đi ấy chớ nên hành-động vì còn non-nớt. Có thể cái bào-thai non-nớt đó nguy-hiểm được và lại nói « *Lợi ở chỗ lập Chư-hầu* » có nghĩa là lợi ở chỗ dụng cái có thể phù giúp được sự yếu-ớt của sự sơ-sinh ấy vậy.

Tiết 2 - 彖曰：屯剛柔始交而難生。動乎險中。大亨貞。雷雨之動滿盈。天造草昧宜建侯而不甯。

D.A. Thoán viết : a) Chuân cương nhu thủy giao nhi nan sinh. b) Động hồ hiểm trung đại Hanh Trinh. c) Lôi vũ chi động mãn dinh Thiên tạo thảo muội nghi kiến Hầu nhi bất ninh.

D.N. a) Lời Thoán nói rằng : Quẻ Chuân cứng mềm mới giao nhau khó mà sinh-sản.

b) Động trong nơi hiểm, cả lớn hanh-thông trinh-bền.

c) Động của Sấm Mưa đày rẫy, Trời làm rối-loạn tối-tăm nên lập Chư-hầu mà chẳng yên.

B.N.C.H. Câu đầu (a) dùng 2 thể để thích nghĩa tên quẻ. Mới bắt đầu giao với nhau gọi là Chấn, Nạn sinh ra gọi là Khảm.

Câu (b) dùng đức của hai thể để thích nhời của quẻ. « Động » là việc làm của quẻ Chấn. « Hiểm » là đức của quẻ Khảm. Từ đây trở xuống thích về 4 Đức : Nguyên Hanh Lợi Trinh bèn dùng cái bản ý của Văn-vương.

Câu (c) dùng 2 tượng của hai thể để thích nhời của quẻ. Sấm là tượng của Chấn. Mưa là tượng của Khảm.

« Thiên tạo » như nói Thiên-vận, « *thảo* » là rối-loạn « *muội* » nghĩa là tối-tăm. Âm dương giao nhau mà thành sấm mưa rối-loạn tối-tăm lấp trong hai khoảng (Trời-Đất).

Thiên-hạ chưa định nên phân-chia chưa rõ, nên đặt Vua để thống-trị mà chưa có thể vội gọi là lúc yên-ổn. Đây không lấy nghĩa của hào « Sơ-cửu » vì cái nghĩa nhiều mối-manh, đây hãy tạm dùng một mối của nó.

LỜI-BÀN-: Nơi bắt đầu âm dương giao nhau thì cũng như sự cứng sự mềm giao nhau, cũng như khí nóng khí lạnh giao nhau thì thành sấm, thành mưa. Lúc mới giao nhau cũng tựa như hai giây điện (điện âm và dương) ta thí-nghiệm thì lúc mới gặp nhau có tiếng nổ và bật lửa. Khi gặp nhau thì hai luồng điện tổn hại, theo cách đo lường của điện-khí thì biết, khi đã tổn hại thì một cái nạn sinh ra. Trong sự gặp nhau của 2 luồng-điện, âm và dương, ắt thấy sự nguy-hiểm của tiếng nổ và lửa bật ra. Tuy vậy có sự giao-hợp đó mới có sự hanh-thông to lớn vì ta có thể dùng sức điện gặp nhau để thắp đèn, chạy máy sự lợi và hanh-thông không xiết kể, nhưng sự giao-hợp đó phải chính-bền. Cái ý - nghĩa hai câu (a) và (b) là như vậy. Lúc sấm mưa chuyển-động đầy - đủ đó là lúc Trời còn hỗn-độn, tối-tăm. Không nói đến lúc khai Thiên lập Địa gì cho xa. Ta thường thấy lúc Trời chuyển sắp mưa, trên mặt Đất cũng có sự hỗn-độn, kẻ chạy người trú, Trời tối-tăm mù-mịt. Huống-hồ gì lúc sơ-khai mới thoạt đầu của cõi Thế.

Lúc đó các ánh-sáng còn ở trong cõi âm-u của người Mẹ rung-động làm cho bật ra cái bào-thai sơ-khai còn hỗn-độn biết dường nào ? Và còn yếu-ớt biết bao nhiêu ? Lúc đó những cảnh tối-tăm rối-reng trùm-lấp khắp Trời Đất, Thiên-hạ chưa định, muôn loài phân chia chưa rõ ; lúc đó cần một tia-sáng để soi sáng tỏ rõ cho muôn vật, cũng như trong Thiên-hạ trong khi loạn-lạc rối reng trong thì nội loạn ngoài thì ngoại xâm, Thiên-hạ trong vòng nguy-hiểm chỗ nào cũng chỉ thấy nguy-hiểm gian-chuân, cần Minh - quân ra đời để bình Thiên-hạ, vì vậy Thánh-nhân mới khuyên nên lập tước Hầu. Thiên-

hạ đã bình, Vua nên lập Chư-hầu giúp-đỡ cảnh thái-bình mới sơ lập. Lập rồi cũng chưa nên lấy thế là yên - ổn. Nhời Thánh-nhân khuyên vậy là có ý nói sự lập Hầu cần phải chính-đính bền-bỉ mới có thể an-ninh, vì Thiên-hạ còn ở trong cuộc chuân-khó.

Tiết 3. 象曰：雲雷屯君子以經綸。

D.A. Tượng viết : Vân lôi Chuân, Quân-tử dĩ kinh-luân.

D.N. Lời Tượng nói rằng : Mây Sấm là quẻ Chuân, người Quân-tử lấy đó mà sửa sang mọi việc.

Truyện : Mây là mưa chưa thành sở dĩ là Chuân. Người Quân-tử xem tượng cuộc Chuân, kinh-luân việc Thiên-hạ đề giúp khi chuân-chuyên khó-khăn, kinh vĩ luân tập [1] nghĩa là sửa sang nơi đề tụ-hội.

Họ Lã nói rằng : Đời chuân-nạn người đời sợ sệt, không cảm thấy sự làm ăn, không biết chỗ dị đồng chính là cái thời kinh-luân của người Quân-tử.

Họ Ngô nói rằng : Người Quân-tử trị đời như gỡ tơ. muốn gỡ rối, phải phân từng sợi ngang hợp từng sợi dọc vậy.

B.N.C.H. Quẻ Khảm không nói nước mà nói mây là có cái ý chưa được thông. « Kinh-luân » là công việc làm tơ, kinh là kéo tơ luân là gỡ tơ.

Cái Thời gian-chuân là lúc người Quân-tử có thể làm việc.

LỜI-BÀN. Trích ở trong Nhân-loại khởi-thủy kinh Dzan :

Chi-tiết 2 tiết 8 « những ngọn lửa đã đến, những lửa với những tia-lửa : lửa ban đêm và lửa ban ngày
(có nghĩa là âm-hỏa dương - hỏa). Nó làm cho cạn những nước rối-loạn và tối-tăm, với cái nhiệt-độ của nó, Những Thần-linh thượng-giới và Thần-linh hạ-giới đã đến, nó bắt những hình có 2 và 4 mặt

[1] *Tung-hoành rồi kết-hợp.*

một. Nó đánh nhau với những người giống dê, người có đầu chó và người có thân cá ».

Những ngọn lửa là các giai-cấp của Thần-linh hạ-giới đây không phải nơi thối-tha ô-trọc, nó chỉ là giới của Thần-linh hạ-cấp vì nó ở gần quả Đất ta hay là ở một giai-cấp trên quả Đất toàn những Thần-linh khác (ở Tây-Trạng gọi là Lhas) thì ở cõi cao hơn (vì vậy ở Tây Tạng gọi Kinh-đô là Lhas Sa). đó là một thuyết của Tạo-hóa vật-chất và đã rút ra ở cái cõi đời phát-triển trên quả Đất này, còn có một nghĩa khác có thể giải thích đoạn này.

Những ngọn 'ửa (hay là lửa) tượng-trưng thần-linh hay là nguyên-tố Dương và *Nước tượng-trưng* vật-chất hay nguyên-tố Âm.

Thần-linh đánh nhau với các hình hoàn-toàn vật-chất có ngụ-ý là một trận đánh nhau không bao giờ thôi ở trên cõi vật-chất và tâm-linh nghĩa là Thần-linh với Vật-chất, trừ ra các Thiên-thể trong Vũ-Trụ,

— Ở đây Chấn là động, động là Sấm, Sấm có chớp có lửa là tượng của dương.

— Khảm là mây, là nước tượng của Âm và vật-chất, câu trên nói: Mây Sấm là Chuân. Ta thấy rõ ràng lúc sơ khai có sự hỗn-độn rối-loạn, tối-tăm có trận hỗn-chiến thần-linh với vật-chất, — vì vậy lúc đó gọi là gian-chuân khó-khăn, nguy-hiểm

Tuy sự rối-reng nguy-hiểm đó người Quân-tử kinh-luân, sửa sang mọi việc.

Chữ kinh-luân có nghĩa là re tơ, bện chỉ Sử-ca có câu: «Bình Chiêm đánh Tống đủ tài Kinh-luân»

Chữ Kinh - luân dùng ở lúc rối - reng trăm mối như mớ bòng bong, phải gỡ các mối ra sắp cho đều gọi là Kinh, rồi lấy những sợi to mà bện thành chỉ gọi là Luân.

Thánh-nhân dùng hai chữ Kinh-Luân cũng theo như Dịch-lý. Kinh có nghĩa nữa là kinh-động có thể là tượng của Chấn. Luân có nghĩa

nữa là luân-chuyển như vậy có thể là tượng của Khảm.

Theo nghĩa từng chữ Thánh-nhân đã công-phu lựa trọn để cho rõ những tượng cần-thiết trong Kinh.

Người Quân-tử ở đây cũng như một ánh-sáng chiếu sáng cõi tối-tăm, một bàn tay của bậc Thần-linh để sắp đặt muôn việc.

Tiết 4. 初九：磐桓利居貞利建侯。

D.A. Sơ-cửu: Bàn hoàn lợi cư Trinh, lợi kiến Hầu.

D.N. Hào Sơ-cửu: Quanh-co lợi ở chỗ trinh-bền, lợi sự lập Chư-hầu

B. N. C. H. *Bàn hoàn* là trạng-thái khó tiến, hồi đầu gian-chuân, là hào Dương ở dưới lại ở vào một thể động, mà trên ứng nhau với hào Âm nhu, hãm-hiểm cho nên có cái Tượng quanh-co. Nhưng nó ở được chỗ chính, cho nên lời chiêm của nó là lợi ở chỗ chính-bền, lại vốn là Hào làm chủ sự-lập thành quẻ. Dương ở dưới Âm tức là cái Tượng nhân-dân theo về cả cho nên Tượng nó lại như thế mà người xem được như vậy thì lợi lập Hầu

LỜI-BÀN: Hào Sơ-cửu Dương ở Hào dưới quẻ dưới trên có hai hào Âm đè xuống, Hào ứng với nó là hào lục-tứ. Cũng là hào Âm có nguy-hiểm ở trên thành thử Hào Dương ở ngôi Dương thấp kém quá thành ra phải quanh-co không có đường tiến vì 2 Âm đè, tuy là hào ở dưới mà
là Dương ở ngôi Dương chính-vị, làm chủ sự lập-thành quẻ cho nên Thánh-nhân mới răn là lợi ở chỗ chính-bền.

Vì phàm con người ta trong khi gian-chuân thì phải giữ - gìn cho chính-đính mới khỏi sự khốn-cùng hoạn-nạn, ô-trọc được. Vì vậy mới phải quanh-co cho qua cái vận, để chờ có chỗ tiến, phải cầu nơi giúp-đỡ một cách chính-đính như các Chư Hầu đối với Vua. Cho nên mới có câu lợi về sự dựng Chư-Hầu là lý ấy vậy.

Bao nhiêu kẻ vì cảnh gian-chuân mà bán rẻ danh-giá ông cha tổ-quốc để kiếm cái lợi phù-vân.

Bao nhiêu kẻ vì cảnh gian-chuân mà đã bán cái tuyết sạch giá trong để thỏa-mãn nhục-dục trong cõi hồng-lâu thanh-điểm. Đó là hạng người nhầm đường lạc lối đi vào cõi tối-tăm.

Trong lúc gian-chuân phải biết quanh-co để tránh lúc cơn đen vận túng một cách chính-đính, gan-dạ, bền-bỉ để chờ thời.

Tiết 5. 象曰：雖磐桓志行正也。以貴下賤大得民也。

D.A. Tượng viết: Tuy bàn-hoàn trí hành chính dã, dĩ quí há tiện đại-đắc dân dã.

D.N. Lời Tượng nói rằng: Tuy quanh-co trí làm việc chính vậy, lấy quí nhường tiện thì được lòng Dân nhiều lắm vậy.

Truyện: Hào Sơ lấy cái tài cứng sáng, ở ngôi dưới chưa có thể tiến trong cuộc Chuân nên quanh-co. Cảnh chuân-khó ở dưới có sự giúp-đỡ, để giúp trong đạo Chuân nên lấy cái nghĩa lập Chư-Hầu. Lấy Dương ở dưới Âm là cái Tượng quí dưới Tiện, tự ở xuống dưới sở dĩ được nhiều Dân.

Họ Hồ nói rằng: lấy Dương là quí, Âm là tiện, Dương là Vua, Âm là Dân, cái nghĩa tôn Dương nghiêm lắm vậy.

Ngự-án: Quẻ nghĩa là Thời. Hào là ngôi. Như thời Chuân là đời nhiều nạn mà 6 Hào của quẻ đều ở trong đời ấy, mà sự-vật ở trong cuộc Chuân ấy vậy.

LỜI-BÀN: Tuy là quanh-co mà có trí làm điều chính-đính là nói hào Dương ở ngôi dương cho nên là thể quí, quí mà chịu ở dưới, cũng như người sang hạ mình xuống để kẻ tì-tiện lên trên. Như vậy thì sẽ được lòng Dân và Dân sẽ tụ về rất nhiều.

Hào Dương ở dưới tuy lúc gian-chuân phải hạ mình xuống mà hút được các hào Âm chiều về, vì Dương có tính-cách hút Âm. trong

Vật-lý-học có nói: «hai luồng-điện khác nhau thì hút nhau». Vì thế mới ngụ cái ý là được lòng Dân quay về với nó vậy. Người sang đây là Tượng của Dương, kẻ ti-tiện là tượng của Âm. Người Quân-tử lúc Bĩ cũng như lúc Thái bao-giờ cũng giữ điều chính-đính, Vì cái buồn cái vui ví như luồng gió thổi, danh-lợi phú-quí như bả phù-vân như bóng thiều-quang bay qua cửa sổ.

Tiết 6. 六二：屯如邅如，乘馬班如。匪寇婚媾，女子貞不字，十年乃字。

D.A. Lục nhị: Chuân như chiên như, thặng mã ban như. Phỉ khấu hôn cấu nữ tử trinh bất tự, thập niên nãi tự.

D.N. Hào Lục-nhị: Quẻ Chuân như quanh như quẩn, như cưỡi ngựa vướng chân không tiến được. Chẳng phải giặc-cướp, gả cưới, Con gái trinh-tiết không hứa gả cưới (đặt tên Tự). mười năm mới hứa gả cưới (mới đặt tên Tự).

B. N. C. H Chữ «Ban» là có ý phân bầy không đi lên. Chữ «Tự» nghĩa là hứa gả chồng.

Kinh Lễ nói rằng: Con gái hứa gả chồng thì cài châm và định tên Tự. Hào lục-nhị Âm mềm ở chính giữa, có kẻ hưởng-ứng ở trên mà lại cưỡi lên Hào đầu cứng, (vì sơ-cửu hào Dương ở ngôi Dương) cho nên lấy chỗ đó là gian-nan mà quanh-co trở lại không tiến. Hào đầu đâu phải là giặc-cướp, là kẻ cầu gả cưới với mình, chỉ vì mình giữ điều chính-đính, cho nên không hứa với nó, mãi đến 10 năm, số-cùng lý-cực, thì kẻ cầu làm thiếp ấy phải đi, kẻ hưởng-ứng chính-đáng thì hợp mà có thể hứa vậy. Hào này có Tượng ấy, nên mới nhân thấy đó mà răn người xem.

LỜI-BÀN: Người ta lúc bĩ, gặp cảnh gian-chuân thật không đường tiến, óc lúc nào cũng như quanh-quẩn tính-toán chuyện đời không ra. Cũng như cưỡi một con Ngựa mà Ngựa bị vướng-vít không tiến lên

được, thấy cảnh-cùng lúc-bĩ cũng muốn tiến thủ cũng không được, dùng Ngựa cưỡi để tiến thì Ngựa vướng-chân đi buôn hết vốn, động vào việc gì không hư thì lỗi. Như Khương-Tử-Nha 70 tuổi đi làm thầy-bói bị phá tan cửa hiệu, đi buôn bột bị ngựa đá tung hết bột còn phải phạt đòn. Thánh-nhân nói cưỡi Ngựa là muốn tượng một vật dùng để tiến-thủ.

Và còn nghĩa nữa là ở ngôi trên ngôi «Sơ-cửu» ở đây Hào Âm, ở ngôi Âm chính-vị và ngôi lục-nhị lại ở giữa quẻ dưới, vì vậy mới nói là chính-trung, và cưỡi lên ngôi dương-cứng, vì hào Sơ-cửu là Dương ở ngôi dương. Hào Âm ở đây là thịnh Âm đối với quẻ dưới, mà lại ở chính ngôi, như vậy có thể nói là người con gái, vừa đến tuổi cập-kê cho nên mới có người hỏi gả cưới, đã đến tuổi gả cưới rồi mà vẫn chưa hứa-hôn vì hai lẽ:

1° Ngôi thứ người con gái còn ở trên ngôi dương cứng tuy nó là dương cứng nhưng không phải lài giặc-cướp. Đừng tưởng là dương cứng ở ngôi dưới là giặc-cướp đâu. Dương đây cũng là chính-đính nhưng chỉ vì mới đầu người Hiền bị gian-chuân phải ở dưới kẻ ti-tiện thôi vậy.

2°/ Ngôi thứ hai hào Âm có ngôi thứ 5 hào-dương hưởng-ứng; như vậy sự hưởng-ứng mới
chính-đáng thì có thể ứng hợp được, cho nên nói người con gái trinh-tiết không hứa gả cưới mãi đến 10 năm mới hứa. Sao đây Thánh-nhân lại dùng 10 năm, sao không bảy không tám năm?

Thưa rằng: Số 10 là một số hợp con số 1 tượng Dương với con số 0 tượng Âm, hai số hợp lại như Dương giao với Âm ngụ-ý sự gả cưới vậy. (Số 10 đã giảng ở trên).

Tiết 7. 象曰：六二之難。乘剛也。十年乃字反常也。

D.A. Tượng viết: Lục-nhị chi nan, thặng cương dã. Thập niên nãi Tự phản thường dã.

D.N. Lời Tượng nói rằng: cái nạn của Hào lục-nhị là cưỡi trên dương cứng, mười năm bèn gả cưới phản thường vậy.

Họ Hồ nói rằng: Mềm cưỡi trên cứng là phi-thường vậy. 10 năm bèn gả-cưới thì ứng với cứng mà phản lại thường.

LỜI-BÀN. Cưỡi lên cứng là cái nạn của hào Lục-Nhị. Nói là cái nạn là vì hào âm ở ngôi âm
ở quẻ dưới. Mềm ở chỗ mềm ở vào cảnh dưới và lại là ngôi ngay trên ngôi dương cứng. Đã trong lúc gian-chuân cảnh người con gái nhà nghèo thật là khó lòng giữ được, thứ nhất lại ở gần ngay nhà người con trai đương ở tuổi trưởng-thành mạnh-giạn cường sức thì khỏi sao những sự trêu-ghẹo, riếu-cợt. Người con gái không chính-đính là một tai-nạn to.

Vì âm mềm cưỡi lên dương cứng, hai loại khác nhau mà dương có tính-cách hút âm.

Như vậy thật là một tai-nạn cho hào lục-nhị, Thánh nhân răn rằng : 10 năm hãy gả cưới thì trở lại sự thường. Số 10 là số cùng của 10 số nghĩa là muốn nói bĩ cực thì thái lai, sự gian-chuân đến cùng-cực mà vẫn giữ được giá sạch tuyết trong, chính-đính thì sẽ được gặp sự an-hưởng chính-đáng mà cái tai-nạn sẽ qua (ở trong số Tử-vi lấy đại-hạn cũng kể 10 năm một) có lẽ Thánh-nhân muốn lấy cái ý qua cái đại-hạn gian-chuân 10 năm thì sẽ hứa gả cưới và trở lại như thường vậy.

Tiết 8. 六三：即鹿无虞惟入于林中。君子幾不如舍往吝。

D.A. Lục-tam : Tức lộc vô ngu duy nhập vu lâm trung. Quân-tử cơ bất như xả vãng lận.

D.N. Hào Lục-tam : Theo hươu không có thợ săn chỉ vào trong rừng. Người Quân-tử biết cơ không bằng bỏ đi thì hối-tiếc.

B. N. C. H. Hào âm mềm ở dưới, không giữa không chính, trên không có kẻ chính ứng, đi càn để lấy sự khốn-cùng, đó là cái Tượng

đuổi hươu không có thợ săn, bị hãm ở trong rừng. Người Quân-tử thấy cái cơ (sự thế) như vậy, chẳng bằng bỏ đi, nếu đi đuổi mà không bỏ, tất bị thẹn tiếc răn kẻ chiếm nên theo như thế.

LỜI-BÀN. Hào Lục-tam là hào âm ở ngôi cứng, Âm ở ngôi dương nếu biết cách giữ được khí thái-hoà thì sự gian-chuân không đến nỗi nguy-hiểm. Trên không người hưởng-ứng, kẻ giúp được thì ở dưới quá không thể đến nơi được. Vả lại ở hào trên quẻ dưới cái trí muốn tiến luôn luôn để qua cuộc gian-chuân, nhưng không người phù giúp thì sợ phải khốn đến thân, ví như
muốn săn hươu mà không có thợ săn đưa đường. Đuổi theo hươu vào trong rừng-rậm không biết đường ra thì thật là khốn-cùng. Người Quân-tử thấy sự thể như vậy chi bằng thôi đi, nếu có đuổi theo đã không được rồi thẹn-tiếc và lại bị khốn-cùng.

Ý Thánh-nhân muốn tượng-trưng con hươu là cái lộc của Trời, hóa cho nên những bức tranh xưa vẽ Phúc Lộc Thọ có con hươu tượng Lộc. Lộc là những cái mà Trời ban cho ta. Trên này ngụ-ý : là cái lộc Trời cho, khi con người ta còn trong thời-vận bí-tắc gian-chuân, có theo đuổi đi chăng nữa cũng không được mà lại còn khốn vào thân. Vì lúc bĩ thì còn ai là hưởng-ứng với mình, ai còn đến giúp đỡ mình.

Lại hỏi sao lấy tượng trong Rừng ?

Theo Hậu-thiên bát-quái quẻ Chấn là quẻ ở chính Đông và an theo ngũ-hành thì Chấn thuộc Mộc. Vì lẽ ấy mới lấy rừng là nơi nhiều cây cối, Chấn là nơi Mộc rất vượng vì lẽ đó cho nên Thánh-nhân lấy tượng của quẻ Chấn để giải hào Lục-tam vậy.

Tiết 9. 象曰：即鹿无虞

以從禽也。君子舍之往吝窮也。

D.A. Tượng viết : Tức Lộc vô ngu dĩ tòng cầm dã. Quân-tử xả chi vãng lận cùng dã.

D.N. Lời Tượng nói rằng : Theo hươu không có thợ săn để theo mồi vậy. Người Quân-tử bỏ đi vì theo thì tiếc vô-cùng vậy.

LỜI BÀN : Phàm người ta phần nhiều có lòng tham thấy lợi nhắm mắt làm liều cũng như mỗi khi đi săn không có thợ săn đưa đường. Say mồi không nghỉ, đuổi con thịt vào rừng sâu đã không được mồi lại còn mệt mỏi, thẹn-tiếc và còn nhiều sự nguy-hiểm khốn-cùng nữa. Vì vậy phải người Quân-tử biết vận mình, ngồi câu cá bằng lưỡi câu thẳng như Khương - tử - Nha thế mới là biết vận Trời mà chờ Thời. Vận đã gian-chuân thì có lưỡi câu sắc bén mồi thơm cũng không được cá. Đó là ý-nghĩa của bậc Quân-tử thất vận chờ Thời vậy.

Người xưa có câu :

Thời lai đồ điếu thành công dị.

Vận khứ Anh-hùng ẩm hận đa.

Đó là Thiên-Mệnh theo ảnh-hưởng thời-gian mà phú-quí bần-tiền an bày. Khi Thời đến những người thường đi câu-cá cũng thành công dễ dàng, vận mà bĩ thì bậc Anh-hùng cũng phải bó tay mà nuốt hận. Hào này Thánh-nhân muốn răn người Quân-tử phải hành-động theo Thời mà Đạo Thời to rộng lắm thay ! và Thời-Đạo tức là Dịch-lý. Thông Dịch-lý thì hiểu Đạo Thời dễ dàng lắm vậy.

Người xem quẻ phải xét - đoán cho tường - tận thì Dịch-lý không thiếu sót điều răn.

Tiết 10. 六四：乘馬班如。求婚媾往吉无不利。

D.A. Lục - tứ : Thặng mã ban như. Cầu hôn cấu, vãng cát vô bất lợi.

D.N. Hào lục-tứ : cưới ngựa vướng chân không tiến được, cầu hôn đi thi tốt không gì không lợi.

B.N.C.H. Hào âm mềm ở vào cảnh gian-chuân, không thể tiến lên, cho nên lấy cái tượng cưới ngựa vướng chân không tiến được. Nhưng hào sơ-cửu giữ
cái chính-đính ở dưới để ứng với mình, cho nên lời chiếm là cầu hôn ở dưới thì tốt.

LỜI - BÀN : Hào Lục - tứ tượng ngôi gần Vua (ngôi Vua là ngôi 5) tức là ngôi Đại - thần. Hào âm ở ngôi âm là âm thịnh. Ví như cưỡi ngựa, tượng sự muốn tiến lên, nhưng ngựa bị vướng chân không tiến được, vì cái vận còn ở trong vòng gian-chuân tuy gần Vua được chức Đại - thần nhưng chưa gặp thời-vận thì cũng như ngựa vướng chân.

Cầu gả cưới thì tốt. Hào lục-tứ, âm mềm, hưởng ứng với hào sơ-cửu dương cứng. Dương ở chính cung dương ở dưới như người Hiền ở dưới chưa có người tiến-cử. Ở hào này đi tìm người Hiền ở dưới về giúp mình thì tốt, mà không có gì là không lợi. Vì âm mềm ứng với dương cứng. Dương cứng giúp tài, giúp sức cho âm mềm thì không gì là không lợi. Cho nên Thánh-nhân nói là đi cầu hôn ở dưới thì tốt vậy.

Trong khi vận Bĩ thời chưa tới như Bái-Công còn giữ chức Huyện-thừa biết kết-nạp các nhân-sĩ hiền-tài trong nước, sau thời đến cho nên Đại-nghiệp dễ thành.

Tiết 11. 象曰：求而往明也。

D.A. Tượng viết : Cầu nhi vãng minh dã.

D.N. Lời Tượng nói rằng : Cầu mà đi sáng-tỏ vậy.

LỜI-BÀN : Đây là thuyết cầu Hiền. Muốn cầu người tài, vì mình cầu cái tài của người ta thì phải đi đến nơi mới gọi là Minh. Minh

đây là sáng-suốt biết bổn-phận người đi cầu. Như Lưu-Bị đi cầu Khổng-Minh trên núi Ngọa-Sơn, ba lần đi không được mà không chán, như Văn-Vương đi cầu Khương - Tử-Nha ở bên sông Vị. Như hào Lục-tứ đây ứng với hào Sơ-cửu Dương cứng, Dương cứng ngụ ý là cái tài của người ở ngôi dưới, cái tài đó hay cái dương cứng đó có tính-cách hút *âm-nhu* tuy ở ngôi trên cũng như điện dương hút điện âm.

Tiết 12. 九五：屯其膏小貞吉。大貞凶。

D.A. Cửu-ngũ : Chuân kỳ cao, tiểu trinh cát, đại trinh hung.

D.N. Hào Cửu-ngũ : Gian-chuân, cái ân-trạch ấy, nhỏ trinh - bền tốt, lớn trinh - bền hung.

Truyện : Hào Ngũ ở ngôi Tôn-quí, đương ở thời Chuân-khó, nên việc có chỗ không làm, trạch đức có chỗ không xuống, đó là cuộc Chuân đến chỗ ân-trạch vậy. Mình không có uy-quyền mà muốn theo đuổi chính-trị là cầu lấy đạo hung, như chuyện Lỗ-Chiêu-Công (giết họ Lý làm Lý chạy), Cao-Quí Khanh-Công (Ngụy Tào-Phát đánh Tư-mã-Chiêu làm Chiêu chết). Nên tiểu Trinh thì tốt, Tiểu-trinh ý là chỉnh-đốn lại dần dần. Nếu Bàn-Canh, Châu-Tuyên tu Đức dụng Hiền, trở lại chính-trị của Tiên-Vương, mà Chư-hầu triều phục, nghĩa là lấy cái Đạo nhuần - thấm dần dần Chính - trị mà không dùng đến sự Hung-bạo, lại không phải điềm - nhiên không làm như *Hi, Chiếu* đời Đường vậy.

Chu - tử nói rằng : Xét cái thuyết trong Dịch-Truyện của Trình-Di không rõ ở chỗ : không phải điềm-nhiên không làm như *Hi, Chiếu* đời Đường ; hai người không giống nhau, *Chiếu* th cần làm việc, *Hi* thì không cần làm.

B.N.C.H. Hào cửu-ngũ tuy lấy dương cứng ở chính giữa ở ngôi tôn-quí. nhưng đương lúc gian-chuân hãm trong chỗ hiểm, tuy có hào

lục-nhị làm chính ứng mà nó là âm mềm tài yếu, không đủ để giúp-đỡ Hào sơ-cửu làm dân ở dưới, chúng đều theo về hào cửu-ngũ là thể của quẻ Khảm, có ân-trạch mà không thể ban ra, đó là cái tượng của ân-trạch trong lúc gian-chuân ; kẻ xem để xử việc nhỏ thì giữ đường chính-đính có thể về sau được tốt, để xử việc lớn tuy là chính-đính cũng không khỏi hung.

LỜI-BÀN : Hào dương ở ngôi thứ 5 tức là Vua ở ngôi Vua. Nhưng Vua ở trong lúc gian-chuân thì Bày-tôi yếu - nhược. Hào lục-nhị ứng với cửu ngũ là âm mềm ở quẻ dưới, tài đức bạc-nhược không thể phù Vua giúp nước được. Vua tuy trong lúc gian-chnân thì quyền hành bị yểm-chế, ân-trạch không được tôn-trọng. Ân-trạch trong lúc gian-chuân thì bị ban ra một cách khó khăn. Ban ra ít một cách chính-đính thì còn được tốt lành, ban ra nhiều cũng một cách chính-đáng thì sẽ bị hung dữ, và sẽ là người buôn danh bán tước. Một khi ân-trạch ban ra dân-tình không ưa-chuộng thì uy-quyền Vua lu-mờ trong cõi tối-tăm, đó là Vua trong lúc gian-chuân vậy. Nhưng trong lúc kiền vận, trong nước Bầy-tôi hèn-nhát uy-quyền bạc-nhược, tôi Hiền ẩn-núp ở xa xăm, Vua
phải biết cách *chiêu Hiền đãi Sĩ*.

Hào này ý nói thời gian-chuân của Vua vậy.

Tiết 13. 象曰：屯其膏施未光也。

D.A. Tượng viết : Chuân kỳ cao thí vị quang dã.

D.N. Lời Tượng nói rằng : Trong lúc gian-chuân cái ân-trạch ấy thí ra chưa sáng vậy.

LỜI-BÀN : Ở đây vẫn nói cái thời gian-chuân của Vua, khi Vua trong lúc gian-chuân ân-trạch ban ra chưa được sáng-suốt, như muốn nói sự buôn quan bán chức, người tài bị ở xa lánh mà những tụi hèn nhát bợ-đỡ lại được ân-thưởng nên sự ân-trạch không ảnh-hưởng vì chưa được công-minh.

Tiết 14. 上六：乘馬班如。泣血漣如。

D.A, Thượng-lục : Thặng mã ban như, khấp huyết liên như.

D.N. Hào thượng-lục : Cưới ngựa vướng chân không tiến, khóc ra máu liên-miên vậy.

B.N.C.H. Hào sáu là âm mềm, không có ứng viện ở cuối chỗ gian-chuân tiến nữa thì không có chỗ đi, chỉ có lo sợ mà thôi, cho nên tượng nói như thế.

LỜI-BÀN : Hào Thượng-lục là hào âm ở ngôi âm, tức là âm mềm ở ngôi trót. Âm mềm là tài hèn sức yếu mà lại ở ngôi trót trên cao. Muốn lên không lên được, muốn xuống không xuống nổi, cưỡi ngựa muốn tiến ngựa vướng chân, muốn lui lui không được tài hèn, sức yếu không kẻ ứng giúp lại ở trên cao trót vót, thì sự hiểm-nghèo cùng-cực, vì vậy Thánh-nhân mới nói là khóc ra máu liên-tiếp.

Máu thuộc âm, âm ở ngôi âm cho nên mới gọi là liên - tiếp. Đó là tượng sự gian - chuân đến cùng-cực, không người phù giúp, đến mình cũng không thể giúp được mình vì tài hèn sức yếu như thế thì nghiêng-nghèo lắm thay.

Tượng : Khóc ra máu, là lấy thể của quẻ Khảm mà nói theo Y-khoa Trung-quốc Khảm tượng là máu huyết. Hào trót của quẻ Chuân tức là trong sự gian-chuân đến cùng-tột, mà Khảm tượng máu ở trên quẻ Chấn tượug động cho nên mới có tượng là khóc ra máu để tả lúc cùng-cực của quẻ Chuân.

Tiết 15. 象曰：泣血漣如。何可長也。

D.A. Tượng viết : khấp huyết liên như hà khả trường dã ?

D.N. Lời Tượng nói rằng : Khóc ra máu liên-tiếp có thể lâu được chăng ?

Truyện : Quẻ là việc vậy. Hào là thời của việc, phân ra ba lại phân gặp hai đủ để bao-quát cái lý của Tượng.

LỜI-BÀN : Gian-chuân đến đây là cùng cực phải đến khóc ra máu liên - tiếp là cảnh quá cùng-cực rồi. Khóc nghĩa là lúc đau thương quá cái Tượng của bậc nữ-lưu và để tả rõ hào âm ở ngôi âm cùng-cực của thời Chuân khó.

Câu hỏi : Có thể lâu được sao ? chỗ này Thánh-nhân muốn khuyên người xem rằng : Sự đau thương đó là vận Trời, không thể lâu được vì Bĩ cực thì Thái lai, đạo Trời Đất là như vậy.

Trong kinh Dzan thi vận 1 thi-tiết 9 của thiên Nhân-loại khởi-thủy nói : « Nước Mẹ, đại-dương, khóc nó bốc lên và biến trong mặt Trăng, mặt Trăng sanh ra nó và nuôi nó ». Phải chăng là một hiện-tượng hiển-nhiên vì nước thủy-triều lên xuống trong thời-kỳ khởi thủy của lịch-sử quả Đất của ta trong kiếp thứ tư, theo thuyết của ông Darevin thì có 52 triệu năm là ít có lẽ nhiều hơn nữa, mặt Trăng ở trong cái khối của quả Đất ra. Nhưng Thần-Bí học lại dạy ngược lại. Mặt Trăng già hơn quả Đất nhiều, chính là mặt Trăng sanh ra qnả Đất vì vậy nước thủy-triều lên xuống là ở sự hút của mặt Trăng mà chúng ta thấy rằng các chất lỏng trên quả Đất lúc nào cũng muốn bốc lên đến Mẹ nó.

Tóm-tắt : Quẻ Chuân thì được Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh chớ dùng có sự đi ấy, lợi về sự dựng Chư-hầu.

Hào sơ-cửu : Quanh-co lợi ở sự Trinh-bền lợi dựng Chư-hầu.

Lục-Nhị : Quẻ Chuân, như quanh như co như cưỡi ngựa vướng chân không tiến được, chẳng phải giặc cầu gả cưới. Con gái trinh-bạch không hứa gả (không đặt tên tự) mười năm mới hứa gả.

Lục-tam : Theo Hươu không có thợ săn chớ vào trong rừng. Người Quân-tử biết cơ sự không gì bằng bỏ đi, đi thì hối tiếc.

Lục-tứ : Cưỡi ngựa vướng chân không tiến được cầu gả cưới đi thì tốt không gì không lợi.

Cửu-ngũ : Lúc gian-chuân ân-trạch ấy, nhỏ mà chính-đính thì tốt, lớn mà chính-đính thì hung.

Thượng-lục : Cưỡi ngựa vướng chân không tiến được khóc ra máu liên-tiếp vậy.

Chuân quái Tổng-luận

Sau cuộc Kiền Khôn ví như Đạo Dương Âm đã định vị thì đến cuộc Chuân. Như khí Dương đã thâm-nhập vào khí Âm trong khi hai khí biến-chuyển là cuộc Chuân, khi khí Dương của đàn-ông bắn vào gặp cái trứng trong dạ con người đàn-bà thì trong 30 giờ nó chia cái trứng ra làm hai phần, 50 giờ chia ra làm bốn và 60 giờ chia ra làm 8 (đây là những sự nghiệm-xét của các Bác-sĩ về sự thai-nghén của đàn-bà), theo đúng với luật Âm-Dương song tiến của Dịch-lý.

Trong thời-kỳ này là thời-kỳ Chuân mà cái
trứng phân ra làm 2, làm 4, làm 8, để đi lập thành các nguyên tử đầu tiên để thành lục phủ ngũ tạng con người. Nên tượng quẻ vẫn có 4 Đức : Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh, chớ dùng có sự đi ấy, lợi về sự dựng Chư-hầu, là lý ấy vậy.

Xét xem Hào-từ thì Thánh-nhân lấy : (Hào-sơ) sự quanh co lợi ở sự Trinh-bền lợi dựng Chư-hầu mà không lấy tượng là ngựa là hươu. Lúc sơ khởi Âm Dương gặp nhau, chưa chắc đã thành-tựu, như âm dương giao nhau của muôn loài, nên nói lợi ở chỗ trinh-bền, mà nếu đậu được thì lợi về sự dựng các cơ-thể của bào-thai, cho lục phủ ngũ tạng cũng như trong nước lúc âm dương cân-đối, có sự thái-bình thịnh-trị ắt phải có sự dựng Hầu để trị dân, để bảo-tồn Trăm họ.

Bắt đầu Hào lục-nhị trở lên Thánh-nhân lấy cưỡi ngựa vướng chân để tượng cho ba Hào : lục-nhị, lục-tứ và thượng-lục.

Trên đã giải vì sao lại tượng ngựa và hươu. Hào lục-tam lại nói : người Quân-tử biết cơ sự không gì bằng bỏ đi, đi thì hối tiếc. Xem dụng tâm của Thánh-nhân ở cuộc Chuân, tuy chuân-chuyên nhưng vẫn phải tiến nên tượng ngựa, mà tiến lên ắt phải có sự quanh-co vì chân ngựa bị vướng cốt
để tả cho rõ cuộc gian-chuân.

Riêng chỉ có Hào Cửu-ngũ hào tôn-quí nhất trong quẻ mà lại trung-chính thì nói đến ân-trạch, nhỏ mà chính-đính thì tốt, lớn mà chính-đính thì hung.

Lấy gần mà nói như người đàn-bà mới bắt đầu có thai chớ nên quá bổ, bổ nhiều thì e động thai, thai lớn quá khó đẻ thì hung, cho nên khuyên như thế.

Lấy việc đời ra mà nói thì trong lúc gian-truân, nếu ai đã trải qua thì thấy rõ, muốn đi, đi không được muốn ở, ở không yên. Như lúc Triệu-tử-Long phò Lưu-Bị phó yến bên Ngô. Không đi thì sợ Ngô cho là hèn-nhát, đi thì ắt có sự nguy-khốn đến thân. Hóa cho nên cuộc Chuân là một trạng-thái nguy-khốn ở trước mắt mà trong lòng náo-động bất-yên. Nên trong 6 hào Thánh-nhân đã cân-nhắc từng lời-từ để giải cho rõ từng trạng-thái một trong cuộc chuân-chuyên vậy.

蒙 SƠN THỦY MÔNG - 4

Cấn trên ☶
Khảm dưới ☵

MÔNG 7/6

Tiết 1. 蒙亨匪我求童蒙。童蒙求我。初筮告再三瀆則不告利貞。

D.A. Mông Hanh phỉ ngã cầu Đồng Mông. Đồng mông cầu ngã. Sơ phệ cốc tái tam độc tắc bất cốc lợi trinh,

D.N. Quẻ Mông hanh-thông chẳng phải ta tìm trẻ-thơ u-tối, trẻ-thơ u-tối tìm ta; mới đầu bói thì bảo, hai ba lần phiền nhàm thì không bảo nữa, lợi trinh-bền.

Truyện : Quẻ Mông có đạo Chí Hanh, hào lục-ngũ là chủ cuộc Mông, mà hào Cửu - nhị là kẻ phát-huy cuộc Mông. Hào 5 và 2 là chính ứng. Hào 2 lấy cái đức cứng giữa ở dưới, đương lấy Đạo tự thủ chí-thành chờ Vua cầu mình, mà sau ứng với, không phải ta tìm trẻ-thơ u-tối, lời chiếm quyết vậy. Mới đầu bói bảo cho, gọi là Chí-thành. Nhất ý cầu mình thì bảo cho, hai ba lần phiền nhàm nên không bảo nữa. Đạo phát Mông lợi là Trinh - chính. Họ Dương nói rằng : Chộc chuân-khó lập Chư-hầu, trong cuộc Mông-lung Vua cầu ta, có đạo Thầy-trò vậy.
Trời Đất đã có ngôi thì Đạo Thầy-trò lập.

B. N. C. H. Quẻ Cấn cũng là tên quẻ ba vạch, có một hào dương đứng ở trên hai hào âm, cho nên đức nó là dừng, thôi, tượng nó là Núi. «Mông» nghĩa là tối-tăm, các vật mới sinh mà tối chưa sáng, Quẻ nầy là Khảm gặp Cấn, ở dưới Núi (Cấn) có chỗ Hiểm (Khảm) nghĩa là nơi mờ-tối, ở trong hiểm-nghèo, ở ngoài đứng dừng đó là cái ý của sự tối-tăm, cho nên đặt tên là quẻ Mông.

Từ chữ «Hanh» trở xuống là nhời chiêm-đoán. Hào «Cửu-nhị» là chủ quẻ trong và quẻ ngoài, tính cứng ở giữa, thường hay ban phát sự tối-tăm cho người, mà lấy hào «Lục-ngũ» âm mềm với dương cứng ứng nhau, cho nên gặp được quẻ này, thì được hanh-thông, «Ta» là hào hai. «Trẻ-thơ» là non-nớt tối-tăm, chỉ hào 5. Kẻ bói là hạng tối-tăm thì mình đi tìm người ta mà sự hanh-thông thì ở mình. Người ta tìm mình thì mình xem lẽ nên chăng mà ứng với họ. Mình tìm người ta thì nên suy cùng sự sáng-suốt, chuyên-nhất mà hỏi. Sự sáng-láng nuôi kẻ tối-tăm, kẻ tối-tăm tự nuôi lấy mình có điều lợi ở sự chính-đính vậy.

LỜI-BÀN : Quẻ Mông ở trên có quẻ Cấn, ở dưới có quẻ Khảm. Như quả Đất vì lớp vỏ mỗi ngày một dầy, khí nóng không dọi ra được tích-tụ lại trong, nên
nhiệt-lực gây ra những cuộc động-đất ghê gớm, đảo lộn lớp vỏ xuống dưới khối bầy nhầy nóng cháy lên trên nên Chấn đổi thành Cấn. Quẻ Cấn ䷳ là hình tượng quẻ Chấn lộn ngược ䷲. Cấn chỉ núi, những giẫy núi dài là do sự động-đất. Trên cái Sao sáng các loài thạch ở lớp ngoài đều chảy ra nước, cháy đỏ như lửa nên nét liền ở trên hai nét chắp.

Chấn ☳ Khảm ☵ Cấn ☶ Kiền ☰, chỉ những thời-kỳ biến-hóa của khối dương-khí, kể từ ánh-sáng nguội dần thành vật-chất.

Tốn ☴ Ly ☲ Đoài ☱ Khôn ☷ chỉ cách biến-hóa của khối Âm-khí kể từ vật-chất cứng rắn tan dần ra thể khí.

Quẻ Cấn nếu ta vẽ liền thì hình cái núi Λ đứng ngăn-cản. Vì vậy có nghĩa Đứng, Thôi. Quẻ trên là quẻ Chuân nói lúc sơ-khai của muôn vật, những cảnh gian-chuân khó khăn của lúc sơ-khai. Mới sơ khai thì muôn vật còn mông-lung mờ-tối.

— Lúc mới đầu trước khi sinh ra người ta có xương có thịt trong Vũ-trụ âm-u chỉ có những bóng cùng hình đối với con mắt nhà Thấu-thị. Như trong
kinh Dzan thi-tiết IV tiết 15 : thiên Nhân-loại khởi-thủy có giải lúc mông-lung của Tạo-hóa thành người ta : "Bẩy lần bẩy cái bóng người sau nầy (không có tinh-thần) đã sanh ra mỗi bóng một màu, một loại bởi vì cha chúng là bậc hoàn-toàn của loại nó". Trong chú-thích có chỉ rằng : câu trên tượng-trưng màu da của mỗi loài người phát-triển sau nầy trên cõi Đất Các Tạo-hóa sanh ra người đều không tới mục-đích của họ. Các phép-mầu tuyệt-đối làm ra người có Trí-tuệ tâm-linh và bất-diệt trong tâm-thần, họ đều bị thất-bại và người ta cho rằng họ bị phạt vì sự thất-bại của họ. Nhưng phạt họ thế nào ? chỉ là đày họ giam-cầm trong Hạ-giới, mà giới thấp nhất là quả Đất ta ở (hành-tinh thấp nhất đối với cả giẫy hành-tinh) Một Kiếp nghĩa là một vòng luân-hồi. Trong . cõi tối-tăm của vật-chất hay trong «

xác-thịt người ». Mỗi người ở ngôi dưới Cha nó (Tạo-hóa). Nhưng người Cha không xương thịt không thể sanh ra những đứa con có xương thịt. Con cái của nó là ma vô-hình vô trí-tuệ. Bởi vậy người ta gọi nó là giống Bóng. Mới sơ-thủy sinh ra người trên cõi Thế là cõi tối-tăm âm-u. Như vậy Thánh-nhân mới đặt quẻ là **Mông** là tối-tăm, tuy tối-tăm nhưng vẫn có luật-pháp, sự hành-động vẫn được hanh-thông. Trên là Núi dưới là Nước, Núi để dừng chỉ các vật, Nước ở dưới bốc hơi
lên che thì bị mờ-tối. Nước lưu-loát bốc thành hơi, vì vậy gọi là hanh-thông. Câu : «chẳng phải ta tìm trẻ-thơ tối-tăm, trẻ-thơ tối-tăm tìm ta» có một ngụ-ý rất thiêng-liêng. Phải trở lại thuyết Nhân-loại khởi-thủy, lúc mới thành loài Người mới có thể hiểu được. Chữ «Ta là ta đây là cái thân-xác của ta đây, cái vỏ, cái dấu cho dễ nhớ, cho biết cái hình đó là «ta» «Trẻ-thơ tối-tăm», «Trẻ-thơ» ngụ cái ý non-nớt, nhỏ bé và tối-tăm.

Theo thuyết xưa thì Tạo-hóa sinh ra giống chỉ có bóng, tức là ta gọi là linh-hồn hay vía trước khi có xác - thịt ta thành hình. Lúc mới đầu như bóng bay lượn. Cái gốc rễ của ta ở trên Thượng-giới không tạo nên cái xác-thịt của ta, ta thấy người đầu tiên ở những thể của kẻ sinh-sản, theo cách thiêng-liêng «vô hỏa» như là một vật khí hình, không đông-đặc và không có tinh-thần. Nó không có một nguyên-nhân để làm trung - gian cùng người cõi dưới tức là người có tinh-thần trong óc thể-chất, vì nó không có tinh-thần. Đó là cái vỏ không có **Tâm-linh**.

Ta thử hỏi : Ai làm cho người và vật khác nhau trong cái vỏ vật-chất cũng làm bằng một thứ vật giống nhau, rung-động bởi một đơn-tử y như nhau,
ít ra người chỉ là một con vật thêm một thần-linh linh-động giam cầm trong cái vỏ vật-chất ? Theo trong bản-thảo chú-giải kinh Dzan đấng Tạo-hóa là những đấng chúa-tể hay là Elohims : người thì tạo ra Adam theo thứ bậc về cõi Đất, người thì thổi cho nó linh động bằng cái hơi sinh-khí và người thứ ba tạo cho nó một linh-hồn linh-

động.

«Trẻ-thơ» đây có ý - nghĩa cái linh-hồn hay Trí tuệ của người ta lúc mới đầu còn non-nớt tối-tăm quá cho nên nói « Trẻ-thơ » tối - tăm tìm ta, không phải ta tìm «trẻ-thơ». Xác người ta mới lọt lòng đã có sự linh-động cũng như mọi vật, cái trí-tuệ dần dần sáng-láng nhờ sự học-hỏi. Vậy thì người ta không bao giờ đi tìm sự tối-tăm. Vì ta đi tìm sao được linh-hồn, chỉ có linh-hồn phải tìm cái xác của ta mà cha mẹ ta tạo nên thân ta là vật-chất mà cái thể của ta là cái linh-hồn mà cõi thượng-giới ban xuống tìm và nhập vào cái thân-xác ta, vì vậy nó phải tìm ta. Một lý nữa là linh-hồn nhỏ hơn xác người và vía lại nhỏ ti ti như những tia ánh-sáng, theo Bác-sĩ Lancelin nghiên-cứu về Linh-hồn-học.

Mới đầu bói thì bảo .- Bói là để xem cơ Trời để tránh hung, theo cát để làm điều thiện bỏ điều tà đó là nghĩa chữ bói.

Câu nầy có nghĩa là mới đầu xem biết sự hay dở bảo cho. Con người ta lúc sơ sanh ra tính gốc thiện vì linh-hồn mới ở thượng-giới nhập vào xác người, tính bao giờ lúc đầu cũng lành, triều tâm người vào điều thiện. Sau người khôn lớn nhục-dục đầy dẫy, ham muốn mù-quáng, cái «Bản-thiện» của người bảo cho người nhiều lần người không nghe. Thấy đó là phiền nhàm cái bản-thiện lần lần mất đi không bảo nữa vì vậy con người ta phải ở trong cảnh mông-lung tối - tăm quá cho nên Thánh-nhân khuyên rằng : phải chính-đính bền-bỉ theo cái gốc Thiện của con người thì có lợi, nghĩa là như vậy.

Tại sao lấy hào-nhị là «Ta» và hào - ngũ là «Trẻ-thơ» ? mà Chu-Hi đã nói trong Bản-nghĩa. Theo tượng các hào thì hào nhị tượng bàn dân Thiên-hạ hào-ngũ tượng ngôi tôn-quí của vị Vua chúa. Sao lại gọi hào ngũ là «trẻ-thơ» là ngôi Vua nhưng là Vua còn nhỏ non-nớt trí-óc tối-tăm.

Hào nhị có hào dương ở đó sao lại chỉ là ta ? Cái huyền-diệu ở trong đó thật là vô-cùng uyển-chuyển. Quẻ Khảm có một dương ở hào cửu-nhị là hào sáng ví như người Hiền-tài sáng - soi ở trong Thiên-hạ. Hào Lục-ngũ tuy là ngôi tôn-quí nhưng trong cuộc Mông có nghĩa là Vua còn non-dại cho nên mới có tượng ấy.

Như Lưu-Bị đi cầu Khổng-Minh phải tam-cố thảo lư, như Văn-Vương đích thân đến bờ sông Vị để cầu Khương-Tử-Nha vậy.

Chẳng phải ta tìm trẻ-thơ tối-tăm . Câu này Thánh - nhân cho ta hay rằng : hào cửu - nhị là hào dương hút âm, âm phải đến thì mới đúng lẽ thiên-nhiên, hóa cho nên Thánh-nhân nói chẳng phải ta tìm trẻ - thơ tối - tăm, trẻ - thơ tối- tăm tìm ta.

Mới bói bảo cho-. Mới đầu Thánh-nhân còn khuyên-răn bảo ban, nhưng vì sự non-nớt tối-tăm nói đến 2, 3 lần, nói mãi không nghe thì không bảo nữa và lại nói : Lợi tốt về sự chính-bền tuy Thánh-nhân không bảo : Vì trẻ còn thơ tối-tăm quá chưa có thể hiểu được sự chiêm bói, không bảo nữa và răn nó phải chính-đính trinh-bền thì có lợi. Răn phải học-tập thêm nữa rồi sẽ hiểu. Cũng như một đứa trò

nhỏ mới học vỡ-lòng mà để một ông Thạc-sĩ dạy, hay một trò nhỏ học vỡ-lòng hỏi về Kỷ-hà-học hay Số-học, thì có muốn dạy năm bảy lần đi chăng nữa cũng như nước đổ lá khoai bao giờ cho nhuần-thấm được cái nghĩa-lý của sự học - hỏi quá cao, vì vậy Thánh-nhân khuyên nên trinh-bền thì có lợi, vì tuy nó thơ-ấu trong sự tối-tăm nhưng nó biết đi tìm nơi để học-hỏi.

Ý nghĩa như vậy uyển-chuyển vô-cùng và tả rõ lúc mông-lung, non-nớt tối-tăm của con Người vậy.

Tiết 2. C H. 彖曰：蒙山下有險，險而止蒙。

D.A. Tượng viết : Mông Sơn hạ hữu Hiểm, Hiểm nhi chỉ Mông.

D.N. Lời Tượng nói rằng : Quẻ Mông dưới Núi có sự Nguy-hiểm mà ngừng-chỉ là Mông.

B.N.C.H. Đây lấy Tượng quẻ, Đức quẻ để thích tên quẻ có hai nghĩa.

LỜI-BÀN Dưới Núi có Nước, núi có tính ngăn cách làm dừng các vật, nước có tính-cách bốc hơi lên.

Hơi nước bốc lên bị ngừng lại kết thành mây mà che núi. Như ta thấy những quả núi bị mây che thì tối-tăm.

Tuy có sự hiểm-trở ở trong, ngoài phải dừng đứng lại không đi được. Như vậy thấy sự nguy-hiểm ở trong mà biết ngừng-chỉ được là người biết cái thời của mình phải trải-qua những lúc cơn đen vận túng, cho nên ngừng lại không tiến vì còn trong lúc mông-lung đen-tối. Lời Tượng nói trên đây lấy Đức tính quẻ để giải cái nghĩa của quẻ Mông vậy.

Tiết 3. 蒙亨，以亨行時中也。匪我求童蒙。童蒙求我志應也。

D.A. Mông Hanh, dĩ Hanh hành thời trung dã. Phỉ ngã cầu đồng mông, đồng mông cầu ngã, trí ứng dã.

D.N. (a) Quẻ Mông thì hanh-thông, lấy sự hanh-thông làm đúng thời vậy. (b) Chẳng phải ta tìm trẻ thơ tối-tăm, trẻ thơ tối-tăm tìm ta, cái trí ứng nhau vậy.

LỜI-BÀN a) Lấy cái lẽ hanh-thông làm đúng thời. (Xem lời-bàn ở tiết 1) Quẻ Mông là thời tối-tăm. Tối-tăm mà lại hanh-thông sao được ? Trong nhà thì không yên-ổn, ra đi thì bị ngăn-dừng như thế sao lại gọi là hanh - thông ?

Thưa rằng : Vì sự nguy-hiểm đây ví như mây nước, nay tan mai tụ theo cái vận con người. Nếu làm cho đúng thời của nó mới gọi là hanh-thông được. Như đứa nhỏ chưa học hết vần bắt đọc sao được ? Vậy phải cho nó học chữ cái, chữ con theo trình-độ non-nớt của nó thì sẽ được hanh-thông là ý như vậy ?

b) Câu này đã giảng ở tiết 1 như vậy thì cái trí của Thánh-nhân với trẻ-thơ tối tăm ứng nhau. Chỗ này rõ ràng là Thánh-nhân đây tượng Đạo Trời, trẻ-thơ tượng sự tối-tăm của tâm-hồn người. Tâm-hồn người ta tuy bị cái xác-thịt chi-phối đưa con người vào nhiều đường trụy-lạc tối-tăm vì nhục-dục nhưng tuy vậy bao giờ cũng nhớ đến cái gì thiêng-liêng đã sinh ra nó, tức là trẻ-thơ tối-tăm thật nhưng cái trí nó vẫn ứng với Đạo-lý của Thanh - nhân. Thánh-nhân cũng như một ngọn đèn ban đêm tối mà những con thiêu-thân đằng xa bay lại vậy.

Tiết 4. 初筮告以剛中也。再三瀆。瀆則不告。瀆蒙也。蒙以養正聖功也。

D.A. Sơ phệ cốc dĩ cương trung dã, tái tam độc, độc tắc bất cốc độc mông dã. Mông dĩ dưỡng chính Thánh công dã.

D.N. Mới bói bảo cho lấy cái cứng ở trong vậy, hai ba lần thì nhàm, nhàm thì không
bảo, phiền nhàm tối-tăm vậy. Tối-tăm để nuôi dưỡng sự chính-trực đó là cái Công của bậc Thánh-nhân vậy.

Truyện : Lấy sự thống-nhất cuộc Mông chưa phát ra mà dưỡng cái Chính của nó, đó là cái công của Thánh-nhân.

Họ Trương nói rằng : Đương thời trẻ-thơ, thống-nhất lại không khó, cái nhân-dục chưa khởi lên, Thiên-lý thực còn, người ta ở thời phải che-chở, dưỡng-dục thì được hư-tịnh thống-nhất. Hồn-nhiên Trời thành-thực thí xuống làm ra động-tác, đều là Thiên-lý vậy, không phải là cái công của Thánh-nhân, khởi ở đây ru! Phát ra mà sau cấm đi (Học-lý) thì sự ngăn-cách khó thắng được. Dưỡng Chính trong cuộc Mông là sự Học đến Chí-Thiện.

Sáu Hào quẻ Mông thì 2 dương trị cuộc Mông, 4 Âm đều là chỗ Mông-lung.

Chu-Tử nói rằng : Nếu trong cuộc Mông-muội u-tối, đã tự mình làm sự bất-chính, ngày kia do đâu tụ-hội được cái Thánh-Công ?

B. N. C. H. Lấy thể quẻ đề thích lời quẻ. Hào cửu-nhị lấy cái Đạo có thể hanh-thông được, mở mang sự tối-tăm cho người mà lại được đúng thời, lẽ
nói như những việc ở dưới, đều là dùng Đạo hanh-thông mà theo lẽ nên chăng vậy.

«Trí ứng» nghĩa là Hào Cửu-nhị cứng sáng, Hào Lục-ngũ mềm-tối, cho nên Hào-nhị không tìm Hào-ngũ mà Hào-ngũ tìm Hào-nhị, cái Trí của nó tự-nhiên ứng nhau. «Dĩ Cương Trung» nghĩa là đã cứng lại ở giữa cho nên biết cách dậy-bảo mà có tiết-độ. «Độc» là Nhàm nghĩa là hỏi 2, 3 lần thì kẻ hỏi cố-nhiên là nhàm, mà kẻ bảo cũng nhàm vậy. Trẻ-thơ, đề nói sự chính-đính, tức là cái công làm nên Thánh - nhân, sở-dĩ đề thích nghĩa chữ «Lợi-Trinh».

LỜI-BÀN : Mới đầu thì bói và bảo cho vì lấy cái lẽ có Dương cứng ở cung giữa. Thánh-nhân thấy trẻ-thơ đến, tuy thấy trẻ-thơ nhưng thấy có trí ứng với Đạo-lý, vì thấy nó là Dương ở ngôi chính-trung, vì vậy mới bói bảo cho. Nhưng 2,3, lần hỏi mãi, thì kẻ hỏi cũng nhàm, người bảo cũng nhàm cho nên đó là tối-tăm. Tối-tăm đề nuôi sự chính-đính, phải biết sử sự cho đúng với sự tối-tăm, của trẻ-thơ

cho nên muốn học tầm cao phải qua tầm thấp. Trẻ-thơ phải học theo trẻ-thơ đó là chính đáng. Thánh-nhân ý muốn nói : Việc đời cũng như sự học đều phải theo đúng trình-độ của mình mới giác-ngộ mà thoát ra khỏi sự tối-tăm đó là công của các bậc Thánh-nhân.

Đây Thánh-nhân muốn nói rõ cái ngôi của Đạo-lý, sự Tầm Đạo của bọn tối-tăm và cách-thức học-hỏi để tự-giác rồi mới giác-tha.

Tiết 5. 象曰：山下出泉蒙，君子以果行育德。

D.A. Tượng viết: Sơn hạ xuất tuyền Mông, Quân-Tử dĩ quả hạnh dục-đức.

D.N. Lời Tượng nói rằng: Dưới núi suối chảy là quẻ Mông. Người Quân-Tử lấy đó mà nuôi Đức quả Hạnh.

Truyện: Người Quân-Tử xem Tượng quẻ Mông để tròn cái Hạnh, dưỡng - dục cái Đức-sáng.

B.N.C.H. Suối là nước mới chảy ra, tất-nhiên phải chảy dần dần.

LỜI-BÀN Dưới núi có suối là vẫn giữ cái thể tượng Cấn Núi - Khảm - thủy Thánh - nhân lấy tượng là cái Suối chảy nước là thứ cần-thiết cho muôn loài, mới chảy ra, tức còn non-nớt để tả cái cảnh Mông-lung tối-tăm của lúc sơ-khai. Nước đối
với thể-chất cũng như Đức đối với tâm-hồn của người.

Nước mới chảy ra là nước Suối, như Đức còn mỏng-manh trong thời Mông-lung thì người Quân-Tử dưỡng cái Đức và làm tròn cái Hạnh.

Nước Suối ở dưới Núi, nước Suối không bao giờ ở trên núi được mà Thánh-nhân phải nói **dưới** Núi Suối chảy tức là chỉ rõ sự thanh-khiết và tính-cách của nước đối với núi, cũng như người Quân-Tử bao giờ cũng giữ tròn cái Hạnh dưỡng cái Đức cũng như nước suối chảy dần dần thành Sông và ra Biển cả, Đại-dương.

Đó là cái ý rõ-rệt của Thánh-nhân.

Tiết 6. 初六：發蒙利用刑人。用說桎梏以往吝。

D.A. Sơ-Lục: Phát mông, Lợi-dụng hình nhân, dụng thoát cốc dĩ vàng lẫn.

D.N. Hào Sơ-lục: Mở mang sự tối-tăm, lợi chỗ dùng hình-phạt người, dùng sự thoát gông cùm đề đi thì hối-tiếc.

B.N.C.H. Lấy Âm ở dưới, sự thật là tối-tăm
người xem mà gặp như vậy thì nên mở-mang sự tối-tăm của mình, nhưng cách mở-mang sự tối-tăm đó nên trừng-trị thẳng-thắn mà tạm bỏ nó đề coi về sau, nhược bằng cứ đề mà không chịu bỏ, thì đến phải hổ thẹn hối-tiếc. Đó là khuyên người xem nên như thế vậy.

LỜI-BÀN : Hào Sơ-lục là hào Âm ở ngôi dương, ngôi dưới quẻ dưới. Âm là chỉ sự tối-tăm ở ngôi dưới thì sự tối-tăm đến cực-điểm. Thánh-nhân khuyên rằng : lợi dùng sự hình-phát người, đề mở - mang trí - tuệ khỏi sự tối - tăm. Sao Thánh-nhân lại khuyên dùng hình-phạt ? mà sao không khuyên học-hỏi đề mở-mang trí-tuệ, diệt bỏ sự tối-tăm ? Hình-phạt tức là-chính-pháp, mà chính-pháp đề trị cả một nước.

Chính-pháp là những luật-lệ:
— Đối với xác-thịt gọi là hình-phạt,
— Đối với tinh-thần là giáo-dục, đức-dục.

Hình-phạt: đây là những sự-phạt thân-xác theo luật-lệ. Hình-phạt theo về thể-chất, giáo-hóa theo về tinh-thần.

Thánh-nhân muốn nói đây, vì Hào Âm ở dưới, sự tối-tăm đến cực-điểm. Vậy muốn mở-mang trí-tuệ
trong sự tối-tăm cực-điểm đầy rẫy Âm-u, thì phải lấy sự giáo-hóa thể-chất bằng hình-phạt vì ngôi nó mới là sơ-khởi hãy còn non-nớt, còn có thể uốn-nắn được.

Cái thể còn là thể Âm, thể-chất phải gọt rửa sau mới đến sự giáo-hóa về tâm-linh, chữ hình-phạt dùng ở đây để tả rõ cái thể của Hào Âm ở dưới.

Gông-cùm đây là một hình-phạt chói buộc chân tay con người. Câu «**thoát gông-cùm**» để đi thì hối-tiếc, nghĩa là cùm giữ chân không cho đi, gông giữ tay không cho cử-động, có ý răn người khi còn ngu-dại, hãy còn trong vận bĩ không nên đi đâu hay làm công-việc gì, nếu trái lại sẽ nguy-hiểm vì đây là dưới quẻ Khảm, là quẻ ở trong, tức là ở trong có sự hiểm-nghèo, vì vậy có lời răn là dùng sự thoát gông-cùm mà đi thì hối-tiếc, thoát sự ràng buộc mà tự-động trong nơi hiểm-nghèo sẽ bị nguy-hiểm, lúc đó sẽ hối-tiếc. Dùng Hình-phạt là vì cuộc Mông mới sơ khởi còn non. Như dậy trẻ phải dùng roi vọt vì nó chưa có đủ Trí để theo nhời giáo-huấn, răn-dậy, nên ta có câu: «Thương con thì cho roi cho vọt» là ý ấy vậy.

Tiết 7. 象曰：利用刑人。以正法也。

D.A. Tượng viết: Lợi dụng hình-nhân, dĩ chính pháp dã.

D.N. Lời Tượng nói rằng: Lợi-dụng hình-phạt người, đó là chính pháp vậy.

Truyện. Hào Sơ là Âm ám ở dưới là cuộc Mông của thứ dân. Phát từ cuộc Mông của thứ dân, nên làm rõ hình cấm để bảo răn, khiến nó biết sợ rồi sau dậy theo đường Đạo-lý.

Từ xưa bậc Thánh-Vương trị dân, lập ra hình-phạt để giúp dân-chúng. Rõ được sự giáo-hóa để cải thiện phong-tục. Hình-phạt đã lập sau thi-hành cách giáo-hóa, chỉ có Thánh nhân chuộng Đức không chuộng hình, cũng chưa đủ để bỏ hình, nên làm chính-trị phải lập-pháp trước để trị lúc đầu cuộc Mông, lấy hình để ra oai, là cốt để bỏ sự gông-cùm, không bỏ gông cùm đi mà dậy-dỗ thì điều-thiện không đến, lấy Hình Cấm hợp lại, khiến không cảm bỏ lòng ham muốn trong thời hôn Mông, sau rồi dần dần năng biết Đạo-Thiện mà thay-đổi cái Phi-Tâm ấy, thì có thể thay phong đổi tục vậy. Nếu chuyên dùng hình
để trị dân mà bỏ sự vô-sỉ mà hóa-trị thì không thể thành được, nên đi thì có thể lỗi.

Phép của Chính-sự là khiến dân, do dân, dần dần đến chỗ Hóa. Hoặc ngờ chỗ bắt đầu phát thời Mông, căn-cứ vào sự dùng hình-phạt người, không ở chỗ không dậy mà giết đi ư ! Không biết lập-pháp chế-hình sở-dĩ để dạy-dỗ dân, bởi vì sau sự luận hình mà không biết lấy sự giáo-hóa trở lại dậy dân.

Họ Dương nói rằng: Mông là Vô-tri, dậy nó mà không hiểu, dẫn-giải cho mà luôn luôn trái lại, không phải lấy hình ra oai, thì không thường theo vậy.

Học-Ký nói : Hạ Sở dùng hai thứ đó (Hình-Phạt) để thu lấy cái oai cho mình.

Thư (Thuấn-Điển) nói: Cái «**Gậy**» để dậy, là Hình vậy.

Họ Vương nói rằng: Cấm từ lúc chưa phát ra gọi là Dự. (Học-Ký).

Thư (Y - Huấn): Chế Quan - Hình (Nhà Thương) lập ra ngôi thứ, dùng để dậy Kẻ-sĩ mông-lung u-tối chính là Kẻ-sĩ tối-tăm vậy.

Họ Hồ nói rằng: Rút lời răn mà tật xấu
phải đi; không biết khinh-nhờn thì lấy đức khoan-hồng mà dậy.

B.N.C.H : Lúc mới mở-mang sự mông-lung thì Pháp-luật không có thể không chính được. Trừng-giới là cốt để cho Pháp-luật được chính-thức vậy.

LỜI-BÀN : Hình-phạt là thể-chất của Pháp-luật, Pháp-luật là khí, là hồn mà Hình-phạt là thể, là xác. Vậy dùng hình-phạt là để cho Pháp-luật được chính-thức, mà muốn hiểu Pháp-luật thì phải coi hình-phạt, người ta từ cái nguyên tử nhỏ-tí mới sơ-sinh cũng phải tuân-theo những Pháp-luật thiêng-liêng của Tạo-hóa. Ngoài những chính-pháp mà một nước đặt ra để trị dân, ta còn phải tuân theo bao-nhiêu đạo-luật thiêng-liêng mà ta gọi là «tiền oan nghiệp chướng» hay là «số-mệnh» Trời ban cho, ví như luật nhân-quả, luật luân-hồi của đạo Phật, luật tiền-kiếp, luật nhân-duyên v.v...

Như ở Hào sơ-lục này là lúc người ta còn tối-tăm vì vậy Thánh-nhân nói đến hình-phạt để làm tỏ rõ chính-pháp vậy.

Tiết 8. 九二：包蒙吉。納婦吉，子克家。

D.A. Cửu-nhị: Bao mông cát. Nạp phụ cát, Tử khắc gia.

D.N. Hào cửu-nhị: Bao dong sự tối-tăm tốt. Nộp đàn-bà tốt. Con lấy lại nhà.

B.N.C H. Hào cửu-nhị lấy dương cương làm chủ quẻ trong, cai-quản các Hào-Âm, người gánh-vác nhiệm-vụ mở-mang kẻ tối-tăm, nhưng chỗ trị đã rộng mà tính-tình loài người không đến, không có thể một mực lấy tất cả mà quyết-định. Đức Hào ấy cứng mà không thái-quá, tức là cái Tượng có thể bao-dong vả lại nó là dương để hút Âm, đó là cái Tượng nộp đàn-bà, lại ở ngôi dưới mà có trách-nhiệm công-việc ở trên, tức là cái Tượng người con lấy lại được nhà, cho nên người có cái Đức ấy mà gánh được việc ấy thì nên như thế thì tốt.

LỜI-BÀN : Chỗ này lại càng tỏ-rõ lấy Hào cửu-nhị là «Ta», mà Hào lục-ngũ là «Trẻ-thơ» lại càng đúng vậy, Hào Sơ - lục thì nói mở-mang sự tối-tăm bằng Hình-phạt người thì lợi, mà Hào cửu-nhị lại nói : bao-dong sự tối-tăm thì tốt tức là có sự thu-hút của dương-minh ở Hào hai với cái Âm tối ở Hào lục-ngũ.

— Thánh-nhân dùng những chữ mà ta không thể tưởng-tượng được cái ý-nghĩa uyển-chuyển ở trong, ta có thể nói được là những chữ dùng cũng
hình-dung như luật của Dịch-lý.. Như có ai hỏi ta về pháp chính thì xin đáp rằng : Phàm về Pháp-chính thì có 3 thứ :

1°/ Hình-phạt — 2° Bao-dong — 3° Thưởng-lạo.

1°/ Hình-phạt : như ở Hào sơ-lục là để gọt rửa khuyên-răn kẻ ngu-tối rồi sau mới có thể giáo-hóa cho họ được, sự ngu-dốt quá mà lấy đức khoan-dung hiền-từ thì không thể mở-mang sự tối-tăm. Hình-phạt là trạng-thái dưới nhất của hình-pháp.

2°/ Bao-dung : là trạng-Thái trung-dung của hình-pháp, nó ở thời-kỳ trên sự hình-phạt và dưới sự thưởng-lạo. Bao-dung nghĩa là rộng-rãi

tha-thứ cho kẻ có lỗi, nhưng Thánh-nhân nói đây ở Hào - hai, là Hào - Dương ở ngôi Âm được trung - chính, tượng kẻ sáng-suốt. Phàm những kẻ ngu-tối thì dùng đến Hình-phạt mới công-hiệu vì thân họ cũng như có cái vỏ-dầy bao-phủ ánh-sáng không thể nhuần-thấm vào được. Còn những hạng đã hiểu-biết, có học có trí, nếu có lầm-lỗi nên bao-dung thì tốt. Vì Hình-phạt, đối với họ là quá đáng, có vẻ tàn-nhẫn. Như thế là Thánh-
nhân dùng hình-phạt hay bao dung, hay thưởng-lạo tùy từng lúc cho đúng.

3/ Thưởng-lạo là để thưởng người có công đó là phúc-lành tốt-đẹp của pháp-chính, tức là trái hẳn lại với sự Hình-phạt nó là trạng-thái trên của Hình-phạt.

Bao-dung cho hạng tối-tăm thì sẽ hối-tiếc (tiết 6 có nói) là vì hạng nầy ngu-suẩn có khi bao-dung vì lòng nhân tưởng đâu là sợ mà cứ làm càn nữa, hóa cho nên mới có sự hối-tiếc.

Hồi xưa đời Văn-Vương, không có nhà tù, bắt được kẻ giết người muốn giam-cầm thì vẽ một vòng tròn ở đường và giam trong đó, như vậy tỏ rằng đời xưa với một Minh-quân, với một dân-tộc chất-phác sự hình-phạt giam-cầm sơ sài mà dân không trái phép. Đó ta thấy cái đức đấng Nhân-quân càng lớn bao nhiêu, dân-trí càng chân - thật bao nhiêu, thì pháp-chính lại càng sơ sài bấy nhiêu. Không như thời bây giờ càng văn-minh bao nhiêu, nhân-loại mà các nhà Bác-học gọi là «Tiến» bao nhiêu thì các ngục giam-cầm càng phải dầy cao bấy nhiêu.

Ôi! mỉa mai thay !

«Nộp đàn bà thì tốt» : Câu nầy theo nghĩa của Vật-lý-học mà giảng «những luồng-điện tên khác
nhau thì hút nhau» như vậy ở đây dương ở chính giữa quẻ trong có tính-cách hút âm. Âm tượng đàn-bà vì vậy nói nộp đàn-bà thì tốt.

Hào cửu-nhị có dương ở chính giữa thì dương được làm chủ 4 quẻ. Trong tức là đứa con lấy lại được nhà. Quẻ trong tượng là trong nhà

là quẻ Khảm ở trong tức là trong nhà không được yên-ổn mà đứa con lấy lại được sự an-ninh cho nhà ra khỏi chỗ hiểm-nghèo là ý ấy vậy. Tượng là con sao không Tượng là cha là cớ làm sao ?

Vì lẽ :

1/ Đây là quẻ Mông là trẻ-thơ trong lúc tối-tăm Thánh-nhân nói ra vậy là để ý đến trẻ-thơ lấy trẻ-thơ làm đề-thuyết, là dương sáng. Hào hai chính ứng với hào lục-ngũ tối-tăm nhờ sự chính ứng ấy nên được sáng-soi, ở vững được ngôi tôn-quí nên ý nói là tuy ở ngôi Vua còn nhỏ dại như trẻ thơ mà được bực Thánh-nhân ứng lên phù-giúp thì giữ được nhà được nước, như Khương - tử - Nha phò Vũ-Vương còn thơ-ấu để hưng Châu diệt Trụ như Triệu-tử-Long phò Ả-Đầu trong trận Đương-Dương Trường-bản vậy.

Tiết Tiết 9. 象曰：子克家。剛柔接也

D.A. Tượng viết: Tử khắc gia, cương nhu tiếp dã.

Dịch-nghĩa: D. N. Lời Tượng nói rằng : Con lấy lại nhà, cứng mềm tiếp nhau vậy.

Truyện: Hào 2 có cái tài cứng sáng, cùng hào lục-ngũ là Vua tương ứng là kẻ đương thời có trách-nhiệm. Ắt đức bao-dung của nó rộng - lớn cho những kẻ căng-quả hôn - ngu. Tuy là cái tối-tăm của đàn bà, cũng mong nên được chỗ Thiện ấy, như Nghiêu Thuấn là Thánh trong Thiên-hạ không ai bằng. Mong rằng : Thanh-vấn (hỏi ngọt ngào) hạ-dân (Lã-hình), lấy người gốc là Thiện (Mạnh-Tử). Hai cách trên đều là sự bao-nạp thì được sự giúp đỡ thờ Vua, cũng như vì con cái mới sửa trị nhà.

Họ Dương nói rằng : Tôi thờ Vua như Con thờ Cha. Về chính-sự đến chỗ Tôi thờ Vua như Y, Châu là đạo tôi con, phân-phối công-việc như sửa trị nhà cho con, không kể là công vậy.

B. N. C. H. Đây là chỉ hào hai hào năm ứng nhau.

LỜI-BÀN: «Cứng tiếp mềm», Hào nầy ở trên tiết 3 đã nói trẻ-thơ cầu ta là nó có cái Trí ứng với ta. Hào hai có dương cứng, hào năm có âm mềm, hai hào ứng nhau liên-tiếp vì vậy nói cứng tiếp mềm. Theo Vật-lý-học: thì trong khi tối-tăm có hai luồng-điện âm và dương ứng nhau liên-tiếp thì sẽ bật ánh-sáng ra nhờ sự ứng đối hào 5 với hào 2 mà trẻ-thơ trí-tuệ tối-tăm sẽ được sáng-suốt dần dần.

Trẻ-thơ có trí đi tìm Thánh-hiền để học-hỏi, Trí-tuệ nhờ ở sự ứng đối đó mà thành sáng-suốt sau sẽ đạt được Đạo-lý để lấy lại được cái nền-nếp của nhà theo luật-định của Tạo-hóa, chỗ nầy Thánh-nhân có ý nói : nhà nó trong khi đang hiểm-nghèo nghiêng-đổ về tâm-linh chẳng khác gì như đời bây giờ nền Đạo-lý của mình hầu suy-sụp gọi là nhà đây tức là cái gì chính của mình che chở mình và bao-trùm mình, còn có ý-nghĩa thần-linh là những ánh-sáng thiêng-liêng của Trời-Đất kết-tụ thành linh - khí ở chung-quanh mình, hộ-trợ và bao-bọc mình. Trẻ-thơ biết đi tìm Đạo-lý là trẻ-thơ có thể lấy lại được sự an-ninh tốt-đẹp cho nhà nó hầu suy-sụp theo :

a) Vật-chất thí tường long, móng lở, dầm nát ngói tan.

b) Tinh-thần thì cái linh-khí đen-tối bởi nhục-dục và con ma si-ngốc vậy.

Tiết Tiết 10. 六三：勿用取女，見金夫，不有躬无攸利。

D. A. Lục-tam : Vật dụng thú nữ, kiễn kim phu, bất hữu cung, vô du lợi.

D. N. Hào lục - tam : chớ dùng lấy con gái, thấy chồng vàng không có mình, không lợi ấy.

B.N.C.H. Hào «lục-tam» là hào âm nhu không trung không chính, ấy là cái Tượng con gái trông thấy chồng vàng giàu-có mà không thể giữ được thân mình. Người xem mà gặp hào nầy nếu hắn lấy vợ thì tất được người như thế, không có chỗ nào lợi cả. Chồng vàng tức là người đàn-ông lấy vàng đút cho mình mà trêu-cợt mình như việc làm của chàng Thu-Hồ nước Lỗ.

LỜI-BÀN : Hào lục-tam hào âm ở ngôi dương hào trên của quẻ dưới, người đàn-bà thích ở ngôi thứ của đàn-ông là người đàn-bà không trung-chính. Không trung-chính lại ở quẻ Mông tối-tăm thì có nhiều điều hại và thứ nhất lại ở hào trên quẻ Khảm đứng treo-leo trên sự hiểm-nghèo, động sơ sơ là bị hại bị nguy ngay vậy. «Trông thấy chồng vàng giàu có mà quên cả mình».

Chồng vàng. Chồng đây chỉ hào cửu-nhị dương cứng tượng là Kiền, Kiền là thể kim nên gọi là vàng, vật quý, lại ở ngôi trung-chính thì nhiều vàng, là giàu-có. Ở quẻ dưới Khảm, một dương cứng ở giữa hút âm mềm, có ý-nghĩa là chồng giàu-có, lấy vàng làm mê-hoặc con gái. Người con gái thấy vàng quên cả mình, là người con gái không trung-chính, như vậy là Tượng hào âm ở ngôi dương đã nói ở trên.

Hóa cho nên Thánh-nhân nói đến sự nguy-hiểm của người con gái như vậy, để Tượng quẻ Khảm ở dưới, và khuyên chớ lấy hạng đàn-bà đó, để Tượng sự ngưng chỉ của quẻ Cấn ở trên.

Tiết Tiết 11. 象曰：勿用取女。行不順也。

D. A. Tượng viết: vật dụng thú nữ, hạnh bất thuận dá.

D. N. Lời Tượng nói rằng : Chớ dùng lấy gái, nết không thuận vậy.

B.N.C.H. Chữ «thuận» 順 nên thay làm chữ «thận» 慎 là cẩn-thận. Chỉ có chữ 順 «thuận» và chữ

慎 «thận» vẫn dùng lẫn lộn nhau. Tuân-Trí lấy chữ 順 墨 (thuận mặc) làm 慎 墨 (thận mặc: cẩn-thận mực) vả lại «nết không cẩn-thận» với ý trong Kinh càng sát ý, bây giờ nên theo vậy.

LỜI-BÀN : Đây Thánh-nhân có ý ngăn theo đức quẻ **Cấn** ở trên. «Nết không thuận» trên đây Chu-Hi nói là «thận» «như vậy là cái nết» không cẩn-thận. **Cẩn-thận** và thuận-theo hai nghĩa khác nhau xa lắm. **Cẩn-thận** tức là cái tính để cái nào vào chỗ ấy, làm gì phải suy-xét đắn đo.

Thuận theo tập-quán xã-hội, theo định-luật của Tạo-hóa, là thuận.

Đây muốn nói: Người con gái ở chỗ nầy có cái nết không **thuận** thì đúng hơn, vì rằng ;

1/ Không thuận theo tập-quán xã-hội vì theo luân-lý ở Á-Đông ta thì trai, gái phải phân-biệt không được lẫn-lộn mà đây người con gái (hào âm) lại chà-chộn ở chỗ người con trai (ngôi dương) đó là một điều không thuận.

2/ Hào âm ở ngôi trên, là con gái ở **ngôi trên** mà chồng ở **ngôi dưới** chỉ vì có nhiều tiền mà làm cho người đàn-bà **tối-tăm** quên cả mình như vậy là đi ngược Đạo-lý, đó là hai điều không thuận. Vì vậy Thánh-nhân nói: nết không **thuận** là lẽ ấy vậy.

Tiết Tiết 12. 六四：困蒙吝。

D. A. Lục-tứ: Khổn Mông lẫn.

D. N. Hào Lục-tứ : Khốn về sự Tối-tăm, hối tiếc.

B.N.C.H. Đã ở xa hào dương, lại không có hào chính-ứng, đó là sự khốn-đốn về sự tối-tăm kẻ chiếm được lời tượng như vậy có thể hối thẹn vậy. Biết tìm cái đức cứng sáng mà gần-gũi nó thì có thể miễn được sự hối thẹn hay khốn-cùng ấy.

LỜI-BÀN : Hào lục-tứ là Hào âm ở ngôi âm lại trong quẻ tối-tăm tức là tối-tăm quá sự tưởng-tượng, tối tăm như vậy lại không được

ai soi dẫn cho, không có cái gì ứng đáp với, thì sự nguy-khốn của sự tối-tăm đó to lớn vậy. Thực đáng hối thẹn. Nhưng theo cái ngôi nó ở quẻ Cấn thì chỉ nên yên lặng, cử-chỉ, ngôn-ngữ nên ngừng lại, đừng khoe khôn, tranh khéo đừng bàn ra tán vào thì lo gì mà không tránh được sự hối thẹn.

Hào-tư âm ở ngôi âm trong cuộc Mông-lung tức là lúc cực tối, vừa thoát ra khỏi sự hiểm-hại, mới vào đến lúc đầu quẻ Cấn chỉ, không có hào dương sáng làm chính-ứng, có hào sơ-lục ứng với nó cũng là thể âm, ở giữa hào 3 và 5 đều là âm cả thật là tối
như đêm dầy như Đất mà lại ở thời Mông đã lớn, nên mới tượng như thế.

Tiết Tiết 13. 象曰：困蒙之吝。獨遠實也。

D. A. Tượng viết: Khốn Mông chi lẫn, độc diện thực dá.

D. N. Lời Tượng nói rằng : Cái lỗi khốn về sự tối-tăm, một mình xa sự thật vậy.

LỜI-BÀN : «Sự thực» ở đây là cái sáng-suốt của dương. Như trên đã nói Hào lục-tứ: đã tối-tăm cùng-cực mà không có người ứng và lại xa cái ánh-sáng của dương. Chỉ vì **một mình** trong cõi tăm-tối thật là nguy-khốn.

Hào Tư đã qua quẻ Khảm dưới, tượng hiểm-hại, mà lại còn nói đến sự khốn-cùng là vì Thánh-nhân muốn răn người đã lớn trong cuộc tối-tăm cực-điểm không phân-biệt được thực hư, phải quấy, cho nên mới nói đến sự lỗi khốn-cùng về sự tối-tăm.

Tiết Tiết 14. 六五：童蒙吉。

D. A. Lục-ngũ: Đồng Mông cát.

D. N. Hào Lục-ngũ : Trẻ-thơ tối-tăm tốt.

Họ Dương nói rằng : Hào Ngũ ở ngôi tôn-quí mà xuống cầu Thần-tử là hào hai, lấy con trẻ tự ở đấy nên tốt (đủ để trị Thiên-hạ trong thời Mông). Như Vua Thang xuống cầu Y-Doãn, Cao-Tông xuống cầu Truyền-Duyệt để học-hỏi mà sau dùng làm Bầy-tôi là do Đạo ấy vậy.

B.N.C.H. Hào mềm ở giữa nhằm ngôi tôn-quí, dưới ứng nhau với hào cửu-nhị là hào thống-nhất tất cả mà chưa phát để nghe ở người cho nên cái Tượng nó là trẻ-thơ tối-tăm, mà nhờ chiếm như thế là tốt.

LỜI-BÀN: Hào Lục-ngũ là hào âm ở ngôi tôn-quí, cũng như Vua không được minh-mẫn, ngu-độn như trẻ-thơ trong lúc tối-tăm mà biết ứng lên hỏi bậc Thánh nhân như vậy thì tốt, hào lục-ngũ có hào cửu-nhị ứng. Vì vậy trẻ-thơ đương lúc còn non-nớt thì tình-cảm, tâm-hồn hãy còn như một tấm gương mới chưa có dấu vết. Tuy chỉ có sự mờ-ám bao-phủ. Lúc còn thơ-ấu mà gần bậc Thánh-nhân, học được cái đức đó là tốt. Sách Tam-tự-kinh có câu «nhân chi sơ, tính bản thiện» như vậy cái gốc lúc sơ sinh của con người là Thiện chỉ vì sau này
tiêm-nhiễm theo cuộc đời «gần mực thì đen, gần đèn thì sáng» hay «ở bầu thì tròn, ở ống thì dài» mà con người thay-đổi theo thời-cuộc, theo cảnh-hóa, khí-hóa, phong-hóa vân vân... cho nên Thánh-nhân nhắc lại tuy trong sự tối-tăm, ở quẻ Mông mà trẻ-thơ trong lúc tối-tăm biết tìm tới ta thì tốt-lành vậy.

Tiết 15. 象曰：童蒙之吉。順以巽也。

D. A. Tượng viết : Đồng Mông chi cát. Thuận dĩ tốn dã.

D. N. Lời Tượng nói rằng : Sự tốt của trẻ thơ, thuận đề nhũn vậy.

LỜI-BÀN: Chữ «thuận» đã giải ở trên. Chữ «nhũn» nghĩa là không ỷ tài mình, ngôi mình, thể của mình mà kiêu-căng, khinh kẻ không

bằng mình, biết lưu tâm xuống kẻ dưới và có khi đãi bằng mình, có khi hơn mình, tùy trường hợp. **Nhũn** có nghĩa là lăn vào đâu cũng được nhưng một cách chính-đính ta thường ví «nhũn như chi chi» (hột chi chi rất nhẵn) ở hào nầy Thánh-nhân muốn nói ở ngôi tôn-quí hạ mình xuống để tìm sự **sáng-suốt** đó là **thuận.** Hào hai là dương cứng tiến lên với hào lục
ngũ là âm mềm ở ngôi tôn-quí mà đi cầu xuống bậc Hiền-tài ở dưới mình là nhũn-nhặn thuận theo Thiên-lý.

Như Văn-Vương trong thời mông-hung diệt Trụ hưng Châu, hạ mình xuống cầu Khương-tử-Nha ở sông Vị, như Lưu-huyền-Đức phải «Tam cố thảo lư» để cầu Gia-cát-Lượng. Lấy sự nhún-nhường để cầu Hiền, thì người Hiền không lấy sự tài-năng đức-độ làm kiêu thuận theo về mà phò-tá bậc Thánh-quân là ý ấy vậy.

Tiết 16. 上九：擊蒙不利爲寇利禦寇。

D. A. Thượng cữu: Kích Mông bất lợi vi khấu, lợi ngự khấu.

D. N. Hào Thượng-cửu : Đánh kẻ tối-tăm không lợi cho kẻ làm giặc, lợi cho sự ngăn chống giặc.

Truyện : Hào dương ở ngôi trót cùng quẻ Mông là người ngu-dốt mông-lung đến cùng-cực, làm giặc loạn là kẻ tự-nhiên phải giết đi. Hào ở ngôi thượng-cửu cứng cực mà không giữa nên răn làm giặc không lợi, trị người trong thời Mông, tức
như ngăn giặc. Thả lỏng sự tham-ô bạo-tàn là giặc. Nên có sự tảo thanh ở trong rồi sau mới có sự chinh-phạt của Vua Thuấn, sự giết ba nội-giám của Châu-Công là cốt để ngăn giặc vậy.

Chu-tử nói rằng : Bói được hào nầy phàm sự việc không nên quá đáng, như Y-Xuyên lại làm thuyết Dụng-binh. Chỉ nên làm một việc mà dùng được, không nên nói đây bỏ đó, bỏ việc đi thì không thờ được người trên.

B.N.C.H. Lấy dương cứng ở ngôi trên cùng để trị sự tối-tăm quá ngặt cho nên là tượng đánh kẻ tối-tăm nhưng lấy tất cả sự thái-quá công-trị ngặt quá thì ắt trở lại làm hại. Tuy có ngăn sự cám-dỗ bên ngoài để làm cho được hoàn-toàn cái tính chân-thật thuần-túy ấy, thì dù có quá nghiêm-mật cũng là hợp lẽ nên chăng, cho nên mới răn kẻ xem như thế. Phàm việc gì cũng vậy không phải chỉ một việc dụng người mà thôi.

LỜI-BÀN: Hào nầy là hào dương cứng ở ngôi thứ 6 là ngôi trên cùng của (quẻ Mông) sự tối-tăm. Dương cứng ở ngôi trên là dương thái-quá, dương thái-quá để trị sự tối-tăm cho nên tượng là sự đánh kẻ tối-tăm.

«Làm giặc» : là đi đánh người cướp của không
theo Đạo-lý, cưỡng-bách dân lành gọi là làm giặc, như vậy làm giặc là tượng sự tối-tăm, như trong người sự tối-tăm của nhục-dục là giặc đối với ta, sự ngu-độn là giặc dốt vậy. Đánh sự tối-tăm là ngăn-cản, theo thân-xác ta là mở đường trí-tuệ, gọt bỏ những sự ham-muốn vô nghĩa của nhục-dục. Như vậy thì lợi cho đức-tính và tâm-hồn người, Thánh-nhân nói là lợi cho sự ngăn-cản giặc, đã lợi cho sự ngăn-cản giặc ắt không lợi cho sự làm giặc. Mình nghiêm-khắc đối với mình thì những sự xấu xa, đàng điếm, tham-tàn của ngũ-quan, của thân-xác không thể làm giặc xâm-chiếm cái trí-tuệ, cái lòng quả-cảm của mình được.

Tiết 17. 象曰：利用禦寇。上下順也。

D. A. Tượng viết: lợi dụng ngự khấu, thượng hạ thuận dã.

D. N. Lời Tượng nói rằng : lợi về sự chống giặc, trên dưới thuận vậy.

B.N.C.H. Ngăn-cấm giặc bằng sự cứng-cỏi ở trên, người trên kẻ dưới đều được cái Đạo của mình.

LỜI-BÀN: Đạo Phật có nói đến lục căn, tức

là lục tặc (nhãn, nhĩ, ty, thiệt, thân, ý) mắt, tai, mũi, lưỡi thân ý của người, đó là sáu thằng giặc ghê-gớm của con người, nó còn ghê-gớm hơn bọn giặc đến cướp của ta, vì nó không những làm cho ta hết của cải, khuynh-gia bại-sản, vì sự ham-muốn của nó, nó lại giắt dủ ta vào cõi âm-u mờ-tối, vào trong vòng tội-lỗi khốn-nguy, chính những thằng giặc đó còn ghê-sợ hơn là một đạo quân biết ăn thịt người, có súng đạn hẳn hòi. Vì vậy đức Phật-tổ mới răn đồ-đệ bằng Tam-quy ngũ-giới, đó là những khí-giới bén sắc công-hiệu để diệt trừ 6 thằng giặc đó.

Ở đây hào thượng-lục có dương ứng sự đánh dẹp sự tối-tăm nếu mọi người lấy hào nầy làm Tượng thì sẽ tu sửa được tâm mình chẳng nhiễm điều ô-trọc, rửa sạch lòng trần nhục-dục hết căn lục tặc không còn gì mà quấy-nhiễu ta nữa, lúc đó trí-tuệ sẽ lần lần lên chỗ quang-minh nhiễm mầu Đạo-đức và đi tới cái Đạo-lý cao-siêu. Đã tới nơi quang-minh thì người ta trên dưới đều được thuận lẽ Trời mà thi-hành Đạo-đức vậy.

Mông Quái Tổng-Luận

Sau cuộc gian-chuân thì đến thời Mông-lung. Xét quẻ Mông ở trên gồm có ba Đức: Hanh, Lợi Trinh mà không nói Nguyên. Trong tượng lại nói đến trẻ-thơ u-tối tìm ta, chẳng phải ta tìm trẻ-thơ :

Trong 5 hào đều có tượng kẻ tối-tăm, mà hào lục-tam thì chớ dùng lấy gái, thấy chồng vàng không có mình không lợi ấy. Hào-từ ở trên đủ tả cái cuộc Mông-lung tăm-tối, như trong nước đang trải qua cuộc tối-tăm mông-lung, người Hiền ẩn-náu trong Thiên-hạ nhà nhà trải qua những cảnh ba-đào, khổ-cực, chân-chuyên, Vua thì nhỏ dại hôn mê, cảnh đời xáo trộn phong-hóa suy-đồi. Duy chỉ có bậc Thánh-quân biết cầu Hiền ra cùng trung gánh-vác giang-sơn siêu-đổ, như Lưu-huyền-Đức nghe tiếng Khổng-Minh là người Hiền, phải

«tam cố thảo lư» để cầu, như Văn-Vương thân hành ra bờ Sông Vị cầu Khương-Tử. Như Bái-Công phải đăng-đàn bái-tướng mà phong Hàn-tín lên làm Súy.

Xét như vậy thì trong cuộc tối-tăm mông-lung mà Thánh-nhân vẫn để tượng có 3 Đức chính là Hanh, Lợi, Trinh, tuy trong thời Mông mà vẫn có thể Hanh được là ở cái Đức nhún-nhường của người tôn-quí, bậc trên cao như Vua trong Thiên-hạ, biết nhún-nhường tức là có cái đức để đi đến sự hanh-thông.

Trong cảnh-vật tối-tăm mà còn biết nhún-nhường xuống dưới để cầu người Hiền như vậy khả dĩ có thể tự-cứu và cứu được cả cho Thiên-hạ ra ngoài cuộc Mông vậy. Cái đức nhún-nhường là cái đức của Nước, nước thì lúc nào cũng chảy xuống chỗ thấp, nước nuôi dưỡng muôn loài mà không bao giờ kể công khó. Cho nên trong thời mông-lung bậc Trí, người Hiền ẩn-náu đi mà chờ người đến cầu.

Được người Hiền trong thời Mông cũng ví như kiếm được ngọn đèn trong đêm tối, soi rõ lối đi mà dẫn-dắt muôn dân cho nên nói là Hanh-thông. Việc đã lưu-loát hanh-thông mà lại được chính-bền thì gì mà không lợi. Nên Thánh-nhân nói là Hanh Lợi Trinh; khi cầu được người Hiền như Văn-Vương cầu được Khương-tử phò giúp cả đời Vũ-Vương nổi nghiệp cha hưng Châu diệt Trụ giết kẻ hôn-quân đưa Thiên-hạ đến chỗ Thái-bình Thịnh-trị.

Mỗi hào tuy có tượng sự tối-tăm, nhưng tùy theo từng hào, từng thời-gian mà nói, như:
Hào Sơ-lục: **mở-mang sự tối-tăm.**
— Cửu-nhị: **bao-dung sự tối-tăm.**
— Lục-tam: **chớ dùng lấy gái** (thuộc âm tối).
— Lục-tứ: **khốn về sự tối-tăm.**
— Lục-ngũ: **Trẻ-thơ tối-tăm, tiếc.**
Thượng-cửu: **đánh kẻ tối-tăm.**

Xem cho kỹ thì từ sự **mở-mang** đến sự **bao-dung**, đến thời **chớ dùng** đến lúc bị **khốn**, đến lúc **trẻ-thơ tối-tăm** thì **hối-tiếc**, sau rốt

đến **đánh kẻ tối-tăm**. Thánh-nhân tùy thời dụng tượng. Cho nên Học-giả phải tùy sự vật mà nghiệm xét từ nhỏ đến lớn, từ ít đến nhiều thì không sai vậy.

需 THỦY THIÊN NHU - 5

Khảm trên ☵
Kiền dưới ☰

NHU 6 1

Tiết 1. 需有孚光亨貞吉，利涉大川。

D.A. Nhu hữu phu, quang Hanh, Trinh cát, lợi thiệp đại xuyên.

D.N. Quẻ Nhu, có Đức Tín, sáng-suốt hanh-thông trinh-bền tốt, lợi qua sông lớn.

B.N.C.H. Nhu nghĩa là chờ-đợi, lấy quẻ Kiền gặp quẻ Khảm, Kiền mạnh Khảm hiểm, sức cứng mạnh gặp nơi hiểm mà không vội tiến để hãm ở trong chỗ hiểm đó, là cái nghĩa chờ-đợi vậy. «Phu» là có Đức Tín ở trong, quẻ này hào cửu-ngũ, lấy thể quẻ Khảm ở giữa là «thực» hào dương cứng ở chính giữa mà ngôi tôn-quí tức là cái tượng «có Đức Tín được ngôi chính». Quẻ Khảm tượng là nước ở đàng trước, Kiền mạnh tới nó, ấy là cái tượng sắp qua sông lớn mà không tiến một cách khinh thường, cho nên người xem, nếu có sự chờ-đợi mà hay có lòng tin thì sẽ được sáng-láng và hanh-thông, nếu lại được chính-đính thì tốt mà lợi về sự qua sông lớn; chính-bền thì không có chỗ
nào là không lợi mà sự qua sông lại càng quí ở sự chờ-đợi đó là không muốn mau (dục tốc bất đạt) mà phạm vào nơi hoạn-nạn.

LỜI-BÀN : Chữ «Nhu» trên có chữ 雨 Vũ là mưa, dưới có chữ 而 là của mày. Tóm nghĩa hai chữ là mưa của mày. Mưa là Tượng của

quẻ Khảm. «Của mày» là có ý nghĩa của muôn vật mà quẻ Kiền ☰ quẻ có ba chấm dương, dương thì sáng vì vậy ở trong kinh Dzyan thi-tiết V tiết 2 có nói : hằng-hà xa số tia-sáng tức là những **nguyên-tử**. Nghĩa là những tia-sáng hay nguyên-tử tượng là quẻ Kiền cho nên trên có quẻ Khảm dưới có quẻ Kiền gọi là Nhu.

Nói : «Cái này của mày» «Cái kia của mày» thì có lòng tin trong đó rồi. Vì có phải của nó thì mới gọi được là «của mày» không phải của nó sao gọi được «Của mày». Chữ Nhu bao-hàm cái nghĩa đầy thiêng-liêng ban cho muôn vật nước để mà sống và nói rằng : «đây là nước của mày», là có ý mới được ban mà chưa được nhận, vậy phải chờ để bộc-lộ cái ý-nghĩa chữ Nhu là chờ-đợi. Đó là phỏng đoán về triết-tự.

Quẻ trên là quẻ Mông, Mông là cõi âm-u theo kinh Dzan trong cõi âm-u có một linh-khí thổi ở
trên cái nước yên-tĩnh của đời, cái đó là lúc sơ-khai của vật-chất có cái ý-tưởng trong trạng-thái «**Trì-hoán**» cho ta nhớ lại tiết thứ nhất về sự tạo Thiên lập Địa cái căn-nguyên là thần Narâyama Brahmanique (thần làm chuyển nước) đó là hình dung người của cái linh-khí vô-hạn của đức hoàn-toàn vô-tâm-linh theo bí-đạo Á-đông (Ấn-độ).

Nước là tượng-hình sự hỗn-độn, là bản-nguyên âm là cõi hư-vô (theo óc ta) trong đó có tinh-thần và vật-chất ở trạng-thái «**Trì-hoán**».

Leucippe dậy Démocrite rằng : «bản-nguyên của muôn vật là những nguyên-tử và một cõi hư vô».

Trong luận-thuyết về Vũ-trụ khởi-thủy, nước là cần-yếu nhất : Nó là căn-bản và nguồn-gốc của sự sống vật-chất.

Theo Leucippe nói thì quẻ Nhu ở đây có thể tượng sự cần - thiết ấy quẻ Khảm tượng một cõi hư-vô và quẻ Kiền tượng những nguyên-tử.

Quẻ Nhu có đủ nguyên-liệu để sáng-tạo một cõi đời nhưng Nhu đây

ở dưới quẻ Mông thì Nhu chỉ tượng có cái căn-bản, nguyên-nhân của một sự sáng-tác cho nên phải chờ-đợi đó là nghĩa quẻ Nhu vậy.

Có lòng tin ở trên đã giảng, nhưng theo một lý-thuyết triết-tự một cách không chắc-chắn.

Thuyết thứ hai theo những lý-thuyết lấy ở trong kinh tối-cổ của hoàn-cầu và nhời dậy của Leucippe một nhà Bác-học thời cổ thì ta chắc-chắn có đức Tín ở trong.

☵ Khảm ở quẻ ngoài tượng là nước là nguy-hiểm.

☰ Kiền ở quẻ trong tượng cứng - mạnh, sáng-láng.

Trong cứng ngoài nguy, muốn ra ngoài vì có sức-mạnh và thông-sáng, nhưng ngoài còn nguy. Vậy phải chờ-đợi. Khảm cũng tượng là mây, mây ở cao, mây ở trên Trời, thì được chính ngôi trong quẻ Khảm có một dương ở giữa, mà hào dương đây được ngôi cửu-ngũ là ngôi Vua. Như vậy là ở giữa quẻ Khảm có một ánh-sáng mạnh-cứng, tôn-quí, chắc-chắn để cho cả Thiên-hạ có thể tin cả vào đó. Như thế mới nói là có đức Tín.

Trong thì sáng ngoài là nước là thể trong-trẻo. Ánh-sáng xuyên qua được và lại làm ánh-sáng sáng thêm vì vậy quẻ Nhu mới có đức Tín sáng-lạng. Trinh, theo thuyết Leucippe quẻ Nhu tượng cái bản-nguyên của muôn vật, những nguyên-tử và
một cõi hư-vô như vậy thì chính-đính và bền-bỉ biết là chừng nào, chính-bền và tốt lành.

«**Lợi thiệp đại xuyên**» theo kinh Dzyan thì nước tượng sự hỗn-độn, nguy-hiểm, những nguyên-tử vào thời-kỳ trên còn ở trong trạng-thái **Trì-hoán** vì vậy phải chờ là nghĩa quẻ Nhu, đợi khi mà «Fohat» nguyên-đơn-tử linh-diệu của Hóa-công mang cái sức linh-diệu cho các nguyên-tử thì những nguyên-tử sẽ hoạt-động theo luật-định của Tạo-hóa trong cõi hỗn-độn mà thành muôn vật vì vậy Thánh-nhân mới nói : Lợi ở sự qua sông lớn mà «thành được muôn vật tức là lợi».

Sông lớn, tại sao không gọi là sông không, hay sông nhỏ ?

Thưa rằng : Vì tượng cả một cõi để tạo thành muôn vật.

Tiết 2. 彖曰：需須也。險在前也，剛健而不陷，其義不困窮矣。

D.A. Thoán viết : Nhu tu dã, hiểm tại
tiền dã, cương kiện nhi bất hãm, kỳ nghĩa bất khốn cùng hỹ.

D.N. Lời Thoán nói rằng : Nhu đợi vậy, chỗ hiểm ở trước, cứng-mạnh mà không hãm. Cái nghĩa đó là không khốn-cùng vậy.

B.N.C.H. Đây lấy Đức của quẻ để thích nghĩa tên quẻ.

LỜI-BÀN : Theo thuyết ở kinh Dzyan thì nguyên-tử trước khi động phải ở trong trạng-thái **trì-hoãn**. Tức là trong trạng-thái đợi-chờ tượng của quẻ Nhu. Đợi Fohat thi-hành chánh-pháp của Tạo-hóa mà hành-động để hóa ra muôn hình vạn trạng, tuy trong lúc có sự hiểm ở trước mặt, sự cứng-mạnh sáng-láng không bị một cái gì hãm-hách, mà còn phải đợi-chờ, như vậy là tả cái sáng-láng của quẻ, đã mạnh-cứng và sáng-suốt thì cứ làm càn, có hệ gì ? Nhưng không, phải chờ - đợi, sự chờ-đợi đó lại càng làm tăng cái sáng-sủa của nó và phải đợi để gặp thời-vận không thì bị nguy-hiểm, nhỏ như cái nguyên - tử, lớn cho tới Vũ - trụ cái gì cũng phải tuân theo luật của đấng Chủ-tể, Khôn mạnh cũng bị hiểm-nghèo ngu mềm cũng không qua khỏi sự khốn-cùng chỉ có Trí-tuệ sáng-láng hiểu biết luật-định, biết chờ-đợi, biết tiến, biết lui đó là
cái Biết của Thánh-nhân cho nên cái nghĩa không khốn-cùng vậy. Biết chỗ tốt mà theo, chỗ xấu mà tránh, biết tiến biết lui để chờ thời đó là cái Biết của Thánh-nhân.

Tiết 3. 需有孚，光亨貞吉，位乎天位以正中也，利涉大川，往有功也。

D.A. Nhu hữu phu, quang Hanh Trinh cát, vị hồ Thiên vị dĩ chính trung dã, Lợi thiệp đại xuyên, vãng hữu công dã.

D.N. Quẻ Nhu có đức Tín sáng-suốt (a) hanh-thông trinh-bền tốt (b). Ngôi nó ở vào ngôi Trời. Lấy sự chính giữa. Lợi ở chỗ qua sông lớn (c) đi có công vậy.

B.N.C.H. Đây lấy thể của quẻ .và hai tượng của quẻ để thích nghĩa lời quẻ.

LỜI-BÀN : a) Đã giảng ở trên.

b) Quẻ Khảm là tượng mây, lại là quẻ trên, quẻ Khảm có một dương sáng-láng làm chủ hai âm, cái dương ấy lại ở hào cửu-ngũ chính-trung ở ngôi
giữa ngôi Trời và lại là dương cứng sáng, thì cái sự sáng-lạng đi xa không biết đâu mà lường.

c) Đã giảng ở trên, cái dương cứng sáng đã qua được sông lớn, nhưng dương hút lấy âm để sinh ra muôn loài trên cõi Đất như vậy đi thì có công. Có sự giao-hào âm-dương ắt có sự sinh - hóa mà muôn vật đều hấp-thụ theo một nguyên-tắc ấy, nên đi thì có lợi.

Tiết 4. 象曰：雲上於天，需，君子以飲食宴樂。

D.A. Tượng viết : Vân thượng ư Thiên, Nhu, Quân-tử dĩ ẩm thực yến lạc.

D.N. Lời Tượng nói rằng : Mây ở trên Trời, là quẻ Nhu, người Quân-tử lấy sự ăn-uống, yến-tiệc làm vui.

Truyện : Họ Lã nói rằng : Mây ở trên Trời mà chưa thành mưa do đó người Quân-tử chưa thí cái Dụng ra mà đợi thời Nhu. Ăn-uống yến-lạc để u-dưỡng cái Lý ấy mà thôi, sau hậu-thế bày ra khúc-nghiệt là cái triệu hôn-mê khác nhau với sự yến-lạc để chờ thời vậy.

Họ Hoàng nói rằng : Mây ở trên Trời là cái nghĩa chờ thời Nhu, ăn-uống yến-tiệc là chỗ được đạo Nhu. Chỉ một hào cửu-ngũ là tận

nghĩa ấy.

B.N.C.H. Mây ở trên Trời không làm gì, đợi sự hòa-hợp của âm-dương mà tự-nhiên sẽ thành mưa, việc còn phải chờ, có chỗ làm thì cũng không dùng sự thay-đổi, chỉ ăn-uống yến-ẩm làm vui, đợi nó tự đến mà thôi, nếu làm một việc gì khác thì không phải là Nhu, Nhu là chờ-đợi vậy.

LỜI-BÀN : Nước gặp hơi nóng bốc lên thành mây bay lên Trời theo thuyết kinh Dzyan thì «mặt Trăng sanh ra nước và nước bao-giờ cũng có tính-cách bốc lên với người sinh nó».

Mây bay trên Trời đợi khi gặp khí âm lạnh thì mới thành mưa. Ở đây mới là mây bay lên Trời còn phải chờ-đợi, Đợi là quẻ Nhu vậy.

Mây phải đợi khí lạnh mới thành mưa, mưa để lấy nước nuôi vạn-vật ta có câu ca dao :

«Lạy Trời mưa xuống»

«Lấy nước tôi uống»

«Lấy ruộng tôi cày» ...

. . . . . .

Nước là một chất lỏng trong trắng chỗ nào cũng có, rất cần-thiết cho loài người và muôn vật
nước cần dùng cho thể - chất cũng như Đạo-lý cần cho linh-hồn, hóa cho nên mây chưa thành nước rơi xuống cho Thiên-hạ dùng cũng như Đạo-lý chưa đủ để giáo-hóa cho Thiên-hạ được, người Quân-tử tượng cho Đạo-lý trong khi chờ-đợi thì cũng như mây bay trên Trời vậy.

Mây bay trên Trời là cái công-việc bốc nước thành mây, thành mây rồi ở trên Trời tự-do khoáng-đạt, công-việc đó cũng như người Quân-tử tuy khi chờ-đợi phải ăn-uống để nuôi dưỡng cái thân-xác vì thân

con người ta vốn chỉ là con ngựa cho người ta nuôi để cưỡi. Bởi thế người Quân-tử phải chăm nom nó, nuôi-nấng nó bằng cách ăn-uống tinh-khiết.

Nếu không có cái thân tinh-khiết và mạnh-khỏe thì không thể nào người ta chịu nổi những sự khó-khăn trong lúc chờ-đợi. Phương-ngôn tây có câu «Một linh-hồn trong-sạch trong tấm thân tinh-khiết» vì vậy Thánh-nhân ở đây nói «ăn-uống», trong khi chờ-đợi người Quân-tử cần phải ăn-uống cho thân-xác được cường-tráng để duy-trì sức mạnh ngõ hầu thẳng bước theo đường chính-đáng. Lại nói «Yến lạc» nghĩa là yến - ẩm vui vầy» đối với người Quân-tử chỉ là sự vui - vẻ trong tâm - hồn để hành Đạo. Cái đức-tính Vui-vẻ của người Quân-
tử là chỉ ở trong lúc làm điều lành, luyện-tập hay thi-hành Đạo-đức, ngoài ra không có chuyện gì có thể làm cho người Quân-tử buồn được vậy.

Tiết 5. 初九：需於郊，利用恆无咎。

D.A. Sơ cửu : Nhu vu giao, lợi dụng hằng vô cửu.

D.N. Hào Sơ-cửu : Đợi ở ngoài thành, lợi dùng lẽ thường, không lỗi.

B.N.C.H. «Ngoài Thành» là chỗ đất rộng xa tức là tượng sự chưa gần chỗ nguy-hiểm mà hào sơ-cửu là hào dương cứng lại có tượng «lẽ thường» ở nơi của nó cho nên răn người chiêm hãy nên như thế thì không lỗi.

LỜI-BÀN: Chữ «giao» nghĩa là chỗ cách xa nước một trăm dặm vì vậy gọi là ngoài thành mỗi nước có cái thành là trung-tâm-điểm, mà cả nước đều phải chú-trọng qui-tụ vào, đó là theo hình-chất. Còn đối với Đạo-lý thì Đạo ví như cái Đế-đô là chỗ qui - tụ các linh - hồn của một Dân-tộc.

Đây là hào sơ-cửu hào dưới cùng quẻ Nhu vì vậy mới nói là sự chờ-đợi còn xa-xăm lắm, bây giờ còn ở cách thành những trăm dặm. Trong khi chờ-đợi ấy thì cứ theo lẽ thường mà làm việc như ăn-uống để bồi-bổ thân-xác, như học-hỏi để rạng-rũa trí-tuệ, đó là những lẽ thường của người ta cứ theo như thế thì không lỗi vậy.

Tiết Tiết 6. 象曰：需于郊，不犯難行也，利用恆无咎，未失常也。

D.A. Tượng viết : Nhu vu giao, bất phạm nan hành dã, lợi dụng hằng vô cữu, vị thất thường dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Đợi ở ngoài thành, không phạm ở chỗ khó (a) đi vậy, lợi dùng lẽ thường không lỗi, (b) chưa mất Đạo thường vậy.

LỜI-BÀN : (a) Đợi ở xa thành trăm dậm, thấy thành thì muốn đến, nếu đi thì không phải chờ-đợi, đã chờ-đợi thì không đi vào chỗ gian-nan. Hào sơ-cửu có dương cứng ở dưới thì muốn
tiến lên, chờ-đợi có nghĩa là yên-tĩnh, nếu động mà đi, mà tiến thì không phải cái nghĩa chờ-đợi.

(b) Lợi dùng lẽ thường không lỗi. Chờ-đợi là một trạng - thái trì-hoãn, đã trì - hoãn thì không động, có động thì chỉ là những lẽ thường như ăn-uống. Còn nếu động thì không phải là trì-hoãn, như theo đúng cái trạng - thái trì - hoãn chờ-đợi thì chưa mất lẽ thường.

Theo lẽ thường nghĩa là thời trì-hoãn chờ-đợi mất lẽ thường tức là trạng - thái phản lại ý-nghĩa trên. Trong thời Nhu, chờ-đợi, mà lại trái với cái thời, cái nghĩa của nó ắt mất lẽ thường mà có lỗi. Như thời Việt-Vương Câu-tiễn sang làm con tin bên Ngô Phù-sai giữ được lẽ

thường trong thời Nhu mà sau trả được thù nhà nợ nước là cái nghĩa hào này vậy.

Tiết Tiết 7. 九二：需于沙，小有言終吉。

D.A. Cửu-nhị : Nhu vu sa, tiểu hữu ngôn chung cát.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào cửu-nhị : Đợi ở bãi-cát, chút ít điều tiếng về sau tốt.

B.N.C.H. Bãi-cát thì gần chỗ nguy-hiểm. Nói về ngôn-ngữ cũng là tai-hại chút ít vì tiến lên dần dần gần quẻ Khảm cho nên mới có Tượng này, cứng ở giữa mà biết chờ-đợi cho nên sau cùng được tốt. Răn người chiêm phải nên như thế.

LỜI-BÀN : Hào cửu-nhị là dương cứng ở giữa quẻ dưới, dương cứng ở ngôi thứ hai là ngôi âm. Hào ứng với hào cửu-nhị là cửu-ngũ là dương cứng-mạnh. Hào nhị tượng là bàn-dân Thiên-hạ là tượng nơi rộng-rãi bao-la. Ở đây hai hào ứng đều là dương cứng sáng cả, vì vậy mới tượng là bãi-cát. Nhiều dương mạnh cứng sáng và ở giữa quẻ Kiền, tượng nhiều hạt tròn cứng có ánh-sáng như cát vậy. Hào hai tượng là Bãi, thể dương giữa quẻ Kiền tượng những hạt nhỏ tròn, vì lẽ đó mà Thánh-nhân tượng hào này là bãi-cát. Trong một bãi-cát thì cây cỏ và nước ắt hiếm vì vậy đợi-chờ trên bãi-cát thì thật là nguy-hiểm.

Đạo Phật gọi cõi thế này là Sa-Bà là cõi trần-bụi mà Sa-di là những người đàn-ông đi tu, bỏ ác, làm thiện ví như đãi cát lấy vàng.

Vậy Sa-Bà là cõi trần-bụi và hào hai quẻ dưới tượng là bàn-dân Thiên - hạ thì thật đúng tượng vậy.

Lời lẽ của Thánh-nhân uyển-chuyển vô-cùng. Đợi-chờ ở cõi thế, cõi Sa-bà, hay bãi-cát thì thật là hiểm-nghèo, bao chuyện có thể làm chìm đắm con người được.

Có chút ít điều tiếng sao vậy ?

Sự hại chia ra nhiều thứ :

Hại nhiều : thì đến chết, đến táng quốc gia vong, như theo trong khoa bói thì như đã bị suy lại bị xung và khắc.

Hại vừa vừa : Thì đến đau-đớn, bịnh-hoạn v.v... tức như được vượng mà bị xung và khắc.

Hại ít : Thì như mang tiếng - tăm, về miệng lưỡi v.v... tức như vượng mà bị xung thôi.

Ở hào Cửu-nhị thì dương được ở ngôi trung mà không chính, ở giữa quẻ Kiền tức là được tượng hào ứng đối là hào cửu-ngũ, cũng có dương cứng ở chính ngôi. Hào hai được vượng nhưng bị hào cửu-ngũ cũng là dương. Hai dương thì xung nhau (theo vật lý-học) như vậy là hào hai được vượng mà bị xung cũng có hại nhưng là hại nhỏ cho nên Thánh-nhân chỉ nói cái hại chút ít về điều ăn tiếng nói. Nếu lấy Hộ-quái mà giải thì quẻ Đoài tượng là miệng nói. (Hào hai, ba và tư là hộ-quái = quẻ Đoài).

«Sau cùng tốt». Chờ-đợi ở bãi-cát chỉ cần có nước mà mây bay lên Trời rồi thì chỉ đợi mưa xuống ắt tốt và trước mặt cũng có nước rồi (Khảm) vì vậy mới nói sau cùng tốt.

Tiết Tiết 8. 象曰：需于沙衍在中也。雖小有言以吉終也。

D.A. Tượng viết : Nhu vu sa diễn tại trung dã, tuy tiểu hữu ngôn dĩ cát chung dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Đợi ở chỗ bãi-cát là ở trong chỗ rộng-rãi vậy, tuy có chút ít điều tiếng về sau được tốt vậy.

B.N.C.H. «Diễn» là ý rộng-rãi khoan-thai, lấy cách khoan-thai ở trong đó là không vội tiến vậy.

LỜI-BÀN : Trong cõi Sa-bà rộng-rãi mênh-mông tức là một bãi chiến-trường rộng-rãi mà trong đó kẻ yếu phải chết, chìm-đắm một cách cơ-cực. Bao nhiêu sự hại, sự lầm-lỗi, bao sự nguy-hiểm có thể gây nên mà người Quân-tử lấy sự khoan-thai khéo xử, làm một thứ khí-giới linh-diệu chống-đỡ các mặt mà chỉ bị một chút điều tiếng. Vậy nếu nói về Võ-sĩ Đạo thì nhà võ-sĩ đã đến bậc tuyệt-luân. Nói đến

người thường là người đã biết cách sử sự với đời, nói đến đạo Phật là một Sa - di đã bước vào cửa đạo Thiền, chút bỏ được lục căn, lục tặc, nói đến đạo Trời Đất, là một bậc Thánh - nhân đã đến chỗ Biết để xử kỷ tiếp vật.

«Về sau cùng tốt» : Nhà Võ-sĩ đạo sau thành các bậc Lão-tổ, người thường sau thành người Hiền, Sa-di sau thành La-hán, nhà Đạo-sĩ thành Thánh đó là chỉ cái quả tươi-tốt của các bậc Hiền-triết vậy.

Tiết Tiết 9. 九三：需于泥，致寇至。

D.A. Cửu-tam : Nhu vu nê, chí khấu chí.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào cửu-tam : Đợi ở bùn, dắt giặc đến.

B.N.C.H. Bùn là nơi sắp hãm vào chỗ hiểm, giặc thì hại lớn. Hào cửu-tam cách chỗ hiểm càng gần mà lại quá sự cứng và không ở giữa cho nên tượng nó như vậy.

LỜI-BÀN. Hào cửu - tam, hào dương ở ngôi dương tức là cứng-mạnh lắm, và là hào trên quẻ dưới, đã cứng-mạnh ắt muốn tiến, tiến thì lên quẻ trên, quẻ ngoài là quẻ Khảm là nước, là nguy-hiểm.

Hào ba ở trên quẻ dưới sắp đến quẻ trên, ở đây ví như nơi giáp ranh với nước, tức là bùn, chờ-đợi trên bùn là ý ấy vậy.

Chờ-đợi trên bùn nếu động một chút là bị sa lầy, là nước chàn đến, bùn là nơi hút nước, nước là tượng của quẻ Khảm, tượng sự nguy - hiểm ví như giặc-giã ta thường nói « thủy, hỏa, đạo, tặc » bốn cái nạn ghê-gớm của người.

Bùn hút nước hay dương hút âm, vì dương đây mạnh cứng ở trên, thích động, tức như dắt giặc đến, giặc đến thì có hại lớn cho mình.

Thánh-nhân nói chờ-đợi trên bùn, là có ý nghĩa cheo-leo, như « Trứng để đầu đẳng », phải hết sức thận-trọng mới tránh được sự hại lớn.

Tiết Tiết 10. 象曰：需于泥。災在外也。自我致寇。敬慎不敗也。

D.A. Tượng viết : Nhu vu nê, tai tại ngoại dã, tự ngã trí khấu, kính thận bất bại dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời tượng nói rằng : Đợi ở bùn, sự tai-nạn ở ngoài vậy, tự mình dắt giặc đến, phải kính-cẩn thận-trọng thì không thất-bại vậy.

B.N.C.H. Ngoài là quẻ ngoài, kính-thận không thất-bại là nói rõ sự chiêm ở ngoài lời chiêm, cái ý của Thánh-nhân dậy bảo người thật là cần-thiết.

LỜI-BÀN. Sự tai-nạn ở ngoài nghĩa là quẻ Khảm ở ngoài.

« Tự mình dắt giặc đến ». Vì mình chờ-đợi ở trên bùn mà bùn hút nước đến làm tụt mình xuống tức là tự mình dắt giặc đến hại mình.

Đứng ở trên bùn thì phải cẩn-thận từng ly từng tý một, hơi động thì nước vào và mình bị sa-lầy nguy-hiểm ngay. Vậy phải hết sức kính-cẩn thận-trọng thì mới không bị thất-bại.

Như người ta đến tuổi Trưởng-thành sắp ra đời, ngoài đời bao nhiêu truyện nguy-hiểm ví như người đứng trên bùn phải hết sức cẩn-thận về ngôn-ngữ, cử-chỉ, về sự hành-động và phải đủ Trí-tuệ hiểu biết lúc nào nên tiến, nên lui nên chờ-đợi thì mới tránh được sự thất-bại.

Cũng như nhà Đạo-sĩ, ngoài đời tai-nạn đầy dẫy, trong thân thì lục căn, lục tặc quấy nhiễu, và thứ nhất Đạo-sĩ đang tuổi trưởng-thành lúc đó như đứng trên bùn, sai lầm thì bị sa-ngã và thất-bại ngay. Nhờ Thánh - nhân dậy thật là chí-lý cho các loại vậy.

Tiết Tiết 11. 六四：需于血出自穴。

D.A. Lục-Tứ : Nhu vu huyết xuất tự huyệt.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Lục-tứ : Đợi trong máu, tự trong hang ra.

B.N.C.H. Máu là chỗ giết hại, hay là nơi tối-tăm yên-tĩnh. Hào Tứ giao với quẻ Khảm ấy là vào chỗ hiểm rồi, cho nên là Tượng « đợi ở máu » nhưng mềm được chính-đáng của nó, đợi mà không tiến, cho nên lại Tượng « Tự hang ra ». Người chiếm như thế tuy ở chốn hại thương, sau cùng cũng ra được.

LỜI-BÀN. Hào Lục - tứ hào âm ở ngôi âm ở thể dưới quẻ Khảm. « Huyết » là máu, máu tượng
âm và tượng của quẻ Khảm, chờ-đợi ở máu là hào âm ở ngôi âm sự nguy-hiểm mới bắt đầu mà biết thì có thể ra được, là tự mình ở hang ra. « Huyệt » là hang tối, tượng sự âm-u và yên-tĩnh là âm. Như vậy đủ rõ hào Âm ở ngôi Âm và ở thể dưới của quẻ Khảm.

Tại sao lại nói đợi trong máu, không nói đợi trong nước ? máu có ý nghĩa sô-sát giết nhau kẻ bị thương phải đổ máu, đợi trong máu ngụ-ý ở trong Âm. (Theo Y-học Đông-phương thì máu thuộc Âm). Thế là nghĩa làm sao ?

Giữa hào tứ hào tam là giáp-giới hai quẻ Khảm và Kiền : Ngoài thì có sự nguy - hiểm, đây tượng là nước hay là giặc-giã, Trong thì có

dương cứng-mạnh của 3 hào dương của quẻ Kiền mà còn có tượng là đồ kim-khí, trong mạnh - mẽ có đủ khí-giới, ngoài có giặc-giã nguy-hiểm, mà là lúc « Mới » ra ngoài, vì là hào tứ, mới vào nội-địa của giặc vì vậy mới phải đánh giết nhau. Thánh - nhân nói là : Đợi trong máu. Mới vào trong nội - địa sự nguy-hiểm đợi ở trong máu, là bị thương thì phải tự mình bảo-vệ lấy mình để ra khỏi cõi tối vậy.

Cũng như ở đời một khi người ta mới bước vào trường đời, bao bả vinh-hoa, mùi phú-quý, lăn
lộn trong bể-dâu, lục căn lục tặc bắt đầu hoành-hành đánh nhau với mình, thì mình phải tự-chủ lấy mình ngăn-cản nó, tuy phải chờ-đợi trong nỗi khổ-não đau thương, thèm muốn vật-chất, nhưng lúc lục tặc mới nhóm lên, tự mình khai-trừ đi thì có thể nhảy ra khỏi cái hang tối-tăm nguy-hiểm được vậy.

Trên đây là lời răn rất thâm-xâu trong Tượng-từ của Thánh-nhân về hai phương-diện : Nhập-thể và xuất-thể. Đó là những chổ uyên-thâm huyền-ảo mà Học-giả phải quán-triệt ý-nghĩa của người xưa.

Tiết Tiết 12. 象曰：需于血順以聽也。

D.A. Tượng viết : Nhu vu huyết, thuận dĩ thính dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Đợi trong máu, thuận để nghe vậy.

LỜI-BÀN : Thuận là đức-tính thụ-động là âm. Nghe theo cũng là đức-tính thụ-động cũng là Âm.

Hai đức-tính trên đủ rõ là hào Âm ở ngôi Âm trong cuộc chờ-đợi vậy. Thánh-nhân muốn răn phải

vâng lời thuận theo lương-tâm mình, nghe theo Đạo-lý thì lúc mới bước vào sự hiểm-nghèo ắt cũng có thể ra khỏi được.

Tiết Tiết 13. 九五：需于酒食，貞吉。

D.A. Cửu-ngũ : Nhu vu tửu thực. Trinh cát.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào cửu ngũ : Đợi ở nơi ăn-uống. Chính-đính tốt !

B.N.C.H. Rượu uống, cơm ăn là thức dùng để yến-lạc ý nói cứ yên tâm mà đợi. Hào cửu-ngũ có dương cứng ở nơi trung-chính, tức là đợi ở ngôi tôn-quí, cho nên có tượng này. Người chiêm như thế mà chính-bền thì được tốt lành.

LỜI-BÀN : Hào cửu-ngũ là dương cứng ở ngôi tôn-quí, như ông Vua được ở chính ngôi Vua. Nhưng ở trong giữa quẻ Khảm, thì ông Vua tuy ở chính ngôi nhưng chưa hành-động được vì ở giữa chỗ nguy-hiểm và hào ứng là cửu-nhị thì xa lánh (dương gặp dương thì xa nhau) như vậy phải chờ. Chờ-đợi ở ngôi tôn-quí thì lấy sự ăn-uống yến-lạc làm vui
để sửa thân, tu đức an-phận thủ-thường cứ kiên-tâm như thế, đợi thời-vận sẻ hành-động thì sự chính-bền đó sẽ tốt lành.

Tiết Tiết 14. 象曰：酒食貞吉。以中正也。

D.A. Tượng viết : Tửu thực trinh cát, dĩ trung-chính dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Ăn - uống chính-đính tốt, đó là đức trung-chính vậy.

Truyện : Hào Ngũ lấy Dương cứng ở giữa được chính-đính. Sao *Đợi* không được ? nên yến tiệc ăn-uống để đợi nó.

Chu-tử nói rằng : Nhu chỉ là đợi, thời này phân-biệt làm hay không làm chỉ là sự đợi Đạo-lý ấy.

Họ Từ nói rằng : Hào Cửu - ngũ lấy ngôi dương giữa hai Âm đợi ba dương cùng đức ở dưới lên viện giúp, từ đây sự nguy - hiểm có thể thi-hành. Bậc Nhân-quân ở lúc này trở lại làm gì ? Nên chơi-bởi yến-lạc cùng với Thiên - hạ no say yên-ổn trong cảnh thái-bình.

Họ Hồ nói rằng : Đương thời Nhu nên đợi ở chỗ ăn-uống, yên-ổn duy chỉ có chính-đính thì tốt, có thể yến-tiệc ngon-lành vô-độ ru !

Ngự-án : Nghĩa quẻ Nhu rất rộng, cái cả lớn của nó không như sự chờ lâu mới hóa thành của Vương-Đạo không vội ở chỗ nâng - cạn làm công khó. Thánh-học lấy sự khoan - thai có Đức-độ ở chỗ yên-tĩnh phẳng-lặng mà chính là không vào chỗ tệ-hại. Trong quẻ chỉ có hào Cửu-Ngũ là đạo tận Nhu, vì tiếp quẻ Chuân, sau quẻ Mông đã trị và dậy-dỗ, mà thời này gọi là hưu - tức để dưỡng-sinh, tự sử cho vui vui mà lợi lợi, dần dần lấy Nhân-nghĩa làm cho đời biến-đổi mà phong-tục canh-cải đó là ở tại cuộc Nhu vậy !

LỜI-BÀN : Chờ-đợi trong sự ăn-uống một cách chính-đính bền-bỉ thì tốt. Vì dương ở chính ngôi và ở giữa quẻ trên, mà còn phải kiên - tâm chờ-đợi bằng những lễ thường như ăn-uống, đủ tỏ đó là hạng Minh-Quân biết thời-thế, không lấy thói kiêu-căng đi vào chỗ nguy-hiểm, lấy nghị-lực ép mình nhún-nhường để chờ thời-vận. Hạng người như vậy thật mới đáng bậc Nhân-quân, làm đầu Thiên-hạ.

Đáng làm gương-sáng cho đời về cái Đức tự-chủ trị mình đã rồi trị đời sau.

Tự trị mình được thì Thiên-hạ khó gì mà không bình được. Theo Phu-tử thì đạo : Tu, Tề, Trị, Bình-Tu thân là cái gốc chính của cái Đạo Đạo bình Thiên-hạ vậy.

Tiết Tiết 15. 上六：入于穴。有不速之客。三人來敬之。終吉。

D.A. Thượng-lục : nhập vu huyệt, hữu bất tốc chi khách, tam nhân lai kính chi chung cát.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Thượng-lục : Vào trong hang, có ba người khách không mời mà đến, kính-trọng họ, về sau tốt.

B.N.C.H. Hào Thượng-lục. Hào Âm ở ngôi Âm và ở ngôi trên cùng quẻ Nhu (Chờ-đợi) Tượng là sự chờ-đợi đã đến lúc cùng-cực rồi vậy.

LỜI-BÀN : *Vào trong hang.* Âm gặp Âm ở ngôi cùng-cực thì cũng như người ta trải qua sự
đời nguy-hiểm, ở đây quẻ Khảm lên đến ngôi trên cùng đến chỗ yên-tĩnh Hay là sự tối-tăm yên-tĩnh. Vào (là tối) tượng Âm. Ra (là sáng) tượng dương như vậy câu Vào trong hang tức Âm ở nơi Âm để yên - nghỉ là Âm đến chỗ cùng - cực. Vì lẽ ấy Thánh - nhân tượng hào Thượng - lục bằng câu : Vào trong hang vậy.

« Có ba người khách không mời mà đến » . Nhu là quẻ chờ-đợi, đã nói ở trên. Khảm tượng cõi hư vô mà Kiền tượng các nguyên - tử hay là 3 dương cứng. Trong quẻ Nhu thì Khảm có vẻ động vì tượng nước là cõi hỗn -độn mà Kiền ở trạng-thái trì-hoãn mà cứng-mạnh. Tượng tiến mà phải Trì-hoãn là vì trong cuộc chờ-đợi. Đến hào Thượng-lục sự chờ-đợi đã đến tột-cùng, sự hỗn-độn đã hẳn êm, vì đã muốn vào yên-nghỉ trong hang. Tức thì sự chờ-đợi của Kiền cũng theo thời - vận đó mà đổi trạng - thái « Trì-hoãn » ra trạng-thái « hoạt-động » . Nó đã hoạt-động thì chỗ nào là không đến thứ nhất là hào Thượng-lục là hào thuần âm mềm mà cùng-cực hút ba cái

dương cứng của quẻ Kiền, (âm và dương hút nhau) vì vậy mới gọi là 3 người khách không mời mà đến. Sự đến của 3
dương cứng là theo luật thuận hành của Tạo-hóa và sự đến đó như để chiếu-sáng cho âm trong vị cũng là âm, giữ cái khí thái - hóa hợp lại làm bản-nguyên của Tạo-hóa mà sanh-hóa muôn loài, vì vậy nói phải kính-trọng họ sau cùng thì tốt.

Tiết Tiết 16. 象曰：不速之客來。敬之終吉，雖不當位，未大失也。

D.A. Tượng viết : Bất tốc chi khách lai, kính chi chung cát, tuy bất đáng vị, vị đại thất dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Khách không mời mà đến, kính họ về sau tốt, tuy không đáng ngôi, chưa mất nhiều vậy.

B.N.C.H. Lấy Hào Âm ở trên cùng tức là đáng ngôi, đây nói không đáng ngôi chưa rõ là ý làm sao ?

LỜI-BÀN : « Tuy không đáng ngôi » nói hào Thượng-lục không đáng ngôi thì rất sai vậy, vì hào âm ở ngôi âm sao lại không đáng ngôi, không đáng ngôi đây là nói 3 người khách không mời
mà đến dương mà lên ngôi âm vì vậy gọi là không đáng vị. Dương trừ khi còn ở trạng-thái trì - hoãn, một khi động bị âm hút lên hào Thượng-lục, 3 dương dưới tượng 3 người khách lông-bông, không mời mà cứ đến, để theo Đạo thuận của Trời, nói 3 dương ở đây là nhiều dương, nhiều nguyên-tử một khi đã thức - tỉnh mà được luồng linh-khí của nguyên-đơn-tử Fohat thì hành-động hợp với âm để hóa - thành muôn vật, ở hào Thượng - lục tuy là không phải ngôi của dương ở đó, không đáng ngôi của dương mạnh, vì lúc này 3 dương

mới hành-động, chưa hành - động mà đã lên hào cùng-tột như vậy là không đáng. Tuy không đáng nhưng chưa mất nhiều vì 3 dương hợp với âm mềm kính mến 3 người khách theo Đạo thái-hòa thì 3 chỉ mất 1 dương còn 2 dương thì lưu-động đi hút âm khác nữa.

Hào Thượng-lục là lúc cuộc chờ-đợi đã đến cùng-cực ắt phải có sự động để tiến, cho nên hào Cửu - Tam quẻ Kiền, là chính - ứng với hào Thượng-lục tiến lên dắt cả ba dương của quẻ Kiền cùng tiến mà hòa với nó. Nhưng duy chỉ có hào ba là hào chính-ứng nên ba dương chỉ mất một còn hai nên nói là chưa mất nhiều vậy.

Nhu Quái Tổng-Luận

Sau quẻ Mông tối thì đến cuộc Nhu là chờ-đợi. Tượng nói rằng : Quẻ Nhu có đức-tin sáng-suốt, Hanh, Thông, Trinh-bền, tốt, lợi ở sự qua sông lớn. Trong cuộc Nhu, nghĩa là chờ-đợi, chờ-đợi một cái gì, chờ-đợi ắt phải có đức-tin rõ-ràng thì mới chờ-đợi. Trong Tượng-từ chỉ có 3 đức Hanh, Trinh, Lợi mà không có đức Nguyên. Ta thấy rõ quẻ Nhu là quẻ thứ 5 trong Thượng-kinh là thời sắp thành nên phải chờ-đợi, nên nói lợi ở sự qua Sông lớn, tuy nói có lợi nhưng còn phải có điều-kiện khó-nhọc, phải tùy thời, phải cẩn-thận.

Xem trong 6 hào quẻ Nhu thì 5 hào nói cái tượng chờ-đợi, tùy theo từng thời một. Thánh-nhân lấy từng nơi chốn để ấn-định đúng lúc chờ-đợi. Lúc sơ-đầu thì đợi ở ngoài thành, ở hào Cửu-nhị thì đợi ở bãi-cát, hào Cửu-tam thì đợi ở bùn, hào Lục-tứ thì đợi ở máu, hào Cửu-ngũ thì đợi ở sự ăn-uống.

Từ chỗ ngoài thành, bãi-cát, ở bùn-lầy, ở máu, đến ở sự ăn-uống Thánh-nhân đã theo từng cảnh, từng thời để răn người. Đến như hào

Thượng-lục lại nói : Vào trong hang, chứng tỏ là cái thời đợi đã đến cùng-cực, sự biến - chuyển sắp tới nên khuyên « kính họ về sau tốt ».

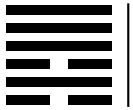
Ôi ! Đạo Nhu rộng lớn lắm thay ! Có biết thời Trời ắt mới biết đợi, cho nên người Quân - tử đã hiểu cơ Trời, nên biết đợi mà chờ, không như kẻ tiểu - nhân chỉ biết tiến lên, lăn xả vào bả vinh-hoa phú-quí đến táng-quốc gia-vong như Bá - Hỉ mà cũng còn chưa hiểu biết. Như Phạm-Lãi phải sống ô-nhục với Việt-Vương Câu-Tiễn để phụng - sự Ngô - phù - Sai. Trong cái thời chuân - chuyên biết chịu cực mà chờ - đợi thật là bậc Thánh - nhân. Như Văn - Vương chịu nén-lòng ở Dũa-Lý mà chờ thời. Cho nên đạo Nhu chỉ có những bậc Thánh-minh mới theo được, có biết sự thành-bại, suy-vượng của thời-thế, ẩn đi mà chờ thời thật là những bậc Cao-minh thông-suốt tất cả vậy.

Kìa như đức Lê-Lợi khởi-nghĩa ở Lam-Sơn trong mười năm gian-lao khổ-cực mà vẫn phải nằm gai nếm mật để chờ ngày ca-khúc khải-hoàn mang lại Tự-do, Độc-lập cho nước Việt ta tới ngày nay.

Phàm những bậc Hiền-triết, Quân-tử trong một đời người không biết bao nhiêu là thăng-
trầm, dinh-hư, hậu-bạc mà vẫn vui với Đạo, giữ được đạo Thường, lúc nào trong cũng chính-trung ngay-thẳng, ngoài thì vuông-vắn không cong vẹo, như ông Nguyễn - công - Trứ lúc làm đến Đại-thần sử-kỷ tiếp vật cũng không ra khỏi đạo Thường, khi bị dáng xuống lính đi thú ở biên-cương cũng vậy, cái Lương - Tri vẫn theo lẽ thường không thay-đổi, vinh cũng chẳng vui, nhục cũng không buồn, bình-thản nhìn cái sóng đời lên xuống mà lúc nào cũng giữ được đạo Trung của đức Phu-tử mà chờ thời - vận. Thật là những bậc thao-thủ kinh-luân Quân-tử treo gương Thiên-cổ cho Hậu-thế vậy thay !

訟 THIÊN THỦY TỤNG - 6

Kiền trên
Khảm dưới



TỤNG $\frac{1}{6}$

Tiết Tiết 1. 訟有孚窒，惕中吉，終凶，利見大人，不利涉大川。

D.A. Tụng hữu phu trất, dịch trung cát, chung hung, lợi kiến Đại-nhân, bất lợi thiệp đại xuyên.

D.N. Quẻ Tụng (kiện-tụng) có sự thật bị che lấp trong sợ thì tốt, về sau xấu, lợi thấy người Lớn, không lợi qua sông lớn.

Họ Hồ nói rằng : Khúc Trực chưa rõ nên phải ngăn-ngừa, Thắng Phụ chưa phân nên bên trong lo sợ thì tốt như sự nhường nhau của người đất Ngu Nhuế. Sau hung, Ung-tử nạp hối-lộ cho Thúc-Ngư để đoán tội hình là việc Chư-hầu vậy.

B.N.CH. Tụng nghĩa là tranh-biện trên có quẻ Kiền, dưới có quẻ Khảm, Kiền thì cứng Khảm thì hiểm, trên cứng để áp-chế kẻ dưới, hiểm để nhòm người trên, lại là trong hiểm mà ngoài mạnh, lại là mình hiểm mà nó mạnh đến là đạo Kiện. Hào
cửu-nhị ở giữa là thực mà trên không có kẻ ứng với lại là thêm lo, vả theo quẻ biến nó tự quẻ Độn mà lại, tức là cứng đến ở hào nhị mà đang ở vào hào giữa quẻ dưới có tượng có sự thật bị lấp, biết sợ mà được vừa phải. Hào thượng-cửu quá cứng ở tột-cực sự Kiện, có tượng theo Kiện đến cùng Hào cửu-ngũ cứng-mạnh trung-chính ở ngôi tôn-quí có tượng người Lớn, lấy sự cứng cưỡi lên chỗ hiểm lấy sự thực dẫm lên chỗ hãm, có tượng không lợi về sự sang sông lớn, cho nên răn người chiếm tất có sự tranh-biện và tùy theo chỗ của họ ở mà thành ra lành hay dữ vậy.

LỜI-BÀN : Theo chú-giải của kinh Dzan có đoạn nói rằng : Fohat, là một dẫn điện-lực của Vũ-trụ ở trong óc người cha (Dương) và trong vú người mẹ (Âm) ra và về sau nó hóa thành âm và dương nghĩa là nó thành âm-điện và dương-điện. Tạo-hóa có 7 đứa con là em nó (7 đứa con là 7 hành-tinh là : Mercure, Mars, Terre, Jupitaire, Vénus,

Neptune, Saturne và một định-tinh là mặt Trời của ta), mỗi khi mà hai đứa tính gần nhau, để ôm lấy nhau hay choảng nhau thì Fohat lại phải hiện ra, muốn tránh những sự đó, nó ghép-buộc với nhau những đứa có tính-cách trái nhau và chia rẽ những đứa có tính-chất giống nhau (vật-lý-học).

Tụng là Kiện-cáo, tranh-biện. Sự Kiện nhau vì nhiều lẽ giải ra không hết, tóm lại là tai hại, vì ý bên nguyên và bị đi nghịch nhau, một bên cứng-dắn, một bên mềm hiểm đã là hai tính-chất không cùng nhan mà khí lại còn đi ngược nhau nữa thì tránh sao cho khỏi sự tranh-biện, kiện-tụng. Quẻ Tụng có Kiền ở trên và quẻ Khảm ở dưới. Kiền là dương tượng những nguyên-tử mà Tạo-hóa đã vãi xuống dưới cõi Đất để làm bản-nguyên muôn vật.

Vậy theo khí thuận của Trời thì Kiền khí là dương nhẹ bốc lên trên.

Khảm tượng mây, khí nhẹ và theo thuyết Dzan thì Khảm tượng nước bao giờ cũng muốn trở về với mặt Trăng, vậy tính-chất của Khảm là nước chảy xuống chỗ thấp.
Khảm ở trên — Kiền ở dưới là thuận.
Khảm ở dưới — Kiền ở trên là nghịch.

Một khi khí Trời đi nghịch với nhau, tức là sự thăng-bằng và cân-đối mất thế quân-bình ắt có sự tranh-biện, kiện-tụng nhau. Theo tượng của hai quẻ thì ở ngoài có sự cứng-mạnh, ở trong có sự hiểm-nguy cũng như hai người ương-ngạnh lại mạnh-mẽ, và người hiểm-độc gần nhau ắt có tranh-biện nhau.

Kiện-tụng nhau cũng chỉ vì sự thật bị lấp-che, người không bảo có, kẻ có bảo không đối chọi nhau, tranh-biện nhau rồi nhờ đến người khác lấy Công-lý xử đoán. Tuy khi xử-đoán thì hai bên nguyên bị đều **lo sợ**. Ai cũng muốn được, ai cũng sợ thua, đó là cái tính-tình của kẻ ương-ngạnh và hiểm-độc. Đã kiện nhau tức là muốn đến nhờ Công-lý soi rõ cho sự trắng đen. Vậy đã kiện thì ai cũng muốn theo đến cùng để coi rốt cuộc ra sao. Tóm lại đến cuối cùng thì đều xấu cả. Người được thì vui-vẻ nhưng cũng đã tốn công tốn của, kẻ thua

thì bực-tức căm-hờn, rồi rút cục hai bên vẫn hiềm-thù nhau.

Trong lúc Kiện Tụng thì lợi thấy người Lớn vì người Lớn đây là đèn Công-lý, vì không phải người Lớn thì sợ sự đen trắng, vàng thau không phân-biệt.

Không lợi vì sự sang sông lớn. Sông lớn đây tức là tượng của quẻ Khảm, Khảm là quẻ ở trong, ngoài là quẻ Kiền cứng-mạnh. Khảm tượng sự nguy-hiểm. Như ở trong nhà có sự nguy-hiểm mà ngoài thì cứng-mạnh, nếu sự cứng-mạnh mà vào trong nhà ắt có chuyện lôi thôi về điều ăn tiếng nói rồi lại thành tranh - biện kiện - tụng. Vậy kẻ cứng-mạnh không vào nhà có nguy-hiểm thí có

lợi nên nói : không qua sông lớn thì có lợi vậy. Khảm ở đây thể nghịch là hãm địa mà lại ở cảnh hãm thì càng nguy-hiểm vì vậy Thánh - nhân răn không nên qua sông lớn.

Phàm Trời-Đất sinh ra muôn vật đã phú-tính cho loại nào ra loại ấy : Cái ra cái, đực ra đực nhưng trong cái đực cái lại còn chia nhỏ ra thành âm dương nữa cũng theo như Lưỡng-nghi trong Kinh Dịch sinh ra 4 Tượng rồi ra 8 Quái và 64 Quái v.v... Sự phân chia đó nghĩa là đàn-ông tượng dương, nhưng thân-xác lại chia ra làm hai : âm và dương nữa (lấy dương theo tay phải, lấy âm theo tay trái, đàn-bà tượng âm và cũng chia ra âm dương nữa nhưng trái lại với đàn-ông) (theo quyển Magnétisme personnel của Henri Durville) không những có thế mà còn nhiều thứ nữa. Nếu người ta cũng như điện-khí (thường dùng) âm là âm, dương là dương-thể chắc rằng không có tranh-biện, Kiện-Tụng vì Fohat (ở trên đã nói) đã đặt ra luật-lệ của âm-dương.

Đây nếu nói về khai Thiên lập Địa thì :
a) Lúc sơ-khai còn hỗn-độn, gian-chuân.
b) Lúc tối-tăm.
c) Lúc đợi-chờ.
d) Lúc Kiện-tụng Tranh-biện.

Đó là lúc mà Tạo-hóa chưa định. « Fohat » hãy còn ở lúc khi mà

những em nó hình như muốn ôm nhau, hay choảng nhau thì nó lại phải xuất hiện ra để ngăn cản vậy ».

— Còn một thuyết nữa là : Kiền tượng Trời.
Khảm tượng Nước.

Ở quẻ này Trời ở trên, Nước ở dưới Trời soi xuống dưới nước, in hình xuống dưới nước, mà nước đây ở dưới không bốc được lên Trời.

Trời in hình ở dưới nước, mâ nước hóa được thành mây bay lên Trời vì vậy mới có sự tranh-biện.

Tiết 2. 彖曰：訟，上剛下險，險而健訟。

D.A. Thoán viết : Tụng, thượng cương hạ hiểm, hiểm nhi kiện tụng.

D.N. Lời Thoán nói rằng : Quẻ Tụng trên cứng dưới hiểm, hiểm mà mạnh là quẻ Tụng.

B.C.N.H. Đây lấy đức của quẻ mà thích nghĩa tên quẻ. Hào cửu-ngũ cứng-mạnh trung-chính cư tôn vị có tượng Đại-Nhân.

Truyện : Tụng nghĩa là cầu biện-bạch thị-phi nên lợi thấy Đại-nhân, người ở chỗ ấy phải trung-chính vậy.

Họ Dương nói rằng : Cái Kiện Ngu Nhuế tranh ruộng, ắt muốn gặp Văn-Vương, nên có cái ý muốn Kiện để làm rõ sự thành-thực hay dối-trá của tụi « Thử-nha » [1] « Tước-giác » [2] muốn gặp Chiêu-Bá nên cái lý của sự Kiện được minh-mẫn là bậc Đại-nhân nghe Kiện vậy, không phải bậc trung-chính có thể được ư !

LỜI-BÀN : Trên này theo Chu-hi nói là lấy đức của quẻ Kiền ở trên, và quẻ Khảm ở dưới để giải-thích cái nghĩa quẻ Tụng.

Xét xem đức hai quẻ nói trên. Quẻ Kiền hợp bởi 3 hào dương tức là quẻ thuần dương, dương có đức cứng-mạnh, quẻ Khảm hợp bởi hai hào âm ở giữa có hào dương, tức là hào dương bị hai âm che lấn cho nên đức của nó là nguy-hiểm.

Theo ngôi vị hai quẻ hợp thành quẻ Tụng ta thấy rõ là trong có sự hỗn-độn nguy-hiểm mà ngoài lại có sự cứng-mạnh. Hai đức-tính của hai quẻ không hợp nhau cho nên mới sinh ra tranh-dành đố kỵ nhau mà thành Kiện-Tụng.

Ở đời sự Kiện nhau chỉ do không có sự thực, không có tín đức mà ra thôi vậy.

Tiết 3. 訟有孚窒，惕中吉，剛來而得中也，終凶。訟不可成也，利見大人，尚中正也，不利涉大川入于淵也。

D.A. Tụng hữu phu trất, dịch trung cát, cương lai nhi đắc trung dã, chung hung. Tụng bất khả thành dã, lợi kiến Đại-nhân, thượng trung - chính dã, bất lợi thiệp đại xuyên, nhập vu uyên dã.

D.N. Quẻ Tụng, có sự thực (a) bị che lấp (b) ở trong sợ, tốt (c), cứng đến mà được ở giữa vậy (d), về sau hung (e). Việc kiện-tụng không thể thành (f). Lợi thấy người Lớn là chuộng sự trung-chính. Không lợi qua sông lớn, vào trong vực (g) thẳm vậy.

B.N.C.H. Đây là lấy sự biến của quẻ, thể quẻ và Tượng quẻ để thích nghĩa lời quẻ.

LỜI-BÀN : Sự thật bị lắp thì có sự uất-ức, có uất-ức mới sinh ra Kiện-tụng.

a) Sự thật bị che lấp đây là Tượng nó ở hào cửu-nhị quẻ Khảm có một dương ở giữa hào nhị gọi là hào nhị thực (vì âm là hư mà dương là thực) sự thực ở giữa hai hào âm ở trên và dưới hãm hào dương vì vậy gọi là che-lấp.

b) Có sự sợ hãi ở trong. Hào dương cứng bị hãm ở trong quẻ Khảm là dương hãm trong chỗ hiểm vì vậy mới gọi là ở trong có sự sợ-hãi.

---

[1] *« Răng chuột » nhỏ, hay cắn bậy.*
[2] *« Mỏ sẻ » mò thủng nóc nhà (Kiện vặt).*

c) Thì tốt. Sao lại tốt ? vì rằng : Phàm đi Kiện, bên nguyên và bên bị đều sợ-hãi, Quan Tòa nếu cũng sợ xử không được minh-mẫn, sợ oan cho người bị cáo thì mới tốt được, vì vậy mới nói « có sự sợ-hãi ở trong thì tốt vậy ».

d) Cứng đến mà ở giữa vậy. Đây nói quẻ Khảm có dương cứng ở giữa, nhưng sao nói cứng đến ? là vì quẻ ở thể dưới lại có ba hào đều ở ngôi không được chính-đính, hào cửu-nhị là ngôi âm mà có dương ở đấy nên nói : Dương đến ở giữa. Vì vậy mới nói « cứng đến ».

e) Sau cũng xấu. Theo quẻ Khảm hào cửu-nhị làm chủ quẻ ở đây là chủ sự hiểm-mạnh.

Trên có hào chính ứng lại là hào cửu-ngũ chủ quẻ Kiền là hào dương cứng quá mạnh. Như vậy dương gặp dương thì xung nhau và xấu. Hóa cho
nên nói theo Kiện đến cùng thì xấu vậy.

f) Kiện không thể thành. Hào cửu-ngũ là chủ quẻ Tụng được đức Trung-chính là hào dương cứng ở ngôi tôn-quí như vậy tượng là người Lớn, người Lớn ở ngôi Trung-chính thì chuộng sự công-minh hóa cho nên khi lên đến hào ngũ thì sự Kiện không thành được, thấy người Lớn thì lợi vì người Lớn có công tâm và đức Trung-chính để khuyên-răn nên sự kiện-tụng nhau không thành.

g) Vào trong vực, là vào nơi nguy-hiểm không lợi ở sự qua sông lớn (đã giảng ở trên) vẫn biết là không lợi lại còn nguy-hiểm nữa. Nếu người xem không nghe lời răn của Thánh-nhân thì cũng như sự đem thân vào trong vực là trong nơi tù ngục nguy-hiểm vậy.

Tiết Tiết 4. 象曰：天與水違行，訟，君子以作事謀始。

D.A. Tượng viết : Thiên dữ thủy vi hành, Tụng, Quân-tử dĩ tác sự mưu thủy.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Trời với nước đi trái nhau là quẻ Tụng, người
Quân-tử lấy đó mà mưu tính lúc đầu để làm việc.

Truyện. Trời trên nước dưới, đi trái nhau, hai thể trái nhau do đó có sự Kiện-Tụng. Người Quân-tử xem Tượng trên phàm làm công-việc gì ắt phải nghĩ-ngợi từ lúc đầu, để dứt hẳn cái khởi-thủy đa-đoan của sự Kiện-Tụng, thì sự Kiện không do chỗ nào mà phát sinh ra được.

Họ Hạng nói rằng : Việc trong Thiên-hạ, không thể thấy vì chỗ tế-vi (nhỏ bé) mà không cẩn-thận.

Như Tào-tháo Lưu-Bị cùng ăn mà đất phân giữa lúc ăn-uống. Tô-Phùng Sử-Khải (đời Ngũ-đại) diệt nhà Tống, sự phẫn-nộ khởi trong sự nói cười. Lời răn bảo bắt đầu từ lúc mưu sự chưa được thâm-xâu mà rõ khắp cả vậy ru !

B.N.C.H. Trời trên, nước dưới đi trái nhau, làm việc mưu-tính từ đầu thì sự Kiện-tụng phải tuyệt vậy.

LỜI-BÀN : Trời với nước đi trái nhau (trên đã giảng) ắt là nghịch nhau thì phải có chuyện Kiện-tụng, Thánh-nhân răn rằng : «Người Quân-tử đã hiểu cái thuận nghịch của Trời-Đất, công-việc trước khi làm phải mưu-tính cẩn-thận từ đầu thì còn chỗ nào mà phải Kiện-tụng.

Đây lấy tượng của quẻ để đặt tên quẻ Tụng. Kiền tượng Trời ở trên và Khảm tượng Nước ở dưới. Hai thể tượng chất khác nhau như khí Trời thì hay bốc lên cao và Nước thì chảy xuống chỗ thấp. Vì lý ấy nên mới là «vi-hành» nghĩa là cái tính-chất hành-động nghịch nhau.

Tiết Tiết 5. 初六：不永所事，小有言終吉。

D.A. Sơ lục : Bất vĩnh sở sự, tiểu hữu ngôn chung cát.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào sơ-lục : Chỗ làm không lâu, có điều tiếng ít về sau tốt.

LỜI-BÀN a) **Chỗ làm không lâu :**

⚊ *Tuất*	Hào sơ-lục là hào âm ở ngôi
Thế ⚊ *Thân*	dương hào chưa mạnh mà ở
⚊ *Ngọ*	thể dưới của quẻ Khảm tượng
⚋ *Ngọ*	sự nguy - hiểm ở vào nơi nguy-
Ứng ⚊ *Thìn*	hiểm mà hào lại âm mềm, thì
⚋ *Dần*	khó lòng mà ở yên được,

huống chi lại có hào ứng là hào Cửu-tứ là *dương, dương hút âm* như vậy gọi là chỗ làm không lâu, theo ý-nghĩa quẻ Tụng là việc định kiện không lâu, không đến cùng được vì ở ngoài (hào 4 ở quẻ ngoài) có người hưởng-ứng mà hút âm ở hào Sơ-lục.

b) Có chút ít điều tiếng. Nếu đi kiện mà không đến cùng thì sự tổn-hại và sự xấu không đến nỗi quá, nhưng đã đi kiện thế nào cũng phải thiệt-hại, không đến cùng thì hại không lớn, ở đây thì hại ít cho nên nói là có chút ít điều tiếng.

c) Về sau tốt. Trên có người hưởng - ứng, âm-dương hút nhau bỏ được nơi hiểm, giữ được khí thái-hòa như vậy là lợi là tốt.

Theo quẻ an 12 chi, hào Sơ-lục là Dần thuộc Mộc và hào Cửu-tứ là Ngọ thuộc Hỏa. Mộc sinh Hỏa cho nên sau tốt.

Tiết Tiết 6. 象曰：不永所事訟不可長也。雖小有言其辨明也。

D.A. Tượng viết : Bất vĩnh sở sự, Tụng bất khả trường dã. tuy tiểu hữu ngôn kỳ biện minh dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : chỗ làm không lâu, việc kiện không thể kéo dài vậy,
tuy có chút ít điều tiếng là sự biện-luận rõ-ràng vậy.

LỜI-BÀN : Sự kiện đã không thể kéo dài, là vì sự hiểm mới ở lúc đầu cho nên nói như vậy.

Đi kiện mà gặp được người sáng - suốt bầy tỏ sự hơn lẽ thiệt, điều phải lẽ trái cho một cách rõ-ràng thì sự kiện đâu có kéo dài được, không kéo dài thì không có hại lớn nhưng đã đi kiện thì thế nào cũng phải hại chẳng ít thì nhiều vì vậy phải chút ít điều tiếng. Người biện-luận rõ-ràng ở đây là dương cứng ở hào 4 hưởng-ứng với hào Sơ-lục âm mềm mà cứu cho vậy.

Tiết Tiết 7. 九二：不克訟歸而逋。其邑人三百戶无眚。

D. A. Cửu nhị : Bất khắc Tụng, qui nhi bô. kỳ ấp nhân tam bách hộ vô sảnh.

Dịch-nghĩa: D. N. Hào Cửu-nhị : không kiện được, về mà trốn, người cùng ấp có 300 nhà không phải vạ.

B.N.C.H. Hào Cửu-nhị là hào dương cứng làm chủ sự hiểm và gốc muốn kiện, tuy - nhiên lấy cái cứng ở chỗ mềm, được ở giữa quẻ dưới mà trên hưởng - ứng với hào cửu - ngũ là hào dương cứng ở ngôi Tôn-quí, thế không thể địch được, cho nên lời chiếm và tượng nó như thế . Người làng 300 nhà, tức là làng nhỏ ý nói tự sử bằng hương-ước của làng nhỏ thấp hẹp đề cho khỏi tai-nạn. Người chiếm nếu thế thì không phải vạ vậy.

LỜI-BÀN. *Không được Kiện.* Hào Cửu-nhị, dương cứng đến là chủ quẻ Khảm, làm chủ sự hiểm, cứng mạnh chủ sự hiểm - độc quanh mình toàn kẻ hiểm thế ắt có kiện - tụng hào 2 ứng với hào 5. Hào 5 dương cứng ở ngôi Tôn-quí, chính ngôi. Hào 2 và hào 5 cùng là dương cứng. Hai dương chọi nhau, hào hai phải thua địch sau lại hào 5 là hào dương cứng ở nơi Trung-chính và Tôn-quí vì vậy nói thua kiện.

Trở về mà trốn : Trốn nghĩa là ở chỗ kín cho người ta khỏi trông thấy. Đây là hào Cửu-nhị ở giữa quẻ có hai hào âm bọc ở trên và dưới vì vậy bảo về mà *trốn* vậy.

Ấp 300 nhà chữ « Ba » có ý - nghĩa là « Tam-Tài » ở trong người là : « hồn, vía, xác »
nói về thể ngoài là « cha mẹ con ». Tượng 300 nhà là một ấp nhỏ, và đối trong quẻ là 3 hào dương của quẻ Kiền đồng thể với hào Cửu - nhị, còn hai con số không (0 0) là để tượng sự biến-hóa vô-cùng, hai, ba, bốn v. v... con 0 với số 3 thành những con số biến - hóa vô-cùng

Tại sao lại gọi là ấp mà không gọi là huyện là tỉnh ?

Là vì : 1°) *Ấp là làng mới lập,* ở đây mới là hào thứ hai ở giữa quẻ dưới, như vậy là *mới,* hào thứ 2 lâu hơn lúc mới đầu một ít.

2°) **Gọi là ấp là có ý-nghĩa liên - lạc mật - thiết với nhau,** là vì quẻ Khảm ở dưới, và hào 2 tượng ruộng cho nên gọi là làng, ấp có ý còn giữ cái nghĩa đồng áng ruộng nương.

3°) Vì người ở ấp có liên-lạc mật-thiết hơn, phần nhiều trong một làng hầu-hết là người trong họ, hay là lúc sơ-lập lên ở nơi đồng-

không mông-quạnh bao giờ cũng có sự mật-thiết hơn là ở nơi đô-thị đông-đúc. Ấp còn ngụ-ý đối với người là ba thể nói trên. Ba thể đó hợp lại thành một người như tất cả người làng cùng họ cũng ở một ông Tổ mà ra vậy.

Vì vậy Thánh-nhân dùng chữ *Ấp.*

— **Không phải vạ.** Hào Cửu-nhị làm chủ sự hiểm, tức là làm chủ cái ấp 300 nhà ấy đi kiện người Trên, bị thua đáng lẽ, đối với ấp thì phải vạ. Nhưng ở đây vì ấp có ít người, và nó là chủ - sự hiểm, chung-quanh đều là kẻ hiểm - độc, hợp được với nó vì nó là dương với hai hào âm (âm dương hút nhau) vì vậy đối với hương - ước của cái ấp nhỏ thì nó không phải vạ.

Tiết Tiết 8. 象曰。不克訟。歸逋竄也。自下訟上。患至掇也。

D. A. Tượng viết : bất khắc tụng, qui bô thoán dã, tự hạ tụng thượng, hoạn chí xuyết dã.

Dịch-nghĩa: D. N. Lời Tượng nói rằng : không được kiện, về trốn lánh đi vậy, tự dưới kiện trên, hoạn-nạn đến hứng lấy vậy.

B.N.C.H. Xuyết là tự hứng lấy.

LỜI-BÀN : Kẻ dưới kiện người trên, đã không được còn phải trốn - tránh, đó là tự rước tai - họa, cũng như kẻ tiểu - nhân khích - bác người Quân-tử vì nó tưởng việc làm của nó hay hơn và Đức của nó lớn hơn. Nhưng đâu có thể thế được vì cái Đức của người Quân - tử đã đến ngôi tôn-quí sáng ngời thì làm sao kẻ tiểu-nhân sánh kịp. Nhưng đã trót khích-thích thẹn - tiếc, phải lánh đi, đã không được nhờ răn-dậy của Thánh - hiền lại còn phải lén lút, cái Đức bị mờ-tối thật là tự deo lấy cái họa vào mình vậy.

Tiết Tiết 9. 六三：食舊德。貞厲。終吉。或從王事无成。

D. A. Lục-tam : Thực cựu Đức, Trinh-lệ, chung cát, hoặc tòng Vương sự vô-thành.

Dịch-nghĩa: D. N. Hào Lục-tam : Ăn theo Đức cũ, trinh-bền lo sợ, về sau tốt, hoặc theo việc Vua không thành.

B.N.C.H. Chữ « *thực* » đây là do ở chữ « thực ấp », « Lộc làng » tức là nói cái được hưởng. Hào Lục - tam là hào âm mềm không phải kẻ hay kiện cho nên cứ giữ nết cũ, ở cho chính - đính thì tuy có nguy nhưng sau được tốt. Nhưng hoặc ra mà theo làm công-việc người Trên thì ắt cũng không thành công. Người chiếm nên giữ lấy lẽ thường không ra là lành vậy.

LỜI-BÀN : *Ăn theo Đức cũ.* là giữ lấy lẽ thường, đừng muốn lên cao mà sinh chuyện, ở đây hào âm mềm ở ngôi dương là hào trên quẻ dưới (quẻ Khảm), nghĩa là bực tột - cùng của sự hiểm, đừng nên động, đừng ham lên cao, như trong dân làng *phần việc làng* được hưởng bao nhiêu cứ theo như lệ cũ, cứ giữ-gìn bền-chắc, và biết lo sợ thì sau được tốt (có ý nói là đừng có ham sự ăn trên ngồi trước mà sanh chuyện kiện-tụng). Biết lo sợ thì tránh được kiện.

Hoặc theo việc vua không thành. Hào âm mềm ở ngôi trên quẻ dưới lại được ngôi dương. Tuy mềm nhưng mạnh, vẫn có ý muốn tiến-thủ nếu động mà theo dương cứng ở Trên hào Thượng-cửu là dương cứng cùng-tột là hào hưởng-ứng với nó. Thì việc cũng không thành được vì hào Lục-tam là mềm mạnh nhưng
cái đức mỏng-manh động thì sẽ nguy-hiểm, vì nó ở trên quẻ dưới giáp với hào dưới quẻ trên, có theo người trên làm việc cũng không thành vì Đức nó mỏng-manh vậy.

Tiết Tiết 10. 象曰：食舊德。從上吉也。

D.A. Tượng viết : Thực cựu Đức, tòng thượng cát dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Ăn theo Đức cũ, theo người trên tốt vậy.

B.N.C.H. « Tòng thượng cát » nghĩa là tùy theo người trên thì tốt, tỏ rằng việc gì tự-chủ thì không thành-công.

Họ Hồ nói rằng : Ngôi phải sứng với Đức mà ở nên an cái Đức ở ngôi mình, không ngôi nào quá cái Đức của nó. Ăn - uống cũng phải sứng với Đức nên có đức Tin ở chỗ ăn - uống, không có sự ăn-uống tin ở Đức bao giờ. Ba hào âm mềm gốc không hay kiện - tụng là kẻ hay an-phận thủ-thường, tuy có hại nhưng tốt.

LỜI - BÀN. Đây có cái nghĩa an-phận mà phải tùy theo nhời dậy-bảo của người trên phải
vui lòng lãnh lấy nhân - quả của mình, Đức mình bao nhiêu, được hưởng bao nhiêu lộc, vì vậy gọi là « ăn theo Đức cũ » không dòm ngó thèm thuồng kẻ Trên, chỉ nên an - phận và tuân theo mệnh-lệnh của Trời vì cái phần xác của người đâu có phải của người, ý-tưởng của người đâu có phải của người. Người phải an-phận để hưởng lấy cái quả mà người đã gieo nhân trong kiếp trước và yên-vui trong công-việc mà làm theo Trời vậy. Người đâu có phải là chủ của người. Người chỉ là một vật thụ-động và phát động theo các đấng thiêng-liêng thì cái « Ta » thật của con người mới sáng tỏ, mới gạt-bỏ được những cái duyên - nợ nặng - nề mà con người đã chồng - chất trong mấy mươi kiếp, hòng thoát khỏi cái bánh xe luân-hồi khổ-cực. Vì vậy Thánh-nhân khuyên người nên giữ lẽ thường an-phận, nghe theo người Trên thì tốt.

Tiết Tiết 11. 九四：不克訟。復即命。渝安貞吉。

D.A. Cửu-tứ : Bất khắc tụng, phục tức Mệnh, thâu an trinh, cát.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Cửu-tứ : không được kiện, trở lại Mệnh mình, đổi ra an-phận, chính-bền tốt.

B.N.C.H. Chữ « Tức » nghĩa là tựu đến, chữ « Mệnh » là chính-lý, chữ « Thâu » là biến-đổi, Hào Cửu-tứ cứng mà không được trung - chính, cho nên có tượng kiện-tụng, lấy cái chỗ nó ở ngôi mềm lại làm « không được kiện mà lại đến được chỗ chính-lý », thay-đổi tâm-tình, an-phận ở trên nơi chính-đáng. Người xem như thế thì tốt.

LỜI-BÀN : Hào Cửu-tứ là hào dương cứng ở ngôi âm như vậy là dương đã cứng lại ở ngôi cao. Hào này tượng Đại-thần quyền đã mạnh trên có Vua chính ngôi tôn-quí là bậc Minh-quân, dưới có các Công-Khanh, mềm thuận chiều theo, lại ứng với kẻ-sĩ (hào Sơ-lục) thì kẻ-sĩ tự đến kính-phục. Tuy trong thể quẻ Tụng thật, nhưng trên dưới không kiện ai được. Dương cứng mạnh thì hung-hăng, thích tranh - biện kiện - cáo nhưng xét trên và dưới không kiện ai được thì sự hung - hăng đó tự-nhiên lại trở lại Mệnh nó. Một khi người ta nghĩ trở lại Mệnh của mình, là tự xét mình, biết xét mình vả lại là bực cứng sáng ắt thấy điều hay, lẽ phải phân-biệt lành dữ rành rẽ, vì vậy mà đổi
được lòng mình, đang hung-hăng càn-dở đổi được ra an-phận chính - đính bền-bĩ, như vậy thì tốt vậy.

Tiết Tiết 12. 象曰：復即命。渝安貞不失也。

D.A. Tượng viết : phục tức mệnh, thâu an trinh bất thất dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : trở lại Mệnh, đổi ra an-phận, chính - bền không mất vậy.

LỜI-BÀN. Nếu trở lại được Mệnh, được về chính-lý đổi ra an-phận, chính-đính bền-bỉ thì Trên đối với Vua không là kẻ bất - trung, dưới đối với Công-khanh không là người hà-hiếp, ức-bách, dưới nữa đối với kẻ-sĩ không phải là người không chuộng Nghĩa, tôn Hiền. Trở về được đường chính thì không mất những điều như trên vậy.

Tiết Tiết 13. 九五：訟元吉。

D.A. Cửu-ngũ : Tụng nguyên cát.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào cửu - ngũ : Kiện - tụng, nguyên-vẹn tốt.

B.N.C.H. Đây là người có đức dương cứng ở chính giữa ngôi tôn - quí, nghe điều kiện-tụng mà được công - bình ấy vậy. Người Chiếm gặp hào này, thì việc kiện mà có lý ắt tỏ được sự ám-muội ở trong vậy.

LỜI-BÀN Đây là hào Cửu-ngũ, hào dương ở ngôi dương tức là dương cứng ở chính giữa ngôi tôn-quí. Đây ví như một bậc tôn-quí sáng-láng vô-ngần. Việc kiện có ý-nghĩa là sự mờ ám, mà gặp hào này thì sẽ được tỏ rõ hết những điều khuất-khúc mờ tối đến đâu cũng có thể giải ra được. Cho nên nói : Sự kiện đến đây là hoàn-toàn tốt lành vì nhờ cái ánh-sáng Công-lý soi rõ hết sự oan - khuất vậy.

Tiết Tiết 14. 象曰：訟元吉以中正也。

D.A. Tượng viết : Tụng nguyên cát, dĩ trung-chính dã

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Kiện-tụng, nguyên-vẹn tốt, vì trung-chính vậy.

Truyện : Lấy đức Trung-chính ở ngôi tôn-quí là người xử kiện. Xử kiện mà có đức Trung-chính sở dĩ Đại-cát mà tận Thiện.

Họ Mao nói rằng : Xử dân-chúng không tranh nhau thì dùng Tòa-án, xử Chư-Hầu không tranh-nhau thì ủy-thác cho nối-nghiệp, nhưng Thiên-hạ thường hay tranh nhau đó là cái Thế vậy. Sở dĩ nói lợi thấy Đại-nhân, là lợi người chủ việc ấy. Hào Cửu-ngũ là chủ xử kiện, là quan về Hình Ngục, đều phải cho đáng ngôi bất tất phải là Nhân-quân. Nhưng bậc Nhân-quân trong sự kiện - tụng là lớn, không nghe xử hình-ngục mà lấy pháp-chế của nhà Vua phóng-chế được. (Quan Tư-khấu làm thành cáo - trạng lên Vua). Bởi vậy đặt ra chức Châu-Quan gọi là « Võng Thu » [1] trong các việc Ngục. Việc hình-ngục nhỏ bất-tất phải xử.

Họ Hồ nói rằng : Cổ - nhân không quí ở chỗ kiện-tụng mà quí ở chỗ không kiện nhau. Hào sơ là không kiện lâu, Hào tam không kiện, Hào tứ, nhị không bỏ kiện, ở dưới đều không kiện. Hào Cửu-ngũ sở-dĩ là cuộc Tụng được Nguyên-cát vậy.

Họ Dẫn nói rằng : chỉ có đức Trung thì mới không nghe việc xử kiện một cách thiên-lệch ; chỉ có đức Chính mới không có sự tư riêng thì

[1] *Thu như đánh cá, điều-tra hạch-hỏi để lập thành cáo-trạng theo hành-chính.*

những sự trong Thiên-hạ không phát ra, như chuyện thị-phi, khúc trực đều lấy đức Trung-chính mà chế-biến cái tai-họa về sự Kiện-Tụng. Đây sở dĩ nói : Đại cát, là : chuộng đức Trung-chính (Thoán), là : lấy đức Trung-chính thì biết cách xử kiện của bậc Nhân-quân ; như xử ngục-tụng đời Thuấn mà người hai đất Ngu, Nhuế trở về nhường nhau để rõ hào Cửu-ngũ này vậy.

B.N.C.H. Trung thì nghe không sai, chính thì đoán hợp-lý.

LỜI-BÀN. Sự Kiện là vì có sự mờ-ám phải nhờ đến Công - lý xét soi, ta thường nói « *Đèn Trời soi sét* » cho. Dùng chữ *Đèn Trời* là vì ông Trời là bậc tối cao đâu mà không tỏ rõ được và ông Trời là bề Trên của muôn loài, không ghen-ghét, không thiên - lệch với ai lấy sự sáng như ban ngày mà soi xét việc mờ-ám vậy.

Đức Trung là đức không thiên-lệch, tây-riêng với ai, cán cân Công-Lý bao giờ cũng bằng-phẳng. Đó là cái đức tối cần trong việc sử Kiện. Đến như sử việc người trên cũng không vì quyền-hành mà áp-chế làm thiên-lệch cán cân Công-lý, nếu sử anh
em, cha con thân-thích cũng không vì Tình mà châm-chế. Nên ta thường nhắc đến câu bất-hủ để làm khuôn vàng thước ngọc cho việc sử Kiện :

« Thương em anh để trong lòng.

Việc quan anh cứ phép Công anh làm ».

Đức Chính là đức chính-đính sáng soi, thông-suốt luật-pháp để khỏi lầm-lẫn, cốt để đoán hình-pháp cho đúng, thì sự Thưởng Phạt mới được Công-minh. Cho nên đức Trung-chính là một đức tối-cần cho nền Tư-pháp của Vạn-quốc thì sự Kiện-Tụng mới là nguyên-vẹn tốt-lành.

Tiết Tiết 15. 上九：或錫之鞶帶，終朝三褫之。

D. A. Thượng-cửu : Hoặc tích chi bàn đái, chung chiều tam trĩ chi.

Dịch-nghĩa: D. N. Hào Thượng-cửu : Hoặc ban cho đeo chiếc Đai to, hết buổi sáng ba lần lột lại.

B. N. C. H. « Giây lưng da » thuộc đồ trang-sức về y-phục, « lột » là cướp lại. Hào này lấy đức cứng ở cuối-cùng việc kiện, kiện mà được cho nên có cái Tượng ban cho mình và thụ phẩm-phục. Nhưng của vì kiện mà được thì lúc đầu có vẻ yên lâu được, cho nên lại có Tượng « hết buổi sáng ba lần bị lột lại ». Lời chiếm của hào này là hết việc kiện, kẻ vô - lý hoặc cũng được thắng, nhưng cái mà đã được sau ắt phải mất đi. Cái ý của Thánh-nhân làm điều răn này rất xâu-xa vậy.

LỜI-BÀN. Hào Thượng - cửu tức là hào dương cứng ở nơi cùng-tột cho nên Tượng việc kiện theo đuổi đến cùng, vì cái tính lương-thiện thái-quá của hào Thượng-cửu. Hào Thượng-cửu thì kiện với hào lục - tam. Tức như những bậc Hoàng-thân già lão kiện kẻ Công-khanh. Là bậc lão-thành, có họ với Vua trên Vua mà kiện Công-khanh thì làm gì mà không được (Công - khanh tượng của hào tam hào âm mềm địch sao lại với hào dương cứng ở ngôi trên) vì vậy sự được kiện, được ban thưởng như được ban một cái đai mà trọn buổi-sáng lột lại ba lần.

Buổi-sáng là ý nói lúc đầu theo ngày là lúc đầu trong ngày (buổi sáng, buổi trưa, buổi tối, ba buổi trong ngày) có nghĩa lúc mới đầu ban đã *lột lại ba lần* có ý-nghĩa hối-tiếc vì :

a) Ban thưởng về chuyện kiện-thưa mà xử cho người thân-cận được dù rằng lý phải, cũng có sự nghi-kỵ ở trong.

b) Sẽ mang tiếng là chuộng thân ghét kẻ-sĩ.

c) Làm cho kẻ được kiện lại nẩy sự kiêu-căng ỷ-lại mà làm càn nữa.

Vì vậy lột lại 3 lần, theo tâm - linh giải-chú : Cái đai là một thứ về y-phục đeo ở ngoài chung quanh mình mà các quan trong Triều-đình thường mặc để chầu Vua, đó là một đồ *phẩm-phục* (theo chức-tước). Một khi được kiện, thì người ta thấy vui-vẻ, nhẹ nhàng, sung-sướng, tự tôn tự đại là một kẻ thắng trận, tưởng như được ban cái đai theo Triều-phục, theo tâm-linh thì sự sung - sướng vui - vẻ đó kết thành những luồng điện êm-đềm và soi chung-quanh con người một khi người ta vui-vẻ hồn-nhiên. Như lúc Vua han cho cái đai quấn-quanh mình lúc đầu được vui-vẻ sung-sướng nhưng bị nhiều sự khích-thích mà tự làm mất đi. Như nghĩ đến hao công, tốn của, nghĩ đến sự vong-gia bại-sản, nghĩ đến cái thù-hằn với kẻ thua kiện sắp đến v.v. . thì hình như sự vui đó có ai lột mất vậy, nói 3 lần lột, ngụ-ý ba lần : lột ở hồn người, lột ở vía người, và lột ở xác người.

Như vậy thì kiện có được cũng còn có sự ăn-năn.

Tiết Tiết 16. 象曰：以訟受服亦不足敬也。

D.A. Tượng viết : Dĩ Tụng thụ phục, diệc bất túc kính dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Lấy sự kiện-tụng đề thụ sắc phục, cũng không đủ kính vậy.

LỜI-BÀN. Như trên đã nói Hoàng - thân được ban-thưởng vì kiện như vậy cũng không lấy gì làm đủ kính-trọng, vì còn nhiều lẽ khắt-khe trong đó.

Thánh-nhân dùng câu ban cho cái *Đai* tuy là một thứ trong phẩm-phục thật nhưng chỉ ban có cái *Đai* không thì mỉa-mai biết là chừng nào. Cái *Đai* chỉ có thể che được chỗ giây lưng quần. Vậy thì cái vinh-dự cũng đối như cái *Đai* sự hãnh-diện chỉ bằng cái *Đai* che chỗ

ngang lưng, nghĩa là một chút vinh-dự cho được thỏa -lòng vì người đã theo kiện tốn công tốn của thì Công-lý
cũng bồi - thường chút ít ví như đời này kiện nhau về danh-giá có kẻ tốn bạc vạn rốt cuộc được pháp-luật bắt bên bị đền « danh-giá » bên nguyên 1 đồng bạc cũng như cái ý « *ban cho cái Đai vậy* ».

Tóm tắt. Quẻ Tụng : Sự thật che-lấp, lo-sợ ở trong tốt về sau xấu, lợi thấy người Lớn, không lợi về sự qua sông lớn.

Hào Sơ-lục. Chỗ làm không lâu có điều tiếng chút ít về sau tốt.

Hào Cửu-nhị. Không kiện được, về mà trốn, người cùng ấp có 300 nhà không phải vạ.

Hào Lục-tam. Ăn theo Đức cũ, chính-bền, lo sợ, về sau tốt, hoặc theo việc Vua, không thành.

Hào Cửu-tứ. Không kiện được, lại đến mệnh đổi ra an-phận, chính-bền, tốt.

Hào Cửu-ngũ. Kiện-tụng nguyên-vẹn tốt.

Hào Thượng - cửu. Hoặc ban cho chiếc *Đai* to hết buổi-sáng ba lần lột lại.

TỤNG QUÁI TỔNG-LUẬN

Quẻ Tụng là phản quái quẻ Nhu. Nhu nghĩa là chờ-đợi mà Tụng nghĩa là Kiện-tụng.

Trong đời sự thật bị che-lấp, khúc - trực chưa rõ, thắng-phụ chưa phân, cũng chỉ vì danh với lợi cho nên mới có sự tranh - dành nhau. Tranh nhau nhỏ thì có chuyện thị - phi, sô - xát, đánh giết nhau, rồi

phải ra đến tụng - đình để phân ra thiện-ác, phải quấy ; lớn thì nước nọ đánh nhau thành giặc nóng giặc nguội đưa Nhân-loại vào cảnh can-qua đồ - thán, máu chảy xương tan.

Phương-ngôn tây có câu : « Cái lý bao giờ cũng về kẻ mạnh » « La raison du plus fort est toujours la meilleure » ta cảm thấy câu ấy là một câu vô-cùng bi-ổi, vô-nhân, nhưng sự thực thì như vậy. Ôi ! Công-lý ! Trong đời ô - trược này, nhân - loại đau-đớn khổ - sở cũng chỉ vì Danh với Lợi, chém giết nhau cũng chỉ vì lòng lang dạ thú chỉ muốn thỏa - mãn nhục - dục. Cho nên cái cán cân Công-lý cũng chỉ là lập ra để trừu-tượng mật sự Công - bằng dả - tạm mà kẻ yếu, kẻ ngắn cổ không bao giờ kêu thấu đến Trời.

Xưa cũng như nay, chỉ phi trong đời có Minh-quân xuất-thế, biết trọng những người Hiền
vào nơi trọng nhiệm thì mới gọi là có Công-lý. Như đời Tống có Bao-Công xử án như Thánh một cái án « Bàng-quí-Phi » đến tận đời nay cũng vẫn còn nhắc đến.

Trong đời bao nhiêu sự tế - nhị, khúc - triết, mắt thường không thể thấy được mà xét xử Công-minh như Bao-Công thì thật đã là đấng Thánh-minh về Công-lý.

Trong các nước hiện-tại quyền Tư-pháp là quyền thứ Ba trong nước, nhân-loại đã đưa quyền Tư-pháp lên như thế cốt để làm tỏ-rõ sự trọng-nhiệm của cái đèn Công-lý.

Trong Tượng-từ quẻ Tụng Thánh - nhân đã nói rõ lý-do, cách-thức và kết - quả của sự kiện-tụng. Nguyên Bị rốt cuộc sau cũng bị tổn - thất, ta thường nói « người thất kiện thì mất mười tám quan năm, người được kiện cũng mất mười năm quan tám » hay « được vạ thì má đã xưng » .

Xem 6 hào của quẻ Tụng thì thấy 4 hào nói không kiện, giữ lẽ thường thì tốt.

Đến hào Cửu - ngũ thì nói : Kiện nguyên-vẹn tốt.

Hào Thượng-cửu thì nói : hoặc ban cho chiếc đai to hết buổi sáng

ba lần lột lại.

Xem Tượng Thoán - từ quẻ Tụng thì rõ cả ảnh-hưởng và lời răn của Thánh-nhân từ đầu đến trót. Người cầm cán cân Công-lý phải là bậc Dương-minh ở ngôi tôn-quí thì ánh - sáng chiếu mới xa, xử xét mới minh-bạch.

Một nước mà Công-lý được rõ-ràng vô - tư thì dân trù nước thịnh, dân tâm không bị sao-xuyến tin chắc vào cái đức Công-minh của Tư-pháp, đến gặp Hổ, Báo cũng không sờn lòng. Một hôm Khổng-Phu-Tử đi qua một cái rừng thấy một Thiếu - phụ nằm bên một cái mả mới mà khóc. Ngài động lòng từ - tâm hỏi : « Tại sao ngươi khóc ? » . Người Đàn - bà đáp rằng : « Thưa Ngài, đây là tôi khóc con tôi mới bị hổ cắn chết, cách đây ba năm chồng tôi cũng bị hổ tha đi mà chết nên tôi khóc » .

Phu-tử bèn hỏi : « Tại sao ở đây có Hổ dữ mà ngươi không bỏ đất này đi nơi khác ? » . Đáp rằng : « Thưa Ngài, tuy ở đây có hổ dữ nhưng chính thể Công-Minh không dùng Hà - khắc trị dân, cho nên tôi mới ở đây » . Đức Phu - tử thủng-thẳng đi mà dậy các Đệ - tử rằng : Sự Hà-khắc bất-công còn nên sợ hơn Hổ dữ vậy » .

Hóa cho nên Công - lý trong một nước cần phải có những người Đức-độ, minh-triết, không có lòng tư riêng, xử xét tụng-hình minh - bạch tức là một thứ Binh-khí bén nhọn để bênh - vực che - chở người lành người thiện và để giết-hại kẻ ác người sằng. Xem kỹ quẻ Tụng trên này thì đã đủ dậy ta về sự Kiện-tụng và răn-dậy những người cầm cân Công-lý.

師 ĐỊA - THỦY SƯ - 7



Quẻ sư. Theo về Vũ-trụ khởi-thủy trong kinh Dzyan nói : lúc tranh-biện những bản-nguyên (quẻ Tụng) «Thi-tiết VI tiết 5» về kiếp thứ tư (hay là vòng luân-hồi thứ tư của đời sinh-tồn và của chúng-sinh chung-quanh bẩy tiểu-chu (7 petites rondes) các «Con» được linh tạo ra những hình tượng chúng.

Một phần ba từ chối, hai phần ba vâng lời (từ chối là cứng mạnh là dương) vâng lời là âm thuận.

Lời nguyền-rủa [1] đó tuyên-bố, chúng sẽ sinh ra trong giống thứ tư (Race) chúng sẽ đau-đớn và sinh ra sự đau-đớn đó là trận giặc đầu tiên (tượng quẻ Sư).

Nhân-loại sơ-khai thi-tiết IV **tiết 14 : Bảy đạo binh** là những chủ-tể sanh ra bởi cái thần-ý, súi dục bởi cái trí-tuệ làm thành cõi sinh-tồn, phân chia các hạng người, mỗi một người trong khu-vực của nó.

[1] ***Lời nguyền-rủa :*** *Không phải là một người nào một vị Thần Thánh nào tuyên-bố ra, nó chỉ là một cái nguyên-nhân vừa mới hợp thành, mà nó chỉ có thể sinh ra điều xấu xa và những cái ảnh-hưởng của cái nghiệp con người có thể dẫn người ta hành-động trái ngược với Tạo-hóa và sự tiến-bộ thường trong những lộn kiếp xấu-xa và trong sự đau-đớn.*

— Nhân vậy sau quẻ Tụng đến quẻ Sư (Sư đây có nghĩa là một đạo-quân có 2800 người hay tượng là quần-chúng) lúc mới đầu sơ-khai còn hỗn-bộn, gian-chuân, sau có sự tối-tăm âm-u thì lúc đó phải tranh-biện, kiện-tụng nhau. Kiện-tụng nhau ắt phải đông người, bên nguyên bên bị, kẻ chứng người cớ, phe này phe kia, thành đoàn thành lũ, khích bác súi dục nhau vì vậy mới có sự chiến-đấu, mới sinh ra quân-đội để tranh nhau thư hùng, mới gây nên những chuyện chém giết nhau như ngày nay đã tranh ăn uống, tranh đất đai bờ cõi với những khẩu-hiệu chính-trị nào là giải-phóng, nào là nhân-loại, bác-ái v.v...

— **Quẻ Sư.** Trên có quẻ Khôn, dưới có quẻ Khảm, tuy 6 hào có một hào dương ở hào 2 tức là hào tượng Thiên-hạ, một hào dương làm chủ 5 hào âm và ngôi ở giữa Thiên hạ như ông Tướng cầm quân vậy. (Nếu ngược lại quẻ Khảm ở trên Khôn ở dưới thì hào dương ở ngôi cửu-ngũ tượng là Vua được cả Thiên-hạ, một vị Minh-quân được Thiên-hạ đến chiều-thuận mà được thái-bình thịnh trị cả vì vậy quẻ này gọi là quẻ Tỷ (sẽ giảng ở sau).

Tiết Tiết 1. 師：貞，丈人吉，无咎。

D.A Sư, Trinh Trượng-nhân cát, vô cữu.

Dịch-nghĩa: D.N. Quẻ Sư (quân-lính) chính-bền Trượng-nhân tốt, không lỗi.

Truyện. Đạo Sư lấy cái gốc về chính-trị, hưng Sư huy-động dân-chúng để mình lấy Thiên-hạ mà không lấy sự chính-đính thì dân không theo, nên lấy đức chính-bền làm chủ. Sự huy-động ấy tuy chính-đính, người chỉ-huy ắt phải là người Trượng-phu tận thiện

vậy. Người Trượng-phu là người xứng-đáng tôn-nghiêm đốc xuất Ba quân tổng-huy dân-chúng, nếu không phải người mà dân-chúng tôn-quí, tin cậy, úy-phục, sao được nhân-tâm theo ? Như Tư-Mã Nhương-Thư được cất nhắc lên từ chỗ ty-tiện mà nắm dân-chúng, nhân-tâm không phục nên phải thỉnh cầu Trang-Mại làm Tướng.

Tề-cảnh-Công có hai bày-tôi : Công-Chiêu, Nhương-Thư làm tướng phạt Yến Hầu. Thư mời được Mại làm Giám-quân, Mại giữ không đúng
đường lối bị chém để răn quân-sĩ. Thất-cổ-Túc tiến đánh lấy lại được đất cũ.

Như thế gọi là Trượng-phu bất-tất phải ở chỗ sủng quí, chỉ cần có tài mưu, đức nghiệp để dân-chúng phục sợ thôi vậy. Như Nhương-Thư đã giết Trang-Mại thì chúng tâm úy-phục. Như Duy-Ân-Hầu (Hàn-Tín) bắt đầu từ ở chỗ vi-tiện, sau làm Đại-tướng bởi có mưu-kế có thể làm cho người tôn-quí sợ nể.

Họ Lã nói rằng : Người Trượng-phu là bậc lão-thành trì-trọng, điêu-luyện, như Triệu-Sung-Quốc.

Họ Lý nói rằng : Đạo Sư là đạo cầm quân chỉ ở đức Trinh mà không cần Nguyên - Hanh - Lợi. Phàm ra binh không phải như sự sinh-dục cần đức « Nguyên » nên mới không nói đức Nguyên Hanh Lợi để răn Thiên-hạ.

Chỉ ở chỗ tham công mà có sự nguy đến tính-mạng. Nhà cầm quân cần lấy sự đâm chém làm dụng, cho nên chỉ nói một đức Trinh vậy.

B.N.C.H. « Sư » là binh chúng, quẻ này dưới có quẻ Khảm trên có quẻ Khôn, Khảm thì hiểm, Khôn thì thuận, Khảm là nước, Khôn là đất, ngày xưa binh lính nhờ ở nhà nông (làm ruộng) dấu cái
thật nguy-hiểm trong cái thật là thuận, dẫu cái không đo lường được ở trong cái thật là Tĩnh, lại trong quẻ duy chỉ có hào cửu-nhị có một dương ở giữa quẻ dưới, là tượng làm Tướng. Trên dưới 5 hào âm phải thuận mà theo, tượng làm quân. Hào cửu-nhị lấy cái thể cứng ở dưới mà làm việc hào lục-ngũ lấy thể mềm ở trên mà dùng nó đó

là cái tượng làm Vua sai Tướng ra quân cho nên đặt tên quẻ này là « Sư ». **«Trượng-nhân»** là gọi bậc Trưởng-lão. Đạo dùng binh lợi về đức chính-đính mà dùng người lão-thành, bởi thế mới được tốt mà không có lỗi. Vậy răn người xem tốt cũng như thế.

LỜI-BÀN : Quân-lính theo đời bây giờ có : Lục, Hải, Không quân. **Lục - quân** là quân trên bộ trên đất ở đây tượng là quẻ Khôn, **Hải-quân** là quân dưới nước ở đây tượng là quẻ Khảm. **Không-quân** là quân đi máy bay trên không ở đây Khảm tượng mây. Trong quẻ Sư tượng hình cả quân-lính đủ hạng hiện ngày nay cách 6000 năm mới trả lời thật đầy-đủ cái tượng quẻ Sư.

Quẻ Sư, ngoài quẻ Khôn tượng đất, trung có quẻ Khảm tượng nước, đất để trồng **lúa** và nước để nhuần-thấm nhân vật. Hai thứ đó là thực-phẩm cần-thiết cho Thiên-hạ và quân-lính cũng phải do đó mà sống.

Trinh là chính - đính, bền-bỉ gan dạ đó là một đức-tính cần-yếu nhất trong quân-đội từ chủ Tướng cho đến anh binh nhì.

Trượng-nhân không dùng chữ Trượng-phu lại dùng chữ Trượng-nhân là nghĩa làm sao ? Trượng-phu là người cao 10 thước lại có trí khí hơn người còn Trượng-nhân là người **già cả** là bậc lão-thành như trong quân-đội những bậc Trượng-phu thì thiếu gì đầy giẫy những nào Đại-Tướng, Thiếu-Tướng Đại-Tá v.v... nhưng một bậc Trượng-nhân trong đám Trượng-phu ấy mới thật là khó. Chỉ-huy một đạo quân thật là khó khăn vì vận mạng hàng muôn người trong tay vị chủ Tướng, không những thế mà thôi, còn vận-mạng cả một Nước còn hay mất cũng ở trong tay vị thống-lãnh vậy. Như thế cái nhiệm-vụ của một vị Tướng to biết là bao nhiêu hóa cho nên Thánh-nhân lựa người **Lão-thành** thì mới có thể tốt mà không có lỗi.

Tiết Tiết 2. 彖曰：師衆也，貞正也。能以衆正，可以王矣。

D.A. Thoán viết : Sư chúng dã, Trinh

chính dã năng dĩ chúng chính, khả dĩ Vương hỹ.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Thoán nói rằng : Quân-lính là nhiều người, trinh - bền chính - đính vậy, có tài khiến được nhiều người, chính-đính có thể nên nghiệp Vương vậy.

LỜI-BÀN. **Sư** là **nhiều người**, nhiều người, nhiều óc, nhiều ý-tưởng, không ai giống ai, nhưng phải hợp-nhất, như vậy phải chính-đính, bền-bỉ đó là cái đức cần-thiết thứ nhất cho quân-sĩ.

a) **Chính-đính :** Là một đạo-luật để cho mọi người được nghiêm-chỉnh, có nghiêm-chỉnh mới nghe được hiệu-lịnh, và trong chỗ quân-sĩ là chốn đông người tạp-lạng, thì hiệu-lịnh là một thứ mà đến ai cũng phải tuân theo. Vì vậy quân-sĩ phải theo đường chính-đính mà phải nghiêm-chỉnh.

b) **Bền-bỉ** 1o/ Về thân-xác thì phải có sức lực giai bền để chịu đựng những sự cực gian-nan trong lúc xuất sư, lâm trận.

2o/ Về tâm-hồn cũng phải bền-bỉ can-trường gan dạ, phải có khối óc vững-chắc để theo mệnh-lệnh và phải nuôi luôn luôn trong óc cái khẩu hiệu « Tiến-thủ ». Vậy Trinh là một đức tính luyện cho các quân-sĩ đến một trình-độ chánh-đáng nghiêm-chỉnh.

Có tài sai khiến quân-sĩ được chính-đính nghiêm-chỉnh theo quẻ Sư thì rõ-ràng có 5 hào âm, và 1 hào dương. Dương ở đây lại được ở hào giữa quẻ Khảm ở dưới thì như một ông Tướng cắm trại ở trên đất, ruộng (tượng của hào cửu-nhị) 1 dương cứng hút 5 âm mềm chiều về cả như một ông Tướng mà 5 quân tuân mệnh-lệnh. Âm thì mềm thuận và vâng lời như vậy Thánh-nhân mới nói có tài sai-khiến quân-sĩ được nghiêm-chỉnh.

Được nghiêm-chỉnh là theo Binh-pháp duy-nhất, trở nên chánh-đáng có hàng ngũ chỉnh - tề tuân theo mệnh-lệnh của chủ Tướng, vì vậy mới tượng 1 dương và 5 âm mà 1 dương lại ở trên đất ruộng

mông-mênh. Quân-sĩ đã nghiêm-chỉnh dân-tình phải phục, đi đến đâu mà không thắng, sử Thiên-hạ như trở bàn tay, gây dựng nghiệp Vương nghiệp Đế có khó gì ? là nghĩa như thế.

Tiết Tiết 3. 剛中而應，行險而順以此毒天下而民從之吉，又何咎矣。

D.A. Cương trung nhi ứng, hành hiểm

nhi thuận dĩ thử độc Thiên-hạ nhi dân tòng chi, Cát, hựu hà cữu hỹ !

Dịch-nghĩa: D.N. (a) Cứng ở giữa mà có kẻ ứng (b) đi chỗ hiểm mà xuôi thuận (c) dùng cái đó mà giết hại Thiên-hạ mà dân theo, (d) còn lỗi gì vậy !

Truyện. Tài khiến dân-chúng đó đều là chính-sự có thể trị Thiên-hạ.

Họ Hồ nói rằng : Một dương mà năm âm đều là chỗ tả hữu của mặt Trời để tất cả trở về chỗ chính, là sự dùng binh của bậc Vương-giả. Lấy sự nhỏ-nhen bất-chính là cái thuật của hạng Bá-Vương. Hào nhị lấy cứng ở ngôi giữa, hào lục-ngũ theo làm chính ứng (chuyên-nhất tín-nhiệm) tuy đi vào đường nguy-hiểm mà lấy sự thuận động để ngăn bạo trừ loạn, Hùng binh không thể không «thương tài» «hại nhân», độc hại cho Thiên-hạ nhưng nhân-tâm theo, nên lấy cái nghĩa động ấy vậy.

Đời xưa (Thành-thang) đánh Đông thì Tây mong, là dân-tâm theo nên là tốt-lành mà không lỗi.

Họ Từ nói rằng : Cứng ở giữa mà ứng, đi vào nơi hiểm mà thuận, đó là cái Đạo làm Tướng.

B.N.C.H. Đây lại lấy thể của quẻ, đức của quẻ để thích nghĩa câu « Trượng-nhân cát vô cữu » cái
cứng ở giữa là nói hào **Cửu-nhị**, « ứng » là hào lục-ngũ ứng với hào cửu-nhị. « Hành Hiểm » là đi vào con đường nguy-hiểm, « thuận » là thuận lòng người. Những điều kể đây thì phi người có Đức của bậc Lão-thành thì không ai làm nổi.

« Độc » là hại, dấy quân - lữ không phải không hại cho Thiên-hạ, nhưng có tài đức ấy cho nên Dân mới vui lòng mà theo.

LỜI-BÀN : a) **Cứng ở giữa có kẻ ứng** đây nói hào Cửu-nhị hào dương cứng ở giữa quẻ Khảm ở dưới, tức là ông Tướng lúc nào cũng hình như ở giữa chốn nguy-hiểm vì vậy phải chính-đính bền-bỉ. Ngoài thì thuận, trên hào lục-ngũ có hào âm ứng với. Nói **Dương** hút **Âm** là thuận. Nhưng dương đây ở hào dưới làm ông Tướng mà âm ở hào Vua, âm mềm vậy. Nói là Vua sai ông Tướng cầm quân thì trái cách vì âm mềm sao lại sai dương cứng được ? Mà nói dương theo lệnh âm thì lại càng nghịch lắm ? Dương đây có đạo Trung-chính và Vua ở trên ở vào cảnh xuôi thuận. **Hồi xưa** như Văn-vương một đấng minh-quân đức lớn lúc thấy Khương-tử-Nha là người Hiền có thể làm Tướng thân chinh đến tận túp lều tranh ông ở mà làm lễ cầu Hiền.

Lưu-Bang phải đăng đàn bái Tướng tôn Hàn-
Tín lên làm Nguyên-soái sau được lên ngôi Đế. Hán-Cao-Tổ như hào âm ở ngôi tôn-quí tìm hào 2 dương cứng vậy. Như thế thì thuận mà dương cứng cũng hành-động theo đường thuận.

b) **Đi chỗ hiểm mà suôi-thuận :** Dưới thì hiểm, Trên thì thuận. Người Tướng là người chỉ-huy Ba quân vào nơi nguy-hiểm, đã làm Tướng xuất-quân ai mà không biết.

1°) Trên thì thuận với ý Vua.

2°) Dưới thì thấy sự nguy-hiểm đưa mình và muôn vạn sinh-linh vào con đường hiểm-ác. Đó là hai điều mà người làm Tướng phải giải-quyết.

c) **Dùng quân lính để ác-hại Thiên-hạ :** Có quân lính thì phải tổn về sinh - linh, phải hại về tiền của, mồ-hôi nước mắt của Thiên - hạ, đó là những sự hại cho Thiên-hạ.

d) **Mà được Dân theo.** Quân lính ai là không thấy sự nguy-hiểm ở trong Trận-địa, sự sống mỏng-manh như sợi chỉ hồng mà vẫn theo là vì để làm thuận-ý của Vua. Như vậy thì tốt. Để theo ý Vua, đấng Chủ-tể một nước, để giữ lòng Trung với Vua và giữ bờ-cõi và sự sống an - ninh cho đất nước, dù có tổn - hại đến sinh - linh, tài - sản đi nữa Thiên - hạ vẫn vui lòng
theo, vì nếu Nước mất thì nhà ắt tan giống nòi lại phải sống dưới gót dầy kẻ xâm-lăng tàn-ác, nên nói còn gì lỗi vậy.

Tiết Tiết 4. 象曰：地中有水。師。君子以容民畜眾。

D.A. Tượng viết : Địa trung hữu thủy, Sư, Quân-tử, dĩ dung dân súc chúng.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Trong đất có nước, là quẻ Sư, người Quân-tử lấy đó mà dung dân nuôi chúng.

B.N.C.H. Nước không ở ngoài đất, binh lính không ở ugoài dân cho nên nuôi được dân thì có thể nuôi được quân-lính vậy.

Truyện : Nước tụ ở trong đất là cái tượng dân-chúng tụ lại. Người Quân-tử xem cái tượng : Trong đất có nước, để dung-hòa bảo-trợ cho Dân, đó là cái tượng Nuôi Tụ.

Họ Lưu nói rằng : Đời xưa *Binh Nông* (quân-đội và nông-dân) hợp-nhất lúc yên - bình là

Dân trong tộc đảng Tỷ Lư (1), lúc quân-dịch thì làm Binh-lính trong Tốt, Ngũ, Quân, Lữ. Bao-dung họ, nuôi họ trong thời không công-việc mà dùng họ trong ngày có việc. Quân-đội tức là Dân vậy.

Họ Lý nói rằng : ở cuộc Sư (dung dân súc chúng) đời xưa người ta có phép Tỉnh - điền. Ở cuộc kiến Vạn-quốc, Chư-hầu qui-thuận người xưa có phép Phong-Kiến (phong cho sự kiến-lập).

Chu-tử nói rằng : Dịch thì tinh - vi, uẩn-súc như quẻ Sư có đức Trinh của Trượng-nhân thì tốt. Ở đây Thánh-nhân làm rõ cái tinh - vi, cái diệu-lý của Dịch, như dung dân súc - chúng các nơi. Nhân quẻ Sư để phát-huy cho tất cả chúng dân.

LỜI - BÀN : Nước ở trong đất ; Có nghĩa nhuần-thấm, nước với đất để nuôi cây cỏ, có cây cỏ mới nuôi-nấng bao - dung được người, được quân-sĩ. Hai đức - tính của người lão-thành để làm Tướng là : 1°) tính *bao - dung*, một đức-tính của Trượng-nhân để thu-phục kẻ-sĩ. Đó là một tình thường của người Tướng che - chở cho binh-sĩ về tâm-linh cũng như xác-thịt.

Đối với tâm-linh binh-sĩ được bao - dung thì vui-vẻ, mà đi vào chỗ hiểm không sờn - lòng nản-trí. Đó là nuôi cái nhuệ-khí cho dân-chúng, và dân-chúng tức là binh-sĩ.

2°) Còn về *thân-xác*, thì người làm Tướng phải lo cho quân-sĩ đủ lương ăn, cho xác-thịt được đủ nhu cầu, phải lo về sự tiếp-tế vận - lương.

Đời Chiến-quốc hồi Lỗ-mục-Công có Ngô-Khởi làm Đại - tướng cơm ăn áo mặc cũng đều một thứ như quân-sĩ nằm không trải nệm, đi không ngồi xe, trông thấy quân-sĩ khiêng vác nặng-nề, cũng đến làm hộ. Một tên quân bệnh đau giọt, Ngô - Khởi thân - hành chạy chữa thuốc thang rồi ghé miệng hút mủ cho nó. Quân-sĩ cảm cái ơn Ngô-khởi, khác nào như tình cha con, đều giang tay mắm miệng xin cố-sức đánh giặc.

---

[1] *Lễ nhà Châu cứ năm nhà gọi là một Tỷ, năm Tỷ gọi là một Lư*

Cái tình người làm Tướng đối với quân-sĩ cũng như cha đối với con như Ngô-Khởi thật hiếm có vậy. Vì cha đối với các con bao giờ cũng tuy là nghiêm - khắc nhưng vẫn có tình bao - dung và chăm lo cơm ăn, nước uống đầy-đủ.

Tiết Tiết 5. 初六：師出以律否臧凶。

D. A. Sơ - lục : Sư xuất dĩ luật phủ tàng hung.

Dịch-nghĩa: D. N. Hào Sơ-lục : Ra quân có luật-lệ, không thông mờ-ám thì hung.

B.N.C.H. « Luật » tức là phép, « Phủ tàng » nghĩa là *không giỏi*. Họ Thiệu nói rằng : « chữ phủ, Tiên-nho nhiều người dùng làm chữ « bất » 不 là chẳng như thế vậy. Hào này là hào đầu của quẻ là lúc khởi đầu việc quân-lính. Cái đạo Xuất-quân nên cẩn - thận từ lúc đầu, có luật thì tốt, không khéo thì xấu. Đó là răn người xem nên cẩn-thận từ lúc đầu mà phải giữ phép.

LỜI - BÀN : Phàm về việc Binh thì cần nhất hiệu - lịnh phải cho minh và pháp - luật phải cho tin và cho thông.

Ở đây hào đầu *quẻ Sư* nói lúc đầu của qnân-đội. Quân-đội ban đầu phải luyện - tập trước cần có pháp - luật làm đầu. Nếu hiệu - lịnh được rõ-ràng minh-bạch, pháp-luật được tinh - thông thì
đến đàn-bà con gái cũng có thể đem đi đánh giặc được.

Đời Chiến - quốc về thời Hạp - Lư vua nước Ngô có Tôn-Vũ được Ngũ-Viên tiến dẫn.

Hạp-Lư khi nghe xong 13 thiên binh-thư của Tôn-Vũ có phàn-nàn với Ngũ - Viên về nước nhỏ quân ít.

Tôn-Vũ bèn tâu : cứ như binh-pháp của tôi thì chẳng những dùng trong đám quân-sĩ mà thôi, dẫu đến đàn-bà con gái, biết theo hiệu - lịnh của tôi, cũng có thể xung quân đi dẹp giặc được.

Và xin Vua cho p'ép luyện-tập các cung-nữ cho nhà Vua coi. Hạp-Lư giao cho Tôn-Vũ 300 cung-nữ để luyện-tập. Tôn-Vũ tâu : Xin Đại-vương trọn cho hai người Sủng - Cơ (cung - nữ được Vua yêu) để làm Đội-trưởng thì hiệu-lịnh mới có thể thi-hành được.

Hạp-Lư truyền gọi Tả-cơ và Hữu-cơ đến mà bảo Tôn-Vũ rằng : « Hai nàng nầy là người yêu của ta, phỏng có làm Đội - trưởng được hay không ? »

Tôn-Vũ tâu : làm được ! Nhưng phàm việc binh tất có thưởng phạt thì hiệu - lịnh mới được nghiêm - chỉnh. Xin Đại - vương cho lập một người
làm Chấp-pháp, một người làm Quân-lại để tuyên-bố hiệu - lịnh, hai người làm Cổ-lại để cầm trống và mấy người làm Nha-tướng để cầm gươm giáo đứng ở trên đàn cho tôn-trọng sự-thể.

Hạp-Lư đều thuận cho cả. Tôn-Vũ chia đám cung-nữ ra làm tả-đội và hữu-đội. Hai đội đều mặc binh-phục và cầm binh-khí. Tôn-Vũ tuyên-bố hiệu-lịnh có 3 điều :

1.) Không được hỗn-loạn hàng-ngũ.

2) Không được cười nói rầm-rĩ.

3.) Không được làm trái pháp-luật.

Tôn-Vũ hẹn đến sáng ngày mai thì đều hội ại nơi giáo-trường để tập trận.

Hôm sau canh năm, Hạp - Lư ngự trên ngai xem. Tôn-Vũ ra làm mẫu-mực và giàn thành trận-thế. Lúc Tôn-Vũ đứng trên hạ-lệnh vừa dứt thì các cung-nữ đều bưng miệng cười. Chức *Cổ - lại* đánh một hồi trống. Các cung - nữ kẻ ngồi người đứng không được đều nhau. Tôn-Vũ đứng dậy nói rằng : hiệu-lịnh kh ông minh và pháp - luật không tin là tội Quan-tướng đó !

Tôn-Vũ truyền cho chức Quân-lại tuyên - bố hiệu-lịnh một lần nữa. Chức Cổ-lại đánh một hồi
trống, các cung-nữ đều đứng dậy, nhưng nghiêng nghiêng vẹo - vẹo, đổ xô vào nhau, vẫn cười như trước. Tôn - Vũ liền vén hai tay áo, cầm lấy dùi mà đánh trống. Lại tuyên-bố hiệu-lịnh như trước. Tả-cơ và Hữu-cơ cùng các cung-nữ đều cười tất cả.

Tôn-Vũ giận lắm, cau mày trừng mắt, liền gọi : chức Chấp-pháp đâu ?

Chức chấp-pháp đến quì ở trước mặt. Tôn-Vũ nói : Hiệu-lịnh không minh và pháp-luật không tin là tội tại Quan-tướng đó ! Đã truyền-bá hiệu-lịnh mà quân-sĩ không theo thì tội tại quân-sĩ đó ! Cứ theo quân-pháp thì nên trị tội gì ?

Chức Chấp-pháp nói : Nên chém !

Tôn - Vũ nói : quân - sĩ không thể giết hết được, ta nên trị tội hai người Đội-trưởng !

Tôn-Vũ truyền đem hai người nữ Đội-trưởng ra chém để làm gương cho quân - sĩ. Các Nha-tướng bèn trói Tả-cơ và Hữu-cơ điệu ra. Hạp-Lư ngồi trên đài sai Bá - Hi cầm cờ tiết đến nói với Tôn-Vũ rằng :

Ta đã-biết cái tài dụng binh của Tướng-quân rồi. Nhưng hai nàng ấy là người nâng khăn sửa túi của ta mà rất hợp ý ta lắm. Ta không có hai nàng ấy thì ăn không biết ngon, xin Tướng-quân tha cho.

« Tôn-Vũ nói : Việc quân không phải là việc đùa ! Tôi đã chịu mệnh làm Tướng rồi, thì khi ở trong đám ba quân, dẫu có mệnh Vua cũng không được phép theo nữa. Nếu theo mệnh Vua mà tha kẻ có tội thì sao cho quân-sĩ phục.

Tôn-Vũ truyền chém ngay Tả-cơ Hữu-cơ đem bêu đầu ở trước hàng quân. Các cung-nữ đều sợ run cầm-cập, không dám ngẩng nhìn, và nghe theo hiệu-lịnh, răm-rắp phương-pháp không sai một ly và im-lặng như tờ. Tôn-Vũ bèn sai chức Chấp-pháp đến tâu với Hạp - Lư rằng : quân - đội đã được chỉnh-tề rồi, xin tùy ý Đại-vương sai khiến,

bây giờ dẫu Đại-vương bảo nhảy vào đống lửa, cũng không ai dám lui tránh... Để tỏ rõ rằng luật-pháp nhà Binh nghiêm-trọng là thế nào. Pháp-lệnh không thông, mờ-ám là nguy-hiểm lắm vậy.

Tiết Tiết 6. 象曰：師出以律。失律凶也。

D. A. Tượng viết : Sư xuất dĩ luật, thất luật hung dã.

Dịch-nghĩa: D. N. Lời Tượng nói rằng : Ra quân phải theo luật, thất luật thì hung vậy.

Truyện : Hào Sơ là lúc khởi đầu cuộc Sơ, nên nói đạo Ra Quân, lấy hiệu - lệnh tiết - chế làm gốc ; sở-dĩ thống-chế dân-chúng mà không lấy luật-pháp chỉ lấy Tài cũng hung-hại.

Họ Hồ nói rằng : Hào sơ-lục tài mềm nên có sự răn là Bí, Tàng. [1]

Họ Lý nói rằng : Cam-Thí trị Thiên-hạ không dùng mệnh - lệnh mà giết Đỗ-Mục-Thí đi đánh không thể loạn phép, Châu-Quan Tư-Mã bắt đầu ra quân, sự tiến thoái đều có tiết thường. Lỗ-Hầu phủ-yên quân-đội, răn đừng đuổi theo, ngựa trâu, thần thiếp, để làm loạn bộ phân trong trốn Ba quân mà sau cũng không thể dùng trong cuộc Sư vậy.

LỜI-BÀN : Lúc ra quân xuất trận thì cần phải cho binh-lính thuần - thục từ đầu. Pháp - luật phải nghiêm như tiết trên nói chỗ Tôn - Vũ chém Sủng-Cơ, dù cho có lịnh Vua can cũng vẫn thi-hành đạo làm Tướng như vậy mới nghiêm - chỉnh, và thành hàng ngũ theo luật được.

Một đạo quân mất luật thì hỗn - độn quan-quân lúc thua thì mạnh ai nấy chạy, may ra mà

[1] *Cơ mật, giữ-kín.*

được trận thì mạnh ai cướp bạc hôi vàng, lộn-xộn như đàn ong vỡ tổ, như đàn sói lạc rừng. Như thế là một điều tối-kỵ trong Binh-pháp vậy.

Tiết Tiết 7. 九二：在師中吉无咎王三錫命。

D. A. Cửu-nhị : Tại Sư trung cát, vô cứu, Vương tam tích Mệnh.

Dịch-nghĩa: D. N. Hào Cửu-nhị : Tại giữa ba quân tốt không lỗi, Vua ban mệnh-lệnh ba lần.

B.N.C.H. Hào cửu-nhị ở dưới được các hào âm theo về mà có đức dương cứng ở giữa, trên thì ứng với hào *lục-ngũ* mà được hào ấy yêu-giấu, cho nên lời chiếm và tượng nó như thế.

LỜI-BÀN. Tôn - tử nói rằng : làm Tướng phải có : 1°) Trí. 2°) Nhơn. 3°) Kính. 4°) Tin. 5°) Dũng 6°) Nghiêm.

Thế cho nên : 1°) Trí là để giết kẻ địch.

2°) Có lòng Nhơn là để phù giúp quân-sĩ.

3°) Có lòng Kính là để chiêu người Hiền.

4°) Có lòng Tin tất sẽ thưởng.

5°) Dũng-mãnh để giúp-ích nhuệ-khí.

6°) Nghiêm-nghị để duy-nhất theo một mệnh-lệnh.

Cho nên giết kẻ địch thì phải theo sự biến-hóa. Phụ giúp quân-sĩ là nghĩ đến cái sức chiến - đấu. Cái trí-tuệ của người Hiền tụ-tập lại mà nghĩ mưu thì lợi. Có thưởng phạt thì ắt quân-sĩ phải tận-lực. Nhuệ - khí mà mạnh thì ích cho cái oai của binh-lính.

Lệnh là để bồi thêm cái oai.

Một lệnh thì chỉ duy có ông Tướng sai-khiến mà thôi.

Hào cửu-nhị là hào dương cứng giữa quẻ *Khảm* là một mình dương cứng sống ở trong sự hỗn-độn nguy-hiểm, và ở ngoài lại có 3 âm chiều theo nữa thì sự tập-tụ lại còn gấp bội.

Cho nên mới gọi hào 2 là Tướng-soái để lấy pháp-chính mà đem sự hỗn-độn vào qui-củ.

Ở trong đám tạp-hạng nếu mà quân hồi vô-lịnh thì sự nguy - hiểm không thể nói hết được, vì vậy người làm Tướng phải có nhiều đức-tính hơn người. Trên thì phải có Vua tin yêu, cho quyền lệnh, giao quyền cả Thiên hạ cho. Ta thường nói : « ngoài bờ thành quyền của quan Nguyên-soái, trong bờ thành quyền của Vua vậy ». Hóa cho nên sự cầu Hiền như Văn-Vương, đăng-đàn bái Tướng như Hán - Cao - Tổ là để giao tướng - ấn cho
ông Tướng trước mặt ba quân và cả Thiên-hạ. Quan Tướng có uy - quyền thì chấp-pháp mới mạnh. Vì vậy Thánh-nhân nói : « Vua ban cho ba lần mệnh ». Ba lần nghĩa là nhiều lần ban cho mệnh, giao cả cái mệnh của Thiên - hạ cho người Tướng-súy.

Ở trong quân giữ đạo vừa phải thì tốt. Ở trên đã nói 6 đức-tình của người làm Tướng, xét ra thì bao giờ cũng có đức cương đi với đức nhu để cho lúc nào cũng có cái khí thái - hòa trung-dung của Trời-đất như :

Có Nghiêm - nghị thì có lòng Tin sẽ được thưởng.

Có Dũng-mãnh thì có lòng Nhơn.

Có lòng Kính thì có Trí-định.

Xem như nghĩa trên thì 6 đức-tính dung-hòa với nhau luôn luôn vậy.

Tiết Tiết 8. 象曰：在師中吉。承天寵也。王三錫命。懷萬邦也。

D. A. Tượng viết : Tại Sư trung cát, thừa Thiên sủng dã, Vương tam tích mệnh, hoài vạn bang dã,

Dịch-nghĩa: D. N. Lời Tượng nói rằng : Tại giữa ba quân, tốt, thừa theo sự mến thương của Trời, Vua ban mệnh ba lần, là làm cho các nước trông đợi vậy.

Truyện : Quẻ Sư đây có hào Cửu - nhị là một hào dương mà các hào âm qui về, là chủ quẻ Sư. Từ xưa cho lệnh Tướng thống giữ việc quân ở ngoài, thì ở trong ba-quân được quyền chuyên-chế. Chuyên-chế mà được Đạo Trung, nên tốt mà không lỗi, đã xử đến chỗ tận Thiện thì thường thành-công mà an Thiên-hạ, nên Vua ban cho quyền-hành đến ba lần, sự ban thưởng hậu-trọng vậy.

Họ Ngô nói rằng : Ban quyền - hành như Vua ban cho Châu-Công làm Tể-tướng chức Tề-hầu, sai Nội - sử ban cho chức Tấn - Hầu. Lên đến ba lần là người chịu được mưa mác nhiều của Trời ban.

Họ Khưu nói rằng : Bậc Vương - giả dùng binh không phải ở mình, sự ham-thích giết-tróc khởi từ ở bản - tâm mình, nên ban cho ba lần có cái dụng chỉ ở chỗ làm thỏa-mãn người Tướng để muốn lấy vạn bang mà thôi.

LỜI-BÀN : « Thừa Thiên sủng » theo sự mến thương của Trời, tức là sự yêu-mến của Vua. Vua yêu thương 3 lần ban mệnh - lệnh tỏ rằng người làm Tướng giỏi, có tài cầm binh, đánh đông giẹp bắc, giữ chắc giang-sơn đất nước. Như nước ta về đời nhà Trần, quân Mông - Cổ xâm chiếm đất đai, bọn Thoát-Hoan hoành-hành đã lấy gần hết đất nước. Vua Trần-nhân-Tôn thấy dân đồ-thán trong bước can - qua lầm-than khốn-khổ bèn dịnh hàng. Đức Trần - hưng - Đạo tâu rằng : « Xin bệ-hạ yên lòng, còn đầu Thần thì giang-sơn còn ». Quả-nhiên một trận ở sông Bạch-Đằng làm tụi đuôi xam không đường mà chạy.

Về hồi gần đây, thế-kỷ thứ 18 Nguyễn-Huệ dương oai-hùng sang cả nước Tàu đòi lại Châu-Khâm Châu-Liêm. Những vị cái thế Anh-hùng như vậy trong nước thì Vua phải kính-phục và ủy-lạo công-phu, ngoài cõi thì muôn nước đều khen-ngợi và có lòng hoài-bão.

Trong một nước lúc nào cũng phải sợ hai cái họa : 1°) Nội-loạn, và 2°) Ngoại-xâm cũng như người ta mỗi người cũng là một ông Tướng trong đời mình.

Cũng phải theo 6 đức-tính kể trên, không thiên-vị thì con người sẽ được Trời ban cho 3 lần mệnh-lệnh : 1°) cho xác-phàm khoẻ-mạnh để làm con ngựa đưa người ta đi cho mãn kiếp.

2°) Cho cái vía dứt bỏ dần dần được lục - căn để khỏi bị nó phá-quấy tinh - thần và xác-thịt.

3°) Cho cái linh-hồn càng sáng - tỏ, cho trí-tuệ đến được chỗ Đại-quang-minh.

Người ta đối với đời mình cũng phải thận-trọng như một ông Tướng ra trận vậy.

Tiết Tiết 9. 六三：師或輿尸凶。

D. A Lục-tam : Sư hoặc dư thi hung.

Dịch-nghĩa: D. N. Hào Lục-tam : Quân-lính hoặc chở thây, Hung.

B.N.C.H. « Dư thi » nghĩa là quân-lính đi theo thua rồi chở thây mà về. Vì là hào âm ở ngôi dương, tài yếu trí cương, không trung không chính mà phạm vào việc không phải của phận mình làm, cho nên lời chiêm và tượng nó như thế.

LỜI-BÀN : Hào Lục-tam là hào âm ở ngôi dương đầu quẻ Khảm tượng sự hỗn-độn và nguy-hiểm. Cái thế rất mỏng - manh. Dưới không có người hưởng-ứng giúp cho, trên hào Thượng - lục ứng với hào lục-tam, mà không giúp được, lại chỉ muốn lánh xa và xô-xát. Như vậy cầm binh thì chỉ đưa binh-lính vào nơi máu chảy thành sông mà chở xác chết về mà thôi.

Tượng *chở xác chết về* là vì hào âm mềm trở về mà theo hào cửu-nhị. *Xác chết*, là tượng cầm quân thua trận to, trong thì mềm yếu ngoài đã không có người giúp chỉ có kẻ kình địch xô-xát (âm gặp âm) vì vậy mới tượng là chảy máu nhiều (máu là âm) mà chảy máu nhiều thì nhiều thây chết. Vì thế mới tượng là xe thây chết về. Tượng như vậy là hung.

Tiết Tiết 10. 象曰：師或輿尸大无功也。

D. A. Tượng viết : Sư hoặc dư thi, đại vô công dã.

Dịch-nghĩa: D. N. Lời Tượng nói rằng : Quân lính hoặc chở thây, rất không công vậy.

Truyện : Quẻ Sư là việc Binh ở ngoài, phải có nhiệm-vụ chuyên-nhất. Hào Cửu-nhị đã là hào dương *tín thực*, nếu lại khiến dân-chúng làm chủ nó là đạo hung vậy. (Xe nhiều thây chết chủ chỉ hào ba). Hào Sơ đầu phù hào 2, 3 có ý là yên thì thành công.

Họ Dương nói rằng : Lấy sự vâng mệnh-lệnh bất nhất của Chúng thì như Đường-dung-Tôn có 9 đạo quân ở Tiết - Độ mà không lập Thống-soái. (Vi-sử-Ân giỏi về việc Chính ở Thành-đô sửa-sang quan-lại. Ngư-chiều-Ân làm quan xét về tội lỗi trong quân - đội (Hiến-binh). Tuy họ Quách, Lý giỏi về binh-bị cũng không tránh

khỏi sự thua hại ở Thanh-Bình Tương-Châu thì sự hung của xe thây có thể biết được.

Họ Dương nói rằng : Quân ở Hà - khúc Triệu-độn làm Tướng mà ra lịnh cho Triệu-Xuyên ra quân (Tá - Văn 12, nhà Tấn, Triệu - độn làm Tướng ở Trung-quân ngăn quân Thái ở Hà-khúc. Duệ-Khu mang quân giỏi ngựa bền chờ ở Tán-khanh. Triệu-Xuyên mang ít thuộc hạ một mình ra giao chiến, vừa giao ngựa thì lui binh). Quân ở đất Bật (đời xưa thuộc Tương - Châu, nay là Hà-nam bên Trung-hoa) Tuân-lâm-Phụ làm Tướng
ra lệnh cho Tiễn-Cốc xuất-quân. (Tà-huyên 12 : Nhà Tấn, Tuân-lâm-Phụ làm Tướng ở Trung-quân đánh nước Trịnh, nghe Trịnh và Sở có Bình-dục-Hoàn làm Trung-quân. Tả-quân Tiêu-Cốc trái mệnh - lệnh giúp trong quân cùng người Sở vào đất Bật. Quân Tấn đại bại). Đời sau trở lại có người làm Giám-quân thì quân đi đánh yên-ổn mà không thua.

LỜI-BÀN. Quân-lính xuất trận để chở thây chết về, đã tổn-hại, nguy-hiểm : còn gì gọi là công. Tướng mà yếu-nhược cầm binh thì cũng như kẻ trột đưa đám vào chỗ chết. Như vậy còn có gì gọi là thành-công.

Rất không công nghĩa là không có chút gì gọi là công, cho rằng may ra thắng trận mà quân chết đến nỗi phải xe về thì thắng như vậy cũng không lấy gì kể làm công.

Như thế cũng đủ là tội vì không biết lượng sức mình với công-việc mình đảm đương. Đã nhu-mềm yếu - nhược lại tối - tăm mà cứ nhận lấy cái trách-nhiệm phải cứng-dắn và sáng-láng vậy. (Xem cuốn Sử-ký Tư-mã-Thiên).

Cũng như Quốc-cữu đời Hán làm Tướng-soái, đánh rợ Man-di có phó-tướng Lý-Lăng tài giỏi đảm-
đương mọi việc. Nhưng Chủ-tướng nhu-nhược, binh-pháp không thông thì Nha-tướng dưới tướng đâu có phục mà hết sức đánh dẹp. Vì vậy bị đại bại phó tướng Lý-Lăng bị bắt. Quân-lính chết như dạ

vậy.

Trong việc Binh không phải là vì tình riêng mà cất nhắc được, phải có thực tài mới đảm-đương nổi. Vì vậy Thánh-nhơn đã nói phải những bậc Lão-thành Trượng-nhân vì lẽ đó.

Tiết Tiết 11. 六四：師左次无咎。

D. A. Lục-tứ : Sư tả thứ vô cữu.

Dịch-nghĩa: D. N. Hào Lục-tứ : Quân-lính đóng lui lại không lỗi.

B.N.C.H. « Tả thứ » nghĩa là quân-lính đóng dinh trại lui lại. Hào âm mềm mà không được giữa, được ngôi âm chính đáng, cho nên tượng nó như thế. Toàn cả quân-lính đều lui thì Chủ-tướng có tài hơn ở hào lục - tam xa lắm, cho nên tượng nó như thế.

LỜI-BÀN : Đây là hào lục-tứ. Hào âm mềm ở ngôi âm được chính ngôi. Chủ-tướng tuy là âm mềm nhưng còn cái tài hơn ở hào ba. Vì biết tiến, biết lui đã là biết cầm quân rồi vậy. Thấy mình nhu - nhược hơn người mà biết lui không tiến để tránh cái thất-bại như hào lục-tam. Thế là ông Tướng có thể thắng được trận, vì có *trí* và lòng *nhơn*.

Trong binh-thư của Tôn - Vũ có nói : « biết người biết ta trăm trận thắng trăm ». (1) Vì thế mới nói là không có lỗi.

Tiết Tiết 12. 象曰：左次无咎。未失常也。

D. A. Tượng viết : tả thứ vô-cữu vị thất thường dã.

Dịch-nghĩa: D. N. Lời Tượng nói rằng : Quân lính đóng lui lại không lỗi, chưa mất lẽ thường vậy.

Truyện. Hào Tứ lấy mềm ở ngôi âm, không hay tiến lên mà trở lại thắng. Nên tại *thứ*.
(Phàm trong quân có ba nơi (Tam-Túc) làm thứ : Án binh ưa ở bên hữu, hữu là trước mặt, tả là sau lưng. Tả thứ là muốn nói là lui đi không ở nghĩa là không tiến ra đằng trước mà lui lại sau). Thấy có thể được thì tiến, biết sự khó khăn thì lui. (Tả-Truyện : kiến khả nhi tiến, tri-nan nhi thoái) đó là sự, thường trong quân. Đạo xuất quân, phải theo thời thích-đáng thì không lỗi.

Họ Dương nói rằng : người Thiện chiến (Tướng tài) thì bất tất tiến mà thoái cũng là Tiến, như Vua Võ ban sư Vua Tấn - văn-Công thoái lui khi phạt Nguyên. Khiến Cao-Đế không đến Bạch-Đăng, Thái-Tôn không qua sông Áp-Lục, thì có lỗi cả hay sao ?

B.N.C.H. Biết sự khó-khăn mà lui là việc thường của nhà binh.

LỜI-BÀN : Sự tiến, sự lui là lẽ thường trong quân, có khi cần phải lui để dụ quân giặc vào hiểm-địa có phục-binh, có khi giả tiến để làm hư binh lừa quân giặc. Trong quân thì cần về mưu-lược biến-hóa vô-cùng.

« Hư, hư, thực, thực » « Dĩ dật đãi lao » (1) « Dĩ cận đãi viễn » (2) v.v... Mưu trí bao la không sao đo lường được. Lui chưa phải thua, tiến chưa chắc được, thế cho nên sự tiến lui trong quân là thường vậy.

[1] *Tri kỷ tri bỉ, bách chiến bách thắng.*

Tiết Tiết 13. 六五：田有禽，利執言无咎。長子出帥。弟子輿尸貞凶。

D.A. Lục-ngũ : Điền hữu cầm, lợi chấp ngôn vô cữu, trưởng-tử xuất sư, đệ-tử dư thi trinh hung.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Lục-ngũ : Ruộng có chim, lợi chấp lời nói không lỗi, con Cả cầm quân, con thứ chở thây, chính-bền cũng hung.

B.N.C.H. Hào lục-ngũ là chủ việc cầm quân, mềm thuận mà ở giữa, tức là người không sanh ra binh-đao, quân địch tràn đến mình thì bất đắc-dĩ mới phải ứng địch, cho nên là cái tượng trong ruộng có chim, mà lời chiếm của nó thì lợi về sự săn bắt mà không có lỗi vậy.

« Ngôn » là lời nói. Trưởng-tử là hào cửu-nhị Đệ-tử là hào 3, 4 , lại răn người chiếm phải ai nấy chuyên cái trách-nhiệm đã ủy-thác cho. Nhược bằng sai người Quân-tử nhận trách-nhiệm việc làm mà để kẻ tiểu-nhân xen vào nữa, thì như sai họ khiêng thây mà về, cho nên tuy là chính-bền mà vẫn không khỏi hung vậy.

LỜI-BÀN : Hào lục-ngũ là hào âm nhu ở giữa quẻ Khôn. Khôn là đất, là ruộng. quẻ Khôn trong quẻ Sư tượng nó là trong ruộng có chim đến ăn lúa. Chim ở trong ruộng ví như quân địch đã lấn bờ cõi vào trong nước mình. Vì vậy chấp cái lời lẽ là quân địch đã xâm-lăng đất nước thì buộc lòng phải xuất quân ra ứng địch, trừ nạn xâm-lăng, lấy lại sự thái-bình cho Thiên-hạ. Như thế thì không có lỗi.

Con Cả cầm quân. Tượng của hào cửu-nhị, hưởng - ứng với hào lục-ngũ. — Vì Vua trong nước đối với một Tướng-soái cũng như cha với con, vì lẽ ấy gọi là con cả cầm quân xuất trận.

[1] *Lấy sự ẩn binh để đợi bên địch mỏi mệt rồi mới đánh.*
[2] *Lấy sự ở gần đợi địch ở xa đến mới đánh,*

Con thứ xe thây. Trong trận-địa công-việc chở thây quân lính bị thương là công-việc của vị tùy-tướng ở hậu-tuyến, chở chuyên không nhanh, cứu-cấp không lẹ thì sợ quân tổn thất nhiều có khi nguy cho hùng lực của quân-đội.

Chữ « **dư** » là cái xe và quẻ Khôn có tượng là cái
xe to, nhưng tại sao hào lục-tam cũng nói đến việc chở bằng xe mà hào tam lại ở quẻ Khảm ? Vì rằng : ở hào tam gần lên quẻ Khôn và trong câu còn nghi-hoặc « có chữ **hoặc** vậy ».

Con thứ là hào 3, 4 là âm mềm, vì vậy mới không cầm quân được mà phải **xe thây**.

Chính-đính bền-bỉ cũng hung. Phàm trong quân-đội pháp-lệnh phải nghiêm-ngặt và mệnh-lệnh phải cho rõ-ràng, nếu một vị Tướng-quân vì tình ruột thịt mà châm-chế tội lỗi cho anh em thì ắt quân lính không phục tòng, nếu mà thẳng tay trừng-trị theo quân-luật nghĩa là giữ cho được chính-đính cương-quyết thì không khỏi phạm đến tình máu mủ. Ví như cảnh của Y-Đằng Thống-chế hồi Nga-Nhật chiến-tranh. Ông có 3 con giai chết trận mất 2, còn một người con thứ ba sung vào đạo-quân của ông chỉ vì nhầm lỗi khi lập binh không có mặt đi tìm người ý-chung-nhân trên bãi chiến-trường vừa qua, bị khép vào tội tử-hình và tự xử.

Ông Y-Đằng vứt ra một thanh-gươm không có mãy may xúc-động và bao giờ cũng thản-nhiên đối với những lời can-ngăn thống-thiết của những Tùy-tướng dưới trướng.

Như vậy giữ cho được quân-lệnh, nhưng đối với gia-đạo thì là phụ bất-từ, mà giữ được phụ-từ thì
mất quân-lệnh. Hai đằng đằng nào cũng hung cả. Vì vậy Thánh-nhân nói : tình máu mủ mà sung vào cùng đạo quân, có người làm Chủ-tướng ắt nhiều sự khó-khăn, cho nên trong quân-đội, công-việc của người Quân-tử lại xen có kẻ tiểu-nhân vào thì hung và nếu chính-đính cũng vẫn là hung vì lẽ ấy vậy.

Tiết Tiết 14. 象曰：長子帥師，以中行也。弟子輿尸使不當也。

D.A. Tượng viết : Trưởng-tử xuất sư, dĩ trung hành dã, đệ-tử dư thi, sử bất đáng dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : (a) Con Cả xuất quân lấy sự làm đó làm trúng vậy. (b) Con thứ xe thây sai không đúng vậy.

Truyện. Hào năm là ngôi Vua, nên nói cái đạo hung, chức Nhiệm-Tướng thấy Man-di làm loạn, giặc giã, gian cừu sinh hại cho dân-chúng, không thể trở lại rồi sau phụng chỉ để đi giết giặc. Nếu thấy cầm thú vào trong ruộng sâm hại mùa màng ắt phải săn mà bắt ngay (ý nói nếu chờ lệnh thì chim đã ăn hết thóc hay giặc đã chiếm hết đất đai), «**chấp ngôn**» là phụng mệnh-lệnh bằng lời nói, hay biết rõ tội ấy mà kể ra vậy).

Họ Phùng nói rằng : Vua Võ đi chinh-phạt dân Miêu là mở-mang cho nó, phạt nước Hữu-Hỗ vì nó làm loạn, chinh phạt nước Hi là hòa. Từ đời Ngu Hạ đến giờ sự đi chinh phạt để dẹp kẻ có tội ắt chấp-ngôn, không **Minh-điều** (1) để về sau vậy.

Như Tần-Hoàng, Hán-Vũ đều đi cùng sơn lâm để săn cầm thú, không phải chỉ ở ruộng mới có chim. Làm Nhiệm-Tướng giữ đạo Binh Sư nên lấy con Trưởng ra quân, nếu lấy Đệ-tử (hào 3, 4) ra làm chủ các Binh-sĩ thì tuy chính cũng hung. Từ cổ làm Nhiệm-Tướng không chuyên thì đi đến chỗ bại vong. Như Tấn-Cảnh-Công, có Tuân - Lâm - Phụ đánh nhau ở đất Bật Đường-dung-Tôn có Quách-Tử-Nghi thua trận vậy.

Họ Hồ nói rằng : Nói thật xâu-xa thì Nhiệm-Tướng không thể nào không thẩm-xét và chuyên-cần.

LỜI-BÀN : Câu (a) quẻ Sư chỉ có hào cửu-nhị là dương cứng mà đây là hào lục-ngũ ứng hào cửu-nhị cho nên mới nói là con Cả xuất quân thì việc không sai, đó là đúng lắm, vì con cả cứng-mạnh ngôi được chính-trung.

Câu (b). Quẻ Khôn là thuần âm lại tượng cái xe chở đồ được. Vậy ở quẻ Khôn Thánh-nhân tượng **xác chết**. Xác chết thuộc âm.

Trong đám quân lữ thì Chủ-tướng là người cầm đầu sự hoạt-động của quân-lính. Chăm lo giữ sự sinh-tồn thuộc về dương là hạng người Quân-tử, lại có kẻ đi chở xác chết xen vào, tức thuộc về âm, thuộc hạng **tiểu-nhân**. Dương là anh và âm là các em, vì vậy mới tượng nó là Đệ-tử hàng con em. Trong quân-lữ đã có người Quân-tử cầm đầu lại cho kẻ tiểu-nhân xen vào công-việc đảm đương trách-nhiệm của người Quân-tử thì sự sai khiến đó thật là không đúng. Vì hạng tiểu-nhân là kình-địch và phá-hoại đạo của người Quân-tử. Vì vậy mới nói sự sai không xứng đáng.

Tiết Tiết 15. 上六：大君有命。開國承家小人勿用。

D.A. Thượng-lục : Đại Quân hữu mệnh, khai quốc thừa gia, tiểu-nhân vật-dụng.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Thượng-lục : Đấng Đại-quân
có mệnh việc mở nước theo nhà, chớ dùng kẻ tiểu-nhân.

B.N.C.H. Đây là nói lúc việc quân đã hết, đến cái tột-bực của sự thuần-túy, là lúc luận công hành thưởng. Khôn là đất cho nên có tượng theo nhà mở nước. Những kẻ tiểu-nhân thì dù có công cũng

[1] *Minh điều : nói rõ từng chi-tiết.*

không có thể để cho chúng được hưởng thụ **tước nhận đất** chỉ lấy vàng lụa mà ưu đãi chúng thì được. Đó là răn người ban thưởng, với kẻ tiểu-nhân thì chớ dùng lời chiếm nầy, mà kẻ tiểu-nhân gặo hào nầy cũng không dùng được.

LỜI-BÀN : Đây là nói hào Thượng-lục là hào âm ở ngôi âm, và ở hào trên cùng quẻ Sư tức là âm **thái-quá**. Âm thái-quá thì dương suy Âm thịnh mà thuận, tức là có đức thuần-túy tột-bực, ý nói lúc mới hết giặc, dân tình vừa bị trải sự ác - hại của chiến-tranh (âm gặp ngôi âm), bây giờ hết giặc thì trở lại sự thuần-túy chờ ngày rạng-đông mới mẻ (âm cực sinh dương, dương sáng-lạng). Khi hết giặc, quân-sĩ trở về nước ca khúc khải-hoàn, lúc đó đấng Đại-quân theo mệnh của Trời mà luận phạt thưởng công. **Đại-quân** là Vua có uy-quyền lớn lao lừng-lẫy và là tượng của quẻ Khôn, Khôn tượng người bụng to là **đại-nhân**, vì Khôn tượng đất ruộng. **Thưởng**

phạt để khai mở lòng tin của quân-sĩ.

Theo nhà mở nước. Được theo nếp nhà mà đấng Nhân-quân đã khai quốc thì thưởng cũng theo thứ tự như :

1o/ — Công ít thì phong ở Triều (theo nhà).

2o/ — Công nhiều thì phong đất-đai lập Ấp, lập Hầu.

Đời xưa có lệ hễ phong thưởng cho các vị Đại-phu thì phong lộc ở đất đai. Ví-dụ như Hàn-Tín được phong làm Hoài-ân-Hầu, vua nước Tống khi dẹp xong Hạng-Võ, nghĩa là hưởng lộc cả một nước nhỏ và tùy-nghi sở hành chỉ mỗi năm phải về triều-cống. Người công to thì hưởng lộc 1.000 nóc nhà v.v...

Tiểu-nhân chớ dùng. Vì Thiên-hạ mới bị cái họa chiến-tranh mà bị kẻ tiểu-nhân thi-hành đạo của nó thì không gọi là khai quốc được. Cho rằng kẻ tiểu-nhân có công thắng trận thì chỉ phong cho vàng lụa, còn phong đất thì nguy cho Thiên-hạ và cho cả triều-đình nữa. Vì tiểu-nhân không bao giờ trung-chính, sự làm phản triều-đình và hà-hiếp dân không xa vậy.

Nên người có chức-vụ ban thưởng hành phạt phải công-minh, mà

kẻ tiểu-nhân xem được hào
nầy thì không có chỗ dùng.

Tiết Tiết 16. 象曰：大君有命。以正功也。小人勿用。必亂邦也。

D.A. Tượng viết : Đại-quân hữu mệnh, dĩ chính công dã, Tiểu-nhân vật bụng tất loạn bang dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Đấng Đại-quân có Mệnh, lấy công chính-đáng. Kẻ tiểu-nhân chớ dùng tất loạn nước vậy.

Truyện : Hào Thượng là hào chót của quẻ Sư nói lúc thành-công. Làm Vua Cả lớn lấy tước mà phong-thưởng cho người có công, khai Chư-quốc phong cho làm Chư-hầu. Theo nhà làm chức Khanh, Đại-phu. Hưng binh mà được thành-công không phải người chỉ-huy đều là Quân-tử cả. Nên răn thưởng kẻ tiểu-nhân có công bằng vàng bạc, lụa là, lộc-vị mà không thể sử nó chấp-chính trong nước được. Tiểu-nhân bình thời còn kiêu-căng huống-hồ lại được công ấy ư ! Đời Hán có Anh-Bành sau chết vậy.

Đây chuyên nói cái nghĩa sau khi dẹp giặc, không lấy nghĩa hào vì muốn nói cho rộng ra. Nếu lấy hào nói thì mềm ở nơi cùng-cực quẻ Khôn thuận đã hết mà ở nơi không ngôi, là nơi không lỗi.

Ngự-án. Tiểu-nhân vụ lợi không thể dùng được vì thế gọi : Trượng-nhân tốt, đệ-tử hung. Từ lúc bắt đầu xuất Sư cũng đã nói thế. Không cứ chuyên nói có ích-lợi ở trong quân mà còn nói người đã lập công về sau còn làm loạn cái ý-định ấy. Không thể dùng kẻ tiểu-nhân, sợ một ngày kia nó làm loạn cả gốc vậy.

Chu-tử nói rằng : Không dùng kẻ Tiểu-nhân vào chỗ mưu nghị kế-hoạch như Hán-Vũ-Đế thường theo thế. Sau khi bình-định Thiên-hạ, nhất thiết là luận công phong thưởng. Có thể dùng họ làm Tả-hữu như Đặng-Võ, Cảnh-Yểm, Mã-Phục, nhưng không gần họ.

Họ Khưu nói rằng : Lúc công thành khải tấu làm Đại-vương ắt ra lệnh thưởng công, công khai quốc thì to lắm, theo nhà phong là hạng công nhỏ.

Rằng : người có chính công là các Tướng ; mà chỉ kể có Vũ-công là sai vậy. Nhưng binh đi theo ngụy-đạo mà thắng tụi đồ-cẩu (hàng thịt, chó má) là không xuất-chúng. Có tài lạ mà lập-công bất tất

phải đều là người Quân-tử cả.

Đây lại nói rằng : không dùng Tiểu-nhân là cớ sao vậy ? Vì Tiểu-nhân có công vẫn là đáng thưởng. Nếu khiến nó tham-dự công-việc Quốc-gia thì ỷ công làm bậy ắt sinh cái họa trộm-cắp tán bang, nên răn là «chớ dùng».

Họ Bản nói rằng : Sáu hào nói về sự xuất quân. Trong cuộc Sư có Tướng-binh (trung-quân) và Tướng (tả hữu) Tướng và quân phụng mệnh từ phạt kẻ có tội, ra quân đến ban thưởng không gì không thành. Tuy đời sau có nhiều Binh-thư (Tôn-Tử 13 thiên, Ngô-tử 6 thiên Uý-Tuyến 24 thiên, Lý-vệ-Công 3 thiên), đều không bằng sự sơ-lược trong sáu hào quẻ Sư, huống-hồ bàn-luận đến việc hành-quân của bậc Vương-giả, so-sánh nó với những sách binh-thư mưu-lược của đời sau. Đó là cái chính lạ khác xa với cái chính-trị của người dìu-dắt Thiên-hạ. Bất đắc-dĩ mới dùng đến Binh thì hà-tất bỏ đông mà cầu tây sao ?

Họ Khưu nói rằng : Quẻ Sư có hào Cửu-nhị là một dương thống-trị các hào âm có tượng là Đại-tướng tổng-binh nên quẻ gọi là Sư. Đạo ra quân không thể không chính nên nói rằng : Sư trinh, chức thống-xuất quân-đội không thể không phải là Người Trượng-nhân.

Cho nên nói rằng : Trượng-nhân tốt không lỗi, chỉ thu vào 7 chữ : Sư, Trinh, Trượng, Nhân Cát, Vô, Cữu. Là cốt để dùng đạo Sư đến

tận cùng vậy.

Hào sơ-lục là bắt đầu thời Sư nên nói : Ra quân có luật.

Hào Thượng-lục là lúc trót thời Sư nên nói : Khai quốc, thừa gia là thứ-tự của thời Sư như thế vậy. Trong 4 hào, hào lục-ngũ là Nhiệm-tướng, là Vua, hào 2, 3, 4 đều là Tướng dùng binh. Hào nhị lấy cứng ở giữa, oai mà không bạo là Tướng trì-trọng nên trong cuộc Sư có sự tốt lành. Hào Lục-tam lấy mềm ở ngôi cứng khinh táo vọng động là hạng Phẫn-tướng (Tướng làm hỏng việc) nên có sự Xe thây. Hào Lục-tứ lấy mềm ở ngôi mềm, biết cẩn-thủ, dừng ở Tả-thứ thì không lỗi mà thôi. Hào bốn không lỗi không như cái tốt của hào Hai, mà cái hung của hào Ba lại không như sự không lỗi của hào bốn

Thánh-nhân để lại sự lợi hại dùng binh cho Vạn-thế, mà Quyền khinh trọng ở trong bốn chữ : Cát, Hung, Vô, Cữu. Đời sau ra quân lệnh tướng cũng nên xem trong quẻ này.

B.N.C.H. Lời răn của Thánh - nhân xâu-xa lắm vậy.

LỜI-BÀN. Sự ban thưởng của đấng Nhân-quân là ở chỗ công - minh chính - trực. Cho nên những công-lao chính-đáng đều được ban thưởng xứng đáng. Duy có kẻ tiểu-nhân thì đấng Đại-quân phải kiềm-chế sự ban thưởng, vì tiểu-nhân đắc-trí thì sự hại cho Thiên-hạ không phải là nhỏ, và nếu ban thưởng cho họ thì tức là bảo họ làm đều càn dở thêm nhiều nữa. Muốn tránh sự làm loạn nước, Thánh-nhân khuyên chớ nên dùng bọn tiểu - nhân. Ta xem tích xưa truyện cũ như những chuyện thần-tiên ở trong ngụ - ý rất xâu - xa. Như những chuyện yêu - quỉ sau khi tu - luyện mấy nghìn năm có những phép thần - thông cũng như các bậc Đạo-sĩ đắc - đạo mà thôi. Trái lại các bậc Đạo-sĩ thì chỉ lấy cái tu - luyện đắc - đạo để cứu dân độ-thế, mà yêu - tà thì cũng lấy các phép đó mà tác hại cho Thiên-hạ, cũng như truyện Bàng - Quyên và Tôn - Tẫn hai đồ - đệ của Quỉ Cốc - tử về khoa binh - pháp. Bàng - Quyên giữ đạo tiểu-nhân rồi đến bán đồ nhi phế, bị hãm-bách và bị
một ngàn mũi tên chết ở Mã - Lăng, làm quân Ngụy chết gần hết và

làm cho nước Ngụy nguy-vong.

Tôn-Tẫn phò Tề, sau khi trải những chuyện khổ-ải mà Bàng-Quyên gieo cho, như bị chặt chân, giam-cầm, rồi giả điên sống trong đói cực, nhục-nhã mà vẫn không oán bạn.

Sau thoát được sang Tề, giúp Tề một trận mà Bàng-Quyên phải tử-trận ở Mã - Lăng. Nhờ trận đó nước Tề được Chư-hầu thán-phục.

Khi hai người đều có tài, nhưng cái lợi của người Quân-tử và cái hại của kẻ Tiểu - nhân đều cả lớn, do đó sự tồn vong của một Nước có thể biết được.

Cũng như người ta ở đời, biết dùng đức tốt thì nên, mà dùng tánh xấu thì hung-hại. Lục-căn chưa diệt được, ngũ - giới không theo dù rằng thông-minh trí-tuệ đến đâu chăng nữa cái hại còn luôn luôn ở bên và đến khi mạnh đè - ép cả thân-thế mình mà gieo tai tác họa.

TÓM-TẮT

Quẻ Sư : Quân-lính chính-bền, Trượng-nhân tốt không lỗi.

Hào sơ-lục : Ra quân có luật-lệ, không mờ-ám hung.

Cửu-nhị : Tại giữa ba - quân tốt không lỗi Vua ban mệnh-lệnh ba lần.

Lục-tam : Quân-lính hoặc chở thây hung.

Lục-tứ : Quân-lính đóng lui lại không lỗi.

Lục-ngũ : Ruộng có chim, lợi chấp lời nói không lỗi, con Cả cầm quân, con thứ chở thây chính-bền cũng hung.

Thượng-lục : Đấng Đại-quân có mệnh, việc mở nước theo nhà chớ dùng kẻ tiểu-nhân.

SƯ QUÁI TỔNG-LUẬN

Xem tượng quẻ Sư Thánh - nhân nói rằng : Quân-lính, chính-bền, Trượng-nhân tốt không lỗi.

Phép xuất quân đời xưa rất là nghiêm-nghị. Lệnh Vua thì thi-hành trong nước, mà lệnh
Nguyên - Soái là trong Ba quân. Như Tôn-võ-Tử đời xưa lập các phụ-nữ thành ra Đạo-quân Phụ - nữ mà giết hai người Sủng - cơ của Hạp - Lư tuy có lệnh của Vua ra xin tha, nhưng cũng vẫn giết để răn Ba-quân. Nên nói là người làm Tướng phải là hạng Trượng - nhân. Trong 6 hào đều nói về Quân-lính, mới là lúc ra quân, lúc giữa ba quân lúc giao - chiến, lúc đóng quân, lúc dùng các con ra quân. Rồi sau trót hào Thượng-lục : Đấng Đại-quân có mệnh, việc mở nước theo nhà chớ dùng kẻ tiểu - nhân. Chỉ trong một quẻ Sư tỏ bày rõ-ràng theo thời mà phát-triển. Trong cuộc Sư Thánh-nhân chỉ chú-trọng đến đức Trinh mà không nói đến Nguyên, Hanh, Lợi. Nên mới nói : Muốn làm Tướng-soái thì xem trong này. Xét như vậy ta thấy rõ Dịch-lý mênh-mông đâu chỉ riêng làm ra để Bói-toán, như quẻ Tụng ở trên đã có thể nói là đủ để răn người không nên Kiện Tụng và răn cái quyền Lập-pháp và Tư-pháp trong nước cần phải thận-trọng. Như đây quẻ Sư đã dậy ta cái đạo Xuất-quân, làm Tướng - soái. Như thế ta thấy Đạo-Dịch bao trùm tất cả các Đạo hay là
nói tất cả các Đạo đều tựu - trung lại làm một, tức là Dịch Đạo hay Thiên-Đạo vậy.

Dưới đây tôi nêu lên cái Đạo làm Tướng của người xưa, từ kim cổ Chính - Đạo bao giờ cũng còn tồn-tại, tà-đạo ắt sẽ bị luật Đào-thải của Thiên-lý mà bỏ đi vậy. Xưa kia khi Bái-Công đứng lên làm Minh Chúa ở đất Bái, nhờ Trương-Lương giới-thiệu Hàn-Tín thống-lãnh ba quân mà đánh tan được quân của Hạng - Vũ, sau lập thành Đại-nghiệp, khai-sáng cho nhà Hán. Dưới đây tôi xin nói sơ qua nhời vấn - đáp của Tiêu-Hà và Hàn - Tín để quí bạn có một ý-thức về

Đạo làm Tướng của người xưa !

Tiêu-Hà và Hàn-Tín luận đạo làm Tướng rằng : Vả chăng làm Tướng là người gìn-giữ tánh-mạng cho tam quân, nước nhà an-nguy, việc quan-hệ lớn tôi có nghe đặng cùng chăng ?

Hàn-Tín nói : « Làm Tướng thì có 5 tài, 10 lỗi, năm tài là : Trí, Nhân, Tín, Dũng, Trung. Trí chẳng nên loạn, Nhân thì phải thương người, Tín thì chẳng lỗi hẹn, Dũng thì chẳng nên phạm, Trung thì chẳng hai lòng. Làm Tướng phải có năm tài ấy thì mới nên làm Tướng. Còn *mười lỗi* là : Có

Dũng coi thác như không, có việc gấp lòng vội liệu hay *ham lợi*, có *Nhân* mà chẳng nở giết, có *Trí* chẳng biết sợ, có *Tin* hay lầm, có *Trong sạch* mà chẳng thương người, có *mưu* mà lòng trần chờ, có *cứng-dắn* hay ỷ mình, có *mềm-yếu* ưa dùng người. Làm Tướng có mười điều lỗi ấy thì chẳng đủ làm Tướng được cho nên làm Tướng phải cho có đủ năm tài và phải bỏ cho được mười điều lỗi ấy thì đánh đâu thắng đó, mưu nào cũng nên ấy mới gọi trong Thiên-hạ chẳng ai đánh bại được ».

Tiêu-hà nói : « Đời nay làm Tướng thì thế nào ?

Hàn-Tín nói : Đời nay làm Tướng hoặc có mưu mà không dũng, hoặc ỷ mình giỏi mà không dung người, hoặc ngoài thì cung-kính trong thì khi-dễ, hoặc khen mình ngôi sang, chê kẻ thấp hèn, hoặc có tính kiêu-ngạo, sợ hổ vì hỏi kẻ dưới, hoặc khoe sự giỏi của mình mà dấu sự hay của người, hoặc dấu lỗi của mình mà bày sự quấy của người, ấy là mối tệ trong Đạo làm Tướng, người nay hay mắc phải cho nên làm Tướng chẳng hay là vậy ».

Tiêu-Hà nói : Còn như Hiền-sĩ làm Tướng thì thế nào ?

Hàn-Tín đáp : Như tôi làm Tướng chẳng phải là dám khoe mình, thiệt là noi theo binh-pháp xưa nay ít ai biết được, lấy văn mà dùng, lấy võ mà sửa, lấy tịnh mà giữ, lấy động mà phát, lúc binh chưa ra thì êm như non như núi, binh ra rồi thì chạy như biển như sông, biến-hóa như Trời-đất, hiệu-lệnh như sấm sét thưởng phạt như bốn mùa, mưu-chước như *quỉ-thần*, mất mà còn, thác mà sống, yếu mà mạnh, mềm mà cứng nguy mà an, họa mà phúc ; cơ-biến không chừng, quyết thắng ngàn dặm, từ Trời sấp lên, từ Đất sắp xuống, từ ngoài vào trong, từ trong ra ngoài không có chỗ sai sót, đông hơn mười muôn, nhiều hơn 100 muôn, không có chỗ nào mà không biết được, hoặc ngày làm đêm, hoặc đêm làm ngày không có chỗ nào chẳng gồm, làm cho nó có khuôn phép, chiều theo việc mà nên, làm tột cho nhiệm-mầu, song còn phải cho thông-hiểu việc xưa nay, cho thuần-thục việc bói-toán đặng định lẽ an-nguy, quyết cơ thắng bại, phải cho hay cái quyền vận-dụng và phải dấu cái Trí vô-cùng, rõ việc âm

dương, phân đường sinh khắc, rồi thì mới lấy *Nhân* mà dùng, lấy *Lễ* mà lắp, lấy *Dũng* mà chế, lấy *Tín* mà nên, như vậy thì là Y-Doãn của Thành-Thang, Phó-Duyệt của Võ-Đinh, Tử-
Nha nơi Vị-Thủy Nhạc-Nghị tại Yên-Sơn đều là thầy của tôi, vả lại đạo làm Tướng của tôi thì tôi tích-trữ đã lâu ngày rồi, chẳng dám nói thiệt ».

Khi Hán Sở tranh - hùng Hàn - Tín làm Nguyên-soái tiết-chế ba quân, lập thành trận thế như Thái-Ất trận ở nơi Quản-Võ-Sơn mà đánh Hạng-Võ sở Bá-Vương bị cả thua chạy về dinh Sở hỏi tả hữu rằng : Ai biết trận ấy vậy ?

Châu-Lang tâu rằng : Cái trận của Hàn-Tín là Thái-Ất trận có Sanh - môn, có Tử - môn có âm-trận, có dương-trận, tuy có hướng đối mà 4 mặt hiệp lại thành một, như Bát-quái trận mà chẳng phải Bát-quái, như cứ Sinh-môn mà vào đương-trận thì ắt được Sinh-lộ, nếu chẳng biết mà vào bất tử thì ắt bị bắt ; tôi lúc nhỏ có theo Hoa-Sơn Lý-thiên-Tiên mà học Đạo, thường nghe nói Thái-Ất trận nên tôi lãnh chư-tướng cứ Sinh-môn đánh vào mà tiếp ứng Bệ-hạ nên mới ra được trận ấy ».

Trận này Bá-Vương cả thua hao-tổn binh mã và suýt bị bắt.

Sau Hàn-Tín lại lập một trận thế theo Châu-Dịch ở Cửu-ly-sơn, có 64 mặt biến-hóa vô-cùng,
Sở-binh tán-loạn bị vây khốn, Hạng-Võ thoát ra được sông Ô-giang mà tự-vận.

Nhân sau Hàn - Tín làm Tướng-tài mà lại phạm một trong mười lỗi kể trên là : *Nhân mà không giết*, tức lấy lòng-nhân mà không giết tên hầu-cận Tạ-công-Trứ say rượu nói càn. Trước định giết đi sau tha, tên này thoát đi cáo với Tiêu-Hà và Lữ-Hậu, do đó mưu-phản của Hàn-Tín bại - lộ bị giết ở Vị-Ương cung và tru-di tam-tộc.

« Sinh ư nghệ tử ư nghệ ».

Nhân quẻ Sư ghi lại vài hàng cho Hậu - thế làm gương, để khi cần xuất - quân ra trận. Binh-lược cơ-mưu, trận-thế biến-chuyển như

bóng thiều-quang, như nước chảy như gió bay, kẻ làm Tướng không nên cáu - chấp, phải thông - kim bác - cổ, Nhâm-Cầm, Độn-Toán, Thái-Ất cho minh-triết thì quyết được sự thắng phụ, bình được Thiên - hạ như trở bàn tay.

Dùng Toán-pháp về Âm-dương để Minh-định an-nguy, quyết sự Họa-phúc. Xem việc trước biết việc sau. lưu-loát như thời-gian mà biến-đổi, hiểu được sự gần biết được việc xa, thì ai mà không phục, đâu mà chẳng yên. Nhưng ở đời khi mà
cái Sân-si danh-lợi hãy còn thì răn kẻ có công lớn nên nhớ câu : « *Được chim bẻ ná, được cá bỏ nơm* ». Sau khi trả nợ non - sông rồi nên như Phạm-Lãi nước Việt và Trương-Lương đồng-thời với Hàn-Tín mà ngao-du cảnh đẹp non xanh, để tiêu-dao ngơi-nghỉ, dưỡng-tính tu-tâm để thoát khỏi trần-tục mà không vương phải những cái họa tầy Trời, mà cổ-kim thường thấy.

比 THỦY - ĐỊA TỶ - 8

Khảm trên ☵
Khôn dưới ☷

TỶ **6** **8**

Trong kinh Dzyan thiên nhân-loại khởi-thủy Thi-tiết V tiết 21 có nói : « Khi mà cái đời (a) thành già lâu, những nước cũ trộn với nước mới-mẻ hơn. Khi mà những giọt nước thành đục tiêu-tán và biến vào trong cái suối mới, cái suối nóng của cõi sinh-tồn. Bề ngoài cái suối thứ nhất thành bề trong cái suối thứ nhì (b) cái cánh cũ thành ra cái bóng mới và cái bóng của cái cánh (c) (linh-hồn người ta) ».

(a) Cái đời cũ hay là cái đời sơ-thủy nhập vào làm một với cái đời thứ hai.

(b) Đây là nói sự tiến-triển bí-mật của Dịch-lý nhân-loại các vật-chất hợp thành những hình-thể đầu tiên, âm-u, còn là âm-khí (éther

négatif) bị hút bởi những hình-thể của đời thứ hai và thành những thứ phụ-thuộc, về đời cổ thì chỉ có những bóng theo tinh-thể hợp thành của những vị Tạo-công vô-hình vô-ảnh, đời là bất diệt. Những người của
nó tan dã dần dần và bị hút bởi các thân-xác của các con cháu nó đông đặc hơn ; hình cũ mất đi, bị hình mới hút có vẻ người và vật-chất hơn ; cái thể-chất khởi-thủy dùng để tạo thành cái thể và cả những nguyên-nhân trong hay ngoài sự sinh-dục.

(c) Khi mà cái bóng rút về, nghĩa là khi cái hồn bị bao-trùm bằng chất thịt cứng hơn thì người ta tấn-triển theo một thân-hình vật-chất. « Cái cánh » hay là cái « khí hình » làm ra cái bóng và cái hình, thành ra cái bóng của hồn ra là chính giống của từng loài.

Kinh Dzyan có nói cái gì thái-quá cũng phải biến-đổi, biến-đổi rồi lại gần nhau, thân nhau, rồi lại dời-dã nhau, lại đánh nhau, rồi lại thân nhau, đó là sự tiến-triển bí-mật của Dịch-lý : Loạn rồi trị, trong sự thái-bình ắt có sự thân-gần nhau. Nước được thịnh-trị thái-bình, thì nước ấy trước kia cũng đã trải qua những cuộc loạn-lạc, kinh-tế khủng-hoảng ghê người ; và tuy lúc thái-bình thì Vua tôi hòa hảo, trên có Minh-quân, dưới có Quần-thần trung-chính, minh-triết, dưới nữa có lương dân an-cư lạc-nghiệp.

Ở đây quẻ Tỷ tiếp quẻ Sư là có sự thân-gần tiếp sau cuộc chinh - chiến là lẽ ấy vậy. Phàm người ta một khi đã lăn-lộn với đời và
một khi đã thắng được trận cuối-cùng rồi thì sẽ an-hưởng thái-bình, trong thì thân với nhà vợ con, ngoài thân-cận với anh em họ hàng, yên vui, đoàn-viên là ý-nghĩa như thế, hóa cho nên, Quẻ Tỷ trên có quẻ Khảm, dưới có quẻ Khôn.

Khảm tượng mây, tượng nước. Khôn tượng đất ruộng, xem theo tượng quẻ thì đã thấy sự yên-hưởng thái-bình : Trên có mây, có mưa tưới nước xuống cho đất được mát-mẻ, có nước dân uống, có ruộng dân cầy, ăn uống đầy-đủ mát-mẻ thì Thiên-hạ thanh-bình, huống-hồ hào cửu-ngũ hào dương mạnh ở chính ngôi tôn-quí như bậc Minh-quân chiếu sáng cả Thiên-hạ (có 5 hào âm) mà Thiên-hạ đều quy-

phục triều về đó là quang cảnh Thiên-hạ thái-bình.

Theo thuyết Vật-lý-học thì dương hút âm, dương thân gần âm, cho nên Vua là bậc Minh-quân thân với Bầy-tôi với quốc-dân và cả Thiên-hạ, vì lý đó gọi quẻ trên Khảm dưới Khôn là quẻ Tỷ : Tỷ tức là thân-gần.

Tiết Tiết 1. 比吉。原筮元永貞。无咎不甯方來。後夫凶。

D.A. Tỷ cát, nguyên phệ nguyên vĩnh trinh vô cữu, bất ninh phương lai, hậu phu hung.

Dịch-nghĩa: D.N. Quẻ Tỷ tốt. Suy-xét việc bói, Nguyên-vẹn, Chính - bền không lỗi, ở nơi không yên đến, kẻ đến sau hung.

B.N.C.H Tỷ là thân giúp nhau. Theo hào cửu-ngũ lấy tư-cách là dương cứng ở giữa quẻ trên mà được ở chỗ chính ở trên, dưới có 5 hào âm gồm lại mà theo nó, đó là cái tượng một người vỗ-về muôn nước, lấy bốn bể trông lên một người, cho nên người xem được quẻ này, thì đáng là người mà người thân về giúp mình, tất-nhiên ở sự bói để tự xét mình, xem có Đức nguyên-lành, lâu-dài, chính-bền sau này mới có thể đáng để cho chúng theo về mà không có lỗi. Còn kẻ chưa « thân-cận » mà có chỗ không yên cũng được sắp sửa theo về, nếu lại chậm-trễ mà đến sau, thì kẻ này giao-kết đã là cố-tri, kẻ vừa đi đến đã muộn mà bị hung vậy. Nhược bằng muốn thân-cận người thì cũng lấy thế mà xem ngược lại.

LỜI-BÀN : Thân-gần nhau đó là một đức-tính hợp với Thiên-lý : Trời sinh ra Vũ-trụ và muôn vật : tức là một ông Thủy-tổ thiêng-liêng sanh tất cả. Vậy tất cả đều có ảnh-hưởng đối với nhau,

như những người thân-thiết trong một nhà, trong một họ nên mới nói là cái Đức của Thiên-lý.

Kinh Dzyan : Thiên Vũ-trụ khởi-thủy có nói (Tiết 5 thi-tiết VII) « Cái ánh-sáng cheo-leo trên ngọn lửa bằng một sợi chỉ mỏng-manh hơn hết của Fohat (cõi sinh-tồn) ». Nó trải qua 7 cõi ảo-tưởng dừng lại trong loài thứ nhất (1er règne) và bèn hóa làm kim-khí và loại thạch (đá), khi qua trong loài thứ nhì và hóa là một cái cây ; cái cây bị cuốn đi quay lộn qua bảy hình và thành một con vật linh (bóng thứ nhất của xác người).

Những đặc-tính liên-hợp của cái gì ở trước người có tư-tưởng tạo thành.

Ai tạo ra nó ? Bẩy cõi linh-động và cõi linh-động độc nhất. Ai làm cho nó được đầy-đủ ? Cái Lý ngũ-bội (Quintuple) đây chỉ ngũ-hành và ai làm cho cái thân-xác cuối-cùng được hoàn-toàn ? Con cá Sin và Soma (Mặt trăng). Theo Cách-ngôn Cựu-ước Kinh của người Do-thái nói : đá thành cây, cây thành vật, vật thành người, người thành linh-hồn, và linh-hồn thành Tiên-Thánh. Cái tia-sáng làm rung-động dần dần các loài (nguyên là nguyên-chất đơn-tử chứ không phải như đơn-tử một mình) trước khi lọt vào mà huy-động « hồn người » và xác người như vậy thì ta thấy rằng : ta đây sống trên
cõi Thế, ta có liên-lạc với hết cả các loài phải thân-cận với thảo-mộc mới có nhu-dụng ăn-uống hằng ngày, với cây-cối để có bóng mát, đồ-dùng, với đồ kim-khí để có đồ dùng như xe cộ ; giao kéo v.v... với loài vật như chó coi nhà, ngựa cưỡi trâu cầy v.v... ta nhìn chung quanh ta lúc nào cũng như lúc nào ta có luôn luôn những sự tương-liên mật-thiết với các loài, huống chi ở đời đối với người, hóa cho nên mới có tính thân-cận, có tính thân-cận thì tính lo-lài mất đi. Tính thân-cận đối với người với vật cũng có hai lẽ : Tốt và xấu : vì người ta phần nhiều có óc hay nhiễm sự xấu cũng như vật lành và dữ cho nên có câu : « Ở bầu thì tròn ở ống thì giài » « gần mực thì đen gần đèn thì sáng » hay phương-ngôn tây có câu : Bảo tôi người nào anh hay thân-cận, tôi sẽ bảo cho anh biết anh là người thế nào ?

Vẫn biết thân-cận nhau là tốt, nhưng trước hết phải xét sự thân-cận ra sao ? tốt hay xấu lành hay dữ : Sự xét đoán đó Thánh-nhân gọi là : Bói vậy. Bói là để suy cái gốc, đoán cái ngọn, nếu có thể với mình được thì gần. Đã đành rằng : « Đồng thanh tương ứng ; đồng khí tương cầu » thật, cái thanh cái khí có thể thay đổi được ; cho nên không thể lấy về khí với thanh mà đoán như « vơ đũa cả nắm », còn cần những đức-tính nguyên-vẹn, vĩnh-viễn, chính-bền thì mới không có lỗi. Ở đời sự thân-cận có nhiều cách : Thân-cận với người trên để nhờ vả về quyền-quí, nịnh hót để nương tựa thân-cận với người ngang hàng để nhờ vả lẫn nhau nương-tựa lẫn nhau, để vui chơi.

Thân-cận với kẻ dưới để dùng làm việc, để sai khiển v.v... Tuy sự thân-cận nếu không suy-xét cho kỹ càng thì có rất nhiều tai-hại vì vậy hạng nào thân với bất cứ hạng nào cũng cần ba đức-tính kể trên thì mới không có lỗi.

Quẻ Tỷ có một hào dương chính ngôi và 5 hào âm cũng như một ông Vua có đức-tính thân-cận với Thiên-hạ cho nên Thiên-hạ triều về với Vua hết và thành nước trị dân an Thiên-hạ thái-bình vậy.

Phàm ở đời tính tình con người ta mỗi người một khác « Cha sanh con Trời sanh tính », không ai giống ai, mới có sự thân nhau và xa nhau ; thân nhau tức là hợp nhau hòa cùng một điệu, xa nhau tức là xung nhau trống đánh suôi kèn thổi ngược.

Ở phương không yên đến. Phàm đã phải dời nơi mình ở mà đến cầu thân với người tức là chỗ ở không yên-ổn tượng rõ là những hào âm mềm không đủ sức chống cự với sự nguy-hiểm phải triều cả về chỗ sáng-lạng cứng-rắn hơn cầu nương tựa thì mới được yên-ổn.

Đến sau Trượng-phu hung : Nói có kẻ đến sau thì ắt có người đến trước nếu đến trước được thời yên-ổn còn đến sau thì lại hung là nghĩa làm sao ?

Vì có 5 hào âm mềm, tuy mềm nhưng cũng có kẻ mạnh người yếu, kẻ ở chỗ không yên trước, người còn có thể nấn-ná chưa thấy sự

nguy, là vì 5 hào âm ở vào các ngôi khác nhau.

Như hào âm ở hào sơ-lục : Âm ở dưới không chính ngôi ắt không yên-ổn.

Hào lục-nhị : Hào âm ở ngôi hai được trung chính ; ở giữa quẻ dưới còn nấn-ná chưa đi v.v...

Hóa cho nên mới nói kẻ tới trước người tới sau :

Tới sau thì hung : vì như một ngọn đèn sáng ai đến trước thì gần đèn được sáng, dần dần những người đến sau thì bị lu-mờ trong bóng tối ; sự bao-dong che-chở ý cũng như vậy, thì cũng bị tối-tăm, chỗ này Thánh-nhân nói có cái ý-nghĩa thâm-trầm vô-hạn.

Phàm con người ta biết tu sửa mình trước thì trí-tuệ được sáng-láng, biết được Đạo-lý đó là con
đường chính Đại-quang-Minh, còn những người tỉnh-ngộ sau, thấy sự không được yên-ổn trậm đi đến sau thì Đạo-lý còn ở xa họ tuy là đấng Trượng-phu mình cao 10 thước, khí-phách hơn người, đánh Đông dẹp Bắc, bôn ba bốn bề, mà đến chậm ngọn đèn Đạo-lý cũng còn phải ở trong sự tối-tăm. Đạo-lý vô-cùng rộng-rãi, và huyền-bí vậy.

Tiết 2. 彖曰：比吉也。比輔也。下順從也。原筮元永貞。无咎。以剛中也。不甯方來。上下應也。後夫凶。其道窮也。

D.A. Thoán viết: Tỷ cát dã, Tỷ phụ dã, hạ thuận tòng dã, nguyên phệ nguyên, vinh, Trinh vô cữu. Dĩ cường trung dã, bất ninh phương lai, thượng hạ ứng dã, hậu phu hung. Kỳ Đạo cùng dã.

D.N. Lời Thoán nói rằng: Tỷ là tốt, Tỷ là giúp-đỡ vậy, kẻ dưới suy-xét việc bói-toán, nguyên-vẹn lâu-dài, chính-bền không lỗi, vì cứng ở giữa, ở nơi không yên lại, trên dưới ứng nhau, đến sau Trượng-phu hung. Đạo ấy vô cùng vậy.

B.N.C.H. Ba chữ « Tỷ cát dã » là chữ thừa, đoạn « Tỷ phụ dã hạ thuận tòng dã » dùng thể quẻ để thích nghĩa tên quẻ, đoạn sau cũng lấy thể quẻ để thích nghĩa lời quẻ. « Cứng ở giữa » nghĩa là hào năm. « Trên dưới » chỉ 5 hào Âm.

LỜI-BÀN : « Bán họ hàng xa mua láng-giềng gần » đó là tả tình sớm lửa tối đèn có nhau, là cái tình thân-cận.

Thân-cận nhau thì tốt ; thân-cận nhau là gần-gũi nhau liên-kết với nhau để giúp-đỡ nhau vậy.

Dưới thuận theo : là các hào âm mềm, đều theo hào dương cả như vậy là thuận, và tả các hào ở quẻ dưới là Khôn, Khôn là thuận.

« Phải suy-xét bói-toán được nguyên-vẹn, vĩnh-viễn, trinh-bền, không có lỗi : « đã giảng ở trên » .

Vì cái cứng ở giữa vậy : là vì hào dương ở ngôi dương đó là chính-đính ở hào cửu-ngũ giữa quẻ trên. đó là ở giữa ngôi tôn-quí. Hào dương đây ví như một ánh-sáng ngời ở trên cao dọi xuống mà tất cả đều ngẩng lên triều theo vì có sáng tỏ mới có thể xét-đoán lành dữ mới có thể có
3 đức-tính kể trên vì nó ở ngôi trung-chính.

Ở chỗ không yên đến, trên dưới ứng nhau : Nghĩa là chỗ nguy đi tìm đến chỗ yên, đó là theo lẽ thuận của Trời Đất, dưới triều lên trên, trên soi xuống dưới như vậy là hưởng-ứng với nhau là thuận-hòa vậy.

Đến bậc Trượng-phu cũng hung : Đạo-lý vô-cùng, thời-gian không có đợi ai ngày nào qua là ngày đó mất, đời này ai sống giỏi lắm cũng chỉ được 3 vạn 6 nghìn ngày : với thời-gian đó có là mấy, nếu người vui chơi thỏa-thích mài-miệt quá về chuyện đời ngày nào qua là mất ngày đó, thời-gian đi như tên bay, đi không trở lại, và đến lúc chết đi tóm lại cái Đời người chỉ là một hơi thở.

Đó là một kiếp người ngắn-ngũi mà phần đông vẫn tranh-biện với cái Ta « thật » và « giả » bồng-bềnh trên làn sóng đời đi tìm Đạo-lý. Biết là đời ngắn-ngủi mà đi tìm Chân-lý trước thì tâm-linh ta được yên-ổn ; và ngược lại nếu ta có ý-trí đến sau thì đến như bậc

Trượng-phu cũng hung.

Chỗ này Thánh-nhân răn một cách huyền-ảo để tỏ-rõ cái Đạo vô-cùng.

Nếu Thượng-đế ban cho mọi người mọi vật, những cái linh-tính hiểu-biết các huyền-bí thì đời
sẽ không có, đời sẽ là một cõi sống trong sự bằng-phẳng êm-đềm thần-tiên hóa cho nên Thiên-đạo ở trước mặt mọi người, nên đi đến ngay thì không lỗi nếu có là đấng Trượng-phu thông-minh trí cả đi chăng nữa mà đến sau ắt là hung xấu vì cái công-phu Đạo-đức đi đôi với thời-gian như bóng thiều-quang qua cửa sổ, không đợi ai vậy.

Chỗ này Thánh-nhân muốn răn người cố-gắng theo ngay con đường Đại-quang-Minh của Thiên-đạo.

Tiết Tiết 3. 象曰：地上有水，比，先王以建萬國，親諸侯。

D.A. Tượng viết : Địa thượng hữu thủy, Tỷ, Tiên-vương dĩ kiến Vạn-quốc, thân Chư-Hầu.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Trên đất có nước, là quẻ Tỷ đấng Tiên-Vương lấy đó mà dựng lên muôn nước, thân với Chư-Hầu.

Truyện : Mọi vật tương thân với nhau tỷ như không chỗ dời-đứt, không khác như nước ở trên đất, Tiên-vương xem tượng quẻ Tỷ để kiến lập Vạn-quốc phủ dụ thân-thiết với Chư-hầu.

Chu-tử nói rằng : Đây tiện thời Tỷ là cái Đạo của Thiên-hạ.

Họ Hồ nói rằng : Lập Quân-đội để dung dân súc chúng có phép Tỉnh-điền khiến dân tự tương hợp mà không dời nhau, Tỷ là phép phong

và lập Kiến-quốc Thân-Hầu, có thể khiến Vua và dân tương-hợp nhau mà không dời vậy.

B.N.C.H. Trên đất có nước, nước thân-cận với đất, không có khe cách, dựng muôn Nước và Chư hầu cũng là chỗ Tiên-Vương lấy sự thân-cận với Thiên-hạ mà không có chỗ khe - cách. Ý lời Thoán nói người đến thân - cận với mình, đây có nghĩa lấy mình đi gần-khít với người.

LỜI-BÀN : Đây vẫn lấy cái thể của quẻ để thích nghĩa quẻ, trên có quẻ Khảm tượng nước, dưới có quẻ Khôn tượng đất. Đất hút nước như dương hút âm. Đất với nước hút nhau là sự thân-cận đến cực-điểm, là hiểu nhau, hòa với nhau, không khe không cách nhau đó gọi là quẻ *Tỷ*.

Đấng Tiên-Vương đây là chỉ hào *Cửu - ngũ* lấy sự thân-cận dân, vỗ-về Thiên-hạ mà dựng được Vạn nước.

Đấng Tiên-Vương : Tiên - Vương là Vua trước nghĩa là đấng *Chủ-tể* vậy.

Dựng Vạn-quốc : Nghĩa là lấy quẻ Khôn, ở dưới, Khôn tượng là quả Đất, muôn nước là nói cả Quả Địa-cầu.

Quẻ Khôn ở dưới có 3 hào âm đều thuận theo mà triều về hào Cửu-ngũ cả, vì vậy mới có ý-nghĩa ấy.

Thân Chư - hầu : Nghĩa là thân - cận với Chư-hầu.

Chư-hầu : Là những nước nhỏ tước Hầu họp lại thành một nước lớn, dưới quyền một đấng Đại-quân mà kinh-thành thường ở giữa nước.

Chư-hầu : Đây là tượng các hào âm trong quẻ *Tỷ*.

Cửu-ngũ: là chỗ các Chư-Hầu chiều về với Vua vậy.

Tiết Tiết 4. 初六：有孚，比之，无咎，有孚盈缶終來有他吉。

D.A. Sơ-lục : hữu-phu, tỷ chi vô cữu, hữu phu doanh phẫu, chung lai hữu tha cát.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Sơ-lục : có Đức Tin, thân-gần nó không lỗi, có tin đầy chậu, về sau đến có sự tốt khác.

B.N.C.H, Đầu sự thân - cận nên ở chỗ có Đức-Tín thì có thể không lỗi, nếu có sự đầy-đặc thì lại có sự tốt-lành khác.

LỜI-BÀN : Đây là hào *Sơ - lục* hào âm ở ngôi dương, ứng với hào Tứ cũng là hào Âm ở ngôi Âm :

Đầu sự thân-cận nhau là Đức-tín (Đã giảng ở trên), ở đây hào Âm ở ngôi *Sơ-lục* : ứng với hào Tứ trên cũng là Âm có ý là mình nghĩ sao ứng nói vậy, trong nghĩ thế nào ngoài làm theo thế là sự thực ; có sự thực thì mới có lòng tin, vì vậy Thánh-nhân mới nói ở đây là có Đức Tín là một cái Đức quí ở đầu sự thân-cận nhau, như vậy thì không có lỗi.

Có Đức-tín đầy chậu : Chậu tượng hình cái gì khuyết tức là Âm (Âm khuyết) Đức - tín là cái gì sáng-lạng, là đức quí ở trong người, tức là hào Âm ở ngôi dương cho nên có tượng Đức-tín đầy chậu.

Sự thân - cận cần có Đức - tín, mà chỉ ở gần nhau lâu mới thấy cho nên nói Đức Tín
đầy chậu là lời Thánh - nhân tượng cái Đức như một vật gì đổ ra cái chậu cho người trông thấy, mà khen - ngợi và tin - tưởng được vì người ta phần nhiều chỉ lấy sự đo - lường hình-thức mà giao-thiệp với nhau, nếu nói đến cái gì thiêng-liêng vô - hình thì chưa ai có thể tin ngay được vì lẽ ấy Thánh - nhân đổ cái Đức Tín ra đầy chậu để cho người biết mà thân-gần nhau, đã thân - gần nhau càng về sau càng có nhiều điều tốt-lành khác nữa.

Tiết Tiết 5. 象曰：比之初六。有他吉也。

D.A. Tượng viết : Tỷ chi sơ lục hữu tha cát dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Hào Sơ-lục của quẻ Tỷ có cái tốt khác vậy.

LỜI-BÀN : Lời Tượng lại nhắc lại cái Tốt của hào Sơ-lục. Sự thân-cận đầu mà đã có sự tin nhau, thì sự thân-mật, càng ngày càng khắng - khít, càng về sau, càng tin-cậy nhau thì càng tốt - lành.

Người ta lúc sơ - sinh ra, tính gốc Thiện thân-xác trong-sạch, linh-hồn trong-trắng, còn có cái gì thân-cận hơn là hồn với xác, lúc nào cũng liền với nhau như bóng với hình thân-mật với nhau, nhưng từ lúc đầu cần phải có lòng tin nhau, nếu tâm-hồn ta muốn đi, xác cũng đi, muốn đứng xác cũng đứng để tỏ-lòng chiều theo ý muốn và thuận theo nhau. Nếu lúc đầu mà xác nghe hồn thì người ta sau này thuần-thục sẽ có nhiều điều hay, như trí-tuệ được mở-mang, có nhiều nghị-lực và sau thành người biết tự-tín, tự-trị, một khi đã trị nổi mình thì trị Thiên-hạ khó gì vậy, vì lẽ ấy mới nói có sự tốt-lành khác.

Tiết Tiết 6. 六二：比之自內貞吉。

D.A. Lục-nhị : Tỷ chi tự nội trinh cát.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Lục-nhị : Thân-cận nhau là tự bên trong, chính-bền thì tốt.

LỜI-BÀN : Hào Lục - nhị là Hào âm ở ngôi hai là ngôi giữa hào dưới, vì vậy có tượng là ở trong. Hào 2 và hào 5 ứng với nhau, hào năm ở giữa quẻ trên, hào 2 ở giữa quẻ dưới hai hào hưởng-ứng nhau cho nên mới gọi là sự thân - cận từ ở bên trong mà ra, trên ứng dưới hưởng, từ trong lòng mà ra thì mới có sự thân-cận chính - đính. Dưới ứng trên tuy ở trong lòng mà ra nhưng còn sen cái tình su-nịnh bợ-đỡ luồn-cúi không chính-đính mà người Quân-tử không bao giờ làm. Ở đời sự cầu - thân cũng tùy nhiều trường-hợp, tùy từng cách từng cảnh, từng nơi.. Ở đời phần nhiều thì kẻ hèn cầu thân với người sang, kẻ tiện với người quý, kẻ nghèo với người giầu, sự làm ngược lại thì ít khi có và nếu có thì ít khi tự ở trong lòng chân-thật, vì lòng nhơn - đạo mà thân-cận với kẻ dưới mình. Ta có câu : « Bần cư thành-thị vô nhân vấn ; Phú tại sơn-lâm hữu-khách-tầm » nghèo ở giữa nơi Đô - hội không có người hỏi tới, Giầu ở chốn rừng núi cũng có khách tìm đến.

Hóa cho nên Thánh - nhân răn nếu đi cầu-thân với người cần phải có sự hưởng - ứng với nhau, tự ở trong tâm ra, mà phải chính-đính, bền-bỉ thì mới tốt vậy.

Cho nên người con gái nói trên tuy phải cầu-thân đi nữa thì kẻ được người cầu cũng phải phục sự giáo-dục đàng-hoàng *Trung-chính*, và không bị mất thể-diện, vì lúc nào cũng giữ mực « giấy rách giữ lấy lề ». Hóa cho nên cái Đức trung-chính bất cứ ở người nào, ở giai-cấp nào bao giờ cũng giữ được cái thể-diện làm người đối với Thiên-hạ. Ở đây Thánh-nhân muốn nêu cái giá-trị con người do Đức trung-chính vậy.

Tiết Tiết 8. 六三：比之匪人。

D.A. Lục-tam : Tỷ chi phỉ nhân.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Lục-tam : Thân với người không đáng thân.

B.N.C.H. Hào này là hào âm mềm không *Trung - chính*, nhưng hào nó ứng theo, nó cưỡi lên trên đều là hào âm, đó là cái tượng thân - cận, đều là người không đáng thân. Lời chiếm của nó rất hay, không nói cũng biết.

LỜI-BÀN : Đây là hào Lục - tam, hào Âm ở ngôi dương, hào giáp với quẻ trên, cho nên tuy nó mềm mà muốn tiến, vì nó không được ngôi
trung-chính, Trên có hào Thượng-lục ứng là hào âm liền dưới có hào Lục - nhị cũng là hào âm, trước mặt có hào Lục-tứ cũng là Âm. Trên dưới tả hữu đều là âm cả, mà nó lại là âm mạnh ở ngôi không chính-đính vì vậy có ý muốn tiến cầu-thân. Cái thể đã là hào âm mềm nhược, lại không được trung-chính, mà có đi cầu - thân nữa thì trở lại gặp kẻ ươn-hèn mềm-yếu, sự lợi và sự yên - ổn sẽ không có mà sự hại thì không thể đo-lường được.

Tiết Tiết 9. 象曰：比之匪人不亦傷乎。

D.A. Tượng viết : Tỷ chi phỉ nhân bất diệc thương hồ !

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Thân với người không đáng thân, chẳng cũng không đáng thương ru !

LỜI-BÀN : Chẳng cũng không đáng thương ru ! Thân với người không đáng thân, tức là người đi nhầm đường, nếu đã đi nhầm đường thì loanh-quanh bao giờ tới đích. Đã loanh-quanh thì
chỉ tốn của hao công, có khi lại tự mình đi vào chỗ nguy-hiểm nữa.

Hào Lục-tam hào Âm mềm cũng ví như người, theo J. J. Rousseau là : « Một cây sậy biết nghĩ » Người ta yếu hơn muôn loài nhưng có cái Trí. Trí - óc bao giờ cũng muốn học - hỏi, và đi lên con đường sáng, nhưng ở đây sự học hỏi không trúng cách gặp toàn những sự ươn - hèn, làm u-tối trí - khôn, loanh - quanh suốt đời phí thì giờ vô - ích, và dốt vẫn hoàn dốt. Như vậy thật đáng thương, vì là người muốn tiến trong sự học-hỏi, ngán thay không gặp thầy giỏi bạn hiền, đành phí cả một đời vậy.

Tiết Tiết 10. 六四：外比之貞吉。

D.A. Lục-tứ : Ngoại tỷ chi trinh cát.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Lục-tứ : Thân với người ngoài chính-bền tốt.

B.N.C.H. Hào Lục-tứ là hào mềm ở ngôi mềm, ở ngoài thân - cận với hào cửu - ngũ, đó là được sự chính-đáng tức là Đạo tốt - lành. Người chiếm như thế thì được chính-đính và tốt-lành.

LỜI-BÀN : Hào Lục-tứ là hào âm mềm ở ngôi âm như vậy là được chính-đính, cái thể của Âm là theo thuận được thân - cận với người trên là cửu-ngũ chính-trung và ở ngôi tôn-quí sáng-lạng vô-cùng. Tựa như người trên có ánh-sáng cứ theo đường thẳng đi đến với đức-tính chính-đính bền-bỉ thì sẽ tốt-lành lắm vậy.

Tiết Tiết 11. 象曰：外比於賢。以從上也。

D.A. Tượng viết : Ngoại Tỷ ư Hiền, dĩ tòng Thượng dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Ở ngoài thân với người Hiền là để theo người Trên vậy.

LỜI - BÀN : Hào Cửu - ngũ tượng Vua, hào Lục-tứ tượng Đại-thần. Đại - thần được ở nơi chính - đính và cái thể của hào là Âm thuận, là Đại-thần triều theo thuận lệnh Vua, là kẻ Bày-tôi trung-thành.

Ở ngoài thân-cận với Vua, trên thân với dưới. Vua Minh bầy-tôi Trung như vậy là thuận theo Đạo Trời, đạo bề Trên vậy.

Tiết Tiết 12. 九五：顯比。王用三驅。失前禽邑人不誡吉。

D.A. Cửu-ngũ : Hiển Tỷ Vương dụng tam khu, thất tiền cầm, ấp-nhân bất giới, cát.

Dịch-nghĩa: Đ.N. Hào Cửu-ngũ : Tỏ-rõ sự thân-mật Vua dùng đuổi ba mặt, mất con chim đằng trước, người trong ấp không bảo, tốt.

B.N.C.H. Một hào dương ở ngôi tôn - quí được cứng mạnh trung-chính, các hào âm của quẻ đều đến thân - cận với mình. Làm rõ - ràng cái tính thân - mật ấy mà không tư riêng ; như đấng Thiên-tử đi săn không vây kín, mở lưới một mặt, đến cũng chẳng chống cự đi cũng chẳng đuổi, cho nên lấy đó là tượng « dùng đuổi 3 mặt mất

con chim ở phía trước mà người trong ấp không bảo ». Tuy là thuộc sự tư - riêng họ cũng theo ý người trên, không răn bảo nhau, vì cầu ắt được.

Phàm những điều này đều là Đạo tốt - lành, người chiếm như thế là tốt vậy.

LỜI-BÀN : Hào Cửu-ngũ là dương cứng, ở ngôi trung - chính và tôn - quí tượng Vua. Ở quẻ Tỷ. Ông Vua ở quẻ Tỷ là ông Vua có đức-tính thân-gần với cả Thiên - hạ, cả với muôn vật. Đức hào này như vậy muốn tỏ-rõ cái đức-tính thân dân của vị Đế-vương, Thánh - nhân mới nói vậy. Phàm sự đi săn bắn, cốt ý là bắn, bắt muôn thú đó là một cái thích về thể - thao của các bậc Vương - giả. Cái thích của kẻ đi săn là bắn giỏi cầm thú chết nhiều.

Nhà Vua dùng đuổi 3 mặt : tức là còn để một đường Sinh cho loài cầm thú, còn 3 mặt đuổi tức là 3 đường tử. Đã đi săn lại còn dành một đường thoát-thân cho muông thú như vậy ta đủ biết đấng Vương-giả có lòng nhân đến đâu ? Đuổi theo 3 mặt con nào bắn con đó là những cầm - thú đáng số chết, nếu không nó có thể thoát - thân bằng con đường sinh đã mở cho chúng, đến cũng chẳng bắt, đi cũng chẳng đuổi, như vậy đấng Nhân-quân có lòng Nhơn đến chỗ chơi-bời giải-trí cũng còn giữ lòng Nhơn, đối với loài cầm-thú cũng còn giữ được như vậy huống chi đối với người.

Đi săn là một việc để tỏ-rõ sự thân - cận của nhà Vua đối với cầm - thú, trong rừng-rú, và tượng đi săn thì phải vào rừng. Rừng là cõi âm-u nguy-hiểm, như vậy để tả hào cửu - ngũ ở giữa quẻ Khảm (chỗ Hiểm) trong rừng phần nhiều có loài cầm thú dữ có thể nguy-hiểm đến mình mà Đấng Nhân - quân luôn luôn lấy lòng Nhân mà thân-cận với chúng vậy.

Phía trước mất con chim, người trong Ấp không bảo : trước mặt thấy con chim bay mất là ý nói nó đã ở con đường sinh, thì đến cũng không bắt, đi cũng không đuổi, ý Thánh-nhân cho ta hiểu rằng, trông thấy sự mất mà không đuổi theo cái mất vì nó có định-mệnh là *thoát*

chết thì nó phải bay đi, con chim là một con mồi, như những mồi ở đời, một khi đã mất mà mình không được hưởng không nên tiếc, xử sự như Đấng Nhân - quân như vậy, là hiểu thấu sự tồn-vong của Trời Đất vậy.

Người trong ấp : có ý - nghĩa là những người thân-mật với mình hơn là người Thiên-hạ.

Không bảo : trông thấy mất mà không bảo, lại là người thân mình như vậy có nghĩa là đã thân thì cũng hiểu ý-tưởng nhau, mà người thấy chim bay đi ở trước mặt như vậy họ không bảo,
Vì nếu họ bảo thì rất hớ - hênh, như một sự ton-hót nịnh-nọt không trúng - cách. Ý người để cho chim bay người thân - cận bảo cho hay tức là sự cầu - thân không được chính - đính, đây nói có cái nghĩa sự thân sơ ở trong bao giờ cũng ngụ cái ý công-bằng không tây riêng, xa gần vậy.

Hóa cho nên sự thân-cận người trên cũng cần có đức-tính Công-minh thì mới rõ được kẻ tiểu-nhân. Người Quân-tử mà gần người dưới thì lúc nào cũng phải chính-đính giữ phẩm-giá mới có sự thân-mật lâu bền. Phàm những kẻ « sảo - ngôn lệnh-sắc », uốn ba tấc lưỡi rút cong cái lưng, khúm-núm để cầu-thân, thì chính những kẻ đó phải có cái gì vụ lợi mới bán rẻ phẩm-giá con người như vậy, cốt mua chuộc sự cầu-thân để hưởng cái lợi nhỏ. Trong khi cầu - thân thì sự ưng chịu là ở người, sự cầu là ở mình, mình muốn thân mà người hờ - hững thì cũng không làm thế nào được, nên cốt ở mình. Ở đời không ai là không có bạn, có chỗ thân-thiết, nhưng sự thân - thiết không nên cầu - cạnh bằng những vẻ khả-ố trái với đạo Thường của Thiên-lý, và thứ nhất là nếu những người muốn sự cầu-thân bằng những cử-chỉ nhỏ-nhen, hay lối ton-hót thì những kẻ đó cũng chẳng nên cầu vậy.

Tiết Tiết 13. 象曰：顯比之吉。位正中也。舍逆取順。失前禽也。邑人不誡上使中也。

D.A. Tượng viết: Hiền tỷ chi cát, vị chính trung dã, xả nghịch thủ thuận, thất tiền cầm dã, ấp-nhân bất giới thượng xử trung dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng: Sự tốt của sự thân-mật rõ-ràng là ngôi trung-chính, bỏ nghịch lấy thuận, mất chim trước mặt. Người trong ấp không bảo, người trên xử đúng vậy.

Truyện. Hào 5 ở ngôi Vua, được ngôi trung-chính mà tận-thiện đạo Tỷ. Bậc Nhân-quân có Đạo hợp Thiên-hạ, đương lúc làm sáng rõ hiển-minh Đạo Tỷ ấy mà thôi. Như ý thành chờ vật, mình có lòng tha-thứ khoan-thai để cùng vào mà phát Chính thí Nhân, khiến Thiên-hạ được hưởng ân-trạch đó là bậc Nhân-quân hợp với Đạo của Thiên-hạ. Như vậy Thiên-hạ ắt thân-hợp với người trên, nên Thánh-nhân lấy hào cửu-ngũ tận-cùng cái Chính của đạo Tỷ. Lấy sự đuổi ba lần để dụ, đó là sự săn bắt của Thành-thang có nghĩa ấy vậy. Bậc Thiên-tử vây
quân địch trong ba mặt, đằng trước khai cho một đường để khiển, nó chạy được là vì bất-nhẫn giết hết, đó là bậc Vương-giả làm hiển-hiện sự sáng-tỏ của Đạo Tỷ không âu-yếm vồn-vã nhưng cần sự vật hợp nhau. Nếu đuổi ba lần ở ruộng thì chim-chóc bay hết, bay đi thì không đuổi, đến (đến là hào 4 âm thuận theo hào 5) thì bắt vậy. Đây là nói sự cả lớn của Vương-đạo sở dĩ dân-chúng trong nước hớn-hở mà không cần biết đến làm gì. Người ở làng ấp không cần phải có sự răn-giới tốt lành, nói đến chỗ thật công-bằng không tư-riêng, không có sự phân-biệt xa gần thân sơ, không cần răn-giới ở trong làng xóm thì tốt. Thánh-nhân lấy sự Đại-công vô-tư mà trị Thiên-hạ, làm hiển-hiện cuộc Tỷ.

Không phải duy chỉ có bậc Nhân-quân mới hợp cái Đạo của Thiên-hạ. Như vậy sự Cả hợp, người cùng hợp nhau không phải là không như thế. Vua tôi bạn-bè, quan dân thân-thích nhau như vậy.

Họ Từ nói rằng : Tỷ là để làm hiển-hiện cái nghĩa Thiên - hạ đều là thần - dân theo đúng sự quang-minh ấy. Dân đã gần ánh-sáng thì Thánh-nhân tuy không để tâm giữ Thiên-hạ mà Thiên-hạ tự không bỏ Thánh-nhân.

B.N.C.H. Do cái Đức của người trên sai-khiến không thiên-lệch vậy.

LỜI-BÀN : Sự tốt lành của sự tỏ rõ lòng thân-cận vì nó được ở chỗ trung-chính. Được ở chỗ chính thì có cái đức-tính chính-trung, đã chính-trung thì không thiên-lệch không thiên-lệch thì giữ được đạo công-bằng. Công-bằng được ở ngôi chính-đính ở ngôi cửu-ngũ, thì sự công-bằng lại thêm sự sáng-lạng quang-minh. Một người mà Thiên-hạ muốn cầu thân, có đức-tính công-minh thì sự tốt lành không sao kể xiết.

Bỏ nghịch lấy thuận, mất con chim trước mặt : Sự gì nghịch nghĩa là trái với tình thuận. Thuận nghĩa là triều theo mình con chim bay đi là thuận, theo mệnh-lệnh của đấng Vương-giả mà thoát đi đó là sự thuận theo đối với vị Vương-giả ở ngôi cửu-ngũ quẻ Tỷ.

Chim bay đi : Đối với sự đi săn và đối với nơi rừng nó ở thì sự bay đi là nghịch, hóa cho nên mới nói bỏ nghịch lấy thuận. Đối với bậc Vương-giả đi săn chỉ đuổi có 3 mặt, để một mặt cho chim muông thoát thân, đó là có lòng Nhân trong lúc đi săn, chỉ khi con nào nghịch với mệnh-lệnh thì mới giết. Vì vậy thấy con chim bay đi trước mắt mà không đuổi không giết.

Người ấp không bảo, người trên sai-khiến đúng vậy : Câu này tỏ rõ ra sự xử-sự với
ai cũng được sự thân-cận không riêng tây ; cái đức lớn đó, người người đều hiểu biết, vì ai cũng biết sự thân-cận của Vương-giả đối đến cả cầm thú trong lúc đi săn bắn cũng vẫn giữ lòng Nhân, cho nên thấy mất con chim đàng trước mặt mà không bảo vì cái tình thân-cận với tất cả muôn loài đã hiển-hiện rõ-ràng mọi người đều thấy rõ cho nên nói người trên sai-khiến đúng vậy.

Tiết Tiết 14. 上六：比之无首凶。

D.A. Thượng-lục: Tỷ chi vô thủ hung.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Thượng-lục: Thân-cận không đầu hung.

LỜI-BÀN. Sự thân-cận không có đầu. Hào thượng-lục là hào âm mềm trên ngôi âm tức là âm cực : có hào ứng là hào lục-tam cũng là âm nữa Âm bị thái quá. Âm cực thì dương sanh Âm cực chỉ muốn tiến, hay động mà lên, trên không có ai cầu thân, dưới không người hưởng ứng, để cầu thân với kẻ dưới, ở ngay trên ngôi cửu-ngũ, muốn trở về cầu thân, nhưng ở nơi hiểm cực thái-quá, động thì có sự biến-đổi, ở nơi nguy-hiểm muốn đi, đi cầu thân để nương-tựa, động thì nguy-hiểm, hào
ứng cũng đều là âm cả, hóa cho nên muốn mà không làm, không làm ắt không có đầu. Vì sự thân-cận phải có lúc đầu, trên dưới cùng ứng nhau và đến gần với nhau, mới có đầu sự thân-cận vậy.

Tiết Tiết 15. 象曰：比之无首。无所終也。

D.A. Tượng viết : Tỷ chi vô thủ, vô sở chung dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Thân-cận không có đầu thì không có đuôi vậy.

LỜI-BÀN : Có đầu thì phải có đuôi, không đầu thì lẽ tất-nhiên không có đuôi. Không bao giờ có đuôi mà không đầu, chỉ có đầu mà không

đuôi thì còn có được. Phàm truyện thân-cận với nhau là do ở sự xử-sự với nhau giữa hai người. Muốn cầu Người mà không đi Người đâu có lại. Muốn cầu người muốn thân với người mà đi sợ hiểm-nghèo, người đâu có biết mà hưởng-ứng, không hưởng-ứng thì đâu có kết-quả được. Cũng như nhiều hạng người muốn gần Thánh-thần để hưởng nhiều lộc, muốn được ban nhiều phúc lành, nhưng sợ làm điều thiện và sợ học-hỏi mất thời-giờ hao công tốn của.

Đó là những hạng muốn có cái quả tốt đẹp hay cái quả ngon lành mà không có cái đầu khó-khăn hay gieo cái nhân mà không muốn mất công vun sới. Đây ngụ-ý là : Nhân tốt thì quả mới tươi nhân xấu thì quả phải xấu không nhân sao có quả được.

Tóm tắt : Quẻ Tỷ (thân-cận) tốt, suy bói ; nguyên-vẹn, vĩnh-viễn, trinh-bền không lỗi ; ở phương không yên đến, kẻ đến sau hung.

Sơ-lục : Có đức tín thân-cận nó không lỗi ; có lòng tin đầy chậu về sau đến có sự tốt khác.

Lục-nhị : Thân-cận nhau là tự bên trong chính-bền tốt.

Lục-tam : Thân với người không đáng thân.

Lục-tứ : Thân với người ngoài chính-bền tốt.

Lục-ngũ : Tỏ rõ sự thân-cận : Vua dùng đuổi 3 mặt, mất chim đằng trước người trong ấp không bảo, tốt :

Thượng-lục : Thân-cận không đầu, Hung.

Tỷ quái tổng-luận

Quẻ Tỷ là phản quái của quẻ Sư. Quẻ Sư nói đạo cầm-binh khiển-tướng thì quẻ Tỷ trở lại là quẻ nói sự giao-dịch thân-gần nhau.

Trong quẻ Tỷ Thánh - nhân nói ba đức : Nguyên, Vĩnh, Trinh mà không nói Hanh, Lợi.

Có thân nhau thì mới gần nhau, mà thân nhau trong xã-hội, ai bằng Vua tôi, cha con, vợ chồng, bè bạn. Thân nhau ắt phải có lòng tin nhau, phải có thủy có chung, có lòng thành-thực phát ra từ tâm mình. Trong 6 hào của quẻ, Thánh-nhân nói sự thân-gần nhau theo từng thời-gian và ngôi-vị từng hào. Cách xử kỷ tiếp vật ở đời không ra ngoài cái lòng « *Tin* ». Hóa cho nên quẻ Tỷ khởi sơ-hào đã nói đến có Đức Tin. Trong quẻ Tỷ Thánh-nhân dậy Đạo bè-bạn trong đời. Trong đời làm người ai là không có bạn, ta thường nói : « Giàu vì bạn sang vì vợ » mà cái đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu nhau là một luật-định dĩ-nhiên trong Xã-hội. Đời xưa lấy chữ Tín làm đầu để giao-du trong Thiên-hạ, nhưng nay vì danh-lợi về vật-chất đã làm mê hoặc lòng người mà trong xã-hội ngày nay chỉ đua nhau vì Danh với Lợi, thì cái đức-tính của người đối với người lu-mờ đi cho nên có khi cha lìa con, vợ phản chồng, bè-bạn lừa dối nhau cũng chỉ vì **danh** với **lợi**. Một khi cái Hạ-trí của con người tiến lên một mức cao đưa cả Nhân-loại triều về một cái Văn-minh vật-chất thì cái Thượng-trí bị nhẹ bớt đi và cái lương-tri của con người cũng vì đó mà lu-mờ đi vậy. Ôi ! Đạo Tỷ lớn lắm thay ! từ trong thân mình, mình có lòng tin lấy cái Lương-tri của mình, mà đưa cả 3 thể con người : Hồn, Vía, Xác, tin lẫn nhau cùng Đức tiến lên con đường Học-vấn để đến một cái đích cao-siêu sáng-sủa đó là Đạo Tỷ sơ bộ của mình đối với mình. Ai thân bằng Hồn với Vía, Vía với Xác, nếu ta chỉ biết có cái ta thể-chất này bỏ quên cái Ta linh-thiêng ắt ta trở lại phản lấy ta mà tự đưa vào con đường mù-quáng của vật-chất. Từ ta đến gia-đình ta ai thân gần bằng cha mẹ vợ con mà nếu ta vì quá siêu về thể-chất không chịu bồi-đắp tâm-linh mà chỉ biết cái Văn-minh hiện-tại mà cha không ra cha, con không ra con, vợ chẳng ra vợ, chồng chẳng ra chồng thì sự thân-gần trong gia-đình phải xa-lìa và hối-tiếc.

Ngoài gia-đình ta còn bao nhiêu sự xử-kỷ tiếp-vật ở ngoài, nào là

bầu-bạn, nào là công-việc có kẻ ăn người làm mà ta phải trực-tiếp thân-gần luôn trong công-việc hàng ngày của ta.

Hóa cho nên đức Phu-tử đã dậy ta Đạo : Tu Tề Trị Bình do từ sự cách-vật, chí-tri, thành-ý tâm-chính vậy.

Đạo Tỷ trên đây gồm cả một cái Đạo con người phải thành người mà đức Phu-tử đã vạch ra để dậy người trong Đại-học. Thân-gần muôn vật phải chăng chỉ có bậc Thánh-nhân mới làm được thôi ư ! Một ánh-đèn Đạo-đức chiếu cái ánh-sáng êm-dịu xuống cho muôn vật trong cảnh tối-tăm thì ai mà không thấy, ai mà không muốn gần. Một mình thu-hút được cả Thiên-hạ triều về thân-gần với mình có phải chỉ có đấng Thánh-quân mới có thể làm được ru ! Bậc Vương-giả trên ngôi tôn-quí cũng như hào cửu-ngũ quẻ Tỷ thu-hút năm âm, tức nhiên cái Đức Tín của bậc Thánh-quân đã sáng-tỏ chiếu khắp Thiên-hạ mà trăm họ đều triều về, là cái tượng của Đạo Tỷ vậy.

Đạo Tỷ tuy do Đức-Tín mà có nhưng còn cần phải có LỄ tức là cái văn - vẻ của người đối với người, để cho người dễ thân với người. Người Nhật đã nổi tiếng trên hoàn-cầu về Lễ-phép hóa cho nên đến các kẻ thù bất cộng đái thiên của Nhật trong trận giặc thứ hai này, cũng trở thành bạn thân-gần và giúp-đỡ họ. Cho nên một người có Đức Tín, lại lúc nào cũng giữ Lễ
đối với người thì ai cũng yêu-chuộng và có lòng thân-gần với. Xưa như Văn-Vương có Đại-đức lại lấy Lễ mà cầu Khương - tử - Nha cho nên được Khương-tử thân-gần mang hết lòng để phò Châu, diệt Trụ.

Như Lưu-Bị phải « Tam cố thảo lư » lấy hết lòng thành-kính ba lần đến cầu Khổng-Minh vậy.

Cho nên Vua đối với Bày-tôi có lễ-độ thì Bày-tôi hết lòng thờ Vua nên mới có những bậc Trung-quân ái-quốc treo gương muôn thủa.

Thân-gần bằng tiếng đàn tiếng địch như Lộng-Ngọc với Tiêu-sử, như Bá-Nha với Tử-kỳ, đồng khí mà tương thân như Bão - thúc - Nha với Quản-di-Ngô ; thân-gần mà sau phản nhau như Bàng-

Quyên Tôn-Tẫn. Trong đời biết bao nhiêu cách mà lịch-sử loài người đã cho ta những gương sáng về Đạo Tỷ.

Đó là nói rộng ra để cho rõ Đạo Tỷ của Thánh-nhân vậy.

小畜 PHONG - THIÊN TIỂU - SÚC - 9

Tốn trên ☴
Kiền dưới ☰

TIỂU-SÚC 5/1

Tốn là gió : Gió sinh ra bởi sự di - dịch của khí ; khí nóng và hơi nước nhẹ bay lên, khí hàn ở không-thiên lắng xuống đến choáng khoảng bỏ trống. Thế là có sự đảo-lộn ; khí lạnh ở trên xuống dưới, khí nóng ở dưới bay lên trên nên sinh ra gió. Vậy quẻ Tốn ☴ là quẻ ䷸ Đoài lộn-ngược, ngọn gió này do khí hàn ở không-thiên lại nên mát-mẻ nhu-thuận làm cho khí-hậu trên quả đất đều - hòa thanh - thoảng và dung được muôn loài sinh vật.

Trong thời-kỳ quẻ Tốn, thực-vật động-vật, sinh sản vô kể :

Đấy là Tốn ở Hậu-thiên.

Ở Tiên - thiên Tốn cũng là gió nhưng là gió lửa. Nội-tâm định-tinh là một khối khí đen phun ra vô số âm - vị phân - tử. Những luồng âm - vi phân - tử ấy bắt lửa cháy thành lửa ngọn nên nét chắp ở dưới chỉ khí âm, hai nét liền ở trên chỉ lửa ngọn. Đó cũng là hình tượng quẻ Tốn : Trên định tinh là bão lửa. Trong kinh Dzyan thiên Nhân-loại khởi-thủy thi-tiết V tiết 18 trong chú-giải cuối-cùng có nói :

« Những con của mặt Trời và mặt Trăng những con thơ của tinh-khí (Ether) hay là gió. Đó là những bóng của các Đấng Chúa - tể. Những bóng đó bắt đầu sự phát - triển, những thần-linh của cõi Đất thụ lấy chúng ; những thần-linh về mặt Trời hơ ủ nó (nghĩa là giữ lấy cái

lửa linh-khí trong những cái hình vật-chất sanh ra. Những hơi thổi có sinh-khí nhưng trơ-trọi không có trí-tuệ. Nó không có cả lửa cả nước ».

a) Người cha của cái thân-xác người hồi xưa là cái nguyên-nhân linh điện - khí (Principe électrique vital) ở trong mặt Trời (Thái-dương). Mặt Trăng là mẹ nó (Thái - âm) là vì những năng - lực bí - mật mà nó có và nó gieo sự ảnh-hưởng, thật rõ - rệt không những tới sự hoài-thai (Gestation) và sinh-thực (Générations) của người mà nó thống-trị còn tới cả sự sinh-trưởng của cây cỏ và loài-vật.

Gió hay linh-khí ở đây làm di-chuyển-viên (Agent de transmission) bởi sự môi giới đó những ảnh - hưởng đó truyền từ trong lòng các tinh-tú tới đây đó và vung-vãi trên quả Đất, vì vậy mới có tên là « Nhũ Mẫu » nhưng chỉ có cái « linh-hỏa » làm người thành đấng thiêng-liêng và hoàn-toàn thôi.

b) Tại sao nó thật ra không có cả lửa cả nước ? Là vì cái gì mà khinh-khí đối với những vật và khí trên cõi hữu - hình, cái nguyên-hình của nó đối với những cái trong cõi có những hiện-trạng thần-linh và vô-hình.

Trong sự thật khoa bí-truyền đó là sự phát-huy cái tia - sáng ở lòng cái thần - linh của cái nguyên-nhân sơ-thủy.

Quẻ Tiểu - súc : Trong chữ súc có chữ huyền ở trên nghĩa là huyền - bí huyền-ảo. Dưới có chữ điền là ruộng ; Ruộng để cấy thóc ; thóc để nuôi người. Vậy « huyền điền » có ngụ-ý là cái gì nuôi được muôn vật một cách huyền - bí, vì vậy mới có tượng quẻ Tốn, là gió, gió tức là khí. Trong không - khí có những thức ăn huyền-bí cho muôn vật trên cõi Đất, cho nên mới gọi là súc ; Súc tức là Nuôi vậy. Nó có thể gọi được là người cha hay người sinh - thực - viên, hơn nữa nó là căn-nguyên của Khí và Nước, nó chỉ là « Lửa » Khí và Nước : là một ; dưới 3 thể nghĩa là tam-
tài của hóa - học và luyện-kim-thuật (alchimie). Ông Godfrey Higgins so-sánh cái lý của khinh-khí và giải rõ sự tương-tự với cái

« Độc-Nhất » của người Hy-lạp. Ông cho biết rằng : Khinh - khí không phải là lửa tuy là nó tạo ra và làm cho nó linh-động, nó cũng chẳng phải là không - khí tuy là không - khí có thể lấy để hòa-trộn với Nước với Lửa.

Cho nên quẻ Tiểu - súc trên có quẻ Tốn và dưới có quẻ Kiền. Như vậy ta thấy rằng trên có gió (sinh - khí) dưới có những tia-sáng nho nhỏ (tức là 3 hào dương) tượng là Nguyên-tử bản-nguyên của muôn vật. Gió bay, lưu-động không-khí đi nuôi cả muôn loài vì vậy ở kinh Dzyan mới gọi là Nhũ-Mẫu của muôn vật và ở kinh Dịch gọi là Tiểu - súc, Tiểu - súc có nghĩa là nuôi ít, nuôi ít đây cũng như sự nuôi - nấng đứa trẻ-thơ trong khi còn non-nớt, giúp người mẹ nó, để nuôi nó trong những ngày còn măng sữa như vậy mới gọi là *nuôi ít*. Quẻ Tiểu - súc có một âm ⚋ ở hào Lục-tứ và 5 dương trên dưới. Một Âm mà nuôi cả 5 dương, vì vậy mới có tên là *nuôi ít*.

Tiết Tiết 1. 小畜亨密雲不雨自我西郊。

D. A. Tiểu-súc hanh, mật vân bất vũ, tự ngã Tây giao.

Dịch-nghĩa: D. N. Quẻ Tiểu-Súc (nuôi ít) hanh-thông, mây dầy không mưa tự cõi Tây ta.

C. T. Dưới nuôi trên, nhỏ nuôi lớn, là việc của Văn-Vương với Trụ-Vương thường nuôi cái ác mà không năng làm điều thiện.

Họ Hồ nói rằng : Vua Văn - Vương trí tại quẻ Minh-Di mà Đạo tại quẻ Tiểu-súc.

B.N.C.H. Quẻ Tốn cũng là tên quẻ có 3 vạch, một vạch Âm núp ở dưới hai vạch dương, cho nên cái đức của nó là nhún, là vào, tượng

nó là *gió* là *nước*, « Tiểu » tức là Âm. Súc là cái ý ngừng nó lại ; trên có quẻ Tốn dưới có quẻ Kiền, lấy âm nuôi dương, lại quẻ này chỉ hào Lục-tứ là một hào Âm, trên dưới 5 hào dương đều được nó nuôi cho nên là « Tiểu-súc ». Lại lấy Am nuôi Dương, hay buộc mà không hay bền, cũng là cái chỗ phải nuôi, đó là cái tượng « ít » vậy. Trong mạnh ngoài nhún hào 2, hào 5 đều là dương, mỗi hào ở giữa một quẻ mà làm việc, có ứng mà được ở giữa đó là tượng cái trí được thực - hành cho nên lời-chiếm của nó đáng được hanh - thông. Nhưng sự nuôi - nẵng chưa được tột - cực chưa đem ra mà thực-hành, cho nên có tượng « có mây dầy không mưa, tự cõi Tây ta ». Vì mây dầy là vật âm cõi Tây là phương Âm ; ta là Văn-Vương tự xưng, Vua Văn - Vương diễn kinh Dịch ở ngục Dữu-Lý ; nhìn ra Kỳ-Châu (nước Vua Văn) là phương Tây, chính là thời - vận của quẻ Tiểu-súc. Người bói được quẻ này thì lời chiếm cũng tượng vậy.

LỜI - BÀN : Tốn là gió, gió đưa đẩy không-khí, và tuy đã có cái linh-khí của Tạo-hóa, đi để nuôi vạn-vật như vậy kinh Dzyan gọi gió là « Nhũ Mẫu ». Gió bay, thì khí lọt chỗ nào là không thông cho nên đức - tính đặc - biệt của quẻ Tiểu-súc là sự Hanh-Thông : Tốn tượng là gió.

Mây dầy không mưa : Nước bốc hơi lên thành mây, hơi nước bốc lên vì mặt Trời chiếu sói, vì vậy hơi nóng, bốc tụ trên Trời gặp khí Âm lạnh mới thành mưa, nhưng phải có gió lưu-chuyển đi hòa trộn, mang đi chỗ này chỗ kia, gặp khí Âm lạnh mới động thành hạt mưa mà rơi xuống đất, đây là mới bắt đầu của quẻ Tiểu - súc cho nên nói mây dầy không mưa, khí lạnh khí nóng chưa gặp nhau vì chưa có gió.

Tượng *mây dầy* là vì quẻ Tiểu - súc có 5 hào dương và 1 hào Âm hào Âm ở hào 4 quẻ Tốn, Tốn tượng gió nhẹ bay ở trên, hào Âm nặng bay ở dưới. Âm lại ở ngôi Âm, cho nên tượng là *mây dầy*.

Không mưa : Nghĩa là thời-vận chưa đến, mây tuy dầy mà gió chưa thổi để gặp lạnh thành mưa.

Tự cõi Tây ta : Gọi cõi Tây, trên đã nói hào Âm ở hào 4 và theo thành quẻ lấy lục thân thì hào Lục - tứ có cung *mùi* (1) ở về hướng *Tây-nam* và biết rằng Tây-nam là phương Âm, vì Âm khởi đầu từ cung mùi, và đối với phương Đông-bắc, vì dương khởi đầu từ cung Tý.

Như vậy tỏ rõ rằng : Âm ở ngôi Âm và ở phương Âm nữa.

Ta : là lời của Văn-Vương khi bị giam ở Dữu-Lý, xem được quẻ này nhìn về Kỳ-Châu ở phía Tây hoài-cảm thấy trăm họ đồ-thán mà thân thì lâm đại-nạn phải giam-cầm ở nơi đất Vua cha vì hào **sơ-cửu** có hào phụ-mẫu trì « *Thế* » (tỏ ra rằng sự mới bị giam - cầm, ở ngoài kinh - thành (Đối ứng với hào này là ngoài kinh-thành ứng hào Lục-tứ nên gọi là *Giao*, vì hào Tứ ở quẻ ngoài) nhìn về hướng ứng là tự cõi Tây ta là Kỳ-Châu có mây dầy không mưa vậy.

Văn - Vương biết sẽ được ân - xá và nước Kỳ-Châu của ông sẽ thành nghiệp Đế.

Tốn	⚊ mão Huynh-đệ
Tiểu-súc. [1]	⚊ tỵ Tử-tôn
Ứng	⚋ mùi Tài
Kiền	⚊ thìn Tài.
	⚊ dần Huynh-đệ.
Thế	⚊ tý Phụ mẫu.

Tiết Tiết 2. 彖曰：小畜。柔得位而上下應之。曰：小畜。

D. A. Thoán viết : Tiểu-Súc, nhu đắc vị nhi thượng hạ ứng chi, viết : Tiểu-Súc,

Dịch-nghĩa: D. N. Lời Thoán nói rằng : Quẻ Tiểu-Súc, mềm được ngôi mà trên dưới ứng với nó gọi là : Tiểu-Súc.

B.N.C.H. Đây lấy thể quẻ để thích nghĩa tên quẻ, (mềm được ngôi) chỉ về hào âm ở ngôi tứ. Trên dưới trở về 5 hào dương.

LỜI - BÀN : Hào âm ở ngôi thứ tư quẻ trên cho nên là được ngôi, và năm hào dương ở trên dưới tượng những nguyên-tử bản - nguyên của muôn loài.

Hào lục-tứ ví như một người đàn-bà được ở ngôi âm không được chính ngôi là mẹ, ở đây như một người (vú - em) hay người mẹ nuôi 5 người con, « Vú » nuôi có nghĩa không lâu và nuôi ít, nhưng có sự nuôi đó là sự phải ràng buộc, là sự cần . thiết vậy. Theo huyền - bí học, một khi các nguyên-tử đã xuống cõi đời làm bản-nguyên cho muôn vật thì những ảnh-hưởng thiêng-liêng của Tạo-hóa khí trà-trộn trong không-khí đều nhờ ở gió mà mang từ cõi này qua cõi kia rồi đến nuôi muôn vật ở trên cõi Đất.

Hóa cho nên : Cái mềm được ngôi mà trên dưới ứng với nó, gọi là nuôi ít.

[1] *An 12 chi và Lục-thú vào quẻ.*

Trên đây lại nhắc lại một lần nữa Gọi là Nuôi ít cốt để nhắc sự huyền - ảo của Âm mềm để tả sự cần - thiết đó là lớn lắm vậy. Tuy là nuôi ít nhưng nó lại cần - dùng để nuôi cái « ta » thực trong cõi vô-vi. Thân - xác ta nhờ nó mà sống và linh-hồn ta cũng nhờ nó mà đi được đến chỗ Đại-quang-minh.

Nuôi ít : Cái khí nuôi người không ai trông thấy và ít người để ý đến vì vậy gọi là Nuôi ít.

Tiết Tiết 3. 健而巽。剛中而志行乃亨。

D. A. Kiện nhi Tốn, cương trung nhi trí hành nãi hanh.

Dịch-nghĩa: D. N. Mạnh mà nhún, trong chỗ cứng mà trí thi-hành được, ắt được hanh-thông.

B.N.C.H. Lấy đức và thể của quẻ mà nói thì hào dương còn có thể Hanh-Thông.

LỜI-BÀN : Mạnh mà Nhún : là nói quẻ Tốn tượng gió ở quẻ trên được chính ngôi vì vậy gọi là mạnh mà nhún, đức-tính của quẻ Tốn vậy.

Trong cứng : quẻ trong là Kiền có ba dương như vậy gọi là cứng ở trong đó là trong cõi đất (nói đối với vũ - trụ) là những nguyên-tử căn-bản của muôn vật mà cái trí được thực-hành. Như vậy thì cái trí ý của các đấng Tạo-công được thực-hành là vì gió chuyển bay từ cõi nầy sang cõi khác từ hành-tinh nầy sang định-tinh kia như một Di-chuyển-viên, mang những linh-khí cho các nơi và cho cả muôn vật trên cõi đất ta, những bản-nguyên nguyên-tử cũng được linh-khí duy-trì nuôi-nấng hóa cho nên mới gọi là bèn được hanh - thông ở quẻ này. Sự Hanh - thông là một đặc-tính của gió.

Tiết Tiết 4. 密雲不雨尚往也。自我西郊。施未行也。

D. A. Mật vân bất vũ thượng vãng dã, tự ngã Tây giao, thí vị hành dã.

Dịch-nghĩa: D. N, Mây dầy không mưa còn ưa đi vậy, tự cõi Tây ta chưa đem ra thi-hành vậy.

B.N.C H. : Ưa đi, ý nói sự nuôi chưa tột-cực, khi nó còn tiến lên,

LỜI-BÀN : Mây dày không mưa : vì quẻ Tiểu-súc có 5 dương, khí còn đương sung lên nhiều hơi nóng còn bốc thì chỉ làm mây càng dầy, còn bốc lên thì mây còn đi, như vậy thì chưa có thể mưa được.

Tự cõi Tây ta, chưa đem ra thực-hành được. Mây dày từ cõi Tây từ nước (Kỳ-châu) ta lên mà chưa mưa được thì cái may khỏi sự giam-cầm chưa có thể thực-hiện được, cái trí của ta chưa có thể thực - hành được : « Chữ « thí » đây còn có nghĩa là thí ân cho » ; câu này còn có nghĩa : Khi Văn - Vương ở Dữu-Lý coi quẻ như vậy thì sự thi-ân để ân-xá cho ông chưa thực-hành được cũng như mây dầy ở trên cõi Kỳ-châu chưa mưa được để cho dân Kỳ-châu được mát-mẻ làm ăn. Đây ngụ-ý là dân Kỳ-châu mong ông cũng như mong mưa, thấy có điềm được tha mà chưa thực-hành được vậy.

Tiết Tiết 5. 象曰 : 風行天上。小畜。君子以懿文德。

D. A. Tượng viết : Phong hành Thiên thượng : Tiểu-súc, Quân - tử dĩ ý văn đức.

Dịch-nghĩa: D. N. Lời Tượng nói rằng : gió bay trên Trời, quẻ Tiểu-súc, người Quân-tử lấy đó làm đẹp Đức Văn.

Truyện : Sự uẩn-súc của người Quân - tử lớn thì được cái nghiệp Đạo-đức kinh-luân, nhỏ thì được văn-chương tài-nghệ. Người Quân-tử coi tượng quẻ Tiểu-súc lấy cái đẹp-đẽ của Văn-Đức nuôi Đạo.

Chu-tử nói rằng : Văn Đức như cái oai-nghi trong văn-từ sánh với Đạo nghĩa là nhỏ vậy.

B.N.C.H : Gió có khí mà không có chất, có thể nuôi mà không có thể lâu, cho nên là tượng nuôi ít « Làm đẹp Đức Văn » ý nói chưa thể chứa được nhiều mà thi-hành được xa.

LỜI-BÀN : Gió bay trên Trời : là quẻ Tốn ở trên.

Là quẻ Tiểu - súc : Gió (đã giảng ở trên) bay lưu-chuyển linh-khí cho muôn loài vì vậy gọi là Nhũ-Mẫu tức là Quẻ nuôi ít.

Trong khi gió bay trên Trời, giao - thông luân-chuyển, cõi này qua cõi kia, hành - tinh này qua hành - tinh kia ví như một di-chuyển-viên của Fohat Nguyên-đơn-Tử, để liên - lạc cái văn-vẻ của Trời. Trên Trời có văn - vẻ cũng là nhờ
một phần ở gió, cũng như cõi Đất có văn - vẻ, Đạo-đức nhờ những đấng Quân-tử vậy. Trên thì gió làm công-việc gió, dưới thì Quân - tử chăm lo trau-dồi Đạo-đức, Văn-chương ; Quân-tử cũng như di-chuyển-viên của Đạo - đức Văn - chương. Thánh - nhân muốn ví cái bổn - phận của người Quân-tử như bổn-phận của gió trên Trời.

Tiết Tiết 6. 初九 : 復自道。何其咎。吉。

D. A. Sơ-cửu ; Phục tự Đạo, hà kỳ cứu ? Cát.

Dịch-nghĩa: D. N. Hào Sơ-cửu : Trở lại Đạo mình, có lỗi gì ? Tốt.

B.N.C.H. Quẻ dưới thể Kiền, vốn đều là vật ở trên, chỉ muốn tiến lên mà là cái để cho Âm nuôi. Nhưng hào Sơ - cửu là thể Kiền, ở dưới được chỗ chính, trước còn xa với Âm : tuy cùng hào 4 là chính ứng mà nó có thể tự giữ lấy đường chính không được hào kia nuôi, cho nên có cái tượng Tiến lên trở lại cái Đạo của mình. Người chiếm như thế thì không có lỗi mà tốt vậy.

LỜI-BÀN : Hào sơ-cửu hào đầu có dương ở ngôi dương được chính ngôi và hưởng-ứng với hào lục-tứ nên ở ngôi âm, như vậy tuy là dương cứng muốn tiến nhưng là dương ở chính ngôi mà mới sơ đầu thì dương đây có sức mạnh hút âm lại và vẫn ở ngôi mới có tượng là : Trở lại Đạo của mình. Quẻ nầy lập thành quẻ thì thấy Thể ở hào sơ-cửu nếu Văn-Vương chiếm thì lúc đó thể tượng Văn-Vương còn phải giam trong tù tuy có cái tượng âm ở ngoài ứng nhưng chưa thành và ngoài là hào âm ở ngôi âm thành sự thi-ân chưa thực-hành được. Hóa cho nên lại trở lại con đường mình là ở trong tù mà định Kinh Dịch vậy. Yên trí theo con đường của mình như vậy thì có lỗi gì ? mà lại tốt.

Tiết Tiết 7. 象曰：復自道。其義吉也。

D. A. Tượng viết : Phục tự Đạo, kỳ nghĩa cát dã.

Dịch-nghĩa: D. N. Lời Tượng nói rằng : Trở lại Đạo mình nghĩa ấy tốt vậy.

LỜI-BÀN : Đối với Văn-Vương, câu tượng này rất là tốt vì khi ở Dữu-Lý bị cầm-tù, một là nhờ vậy ông đã trả được cái nợ tiền-oan nghiệp-chướng của ông ở các kiếp trước, hai là ông được rảnh-rang

công-việc triều-chính mà theo con đường Đạo-đức của ông. Nhờ những ngày giờ ở Dưu-Lý mà ngày nay ta mới có kinh Dịch bây giờ. Đó là một pho Kinh tối cổ tóm-thâu cả Vũ-trụ ở trong nên nói có cái nghĩa tốt vậy.

Trở lại Đạo mình : Chưa tiến được vì còn hãm còn non, hãy trở lại con đường của mình cho càng được uẩn - súc mà trên có người hưởng - ứng nhiều thì cái nghĩa tốt vậy. Phàm người Quân-tử, lúc mới đầu chưa mạnh, biết ngoài có hưởng - ứng ; nhưng còn trở lại Đạo của mình để uẩn-súc cho thật tinh-vi rồi lo gì không thực-hành được trí-hướng.

Tiết Tiết 8. 九二：牽復吉。

D. A. Cửu-nhị : Khiên phục cát.

Dịch-nghĩa: D. N. Hào cửu-nhị : Dắt-dẫn trở lại tốt.

B.N.C.H. Ba hào dương trí giống nhau mà hào Cửu-nhị dần dần gần với hào Âm lấy cái
cứng của nó ở giữa cho nên có thể cùng hào sơ-cửu co dắt mà trở lại, cũng là Đạo tốt. Người chiếm như thế thì tốt vậy.

LỜI-BÀN : Hào Cửu-nhị dương cứng ở giữa quẻ dưới và là quẻ Kiền tức là dương ở trong và cứng có trí tiến lên, tiến lên ở trên ứng với hào Cửu-ngũ, đã là hào dương lại được trung - chính ở ngôi tôn-quí, thì hào dương ở Cửu-nhị đụng với hào dương ở Cửu - ngũ. Hai dương gặp nhau: một ở ngôi trên và tôn-quí lại được trung-chính một ở dưới tuy cứng mà chưa mạnh. Như vậy thì cái dương ở Cửu - nhị dung - hòa với dương Cửu-ngũ không được (dương và dương

đẩy nhau) cho nên thấy kém dương Cửu-ngũ mà phải dắt trở về ngôi cũ, được ở giữa quẻ Kiền trở về với hào Sơ-cửu vậy.

Trở về thì tốt : Vì lực mình chưa đủ còn non - nớt tiến lên chưa đủ sức chống - trọi với đời, tốt hơn là trở về chốn cũ để hưởng sự nuôi-nấng của gió và chờ lúc có thể tiến được thì tiến cho nên mới nói trở về thì tốt.

Tiết Tiết 9. 象曰：牽復在中。亦不自失也。

D. A. Tượng viết : Khiên phục tại trung, diệc bất tự thất dã.

Dịch-nghĩa: D. N. Lời Tượng nói rằng : Dắt-dẫn trở lại ở giữa cũng không tự mất vậy.

B.N.C.H. Chữ « Cũng » là theo nghĩa hào trên.

LỜI-BÀN : Dắt dẫn trở lại ở giữa. Trở lại : Có ý - nghĩa hãy còn non, một khi làm cái gì không đạt được phải trở lại thì sợ thất-vọng và chán - nản có khi những sự thất - vọng đưa người vào chỗ buồn-nản yếm-thế không hay có thể tự mình làm mất giá-trị mình, nhưng đây trở lại ngôi trung-chính, thì sự trở lại đó không có hại. Chỉ vì ở nơi trung-chính là để tu-bổ lại sự non kém cho nên là không tự mất mình vậy.

Tiết Tiết 10. 九三：輿說輻。夫妻反目。

D. A. Cửu-tam : Dư thoát phúc, phu thê phản mục.

Dịch-nghĩa: D. N. Hào cửu tam : Xe xút díp, vợ chồng phản mục (trở mắt).

B.N.C.H. Hào Cửu-tam cũng muốn tiến lên trên, nhưng nó cứng mà không được ở giữa, gần xát với hào âm, mà lại không có chính-ứng, chỉ vì âm dương đẹp lòng nhau mà bị giàng-buộc nuôi-nấng nhau không thể tự tiến lên được, cho nên có tượng « xe xút díp » nhưng lấy cái trí cứng-mạnh cho nên lại không dẹp được mà cùng hào đó tranh nhau cho nên lại có lời răn sau : « Vợ chồng trở mắt », người chiếm như thế thì không tiến được mà lại có sự tranh nhau.

LỜI-BÀN : Hào Cửu - tam hào dương ở ngôi dương, hào trên quẻ Kiền, tức là dương mạnh và muốn tiến hết sức, nhưng hễ tiến lên thì gặp hào lục-tứ, hào âm ở ngôi âm, âm ở chính ngôi âm ngăn lại, trên thì lại bị hào thượng-cửu, đẩy trở về (dương gặp dương) đó là cái tượng xe xút díp, cái xe tượng sự đi, sự tiến mà xe mất díp, thì bánh lỏng không chạy được nên tượng là xe xút díp.

Phàm đạo vợ chồng, thì chồng xướng, vợ tùy mới phải đạo. mới hòa-thuận theo Thiên-lý. Đây lại trái ngược hẳn. Vợ ở trên chồng, đó là
một cái ngược. Chồng muốn tiến lên thì bị vợ đè nén giữ lại (vì âm hút dương) đó là hai cái ngược. Như vậy là không thuận nhau, kkông thuận nhau tức là phải lườm-nguýt nhau cho nên gọi là « Phản mục » « trở mắt » vì lúc đã bất hòa thì con mắt yêu - thương trở lại thành con mắt giận dữ, hóa cho nên mới gọi là « trở mắt » .

Thường thường người ta gọi hai vợ chồng ly-dị nhau là « thoát phúc » « xút díp » .

Tiết Tiết 11. 象曰：夫妻反目。不能正室也。

D. A. Tượng viết : Phu thê phản mục bất năng chính thất dã.

Dịch-nghĩa: D. N. Lời Tượng nói rằng : Vợ chồng phản mục (trở mắt) không hay chỉnh - đốn cửa nhà vậy.

LỜI - BÀN : Vợ chồng trở mắt với nhau : Chồng thì làm công-việc ở ngoài, vợ thì thu-xếp cho cửa nhà được chính-đáng đó là đạo « Tề-gia nội - trợ ». Nhưng ở đây thì trái hẳn lại, chồng ở trong muốn ra ngoài để đi làm bổn-phận ắt phải ở ngoài (Hào Ba) mà ra thì gặp sự ở ngoài cản lại không cho đi. Vợ ở ngoài chồng ở trong đó là sự trái-ngược hẳn của đạo vợ-chồng. Vợ ở ngoài thì làm sao « còn tề-gia nội - trợ - được ». Chồng ở trong nhà thì công - việc bếp nước đâu có hay, như vậy nhà cửa bị lung-tung. Công-việc nội-trợ phế bỏ thì tề-gia ắt không nổi, cho nên nói « Bất năng chính thất » vậy.

Tiết Tiết 12. 六四 : 有孚。血去惕出。无咎。

D. A. Lục-tứ : hữu phu, huyết khử dịch xuất, vô cữu.

Dịch-nghĩa: D. N. Hào Lục-tứ : Có đức tín, máu chảy thì hết lo sợ, không lỗi.

B.N.C.H. Lấy một hào âm mà nuôi các hào dương thì vốn vẫn có sự thương công hại của buồn-lo, sợ - hãi, vì nó mềm thuận được chỗ chính - đính, Rỗng ở trong thể quẻ Tốn, có hai
hào dương giúp nó đó là tượng « có sự tin và máu chảy hết lo-sợ » không có lỗi là phải, cho nên khuyên người chiếm cũng có cái đức ấy thì không có lỗi vậy.

LỜI-BÀN : Đây là hào lục - tứ. Hào âm mềm ở ngôi âm, được chính ngôi.

Đức Tin là cái gì đầy thực ở trong, đây là Âm mềm, Âm thì hư, rỗng sao gọi là có lòng tin ?

Vì Âm ở ngôi Âm trong quẻ Tiểu súc, có một hào Âm, mà hào Âm lại là ở ngôi tứ, ngôi gần Vua, ngôi Đại - thần. Vua được trung-chính vì dương ở hào-ngũ, ở dưới có Đại-thần chính-đính hòa-hợp với ý Vua (dương và âm hút nhau) có lòng hy-sinh phù Vua đến Máu chảy tỏ rằng một vị Đại-thần đáng tin cậy lắm.

Một khi đã có lòng tin cậy thì sự lo buồn cũng mất và lo gì không nuôi nổi hàng ngàn Khách-khanh, Tú-sĩ, như Mạnh-thường-Quân đời Chiến - quốc. Lo buồn hết thì còn gì là lỗi nữa.

Như ở đây có một hào âm mà nuôi cả năm hào dương tuy là Âm trong không đầy mà sự hy-sinh đến máu chảy có công nuôi các hào dương,
như vậy thì trên phải tin dùng. Nên nói là hết lo sợ mà không lỗi.

Tiết Tiết 13. 象曰 : 有孚惕出。上合志也。

D. A. Tượng viết : Hữu phu dịch xuất, thượng hợp trí dã.

Dịch-nghĩa: D. N. Lời Tượng nói rằng : Có đức tín hết sợ, hợp trí người trên vậy.

LỜI-BÀN : Có đức-tín, chữ « Dịch » nghĩa là kinh-sợ, kinh-sợ là vì mình hèn - yếu, không đủ lực đảm-đương công-việc.

Gió đã nói là « Nhũ - Mẫu » của muôn loài đó là Vú nuôi con thơ, ắt phải mất sữa, sữa ví như máu của người Vú. Như vậy người hết lòng nuôi trẻ-thơ không kể đến máu huyết, thì tự-nhiên có lòng tin cậy là « Nuôi con người cũng như con mình » và cũng ví như bậc «

Á-Mẫu » vậy. Đến lúc này là lúc hào Tứ, đúng ngôi có lòng hy-sinh được coi như Á - mẫu còn lo sợ gì nữa, hóa cho nên gió đã nuôi ta bằng cái sinh-khí vận-chuyển không đâu không có đó là
có cái lòng tin rộng lớn chỗ nào cũng có, vì vậy mới hợp ý của Tạo-hóa, vì nó đã giúp công gây dựng cho Tạo-hóa, theo ý-tưởng của đấng Thế-Tôn.

Tiết Tiết 14. 九五 : 有孚攣如。富以其鄰。

D. A. Cửu-ngũ : Hữu phu luyên như phú dĩ kỳ lân.

Dịch-nghĩa: D. N. Hào Cửu-ngũ : Có đức tín dàng buộc nhau giàu vì hàng xóm.

B.N.C.H. Ba hào của quẻ Tốn, cùng chung sức nuôi quẻ Kiền đó là cái tượng hàng xóm, mà hào Cửu - ngũ ở giữa, đứng ở ngôi Tôn-quí, thế nó có thể làm việc để gồm cả trên, dưới, cho nên mới có tượng « có đức - tin dàng buộc chắc - chắn dùng sức Giầu - có vì Láng-giềng ».

Chữ « Dĩ » ở đây cũng như chữ « Dĩ », trong kinh Xuân-thu câu « Dĩ mưu-sự » để nói là có thể dùng nó làm tả hữu vậy, kẻ xem có sự tin như thế thì được như thế.

LỜI-BÀN : Hào dưới Lục-tứ trong âm hư mà có lòng tin, Hào Cửu - ngũ ở ngôi chính-
trung và là Tôn-quí dương thực, vậy có lòng tin đối với hào Lục - tứ. Như vậy trên có lòng tin dưới, trên dưới có lòng tin nhau như vậy như dàng như buộc nhau, có lòng tin nhau, thì có luyến - ái, thì hào Lục - tứ tức là hàng xóm của hào Cửu-ngũ sẽ phù-thuận, giúp-đỡ trung - thành cho Cửu-ngũ, thứ nhất là có một hào Âm trong

quẻ là Chủ-Tể loại của nó ở chính ngôi, như vậy thì mạnh biết bao nhiêu và Giầu - có bao nhiêu ? Vì lòng tin và luyến - ái nhau với hào Cửu-ngũ, đem giúp sức, giúp tài cho nó như vậy mới nói là Giầu vì hàng xóm. Hàng xóm liền với hào Cữu-ngũ là hào Lục - tứ và theo thể là thuận. Có người hỏi sao hào Thượng-cửu không nói là hàng xóm ? Nó cũng là hàng xóm nhưng không phải hạng hàng xóm làm giầu cho nó, vì cùng thể với nhau, dương gặp dương thì sô đẩy nhau, không thuận không giúp được nhau vì không có lòng tin nhau.

Tiết Tiết 15. 象曰 : 有孚攣如。不獨富也。

D. A. Tượng viết : Hữu phu luyến như bất độc phú dã.

Dịch-nghĩa: D. N. Lời Tượng nói rằng : Có đức tín dàng-buộc nhau không giàu có một mình vậy.

LỜI-BÀN : Không giầu một mình: Hào cửu-ngũ đã được hào Lục-tứ làm giầu cho, trên dưới tin dùng lẫn nhau thì hào lục-tứ lúc đó không còn lo sợ gì mà không thi-hành mà nuôi-nấng và giúp cho các loại khác. Vì hào lục-tứ đây là hào Độc nhất của loại nó, một khi đã cùng với bề trên tin dùng thì nó cùng với kẻ dưới cũng như nó đối với bề trên. Vì vậy mới nói không giầu một mình, nghĩa là ai ai cũng được giầu-thịnh cả. Là nhờ có gió mà đâu đâu, bất cứ nơi nào chốn nào, trên hay dưới, trong hay ngoài đều cũng có khí vào thật nhiều để nuôi vạn-vật vậy.

Tiết Tiết 16. 上九: 既雨既處。尚德載婦貞厲。月幾望。君子征凶。

D. A. Thượng-cửu : Ký vũ, ký xứ thượng đức tái, phụ trinh lệ, Nguyệt cơ vọng, Quân-tử chinh hung.

Dịch-nghĩa: D, N. Hào Thượng-cửu : Đã mưa, đã ở chuộng đức dày, đàn - bà chính-bền bạo-ngược, mặt trăng đến tuần vọng. Người Quân-tử đi đánh, hung.

B.N.C.H : Sự nuôi-nấng đến tột-cực mà thành rồi, tức là âm-dương đã hòa, cho nên là tượng « Đã mưa đã ở ». Đó là vì tôn-chuộng cái âm-đức đến chỗ đầy-đủ mà thành ra thế. Âm chồng lên dương cho nên tuy chính-đính cũng là bạo-ngược. Nếu khí âm đã thịnh mà chống với khí dương thì người Quân-tử cũng không có thể lấy để thi-hành được. Lời chiếm như thế tức là răn bảo thâm-trầm vậy.

LỜI-BÀN : Đã mưa đã ở. nghĩa đã qua hào cửu-ngũ âm-dương giao nhau vì có lòng tin nhau. Âm-dương hòa-hợp thì mới có mưa; có hòa-hợp thì phải có nơi có chỗ. Cho nên nói là đã mưa đã ở.

Còn có nghĩa là : Hào thượng - cửu là dương cứng đến cực-điểm thì nó phải biến cũng như ông Văn-Vương đã ở tù rồi, và đến thời hào cửu-ngũ, thì đã được ân-xá rồi, tức là lúc mưa xuống vậy :

Chuộng đức dầy : Chuộng cái đức đầy-đủ của Trời-đất, vì nào đã được ở, đã được mưa
và cái gió mang cho muôn vật sinh - khí hóa cho nên ta phải chuộng cái đức dầy của Trời mà noi theo.

Đàn-bà chính-đính bền-bỉ nhưng bạo-ngược. Đàn-bà là tượng của quẻ Tốn. Đến hào này là quẻ Tốn đã đủ cả các hào, nên nói tượng là Đàn-bà, Kiền tượng đàn-ông ; Đàn - bà ở trên Đàn ông hay Đàn-bà ở ngoài làm công việc, Đàn-ông ở nhà tề-gia nội-trợ. Nghĩa là Đàn-bà thay thế Đàn-ông, như vậy là đi ngược với đạo Trời, hóa cho nên nói, tuy người Đàn-bà quí vì có nết trinh-tiết, bền-bỉ nhưng Đàn - bà đoạt quyền Đàn-ông tuy cũng tốt nhưng là bạo-ngược vậy.

Ở đây Văn - Vương bói được quẻ này biết vận - mệnh nhà Ân xuy đồi, Vua Trụ tàn-bạo, mà chiếu-ứng sự thành-nghiệp Đế ở Kỳ-châu nước ông, cho nên mới có những khẩu-khí như vậy. Biết tượng của Trời là sau sẽ thay Vua Trụ làm Hoàng-Đế, đó là mệnh Trời.

Nhưng đối với Chư-hầu đối với Đế-vị như thế cũng như Đàn-bà đoạt quyền Đàn-ông. Tuy rằng chính-đính bền-bỉ trinh-tiết đến đâu đi nữa, cũng mang cái tiếng là bạo-ngược vậy.

Mặt trăng sắp đến tuần Vọng. Nguyệt - vọng mỗi tháng từ 13 đến 17 vào
giờ Tuất, người ta thấy mặt Trăng sáng hoàn-toàn (Trăng tròn).

Tượng quẻ Kiền tại Đông - phương gọi là Kiền nạp Giáp.

Hào Cửu-tam Giáp-Thìn (coi quẻ Lập-thành ở trên)

Trăng sắp tròn : Tượng là nước Chư-hầu (chỉ Kỳ-châu) sắp mạnh sáng-tỏ hoàn-toàn, có thể địch được với nhà Ân vậy. Hóa cho nên người Quân-tử xuất-chinh đánh như vậy là hung, là trái đạo làm tôi mất trung mất tín. Dùng chữ Quân-tử đây là ví bậc Thánh-quân đối với vua Trụ ngày đó bạo-ngược ham mê tửu-sắc chỉ là một vị hôn - quân cho nên, mới dùng chữ chinh vậy.

Thánh-nhân dùng rất thâm - trầm từng câu, từng chữ một.

Tiết Tiết 17. 象曰：既雨既處德積載也。君子征凶有所疑也。

D. A. Tượng viết : Ký vũ ký xứ đức tích tái dã. Quân-tử chinh hung hữu sở nghi dã.

Dịch-nghĩa: D. N. Lời Tượng nói rằng : Đã mưa, đã ở đức chứa đầy-đủ, người Quân - tử đi chinh-phạt thì hung, là có chỗ nghi-ngờ vậy.

LỜI - BÀN : *Đức chứa đầy vậy.* Đó là những linh - khí của Trời ban xuống cho muôn vật sự sống và sự hoạt-động để nuôi cả vật - chất và tinh - thần. Vì vậy mới nói cái đức chứa đầy chỗ nào cũng có.

Đã biết là người Quân-tử đi đánh là hung, tức có sự nghi-ngờ ở trong, vì rằng Âm mà thắng dương, mềm mà thắng cứng, Tôi mà thắng Vua. Như vậy là đi ngược với Thiên-lý. Nhưng Vua *bạc-đức*, Tôi *đức đầy* thì sự Tôi thắng Vua cũng có vì Vua tàn-bạo nhân-dân đều oán-ghét. Muốn có một Minh-quân để bình Thiên-hạ mà Tôi có đức đầy, Chư-hầu đều phục, Thiên-hạ hoan - nghinh như thời Văn-Vương lúc này, thì tôi thắng Vua có phải là một lẽ hợp với Trời chăng ? Vì thuận lòng dân là thuận lòng Trời, như vậy có phải là cướp quyền đoạt - vị, bạo - ngược, bất - trung không ? Đó là những truyện ngờ-vực vậy. Hóa cho nên Thánh-nhân nói là có chỗ nghi-ngờ có nghi-ngờ thì phải xét đoán để thi - hành cho đúng Đạo-lý.

Tóm-tắt Tiểu - súc Hanh-thông, Mây dầy không mưa tự cõi Tây ta.

Lục-cửu. Trở về với Đạo của mình, có lỗi gì ? tốt.

Cửu-nhị. Dắt-dẫn trở về, tốt.

Cửu-tam. Xe xút díp, vợ chồng trở mắt.

Lục-tứ. Có đức tin, máu chảy biết lo sợ, không lỗi.

Cửu ngũ. Có đức tin , dàng-buộc nó giầu vì hàng xóm.

Thượng - cửu. Đã mưa, đã ở, chuộng đức đầy, đàn-bà chính-bền bạo-ngược, mặt Trăng sắp tới tuần vọng, người Quân - tử đi đánh thì hung.

Tiểu-súc quái tổng-luận

Quẻ Tiểu - súc tiếp quẻ Tỷ sau cuộc thân-gần nhau tức là có cuộc nuôi nhau, giúp nhau, dưới giúp trên, bé giúp lớn cho nên gọi là Tiểu-súc. Họ Hồ nói ở trên rằng : Vua Văn - Vương Trí tại quẻ Minh-Di mà Đạo tại quẻ Tiểu-súc.

Trong quẻ Tiểu-súc Thánh - nhân chỉ nói có đức Hanh mà không nói đến đức Nguyên, Lợi, mà lại. nói ở hào Thượng - cửu cái đức Trinh-bền của Đàn-bà bạo-ngược. Ba hào đầu (1 - 2 - 3) đều là cái ý-nghĩa trở về với Đạo, hai hào *Tứ*, *Ngũ* thì nói có đức Tin. - Đến hào Thượng-cửu thì nói đến sự *đã mưa, đã ở, chuộng đức dầy*. Từ đầu quẻ đến cuối quẻ không ra ngoài Đạo-lý. Khi Văn-Vương một Thánh-quân bị Vua Trụ giam ở Dữu - Lý chăm lo làm Kinh Dịch thấy quẻ này mà tự đặt cho mình phải theo Đạo quẻ Tiểu - súc. Biết được nhà Ân suy-vi, tượng về núi Kỳ-châu đã viên - mãn, « Mặt trăng sắp tới » tuần viên-mãn, Mây dầy đã mưa, nhưng ý Văn Vương không thể bỏ Đạo mà theo ý Trời, nên trong quẻ Tiểu - súc ông đã ghi rõ Thoán, Tượng và sau đến Châu-Công đã lập rõ trong Hào-từ . Theo ý Trời thì mất đạo Vua Tôi cho nên trong nội quái, tức như trong thâm - tâm ông, đều có ý-định trở về Đạo của ông thì tốt. Hào Cửu - tam có tượng xe sút díp vợ chồng phản - mục nhau tức là như Trụ - Vương không nghe lời gián - tấu của ông mà giam ông ở ngục Dữu - Lý, Vua Tôi cũng ví như Đạo vợ chồng, không bằng lòng nhau thì phản - mục lẫn nhau,
nhưng ông vẫn giữ niềm tin mà hành Đạo, tuy vậy thấy điềm chim Phượng đã gáy ở Kỳ - Sơn, Trăng tròn ở đất Kỳ-Châu, cái thụy Đế-Vương đã rõ, ông vẫn có đức tín nhưng vẫn lo sợ, sợ là vì tụi Sủng-thần nội - giám cảm biết cơ Trời mà giết ông đi, sau đến khi Trụ-Vương giết con trai ông là Bá-ấp-Khảo đến Kinh - kỳ sớ-tấu để cứu ông, Khi máu Bá-ấp - Khảo đã chảy vì sự súc-xiểm vu-oan của Đắc-Kỷ, từ đó ông hết lo sợ và thấy mình không có lỗi, vì trí ông lúc nào cũng muốn tận trung báo Quốc.

Đến sau ông được tha về Kỳ-Châu, lập ra Linh-đài mà Thiên-hạ chiều về ; sự bạo-ngược, hiếu-sắc của Trụ-vương đã đến tột-cực

trăm họ đồ-thán đến cực-tột, Văn-Vương lúc đó mới thừa Thiên trừ bạo mang quân đi phạt Trụ, hưng Châu nhưng theo Sử-ký thì ông vẫn giữ niềm tận trung ý trí chỉ muốn mang quân đi để cho Trụ-Vương sợ mà cải-hóa lại, sau đến Võ-Vương thể trí ông mà giết Trụ-Vương, lập nhà Châu thay nhà Ân vậy.

Cho nên lúc hành-quân phạt Trụ ông vẫn e-dè chưa quyết vì sợ phạm « Bất Trung » người Quân-tử không thể làm thế được. Nếu làm ắt trái Đạo thì hung. Đành rằng đã biết nhà Ân đã tàn, đến Trụ-Vương là hết, trăm họ nhìn về cái Thánh-đức của ông, để ông cứu ra khỏi chỗ hang hùm ổ rắn, cầu mong Thánh-quân ra đời để diệt bạo trừ gian, thể Thiên hành Đạo mà vẫn sợ sự hung về mất Đạo .

Cho nên hàng muôn đời cái Thánh-đức của Vua Văn bao-giờ cũng sáng chói mà quẻ Tiểu-súc đây bao-hàm cái Đạo của Ngài từ thủy đến chung vậy .

履 THIÊN - TRẠCH LÝ - 10

Kiền trên ☰
Đoài dưới ☱

LÝ 1 2

Quẻ Kiền trên đã giảng. Quẻ Đoài : Nhiệt-lực ở nội-tâm Quảng-hàn càng ngày càng tăng nước «Khảm» vì khí nóng ở dưới nung-nấu, bốc lên thành hơi nước, nên nét chắp ở dưới quẻ Khảm đổi ra nét liền, Khảm ☵ đổi ra Đoài ☱. Ở Tiên-thiên, khí nóng ở khối lửa Kiền, gặp khí lạnh ở không-thiên kết lại thành hơi nước mây mù. Vừng hơi nước mây mù này ở trên khối lửa ngọn lên cao nên nét chắp ở trên nét liền. Hình tượng quẻ Đoài ☱ chỉ hơi nước mây mù ở Tiên-thiên cũng rõ vậy.

Lúc thân-cận thì quẻ Tỷ có sự đi lại, chơi-bời với nhau và giúp-đỡ nhau, sau đến nuôi-nấng nhau, chau dồi chút ít cho nhau cho nên

gọi là Tiểu-súc. Lúc nuôi-nấng thì có sự lớn lên dần dần, lớn lên thì phải có quy-củ lễ-nghĩa, vì vậy dưới quẻ Tiểu-súc mới đặt ra quẻ Lý. Chữ «Lý» có chữ «Thi» ở trên và chữ «Phục» ở trong có nghĩa là Thần thị chở lại : Đời xưa cúng tế dùng một
đứa bé lên ngồi trên ngai để cho Thần-nương nhập vào gọi là Thi.

Lý cũng là chiếc giầy, đời Hoàng-Đế Ư-tắc làm ra.

Chữ «Thi» còn có nghĩa là Chủ nữa như kinh Thi nói :
Thùy kỳ Thi chi? hữu Tề quý nữ
誰其尸之有齊季女
nghĩa là ai **chủ** việc cơm canh ? có con gái út nước Tề.

Chữ Thi còn có nghĩa là Bầy (theo quy-củ như dàn quân bày trận) Tả-truyện chép : Sở Vũ-Vương Kinh Thi. 楚武王荊尸 xưa Vũ-Vương ở nước Sở dàn quân ở đất Kinh.

Vậy hợp những nghĩa trên ta có thể lấy nghĩa là : Lý là Quy-củ hay Lễ Nghĩa.

Chiếc giầy đi ở chân, dẫm xuống đất, làm đẹp và bọc bàn chân, cho bàn chân khỏi lấm, và theo khuôn-khổ của giầy. Hai bàn chân là bộ phận trong người giữ vững thân-xác người cho nên Lý có nghĩa là quy-củ ; Lễ-nghĩa để giữ phẩm-giá người vậy.

Trong quẻ Lý, tượng Kiền ở trên là Dương cứng, ở dưới quẻ Đoài là quẻ theo liền với Kiền
theo khí-hóa. Cũng như đôi giầy theo liền với người vì đi ở chân đó là nói theo hình-thức vật-chất nếu nói về đức-tính thì lễ-nghĩa theo luôn tâm-hồn vậy. Giầy dùng để đi, để làm đẹp và tôn con người cũng như Lễ dùng để giao-thiệp với muôn loài và để làm đẹp và tôn phẩm-giá con người vậy.
Thân-xác có giầy để tôn vẻ con người.
Tâm-hồn có Lễ để tôn vẻ tâm-linh.

Tiết Tiết 1. 履虎尾不咥人亨。

D.A. Lý hổ vỹ bất chất nhân Hanh.

Dịch-nghĩa: D.N. Dẫm đuôi cọp không cắn người hanh-thông.

Truyện. Người dẫm là chỗ có Đạo-lý vậy.

Họ Lý nói rằng : Đạp vào chỗ nguy-cơ mà không bị thương-hại rồi sau lại có sự Hanh-thông của Đạo-lý.

Họ Hồ nói rằng : Đại-Truyện nói : sự hưng-thịnh của đạo Dịch là đang lúc có việc giữa Văn-Vương và Trụ-vương hóa cho nên nói là nguy. Nguy mà không nguy ở lời Từ : Dẫm đuôi hổ vậy.

B.N.C.H. Quẻ Đoài cũng là tên quẻ 3 vạch một vạch âm hiện ở trên hai vạch dương, cho nên đức nó là đẹp-lòng, tượng nó là cái «trầm». «Lý» có cái nghĩa có chỗ noi theo mà tiến lên. Lấy Đoài gặp Kiền thì được hòa đẹp để theo sau cái cứng-mạnh, cho nên có tượng «dẫm» lên đuôi hổ mà không thấy hại» cho nên quẻ đó là Lý mà lời chiêm thì như thế : Người ta có thể như thế thì ở chỗ nguy-hiểm cũng không hại gì.

LỜI-BÀN : Đuôi hổ: Hổ là con thú rất dữ trong rừng, nhưng nó có linh-tính, ta thường cho nó là chúa rừng, quẻ Lý trên có quẻ Kiền dưới quẻ Đoài. Kiền thì cứng mạnh, Đoài thì đẹp-lòng. Đoài nối với Kiền, như cái đuôi của Kiền, theo khí-hóa Kiền thì mạnh cứng chủ các quẻ và là quẻ ngoài, quẻ trên, Đoài quẻ trong quẻ dưới, cho nên tượng Kiền là con Hổ mà Đoài là cái đuôi hổ.

Dẫm đuôi hổ. Bắt đầu quẻ Lý nên mới nói dẫm đuôi, vì lẽ-nghĩa phải đi dần dần từ chỗ nhỏ đến chỗ lớn chỗ dễ lên đến chỗ khó cho nên mới tượng lúc đầu quẻ Lý là dẫm lên đuôi hổ : Hổ ví như Lễ-Nghĩa có lễ-nghĩa mới có uy-quyền, đi tới đâu có oai danh, mạnh-mẽ cho nên mới bước vào sự lễ-nghĩa : Thánh-nhân nói, dẫm lên đuôi hổ.

Không cắn người : Đây là nói tượng hình Hổ là Lễ, và để tả sự đẹp-

đẽ của Lễ cho nên tượng Hổ được đẹp-lòng. Người dẫm lên đuôi, cũng không cắn là vì nó được đẹp lòng vậy. Lại có nghĩa là theo nó vì sự theo thuận cho nên nó không cắn. « Vì hổ là giống thú dữ có linh-tính » .

Hanh. Dẫm lên đuôi hổ, hổ chạy không gì cản nổi, vì nó mạnh cứng làm chúa sơn lâm, dẫm theo đuôi nó thì còn gì ngăn cản được mình mà không được hanh-thông.

Tiết Tiết 2. 彖曰：履柔履剛也，說而應乎乾，是以應虎尾不咥人亨。剛中正履帝位而不疚光明也。

D.A. Thoán viết : Lý nhu lý cương dã, duyệt nhi ứng hồ Kiền, thị dĩ ứng hồ vỹ bất chất nhân hanh. Cương trung-chính, lý Đế vị nhi bất cứu, quang-minh dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Thoán nói rằng : (a) Quẻ Lý là mềm dẫm theo cứng, (b) đẹp-lòng mà ứng với Kiền (Trời), thế cho nên dẫm đuôi hổ, không cắn người, hanh-thông (c) Đương cương trung-chính dẫm lên ngôi Vua mà không đau lòng, sáng-láng vậy.

B.N.C.H. (a) Dùng hai thể thích nghĩa tên quẻ (b) lấy đức quẻ thích nghĩa lời Thoán (c) lại lấy thể quẻ nói cho rõ ra, chỗ hào cửu-ngũ.

LỜI-BÀN : (a) Quẻ Đoài ở dưới quẻ Kiền ; Đoài là quẻ Âm, âm thì mềm, Kiền quẻ dương, dương cứng, Đoài theo Kiền, tức là mềm theo cứng như vậy là thuận với lẽ của Tạo, cho nên đẹp-lòng ở trong, « Đoài là đẹp-lòng của quẻ trong ».

(b) Sự theo như trên là thuận, thì được đẹp-lòng và đúng theo đạo Kiền, đạo Trời, nếu đã theo cho đúng Thiên-đạo thì sợ gì chỗ nguy-hiểm, tượng là dẫm đuôi thì ai còn cản được sức hổ cho nên tượng

là hanh-thông. Trên có câu « Vân tòng Long, phong tòng Hổ » gió còn theo hổ mà gió là tượng sự hanh-thông nhất, dẫm lên đuôi hổ mà theo thì được hanh-thông lắm vậy.

(c) Cương trung-chính là chỉ hào cửu-ngũ, Hào dương ở ngôi trung-chính là ngôi tôn-quí, ngôi Vua.

Dẫm lên ngôi Vua mà không đau lòng : Dẫm lên ngôi Vua là có ý cướp lấy ngôi Vua. Đây ý nói Văn-Vương đang làm Vua Chư-hầu, đem quân diệt Trụ-Vương bỏ nhà Ân Thương, mà dẫm lên ngôi Vua Trụ mà không đau lòng là vì Vua Văn biết làm như vậy là thuận theo thời Trời và đẹp-lòng người, hóa cho nên dẫm ở đây có nghĩa là : theo lòng dân theo ý Trời mà dẫm lên một cách khéo-léo tức là Văn-Vương là một đấng biết thời Trời, vận nước như vậy không phải là bậc sáng-láng sao được !

Tiết Tiết 3. 象曰：上天下澤，履，君子以辯上下，定民志。

D.A. Tượng viết : Thượng Thiên-hạ trạch, Lý, Quân-tử dĩ biện thượng hạ, định dân trí.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Trên Trời dưới đầm là quẻ Lý, người Quân-tử lấy đó mà phân trên dưới, định trí dân.

Truyện. Trời ở trên ; đầm ở dưới, tức là chính-lý trên dưới. Người Quân-tử coi cái tượng của quẻ Lý, để phân-biệt trên dưới, để định dân
trí. Ôi, nếu phân-biệt trên dưới được phân-minh sau rồi dân trí mới định. Dân trí đã định sau mới có thể lấy để trị dân, dân trí không định được, thì Thiên-hạ không thể trị được.

Theo đời xưa từ chức Công-Khanh, Đại-phu trở xuống, vị nào xứng với đức của vị ấy, suốt đời ở ngôi của mình, đó nghĩa là phân-biệt được rõ ràng vậy. Kẻ Sĩ thì chăm lo học-hành. Học đến lúc được Vua tìm đến mà không tự lấy làm vinh-dự vậy.

Như nói về ; Nông, Công, Thương, sự hành-động của các hạng đó chỗ hanh-thông có hạn cho nên đều định được cái trí, mà cái tâm của Thiên-hạ có thể làm một được. Đời sau từ kẻ Sĩ tới Công-Khanh, cái trí hàng ngày là ở chỗ tôn vinh. Còn hạng Nông, Công, Thương, cái trí hàng ngày là ở cái lòng ham muốn giàu có muôn ức triệu, giao-dịch để có lợi, Thiên-hạ rối-rít ngổn-ngang ; như vậy thì làm thế nào mà có thể hợp nhất được ? Cái lòng ham muốn trong sự rối-loạn của Thiên-hạ thật là khó vậy.

LỜI-BÀN : Người Quân-tử coi cái tượng của quẻ Lý để phân-biệt được trên dưới xử sự được nên chăng mỗi hạng, để định cái trí của dân.

Tiết Tiết 4. 初九：素履往无咎。

D.A. Sơ-cửu : Tố Lý vãng vô cữu.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Sơ-cửu : Dẫm theo sự sẵn có đi không lỗi.

B.N.C.H. Hào này là hào dương ở dưới hào đầu quẻ « Lý » chưa là vật thay-đổi mà còn dẫm theo sự sẵn có ấy vậy. Người chiếm như vậy thì đi không lỗi.

LỜI-BÀN : Sự sẵn có : Nghĩa là cái nếp sẵn của con người ta, ai sanh ra đời cũng vậy đều có một cái nếp mà thôi. Thường ta hay nói con nhà nề-nếp là con nhà sẵn có khuôn-khổ mà noi theo cái khuôn-khổ đó. Đây là hào sơ-cửu, hào dương ở ngôi dưới cùng của quẻ Lý,

tính dương thì muốn tiến lên, nhưng dương hãy còn ở hào sơ, chưa đủ lực, cho nên mới nói dẫm theo sự sẵn có, như theo nề-nếp cũ nhà mình.

Đi không lỗi : Mình không biết thân phận mình, cứ giữ « Con nhà lính tính nhà quan » thì đi đâu được, sẽ có sự nguy-hiểm tới vậy. Hóa cho nên chỗ này là lúc đầu mới vào học « Lễ ». Thánh-nhân răn nên dẫm theo con đường mình có sẵn, người hạng nào theo lễ-độ hạng đó, người nào tư-cách đó, đừng là hạng trưởng-giả học làm
sang, kẻ nghèo làm ra mặt giàu có, hay đã dốt hay nói chữ.

Dẫm thì đi không lỗi.

Còn có thể nói cái quy - củ, khuôn - khổ của con người vốn là Thiện từ lúc sơ-sanh, vì vậy không phân-tách các hạng người, mà nói hẳn gồm tất cả, Thánh-nhân khuyên tất cả trở về cái bản thiện của con người sẵn có mà Trời đã phú-tính cho từ thuở còn thơ.

Tiết Tiết 5. 象曰：素履之往，獨行願也。

D.A. Tượng viết : Tố lý chi vãng, độc-hành nguyện dã,

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Dẫm theo sự sẵn có, là một mình làm theo trí-nguyện vậy.

Truyện. Ôi ! người ta không hay tự-an từ chỗ bần-tiện vẫn có sẵn lòng muốn tiến lên, bèn có sự tham-lam tàn-bạo mà hành-động để cầu sự giàu sang. Nếu không có lòng muốn làm ác mà làm cũng lỗi. Người Hiền thì an ở trong sự sẵn có, ở nơi nết cũ mà vui với sự tiến lên đều đều thì giữ được
cái hạnh.

Họ Lã nói rằng : Đây là dậy người bước ra khỏi cửa.

Họ Ngô nói rằng : Hào sơ-cửu là dương cứng an ở dưới. Vua Thuấn ăn cơm khô và nhự thảo đều đều suốt đời, Nhan-tử ở ngõ hẻm, không đổi lòng vui, như thế gọi là Liễm (thu-lại).

Họ Khưu nói rằng : Sáu hào đều lấy cái dẫm chân lên mà nói vậy.

LỜI-BÀN : Cái sẵn có của con người. Ôi! chỗ nầy huyền-bí thay !

a) Nói về hạng người thường-tình : chỉ thấy hình mà biết vật, hạng nầy lấy cái thân-xác là sẵn có, dẫm theo cái sẵn có của mình, giúp-ích được gia-đình và tổ-quốc. Sự chăm lo đó là chỉ mình nó lo cho cái xác của nó vì trí-nguyện nó chỉ biết cái thân-xác của nó, được tốt-đẹp đầy-đủ, như ăn ngon mặc đẹp, chỉ mình nó mới có thể làm theo trí-nguyện của nó được.

b) Hạng người chăm lo về trí-tuệ. Hạng nầy lo cho cái trí được tham-bác nhiều về sự-nghiệp của họ, học hỏi cho được trí-hóa càng ngày càng sáng-láng đối với sự nghiên-cứu tìm tòi của họ. Những công-việc của họ chỉ có họ làm nổi và có gan làm
như những nhà Bác-học thí-nghiệm hơi nổ, lỡ tay là chết... hay những nhà Bác-sĩ chăm-chú cả ngày trong phòng thí-nghiệm bao-bọc vi-trùng giết người. Nhà Kỹ-sư phải phơi nắng sương lăn-lộn với thợ thuyền phu phen để tạo được công-trình kiến-thiết ; mỗi một hạng có một trí-nguyện riêng, người nào ở hạng ấy mới có thể làm theo trí-nguyện của họ được.

c) Hạng người chăm lo về Đạo-lý, hạng nầy thì nào là lo cho cái trí đến được bậc quang-minh trau-dồi Đạo-đức mà vớt kẻ trầm-luân.

Muôn vật cũng vậy : chim bay, thú chạy, cá lặn, thuyền bơi, bây giờ bảo thú bay sao được chim lặn cũng không được. Như vậy Thánh-nhân mới nói. Dẫm theo sự sẵn có tức là mình làm theo Trí-nguyện mình vậy.

Tiết Tiết 6. 九二：履道坦坦幽人貞吉。

D.A. Cửu-nhị : Lý đạo thản thản u nhân trinh cát.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Cửu-nhị : Dẫm lên đường bằng-phẳng người tối-tăm chính-bền tốt.

B.N.C.H. Hào nầy là hào dương ở giữa quẻ dưới, ở trên không có quẻ ứng với mình, cho nên có tượng là dẫm lên con đường bằng-phẳng tối-tăm trơ-trọi, giữ lấy đức chính-bền. Người u-ẩn dẫm lên đường mà gặp lời chiếm này chính-bền thì tốt.

LỜI-BÀN. Hào cửu-nhị là hào dương ở ngôi âm, giữa quẻ dưới trên không có người hưởng ứng.

Con đường bằng-phẳng. Là tượng của hào nhị, hào nhị tượng trên mặt đất, tượng là ruộng. Trong quẻ Lý thì tượng là con đường bằng-phẳng.

Người tối-tăm. Là tượng của âm, âm là tối-tăm u-ám. Tại sao lại tượng người tối-tăm ở hào nầy ? Là vì :

a) Người tối-tăm, thuộc về âm, âm mà ở hào 2 thì âm được chính trung lại được hào cửu-ngũ ở trên hưởng ứng. Nhưng đây thể của hào là dương muốn tiến, nếu là người sáng-láng thông-minh thuộc dương tiến lên gặp hào cửu-ngũ thì thành sô đẩy nhau (dương gặp dương). Như vậy hóa cho nên mới có cái tượng người u-ẩn tối-tăm chính-bền thì tốt.

Ở hào hai là hào chính-trung ở quẻ dưới, theo quẻ Lý là lễ-nghĩa, thì cái học lễ tuy mới còn ở
dưới nhưng ở chính-trung mà đây là hào dương có ý muốn tiến, nhưng còn chưa hợp lễ, tiến lên không có người nâng-đỡ sợ có hại, cho nên mới nói người u-ẩn phải kiên-tâm lâu-bền thì sẽ nhuần-thắm được lễ-nghĩa mà tốt vậy.

Tiết Tiết 7. 象曰：幽人貞吉中不自亂也。

D.A. Tượng viết : U nhân trinh cát trung bất tự loạn dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Người tối-tăm, chính-bền tốt, trong không tự loạn vậy.

LỜI-BÀN : Phàm ở đời học-tập một cái gì nếu mình chưa hiểu, mà được thầy lành nghề chỉ dạy thì sẽ được kết-quả tốt, nhưng có lắm kẻ lúc mới học phải người thầy không thiện nghệ, vốn cái trí còn trong trắng thành những cái tật mà cho rằng sau nầy gặp được thầy hay bạn giỏi cũng không thể uốn-nắn vào con đường tốt được.

Cũng như người ta lúc còn nhỏ phải tập những tính tốt không thì « Bé không vin nhớn gẫy cành » là thế đó.

Hóa cho nên, lúc mới học phải tìm cho được cái tốt mà học vì lúc còn thơ-ấu, mới bắt đầu học trí óc còn mới mẻ trong trắng, không làm cho mình tự loạn được. *Loạn* thì phải có hai ba ý-kiến, hai ba tật xấu gặp nhau, rối-loạn nhau mới thành loạn. Còn thơ-ấu trí còn non còn mới, dạy một biết một, dạy hai biết hai, trí-óc chưa hiểu biết danh lợi mà ham, chưa thấy sự hại tổn, thương nguy mà sợ cho nên mới không tự loạn vậy.

Tiết Tiết 8. 六三：眇能視，跛能履，履虎尾，咥人，凶，武人爲于大君。

D.A. Lục-Tam : Diễu năng thị, bả năng lý, lý hổ vĩ, chất nhân, hung, vũ nhân vi vu Đại-quân.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Lục-tam : Trột hay trông, què hay đi (dẫm), dẫm đuôi hổ, cắn người, hung, kẻ vũ-nhân làm đấng Đại-Quân.

B.N.C.H.. Hào lục-tam không trung không chính, thể mềm mà trí cứng, lấy cách đó mà dẫm theo Kiền, tất bị thương-hại, cho nên tượng nó như thế,
mà người chiếm thì hung. Nó lại tượng là người vũ-phu cứng-bạo, đắc trí mà buông lòng tàn-bạo như Tần-chính, Hạng-tịch, há có thể lâu được ru ?

LỜI-BÀN : Hào lục-tam là hào âm mềm ở ngôi cứng, được hào 6 là dương thái-quá hưởng ứng nhưng không được gì vì dương cực thì nó chỉ chờ sự biến-đổi, mà nếu nó ứng thì nó sẽ biến-đổi. Vì có hào ứng mà không được hưởng.

Hào âm mềm ở ngôi dương, thể nó âm mềm ở trên hào dưới, trên có hào cửu-tứ, có dương hút lên, vì vậy âm ở hào 3 muốn tiến. Thể mềm muốn tiến mà ngôi cứng, cho nên ví như là «người chột hay trông». Vì sự trông của nó không có gì rõ-rệt và khó-khăn, kẻ què hay đi què thì lại hay đi mà đi không vững, cho nên có sự nguy-hiểm. Ví như dẫm đuôi cọp mà bị cọp quay lại cắn người.

Đi không vững, mắt không trông rõ cho rằng có đi trên con đường bằng-phẳng cũng còn nguy-hiểm thay nữa là dẫm lên đuôi cọp, như vậy thì sự nguy-hiểm to lắm.

Hóa cho nên chột hay trông, què hay đi điếc hay ngóng, ngọng hay nói, cũng như những kẻ vũ-phu gặp thời đắc-trí có hại vô ngần, vũ-phu là hạng vô trí vô mưu, lấy cái thân-xác cứng rắn hơn người
gặp thời được lên trị vì Thiên-hạ, và một khi cờ đã đến tay thì họ reo cái mầm bạo-ngược cho nhân-dân như Tần-thủy-Hoàng (Tần-chính) ngu đến nỗi phái người đi tìm thuốc uống cho được trường-sanh nghe theo Lý-tư mà giết hơn 460 Kẻ-sĩ và đốt hết tất cả sách vở của Thánh-hiền để lại.

Hạng-vương tức Hạng-võ, Hạng-tịch, cũng chỉ là hạng thuộc võ-dũng vô mưu, bị Trần-Bình làm kế phản-gián ghét đuổi Phạm-Tăng,

một tay mưu-sĩ giỏi của Hạng-võ mà bên Hán sợ nhất mưu-lược của Phạm. Mưu-sĩ đã mất, còn cái thân vạm-vỡ của Hạng-vương địch sao nổi với trí-óc của Trần-Bình, Trương-Lương, hóa cho nên cái đời oanh-liệt vũ-dõng vô mưu của Hạng-võ kết-liễu ở sông Ô-giang.

Cho nên không có trí, không có đức uy-quyền càng to bao nhiêu, thì sự hại càng lớn bấy nhiêu.

Tiết Tiết 9. 象曰：眇能視。不足而有明也。跛能履不足以與行也。咥人之凶位不當也。武人爲于大君志剛也。

D.A. Tượng viết : Diễu năng thị, bất túc

nhi hữu minh dã; bả năng lý, bất túc dĩ dữ hành dã, chất nhân chi hung, vị bất đáng dã. Vũ-nhân vi vu Đại-Quân, trí cương dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : chột hay trông không đủ đề có sáng vậy. Què hay đi không đủ đề cùng đi vậy. Kẻ Vũ-nhân làm đấng Đại-Quân là Trí cứng vậy.

LỜI-BÀN : Những kẻ mắt không thấy rộng, chân không đi xa, tài mềm sức yếu mà có cái trí cứng muốn tiến chẳng hại lắm ru ! Cái trí cương-cường như vậy thì đến ở vào hạng người nào cũng hại. Sự hung hại càng to hơn theo cái nhiệm-vụ của hạng người tài mềm trí cứng. Càng cao bao nhiêu thì sự hung càng lớn bấy nhiêu. Từ bậc sĩ-phu cho đến các Vương-giả. Các hạng dân trong xã-hội, từ sĩ nông công thương đều phải theo tài đức của mình mà nhận cái nhiệm-vụ đích-đáng ở đời cho thuận với Thiên-lý. Hào ba, thể mềm ngôi cứng, trên không có ứng vì vậy mới tượng kẻ tài mềm trí cứng, như vậy là những kẻ ngu-muội lấy cái ngôi vị mình làm điều càn-dở thôi vậy.

Như những kẻ vũ-phu lên ngôi Đại-đế thì sự nguy gieo khắp Thiên-hạ.

Tiết Tiết 10. 九四：履虎尾。愬愬終吉。

D.A. Cửu-tứ : Lý hổ vỹ, sách sách chung cát.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Cửu-tứ : Dẫm đuôi cọp, sợ sợ sau tốt.

B.N.C.H. Hào cửu-tứ cũng không được trung-chính, dẫm theo thể cứng của hào cửu-ngũ. Nhưng lấy cứng ở ngôi mềm cho nên răn nên sợ thì về sau được tốt.

LỜI-BÀN : Hào cửu-tứ, hào dương cứng ở ngôi âm mềm, như vậy là không chính ngôi. Hào tứ tượng ngôi Đại-thần. Đây tính nó cương cường, bên ngôi Vua cũng cương cứng được chính-trung ở ngôi tôn-quí, cứng của nó tiến lên trên thì bị cái cứng của hào cửu-ngũ xô đẩy (dương gặp dương) trở lại không có hào ứng, hào sơ-cửu tượng kẻ-sĩ cũng cương cường bỏ mà đi không theo phục, cho nên dẫm theo đuôi cọp sợ hãi vậy, vì trên không có người hưởng, dưới không có kẻ ứng, mà ở ngôi mềm, lúc nào cũng phải nơm-nớp lo sợ, giữ mình luôn luôn thì về sau mới tốt được.

Lúc nầy là lúc thấy khó xử của kẻ cận-quí trên
không được vừa lòng, dưới không thuận theo, mà trí thì muốn tiến-thủ, cái ngôi mềm giữ lại, thật là lâm vào cảnh khó xử. Vậy phải sợ hãi lo âu sau tốt, vì có lo luôn, thì mới giữ được những đều thất-thổ tránh được sự càn-bậy.

Tiết Tiết 11. 象曰：愬愬終吉志行也。

D.A. Tượng viết : Sách sách chung cát, trí hành dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Sợ sợ sau tốt, trí làm được vậy.

LỜI-BÀN : Quẻ Lý là lễ-nghĩa, hào cửu-tứ trí cứng muốn tiến theo lễ-nghĩa đã dẫm đuôi cọp nghĩa là đã theo hành lễ, ở hào nầy trên đã giẳng phải nơm-nớp lo sợ lúc nào cũng sợ sơ-xuất thất-lễ, thì về sau cái trí hành lễ mới thực-hành được vậy.

Tiết Tiết 12. 九五：夬履貞厲。

D.A. Cửu-ngũ : Quải lý trinh lệ.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Cửu-ngũ : Quyết dẫm, chính-bền bạo-ngược.

B.N.C.H. Hào cửu-ngũ lấy tính cứng ở ngôi trung-chính dẫm lên ngôi Vua mà dưới là quẻ Đoài có tính vui-đẹp ứng nhau với nó phàm các việc đều làm không có chỗ nghi-ngại cho nên tượng nó là Quyết. Quyết trí mà dẫm lên tuy làm được chính-đính cũng là con đường nguy-vong, cho nên lời chiêm nói là «trung-chính mà nguy» đó là lời răn xâu-sắc vậy.

LỜI-BÀN: Quyết dẫm. Chữ «quyết» có nghĩa là cứng rắn, không gì lay chuyển được. Ở đây hào cửu-ngũ hào dương cứng ở ngôi

cứng được chính - trung là ngôi tôn-quí, dưới là hào cửu-nhị cũng là dương cứng ứng lên. Như vậy cái tính cứng-mạnh hết sức có lòng cả-quyết nhứt định. Ở quẻ Lý như vậy là quyết dẫm lên ngôi tôn-quí. Nhưng sự cương-quyết cứng mạnh quá thì thể nào cũng có hại cho những người bị ảnh-hưởng. Như trong gia-đình người cha cương-quyết quá thì cũng có lúc mất lòng Từ đối với con cái trong nhà. Trong một nước ông Vua cương - quyết cứng mạnh quá thì cũng có lúc mất lòng Nhân đối với Thiên-hạ. Cha không từ thì gây nên cho con không hiếu Vua không nhân thì gây nên những mối phản-gián, bất-trung. Hóa cho nên sự cứng mạnh quá đưa người ta đến sự bạo-ngược, mạnh dữ và nguy-hiểm. Cho nên nói
sự quyết dẫm lên tuy chính-đính, bền-bỉ mà thành ra bạo-ngược, mạnh-dữ nguy-hiểm vậy.

Tiết Tiết 13. 象曰：夬履貞厲。位正當也。

D.A. Tượng viết: Quải lý trinh lệ, vị chính-đáng dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Quyết dẫm, chính-bền, bạo-ngược là ngôi chính-đáng vậy.

Truyện: Hào 5 lấy dương cứng cư tôn-vị, lấy sự cương-quyết mà thi-hành. Thánh-nhân đời xưa đủ sáng rồi mới chiếu, đủ cứng rồi mới quyết, thế đủ rồi mới chuyên, nhưng nếu chưa thường không xem xét tận-cùng Thiên-hạ, thì tuy là cái nhỏ bé như cỏ rác cũng phải để ý đến, đó là sự làm của Thánh-nhân. Bước lên ngôi Hoàng-đế mà là người quang-minh, nếu ở chỗ cứng sáng thì tự-nhiên quyết thi-hành thẳng-thắn, tuy xử được chính-đính nhưng cũng là Đạo Nguy.

Họ Hồ nói rằng: Hào Cửu-ngũ cứng được trung-chính, bước lên ngôi Đế mà dưới có Đoài đẹp-lòng ứng lên. Phàm có việc ắt phải làm được, sao lại không thể được ? Đây Thánh-nhân lấy sự cả quyết đi vào làm răn-giới, vì ở chỗ thuận-cảnh càng phải răn-giới sợ-sệt vậy.

LỜI-BÀN : Trong nhà người cha cậy mình làm cha, có lòng cứng mạnh thì bỏ mất lòng từ. -

Quan cậy là quan, uy-quyền hống-hách, bỏ mất đều nhân. Vua cậy mình là Vua, gồm thâu Thiên-hạ trong tay, nhất quyết theo trí cứng - mạnh, không tưởng đến lòng nhân, thì sẽ cũng xa cơ nguy-hiểm. Vua Trụ đồng thời với Văn-Vương, xử dân cứng cỏi, nhứt quyết thi-hành hiến-pháp từng trị bầy-tôi và nhân-dân quá nghiệt, quyết đi không trở lại thì có nhiều điều nhầm lỗi, như lập Bá-lạc-đài, giết Tỷ-Can, giam Văn-Vương mà giết Bá-ấp-Khảo, sự cứng rắn đó đã đưa Trụ-Vương đến sự bại vong nguy-hiểm. Nếu không giam Văn-Vương thì không có sự giết Bá-ấp-Khảo, không giết Bá-ấp-Khảo thì bao giờ có cái mầm trả thù cục dân Kỳ-Châu. Vì vậy mà nước mất nhà tan sự nguy-vong cũng ở sự quyết quá hóa ra bạo-ngược. Ở ngôi chính-đáng mà quá cương-quyết không suy xét trở lại thì cho đến như Vua cũng phải nghiêng-nghèo sụp-đổ. Đây ý Thánh-nhân muốn răn : bất cứ về phương-diện nào cũng vậy, như lễ-nghi để xử sự với đời, cho rằng được ở ngôi tôn-quí cũng không nên cậy mình mà theo một cách
hống-hách cứng cỏi, bất cứ ở vào trường-hợp nào thứ nhứt là trong lễ-nghi, sự cứng mềm phải biết cách dung-hòa nhau mới quí, mới tốt. Hóa cho nên nói đến lễ-nghi thì ta cũng thấy đạo Trời đất xen vào vậy.

Tiết Tiết 14. 上九：視履考祥其旋元吉。

D.A. Thượng-cửu: Thị lý khảo tường, kỳ toàn nguyên cát.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Thượng-cửu : Coi sự dẫm, xét điềm lành, sự trở lại chu-toàn, nguyên-vẹn tốt.

Truyện: Ở chỗ trót quẻ Lý, thấy chỗ đi của nó để xét sự thiện-ác họa-phúc, nếu đi một vòng không lâu, là đến chỗ Thiện vậy, đó là Nguyên-cát (sự cát hung của người đời rõ ở trong quẻ Lý này vậy).

B.N.C.H. Coi cái trót của quẻ Lý để khảo-xét điều lành, chu-toàn không thiếu thì được nguyên-vẹn tốt lành. Cái họa phúc người chiêm coi ở quẻ Lý này chưa định được.

LỜI-BÀN : Hào Thượng-cửu, hào dương cứng ở ngôi âm không được chính ngôi, mà ở trên cùng quẻ Lý. Tức là dương cực, dưới có hào lục-tam hưởng ứng. Sự «dẫm» đến đây là cùng-tột, cùng-tột thì phải quay trở lại, đi rồi trở lại như vậy thành một cái vòng tròn xoay-tít, cái vòng tròn đó được chu-toàn nguyên-vẹn là tốt. Hóa cho nên nói : Xem sự dẫm, xét điều lành.

Xem sự dẫm. Tức là sự hành - động của người, nên phải xem xét cho cẩn-thận.

Xét điều lành. Xét điều mình làm lành hay dữ, nghĩ đi, nghĩ lại cho được chu-toàn, nguyên-vẹn thì tốt. Cũng như khi mình làm một việc gì cũng nên xét lương-tâm xem có phải là lành hay dữ không.

Tiết Tiết 15. 象曰：元吉在上大有慶也。

D.A. Tượng viết : Nguyên cát tại thượng đại hữu khánh dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Nguyên-vẹn tốt ở trên có phúc lớn vậy.

B.N.C.H. Nếu được nguyên-vẹn tốt thì có phúc-lành lớn vậy.

LỜI-BÀN : Lễ-nghi đã lên được đến ngôi trên, được nguyên-vẹn, chu-toàn thì tốt ắt có phúc lớn. Lễ là cái quy-củ mà mỗi một nước đặt ra để dắt con người vào sự tốt đẹp, chìu theo cái lý-tưởng phong-tục và tập-quán của nước mình. Nó là một qui-định về ý-trí buộc thân-xác phải theo vào khuôn-mẫu. Bắt đầu từ lúc nhỏ đến lúc chết mà người ta giữ được lễ-nghĩa cho chính-đính theo qui-định riêng của từng dân-tộc, thì người đó tới được ngôi trên được nguyên-vẹn chu-toàn. Cũng như tâm-hồn người ta, phải theo một khuôn-mẫu mà Trời đã đặt để theo luật-định, khi từ lúc sơ sanh theo bực thang bước lên dần dần, đến lúc tột-cùng giữ được trong trắng nguyên-vẹn thì sẽ được hưởng nhiều phúc - lành. Hóa cho nên sau quẻ Tiểu-súc, tượng gió mang sinh-khí nuôi muôn loài về thân-xác thì có quẻ Lý tiếp liền tức là những luật-định qui-củ khuôn-mẫu để cho ta theo vậy.

Tóm-tắt : Quẻ Lý dẫm đuôi hổ không cắn người hanh-thông.

Hào sơ-cửu : Dẫm theo sự sẵn có, đi không lỗi.

Hào cửu-nhị : Dẫm theo đường bằng-phẳng,
người tối-tăm chính-bền tốt.

Hào lục-tam : Chột hay trông, què hay đi, dẫm đuôi hổ, cắn người hung kẻ vũ-nhân làm đấng Đại-Quân.

Hào cửu-tứ : Dẫm đuôi cọp sợ sợ sau tốt.

Hào cửu-ngũ : Quyết dẫm chính-bền bạo-ngược.

Hào thượng-cửu : Coi sự dẫm xét điềm lành sự trở lại chu-toàn, nguyên-vẹn tốt.

LÝ QUÁI TỔNG-LUẬN

Cái Đạo của Văn-Vương đã thành ở quẻ Tiểu-súc đây tiếp quẻ Lý ý nói cái thời giữa Trụ-Vương và Văn-Vương. Hổ là con thú giữ trong rừng, gia có văn-vẻ làm chúa Sơn-lâm, tượng cho Trụ-Vương một vị Đế cuối - cùng nhà Thương Ân, sức - khỏe địch muôn người tham-tàn bạo-ngược như Hổ-lang. Cuộc Lý có thể nói Thánh-nhân lấy tượng để ghi tả cái thời Vua Văn sắp nổi lên thế Thiên hành Đạo. Cho nên Thoán nói : Dẫm đuôi hổ không cắn người mà lại có đức Hanh-Thông. Chỉ nói Trinh ở hào cửu-nhị thì tốt mà hào cửu-ngũ thì nói bạo-ngược và không nói lợi, chỉ nói đến đức Nguyên tốt ở hào Thượng-cửu.

Lấy tượng « Dẫm đuôi hổ » từ hào đầu đến hào trót, nhưng tùy từng hào, tức như tùy từng thời có sự nên chăng trong đó để hợp với Thiên-lý.

Hào cửu-ngũ nói : Quyết dẫm, chính-bền bạo-ngược. Lên đến hào cửu-ngũ là nơi tôn-quí, cuộc Dẫm đã gần tàn, là nơi khó-khăn cứng-mạnh, bạo-tàn, dẫm lên sợ hậu-thế cho mình là Thần thí Vua là Con thí Cha, mà mang tiếng là bạo-tàn ; xem như quẻ Tiểu-súc thấy sự do-dự của Vua Văn, nên đến Hào cửu-ngũ quẻ thì mới nói quyết. Xuất quân đi trừ bạo cứu dân mang lại cho Thiên-hạ thái-bình thịnh-trị, đành rằng cái bạo-ngược và cái thời Trụ-Vương đã hết, nhưng Đạo người Quân-tử không cho phép làm những việc tổn-hại đến Trung Hiếu, Cho nên trong cuộc « Lý » cái tâm-trí của Văn-Vương có thể gọi là rõ-ràng vậy. Người ta ở trong đời cũng như sự vật, phong-tục lễ-nghĩa là cái văn-vẻ làm đẹp người. Tuy thời Trời đã rõ nhưng lòng trắc-ẩn không nỡ buông tay.

Ở đây Thánh-nhân muốn dạy ta cho rõ những tai-ương, họa-phúc của con người muốn làm người, giữ được thủy chung như nhất, tuy lúc thời đến vẫn phải thi-hành theo Thiên-lý nhưng không mất cái vẻ-đẹp của con người. Mỗi một quẻ trong Dịch, mỗi một hào trong quẻ là tất cả cái gì huyền-ảo, biến-dịch dậy cho đời rõ cái Đức, thấy cơ Trời mà hành theo Thiên-đạo, đi đúng với Thiên-lý, lúc tiến được thì quyết tiến, lúc đáng sợ thì sợ, lúc đáng lui thì lui. Cho nên Thánh-

nhân đã cho học Dịch là : Nội Thánh ngoại Vương chi Học. Trong thì theo đúng Thiên-lý mà hành Đạo, ngoài thì lấy Đạo theo Trời mà giáo-hóa cho Thiên-hạ. Nên bất cứ một chữ, một câu văn, một Tượng, Thoán, Hào-từ đều rất cần-thiết và tế-nhị. Nói một việc để suy ra trăm nghìn thứ khác nhau theo thời-gian mà biến-dịch, nên kinh Dịch tóm-thâu hết muôn vạn sự vật ở trong mà vẫn chưa đầy là lẽ ấy vậy.

泰 ĐỊA - THIÊN THÁI - 11

Khôn trên ☷
Kiền dưới ☰

THÁI 8 1

Thái nghĩa là thông-thái, không có sự cản-trở ở trong, phàm vật lúc sơ sinh, được nuôi-nấng dần dần theo qui-củ, luật-định, khuôn-khổ của nó về hình xác, còn về trí đức thì theo con đường lễ-nghĩa, lễ là khuôn-khổ về phong-hóa, khi đã được học theo lễ-phép rồi thì sẽ được thông-thái. Vì vậy quẻ Thái nối liền quẻ Lý.

Trong quẻ Thái có quẻ Khôn ở trên, quẻ Kiền ở dưới, trên có âm, dưới có dương. Đó là khí âm dương được dung-hòa nhau hợp lại thành tia-sáng, nhờ vậy muôn vật được thông-thái.

Khí dương ở dưới mới là thông vì dương nhẹ bốc lên trên. Khí âm nặng dơi xuống dưới. Hóa cho nên mới coi cái ngôi của quẻ và nhận xét về khí-hóa thì rất thuận vậy.

Cũng như điện-khí ta dùng có âm có dương gặp nhau thì hút nhau hòa với nhau và cho ta ánh-sáng. Như vậy gọi là quẻ Thái.

Tiết Tiết 1. 泰小往大來吉亨。

D.A. Thái tiểu vãng đại lai Cát Hanh.

Dịch-nghĩa: D.N. Quẻ Thái, nhỏ đi lớn lại tốt lành hanh-thông.

Truyện. Âm đi ở ngoài, dương đến ở trong âm khí dáng xuống dưới dương khí giao lên trên, âm dương hòa-giao nhau thì vạn-vật loại sinh, là cuộc Thái của Trời-đất. Lấy nhân-sự mà nói, lớn là trên có Vua, nhỏ là Bày-tôi ở dưới. Vua suy đức Thành để giữ trách-nhiệm với người dưới, Bày-tôi thì tận Thành để thờ Vua, cái trí trên dưới thông nhau, đó là thời Thái trong triều-đình. Dương là Quân-tử, âm là Tiểu-nhân, Quân-tử đến ở trong, Tiểu-nhân đi ra ngoài, Quân-tử được ngôi, Tiểu-nhân ở dưới đó là thời Thái trong Thiên-hạ.

Họ Lý nói rằng : Phàm dương là Sáng, âm là Tối, dương là thực, âm là hư, dương là phú, âm là bần, dương là quí, âm là tiện, dương là lớn, âm là nhỏ, người làm Dịch tôn Dương mà ty Âm, ví những lẽ trên đây.

B.N.C.H. Thái nghĩa là thông, là quẻ Trời Đất giao nhau mà hai khí âm dương thông với nhau cho nên là Thái, (a) Thái là quẻ của tháng giêng.
Nhỏ gọi là âm, lớn là dương, muốn nói là Khôn đi ở ngoài Kiền đến ở trong lại tự quẻ Qui-muội (b) đến thì hào lục đi ở ngôi tư hào cửu đến ở ngôi ba. Người chiêm có đức dương cứng thì tốt mà hanh-thông vậy.

LỜI-BÀN. Giảng câu (a) Thái là quẻ của tháng-giêng, của Chu-Hi. Quẻ Kiền và Khôn là tổ của Bát-quái. mà Mậu-Kỷ là cái Tông của ngũ-hành (Mậu-Kỷ theo thập can chiếu với ngũ-hành là thổ, thổ tức là Khôn) ở cung Hợi là có 6 âm ䷁.

Vạn-vật khởi-thủy ở Nhâm, âm cực thì dương sinh- tháng hợi là tháng 10 thì tháng 11 có 1 dương sinh ䷗ tháng 12 có 2 dương sinh ䷊ tháng-riêng có 3 dương sinh ䷡ đó là quẻ Thái.

b) Quẻ Qui-muội thì có quẻ Chấn ở trên quẻ Đoài ở dưới, đem so - sánh 2 quẻ Qui - muội và quẻ Thái thì thấy rõ.
䷵ (Qui-muội) ䷊ (Thái).

Hào tam quẻ Qui-muội : Âm biến thành dương ở ngôi ba tức là cửu đến ngôi ba. Hào cửu-tứ biến thành lục ở ngôi 4 tức là đi ở ngôi 4.

Quẻ Thái : Quẻ ngoài là Khôn tượng âm, Âm là số nhỏ. Quẻ trong là quẻ Kiền tượng dương. Dương là số nhiều lớn cho nên nói lớn lại nhỏ đi. Lớn đều là nói Kiền là quẻ ở trong. Như vậy thì được tốt lành và hanh-thông, được thuận-lý với Trời-Đất. Nếu theo thân mình có những tính xấu-xa mà diệt bỏ được ra ngoài lại được những nết tốt đến ở trong thì người ta được tốt-lành và hanh-thông.

Như người lánh được xa hay xua đuổi được những tính xấu-xa ra ngoài, và được nết tốt đến với lương-tâm thì người đó lúc nào tâm-thần cũng được thư-thái. Thái đây theo nhà Phật là lúc mình trừ bỏ được lục tặc, đó là đuổi cái âm, được sự Minh-triết chiếu đến là được Kiền dương.

Lúc đó là Thái hay là sự «Hỷ xả hoàn-toàn» của nhà Phật vậy.

Tiết Tiết 2. 彖曰：泰，小往大來。吉亨，則是天地交，而萬物通也，上下交而其志同也。內陽而外陰，內健而外

順，內君子而外小人。君子道長小人道消也。

D.A. Thoán viết : Thái, tiểu vãng đại lai, cát hanh tắc thị Thiên-Địa giao, nhi vạn-vật thông dã, thượng hạ giao nhi kỳ trí đồng dã, nội dương nhi ngoại âm, nội kiện nhị ngoại thuận, nội Quân-tử nhi ngoại Tiểu-nhân, Quân-tử đạo trường, Tiểu-nhân đạo tiêu dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Thoán nói rằng: Quẻ Thái, nhỏ đi lớn lại, tốt, hanh-thông, thì là Trời-Đất giao nhau mà muôn vật cảm-thông, trên dưới giao nhau mà trí cùng nhau vậy.

Trong dương mà ngoài âm, trong mạnh mà ngoài thuận, trong Quân-tử ngoài Tiểu-nhân, đạo Quân-tử lớn lên, đạo Tiểu-nhân tiêu đi vậy.

Chu-tử nói rằng : Âm dương mỗi thứ một nửa, Thánh-nhân xuất ra làm nên một Đạo-lý khiến Thiên-hạ đều làm Quân-tử như Thuấn Thang dùng Hào-Đào, Y-Doãn không xa đạo Nhân. (Luận-ngữ : Nhan-Uyên thiên). Kẻ Tiểu-nhân không cảm có thể làm được Quân-tử, người Quân-tử thân-gần với nó mà sau thay-đổi trở về thành người tốt vậy.

Thánh-nhân làm ra Dịch để lập cái cùng-cực của người, cái nghĩa của nó lấy bậc Quân-tử làm chủ, nên là Quân-tử mưu, không phải là Tiểu-nhân mưu. Xem cái ý quẻ Thái, Bĩ, Bác, Phục thì có thể thấy rõ.

Họ Phùng nói rằng : Cái Tượng của quẻ Thái Bĩ, trở lại ở nơi tiêu-trưởng của Quân-tử và Tiểu-nhân, nên gọi là Dịch lấy Thiên-Đạo để rõ nhân-sự.

LỜI-BÀN: Nhỏ đi lớn lại tức là âm (Khôn) ở ngoài mà dương (Kiền) ở trong như vậy được tốt và hanh-thông.

Trên đã nói cái khí của dương thanh thì bay lên trên, như khí nóng bao giờ cũng bốc lên trên và khí lạnh bao giờ cũng lắng xuống dưới cho nên Kiền ở dưới Khôn ở trên tuy vị-trí mới trông tưởng là nghịch, vì nếu lấy Kiền là Trời thì phải ở trên, Khôn là Đất thì phải ở dưới, nhưng theo khí-hóa mà luận thì sự lên xuống của hai khí giao nhau phải cần ngôi thứ như vậy. Nếu ta lấy theo cho đúng vị-trí và theo khí-hóa ta được quẻ Bĩ như sau đây. Như vậy theo khí-hóa mà luận thì:



âm dương không có chỗ giao nhau.

Cho nên quẻ Thái là quẻ hai khí âm dương theo thuận với luật của Tạo-hóa và giao
với nhau. Một khi âm dương giao - kết với nhau, thì có cái khí Thái-hòa của Trời-Đất rung-động nhờ đó sanh ra muôn vật, muôn vật được sanh sanh hóa hóa như thế mới gọi là hanh-thông hay thông-thái.

Trên dưới giao với nhau vì được hợp thuận nhau mà hợp thuận nhau thì cái trí cùng nhau thì mới có sự thư-thái, dung-hòa. Nếu dương cưỡng-bách âm, hay âm thái-quá cưỡng bách dương suy yếu thì cái trí không đồng. Nếu trên dưới không đồng-trí với nhau thì vạn-vật sẽ bị ngưng-trệ vậy.

Trong dương ngoài âm, trong mạnh ngoài thuận trong Quân-tử ngoài Tiểu-nhân là nói về thể quẻ Thái, trong Kiền ngoài Khôn.

Đạo của người Quân-tử là đạo Kiền, đạo Trời to lớn rộng-rãi, càng ngày càng to lớn, bất-diệt.

Đạo của kẻ Tiểu-nhân là đạo Khôn, đạo Đất, đạo trái với đạo Trời, nhỏ bé mềm mỏng, càng ngày càng lu-mờ và tiêu đi.

Có người nói sao đạo Đất là đạo Tiểu-nhân, Đất dầy lớn như vậy sao lại tiêu-tan, trên có chỗ nói người nên theo đạo Đất là cớ sao vậy ?

Đất là nhỏ, Trời là lớn, Đất là âm, Trời là
dương. Cái âm là hư là rỗng, mà dương là thực cho nên mới nói có sự tiêu-tan.

Người nên theo đạo Khôn đề biết đạo Kiền là ý ấy. Cũng như Đất là hình mà Kiền là khí. Trước muốn biết khí phải hiểu hình là cái lý ấy vậy.

Khôn ở ngoài, Kiền qua Khôn vào trong đó là sự giao - kết âm dương đề sinh vạn-vật. Như thế vạn-vật mới được sinh mầm nẩy nở.

Tiết Tiết 3. 象曰：天地交，泰，后以裁成，天地之道。輔相天地之宜以左右。

D.A. Tượng viết: Thiên Địa giao, Thái, hậu dĩ tải thành, Thiên-địa chi đạo, Phụ tướng Thiên-địa chi nghi dĩ tả hữu.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Trời - Đất giao nhau là quẻ Thái, vợ Vua sửa nên đạo Trời-Đất, giúp-đỡ sự nên chăng của Trời-Đất đề lấy tả hữu (quần-thần hai bên).

Truyện. Trời-đất giao nhau mà âm dương hòa thì vạn-vật thịnh-vượng toại lòng đó là cuộc Thái. Bậc Nhân-quân đương có cái thể, tượng Trời-đất thông-thái, lấy tài chế sự ban-thí cho mọi phương, phụ-giúp cái công hóa-dục, lấy tả hữu giúp sự sinh cho dân ắt tuân theo phép-tắc mà làm, chế-hóa đề dậy tất cả Thiên-hạ, giúp-đỡ họ đề được toại-lòng sinh-dưỡng đó là việc làm của người quanh mình.

B.N.C.H. **Tải-thành** đề chế cái quá của nó, **Giúp cùng** đề bổ cái không bằng của nó.

Trình-Tử nói rằng : Đạo Trời-đất không hay tự thành, nên Thánh-nhân tải thành phụ-giúp cùng nó, như năm có 4 mùa, Thánh-nhân mùa Xuân thì dậy người thu hái đó là tải-thành, dậy dân cầy bừa, khoi nước là phụ-tương.

Đời cổ khi thịnh thời thì dậy dân nên lập ra chức Quân-sư, lập quan-lại đề trị dân. Châu-Công làm thầy dậy bảo vạn dân và nói đây là tất cả người quanh mình đều như thế. Đời sau chưa có sự dậy dân đảm-nhiệm sự tự-sinh, tự-dục chỉ sửa cái gì khuyết-điểm mà thôi.

Hỏi : « Tải-thành phụ-tương », không có thời nào đáng sao, cứ phải nói ở thời Thái ?

Chu-tử nói rằng : Thời Thái thì vạn-vật đều được toại-lòng trong cái lý của nó, lúc đầu ở nơi có sự « Tải-thành phụ-tương », nếu trong cuộc bế-tắc không thông thì nhất tề là không hội được cái lý gì hết, như thế thì gọi thế nào là « Tải-thành phụ-tương » .

Họ Sái nói rằng : Tải-thành nghĩa là nhân cái toàn thể của nó mà may chế sử sự không quá. Phụ-tương là tùy sự nên chăng mà bổ-trợ sự thiếu sót, như khí-hóa lưu-hành kế tiếp nhau trong một cái lồng.

Chu-tử nói rằng : Sự hóa của Trời-đất như « lung - đồng » kế tiếp nhau từ dưới đến. « Lung-đồng » nghĩa là thẳng-thắn, dài, lớn vậy.

Thánh-nhân làm ra, sửa chế lại đề phân các tiết : Xuân Hạ Thu Đông, hình đất rộng-rãi, kinh vĩ giao nhau lẫn-lộn mà Thánh-nhân sửa chế đề phân hạn ra Đông, Tây, Nam, Bắc, đó là **tải-thành**, Xuân thì sinh, Thu thì sát, đó là sự vận-chuyển tự-nhiên của cái Thời. Trên cao có lúa Mạch (Lúa mì không chịu nước) dưới thấp có lúa Đạo (Lúa chiêm chịu nước) cũng phải theo sự nên chăng của địa-thế. Thánh-nhân giúp-đỡ dân khiến dân mùa Xuân nên trồng, mùa Thu nên hái, cao
trồng lúa Mạch, thấp trồng lúa Đạo đó là sự Phụ-tương vậy.

LỜI-BÀN : Trời-đất âm dương giao nhau gọi là quẻ Thái. Hậu 后 là Bà vợ Vua, lấy nghĩa ở sau Vua và có ý-nghĩa nối giối về sau, và ở quẻ Thái nói về hào **Lục-ngũ** hào âm ở ngôi chính giữa và tôn-quí, như vậy là tượng Bà vợ Vua. Bà vợ Vua cũng như Khôn đối với Kiền là mẹ của Bát-quái hay là Mẫu-nghi Thiên-hạ.

Chữ tài 裁 nghĩa là cắt vải may thành áo, đó là công việc của Phụ-nữ, cắt sửa vải đề thành áo, đây ý nói khi âm khí đã được thỏa thuận với dương giao nhau thì âm ôm-ấp, sửa cắt cho dương mà tạo thành một **bào-thai** (như những miếng vải cắt thành áo, áo dài, áo ngắn là tùy khổ vải) sinh ra dần dần lớn lên cũng như khí âm dương lại sinh nở liên-tiếp nhau như thế là thành được cái đạo của Trời-đất âm dương vậy.

Âm tượng là mẹ muôn loài hay Thiên-hạ hay là nói theo ta là Bà vợ Vua là Mẫu-nghi Thiên-hạ còn phải chung cùng đề hòa với dương, hay Kiền, chế sự thái-quá đề cùng đồng với dương, đó là những phép-tắc mà âm phải phụ giúp sự nên chăng đề có thể hòa dịu giúp-đỡ được cho dân thu

hút được tả hữu và để hiểu - biết đạo Trời-đất như đêm thì có ngày, như sáng có tối. Theo thứ-tự âm dương, như khí - tiết trong năm như mùa Xuân thì dương sinh cây cỏ tốt tươi, muôn vật đua nhau sinh nở. Mùa hạ dương cực thì muôn vật trưởng thành. Mùa Thu thì âm mạnh muôn vật bắt đầu tàn tạ. Mùa Đông thì cực muôn vật dần dần yếu - mềm tàn - tạ rồi lại đến dương sinh. Những luật-lệ trên cõi đất đã thành để giúp cho người ta theo mà hóa-dục, sanh sanh hóa hóa để theo đạo Trời-đất vậy.

Tiết Tiết 4. 初九：拔茅茹以其彙征吉。

D.A. Sơ-cửu : Bạt mao như, dĩ kỳ vựng chinh cát.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Sơ-cửu : Nhổ rễ cụm cỏ tranh lấy cả loại, đi đánh tốt.

B.N.C.H. Ba hào dương dưới cùng liền với nhau mà tiến, đó là tượng nhổ cỏ tranh cả cụm. «Chinh» là đi thì tốt, người chiêm là hạng dương cứng thì sự đi chinh-phạt được tốt-lành.

Sách Đông-lâm của Quách-Phác đọc đến chữ «vựng» thì hết câu, quẻ dưới cũng theo lệ ấy.

LỜI-BÀN. Quẻ dưới là quẻ Kiền có 3 dương mà hào sơ-cửu là hào đầu của 3 dương. Dương thì tính cương-cường hay động và tiến, nếu tiến thì cả ba đều tiến, mà đây còn là ở hào dưới cùng quẻ Thái, cho nên lấy tượng là cỏ tranh vì cỏ tranh mọc thấp mà rễ quấn với nhau.

«Như» là rễ cây quấn nhau và lại còn nghĩa «Bạt mao liên như» nghĩa là quan-chức này tiến-cử cho quan-chức khác có bao-hàm ý-nghĩa dìu-dắt nhau lên.

Chữ «vựng» nghĩa là «loài» cỏ Tranh thì rễ nó quấn-quít thành cụm lúc nhổ bật lên cả mảng thành tất cả đều thành một cụm mà lên.

Đây có ý là lúc chưa gặp thời những đấng Nghĩa-hiệp Anh-hùng ẩn-núp trong rừng để thu tập kẻ-sĩ khi thời đến thì xuất đầu lộ diện, hóa cho nên lúc ra xuất quân chinh phạt thì ra cả hàng cả trại vậy.

Chữ «Chinh» đây có nghĩa cương-cường mạnh-dạn. Người trên đi đánh kẻ dưới. Chinh là tốt là vì nó đã là đấng cương - cường, lúc đứng lên đứng cả hàng. Cho nên tuy xa âm vì ở hào dưới nhưng có tính tiến lên, lúc tiến lên cả hàng, ví
như nhổ cụm cỏ Tranh, tiến theo lên dung-hòa với âm để thành thời Thái cho muôn loài.

Cho nên người Quân-tử lúc bĩ cực thì cũng như cỏ Tranh trong rừng, an-tĩnh mà kết chặt bằng Đạo-lý với Thiên-hạ như rễ cỏ Tranh, đợi khi gặp thời thì kéo cả đồng-trí ra mà lập cuộc Thái cho Thiên hạ vậy.

Tiết Tiết 5. 象曰：拔茅征吉。志在外也。

D.A. Tượng viết : Bạt mao chinh cát, trí tại ngoại dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Nhổ cỏ Tranh, đi đánh tốt, trí ở ngoài vậy.

Truyện. Hào Sơ là hào dương có cái tài cứng sáng mà ở dưới, sắp đến thời Thái thì trí tiến lên trên. Sự tiến của người Quân-tử ắt cùng với bạn-bè dắt nhau đi, như rễ cỏ Tranh nếu dứt một cái thì cả khúm bật lên. Người Hiền cùng dắt nhau mà tiến. đồng-trí cùng theo một Đạo đó là cát vậy. Tự cổ khi người Quân-tử được ngôi thì người Hiền trong Thiên-hạ đều ở trong Triều-đình đồng-trí

hiệp lực để thành thời Thái cho Thiên-hạ.

Họ Dương nói rằng : Cái trí của người Quân-tử ở tại Thiên-hạ, không tại thân mình cho nên nói là trí tại ngoại,

LỜI-BÀN : Chữ «Chinh» nghĩa là chinh-phạt để đánh ở ngoài cõi cho nên có tượng là trí ở ngoài. Vì Khôn còn xa, hào sơ-cửu hưởng-ứng lên hào lục-tứ âm dương dung-hòa hưởng-ứng cho nên sự cương cứng muốn vọt lên cùng với 2 dương lên nữa, thì âm dương hưởng-ứng nhau tiến lên như nhổ cỏ Tranh, cái trí nghĩ để ở trên, cái âm ở ngoài tưởng đến sự dung-hòa an-thái vì còn phải đi chinh-phạt để được an-thái thì mới tốt lành.

Cũng như lúc thời bình, Thiên-hạ an-thái người Hiền xuất hiện lên kéo cả bầy cả đảng lên mà giáo-hóa cho dân (như chinh-phạt), lấy Đạo-đức dạy-dỗ nhân-dân theo con đường chính Đại-quang-minh. Cái trí-hướng lúc đó là lo chuyện ngoài cho được thành-tựu vậy.

Tiết Tiết 6. 九二：包荒馮河。不遐遺朋亡。得尚于中行。

D.A. Cửu-nhị : Bao hoang, bằng hà bất hà di bằng vong, đắc thượng vu trung hành.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Cửu-nhị : Bao-dung cảnh hoang-vu rậm-rạp, dùng sự lội sông tay không quên sự xa-sôi mất bạn, được yêu-chuộng đi vào chỗ giữa.

B.N.C.H. Hào cửu-nhị lấy cái dương cứng ở ngôi mềm, ở giữa quẻ dưới, trên có hào lục-ngũ ứng với tức làm chủ cuộc Thái mà được trong giữa đường ấy vậy. Người có thể bao-dung sự hoang rậm mà quẻ đoán cương-quyết không quên sót sự xa-xôi mà không thân-gần bè đảng thì hợp với Đạo «Trung-hành» của hào này vậy.

LỜI-BÀN : Bao-dung nơi hoang-vu rậm-rạp. Hoang-vu là nơi không có người ở, tức là chỗ không có sự hoạt-động. Hoang-vu rậm-rạp, có nghĩa là vắng-vẻ mát-mẻ tả cái cảnh an-thái.

Đây là hào cửu-nhị, dương cứng ở ngôi âm cho nên có nghĩa là nơi an-tĩnh, vắng-vẻ và mát-mẻ mà dương cứng lại được hào lục-ngũ tức là âm mềm ở ngôi tôn-quí hưởng-ứng với dương ở nơi vắng-vẻ mát-mẻ, như cảnh đó đủ tả cái cảnh an-thái êm-đềm của Thiên-hạ.

Hào hai ở giữa quẻ dưới Kiền dương, hào năm ở giữa quẻ Khôn âm hưởng-ứng nhau vậy.

Lội sông tay không. Lội qua sông thì phải trần-truồng để bơi bên nầy bờ sang bên kia bờ. Sông có nước tượng hỗn-độn, nguy-hiểm, nhưng trong sự nguy-hiểm có sự cần-thiết của nước để làm cho người ta mát-mẻ, ở trong cuộc Thái thì sự nguy-hiểm ít có như vậy cũng như nước sông trong lặng-lẽ lội qua để đến bờ bên kia và mát cái thân. Lội mà tay không, không cần cái gì giúp-đỡ có nghĩa muốn tỏ rõ thể dương sáng mà sông là âm mềm.

Tay không là không cần phụ giúp vì đã biết lội và có ý-nghĩa tuy là hiểm mà lội tay không cũng không có hiểm-trở vậy.

Không quên sự xa-xôi có nghĩa phòng xa suy rộng tuy trong cảnh đời thái-bình vui-vẻ, nhưng những bậc Minh - quân lúc nào cũng không quên sự lo trước tính sau để cho sự thái-bình được trường-cửu, sự sung-túc càng ngày càng dồi-dào cho nhân-dân và lo phòng-thủ khi thất cơ lỡ vận. Lo xa như vậy là một đức-tính rất hay cho tự thân mình, cho gia-đình và Thiên-hạ vậy. Xem như vừa rồi dân Pháp sau khi đại-chiến 1914-1918
ca khúc khải-hoàn, ăn chơi sung-sướng quên cả cái thù của Đức hóa cho nên đến 1939 bị Đức đánh thua đầu hàng vô điều-kiện trong vòng không đầy một tháng, đủ tỏ rằng nước Pháp binh-cơ kém cỏi, nhung cụ không có gì, vì vậy phải buộc lòng thua nhanh như thế.

Lo xa rất hay như âm-dương phối-hợp phải lo sự hóa-dục cho tương-đối với sự nuôi-nấng nên có lo xa thì sự hành-động mới đầy-đủ vậy.

Mất bạn. Phàm những cái gì vui-sướng thiêng-liêng có khi mình hưởng mà quên cả thân mình nữa cho nên nói mất bạn. Như vậy cũng là theo cái luật-định của Trời-đất lúc an-thái. Những phút an-thái là những phút quên hết mọi việc mọi thứ để cảm lấy, hưởng lấy cái ở cõi huyền-vi, lúc đó là lúc an-thái của mọi người, mọi vật. Thiên-hạ an-thái thì cũng phải có luật-định để mọi người noi theo có luật-định thì mới tránh những chuyện hỗn-độn làm loạn Thiên-hạ mà những đạo-luật một khi người đặt ra nó, nó cũng không thiên-tư, kiêng-nể như Vệ-ưởng phò Tần-hiếu-Công, Thiên-hạ thịnh-trị thái-bình đời đó đến đàn-bà con trẻ ai ai cũng đều nói đến phép trị nước của Thương-Quân. Sau đến Huệ-văn-Công nối ngôi Tần-hiếu-Công bị Công-tôn-Giả
súi-siềm để hại Vệ-ưởng khi bị lui về ấp Thương, Thương-ưởng xa giá ra khỏi thành đã hơn trăm dậm thì bị quân triều-đình đuổi bắt, Thương-ưởng sợ quá biết là Vua, mới có lòng nghi e không khỏi họa vội trút bỏ mũ áo xuống xe, giả làm tên lính đi trốn, chạy đến Hàm-Quan, trời sắp tối vào nhà hàng xin ngủ trọ, chủ hàng hỏi có giấy chiếu-thân không ? Thương-ưởng nói : không có. Chủ hàng nói : Phép của Thương-Quân không cho chứa những người không có giấy chiếu-thân. Ai phạm phép đều phải chém, tôi không dám cho trọ. Vệ-ưởng than rằng : ta đặt ra phép ấy lại tự hại thân ta rồi đi luôn cả đêm, lúc ra ngoài cửa quan chạy sang nước Ngụy.

Như thế luật-định không thiên - vị, nó là một mệnh-lệnh mà ai cũng phải tuân theo, hóa cho nên lúc theo pháp-luật có khi mất bạn và có khi mất cả thân như Vệ-ưởng là người đã đặt ra giấy chiếu-thân.

Theo được 4 Đức kể trên thì cái lòng yêu-chuộng của Thiên-hạ sẽ chiều về và nhường cho đi vào con đường giữa vậy. Đó là tượng Khôn âm, khi Dương đủ sức sáng mà đi chinh-phạt cái âm, nếu nó được 4 đức - tính ấy thì dương sẽ được yêu-chuộng và được âm nhường cho đi vào
đường giữa ; đây là tượng ngôi giữa hai hào nhị và ngũ.

Tiết Tiết 7. 象曰 : 包荒得尚于中行以光大也。

D.A. Tượng viết : Bao hoang đắc thượng vu trung hành dĩ quang đại dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Bao-dong sự hoang-vu rậm-rạp, được yêu-chuộng, đi vào giữa để cả sáng vậy.

Truyện. Hào 2 lấy cứng giữa, ứng với hào 5 chủ trị cuộc Thái (nói là trên dưới giao nhau mà chí nó giống nhau). Bao-hoang có nghĩa bao-hàm cái lượng hoang-vu uế-tạp.

Lội sông tay không nghĩa là sự kết-quả cứng-rắn đủ để giúp qua chỗ sâu, vượt nơi hiểm, hoặc ngờ chữ «Bao Hoang» ở trên là «Bao-hàm khoan dung». Nói đây dùng ý của sự lội sông tay không. Phấn-phát cải-cách, đó là sự làm của Thánh-hiền tựa như tương phản mà không biết lấy cái lượng bao-dung ban-thí cái dụng của cái quả cứng, không để lại sao ? Làm chu-tất các việc mà không để lại đời sau sao ?

Mất bạn đoán là người chức lớn mà không thân-gần với bè-đảng đó là đạo trị cuộc Thái. Hào 2 ở đây thường nên phối - hợp trong nghĩa đạo «Trung-hành» vậy.

LỜI-BÀN : Bao-dung có nghĩa là vuốt-ve, giúp-đỡ một cách thân-ái. Đây chỉ nói có sự bao-dung nơi hoang-vu rậm-rạp mà không cần nhắc đến điều trên nữa, là vì 3 lẽ sau theo sự bao-dung hoang rậm và sự được yêu-chuộng đi vào trong giữa vậy. Vì một khi Thiên-hạ được an-thái thì đâu đâu cũng có sự yên-lặng và mát-mẻ, khi được cái khí thái-hòa lan-tràn hết cả thì cái dương cứng và dương minh được yêu-chuộng và đi vào giữa để đeo cái ánh-sáng lớn cho Thiên-hạ. Đây cũng đồng với ý-nghĩa âm gặp dương mà âm và dương ở đây được chính giữa hai quẻ, gặp nhau sẽ có lửa làm sáng-sủa lớn-lao để soi cho muôn vật.

Hóa cho nên trước khi âm dương hưởng-ứng nhau. Dương minh bao-dung vuốt-ve nơi chỗ hoang-vu rậm-rạp, được ở hào 2 là tượng về ruộng đất của Thiên-hạ sau cái bao-dung đó như người Quân-tử được Thiên-hạ yêu-chuộng, đi trên con đường trung-chính để thực-hành cái Đại-quang-Minh của Đạo-lý trong
khi đó người Quân-tử dùng sự lội qua sông tay không, không gì giúp-đỡ, qua chỗ hiểm nhưng ở quẻ Thái, hiểm đó cũng không kể vào đâu, và lấy sự thái-hòa mà nói thì qua sông được mát-mẻ mà quyết qua không sợ hiểm-nghèo vì chỉ có tay không. Người Quân-tử thấy Thiên-hạ có cái khí thái-hòa êm-đẹp, nước trong sông dịu, bơi qua tay không cho sạch bụi trần, dầm thấm cho linh-hồn rung-động, tuy vậy người Quân-tử trong cảnh Thái, cũng như Bĩ lúc nào cũng không quên lo xa đề phòng người phá sự thái-hòa của Thiên-hạ và những sự lo xa như vậy vẫn phải có những luật-định để kiềm-chế và duy-trì sự Thái, cho nên với những quyết-định ấy thì không thiên-lệch thân sơ, vì tình thân mà nể thì hại hết cả một con đường đã định vì vậy mới được sáng-láng lớn-lao.

Đã sáng - láng là lúc thi - hành Đạo - lý cho Thiên - hạ thấy và để soi tỏ Thiên - hạ, như vậy Thiên-hạ sẽ được thái-bình thịnh-trị vậy.

Tiết Tiết 8. 九三 : 无平不陂，无往不復。艱貞无咎，勿恤其孚. 于食有福。

D.A. Cửu-tam: Vô bình bất bi, vô-vãng bất phục, gian trinh vô cứu vật tuất kỳ phu, vu thực hữu phúc.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Cửu-tam : Không bằng-phẳng chẳng lồi-lõm, không đi chẳng lại, gian-nan trinh-bền không lỗi, chớ lo đức tín ấy, ở nơi ăn uống thì có Phúc.

B.N.C.H. Sắp qua chỗ giữa, sự Thái sắp đến lúc cực mà lúc Bĩ muốn đến, « Tuất » nghĩa là lo vậy. Phu nghĩa là có sự tin ở chỗ hẹn. Khuyên người chiêm cứ chịu gian - nan giữ lấy chính-bền thì không lỗi mà có phúc.

LỜI-BÀN : Hào Cửu - tam, hào dương ở ngôi cứng, đầu quẻ dưới quẻ Kiền có 3 dương đều nhau cho nên tượng sự bằng - phẳng, nhưng sự bằng-phẳng đến đây là cùng lên đến hào tứ là âm là lõm (tượng âm) hóa cho nên có bằng-phẳng phải có lồi-lõm cũng như có dương phải có âm.

Không có chỗ đi nào mà không trở lại. Sự đi là tượng của dương, dương có tính tiến, dương là đi, đi đến cùng-cực phải trở lại là âm, vậy cũng như trên có đi phải có về cũng như có dương phải có âm, nên Thái cực thì
Bĩ lai mà Bĩ cực thì Thái lại cứ theo vòng tròn như vậy mà quy-định vô - cùng - tận. Hóa cho nên người Quân - tử một khi đã biết được cái luật của Tạo-hóa : « Hồ đầy lại vơi » rồi thì tuy rằng trong thời đen vận kiển trải qua bao gian - nan khổ - cực cũng lặng - lẽ chính - đính, bền - bỉ chịu đựng những chuyện chẳng lành rồi đến lúc « hồ vơi lại đầy » rồi cái vòng vận - hạn quay đến chỗ khác vậy. Biết cách trì-thủ, đừng làm càn-bậy, đợi lúc hanh-thái như trên thì không có lỗi.

Sự Tin. Như vậy là một sự dĩ-nhiên, là một đạo-luật rõ-ràng như Trắng với Đen, như đêm với ngày không có chỗ nào nghi-ngờ cả cho nên mới nói « Chớ lo cái sự Tin ấy » nó là một sự hiển-nhiên như một với một là hai nên ai cũng trông thấy vậy.

Ở nơi ăn uống có phúc : Cái tin vòng âm dương như nói ở trên đã đành, nhưng còn đến chỗ ăn-uống cũng có phúc-lành thay! một sự rất thường tình của muôn loài cũng còn phải theo cái luật vòng tròn của âm dương thay, có người được ăn ngon mặc đẹp, có người vắt mũi không đủ nuôi miệng. Hóa cho nên đến cái nhỏ
mọn thường tình có khi ta không để ý đến cũng phải theo cái luật âm dương của Tạo-hóa.

Tiết Tiết 9. 象曰 : 无往不復。天地際也。

D.A. Tượng viết : Vô vãng bất phục Thiên Địa tế dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Không có chỗ đi nào mà không trở lại, Trời Đất hội-hợp với nhau.

Họ Hồ nói rằng : Hào dương không bằng-phẳng là đã có cái cơ lồi-lõm, sự đi của âm đã có cái cơ trở lại, thường có cái tâm gian-khổ trinh-bền, không lo cái tâm đến vận nghiêng - nghèo thì cái phúc-lành cuộc Thái có thể hanh-thông lâu-dài.

Họ Từ nói rằng : Hoặc nói âm dương giao vận, Bĩ Thái nối nhau, thời - thế tự - nhiên vậy. Tuy gian-nan, trinh-bền không lo giúp-đỡ như thế sao ?

Rằng : bằng-phẳng lồi-lõm, đi lại là thiên-vận ắt phải có sự gian-nan trinh - bền, không lo
giúp-đỡ là việc người đang ở chỗ tận cái lý giữa Người và Trời giao-thắng với nhau; chỗ có sự đi đến giao-hội, ắt có Đạo biến-hóa trì-thủ. Nếu một lần Thiên-vận giao-hợp mà không can dự đến nhân-sự thì Thánh-Nhân không làm ra Dịch vậy.

LỜI-BÀN : Nói như vậy là nói không bao giờ có dương mà không có âm, hay nói ngược lại; một dân-tộc toàn là âm cả, toàn là giống cái cả thì dân - tộc ấy sẽ tiêu - diệt không chóng thì chầy, và ngược lại, hóa cho nên mới nói như vậy. Đó là sự hội - họp của khí âm - dương của Trời Đất, để có sự hanh - thái cho muôn loài, như dương lên âm xuống dung-hòa giao-kết nhau thành sự sinh - dục đầy dẫy trên cõi Đất, nhưng sanh phải có tử, già phải có trẻ, yếu phải có mạnh to phải có nhỏ luôn luôn như vậy để dung - hòa nhau mới thành cõi

đời. Trông ngoài hỗn - độn nhưng vẫn trong khuôn-khổ tuần-hoàn rất công-minh.

Ví như ở một ngã-tư của một thành-phố lớn 4 con đường có đến hàng trăm xe đủ thứ, đủ hạng và cả người bộ-hành đông-đảo, mới thoạt nhìn, nếu không theo chính - pháp quy - củ thì có lẽ đâm vào nhau hết. Ở giữa có người
lính phát ra những hiệu - lệnh cho đi. Xe người nào giữ bổn-phận người đó và thứ-tự mà đi thì tháng này đến năm khác cũng không thấy có tai-nạn ở những ngã tư đường đông-đảo. Đó là một ví-dụ trong khuôn-khổ thường-tình cho rõ những cái khó-khăn hơn nữa vậy.

Tiết Tiết 10. 六四：翩翩不富以其鄰不戒以孚。

D. A. Lục-tứ : Phiên phiên bất phú, dĩ kỳ lân bất giới dĩ phu.

Dịch-nghĩa: D. N. Hào Lục-tứ : Hớn-hở chẳng giàu lấy láng-giềng chẳng răn để mà tin.

B.N.C.H. Đã quá chỗ giữa là Thái đã cực cho nên ba hào âm hớn - hở mà xuống dưới trở lại chẳng đợi giầu mà loại của nó theo nó, chẳng đợi răn - bảo mà tin. Lời chiêm ấy là có bọn tiểu-nhân hợp giao với, giao để làm hại chính Đạo người Quân - tử phải nên khuyên-răn vậy. Âm hư, dương thực cho nên phàm nói « chẳng giầu » ấy đều là hào âm.

LỜI-BÀN : Hào Tứ là hào âm ở ngôi âm, ngôi dưới của quẻ trên ; ở dưới từ hào Sơ

đến hào 3 nói về cái thể của dương khi gần âm, đến đây là mới bắt đầu có âm. Hào này nói cái âm đầu tiên khi gần dương thì thấy lòng mình hớn-hở.

Chữ « Phiên Phiên » nghĩa là hớn-hở một mình trong người lâng lâng sung-sướng thiêng-liêng. Hào Sơ - cửu là dương cứng ứng với hào Tứ, tuy âm dương ứng nhau nhưng chưa có chỗ tuyệt-đối, đây là âm mới lâng lâng hớn-hở sung-sướng mà trên còn hai hào cũng là âm nữa. Ở đây cái âm sơ đầu thấy dương bốc lên thì muốn hạ xuống mà dung-hòa cùng với dương cho nên sự súc-động đó làm cho cả loại nó cùng đồng-trí mà súc-động với nó và để chìm xuống với dương.

Cho nên nói « chẳng giầu lấy được láng-giềng ».

Chẳng giầu là cái thời của hào âm. Tượng Âm là hư là rỗng không, cho nên nói chẳng giầu.

Láng-giềng là đồng-loại với nó vì lúc nó hớn - hở để xuống với dương và dương bốc lên với nó, thì đồng-loại với nó đều theo nó và hưởng-ứng. Cùng ý muốn xuống thì cùng với nhau lặng-lẽ theo nhau và không có cần dặn bảo mà tự có lòng tin nhau, vì lúc bị dương hút xuống thì âm lặng-lẽ
xuống và Âm tượng sự an-tĩnh, không động như dương cho nên nói « chẳng răn bảo » « lấy được lòng tin » nhau vì cùng nhau đi xuống.

Ôi ! cái huyền - bí của âm dương giao-hợp đó là một lẽ thường theo luật Tạo - hóa, nhưng đó lại là một lẽ huyền-bí vô-cùng nếu ta để tâm đến vậy.

Dưới quẻ Thái là quẻ Kiền, hào hai quẻ Kiền là hào chính của quẻ Kiền, hào ba là lúc quá đạo chính-trung thì nói cái dương hầu tàn mà qua với cái âm ở hào tư, cái âm mới nhóm mà đã lâng lâng hớn-hở gọi cả láng-giềng theo một lòng thành-thực tin cẩn. Nhưng âm đây mới là lúc sơ-khai, để dung-hòa với dương, cho nên mới lâng-lâng hớn-hở.

Tiết Tiết 11. 象曰：翩翩不富皆失實也。不戒以孚中心願也。

D.A. Tượng viết : Phiên phiên bất phú, giai thất thực dã. Bất giới dĩ phu trung tâm nguyện dã.

Dịch-nghĩa: D. N. Lời Tượng nói rằng : Hớn-hở chẳng giàu đều mất sự thật vậy, chẳng dăn để tin trong tâm nguyện vậy.

Ngự-án : Lấy Thoán - truyện trên dưới giao nhau mà xem thì hào 4, 5 chính-đáng là ngôi Vua và Tướng.

B.N.C.H. Âm vốn ở dưới mà lại ở trên là mất cái thực.

LỜI-BÀN : Cái khí âm là khí lạnh ở dưới nhưng muốn ở xuống dưới thì phải có cái nguyên-gốc ở trên, đây là cái nguyên-gốc Khôn ở trên là vô-hình. tức là hư, không phải là thực-trạng, cho nên nói là chẳng giầu nghĩa là rỗng không có ý gì, mới nói không có sự thực, là nói khi các nguyên-gốc ở trên nhưng cái Tính của nó xuống dưới, cho nên « chẳng răn để tin » là tự nó biết cái tính của nó mà Tạo - hóa đã an-bày, vì lòng nó muốn thế vì cái tính - thể nó như vậy.

Tiết Tiết 12 六五：帝乙歸妹以祉元吉。

D. A. Lục-ngũ : Đế Ất qui-muội dĩ chỉ nguyên cát.

Dịch-nghĩa: D. N. Hào Lục-ngũ : Vua Ất gả em gái có phúc, nguyên-vẹn tốt.

B.N.C.H. Lấy hào âm ở ngôi tôn-quí là chủ quẻ Thái, ở trong mềm-mỏng rỗng không, ở dưới ứng với hào cửu-nhị, ấy là đạo tốt, mà là lúc Vua Đế-Ất gả chồng cho em gái cũng thường xem được hào này. Người chiêm được như thế thì có phúc mà nguyên tốt vậy. Phàm trong sách hễ lấy cổ-nhân ra nói : như Cao-Tôn Cơ-Tử vân vân đều theo lệ đó.

LỜI-BÀN. Hào lục-ngũ là hào âm ở giữa quẻ trên, tức là ngôi 5 là ngôi chủ quẻ Thái hưởng ứng với ngôi hai có dương ứng. Ngôi trên âm mềm hưởng ứng dung-hòa với hào hai dương cứng vì vậy mới nói là Vua Ất gả chồng cho em gái.

Đế-Ất (1) nghĩa là ông Vua Ất ở đây Châu-Công lấy như vậy có ý nghĩa lắm, sao không gọi Vua Giáp, Vua Trụ mà gọi Vua Ất ? là vì theo thập can Giáp là dương mà Ất là Âm cho nên hào lục-ngũ ở đây là Vua mà lại là Âm.

Một khi làm ra lời từ sách Dịch Thánh-nhân muốn cho rõ cái lý-thuyết sâu-xa, một câu một chữ trong Dịch bao-hàm bao nhiêu ý-nghĩa mà sự gả cưới
em gái của một ông Vua đối với Vũ-trụ thì không có nghĩa. Cho nên gọi Đế-Ất là để tượng hào lục-ngũ vì hào này là chủ quẻ Thái phải tượng là một ông Vua mà tên có tính-cách đàn-bà, là âm.

Hào này trong quẻ Thái có nghĩa chiều thuận an-thái, vui-vẻ, cho nên tượng sự gả cưới em gái Vua Ất, vì ngôi âm ở ngôi này tuy là người tôn-quí nhưng cũng đi dung-hòa với hào cửu-nhị có dương ở dưới nên mới tượng như vậy.

Nói gả chồng cho em một ông Vua tuy là vị cao-quí nhưng theo đạo Trời-đất thì âm thuận theo, phải đi xuống theo dương mới đúng với luật của Tạo-hóa.

Nếu theo luật Trời thì thuận với Trời sẽ có phúc lành tốt ! Nguyên cát là sự tốt nguyên-vẹn hoàn-toàn. Tuy là Công-chúa lúc đó lấy chồng cũng là cái âm thuận theo dương, Công-chúa hay thứ-dân là

[1] *Đế-Ất là Vua hồi Thương mạt bên Trung-hoa*

loại âm mềm thì âm phải theo dương mới có sự an-thái Thiên-hạ mới thái-bình nếu âm theo đạo dương, dương thành âm mềm thì sẽ có sự hỗn-độn loạn-ly.

Tiết Tiết 13. 象曰：以祉。元吉中以行願也。

D.A. Tượng viết : Dĩ chỉ, nguyên cát trung dĩ hành nguyện dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Để có phúc nguyên tốt, đúng giữa để theo ý-nguyện vậy.

Truyện : Hào Lục-ngũ lấy âm mềm ở ngôi tôn-quí, dưới có hào Cửu-nhị ứng với, là người Hiền cứng-rắn, hay được Nhiệm-vụ đặc-biệt mà bày-tôi hiền-thuận theo, như sự gả em gái của Đế-Ất. Nhưng từ ngôi tôn-quí xuống mà thuận theo hào dương, thế là được Phúc và Nguyên-Cát, nghĩa là trị thời Thái thành-công vậy.

LỜI-BÀN : Thuận theo Trời như trên đã nói là nguyên ở cái lý trên là hào âm ở giữa quẻ trên, ở ngôi tôn-quí, mà dưới là hào dương ở giữa quẻ dưới, ở ngôi trong Thiên-hạ. Ở ngôi trên mà theo ngôi dưới vì âm phải theo dương là tính âm phải thuận theo, như vậy là theo đúng luật của Trời thì đã có phúc lại được rất tốt, mà sự thi-hành của các âm là rất đúng theo ý-nguyện của nó vậy. Khi âm dương đã được vào con đường giữa mà dung-hòa với nhau thì âm dương mới có khí thái-hòa mà âm phải chiều theo dương, dưới quyền dương, một người em Vua cũng như một người đàn-bà nào khác, phải theo dương, thì khi đã dung-hòa trung-chính thì cái Hạnh-phúc rất tốt lành, hóa cho nên cái danh-từ để gọi các giai-cấp ở đời tuy khác nhau nhưng theo đạo-luật của âm dương thì muôn vật đều như nhau theo cái khí thái-hòa của Trời-đất. Cho nên có thể nói là cái luật của Trời-đất là duy nhất vậy.

Tiết Tiết 14. 上六：城復于隍勿用師自邑告命。貞吝。

D.A. Thượng-lục : thành phục vu-hoàng, vật dụng sư, tự ấp cáo mệnh, trinh lẫn.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Thượng-lục : Thành trở lại hào, chớ dùng binh, tự ấp bảo mệnh, trinh-bền, thẹn-tiếc.

Truyện : Đào hào lấy đất tích lại làm thành, thành-lũy như trị đạo Thái tích lũy lại làm thành. Đến
lúc trót cuộc Thái, có sự tương phản ở cuộc Bĩ như thành làm bằng đất là loại di đi được, trở lại thành hào, không dùng binh trong lúc trót cuộc Thái. Bắt đầu có thể là cái tình trên dưới không thông nhau
.

Họ Dương nói rằng : Kiền Khôn là sự mở đóng của Đời ru ! Chuân Mông là cái đời Hỗn-mang ru ! Nhu là cái đời nuôi-nấng, buộc giây ru ! Tụng Sư là cái đời Phản-Tuyền, Trắc-Lộc ru ! (1) (Tiểu) Súc Lý là đời đại-pháp có sách vở giấy tờ ru ! Thái là đời Nghiêu Thuấn Ưng Hi ru ! Từ đây đến sau Thái mà Bĩ, Bĩ mà Thái, Trị thì ít Loạn thì nhiều, thời Thái có thể trở lại thay ! cho nên nói Thái là cái thời cực Trị ở đời Thượng-Cổ.

Họ Phùng nói rằng : Từ Kiền Khôn về sau bắt đầu người trải qua Đạo kinh-lịch sáu thời hiểm, Chuân, Mông, Nhu, Tụng, Sư, Tỷ, hiểm-trở làm thường, trong có chỗ nuôi, ngoài có chỗ đi, rồi sau đến cuộc Thái. Sau Thái kế Bĩ lấy sự biết cái khó trị mà dễ loạn.

Họ Khưu nói rằng : Quẻ Thái trong 3 hào dương thuộc Thái ngoài 3 hào âm thuộc Bĩ,

[1] *Đời Hoàng-Đế đánh nhau với Si-Vưu ở Trắc-Lộc, có Phong-Hậu làm Tướng dẹp được.*

« bao hoang » thì Đại-thần có công với cuộc Thái. « Gả em gái » (Qui-Muội) thì Nhân-quân bảo-trợ việc Thái. Cái thành trở làm hào thì cuộc Thái chuyển thành Bĩ vậy. Thiên-hạ có thường thời Thái ru !

LỜI-BÀN : Hào Thượng-cửu là hào trên cùng của quẻ Thái là lúc tột-cùng của thời Thái. Thái cực thì Bĩ sinh là lẽ thường-tình của Trời-đất. « Thành » là cái tường cao đắp chung quanh để giữ sự hỗn-loạn xâm-lăng, tức là tỏ sự yên-ổn an-thái, phần nhiều ngày xưa chung quanh thành có đào hào lấy đất lên đắp thành, có hào có thành thì trong thành được yên-thái ; nhưng đây là lúc cùng-cực của cuộc Thái cho nên mới nói : « Thành trở lại hào » là khi thành đổ thì đất lại về hào và lấp hào vậy. Thành đổ thì có sự xâm-lăng hỗn-độn, mà lại răn « chớ dùng binh » thấy sự Bĩ đến mà lại chớ dùng binh là vì một khi thành đổ, tức là vận đã Bĩ thì cho rằng có dùng binh để chống-cự lại cũng không được ổn lại có khi nguy-hiểm thêm nữa, như « dậu đổ bìm leo ». Quân-lính có khi thấy sự Bĩ của mình mà không những không giúp mình lại phản mình nữa.

« Tự ấp bảo mệnh ». Ấp như hàng xóm mình, là những người thân kẻ thuộc, cho nên có tuyên cáo mệnh-lệnh với người chung - quanh thân-cận với mình thì may mới khỏi nguy - hiểm, nhưng tuy với sự chính-đính bền-bỉ thì cũng thẹn-tiếc. Cũng như khí dương lúc mới gặp âm thì cứng mạnh, lúc Thái rồi thì Bĩ, dương cực lại thành âm, lúc đó không còn dùng binh gì được vì hết oai-quyền, ủ-dũ trở về chốn cũ mà truyền bảo mệnh mình thường để tự-trị mình mà có chính-bền thì cũng thẹn-tiếc vậy.

Tiết Tiết 15. 象曰 : 城復于隍。其命亂也。

D.A. Tượng viết : Thành phục vu hoàng, kỳ Mệnh loạn dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Thành trở lại hào, Mệnh nó loạn vậy.

B.N.C.H. Mệnh loạn cho nên trở lại cuộc Bĩ. « Cáo Mệnh » là sở-dĩ để tự-trị vậy.

LỜI-BÀN : Thái đã cực, Bĩ đã đến thì cũng như thành trở lại hào như « ở biển vào ngòi » .

Sự oai-nghi thẳng-tiến trở về chỗ yếu-mềm ủ-dũ đó là sự biến - đổi của Trời - đất, nên sau khi lúc an-thái, thì có sự hối-tiếc, ở giữa cuộc Thái và Bĩ. Trong lúc hối-tiếc thì thân mình bị loạn, hóa cho nên mới « trở về chốn cũ thân - thiết để tự trị lấy mình đó là : tự ấp bảo mệnh vậy.

Tóm-tắt : Quẻ Thái nhỏ đi, lớn lại, tốt lành hanh-thông.

Hào Sơ-cửu : Nhổ cụm rễ cỏ Tranh, lấy cả loại, đi đánh tốt.

Cửu-nhị : Bao-dung sự hoang-vu rậm-rạp, dùng sự lội qua sông tay không, không quên sự xa-sôi mất bạn, được yêu-chuộng đi vào giữa.

Cửu-tam : Không bằng-phẳng, không lồi-lõm, không đi chẳng lại, gian-nan chính-bền không lỗi. Chớ lo đức tin ấy, ở nơi ăn-uống có phúc.

Lục-tứ : Hớn - hở chẳng giàu lấy láng-giềng, chẳng răn để mà tin.

Lục-ngũ : Vua Ất gả em gái, có phúc, nguyên tốt.

Thượng-lục : Thành trở lại hào, chớ dùng binh, tự ấp bảo mệnh, trinh-bền thẹn-tiếc.

THÁI QUÁI TỔNG-LUẬN

Âm dương giao-kết đúng lý, nhỏ đi, lớn lại, trong thực ngoài hư, trong Quân - tử ngoài Tiểu-nhân, trong sáng ngoài tối là cuộc Thái. Xem lời Thoán-Tượng chỉ nói có đức Hanh mà không nói đến đức Nguyên Trinh Lợi. Trong cuộc Thái đức Hanh-thông là cần-thiết nhất, đến hào Lục-ngũ thì nói đến đức Nguyên thì tốt và hào Thượng-lục nói đức Trinh, thẹn-tiếc. Tuy trong cuộc Thái nhưng cũng tùy thời-gian luân - chuyển trong 6 hào mà lời chiếm và tượng khác nhau. Trong 3 hào nội-quái nói đến đức tài thể hào để đi đến cuộc Thái. Hào Lục-ngũ là đến cùng-cực cuộc Thái, nhưng Thái - cực ắt Bĩ sinh cho nên Vua Ất gả em gái mà lại nói Nguyên Tốt. Hào Thượng-lục là lúc sắp biến, Thái ắt sẽ biến ra Bĩ nên nói Thành trở lại Hào trinh - bền thẹn-tiếc.

Tất cả muôn sự vật trong đời, từ lúc mới thành cái nhân để tự di - dưỡng mà lên thành sự
vật, vật nào cũng phải qua nhiều trạng thái gay-go. từ vật-chất đến tâm - linh, từ thân mình đến gia-đình, từ quốc-gia đến Thiên-hạ tất cả các sự - vật cũng đều theo một luật - định của Thiên - lý, đều phải trải qua những lúc gay-go khó-khăn, nào bao sự hỉ-nộ ai-lạc dồn-dập trong chuỗi thời - gian cứ lẳng-lặng trôi đi, ai ai cũng phải qua một trạng-thái hanh-thái đẹp-đẽ tức là cuộc Thái vậy.

Lấy một tấm thân ta ra xét trong một ngày lúc nào ta được thư-thái vui-vẻ nhất, phải chăng là lúc trước khi nghỉ-ngơi, và sau khi những giờ làm việc gay - go để tranh - đấu ta với ta, ta với người quanh ta và người trong Thiên-hạ, để làm sáng rõ cái ta và giữ vững cái ý - nguyện của ta trên lập-trường của Thiên-lý. Một gia - đình cảm thấy chỗ thư-thái sung - sướng ắt phải là một nhà đã được tề. Một nước được hanh - thái tức là một nước được Trị, trên ra trên dưới ra dưới, trên dưới hưởng-ứng với nhau, trăm họ vui-vẻ, thì dân trù nước thịnh mà Thiên - hạ thái - bình. Cuộc Thái là cuộc hanh-thái sau cuộc Bĩ cực, có nằm gai nếm mật rồi mới biết hưởng cái phút êm - dịu của cuộc Thái-bình.

Cuộc Thái là cuộc của Đạo Quân-tử lớn lên, nhưng người Quân - tử

đang ở cuộc Thái thì lo
đến Bĩ, đang ở nơi Trị lại lo đến Loạn, ở chỗ còn lại lo đến chỗ mất, cho nên đã theo được Thiên - Đạo, rõ được sự Minh Dịch để dìu - dắt Thiên-hạ thì người Quân-tử tuy trong cuộc hanh-thái mà cũng vẫn chăm chăm lo đến cuộc Bĩ sẽ đến nơi, cũng như đang ở cuộc Bĩ thì thân-thế ẩn đi để làm cho cái Đạo vẫn được hanh-thông.

Thánh - nhân lập ra Dịch, lập ra từng quẻ diễn giải từng cuộc đổi-thay trong đời Người cũng như các sự vật, cho nên xét về khí - hóa âm dương, tiêu-trưởng lên xuống, từng quẻ trong hay ngoài, từng ngôi vị trên hay dưới, theo thời-gian từng cuộc mà phát-động dậy cho ta biết rõ từng hào ly cũng không sai thác. Sự việc của đời từ cái nhỏ bé như đơn - tử đến cả cái Đại Vũ - trụ hình như không tưởng cũng không thể sai vẹo một mảy-may. Tất cả đều phải xê-dịch biến - đổi theo thời-gian. Lấy đề-án ấy làm căn-bản cho nên tính việc trước biết việc sau người Quân - tử đã Minh Dịch thì tuy trong thời Thái cũng như trong thời
Bĩ lúc nào cũng giữ đạo Trung cho chính-đính, không có sự tư-riêng chếch-lệch, cái thân-xác thì hòa với Thiên-hạ, mà cái Trí hòa với Thiên-lý rồi vậy. Xét trong quẻ Thái 3 hào dưới là lúc tiến vào cuộc thái. Ba hào trên là lúc Thái cực Bĩ lai. Thánh-nhân làm ra Dịch để dậy người biết phân-biện mà dự-phòng, học-vấn cho thông-suốt Dịch-lý để Minh-dịch, tiến lui cho đúng cách, để thành người Quân-tử thật rõ-ràng lắm vậy.

否 THIÊN - ĐỊA BĨ - 12

Kiền trên ☰
Khôn dưới ☷

BĨ **1** **8**

Thái cực thì Bĩ lai chuyện đời đầy vơi là như thế, có đầu thì có đuôi, có trên thì có dưới, theo luật có âm thì có dương, dương cực sinh

âm, âm cực sinh dương, cho nên sau quẻ Thái có quẻ Bĩ hanh-thông lắm thì cũng đến chỗ cùng-tột rồi hóa ra bế-tắc. Như quẻ Thái theo khí-luận thì khí âm và dương giao nhau, dung-hòa nhau được cho nên gọi là Thái. Quẻ Bĩ thì có quẻ Kiền ở trên, quẻ Khôn ở dưới. Ta mới nhìn thấy cái vị-trí của hai quẻ có vẻ là thuận như lấy tượng hình thì Trời ở trên, Đất ở dưới thì đúng lắm. Nhưng luận về khí-hóa khí dương ở Kiền có tính-cách bốc lên và khí âm ở Khôn thì lắng xuống dưới. Theo Khoa-học về khí-hóa cũng đều nói như vậy. Hóa cho nên quẻ này nếu lấy theo vị-trí của nó và theo đường khí-hóa của mỗi quẻ ta thấy hai khí âm dương mỗi khí đi một ngả không bao giờ gặp nhau nếu không gặp nhau thì làm thế nào mà dung-hòa giao-hợp với nhau được nên gọi là Bĩ ; theo
hình quẻ thì thấy khí dương bốc lên và khí âm đi xuống dưới như vậy thì không bao giờ hai khí có thể gặp nhau được tức là không thể giao với nhau được cho nên gọi là Bĩ.

Tiết Tiết 1. 否之匪人，不利君子貞大往小來。

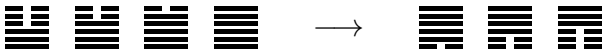
D.A. Bĩ chi phỉ nhân, bất lợi Quân-tử trinh, đại vãng tiểu lai.

Dịch-nghĩa: D.N. Bĩ ấy chẳng phải người, chẳng lợi cho người Quân-tử chính-bền, nhớn đi nhỏ lại.

B.N.C.H. Bĩ là bế-tắc, là quẻ tháng 7, chính là trái nhau với quẻ Thái cho nên nói là «Phỉ nhân» nghĩa là không phải đạo người; lời chiêm của nó không lợi về chính-đạo của người Quân-tử, vì quẻ Kiền đi ở ngoài, quẻ Khôn đến ở trong, lại tự quẻ Tiềm mà đến thì hào cửu đi ở ngôi 4, hào lục đến ở ngôi 3, hoặc có người ngờ 3 chữ «chi phỉ nhân» do lúc diễn thành văn nhầm với hào lục-tam quẻ Tỷ. Tượng-truyện không giải riêng cái ý của nó cũng có thể thấy vậy.

LỜI-BÀN : Trên đã giảng quẻ Thái là tháng giêng tức là :

dương cực sinh âm

tháng giêng  1 2 3 4 5 6 7

đó là quẻ Bĩ là tháng 7. Theo 4 mùa thì tháng 7 là mùa thu là mùa cây cỏ ủ-rũ, buồn-bã sắp sửa sang đông, biết bao nhiêu thi-sĩ Á-Đông và Âu-Tây tả cái buồn man-mác của mùa thu. Cho nên Thánh-nhân tượng bắt đầu thu là cuộc Bĩ của muôn vật vậy.

Quẻ Tiềm. Quẻ Bĩ

 Tốn Cấn 

{ Hào cửu ở ngôi 4 thì Kiền hóa Tốn hào lục đến ở ngôi 3 thì Cấn hóa Khôn

Khí nóng ở trên, khí lạnh ở dưới hai khí không thể nào gặp nhau được để hòa-hợp nhau; một khi âm dương không hòa nhau thì muôn loài không sanh nở, nếu cứ như thế mãi thì sẽ bị tiêu-diệt hết cả. Người ta sống theo ảnh-hưởng của âm dương nếu âm dương bế-tắc thì sự hóa-dục phải tiêu cho nên cái khí đi ngược như vậy thì đến cái thân-xác người cũng không còn nữa là cái đạo người, cho nên mới nói là «chẳng phải người».

Âm dương trái ngược, cứng mềm không giao nhau nóng lạnh không hòa nhau như vậy là trái với
đạo người Quân-tử, một khi đã trái lòng thì đâu có chuyện lợi mà nói lợi, sự trái lòng còn bền-bỉ thì sự hại còn nhiều nên nói là chẳng lợi.

Nhớn đi nhỏ lại. Đã nói Kiền dương ở ngoài, Khôn âm ở trong dương đi ra ngoài, tức là sự lớn sáng ra ngoài mà cái nhỏ bé tối-tăm ở trong. Khi một người trong cơn bĩ-cực thì cái tài-năng mình có thi thố ra cũng chỉ cho người hưởng và còn những tai bay vạ gió ở đâu lại kéo

đến cho mình.

Đến các bậc anh-hùng cái-thế cũng khoanh tay nuốt hận. Như Khương-Tử đi buôn bột, đã hết vốn lại bị đòn; cũng như trong một nhà, một nước lúc bĩ thì kinh-tế bế-tắc, chưa hết cái nạn nội-loạn đã phải lo đến cái nạn ngoại-xâm.

Đây là lấy Thể quẻ để đặt tên quẻ vậy,

Tiết Tiết 2. 彖曰：否之匪人，不利君子貞。大往小來，則是天地不交，而萬物不通也。上下不交而天下无邦也。內陰而外陽，內柔而外剛，內

小人而外君子，小人道長。君子道消也。

D.A. Thoán viết : Bĩ chi phỉ nhân, bất lợi Quân-tử trinh, đại vãng tiểu lai, tắc thị Thiên Địa bất giao nhi vạn-vật bất thông dã. Thượng hạ bất giao nhi Thiên-hạ vô bang dã. Nội âm nhi ngoại dương, nội nhu nhi ngoại cương, nội Tiểu-nhân nhi ngoại Quân-tử, Tiểu nhân đạo trường, Quân-tử đạo tiêu dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Thoán nói rằng : Bĩ, chẳng phải người, chẳng lợi cho sự chính-bền của người Quân-tử, lớn đi nhỏ lại, là Trời-đất không giao nhau mà muôn vật không thông vậy. Trên dưới không giao nhau mà Thiên-hạ không thành nước vậy. Trong âm mà ngoài dương, trong mềm mà ngoài cứng, trong Tiểu-nhân mà ngoài Quân-tử, đạo của Tiểu-nhân lớn lên, đạo của Quân-tử tiêu đi vậy.

Họ Lý nói rằng : Trời và người có cái lý tương thắng với nhau (xiết chặt), Trị Loạn có vận thì có thể thay-đổi được, chỉ khác là ở người biết chế-ngự, như thế là người làm ra Dịch cốt là luận đến cùng-cực sự tiêu-trưởng ở trong cái chẵn lẻ của hào.

LỜI-BÀN: Ở vào lúc chẳng phải đạo người cho nên đạo của người Quân-tử không có lợi, tuy trong lúc Bĩ người Quân-tử cũng đành bó gối mà nhìn theo thời-cuộc không thi-hành được đạo của mình, vì lúc đó là lúc thời âm đang thịnh; âm là cái đạo của kẻ Tiểu-nhân cho nên nói cái chính đạo của người Quân-tử không lợi vậy. Ở đây Thoán-truyện tả lúc Bĩ của Trời-đất.

1.- Lớn đi nhỏ lại. Trời-đất hai khí âm dương không giao nhau được thì vạn-vật không sanh-sản, không sanh mà chỉ có diệt không có sanh cho nên là Bĩ-tắc. Đã Bĩ-tắc thì không thông cho nên nói vạn-vật không thông nhau được.

2.- Trên dưới không giao nhau.- Xem hình quẻ thì thấy hai khí âm dương không giao nhau. Trong Thiên-hạ có trên phải có dưới, dưới theo trên trên hòa với dưới đó là thời thuận mà hanh-thông. Lúc

đã Bĩ, trên không nhường dưới, dưới không theo trên, ngược với lẽ thuận Thiên-hạ thành hỗn-loạn, cho nên mới nói Thiên-hạ không thành nước. Thiên-hạ thịnh trị thì nước mới thành, mới có tôn-ty trật-tự, dưới nghe trên mà trên có uy-quyền xuống dưới. Lúc Bĩ là lúc ngược với thời thái-bình thịnh-trị cho nên Thiên-hạ mới loạn-lạc, hiến-pháp mới rối-reng, kẻ nhỏ lên cầm quyền lớn, người lớn mai một ẩn danh ở ngoài, thế mới nói Thiên-hạ không thành nước vì lẽ ấy.

3.- 3 câu nầy là lấy thể quẻ để đặt tên quẻ vì quẻ Kiền dương cứng ở ngoài mà quẻ Khôn âm mềm ở trong.

4.- Đạo của kẻ tiểu-nhân lớn lên. Như trong một nước khi tụi Tiểu-nhân nổi lên được ở trong nội-các, quyền-chính trong tay thi-hành pháp-chế cho nên nói là lớn, trong lúc đó những vị Trung-thần anh minh phải chịu ra ngoài vì cưỡng-bách và vì trong thời Bĩ, sẽ bị dần dần tiêu-diệt đi hết cho nên nói là đạo người Quân-tử tiêu đi vậy.

Cũng như trong người ta một khi những tính xấu đã xâm chiếm tâm-hồn, lục-căn hợp nhau mà nổi lên, những tính tốt, trí cả đều phải xa ra ngoài mà để cho những con ma của lục-căn lục-tặc hoành-hành, cho nên cái tà đạo đối với người càng ngày càng lớn lên thì những ánh-sáng của Lương-tri càng ngày càng xa, lu mờ và tiêu-diệt đi vậy.

Tiết Tiết 3. 象曰：天地不交，否，君子以儉辟難。不可榮以祿。

D.A. Tượng viết : Thiên-địa bất giao, Bĩ, Quân-tử dĩ kiệm tị nạn, bất khả vinh dĩ lộc.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng: Trời-đất không giao nhau, là quẻ Bĩ, người Quân-tử dè-dặt lánh nạn, không thể lấy lộc làm vinh.

B.N.C.H. «Thu-liễm» cái Đức của nó không hiện ra ngoài để lánh cái nạn của kẻ Tiểu-nhân. Người ta không nên lấy lộc vị làm vinh-dự.

LỜI-BÀN: Âm dương không giao nhau là thời Bĩ. Đó là thời kẻ Tiểu-nhân được yên mà đắc trí. Người Quân-tử tượng của sự hanh-thái của Trời-đất, lúc nầy đã cùng-tột, vậy phải biết cách dè-dặt, để lánh cái nạn của kẻ Tiểu-nhân, đến việc thường như ăn-uống, lộc vị cũng nên dè-dặt, chớ lấy thế làm vinh mà mắc phải vạ nạn của tụi Tiểu-nhân vậy.

Như xưa kia đức «Jésus» cũng phải trải qua một thời-kỳ quỉ Sa-Tăng đắc thế, quanh-quẩn làm hại. Đức Phật Thích-Ca trong khi diệt dục cũng phải dè-dặt chống cự với lục tặc mà khuyên các Tỳ-khưu phải phá Vô-minh để hiểu cái Vô-thường. Một khi mà tụi Tiểu-nhân được thịnh thì nó có nhiều cách mơn-trớn hay-ho tốt-đẹp làm cho thân xác phải nao-núng và nghiêng-đổ về với nó. Hóa cho nên các bậc Thánh-nhân những lúc mà con «heo trong lòng» thức dậy đòi hỏi, nghĩ cách trả thù cái sức đè nén hằng ngày thì chỉ yên-lặng, dè-dặt, hỉ-xả mọi thứ, đến như lộc-vị cũng không để ý đến thì mới có thể tránh khỏi những cái tai-họa của tụi Tiểu-nhân định hại vậy.

Tiết Tiết 4. 初六：拔茅茹以其彙貞吉亨。

D.A. Sơ-lục : Bạt mao như, dĩ kỳ vựng, trinh cát hanh.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Sơ-lục : Nhổ cụm rễ cỏ tranh lấy cả loại nó đi chính-bền tốt hanh-thông.

B.N.C.H. Ba hào âm ở dưới là tượng lúc đương Bĩ kẻ Tiểu-nhân kéo bè tiến lên mà sự ác của hào đầu thì chưa hiện hình, cho nên răn «có

sự chính-bền ấy thì tốt mà hanh-thông» bởi vì thường được như thế thì biến mà thành người Quân-tử vậy.

LỜI-BÀN : Hào sơ-lục ở đây lấy tượng cũng như hào sơ-cửu quẻ Thái nhưng lời chiêm khác. Ở quẻ Thái thì nói : «Đi đánh thì tốt» quẻ Bĩ thì nói «chính - bền, tốt, hanh - thông». Ở đây 3 hào dưới là hào âm cả, mà vào lúc sơ đầu của lúc Bĩ cho nên sự khó-khăn ác hiểm chưa thi-hành được, cho nên nói : « Nhổ cả rễ cỏ tranh lấy cả loại » vì lúc bĩ tụi Tiểu-nhân đắc trí, nếu lấy một kẻ lên thì nó kéo cả bầy cả loại của nó cùng lên. Những sự hại của quẻ Bĩ, mà kẻ Tiểu-nhân còn non chưa có hại gì cho lắm, vì sự hại hãy còn ở dưới cho nên mới nói nếu được chính-đính, bền-bỉ mà cư xử thì lúc này còn mới có thể được tốt-lành, hanh-thông. Đây ý nói tật xấu mới nhiễm, ý ác chưa thành, lúc này còn có thể cải-hóa được.

Tiết Tiết 5. 象曰 : 拔茅貞吉。志在君也。

D.A. Tượng viết : Bạt mao trinh cát, trí tại Quân dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Nhổ cỏ tranh chính-bền tốt, trí ở Vua vậy.

B.N.C.H. Kẻ Tiểu-nhân biến thành Quân-tử thì chỉ lấy sự tưởng đến Vua mà không kể đến tư riêng vậy.

Truyện : Trong thời Bĩ bậc Quân-tử ở dưới thường cùng với người Quân-tử trinh-bền giữ tiết-độ thì tốt mà hanh-thông.

Ngự-án : Tiểu-nhân sợ không có cái lý Cát-Hanh trong lời từ nên Trình-truyện đúng vậy.

Họ Hạng nói rằng : Hào sơ-cửu quẻ Thái là người Quân-tử bắt đầu cùng loại tiến lên. Người Quân-tử khó tiến nên Thánh-nhân không nói tiến mà nói sự chinh-phạt (đi đánh). Hào Sơ-lục quẻ Bĩ, là kẻ Tiểu-nhân bắt đầu cùng loại tiến lên, Tiểu-nhân tiến để làm bậy nên Thánh-nhân răn như thế cốt để có đức Trinh-bền.

LỜI-BÀN : Nhổ cỏ tranh cũng còn có ý là, trong quẻ Bĩ hào đầu là lúc đầu của sự bĩ, thì những sự tai-hại mới nhóm lên như cỏ tranh cho nên tượng nhổ cỏ tranh là nhổ các cái nguy, cái hại mới nhóm lên một cách chính-đính, bền-bỉ thì kẻ tiểu-nhân, mới có tiểu-tâm, sẽ thành Quân-tử được. Cho nên mới nói là tốt-lành.

Trí ở Vua vậy : là trí theo về với Vua. Ở đây cái đạo tiểu-nhân có thể đổi thành đạo Quân-tử được và cái trí của nó sẽ triều về với Vua. Vì quẻ này có hào cửu-ngũ ở trên được trung-chính và hào sơ-lục là âm mềm cho nên mới nói trí nó ở Vua
để tả cái tính-cách, âm mềm, như đàn-bà trí để đến người ý-trung-nhân vậy.

Tiết Tiết 6. 六二 : 包承小人吉，大人否亨。

D.A. Lục-nhị : Bao thừa Tiểu-nhân cát, Đại-nhân bĩ, hanh.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Lục-nhị : Bao-dung sự thuận theo, Tiểu-nhân tốt, Đại-nhân bĩ, hanh-thông.

B.N.C.H. Cái âm mềm mà được trung-chính tức là cái tượng kẻ tiểu-nhân mà biết bao-dung, theo thuận người Quân-tử, đó là con đường tốt của kẻ tiểu-nhân, cho nên người chiêm nếu là kẻ tiểu-nhân như thế thì tốt, nếu là Đại-nhân thì nên yên giữ cảnh bĩ mà sau đạo mới

hanh-thông, vì bởi không nên lấy kẻ kia bao-dung, theo thuận mình mà tự làm mất sự giữ-gìn vậy.

LỜI-BÀN : Hào lục-nhị, hào âm ở ngôi âm được âm thịnh ở ngôi trung-chính. Cho nên tượng Bao là tính-cách của âm. Âm có tính bao-bọc, Thừa là theo thuận cũng là âm. Bao thừa đủ tả cái âm ở ngôi âm. Âm được ngôi trung-chính mà ở trong
quẻ Bĩ là quẻ đạo tiểu-nhân được thịnh cho nên ở hào này nói tiểu-nhân được tốt-lành. Lại được hào cửu-ngũ ở ngoài hưởng-ứng. Nếu Tiểu-nhân ở hào này được tốt thì bậc Đại-nhân ắt phải bĩ vậy ; vì rằng Đại-nhân với Tiểu-nhân thì như trắng với đen. Nên mới nói Đại-nhân chỉ ở cảnh bĩ, ở cảnh bĩ thì Đại-nhân phải tự giữ một cách chính-đính, bền-bỉ để qua được cơn đen vận túng, đâu có phải cầu xin uốn lưng khuất phục để kiếm sự bao-dung của kẻ khác.

Hanh-thông, đây là nói sự hưởng-ứng của hào lục-nhị với hào cửu-ngũ. Đã ở trong quẻ Bĩ mà nói sự hanh-thông là có cái nghĩa, gặp lúc Bĩ thì người Quân-tử phải tự giữ cho chính-bền, vì bĩ chỉ là một thời-gian, sau ắt đến cuộc Thái vậy thôi, cho nên nói là cái thời Bĩ đối với người Quân-tử chứ không đổi với cái đạo người Quân-tử. Cái đạo mặc dầu ở vào thời nào, lúc nào cũng hanh-thông. Lúc bĩ thì người Quân-tử ẩn-núp kinh-luân Đạo-đức, luyện tập văn-chương càng ngày càng dầy chắc, chữ hanh đây có một ý-nghĩa rất thâm trầm vậy. Lúc bĩ tuy vậy chỉ là bĩ theo một vài phương-diện thôi nhưng bên cái bĩ vẫn có sự hanh-thông để chờ thời Bĩ qua Thái lại. Nếu có một sự thật bĩ hoàn-toàn tuyệt-đối, thì cả Thiên-hạ và Vũ-trụ phải ngưng-trệ và muôn loài phải bị tiêu-diệt vậy.

Tiết Tiết 7. 象曰 : 大人否亨，不亂羣也。

D.A. Tượng viết : Đại-nhân Bĩ hanh, bất loạn quần dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Đại-nhân lúc bĩ hanh-thông, không loạn quần-chúng vậy.

Truyện. Trí ở chỗ bao-dung nuôi-nấng là kẻ thuận theo người trên, đó là cái Tốt của Tiểu-nhân.

Họ Trương nói rằng : Thời này bọn Tiểu-nhân đang lên cùng hưởng phước-khánh có thể gọi là Tiểu-nhân cát.

« Như Hán-Vương-Dương tại vị ban cho Hạng-võ mũ miện làm như thế ắt là dâng cả thân mình » .

Người Đại-nhân thì tự-thủ trong cuộc Bĩ, thân thì Bĩ mà Đạo hanh-thông vậy.

B.N.C.H. Ý nói không lẫn-lộn với đàn Tiểu-nhân.

LỜI-BÀN : Người Quân-tử trong khi Bĩ
vẫn giữ được Đạo chính-đính, tuy Bĩ mà không rối-loạn yên-tĩnh mà phân kẻ hèn, người xấu, cho nên mới không lẫn-lộn với bọn Tiểu-nhân. Vì lúc Bĩ thì Tiểu-nhân đắc trí, sung-sướng vẻ-vang, nếu người Quân-tử không chính-đính bền-bĩ thì sẽ bị những bả vinh hoa phú-quí cám dỗ mà theo với đàn Tiểu-nhân thì đạo mình sẽ phải bĩ. Cho nên mới nói người Đại-nhân bĩ mà hanh. Như vậy đấng Quân-tử bao giờ cũng bình-tĩnh, không rối-loạn mình và không làm rối-loạn quần-chúng để phân-biệt kẻ hay người dở để tránh tụi Tiểu-nhân đắc trí vậy.

Tiết Tiết 8. 六三 : 包羞。 象曰 : 包羞位不當也。

D.A. Lục-tam : Bao tu.

Tượng nói : Bao tu vị bất đáng dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Lục-tam : Bao-chứa sự hổ-thẹn :

Lời Tượng nói rằng : Bao-chứa sự hổ-thẹn, ngôi không đáng vậy.

B.N.C.H. Lấy hào âm ở ngôi dương mà không được ở giữa, chính là cái trí của kẻ Tiểu-nhân muốn hại người thiện mà chưa làm được, cho nên có
cái tượng bao-chứa sự hổ-thẹn, nhưng nó chưa phát ra cho nên không có lời răn hoặc đi về sự « hay » hay sự « lỗi ».

LỜI-BÀN : Hào lục-tam, hào âm ở ngôi dương không được chính-trung mà lại là hào ở trên quẻ dưới, trên hai hào âm, trên có hào cửu-tứ là dương, và hưởng-ứng với hào thượng-cửu. Cho nên có tính-cách muốn lên hợp với hào dương, âm tột cùng của 3 hào âm cho nên tượng nó là bao-chứa mà âm tột-cùng ở quẻ dưới thì có tượng sự thẹn-thùng. Có ý-nghĩa là cái âm tột-cùng mà ở dưới có vẻ có những ý-nghĩ đen-tối kém-cỏi, bần-tiện, để làm hại cái trí sáng-suốt, trong óc ở lúc bĩ hay có những chuyện ác để hại người nhưng chưa thi-hành được cho nên nói bao-chứa sự thẹn-thùng.

Hạng Tiểu-nhân lúc mới sơ-khai, còn có thể học-hỏi cải tà qui chính mà thành được bực Đại-nhân như ở « hào sơ-lục ».

Những kẻ Tiểu-nhân được ngôi chính-trung cũng còn có thể dắt đến con đường ngay thẳng được. Ta thường có câu : « phú-quý sinh lễ-nghĩa » là ám chỉ kẻ Tiểu-nhân đắc trí mới học theo lễ-nghĩa cho nên kẻ Tiểu-nhân được ở ngôi trung-chính còn
có thể noi theo đạo Quân-tử, vì thế hào lục-nhị nói : bao-dung sự thuận-theo vậy.

Đến đây là âm cực, quá ngôi giữa lên ngôi trên, cho nên cái âm không được chính-tzung, âm không được chính-trung thì sẽ có điều càn-bậy. Như vậy là bao-chứa ở trong sự hổ-thẹn. Hóa cho nên lời tượng ở sau lại nói nhắc lại cái ngôi không đúng như vậy mới hổ-thẹn.

Tiết Tiết 9. 九四 : 有命无咎 疇離祉 。

D.A. Cửu-tứ : Hữu Mệnh vô cứu, trù ly chỉ.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Cửu-tứ : Có Mệnh không lỗi, đồng-loại đều được phúc.

B.N.C.H. Lúc Bĩ đã quá giữa tức là đến lúc sắp vượt qua, hào cửu-tứ lấy dương cư ngôi âm, cái cứng của nó không cực tột, cho nên lời chiêm của nó là « có mạnh không lỗi mà đồng-loại là 3 hào dương đều được phúc. Chữ « Mệnh » « nghĩa là mệnh Trời » .

LỜI-BÀN : Hào cửu-tứ là hào dương ở ngôi âm là hào dưới của quẻ Kiền. Quẻ Kiền có 3
hào dương ở quẻ Bĩ lại ở trên. Dương ở quẻ Kiền ví như trên đã giảng những nguyên-tử làm căn-bản các muôn loài, ở quẻ này thì cái thể và khí của nguyên-tử còn ở trên vì vậy còn nguyên theo Mệnh của Trời nên không có lỗi; nó chưa xuống cõi đất để làm căn-bản muôn loài là vì đang lúc Bĩ sự hanh-thông chưa có. Cho nên còn giữ mệnh Trời bay bổng giang-hồ như những sao chổi mà không có lỗi và bao nhiêu nguyên-tử cũng như nó đều cùng như nó mà hưởng những phút tự-do tức là cái phút toàn-hảo của Trời ban cho. Ở hào này là ngôi nguyên-tử được ở gần Trời, sung-sướng hưởng phúc-lành và những nguyên-tử đồng-loại với nó cũng đồng được hưởng phúc-lành vậy.

Tiết Tiết 10. 象曰 : 有命无咎，志行也 。

D.A. Tượng viết : Hữu Mệnh vô cứu, trí hành dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Có Mệnh không lỗi, thi-hành cái trí vậy.

Truyện. Hào cửu-tứ có tài cứng-mạnh giúp cuộc Bĩ, ở nơi gần sự áp-bức, gần hào 5 là ngôi
Vua ghét người có cộng vì hiềm-kỵ. Nếu thường động ắt ra ngoài lệnh Vua, lấy oai-quyền một mực để phụ giúp người trên thì không lỗi, mà cái trí của nó có thể hành để giúp thời Bĩ, theo đồng-loại mà hưởng phúc-trạch.

Họ Dương nói rằng : Đời Đông-Hán suy, kẻ hèn may được quyền-hành, trong Tiểu-nhân ngoài Quân-tử đến đó là Bĩ cùng-cực vậy.

Đậu-Vũ, Hà-Tiến (đời Hán-Linh Đế), dựa vào sự thân-thích của người Cậu Vua trước, chiêu tập Danh-nho, đức rộng trong Thiên-hạ cùng khởi lên để mưu-đồ đại-sự. Nhưng Vua không ra lệnh nên dưới không ứng, sau cả loại đều bị hãm trong hiểm-họa.

LỜI-BÀN : Khi nguyên-tử còn ở gần Trời theo mệnh Trời chưa phải đi làm căn-nguyên muôn vật xuống cõi đất, thì nó chưa phải chịu những bĩ-cực tự ý tha hồ vùng-vẫy giang-hồ thỏa-thích như những ngôi sao chổi bay vụt trên không-trung từ cõi này sang cõi khác, cho nên mới nói như thế là lúc nó thi-hành được thỏa-mãn cái trí nó vậy.

Cũng như một vị Đại-thần, bậc đồng-lương trong nước, gần Vua mà Vua trong thời Bĩ tất nhiên Vua sẽ giao mệnh-lệnh cho Đại-thần.

Đại-thần ở đây cũng là bậc dương minh sáng-suốt, dưới có hào Sơ-lục hưởng-ứng tức là kẻ-sĩ, là hạng Quân-tử ẩn-núp vì đây là quẻ Bĩ trên lại gần Vua ở hào Cửu-ngũ được chính-trung trên ngôi báu, cho nên trong lúc nước bĩ Vua giao cho mệnh-lệnh và uy-quyền thì Đại-thần hết sức với đồng-loại của nó mà chăm lo việc nước cho khỏi cơn bĩ, hóa nên một khi được Vua cho mệnh thì nó có thể thi-hành cái trí ý của nó được, nghĩ cách qua lúc Bĩ như vậy thì không những

nó được hưởng phúc mà đồng-loại nó đều cũng được bám vào mà hưởng-phúc nước lộc Vua.

Tiết Tiết 11. 九五：休否，大人吉。其亡其亡繫于苞桑。

D.A. Cửu-ngũ : Hưu Bĩ Đại-nhân cát, kỳ vong ! Kỳ vong ! Hệ vu bao tang.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Cửu-ngũ : Thời Bĩ nghỉ Đại-nhân tốt. Ấy mất! Ấy mất! buộc vào khóm dâu.

B.N.C.H. Hào dương cương trung-chính, ở ngôi tôn-quí có thể làm nghỉ thời Bĩ ấy là việc của
đấng Đại-nhân cho nên lời chiêm của hào này, đấng Đại-nhân gặp được thì tốt, lại nên răn sợ như Hệ-từ-truyện đã nói vậy.

LỜI-BÀN : Hào Cửu-ngũ, hào dương cứng được trung-chính ở ngôi tôn-quí quẻ Kiền, như một Minh-quân sáng-láng ở trên cả Thiên-hạ, ở dưới có hào Lục-nhị được trung-chính ở giữa quẻ Khôn hưởng-ứng. Dương ở giữa Kiền, âm ở giữa Khôn hưởng-ứng nhau, thật là xứng-đáng, dương mạnh hòa với âm mạnh thì sẽ có ánh-sáng mạnh chiếu cho lúc Bĩ. Như vậy có thể ngưng được và làm hết được thời Bĩ, nhưng ở đây là hào 5, cuộc Bĩ chưa hết, mà sự làm hết Bĩ đó là công-việc của đấng Đại-nhân, lúc nào cũng chăm-lo cho Thiên-hạ an-thái nên nói là tốt-lành.

Nhưng cuộc Bĩ chưa hết, cái công làm nghỉ, làm hết sự Bĩ chỉ sợ mất cho nên mới nói : ấy mất ! ấy mất ! để nhắc-nhở luôn luôn cho để ý đến sự Bĩ bị ngưng-tắc vì công-việc của đấng Đại-nhân.

Buộc vào khóm dâu. Khóm dâu là tượng nhiều cây dâu, buộc vào nhiều cây dâu cho nó chắc, cây dâu đây là tượng hào dương quẻ

Kiền, quẻ Kiền có 3 hào dương nên nói khóm dâu tượng nhiều cây dâu. Nên sự làm tắt được cuộc Bĩ trong
lúc còn Bĩ thật là mỏng-manh.

Vậy phải buộc vào, mỗi người lo một ít để cùng duy-trì sự Bĩ nghỉ ấy mãi để đến thời Thái.

Đây hào Cửu-ngũ tượng là Đại-nhân, hào trên và hào dưới cũng là dương cứng cả, cho nên mới nói buộc vào khóm dâu vậy.

Tiết Tiết 12. 象曰：大人而吉，位正當也。

D.A. Tượng viết : Đại-nhân nhi cát, vị chính-đáng dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Đấng Đại-nhân mà tốt, ngôi chính-đáng vậy.

Truyện : Hào 5 lấy đức dương cứng trung-chính ở tôn vị, nên thường nghỉ-ngơi trong cuộc Bĩ của Thiên-hạ đó là sự tốt-lành của người Lớn. Bĩ sắp phản thành Thái, không thể ngồi yên buông trôi thời-cuộc, nên nghĩ xâu, răn xa, thường lo-âu sự trở lại cuộc Bĩ rằng : Mất nó vậy ! Mất nó vậy !

Hệ-từ nói rằng : Người Quân-tử An mà không quên Nguy, Còn mà không quên Mất, Trị
mà không quên Loạn, thế là thân yên mà quốc-gia có thể bảo-tồn được.

Là Đạo vẫn yên như sự kết-hợp của cỏ Bao dâu (rễ cây dâu ăn xâu bền chặt, có cỏ Bao mọc lên bám rất chắc).

Chu-Tử nói rằng : Lấy tượng cỏ Bao cây dâu bám chặt để răn-giới cái tâm sợ-sệt.

Sự răn-giới của Thánh-nhân thật là xâu-xa. Đời Hán có Vương-Doãn, đời Đường có Lý-đức-Dụ không biết lời răn trên đây nên đến chỗ họa-bại (Vương-Doãn giết Đồng-Trác, bộ-tướng của Trác là Lý-Giác, Quách-Dĩ đến không cứu được, bèn khởi-loạn ở Sơn-đông, cử binh vào Tràng-an giết Doãn. Lý-đức-Dụ là Tướng đã xếp đặt trước mà không thoát, cầu đến Lý-tôn-Mân cũng bị thất-bại vậy).

Họ Trương nói rằng : Hán-quang-Vũ từ khi đã bình được đất Lũng, Thục rồi, không bao giờ bỏ lời răn về «Cỏ bao gốc dâu».

Họ Hùng nói rằng : Thời Thái thường đến Bĩ. Hào Lục-ngũ quẻ Thái là Vua mềm tối sắp bị Bĩ, hết Bĩ trở lại Thái là nhờ hào Cửu-ngũ là Vua cương-minh vậy.

LỜI-BÀN : Đấng Đại-nhân đổi được Bĩ ra Thái cũng như cải tử hoàn sinh một thời-cuộc, như vậy thì tốt-lành biết là bao nhiêu. Mà cái ngôi thứ đáng quí-báu là bao nhiêu. Cho nên mới tượng ở ngôi Cửu-ngũ (ngôi tôn-quí).

Trong thời Bĩ gần hết, đấng Đại-nhân minh-mẫn ở được ngôi tôn-quí như đấng Minh-quân lại có đủ tả hữu sáng-suốt, ắt có thể đổi được sự bại-vong thành thắng, chuyển được vận Bĩ ra Thái. Cho nên lời Tượng mới nói là đáng ngôi vậy.

Tiết Tiết 13. 上九：傾否，先否後喜。

D.A. Thượng-cửu : Khuynh bĩ, tiên bĩ hậu hỉ.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Thượng-cửu : Bĩ đổ, trước bĩ sau vui.

B.N.C.H. Lấy thể dương cứng ở lúc Bĩ cực là lúc có thể làm nghiêng-đổ sự Bĩ cực ấy vậy, lời chiêm của nó là trước bĩ sau vui.

LỜI-BÀN : Hào Thượng-cửu, hào dương ở ngôi cùng-tột của quẻ Bĩ là khi cuộc Bĩ đã đến
lúc cùng-cực. Bĩ cực thì Thái lai, cũng như Thái cực Bĩ lai. Ở lúc này cuộc Bĩ có thể nghiêng-đổ được cho nên mới nói là trước bĩ sau vui-mừng để đón sự Thái lai vậy. Đó là tột-cùng cuộc Bĩ là hào sắp hết Bĩ và Thái đến cho nên mới có tượng ấy.

Tiết Tiết 14. 象曰：否終則傾，何可長也。

D.A Tượng viết : Bĩ chung tắc khuynh, Hà khả trường dã ?

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Bĩ hết thì đổ-sụp, sao có thể lâu dài được ?

Họ Khưu nói rằng : Bĩ trong có ba âm-hào thuộc thời Bĩ, ngoài có ba dương-hào thuộc thời Thái. Hào Cửu-tứ là Bĩ đã quá giữa mà thời Thái sắp đến. Cửu-ngũ là sự hưu Bĩ của Nhân-quân, hào Thượng-cửu làm đổ vỡ cuộc Bĩ để thành cuộc Thái. Thiên-hạ khởi lên trong thời Bĩ hết ru !

LỜI-BÀN : Bĩ cực thì Thái lai, cái đó là lẽ thường của Tạo-hóa. Nhưng Thánh-nhân lại có lời răn rằng : Sao có thể lâu dài được ? Uyên-thâm
biết là bao nhiêu ? Đành rằng : Bĩ cực thì Thái lai, nhưng sự phá-hoại xong đến sự xây-dựng ắt phải tốn công, mất ngày giờ, còn sự xây-dựng thành rồi sau lại sụp-đổ thì mau lắm vậy. Và cuộc Bĩ xong mà muốn lập thành cuộc Thái ắt phải có công-trình tu sửa tạo-tác mất nhiều ngày giờ mới thành và trong khi Bĩ ắt có sự tan-vỡ chia-lìa. Nhưng sự nghiêng-đổ tan-vỡ không thể lâu được vì nó cũng phải có những sự tương-quan tương-liên với cảnh-vật.

Đây ý Thánh-nhân nói là khi cuộc Bĩ đã cực thì cuộc Thái đến ngay như hết đêm lại ngày. Cuộc tuần-hoàn cứ như thế mãi để duy-trì đạo Sinh cho muôn vật vậy.

Tóm-tắt : Quẻ Bĩ, Bĩ ấy chẳng phải người, chẳng có lợi cho người Quân-tử, *trinh-bền*, lớn đi nhỏ lại.

Hào Sơ-lục : Nhổ cụm rễ cỏ tranh, lấy cả loại *trinh-bền tốt hanh-thông*.

Lục-nhị : Bao-dung sự thuận-theo, Tiểu-nhân tốt, Đại-nhân Bĩ, *hanh-thông*.

Lục-tam : Bao-chứa sự hổ-thẹn.

Cửu-tứ : Có Mệnh không lỗi. Đồng-loại đều được phúc.

Cửu-ngũ : Bĩ nghỉ, Đại-nhân tốt, ấy mất ! ấy mất ! buộc vào khóm dâu.

Thượng-cửu : Bĩ đổ, trước Bĩ sau vui.

BĨ QUÁI TỔNG-LUẬN

Gần thì thấy hết đêm lại ngày, hết sáng lại tối đó là cái luật âm dương của Tạo-hóa. Ngày này sang ngày khác muôn sự vật đều biến-đổi theo những quy-định sẵn có của Trời-Đất. Nên tiếp cuộc Thái đến cuộc Bĩ. Bĩ là trong Tiểu-nhân ngoài Quân-tử, trong tối ngoài sáng, là cái thể tài đức phản nghịch lại thời Thái. Khí hóa không giao nhau được thì không có đức Thái-hòa nên gọi là Bĩ. Làm người trong một kiếp sao tránh cho khỏi lúc Bĩ. Đã ra đời ai mà qua được cái luật-định Thái Bĩ của Tạo-hóa, cho nên Thánh-nhân theo quẻ mà đặt ra từng cuộc đời để giảng dạy cho Thiên-hạ, cách xử kỷ tiếp vật từng

chỗ, từng thời cho đúng với Đạo-lý, thì người Quân-tử cho rằng ở cuộc Bĩ đến đâu cũng thung-dung an-phận giữ trọn đạo Nhân và vui cùng vạn-
vật. Người Quân-tử gặp thời Thái thì dạy dân, thi-hành theo Đạo-đức, dự-phòng cái hiểm-họa của cuộc Bĩ sắp tới. Trong cuộc Bĩ tức là cuộc trong Tiểu-nhân ngoài Quân-tử, Tiểu-nhân được đắc dụng thì người Quân-tử phải lui đi cho qua cái hiểm-họa của kẻ Tiểu-nhân. Cổ kim đã treo bao nhiêu gương sáng, nhưng chỉ trừ các bậc Đại-nhân Quân-tử mới có thể làm được, bỏ ra ngoài sự vinh-hoa phú-quí như Trương-Lương giúp Bái-Công lên ngôi Đại-Đế liền từ bỏ sự vinh-hoa phú-quí đi tìm thầy học Đạo mà tránh được cái hiểm-họa như Hán-Tín.

Xét tâm-lý ở đời, một khi đã rõ được cái luật-định bất-di bất-dịch của âm dương, hiểu rõ được tâm-lý của con người phần nhiều hay « ố năng thắng kỷ », một khi từ chỗ vi-tiện đoạt lên được ngôi tôn-quí, từ chỗ bần-hàn lên được chỗ giàu-sang rồi thì con người ta đâu có thể còn nhớ được lúc hàn-vi, cơ-cực, lúc bi-ỗi đau-thương, còn bao giờ nhìn thấy những kẻ đã vì mình hy-sinh cả trí-lực, cả tâm-hồn, để cho mình an-hưởng trên ngôi cao-quí. Nên ta thường nói « Được chim bẻ ná, được cá vứt nơm ». Ôi ! Thế-sự thăng trầm, bĩ thái tiêu trưởng, đầy vơi, lúc nào cũng cứ lẳng-lặng mà biến-dịch trong thời Bĩ cũng như trong thời Thái,
Thánh-nhân đã diễn-tả rõ-ràng cái đạo Tiểu-nhân và Quân-tử, cả hai khoé cạnh của hai cái thời trái ngược nhau.

Lấy quẻ Bĩ ra mà xét cho kỹ thì trong thời Bĩ là cái thời của kẻ Tiểu-nhân được đắc-dụng, cho nên người Quân-tử nên lánh đi mà đợi thời khuyên người Quân-tử nên trinh-bền.

Trong sáu hào, hào Sơ-lục tượng cũng như hào Sơ-cửu quẻ Thái, nhưng lại nói đức Trinh tốt và đức Hanh.

Hào Lục-nhị nói bao-dung sự thuận-theo và đức Hanh.

Hào Lục-tam : Bao-chứa sự hổ-thẹn.

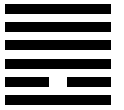
Xét xem ba hào trong quẻ dưới tức là những trạng-thái đi từ lúc sơ cuộc Bĩ đến chỗ thật là Bĩ.

Xem ba hào quẻ trên là lúc tụi Tiểu-nhân hưởng phúc lành (hào Cửu-tứ) rồi, lên đến hào Cửu-ngũ là lúc cuộc Bĩ đã cùng-cực mà cuộc Thái sắp bắt đầu cho nên nói : Bĩ nghỉ, Đại-nhân tốt. Đến hào Thượng-cửu thì Bĩ đổ, trước Bĩ sau vui là cuộc Thái đã bắt đầu.

Thánh-nhân đã rõ cơ Trời, thông-suốt cái Trí của Thiên-hạ cho nên lập ra đạo Âm Dương, tiêu
trưởng, thịnh suy mà không đâu không có, từ trong cuộc Thái, cuộc Bĩ cũng không ra ngoài đạo Âm Dương. Hóa cho nên học cho rõ cái cơ-vi của Thiên-Đạo, để giáo-hóa cái Đức cho Thiên-hạ trong thời Thái, và chế-hóa ngăn-ngự trong thời Bĩ cho Thiên-hạ là cái Trí của Thánh-nhân làm ra Dịch vậy.

同人 THIÊN - HỎA ĐỒNG - NHÂN - 13

Kiền trên
Ly dưới



ĐỒNG-NHÂN 1/3

Quẻ Kiền đã giảng ở trên.

Quẻ-Ly. Nhưng nếu cái nhân (noyau) của khối lửa ấy cùng là thứ sáng thì, như ta thấy trên quả đất, khí bao giờ cũng muốn tung ra ngoài mà choáng một khoảng rộng hơn, không sao kết-cấu tạo-thành các vật cứng rắn để trở lại thể hành-tinh. Vả lại mật-độ mặt Trời là 1,6 tức là nặng hơn nước và ngoài một số định-tinh rất nhẹ, có nhiều cái mà mật độ nặng hơn mặt Trời đến 10. 100... 1000 lần. khí cháy loãng mà nặng hơn đồng, vàng thì ta không thể tưởng-tượng được, vì trên quả đất không có thứ khí gì nặng như vậy. Đó còn là một vấn-đề về bản-thể định-tinh mà các nhà hóa-học Âu-tây chưa giải quyết được.

Theo Kinh Dịch trong Dương có Âm như thế nghĩa là dưới lớp lửa ngọn có một khối đen tối nặng. Ấy có lẽ là các thể cố như đất, đá, than, dầu trong hành-tinh, vệ-tinh, trước khi trở lại thể định-tinh, khối âm-chất ấy vì khí nóng làm nát rã ra vô số âm-vi phân-tử, phun ra ngoài rồi bắt lửa cháy. Hết
lớp này đến lớp khác, những âm-vi phân-tử cháy đỏ nên lửa mới tồn-tại được lâu, nếu không có khối âm-chất ấy, lửa ngọn chỉ là ánh-sáng, ma chơi, thoáng đỏ là đã tắt.

Mặt Trời cháy lâu năm cũng dảm khí-lực, lửa ngọn hạ thấp dần rồi chỉ để lại một khối than hồng, ngoài đỏ trong đen nên quẻ Kiền ☰ đổi thành quẻ Ly ☲. Trong đồ Tiên-thiên, Ly vi tinh, là sao đã gần nguội, sắc đỏ, trong đồ Hậu-thiên, Ly vi hỏa, là lửa ở hỏa-diệm-sơn. Lửa ở trong quả đất đi qua lớp vỏ để thoát-ly ra ngoài. Vậy lớp vỏ ở giữa, ruột và ngoài đều là lửa. Đó là hình-tượng quẻ Ly.

Kinh Dzyan : Thiên Vũ-trụ khởi-thủy. Thi-tiết VII tiết 7 nói rằng : Ngọn lửa bảo ánh-lửa rằng : « Đây là cái vòng luân-hồi hiện tại » mày là ta, là hình ta và bóng ta, ta đeo hình mày, và mày là cái xe đi tới cái ngày « mày đến với chúng ta » mà mày sẽ thành ra ta, và kẻ khác nữa, mày và ta » .

Thiên nhân-loại khởi-thủy thi-tiết II tiết 8 : Những ngọn lửa tới, những lửa với ánh-lửa : Âm-hỏa và dương-hỏa, nó làm khô
những nước hỗn-độn và âm-u, nó hút hết bởi cái nhiệt-độ của nó. Những trí-tuệ ở trên, và ở dưới tới.....

Những ngọn lửa đây là một giai-cấp thần-linh ngang nhau hay là giống nhau và nói theo pháp-thống của dân Hy-bá-lai (tổ-tiên của người Do-thái) thì nó là những phụ-thuộc quanh-quẩn ngôi báu của đức « Chúa-tể » .

Theo Thiệu-khang-Tiết trong sách Hoàng-cực Kinh-thế nói : Thái-dương vi Kiền, Kiền theo khí hỏa là lửa ngọn toàn là khối sáng, và Ly là lửa ở Hỏa-diệm-sơn, ở trên đã giảng quẻ Kiền đổi thành quẻ Ly. Xem như vậy thì Kiền và Ly là đồng-loại và đồng-khí cho nên

mới tượng là Đồng-nhân.

Đồng-nhân : Đồng là như nhau, cùng với nhau, nhân là người, vậy Đồng-nhân là cùng người. Như lửa với lửa là cùng với nhau chỉ khác là lửa ngọn và lửa ở Hỏa-diệm-sơn. Lửa ngọn bốc lên trên Trời cho nên quẻ Kiền ở trên, và lửa ở núi lửa thì ở dưới đất cho nên quẻ Ly ở dưới như thế là thuận.

Lấy ý-nghĩa của 2 quẻ Kiền Ly mà đặt tên quẻ Đồng-nhân vậy.

Trong 2 quẻ Kiền và Ly hợp lại thì có 5 hào dương, có 1 hào âm, dương ở dưới tiến lên trên gặp lửa ở trên Trời, như vậy gọi là gặp bạn cùng tiến là Đồng-nhân. Có một âm mà 5 hào dương đều muốn chung cùng, vì hào âm, được chính-trung ứng với hào Cửu-ngũ. Cho nên âm tuy mềm nhưng mạnh và 5 dương đều muốn chung cùng cho nên gọi là Đồng-nhân.

Thái cực thì đến Bĩ, Bĩ cực thì phải cùng với nhiều người để tu-tạo lại cuộc Bĩ đã qua và để tạo nên cuộc Thái sẽ tới, vì vậy sau quẻ Bĩ Thánh-nhân tiếp quẻ Đồng-nhân là có ý-nghĩa phải sen vai khít cánh đồng nhau mà kiến-thiết lại sự nghiêng-đổ của cuộc Bĩ để dựng cuộc sống mới cho Thiên-hạ thái-bình vậy.

Tiết Tiết 1. 同人于野。亨利涉大川。利君子貞。

D.A. Đồng-nhân vu dã, hanh, lợi thiệp đại xuyên lợi Quân-tử Trinh.

Dịch-nghĩa: D.N. Cùng người ở đồng, hanh-thông lợi qua sông lớn, lợi cho đức Trinh của người Quân-tử.

Truyện : Ngoài đồng là lấy cái nghĩa ở xa. Đồng-nhân nghĩa là không có lòng tư riêng, gần thì cũng có thể rõ được sự hanh - thông. Vậy sao không qua được sự hiểm-trở ?

Họ Khưu nói rằng : Kẻ qua sông mà lợi như người Hồ Việt dị tâm mà cùng giúp nhau thuyền qua sông thì có nạn gì ? Sự chính-bền của người Quân-tử lấy Thiên-hạ chí công là đạo Đại-Đồng, nghĩ mà thi-hành rộng - rãi trong bốn biển, hàng triệu dân-chúng không ai không cùng, nên đạo Đồng - nhân lợi tại sự chính-bền của người Quân-tử (Tiểu-nhân mà đồng là A-đảng (đảng a-dua).

B.N.C.H. Quẻ Ly cũng là tên quẻ ba vạch, một âm phụ ở giữa hai hào dương, cho nên đức của nó là đẹp, là văn-minh, tượng nó là lửa, là mặt Trời, là điện. Đồng-nhân nghĩa là cùng với người vậy. Lấy quẻ Ly gặp quẻ Kiền, lửa cùng ở trên Trời, Hào Lục-nhị được ngôi ở giữa mà trên ứng với hào Cửu-ngũ. Lại là quẻ chỉ có một âm mà 5 dương cùng với nó cho nên gọi là Đồng-nhân.

« Vu Dã » : ở « đồng » nghĩa là nơi khoáng-đạt mà không có tây - riêng, có sự hanh-thông ; lấy cái mạnh mà đi cho nên có thể sang sông. Quẻ
này là quẻ trong văn - minh mà ngoài cứng - mạnh. Hào Lục-nhị được trung-chính mà có kẻ ứng đó là đạo Quân-tử. Người chiếm có thể như thế thì được hanh-thông mà lại có thể qua sự nguy-hiểm, nhưng cái chỗ mình cùng giao-hợp tất là đạo của người Quân-tử thì mới có lợi.

LỜI-BÀN : Ở Đồng là tượng của hào Lục-nhị, hào Lục-nhị ở quẻ Đồng - nhân là hào được trung - chính âm ở ngôi âm, và hào nhị tượng là ruộng là đồng là Thiên - hạ, ở đồng là lấy chỗ khoáng-đạt rộng-rãi, trên có Trời dưới có Đất, ở giữa có Người, đó là nơi tụ-họp muôn loài.

Nói cùng người ở hào đầu trong quẻ là vì có một hào âm được trung-chính, là đầu mối của quẻ, ý nói cùng nhau ở đồng là để tả cái tam-tài Thiên-địa-nhân. Người ta đầu đội Trời, chân đạp đất, không vướng-

víu gì không có lòng tư riêng, như vậy để tả cái đạo rộng lớn của người Quân-tử truyền-giáo, thi-hành ở giữa Trời Đất rộng lớn mông-mênh vô-hạn.

Hanh là cùng với người trong nơi khoáng-đạt, không lòng tây riêng, không bịn-rịn cho nên mới được hanh-thông.

Như đạo người Quân-tử được thi-hành cùng với người trong Thiên-hạ đều được giáo-hóa chung với nhau, một khi đã giao-hòa với Thiên-hạ, mà Thiên-hạ theo về với mình để hợp lại thành một. Thì chuyện gì mà chẳng hanh-thông.

Lợi qua sông lớn. Sông lớn tượng sự hiểm-nghèo lớn và ở trong quẻ này là tượng của hào Lục-nhị, trên hào nhị có 4 hào dương, dưới hào nhị có một ”dương cho nên mới nói qua sông lớn thì lợi cùng 5 dương giao-hợp.

Lợi cho sự chính - bền của người Quân-tử. Có một cái khó - khăn là qua sông lớn, nhưng răn rằng : chịu khó chính-đính bền-bỉ thì có lợi qua được sông lớn. Cũng như người Quân-tử muốn hành Đạo cái khó nhất là sự hỗn-độn của giai-cấp.

Sự cao thấp dị đồng như sóng trên sông lớn. Hóa cho nên người Quân - tử phải có đức trinh-bền thì mới có thể vượt qua cái bể khổ để đến chỗ tuyệt - đích. Cũng như các nhà Đạo-sĩ thấy cõi đời hữu-hình là cõi nguy - hiểm phải qua, cho nên cũng như đấng Quân-tử phải lấy
cái đức trinh-bền mà duy-trì Đạo-đức thì mới có lợi.

Đã đến lúc có lợi thì sự nguy nào là chẳng qua, xa đến đâu là chẳng hưởng - ứng. Như Lão-tử với cái đức trinh - bền đã qua được cõi Sa - Bà, lấy trí - tuệ hưởng - ứng với đức Phật-tổ Thích-ca bên Ấn-độ, và đức Pythagore ở bên Hy-lạp. Cho nên Thánh-nhân nói đến sự lợi về đức trinh-bền của người Quân-tử là rộng lớn lắm vậy.

Tiết Tiết 2. 彖曰 : 同人柔得位，得中而應乎乾。曰 : 同人。

D. A. Thoán viết : Đồng-nhân nhu đắc vị, đắc trung nhi ứng hồ Kiền, viết : Đồng-nhân.

Dịch-nghĩa: Đ. N. Lời Thoán nói rằng : Quẻ Đồng-nhân, mềm được ngôi, được ở giữa mà ứng với Kiền gọi là Đồng-Nhân.

B. N. C. H. Đây lấy nghĩa quẻ thích tên quẻ, Nghĩa « mềm » là chỉ hào Lục-nhị, Kiền là chỉ hào Cửu-Ngũ.

LỜI-BÀN Mềm được ngôi, Đây nói hào lục-nhị hào âm ở ngôi âm, cho nên gọi là được ngôi ở ngôi giữa quẻ dưới, ở quẻ trên là quẻ Kiền có ngôi cửu-ngũ chủ quẻ, ở ngôi trung-chính, cho nên hào lục-nhị được ở giữa quẻ dưới ứng với hào cửu-ngũ chủ quẻ Kiền, cho nên nói là « Ứng với Kiền ».

Hào lục-nhị ở ngôi trung-chính, mềm mạnh muốn tiến, trên có hào dương, giao hợp thành lửa, trên ứng với hào cửu-ngũ thành lửa. 5 dương cùng chung lại với hào âm đều thành lửa cả cho nên gọi là Đồng-nhân: cùng người vậy.

Tiết Tiết 3. 同人曰 : 同人于野亨。利涉大川。乾行也。文明以健，中正而應，君子正也。唯君子為能通天下之志。

D. A. Đồng-nhân viết : Đồng-nhân vu dã hanh, lợi thiệp đại xuyên, Kiền hành dã; văn-minh dĩ kiện, trung-chính nhi ứng Quân-tử chính dã; duy Quân-tử vi năng thông Thiên-hạ chi Trí.

Dịch-nghĩa: D. N. Quẻ Đồng - nhân nói rằng : (theo bản-nghĩa của Chu-Hi thì đây là chữ thừa).
Cùng người ở đồng thì hanh-thông, lợi qua sông lớn, làm theo Trời vậy, văn-minh và mạnh - mẽ, trung - chính mà ứng là sự chính - đính của người Quân - tử vậy, duy chỉ có người Quân - tử mới có thể thông-suốt được trí của Thiên-hạ.

Truyện : Cái Trí của Thiên - hạ, hàng vạn thứ khác nhau mà chỉ một *lý* vậy. Người Quân-tử rõ lý ấy nên thường thông cái Trí của Thiên-hạ. Thánh-nhân xem ức triệu cái tâm rút lại chỉ là một cái tâm mà thông được cái Lý. Văn-minh thì thường sáng cái lý, nên thường làm rạng cái nghĩa *Đại-Đồng*. Cứng-mạnh thì hay khắc-kỷ, nên thường tận được cái *Đạo Đại - Đồng*.

Họ Hồ nói rằng : Thông được cái trí của Thiên-hạ là đến được Đại-Đồng, tuy nhiên không phải là bậc sáng-suốt và mạnh-mẽ thì không thể làm được vậy.

B.N.C.H. Đây lấy đức và thể của quẻ để thích nghĩa lời quẻ ; thông được trí Thiên-hạ mới là Đại-Đồng nếu không thế thì có sự giao-hợp bằng tình riêng mà thôi. Lấy gì đem đến sự hanh-thông mà lợi ở chỗ qua sự nguy-hiểm thay !

LỜI-BÀN : Đây Chu - Hi nói 3 chữ : « Đồng-nhân viết » là chữ thừa. Nếu bỏ đi thì theo bản - nghĩa của Chu-Hi là đúng, nhưng để 3 chữ đó thì cái đức và thể quẻ còn nhiệm-mầu và thâm-trầm hơn nhiều nữa.

Đây nghĩa 3 chữ là : Cùng người nói rằng : (chữ quẻ *Đồng-nhân* nói rằng thì thừa vì quẻ nói làm sao được ?) nhưng :

Cùng người nói rằng : đây tỏ cái ý-nghĩa đồng-thanh tương-ứng, đồng khí tương-cầu, và để tỏ rằng, tuy là đều là hào dương cả mà không sô đẩy nhau (theo vật-lý-học), đây là lấy cái đức và cả thể đồng-loại mà chung cùng với nhau được vậy. Theo vật - lý - học lấy khí - hóa mà nói thì khí cùng loại thì sô đẩy nhau và không cùng. Cho nên 3 chữ ở đây là cần - thiết và cũng để tả tất cả cái « *Cùng*

người đều nói rằng : » Ôi ! một chữ của Thánh-nhân đặt ra cân lượng vô lường, sao bỏ được, nhưng cũng có chỗ lâu đời mất-mát mà sau thêm-thắt vào, nhưng đâu được những cái ý nghĩa thâm-trầm và rộng-rãi như vậy. Chỗ này có ý là :

Cùng người nói rằng : cùng người ở đồng thì được hanh-thông (đã giảng ở trên) lợi ở chỗ qua sông lớn (đã giảng ở trên).

Làm theo Trời, ý nói : Trời thi-hành Đạo-lý như trên, một khi được cùng chung tất cả mọi người thì tất-nhiên đi đến Đại - đồng tức là Đại-nhất, cùng nhau coi người cũng như mình, vui cùng vui, buồn cùng buồn để cùng chung gánh công-việc của Thiên-hạ, chăm lo Đạo-đức, như vậy thì được hanh-thông, là theo Trời mà thi-hành Đạo-đức.

Văn - minh và mạnh - mẽ. Đây là nói hào Lục-nhị được trung - chính, hào nhị ở giữa quẻ Ly tượng là văn - minh, đẹp - đẽ, hào nhị ở giữa là cái nguyên-gốc sự văn - minh đẹp - đẽ của quẻ Ly.

Hào Lục-nhị ứng với hào Cửu - ngũ, giữa quẻ Kiền mạnh - mẽ, cho nên nói văn - minh và mạnh-mẽ là tài-đức của hai quẻ Ly và Kiền.

Cái Trí của Thiên - hạ. Cái trí thuộc về loại gì ? Có thể cho nó là một thực - hiện cùng loại với vật-chất được không ? hay là ngược lại là một thực - hiện bất phân chia theo loại vật-chất ?

Nói về vật-chất. Theo các nhà nguyên-tử-học như Démocrite nói : « linh-hồn hợp thành bằng cùng một thể-chất mà xác người ta cũng hợp
bằng những nguyên-tử giống nhau. Nó không phải là một nguyên-lực khác với vật-chất và là một phần của thể-chất. Nhưng nó là nguyên-do của sự sống và sự hoạt-động, hợp thành bởi những nguyên-tử tinh-vi, nhẵn- nhụi tròn-trĩnh hơn ». Đó là một đề-án mà sau này Epicure và Lucrèce lại lập lại tuy có thay đổi chút ít.

Theo phái khắc-kỷ chủ-nghĩa thì « linh-hồn chỉ là một hơi thổi hợp bằng khí Trời và lửa buộc vào thể - chất ta và nhập vào mọi thể mà làm một » (Chrysippe).

Trên là nói về vật-chất theo cổ-thuyết.

Theo thuyết bây giờ thì, nó là cảm-tưởng của sự Nhu-yếu nhiều hay ít mà Cabarris nói rằng : « Cái óc làm hình như tiêu những mối cảm - tưởng, nó làm tiết ra, theo cơ - thể những ý-tưởng », và Broussais chỉ tin có linh-hồn là khi nào ông thấy nó ở dưới mũi con dao mổ của ông.

Ở bên Đức thì nói theo khoa-học, Ý Trí là sự thực-hành của óc.

K. Vogt nói rằng : Ý Trí đối với óc cũng cùng tỷ-giao (rapport) như một cái mật đối với gan, nước tiểu đối với thận . . . . . .
(Trích trong quyển Rapports de physique et du moral).

Về tinh - thần. Theo Platon thì linh-hồn là một nguyên - do cần - yếu của sự linh-động, sự linh-động có qui-củ, theo đúng luật của tỷ-số và sự hiểu - biết. Nó là cái gì có thể tự-động được và là nguyên-bản của sự sinh-tồn.

(Phédon 105 d; Phèdre 245 a— 246 a, Lois X 824 a — 896 b).

Aristote giảng linh-hồn là « cái nguyên - hình của một thể-xác, có cơ-thể, có sự sống và cương-lực (De amima II 1, 412 b). Linh-hồn đối với nó là cái nguyên - nhân minh-bạch cuối-cùng của thể-xác và không phải cái quả của cái nhân đó, nó là cái lý-do và nguyên-do (i b 4, 415 b).

Nhưng cái hình không có gì là thực nếu không có vật-chất, sự phân-biệt linh - hồn và thể-xác của Aristote theo luân - lý - học hơn là thực-thể-tính.

Ông nói : « Linh-hồn không thể không có thể-xác, nó không phải là thể-xác nhưng nó là một cái gì của thể-xác (i b, 2, 414 a).

Theo Aristote mỗi một phận sự ở trong thể-xác có một linh - hồn, các hồn gồm lại chia
ra làm trí - tuệ thụ - động và trí-tuệ phát-động. Thụ-động thì liên hệ với thân - xác, phát-động thì riêng biệt với cơ-thể, có thể rời xác - thịt và bất-tử (i b III, 5, 430 a a) thứ mà người ta nhờ đó mà lên cõi

thiêng - liêng. (De part anim. II, 10, 65 a)

Như vậy cái *Trí* theo tầm hiểu - biết sáng - suốt của từng giới thì cái trí của Thiên-hạ có muôn vạn thứ khác nhau làm sao cho thông - suốt được. Đấng Quân-tử chỉ biết cái lý của cái Trí mà hiểu - biết được cái Trí của Thiên - hạ. Cái Lý đó không ở ngoài cái Đạo của Trời - đất, cái lý của Dịch-lý, của Âm-Dương cho nên Thánh - nhân là bậc uyên - thâm Đạo - đức, thông - hiểu Đạo - lý, Dịch - lý của Trời. Theo Aristote như trên đã nói cũng cho Linh-hồn là « Lý-do và nguyên-do ». Vì lẽ ấy bậc Thánh-nhân biết Nguyên hiểu Lý của muôn loại ắt thông - suốt được cái Trí của Thiên-hạ.

Nên tiết này gồm có nghĩa là :

a). Có đồng - nhau (đồng-trí) mới mạnh-mẽ và hanh-thông.

b). Có văn-vẻ sáng-sủa trung-chính mới là chính Đạo của người Quân-tử.

c). Mà duy chỉ có đấng Quân-tử mới thông-suốt được cái Trí của Thiên-Hạ.

d). Và thứ nhất là trong quẻ Đồng-Nhân, cùng chung với nhau hợp - thành một khối thì cái Trí của Thiên-hạ đều thu về một mối « Đại-nhất » mà thôi.

Tiết Tiết 4. 象曰：天與火。同人。君子以類族辯物。

D.A. Tượng viết: Thiên dữ hỏa, Đồng-nhân, Quân-tử dĩ loại tộc biện vật.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng: Trời và lửa là quẻ Đồng-Nhân, người Quân-tử lấy các loại các giống để phân-biệt các vật.

B.N.C.H. Trời ở trên mà lửa bốc lên, tính nó giống như vậy, chia loại các giống phân - biệt các vật là sở-dĩ xét cái khác nhau mà làm cho cùng nhau vậy.

LỜI - BÀN : Trên đã giảng cả Vũ - trụ, cả vòm Trời từ không - khí cho đến ánh-lửa đều là Nguyên-tử lập thành ra cả. Vậy Trời thì đầy dẫy những Nguyên-tử hợp thành vòm xanh xanh trên đầu ta, mà ta gọi là Trời. Nhưng Trời đây có nghĩa là Đấng Chúa-tể của muôn sinh. Theo về thần-linh học thì Nguyên - tử là độc - nhất không phân-tách và là những dương minh nhỏ bé hết sức mà kính hiển - vi hết sức tối - tân cũng khó lòng mà thấy được, cho nên lửa ở dưới, theo thuyết ở kinh Dzyan, thì chỉ có lửa là độc-chất, không có gì lập thành nó, một ngọn lửa ví như một tụi Nguyên - tử huy - động. Lửa bốc lên trên Trời, thì những Nguyên - tử lại gặp những Nguyên-tử ở trên cho nên mới nói là : .Trời với lửa là quẻ Đồng-nhân, cùng người vậy. Nguyên - tử là căn - nguyên của người cũng như căn-nguyên của muôn vật, cho nên người Quân-tử là đấng chí-minh, đi trên con đường sáng-láng của Đạo - lý, biết những loài nào giống ấy, còn gốc nó ở về phần - tử nào, mà phần - tử nào hợp thành bởi đơn-tử hay nguyên-tử nào đều rõ cả.

Một khi gốc đã biết, như đã biết cái hạt cái nhân của các giống cây, như vậy sự phân-
biệt các quả nào về nhân ấy rất dễ - dàng vậy. Theo về hình thể-chất và vô hình-thể người Quân - tử đều bao-hàm cái lý ở trong, cho nên tính-tình lành hay dữ đều do ở những nguyên-nhân ra mà người Quân-tử có thể phân-biệt được, đã phân - tách rõ-ràng thì kiếm những sự khác nhau để làm cho đều nhau, đồng nhau theo Đạo-lý, như thấy có nhân của một điều ác, người Quân-tử không thể để cho trồng cái nhân đó, vun tưới cho lớn để cho quả nó sau này sẽ hại cho Thiên-hạ vậy. Ở đây ví người Quân - tử cũng như một bậc Thánh-nhân uyên-thâm Đạo-lý, thấu - triệt được chỗ tinh - vi của Tạo - hóa có thể cùng người hợp - nhất để trở lại cái Đại-nhất của Đấng Chủ-tể.

Tiết Tiết 5. 初九：同人于門。无咎。

D.A. Sơ - cửu : Đồng - nhân vu môn vô cữu.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Sơ cửu : Cùng người ở cửa, không lỗi.

B.N.C.H. Lúc đầu quẻ Đồng-nhân chưa có chủ riêng về đâu, mà là hào cứng ở ngôi dưới, trên không có gì ứng buộc, có thể không lỗi, cho nên tượng và lời chiêm của nó như thế.

LỜI-BÀN : Hào Sơ-cửu là hào dương ở ngôi dương, được chính ngôi mà ở dưới, lúc sơ-đầu của quẻ Đồng-nhân, dương được cứng-mạnh, trên có hào Cửu-tứ cũng là dương xô-đẩy cho nên mới có ý đi ra cùng với người.

Cửa là cái để ra vào ngăn trong nhà với ngoài đường, hay là ngăn đời tư từng gia - đình với đời công-cộng cùng Thiên-hạ.

Cùng người ở cửa là sắp sửa từ trong nhà ra ngoài cùng chung với người, vì dương tuy là mới sơ - đầu nhưng được chính-ngôi và cứng - mạnh.

Theo ý quẻ Đồng - nhân là cùng với người mà ở trong nhà đã đứng ở cửa để ra cùng với người như vậy thì thuận theo ý quẻ còn có lỗi gì.

Tiết Tiết 6. 象曰：出門同人。又誰咎也。

D.A. Tượng viết : Xuất môn Đồng-nhân hựu thùy cứu dã ?

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Ra cửa cùng người còn ai trách vậy ?

LỜI-BÀN. Đứng ở cửa cùng với người, đi ra cửa chẳng bao xa. Có ra cửa mới cùng với người được. Đã ra cửa là bước vào đời công không có sự tư - riêng thiên-lệch, phải tuân pháp-luật của Vua ban-hành, ra ngoài cùng với người mà bao-giờ cũng giữ được đức dương - minh, cùng với người để hợp thành Đại-Nhất mà giúp Thiên-hạ như vậy thì ai còn trách mình được. Sự đời giao-hảo trừ những sự thiên-lệch, yêu kẻ này ghét kẻ kia, su - nịnh kẻ giầu sang, kiêu-căng với kẻ kém thấp; lấy cái trí thấp - hèn xử sự *cùng người* thì tránh sao cho khỏi miệng tiếng chê bai cho nên *cùng người* là hợp - thành một khối mạnh-mẽ, sáng-sủa, nhưng luôn luôn phải giữ cái đức dương-minh vậy.

Tiết Tiết 7. 六二：同人于宗。吝。

D.A. Lục-nhị: Đồng nhân vu tông lẫn

Dịch-nghĩa: D.N. Hào lục-nhị: Cùng người trong họ đáng tiếc.

— Họ Phùng nói rằng: Lấy thể quẻ mà nói (1) thì có cái nghĩa Đại - đồng, lấy nghĩa hào mà nói (2) để răn-giới về A-đảng.

Ngự-án nói rằng : *Lỗi Đạo* là nhân lấy lời chiêm lập ra lời răn - giới, không phải nghĩa quẻ khác nhau, chỉ tại quẻ nói thông, nói ứng với các hào dương, tại hào thì đủ nói ứng với hào 5, tất cả không trái nhau.

B.N.C.H. « Tông » là họ - hàng, xóm đảng hào Lục-nhị tuy được trung-chính nhưng có chỗ ứng với người trên, không thể có tính Đại-đồng mà còn vững về tình riêng đó là cách đáng tiếc cho nên tượng và lời chiếm của nó như thế.

LỜI-BÀN. Hào lục Nhị, hào âm mềm ở ngôi trung-chính quẻ Ly tượng sự tốt - đẹp văn-minh trên có hào cửu - ngũ được trung-chính ở ngôi tôn - quý ứng với nó. Cái Văn-Minh đẹp-
đẽ. ứng - hợp với cái sáng-sủa của ngôi tôn-quý. Như vậy hai thể cùng như nhau, ví như trong một họ. Cho nên ở đây nói : *Cùng người ở trong họ.* Cùng người ở trong họ, hào lục - nhị mâu-thuẫn theo chiều về với hào cửu - ngũ để càng tôn cái vẻ đẹp vẻ tôn - kính của mình, vì nó là âm mềm, tính - tình đàn-bà không cương-quyết thực - hành một mình được để chuyên về việc công-ích cho Thiên - hạ, đã mềm-mại và thứ nhất lại văn-vẻ đẹp-đẽ, cho nên phải nghĩ đến tình riêng mà sao - nhãng tình chung cùng người nên mới nói là *đáng tiếc*. *Tiếc* là cái đẹp - đẽ văn - minh được ngôi trung - chính mà hưởng-ứng với dương - minh ở trên ngôi tôn - quí, tiếc là vì cái tính nó mềm-mỏng, không xả được tư - tình mà cùng chung với người thì sự đẹp-đẽ sẽ đến tột-cùng vậy.

Tiết Tiết 8. 象曰：同人于宗。吝道也。

D.A. Tượng viết: Đồng-nhân vu tông, lẫn đạo dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Cùng người trong họ, đường đáng tiếc vậy.

LỜI-BÀN : Phần nhiều hào hai và năm được trung - chính ứng nhau thì tốt, nhưng trong quẻ Đồng-nhân là cùng với người, có một hào âm Lục-nhị mà hào Cửu - ngũ ứng thì thành ra tư-vị chuyên-chế vì một tình riêng với nhau đối với ý quẻ thì không đạt được mục-đích của quẻ cho nên nói là con đường đáng tiếc.

---

[1] *Trong quẻ duy có một hào âm là chỗ các hào dương muốn cùng với nó.*

[2] *Hào 2 ứng với hào 5 là có tính tư riêng mà không có ý Đại-Đồng.*

Và hào 2 âm mềm không cùng chung với các hào dương được cho nên lên trên mà hưởng-ứng với hào cửu-ngũ, tuy là văn-vẻ đẹp-đẽ nhưng không cùng khí với năm dương, giữ tính âm mà còn lo về sự tây riêng cho nên gọi là đường đáng tiếc.

Tiết Tiết 9. 九三：伏戎于莽。升其高陵。三歲不興。

D.A. Cửu-tam : Phục nhung vu mãng thăng kỳ cao lăng, tam tuế bất hưng.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Cửu-tam : Phục - binh dưới cỏ dậm, lên gò cao thấy 3 năm không hưng binh.

B.N.C.H. Cứng mà không ở ngôi giữa, ở trên mà không có chính - ứng, muốn cùng với hào hai mà không là chính-thức của nó. sợ hào Cửu-ngũ công-kích mình cho nên mới có tượng ấy.

LỜI-BÀN : Hào Cửu-tam, hào dương cứng không được ở giữa, hào trên quẻ dưới, dương ở ngôi dương được cứng-mạnh, muốn tiến lên. Theo quẻ Đồng - nhân hào này là hào dương mới ở trên âm, ở dưới ba hào dương trên, tiến lên là gặp dương và hào ứng của nó ở trên cũng là hào dương thượng-cửu. Dương gặp dương thì có sự xô-đẩy công - kích nhau. Cho nên mới tượng về binh-lính. Hào này là hào ở dưới các hào dương khác.

Tuy là đã qua được hào âm như cái cửa để dương thông cùng với dương.

Cho nên mới tượng là *phục-binh dưới cỏ* cỏ là thứ thấp-hèn ở dưới đất. Tượng hào ba ở trên hào lục - nhị tượng đất ruộng, lại là hào dương tượng *Cỏ* (có sự sống ở trên đất). Trên hào này

là hào Cửu-tứ, và ứng với hào thượng - cửu ; cho nên mới phải phục-binh đề chờ sự công-kích của các hào đó; lên gò cao ở đây nhìn ngóng binh lại đề cự địch ; đây là có cái lý tả hào cửu-tam là *dương cứng* ở chính ngôi và là ngôi trên hào dưới, cho nên có tính - cách tiến lên vì vậy , tượng là lên gò cao mà ngó chừng binh địch. Chờ trong ba năm không hưng binh lên được vì binh chưa tới. Phàm phục-binh là đề đợi binh địch đến đề đánh lén, tuy là không được đàng-hoàng chính-đính nhưng cũng là một cách đánh đề nắm sự lợi chắc về mình. Đợi binh địch không đến vì bên địch có *dương* ở trên cùng là dương-minh đều biết mưu-mô hiểm-nguy và *dương* cùng dương có tính-cách đẩy nhau ra chứ không tới hợp được, cho nên tượng là 3 năm không hưng binh. Trên có ba *đương* chỉ có hào dương ở hào cửu-ngũ ứng giao với hào lục-nhị, mà hào cửu-ngũ không đi xuống gặp hào lục-nhị đề bị hào cửu-tam phục-binh mà đánh, nhưng hào lục-nhị lại vì lẽ thuận mà lên ứng êm-đềm với hào cửu-ngũ nên đợi 3 năm mà không hưng binh vậy. Chưa hưng binh thì chưa có lỗi tuy nói có lòng ích-kỷ muốn kiếm lợi an-hưởng một mình, cho nên không được chính-đáng đối với *quẻ cùng người*.

Tiết Tiết 10. 象曰：伏戎于莽。敵剛也。三歲不興安行也。

D. A. Tượng viết: Phục nhung vu-mãng địch cương dã, tam tuế bắt hưng an hành dã.

Dịch-nghĩa: D. N. Lời Tượng nói rằng : Phục-binh trong cỏ dậm, kẻ địch cứng vậy, Ba năm không hưng binh, đi vào yên-tĩnh vậy.

B.N.C.H. Ý nói không thể đi được.

Truyện : Hào 2 và 5 ứng nhau, hào 3 lấy sự cứng-mạnh ở giữa muốn cướp lấy mà cùng với nó. Nhưng lý không ngay, không cảm sự hiển-phát, phục-binh trong cỏ dậm, thời lên trên gò cao, lấy sự trông - ngóng hào 3, 4 có cái nghĩa tranh-đoạt hai hào ở giữa hào 2 và 5.

Họ Lý nói rằng : Cái lý của Thiên - hạ hợp lại thì ắt tranh nhau, quẻ thì lấy nghĩa tương đồng mà hào 3 : phục binh, hào 4 : Chèo tường, hào 5 : Binh lớn, thì được những gì vậy ? Hào 2 lấy hào 5 mà hào 3 cứ ở đó tranh lấy.

Ô hô ! đi ra cùng người đồng nhau, đến việc thật giản-dị mà không làm được. Nếu phân được trong
sự giản-dị biết được sự hiểm-trở. Không học Dịch thì không thể giao-thiệp với đời được.

Ngự-án : Tên quẻ là Đồng-Nhân mà hào 3 4 lại có tượng tranh nhau, khác nhau, bởi vì nhân tình đến cùng-cực ắt khác nhau, khác nhau đến cùng-cực lại trở lại Đồng nhau. Đạo Dịch là cái lý tuần-hoàn. Nội thể của quẻ thì từ Đồng đến Dị ngoại thể của quẻ thì từ *Dị* đến *Đồng* nhau.

LỜI-BÀN : **Kẻ địch cứng.** Ý nói hào cửu-ngũ là dương cứng được ngôi trung-chính và hai hào nữa ở trên đè ép nó cũng là hào dương cứng cả vì vậy nó phải phục binh để chờ khi bất chắc.

Ba năm không hưng binh. Tức là địch quân không đến, không đến thì phục binh vẫn phải phục mà không động. Phàm chưa động thì phục binh chỉ sống trong sự yên-tĩnh để chờ-đợi cho nên mới nói là đi vào sự yên-tĩnh, tức là không phải động can-qua. Hào cửu-tam không có trí đi chinh-phục, nhưng vì ở nơi không được chính-trung và ở trên quẻ dưới, nhưng trong cái ải ở biên-thùy sợ binh địch kéo đến mà xâm-phạm bờ cõi cho nên phải phục binh. Bên địch không đến thì sống trong cảnh yên-tĩnh. Như thân-xác tuy nhục-dục quấy-nhiễu hàng ngày, người ta phải có đạo phục binh tức là nghị-
lực để diệt-trừ sự đòi hỏi của lục-căn. Nghị-lực chưa thực-hành nghĩa là còn đang ở trong vòng yên-tĩnh vì nhục-dục, lục-căn chưa cháy lên mà xâm-phạm tâm-hồn vậy.

Tiết Tiết 11. 九四：乘其墉弗克攻吉。

D.A. Cửu-tứ : Thừa kỳ dung phất khắc công cát.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Cửu-tứ : Cưỡi lên tường phía Bắc, không công địch được, tốt.

B.N.C.H. Hào cứng không được trung-chính lại không có kẻ ứng với cũng muốn cùng với hào lục-nhị mà bị hào ba ngăn-cách cho nên có tượng là cưỡi tường để công địch, nhưng vì lấy hào cứng ở ngôi mềm cho nên có tượng tự trở lại mà không công địch được, người chiếm như thế thì là biết cải-hóa mà được tốt-lành vậy.

LỜI-BÀN : Hào cửu-tứ là hào dương ở ngôi âm, ngôi dưới quẻ trên, giáp-giới với quẻ dưới, hào dưới cũng là hào dương mạnh muốn tiến, mà lại không có chính ứng. Hào sơ-cửu cũng là dương
cho nên đây mới tượng là cái tường thành ngăn-cách kẻ xâm-lăng ở dưới tiến lên **cưỡi lên tường phía Bắc** là hào cửu-tứ, hào đầu quẻ trên (quẻ Kiền) theo phương-hướng ở Hậu-thiên Bát-quái thì quẻ Kiền ở về hướng Tây-bắc. Lại vì quẻ Ly là quẻ dưới (Ly hướng Nam) hào cửu-tứ là hào ở quẻ ngoài trên quẻ Ly tức như trèo lên tường hướng Bắc đối-diện hướng Nam mà công-kích nó, không công được là vì nó chỉ phục binh không tiến, thi-hành sự an-tĩnh, cho nên nói là không công-kích được thì tốt, vì tuy ở trên nhưng còn sợ kẻ dưới xâm-lăng mà sự xâm-lăng đó chưa thực-hiện, chưa có đánh nhau cho nên gọi là tốt vì trong quẻ Đồng-nhân, chung cùng với người ở lúc nầy là lúc cùng người giữ sự ngoại xâm, cũng như hào cửu-tam, cùng người phục binh để giữ kẻ trên hà-hiếp. Như vậy sự chung cùng mới ở thời-kỳ giữ-gìn cho nhau trong phạm-vi nhỏ-hẹp tuy đã rộng lớn hơn cái phạm-vi tây-riêng mỗi người vậy.

Tiết Tiết 12. 象曰：乘其墉義弗克也。其吉則困而反則也。

D.A. Tượng viết: Thừa kỳ dung, nghĩa

phất khắc dã, kỳ cát tắc khốn nhi phản tắc dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng: Cưỡi lên tường phía Bắc, nghĩa không thể được, sự tốt đó thì bị khốn mà trở lại phép-tắc vậy.

Họ Hồ nói rằng : Muốn cưỡi lên tường để lấy công, đến sau cũng không được công là người hay khuất-khúc trong nghĩa-lý mà không cản được kẻ địch.

Xuân-thu: Văn-Công năm thứ 14 viết thư cho người Tấn bắt phải nạp Tiệp-Truy về Châu mà không nạp được, đúng như Hào-từ của Châu-Công chỉ cho là «không công vậy».

(Châu-văn-Công có 2 Phi (vợ Vua) Tấn-Cơ sinh ra Tiệp-Truy, Văn-Công băng, Trưởng-tử Hoạch-Thư được lập, Tiệp-Truy chạy qua nước Tấn. Tấn Triệu-Thuẫn lấy quân Chư-hầu 8 trăm cỗ xe bắt nạp Tiệp-Truy về Châu. Người Châu nói rằng : «Hoạch-Thư là con trưởng». Thuẫn đáp rằng : «Phi lực của ta thì không ai bắt được». Thực nghĩa là không thể làm được, sau dẫn quân và giết đi.

B.N.C.H. Cưỡi lên tường không phải sức nó không đủ chỉ lấy nghĩa không được và không đánh thôi. Biết lấy nghĩa mà đoán, khốn-cùng mà trở lại
phép-tắc cho nên tốt vậy.

LỜI-BÀN: Hào cửu-tứ gần hào cửu-ngũ trên hào cửu-tam, trên thì thấy sự sáng-láng chính-đính có sự văn-vẻ sáng-suốt giao-hợp cùng nhau mà nó cũng là dương minh, ở trong quẻ Đồng-nhân thì muốn cùng chung sự văn-minh với hào lục-nhị, nhìn xuống dưới có hào cửu-tam cũng là dương cứng, cho nên nó phải đứng lên thành phía Bắc nhìn xuống dưới xem sự động tĩnh của hào ba. Hào ba chỉ có phục binh mà không động như vậy thời không thể đánh được. Ở

trên sát với hào cữu -ngũ trung-chính ở ngôi tôn-quí, nó không thể làm gì được, vì vậy trèo lên tường phía Bắc xem binh tình hào ba, nếu đánh được hào ba thì sẽ được sự đẹp-đẽ ngay. Nhưng cái thế không được, đành bỏ cái ý-nghĩ khốn-cùng, tranh-cướp, muốn khỏi can-qua thì trở lại ngôi cũ mà phụng-sự phép-tắc thì tốt. Cải tà qui chánh tức là cái nghĩa tốt ở đây.

Tiết Tiết 13. 九五：同人先號咷而後笑。大師克相遇。

D.A. Cửu-ngũ: Đồng-nhân tiên hào đào nhi hậu tiếu, đại sư khắc tương ngộ.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào Cửu-ngũ: Cùng người trước gào-khóc sau tươi - cười, binh nhiều được, gặp nhau.

B.N.C.H. Hào năm là hào cứng, trung-chính, hào hai lấy đức mềm mà trung-chính ứng nhau với nó ở dưới, ấy là đồng tâm với nhau, mà bị hai hào ba tư ngăn-cách, không được cùng nhau, nhưng cái nghĩa-lý cùng nhau, thì gì cũng không ngăn-cách được cho nên có tượng này. Nhưng hào lục-nhị yếu-mềm mà hai hào ba tư cứng mạnh cho nên tất dùng binh nhiều để thắng nó, sau nầy được gặp nhau vậy.

LỜI-BÀN: Hào cửu-ngũ là hào dương cứng ở ngôi trung-chính và tôn-quí, ứng với hào lục-nhị trung-chính văn-vẻ đẹp-đẽ, như vậy là xứng đôi phải lứa với nhau, mới hợp nhau. Tuy quẻ Đồng-nhân có một hào âm, lại là hào âm ở giữa quẻ Ly là văn-vẻ đẹp-đẽ và năm hào dương theo đúng sự hưởng-ứng sứng nhau, hào cửu-ngũ được hưởng, ứng và thuận theo cho nên gây nên nhiều sự ghen-ghét cho hào ba hào bốn; hai hào đứng lên ngăn-cản, kiếm chuyện gây nên

thù-oán còn hai hào sơ-cửu và thượng-cửu ở xa nhưng cũng có ảnh-hưởng không thích-hợp nên phải cần có nhiều binh mới thắng được. Theo người thì phải có nghị-lực xuất chúng để giữ nhục-dục và ngoại-xâm, ở nước thì phải có binh nhiều tướng mạnh mới giữ được bờ-cõi diệt-trừ những phần-tử nghịch thần hay binh địch để an-hưởng thái-bình thịnh-trị, cho nên lúc đầu phải gào khóc, sau mới đắc thắng tươi cười, nhờ có sự cương - quyết, binh nhiều tướng mạnh mới đắc thắng là nói cái đức của dương, còn đức của âm, cũng phải trinh-bền đoan-chính mới giữ nổi tiết-hạnh, vì cái âm đẹp ở giữa nơi lang sói, nếu không cương-quyết giữ ngọc gìn vàng thì có khi nguy đến tiết-hạnh, cho nên gìn-giữ cho đoan-chính đó là sự kiên-nhẫn, khó-khăn phải nhiều nghị-lực, cũng như phải có nhiều thiện binh nhuệ khí để diệt-trừ loài ong bướm, nên nói trước gào khóc sau gặp được người vừa đôi phải lứa nên có tượng là sau được tươi-cười vui-vẻ.

Tiết Tiết 14. 象曰：同人之先以中直也大師相遇，言相克也。

D.A. Tượng viết : Đồng-nhân chi tiên dĩ trung-trực dã, đại sư tương ngộ, ngôn tương khắc dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng: Sự cùng nhau lấy đức trung - trực làm đầu, binh lớn gặp
nhau ý nói sự tương khắc vậy.

Truyện: Hào 5 cùng với hào 2, mà hào 3, 4 dương cách đoạt một cách vô lý ắt dùng Binh lớn mà khắc phục lại bèn được gặp nhau vậy. Hào 5 là ngôi Vua mà hào không lấy cái nghĩa Đồng-nhân của bậc Nhân-Quân, vì hào 5 chuyên lấy sự tư riêng giao-hòa với hào 2,

mất đức trung-chính, lại trước bị ngăn-cách thì kêu-gào, sau gặp thì cười, rõ là cái tình tư-riêng với nhau, không phải cái thể của cuộc Đại-đồng, nên không nói đến Quân-Đạo.

Họ Phùng nói rằng: Hào cửu-ngũ là Vua lớn đương cùng Thiên-hạ tin nhau trong thế-giới Đại-đồng mà bỗng buộc riêng với kẻ ứng với mình, gặp cùng bọn lấy mạnh, không là bạn, có sự cạnh-tranh khởi lên, động đến Đại-chúng mà chỉ có thế thường mới thắng được, đó là cái cớ tư-riêng. Người làm Dịch lấy sự mất bậc Nhân-quân trong đạo Đại-đồng, nên nói đủ các trạng-thái tư-riêng, thân-gần và lấy cả cái phép nước địch giao binh. Sự giảng dạy nghiêm-nghị lắm vậy.

LỜI-BÀN: Trung-trực. Trung nghĩa là ở giữa, trực nghĩa là thẳng-thắn không cong-vẹo tà-bậy. Vậy cái tính đầu tiên của sự hợp cùng người là tính trung - trực, cho nên ở hào cửu - ngũ hào dương được giữa quẻ Kiền, chính ngôi, là thẳng-thắn không cong-vẹo tà-bậy. Cũng như hào lục-nhị mềm ở cung mềm là chính, là trực, ở ngôi giữa là trung cho nên 2 hào đều được đức tính trung-trực cả mới được cùng nhau hòa-hợp, hào năm cũng như hào hai, hai bên đều phải cố-gắng có nhiều nghị-lực nhiều binh để :

Hào 5 để diệt-trừ quân địch ngăn-cản phản-trác.

Hào 2 để diệt-trừ quân ong bướm, đè-nén hà-hiếp cho nên mới nói là quân nhiều cùng gặp nhau.

Cùng được là hào 5. Tự giữ được mình đánh đổ kẻ khác là một cái được.

Hào 2 tự giữ được mình đánh đổ được loài bướm ong là 2 cái được.

Cho nên mới nói là cùng được vậy. Vì có cùng được thì mới có thể gặp nhau, nếu một bên mà thua thì mất một bên, còn một bên được lấy đâu mà gặp nhau. Ý nói rõ cái đức-tính trung - trực của 2 hào.

Nói là binh nhiều gặp nhau có nghĩa người lớn có nghị-lực, có binh-quyền lớn để kinh-bang tế-thế, an dân trị nước, người nhỏ có nghị-lực nhỏ để tu thân tề gia, như vậy trong quẻ *Đồng-nhân* cùng nhau một lý-tưởng ở hào cửu-ngũ ứng với hào lục-

nhị hai hào được trung-trực nên mới nói là **binh nhiều gặp nhau** để tả cái ý nói là **tương khắc**. Trong khi có Binh nhiều gặp nhau để tu thân tề gia, kinh-bang tế-thế thì trong đó có cái ý dẹp những con Ma nhục-dục cho thân và tru-diệt những phản-thần phiến-loạn.

Lời Tượng nói trên rất xâu-xa vậy.

Tiết Tiết 15. 上九：同人于郊无悔。

D.A. Thượng-cửu : Đồng-nhân vu giao, vô hối.

Dịch-nghĩa: D.N. Hào thượng - cửu : cùng người ở ngoại ô, không ăn-năn.

B.N.C.H. Ở ngoài mà không có gì ứng tức là không ai cùng với, nhưng cũng có thể không phải ăn-năn, cho nên tượng và lời chiêm của nó như thế.

Ngoại-ô là ở trong đồng. Chưa đến nỗi thật rộng xa, nhưng mà hoang-vu hẻo-lánh không ai cùng với.

LỜI-BÀN : Hào thượng-cửu là hào trên cùng của quẻ *Đồng-nhân*. Cho nên là cái sự cùng người
có ý xa xôi.

Giao là cách-đồng ở ngoài đô-thành, tức là ngoại-ô của một thành-phố.

Hào cửu-ngũ có thể tượng là cái Đế-đô. Hào sáu là hào ngoại thành, tức là ngoại-ô vậy.

Cùng người ở ngoại-ô là chỗ vắng-vẻ hơn châu-thành, ít người cùng với nhau ở đó, ít người thì ít truyện, và ở xa thì sự giao-du có hạn

không gần-gũi nhau luôn được, thì sự xấu của nhau không thấy, chỉ thấy sự tốt-đẹp của nhau cho nên không có truyện nhỏ mọn xảy ra, vì vậy nói là không ăn-năn.

Tiết Tiết 16. 象曰：同人于郊志未得也。

D.A. Tượng viết : Đồng-nhân vu giao, trí vị đắc dã.

Dịch-nghĩa: D.N. Lời Tượng nói rằng : Cùng nhau ở ngoại-ô chưa đắc trí vậy.

Ngự án : Đây chỉ nói rằng : Không hối-hận, ngoại-ô là đi qua đồng một lúc.

LỜI-BÀN : Cùng người ở xa nơi đô-hội, tức
là nơi vắng-vẻ, có ít người tuy không có chuyện xảy ra, tránh được sự ăn-năn, nhưng không được đúng trí-nguyện là hợp nhất đại-đồng cả Thiên-hạ. Như cùng người ngoại-ô thì làm thế nào mà hợp-nhất tất cả được, thứ nhất là người ở ngoại-ô, sự lanh-lợi không bằng người ở Châu-thành. Cũng như nói «Thứ nhất tu tại-gia, thứ nhì tu chợ thứ ba tu chùa».

Phải luôn ở chỗ đông-đúc, cùng với nhiều hạng người, nhiều sự ham muốn của nhục-dục mà người ta giữ được trọn vẹn Đạo-lý, lấy trí-tuệ như lưỡi gươm sáng bén, dùng cái nghị-lực to tát như cả một đạo quân hùng tướng mạnh mà lăn xả vào kẻ địch như vậy đến lúc thắng trận ca khúc khải-hoàn thì mới gọi là đắc trí vậy.

Tóm-tắt. Cùng người ở đồng, lội qua sông lớn lợi được **chính-bền** của người Quân-tử.

Sơ-cửu. Cùng người ở cửa không lỗi.

Lục-nhị. Cùng người ở trong họ đáng tiếc.

Cửu-tam. Phục-binh dưới cỏ dậm, lên gò cao thấy ba năm không hưng binh.

Cửu-tứ. Cưỡi lên tường hướng Bắc, không công địch được, tốt.

Cửu-ngũ. Cùng người trước gào khóc, sau tươi-cười, binh nhiều được gặp nhau.

Thượng-cửu. Cùng người ở ngoại-ô không ăn-năn.

ĐỒNG-NHÂN QUÁI TỔNG-LUẬN

Sau cuộc Bĩ cực lại bắt đầu cuộc Thái, nhưng trước khi đến chỗ an-hưởng thái-bình phải qua cuộc Đồng-nhân là cùng người. Cùng người là cùng nhau chen vai thích cánh để đi đến chỗ thân-gần nhau, yêu-mến nhau, coi nhau như anh em một nhà. Đó là cái lý - tưởng của cái học hình-nhi-thượng của Đức Khổng-phu-Tử. Ngài đã nói : «*Tứ hải giai Huynh-Đệ*» anh em bốn biển một nhà, cái lý-tưởng gom tất cả các người trong Nhân-loại vào một mối. Cũng như Đức Jésus-Christ nói : «*Các con nên yêu mến nhau*» «*Aimez-vous les uns les autres*».

Trong quẻ Đồng-nhân chỉ nói đến đức Trinh, cần phải có sự chính-đính bền-bỉ thì mới có thể đưa Nhân-loại đến một thế-hệ Đại-đồng được. Muốn cho tất cả Nhân-loại được an-hưởng một cuộc thái-bình cùng thân-gần nhau, yêu-mến nhau thì không ra ngoài quẻ Đồng-nhân. Sự thân-gần nhau tùy nơi tùy vị-trí mà cùng với nhau, nơi nào

cách ấy đều giải rõ-ràng trong sáu hào. Trong thì văn-minh, tươi-sáng đẹp-đẽ, ngoài thì cứng - mạnh, cùng đồng thể dương minh trở lại với văn-minh đẹp-đẽ. Thân đã tu được, trí đã sáng-láng văn-minh, lại có đức trinh-bền có sự thân-gần nhau và cùng nhau tiến vậy. Hiện-thời thế-giới vừa mới qua một cơn ác-
mộng ghê-hồn, nhân-loại vừa trải qua một trận giặc vô-cùng khốc-hại cho nên qua thời Bĩ ắt phải có sự thân-gần nhau, cùng nhau để hòa-hảo, để đưa nhân-loại đến nơi Đại-Đồng thế-giới. Theo Đức và Thể quẻ Đồng-nhân thì một âm nhu-mềm ở ngôi trung-chính quẻ Ly quẻ dưới, tức như trong tâm mình phải có sự sáng-đẹp, chính-trung không tư riêng mà ngoài thì phải sáng-láng, cứng-mạnh, cũng như trong một nước, dân-chúng phải được học-hỏi, hấp-thụ được cái Văn-minh đẹp-đẽ ở trong, người người đều tu-chỉnh được thân mình, tề được nhà mình sau nước Trị. Đức Phu-tử sau khi đã học Dịch Ngài bèn từ quẻ Đồng-nhân phát-minh ra một lý-tưởng *Tiểu-khang* và *Đại-đồng*, các bạn muốn hiểu thật rõ xin xem quyển Đại-đồng-thuyết của tôi đã xuất-bản năm 1951. Cho nên một khi con người đã thành người lý-tưởng đã tu được thân tề được nhà, trị được nước thì Vạn-quốc trông vào, và cải-hóa thuận theo thì Thiên-hạ chẳng bao lâu, cảm-thông nhau, yêu-mến nhau và cùng nhau tân-tiến trên đường Đạo-đức mà cùng sống trong cảnh Đại-đồng thái-bình thịnh-trị.

Ở đây Thánh-nhân đã cho ta rõ trong quẻ Đồng-nhân chỉ có một âm chính-trung cũng như về Vật-chất, nếu lấy Vật-chất mà làm căn-bản cho một
ý-tưởng thì vật-chất đã là thể thực mà hư ắt lý-tưởng ấy cũng chỉ là Hư-không mà thôi. Như thuyết Duy-vật là một lý-thuyết căn-cứ vào thể-chất mà muốn đưa nhân-loại đến chỗ Đại-đồng đồng-hòa nhau làm sao được. Trong quẻ Đồng-nhân cần nhất là ở trong phải rõ cái đẹp của Văn-minh thể-chất ở ngôi dưới mà trong sáng ngoài cứng mà cùng người thì mới có sự bền-bỉ cùng nhau vậy.

Xưa kia đời Chiến-Quốc bên Trung-Hoa Tô-Tần đã lập ra cái thuyết

Hợp-tung mà nay lại có cái thuyết Hỗ-tương của Marshall người Huê-kỳ. Hồi xưa thành được là nhờ Tô-Tần hợp-tung 6 nước chỉ ở Binh-bị, khi nước nào bị hoạn-nạn ức-hiếp thì binh-lực của 6 nước đến để cứu. Nay thì sự Hỗ-tương chỉ về kinh-tế mà quên mất phần chính là cần phải có một lực-lượng binh-bị lớn-lao của tất cả các nước hội-viên làm cốt-cán thì mới có thể đưa nhân-loại vào cảnh Thái - bình được. Như hào cửu-ngũ quẻ Đồng-nhân đã nói : «*Cùng người trước gào khóc, sau tươi-cười, Binh nhiều được gặp nhau*», có nghĩa là một khi đã lập ra Liên-hiệp-quốc, kêu gào thảm-thiết mới có sự dung-hòa nhau thành hội, trong đó để dìu-dắt tất cả các nước Hội-viên, nếu có sự xâm-phạm bờ cõi thì mang ra Hội-Đồng Bảo-An Liên-hiệp-quốc xét-xử. Nhưng một khi hữu chức vô quyền thì sự giải-quyết cũng không đi đến đâu. Hóa cho nên trong quyển Đại-Đồng tôi đã nói đến sự thành-lập một Chính-phủ lý-tưởng mà mỗi nước Hội-viên phải chịu một số ngân - khoản theo sự tương - đối của dân số hay diện - tích, để nuôi một đạo-binh của mình mà Hội-Đồng đã định. Khi nào có sự xâm-phạm một nước Hội-viên thì binh các nước ở gần phải điều-động mau lẹ để ứng phó với thời-cuộc của nước bạn. Như thế thì mỗi một nước Hội-viên có cả một Quân-đội ghê-hồn ở đằng sau để binh-vực Nhân-quyền và giữ Thái-bình cho Vạn-quốc. Cho nên trong hào Cửu-ngũ Thánh-nhân nói đến Quân-Binh nhiều mới được, phải có quyền-bính thì cái lịnh ra mới có ảnh-hưởng.

Xét cho kỹ cái ý-nghĩa, Tượng Thoán, đức tài quẻ Đồng-nhân ta thấy Thánh-nhân hồi xưa đã đưa ra một lý-thuyết Đại-đồng cho Nhân-loại.

Trong quẻ có một hào âm và 5 hào dương tỏ rõ Thánh-nhân lấy sự sáng-sủa Văn-minh của trí-tuệ, của Dương - minh để cùng người thì mới thành được, tức như các bậc Thánh-nhân Quân-tử cùng nhau lấy Đạo-đức để đi đến Đại-đồng cho nhân-loại không như bọn Tiểu-nhân chỉ trông về danh với lợi kết đảng với nhau để đục-khoét như những con

trùng độc, hút máu mủ của dân, mà cách bốn nghìn năm nay Thánh-nhân đã gọi là A-Đảng, là đảng a-dua, như có đường có mật thì ruồi kiến bu vào, ăn hết rồi quen thân thành tính ắt có sự đi bóc - lột dân - chúng bằng đủ các phương-diện dã-man vô-nhân-đạo. Hóa cho nên lấy đức Nhân để làm Nghĩa, lấy sự sáng trong cứng ngoài mà thi-hành Đạo-đức, để cùng người trong Thiên-hạ thì mới có cái thể-hệ Đại-đồng thịnh-trị được.

Mỗi một quẻ trong Dịch là một cuộc thể trong đời, là một lý-tưởng trong sáng, trong đó Thánh-nhân răn dạy sự nên chăng để đến kết-quả tốt-đẹp, sự tiến lui từng thời-gian, từng trạng-thái của từng cuộc thế vậy. Cho nên nói Dịch-kinh để bói-toán thật là làm nhẹ cái giá-trị, cái phẩm lượng tuyệt-đối của Dịch-lý. Cũng như Y-lý, Thiên-văn, Địa-lý, Chính-trị, điều binh khiển tướng vân vân cũng đều dùng Dịch-lý ở trong cả. Người Đại-trí thích về Chính-trị dùng Dịch để trị dân thì nói sách Dịch để dạy Chính-trị, người Đại-tướng xem Dịch để biến-hóa trận-đồ, quyết sự thắng phụ thì nói: Kinh Dịch làm để giảng về Binh-bị.

Như vậy mỗi khóe cạnh của Dịch là cả một lý-tưởng, cả một Đạo-học cho từng loại nên cái giá-trị của Dịch thật vô-biên vô-giới. Học-giả nên xét cho kỹ, để cái Trí thoát khỏi những sự câu-nệ của người xưa, cho cái Trí phóng-khoáng với Thời-gian và Không-gian thì các bạn thấy cái Tuệ của bạn đã hưng-phát bay bổng lên cả cái Văn-minh Nguyên-tử ngày nay vậy.

MỤC - LỤC

ĐỀ-MỤC	SỐ TRANG
Dịch-Học nội kinh tựa	. . . . i đến xii

Thượng-kinh 555
Châu-Dịch Thượng-kinh 558
Bản-nghĩa của Chu-Hi 560
1- Kiền quái 564
Tiết 1 đến tiết 50 674
Kiền quái tổng-luận 675
2- Khôn quái 680
Tiết 1 đến tiết 25 745
Khôn quái tổng-luận 746
3- Chuân quái 750
Tiết 1 đến tiết 15 781
Chuân quái tổng-luận 782
4- Mông quái 785
Tiết 1 đến tiết 17 821
Mông quái tổng-luận 822
5- Nhu quái 825
Tiết 1 đến tiết 16 853
Nhu quái tổng-luận 854
6- Tụng quái 857
Tiết 1 đến tiết 16 887
Tụng quái tổng-luận 888

ĐỀ-MỤC **SỐ TRANG**

7- Sư quái 892

Tiết 1 đến tiết 16 937
Sư quái tổng-luận 938
8- Tỷ quái 946
Tiết 1 đến tiết 15 978
Tỷ quái tổng-luận 979
9- Tiểu-súc quái 983
Tiết 1 đến tiết 17 1012
Tiểu-súc quái tổng-luận 1013
10- Lý quái 1017
Tiết 1 đến tiết 15 1043
Lý quái tổng-luận 1044
11- Thái quái 1046
Tiết 1 đến tiết 15 1083
Thái quái tổng-luận 1084
12- Bĩ quái 1088
Tiết 1 đến tiết 14 1113
Bĩ quái tổng-luận 1114
13- Đồng-nhân quái 1118
Tiết 1 đến tiết 16 1156
Đồng-nhân quái tổng-luận 1157

Xin xem tiếp quẻ Đại-Hữu 14
quyển III tiếp trang 1163

BẢNG ĐÍNH-CHÍNH

SỐ TRANG | SỐ GIÒNG | IN LÀ | XIN ĐỌC LÀ

605 | 9 | rong | trong

609 | 15 | 彖 | 象

670 | 24 | Thần Một | Thần là Một

673 | 1 | kỳ chính | kỳ chính giả

— | 6, 8 | ra ? | ru ?

683 | 7 | ống | sống

701 | 9 | cằnt-hận | cần-thận

702 | 10 | là đương | là dương

703 | 11 | mâ | âm

707 | 4 | bờ kiền | bờ biền

710 | 9 | khồng | không

711 | 14 | quả | quẻ

720 | 3 | cgoài | ngoài

738 | 22 | như mới | như thế mới

778 | 2 | nói thôi | nói thời

793 | 1 | ÂTN | TÂN

— | 10 | Thanh-nhân | Thánh-nhân

799 | 16 | dĩ vàng lẫn | dĩ vãng lấn

800 | 10 | hình-phát | hình-phạt

803 | 21 | u-tồi | u-tối

810 | 22 | thí tường | thì tường

814 | 9 | miền | miễn

817 | 1 | mục | mực

818 | 13 | Thượng-cữu | Thượng-cửu

849 | 6 | nâng-cạn | nông-cạn

853 | 22 | của quả | của quẻ

864 | 18 | thế quẻ | thể quẻ

SỐ TRANG | SỐ GIÒNG | IN LÀ | XIN ĐỌC LÀ

870 | 1 | diều tiếng... hiện-luận | điều tiếng... biện-luận

871 | 14 | thề ắt | thế ắt

872 | 3 | đồng thề | đồng thể

888 | 21 | mật | một

932 | 6 | vật bụng | vật dụng

933 | 17 | Tà-hữu | Tả-hữu

939 | 23 | Dạo-Dịch | Đạo Dịch

941 | 2 | nở giết | nỡ giết

944 | 16 | cáu-chấp | câu-chấp

950 | 16 | (Quintugle) | (Quintuple)

1018 | 13 | Sồ Vũ - | Sở Vũ -

1034 | 7 | Tí | Trí

1053 | 15 | tải-thành | tài-thành

— | 16 | tướng | tương

1054 | 9, 12 | tải-thành | tài-thành

— | 14, 22 | « | «

1055 | 3, 5 | « | «

— | 7, 18 | « | «

1056 | 1 | đo là | đó là

1077 | 10 | ỏng | ông

— | 17, 20 | dương | đương

1110 | 17 | kh | khi

1121 | 18 | lợ | lợi

1154 | 2 | cách-đồng | cánh-đồng

1157 | 19 | đền | đều

Giấy phép số 345 XB do Bộ Thông-Tin và Thanh-niên cho ngày 5 tháng 3 1958.

CỔ-KIM ẤN-QUÁN — SAIGON — 1958